ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
(1950 - 2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc – Tổng Biên tập:
TS. Trần Chí Đạt

Biên tập viên nội dung:
Nguyễn Tiến Phát - Hàn Hoàng Yến

Biên tập sách điện tử:
Nguyễn Tiến Phát – Hàn Hoàng Yến

Trình bày sách điện tử:
Nguyễn Thị Thảo

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
nxbthongtintruyenthong.vn | book365.vn | ebook365.vn | ebook.gov.vn

Trụ sở chính: Tầng 6, Tòa nhà Cục Tần số vô tuyến điện - 115 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
(024) 35772141/ 35772143 | nxb.tttt@mst.gov.vn
ĐT Phát hành: 024.35772138

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
211 Nguyễn Gia Trí, P25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
(028) 35127750 | cnsg.nxbtttt@mst.gov.vn

Chi nhánh Miền Trung – Tây Nguyên
42 Trần Quốc Toản, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng
46 Y Jút, Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
(0236) 3897467 / (0262) 3808088 | cndn.nxbtttt@mst.gov.vn

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2157-2025/CXBIPH/2-88/TTTT
Số quyết định xuất bản: 567/QĐ - NXB TTTT, ngày 13 tháng 6 năm 2025
Nộp lưu chiểu Quý II năm 2025
ISBN: 978-604-45-1153-5

ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
(1950 - 2025)

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Chỉ đạo biên soạn
BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY MƯỜNG KHƯƠNG
NHIỆM KỲ 2020 - 2025

Chỉ đạo nội dung
THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY MƯỜNG KHƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung
GIÀNG SEO VẦN
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Mường Khương

Tổ biên soạn, biên tập
NGUYỄN THỊ MINH XUÂN
Ủy viên BTV- Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân Vận
Huyện ủy Mường Khương
HOÀNG TRƯỜNG MINH
Ủy viên BTV- Phó Chủ tịch UBND huyện Mường Khương
TRẦN MINH TUẤN
Phó Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy Mường Khương
HOÀNG XUÂN LƯU
Phó Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Huyện ủy Mường Khương
NGUYỄN NGỌC
Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện Mường Khương

Thẩm định nội dung
BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TỈNH UỶ LÀO

LỜI GIỚI THIỆU

Mường Khương là huyện vùng cao, biên giới nằm phía Đông Bắc tỉnh Lào Cai là vị trí địa, chính trị quan trọng về phát triển kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Với 14 dân tộc anh em chung sống đã tạo dựng cho nơi đây giàu bản sắc văn hóa với truyền thống yêu nước, đoàn kết, dũng cảm kiên cường trong đấu tranh; cần cù, sáng tạo trong lao động. Trải qua những bước thăng trầm của lịch sử, truyền thống quí báu đó được nuôi dưỡng, vun đắp, phát huy từ thế hệ này sang thế hệ khác, nhất là từ khi có tổ chức Đảng bộ huyện ra đời (ngày 01/3/1950).

Năm 2025 (là năm giải thể cấp huyện), lịch sử Đảng bộ Mường Khương vừa tròn 75 tuổi. Trải qua 75 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào cách mạng của huyện đã đi lên từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Với sự sáng tạo, nhạy bén, trong từng giai đoạn lịch sử, Đảng bộ huyện kịp thời đề ra quyết sách đúng đắn, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể, phù hợp với lòng dân, tạo sự đồng thuận giữa Đảng với dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị qua các thời kỳ cách mạng.

Nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc Mường Khương nhận thức sâu sắc về truyền thống lịch sử, truyền thống Đảng bộ huyện Mường Khương, từ năm 1991 đến năm 2000 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương đã phát hành 3 tập Lịch sử Đảng bộ huyện. Tuy nhiên, sau khi xuất bản 3 tập lịch sử trên, Huyện ủy Mường Khương đã nhận được nhiều ý kiến tham gia và nhiều tư liệu quý do các đồng chí cán bộ lão thành đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong Huyện ủy và công tác tại Mường Khương cung cấp. Năm 2010, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương quyết định tổ chức tái bản, gộp ba tập sách trên thành một và biên soạn bổ sung thêm giai đoạn lịch sử 2000 - 2010 thành cuốn sách ***Lịch sử Đảng bộ Mường Khương (1950 - 2010).*** Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (tỉnh, xã), từ ngày 01/7/2025 chính quyền địa phương cấp huyện giải thể. Thể theo nguyện vọng của cán bộ, đảng

viên; Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khoá XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhận thấy sự cần thiết phải tái bản, chỉnh sửa, bổ sung đầy đủ chặng đường 75 năm lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương từ khi thành lập tổ chức tiền thân của Huyện uỷ đến ngày cấp uỷ, chính quyền huyện chấm dứt hoạt động (1950 - 2025).

Trên cơ sở các sách Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương đã xuất bản và nguồn tư liệu mới được cung cấp, sưu tầm, cuốn sách Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương (1950 - 2025) tái bản, bổ sung lần này phản ánh chính xác, đầy đủ, hệ thống hơn về quá trình ra đời, trưởng thành của Đảng bộ Mường Khương qua 75 năm. Ngoài việc chỉnh sửa nội dung đã xuất bản giai đoạn 1950 - 2010, cuốn sách biên soạn bổ sung thêm 3 chương mới giai đoạn 2010 - 2025, phản ánh xuyên suốt, đầy đủ chặng đường lịch sử vẻ vang của huyện Mường Khương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện.

Cuốn ***"Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương (1950-2025)"*** là tài liệu quan trọng phục vụ công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống; khơi dậy lòng tự hào, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong huyện vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây còn là một công trình phân tích, tổng hợp có hệ thống những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ các xã trên địa bàn Mường Khương trong thời gian tiếp theo.

Thay mặt Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương, chúng tôi chân thành cảm ơn các cán bộ lão thành đã từng công tác tại huyện và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng cán bộ, đảng viên, Nhân dân huyện Mường Khương đã tích cực đóng góp tham gia giúp Ban Biện tập hoàn thành biên soạn cuốn sách.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong tái bản, biên soạn bổ sung cuốn sách, nhưng do nguồn tài liệu chưa được đầy đủ, cuốn sách chắc chắn vẫn không thể tránh khỏi thiếu sót, hạn chế. Chúng tôi mong tiếp tục nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

T/M BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
BÍ THƯ
Giàng Seo Vần

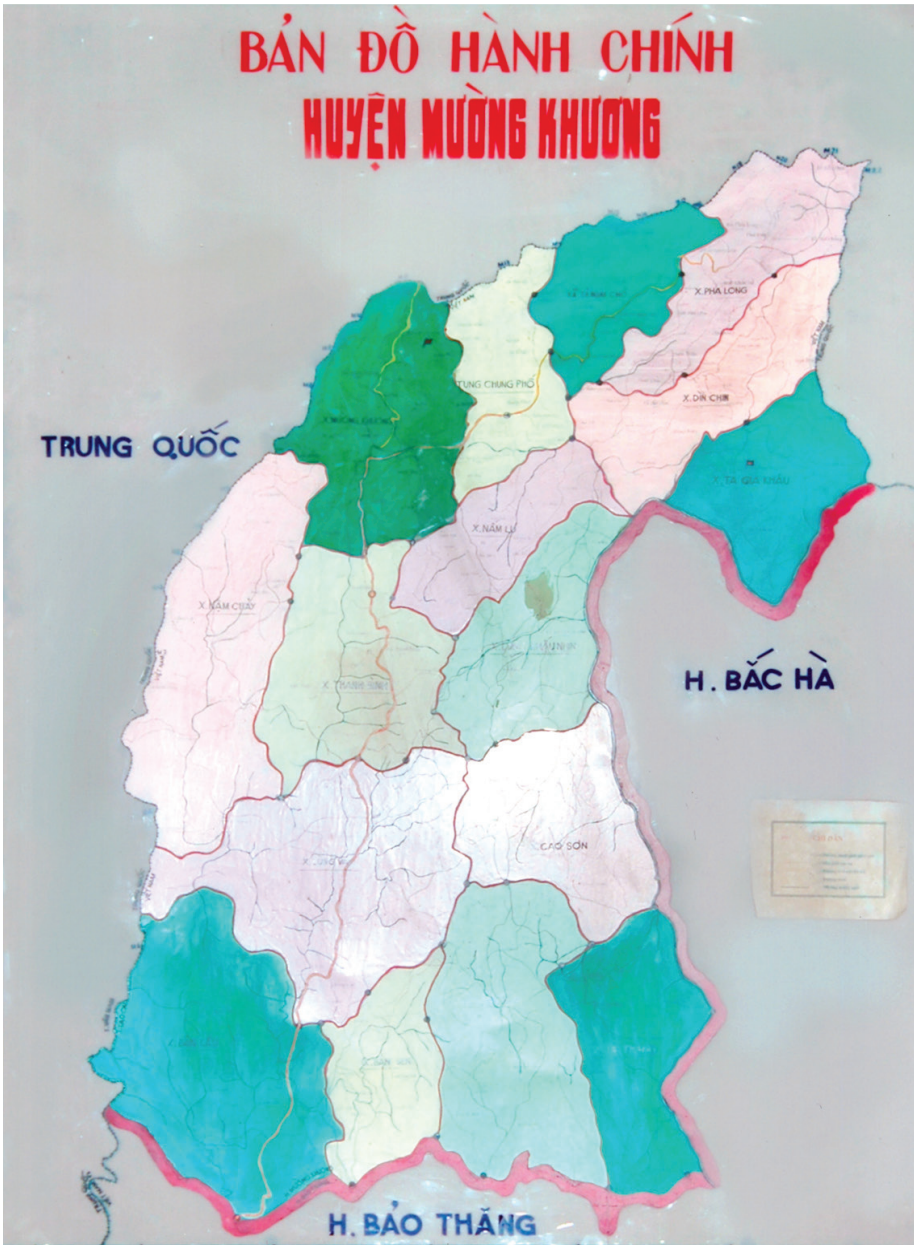
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
TRUNG QUỐC
H. BẮC HÀ
H. BẢO THĂNG
X. PHA LONG
X. DÌN CHIN
X. NẬM LU
X. NẬM CHẢY
CAO SƠN

Chương I
MƯỜNG KHƯƠNG - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I - Điều kiện tự nhiên, xã hội

Mường Khương là huyện miền núi vùng cao, biên giới nằm phía Đông Bắc tỉnh Lào Cai, Huyện lỵ cách thành phố Lào Cai 50 km. Trung tâm huyện nằm ở tọa độ địa lý: 22 độ 31 phút 25 giây Vĩ độ Bắc - 104 độ 02 phút 30 giây Kinh độ Đông. Phía Bắc và phía Tây giáp huyện Mã Quan và huyện Hà Khẩu tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phía Đông và Đông Bắc giáp huyện Bắc Hà, phía Tây và Nam giáp huyện Bảo Thắng.

Huyện Mường Khương có chiều dài đường biên giới với Trung Quốc 73,567km thuộc 9 xã, thị trấn, trong đó có 48,32 km đất liền, còn lại là sông suối. Trên biên giới thuộc địa bàn huyện có 64 cột mốc (từ cột mốc số 107 thuộc địa bàn xã Bản Lầu đến cột mốc số 170 thuộc xã Tả Gia Khâu)[110].

Vùng đất Mường Khương từ xưa có tên gọi là Mưng Khagw, theo tiếng địa phương nghĩa là *Mường Thép*. Trải qua thời gian, tên gọi trên được biến âm là *Mường Khương*[111]. Đến thời Pháp

110. 9 xã, thị trấn biên giới gồm: Bản Lầu, Lùng Vai, Nậm Chảy, Tung Chung Phố, Tả Ngài Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu và thị trấn Mường Khương. Đường biên giới Việt - Trung được hoạch định lại theo *Hiệp ước Hoạch định biên giới đất liền* được Việt Nam và Trung Quốc ký ngày 30/12/1999. Ở Mường Khương, cột mốc 107 được cắm ngày 16/10/2004, cột mốc 170 được cắm ngày 6/7/2005.

111. Theo truyền thuyết dân gian kể lại, ngày xưa có một thày địa lý mang theo túi mật ngựa đi chọn đất để sinh cơ lập nghiệp; đến vùng đất Mường Khương, ông nhìn thấy dưới lớp đất là biển nước mênh mông có hai cột sắt và bốn cột gang ở phía ngoài chống đỡ bốn góc làm cho mảnh đất này vững chãi, nên đặt tên là Mường Khangw (nghĩa là đất Thép) sau này gọi là Mường Khương.

thuộc danh xưng Mường Khương chính thức được gọi một cách thông dụng.

Ở khu vực hạ huyện Mường Khương đã tìm thấy một số hiện vật ở thời kỳ cuối của văn hoá Sơn Vi (văn hoá hậu kỳ đá cũ) và những công cụ đồ đá mới như dùi đá mài 4 mặt, cách ngày nay từ 6 đến 7 ngàn năm, được tìm thấy năm 1959 ở ven suối các xã: Bản Lầu, Bản Phiệt. Ở Pha Long đã phát hiện được trống đồng thuộc Hêgơ I có niên đại cách ngày nay 4.000 năm.

Qua các di chỉ khảo cổ học tìm thấy ở Mường Khương có thể khẳng định cách ngày nay khoảng một vạn năm, vùng đất này đã có các bộ lạc thuộc hậu kỳ đá cũ sinh sống; đến thời kỳ dựng nước (thời kỳ nền văn hoá Đông Sơn của các Vua Hùng), vùng đất Mường Khương đã là địa bàn sinh tụ lâu đời của các cư dân gốc Lạc Việt, là bộ phận cư dân của Tổ Quốc Việt Nam.

Cùng với các địa danh trên địa bàn tỉnh Lào Cai thời kỳ Vua Hùng dựng nước, Mường Khương thuộc bộ Tân Hưng; thời Bắc thuộc: đời nhà Đường thuộc đất của Châu Chu Quý và châu Đan Đường, đến đời nhà lý thuộc đất Đăng Châu, từ đời nhà Trần đến nhà Nguyễn thuộc châu Thuỷ Vĩ. Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Lào Cai ngày 30-3-1886, Mường Khương và các đơn vị của tỉnh Lào Cai thuộc đạo quan binh IV. Vùng đất Mường Khương khi đó gọi là *động Sơn Yên.* Năm 1895 dân số động Sơn Yên có gần 6.000 khẩu của hơn 10 dân tộc anh em, đông nhất là dân tộc Nùng, Mông, Giáy...

Ngày 12-7-1907, toàn quyền đông Dương ra Nghị định bãi bỏ đạo quan binh IV, tỉnh Lào Cai được thành lập và chuyển từ chế độ quân quản sang chế độ cai trị dân sự. Đơn vị hành chính có hai châu Thuỷ Vĩ, Bảo Thắng và các đại lý: Phong Thổ, Mường Khương, Bắc Hà (Pa Kha). Như vậy, động Sơn Yên từ đầu thế kỷ XX được gọi là Mường Khương, trở thành một trong những đơn vị hành chính của

tỉnh Lào Cai. Đại lý Mường Khương đầu thế kỷ XX có 161 làng và 1.457 hộ dân.

Năm 1944, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập các châu và sáp nhập một số đơn vị hành chính tỉnh Lào Cai, đại lý Mường Khương được thành lập 2 châu: châu Mường Khương, châu Bản Lầu.

Tháng 11 năm 1946, tỉnh Lào Cai được giải phóng khỏi ách Việt Nam Quốc dân Đảng, chính quyền của ta đổi tên từ châu thành huyện, tỉnh Lào Cai được chia thành 8 huyện, thị: Bắc Hà, Mường Khương, Bản Lầu, Bảo Thắng, Sa Pa, Bát Xát, Phong Thổ, Thị xã Lào Cai. Các đơn vị hành chính trên tồn tại một thời gian dài, sau đó huyện Mường Khương và Bản Lầu được sáp nhập gọi là huyện Bản Lầu. Tháng 11 năm 1950, tỉnh Lào Cai giải phóng lần thứ hai, huyện Bản Lầu đổi tên là huyện Mường Khương, bao gồm toàn bộ vùng đất Mường Khương hiện nay. Để tiện cho việc chỉ đạo, các huyện của tỉnh Lào Cai chia thành các xã nhỏ, tên của mỗi xã mang tính giáo dục chính trị đề cao truyền thống. Huyện Mường Khương được chia thành 24 xã, tên của các xã đó là: *Thống Nhất, Đoàn Kết, Kiến Thiết, Quang Vinh, Hoà Bình, Chính Nghĩa, Ái Quốc, Nỗ Lực, Tiến Bộ, Dân Chủ, Cộng Hoà, Tiên Tiến, Thanh Bình, Phú Cường, Cứu Quốc, Chiến Thắng, Trung Thành, Đồng Tâm, Quyết định, Tự Do, Hạnh Phúc, Độc Lập, Thắng Lợi, Thành Công.*

Năm 1959, tỉnh Lào Cai thực hiện cuộc vận động xây dựng hợp tác xã kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Tỉnh uỷ chủ trương thay đổi tên một số xã cho phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Tên 24 xã của huyện Mường Khương được đổi lại là: Xã Tiến Tiến đổi thành *Lào Táo*, xã Thống Nhất đổi thành *Pha Long*, xã Đoàn Kết đổi thành *Tả Ngải Chồ*, xã Vinh Quang đổi thành *Si Ma Tủng*, xã Kiến Thiết đổi thành *Dìn Chin*, xã Hoà Bình đổi thành *Lồ Suối Thàng*, xã Chính Nghĩa đổi thành *Tả Gia Khâu*, xã Ái Quốc đổi thành *Thải Giàng Sán*, xã Nỗ Lực đổi thành *Tung Chung Phố*, xã Cứu Quốc đổi

thành *Tùng Lâu*, xã Phúc Cường đổi thành *Tả Chư Phùng*, xã Chiến Thắng đổi thành *Mường Khương*, xã Tiến Bộ đổi thành *Tả Thàng*, xã *Thanh Bình* tên vẫn giữ nguyên, xã Trung Thành đổi thành *Nấm Lư*, xã Đồng Tâm đổi thành *Nậm Chảy*, xã Quyết Định đổi thành *Lùng Khấu Nhin*, xã Tự Do đổi thành *Bản Lầu*, xã Hạnh Phúc đổi thành *Bản Xen*, xã Thành Công đổi thành *La Pán Tẩn*, xã Độc Lập đổi thành *Lùng Vai*, xã Thắng Lợi đổi thành *Cao Sơn*, xã Dân Chủ đổi thành *Bản Cầm*, xã Cộng Hoà đổi thành *Bản Phiệt* [112(4)].

Tháng 4-1980, Hội đồng Bộ trưởng quyết định chuyển hai xã: Bản Cầm, Bản Phiệt về huyện Bảo Thắng. Đồng thời sáp nhập 12 xã thành 6 xã với công thức một xã biên giới và một xã nội địa thành một xã mới, 6 xã đó là: Lào Táo và Pha Long mang tên *Pha Long*; Tả Ngài Chồ và Si Ma Tủng mang tên *Tả Ngải Chồ*; xã Dìn Chin và Lồ Suối Thàng mang tên *Dìn Chin*; Tả Gia Khâu và Thải Giàng Sán mang tên *Tả Gia Khâu*; Tung Chung Phố và Tùng Lâu mang tên *Tung Chung Phố*; xã Tả Chư Phùng và Mường Khương mang tên *Mường Khương*. 10 xã còn lại vẫn giữ nguyên tên như cũ.

Như vậy huyện Mường Khương lúc này có 16 xã và được mang tên như hiện nay. Địa bàn huyện chia thành 4 khu vực: *Khu vực vùng thấp* gồm 3 xã: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai; *Khu vực trung huyện* có 5 xã: Mường Khương, Tung Chung Phố, Nấm Lư, Nậm Chảy, Thanh Bình; *Khu vùng cao* gồm 4 xã: Cao Sơn, La Pán Tẩn, Tả Thàng, Lùng Khấu Nhin. *Khu Pha Long* gồm 4 xã: Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu, Tả Ngài Chồ.

Địa hình Mường Khương khá phức tạp, có nhiều vực sâu chia cắt xen kẽ giữa các dải thung lũng hẹp và sơn nguyên đá vôi thấp. Độ cao trung bình so với mực nước biển là 1.000 m, đỉnh cao nhất là 1.609 m. Mạng lưới sông suối phân bố rải rác, chủ yếu là sông suối nhỏ, trên địa bàn huyện chỉ có một đoạn sông Chảy chảy qua. Độ

112. Tài liệu điều tra về dân tộc của Tỉnh uỷ Lào Cai, năm 1957.

dốc thấp, lưu lượng nước ít và thất thường. Tuy nhiên một số suối ở vùng hạ huyện có khả năng xây dựng thuỷ điện nhỏ.

Đất Mường Khương chủ yếu là loại đất feralít phát triển trên đá biến chất và đá phiến thạch sét. Đất thung lũng và phù sa sông bồi chiếm tỷ lệ thấp. Mặc dù tổng diện tích tự nhiên toàn huyện rộng (55.226,13 ha), nhưng diện tích đất canh tác nông nghiệp thấp, chỉ có 8.835,97 ha, chiếm 16%; còn lại phần lớn là đất lâm nghiệp có độ dốc cao và các loại đất khác.

Diện tích đất canh tác nông nghiệp hạn chế, nhưng điều kiện đất và khí hậu Mường Khương rất phù hợp với các loại cây ăn quả và cây đặc sản dược liệu như mận hậu, mận tam hoa, lê, mơ, chè, đậu tương. Đặc biệt các xã Tả Gia Khâu, Dìn Chin, Lùng Khấu Nhin, Nậm Chảy có điều kiện thổ nhưỡng khí hậu hợp với cây đậu tương. Khu vực Cao Sơn, Lùng Khấu Nhin phù hợp với trồng cây thảo quả...

Mường Khương có khí hậu đa dạng chia thành 3 vùng khác nhau. Vùng thượng huyện mang tính á nhiệt đới, nhiệt độ bình quân là 19,2^{0}C, thấp nhất là 17^{0}C, cao nhất là 36,6^{0}C. Vùng hạ huyện khí hậu mang tính á nhiệt đới, bình quân là 22,4^{0}C, thấp nhất là 2,2^{0}C, cao nhất là 43,2^{0}C. Khu vực Cao Sơn, khí hậu mang đậm tính á nhiệt đới, có năm nhiệt độ xuống 0^{0}C. Nhìn chung khí hậu Mường Khương không thuận lợi cho sản xuất cây lương thực. Các xã vùng cao có nhiều năm mùa đông rét kéo dài có tuyết phủ, sương muối xuất hiện nhiều vào tháng 1, tháng 2. Mùa hè mưa to, thường xuyên gây đá lở sói mòn, mưa đá thường xảy ra vào tháng 4, tháng 5 gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất cũng như đời sống nhân dân.

Lượng mưa hàng năm lớn, phân bố không đều, từ 1.725mm đến 1.820 mm. Mưa tập trung chủ yếu từ tháng 4 đến tháng 9, gây lũ thất thường và khô hạn kéo dài, nhất là từ tháng 12 năm trước đến tháng 2 năm sau nên gặp khó khăn về sản xuất và sinh hoạt của người dân nhất là các xã vùng cao.

Tổng diện tích đất đai là rừng nguyên sinh và tái sinh lớn, nên thảm thực vật và hệ động vật ở Mường Khương khá phong phú về giống loài. Rừng Mường Khương có nhiều loại gỗ quý như lát, lim, pơ mu, chò chỉ...và các loại động vật quý hiếm như gấu, hổ, báo... nhưng khối lượng hiện không còn nhiều như trước do diện tích rừng càng ngày càng bị thu hẹp.

Mường Khương là một huyện có bề dày truyền thống lịch sử văn hoá lâu đời, lịch sử phát triển của các dân tộc trong đại gia đình dân tộc huyện Mường Khương có những nét khác nhau. Có dân tộc có mặt từ buổi khai sơn lập địa như dân tộc Nùng, Dáy, có dân tộc đến muộn hơn. Dân tộc Mông hiện nay đông nhất huyện nhưng lại đến Mường Khương mới cách đây hơn trăm năm. Vào những năm 1840- 1869, hơn 1 vạn người Mông ồ ạt di cư đến Việt Nam, họ đến Lào Cai chia làm 3 đoàn: một đoàn do ông Sèo Cổ Phìn dẫn đầu đến Pha Long, một đoàn do ông Lùng Chúng dẫn đầu đến Bản Lầu (Mường Khương), một đoàn do thủ lĩnh họ Hoàng dẫn đầu đến Si Ma Cai [113(5)]. Dân tộc Kinh (Việt) tuy chiếm tỷ lệ cao, song đại bộ phận mới chuyển từ đồng bằng và các tỉnh miền trung du đến đất Mường Khương từ giữa thế kỷ XX.

Dân số toàn huyện theo số liệu đến tháng 7 năm 2014 có 57.438 người, bao gồm 14 dân tộc anh em. Đông nhất là dân tộc Mông chiếm 43,1% dân số toàn huyện, cư trú hầu hết ở các xã, tập trung nhất là khu vực Pha Long, Cao Sơn, Lùng Khấu Nhin... Dân tộc Nùng chiếm 26,4% cư trú hầu hết ở 15 xã tập trung đông nhất ở các xã Mường Khương, Dìn Chin, Nấm Lư, Bản Xen, Tùng Lâu; dân tộc Dao chiếm 4,9%, sinh sống tập trung chủ yếu ở các xã Bản Lầu, Nậm Chảy, Thanh Bình; dân tộc Dáy chiếm 3,3%, cư trú tập trung tại khu vực Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai... dân tộc Bố Y (Tu Dí) chiếm 2,8% cư trú tập trung tại xã Tung Chung Phố, Mường Khương, Thanh Bình, Lùng Khấu Nhin, Tả Gia Khâu; dân

113. Văn hoá Mông ở Lào Cai, tiến sĩ Trần Hữu Sơn, năm 1997.

tộc Tày chiếm 3,7% cư trú tập trung ở các xã Tung Chung Phố, Mường Khương, Lùng Vai; dân tộc Kinh (Việt) chiếm 9,2% cư trú tập trung chủ yếu ở huyện lỵ, Nông trường Thanh Bình, Bản Xen, Bản Lầu đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Ngoài ra, huyện Mường Khương còn một số dân tộc khác có dân số ít như dân tộc Phù Lá, Hoa, Mường, Lô lô... chiếm 6,8% dân số toàn huyện.

Các dân tộc cư trú ở huyện Mường Khương sớm có truyền thống đoàn kết, gắn bó trong lao động sản xuất và đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Các thiết chế truyền thống trong xã hội ở làng bản có ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc cùng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Đáng chú ý là các thiết chế cộng đồng dòng họ, nổi bật là vai trò trưởng họ được đề cao. Cùng với việc quản lý hành chính bằng pháp luật, mỗi làng, bản đều có luật tục riêng, mọi người đều tôn trọng quy ước, nếp sống của bản, làng. Hai hình thức quản lý này hỗ trợ nhau và song song tồn tại với đồng bào vùng cao, Các thiết chế truyền thống là di sản chung quý báu của tất cả các dân tộc trong huyện cần được bảo tồn và phát triển.

Các dân tộc anh em chung sống ở huyện Mường Khương đều có đặc trưng tộc người phong phú và độc đáo, thể hiện đậm nét đặc điểm kinh tế- xã hội và văn hoá. Kinh tế của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương chủ yếu bằng nghề lúa nước và làm nương. Trong lao động sản xuất, mỗi dân tộc tích luỹ được những kinh nghiệm sản xuất khác nhau. Người dân vùng Bản Lầu chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước, làm 2 vụ trong năm; vùng quanh thị trấn Mường Khương, Pha Long trước đây chủ yếu sống bằng cây thuốc phiện và buôn bán, hiện nay tập quán trồng cây thuốc phiện đã xoá bỏ chuyển sang trồng cây ăn quả. Các dân tộc sống ở vùng cao như Mông, Dao, Nùng, Dáy, Bố Y, Pa Dí, Thu Lao... biết đúc lưỡi cày bằng phương pháp thủ công, chế tác cày và sử dụng trâu kéo để cày ruộng. Các dân tộc này đã tích luỹ được nhiều kinh nghiệm dẫn

nước và giữ nước, kỹ thuật thâm canh đã phát triển nên năng suất lúa cao hơn các dân tộc khác.

Bên cạnh loại hình kinh tế trên, các dân tộc ở Mường Khương còn có loại hình nông nghiệp làm nương bằng công cụ cuốc hoặc theo cách chọc lỗ tra hạt, loại hình này năng suất thấp. Do địa hình phức tạp, độ dốc lớn, diện tích trồng lúa nước ít, cộng với việc canh tác mang tính quảng canh lạc hậu nên việc phát rẫy làm nương là không tránh khỏi. Đặc điểm kinh tế truyền thống mang nặng tính chất tự cung, tự cấp, độc canh cây ngô, cây lúa gây khó khăn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Là huyện biên giới, nên Mường Khương sớm có sự giao lưu quan hệ láng giềng với nước Trung Quốc, theo đó hoạt động thương mại phát triển. Hệ thống chợ của động Sơn Yên từ đầu thế kỷ XIX đã hình thành và đến nay Mường Khương đã có hệ thống chợ phiên vùng cao đông đúc, điển hình như chợ Mường Khương, Pha Long, Cao Sơn, Bản Lầu, Chợ Chậu... đã trở thành trung tâm trao đổi hàng hoá với Trung Quốc. Trong đó có Chợ Chậu trở thành trung tâm buôn bán nổi tiếng ở miền đông châu Thuỷ Vĩ vào đầu thế kỷ XIX.

Các dân tộc trong địa bàn huyện thuộc nhiều nhóm ngôn ngữ khác nhau, mỗi dân tộc đều có nền văn hoá, phong tục tập quán riêng với nhiều loại hình khác nhau, tạo thành vườn hoa văn hóa đa dạng. Các dân tộc đều có chung loại hình nhà ở phổ biến là trình tường, nền đất thích hợp với vùng cao gió lạnh. Các gia đình quần tụ trong các làng bản, mỗi làng bản đều có một ít ruộng công, khu rừng chung với những quy ước bảo vệ rừng cấm. Do sống xen kẽ và quan hệ giao lưu giữa các dân tộc nên dân tộc này đều biết tiếng của dân tộc kia, am hiểu và tôn trọng phong tục tập quán của nhau. Các dân tộc còn có kho tàng văn hoá dân gian đa dạng bao gồm hệ thống dân ca (hát ru, đồng giao, các bài ca lễ cưới, lễ tang), truyện cổ và các nhạc cụ tiêu biểu như kèn, sáo Mông; đàn nguyệt Nùng, Pa Dí; đàn môi, kèn Pí lè của nhiều dân tộc.

Mường Khương có hệ thống lễ hội khá phong phú bao gồm các hội mùa xuân như Hội xuống đồng, Hội Sải sán, Hội Nào xồng - ăn ước; Hội mừng được mùa, Hội ăn cơm mới và hàng loạt các sinh hoạt văn hoá dân gian, góp phần làm phong phú kho tàng văn hoá truyền thống các dân tộc. Lễ hội Cúng rừng cấm bang của người Nùng rất đặc sắc, không chỉ cầu trời đất phù hộ cho con người có cuộc sống an khang, thịnh vượng mà còn góp phần bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và giữ gìn những giá trị thuần phong mỹ tục ở làng quê miền núi. Lễ Mồng một tháng bảy của người Nùng, làm xôi bảy màu cúng trời đất, để tưởng nhớ tới công ơn tổ tiên phù hộ cho người Nùng chiến thắng giặc ngoại xâm và bảo tồn nòi giống. Hội Sải sán (còn gọi là lễ hội leo núi) của đồng bào Mông (Pha Long) cầu trời phù hộ cho con người khoẻ mạnh, con cháu sinh sôi, tình duyên nên lứa. Trong các lễ hội còn tổ chức các trò chơi dân gian, múa khèn và hát đối đáp giao duyên, thực sự là ngày hội văn hoá các dân tộc.

Tục lệ mở hội vào mùa xuân của các dân tộc ở Mường Khương là hình thức sinh hoạt văn hoá làm gắn bó giữa các dân tộc và giữa con người với nhau. Mỗi lễ hội đều phản ảnh nét riêng của tộc người. Thông qua các lễ hội, những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội của mỗi dân tộc được hạn chế, các mặt tích cực được phát huy, hình thành nên nét đặc trưng chung tiêu biểu cho sinh hoạt kinh tế, văn hoá, xã hội của các dân tộc trong huyện. Tập quán cổ truyền làm lành mạnh thêm không khí mùa xuân, các tập tục lễ hội này là việc làm cụ thể để cầu chúc năm mới mùa màng cây cối tốt tươi, vạn vật sinh sôi nảy nở, cho lúa ngô đầy nhà, gia súc đầy chuồng. Những đặc trưng tiêu biểu ấy tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hình thành nên nét đẹp văn hoá trong xã hội. Ngày nay dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Mường Khương, tinh hoa văn hoá của các dân tộc trong huyện đang được phát huy mạnh mẽ. Quan hệ sản xuất và nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa đang từng bước được xác

II. Truyền thống văn hoá, đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm

Địa bàn tỉnh Lào Cai nói chung và địa bàn huyện Mường Khương nói riêng từ xưa kia đã là cầu nối giữa Giao Chỉ (Bắc Bộ) với các quốc gia Tây Nam (Trung Quốc) thông thương với khu vực Tây Á, Ấn Độ, đồng thời là nơi tiếp giáp giữa vùng biên giới phía Bắc tổ quốc Việt Nam với các địa phương miền xuôi. Trong công cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ tổ quốc. Suốt chiều dài lịch sử nghìn năm, nhân dân huyện Mường Khương luôn nêu cao truyền thống quật cường, đoàn kết, yêu nước, không ngại hy sinh gian khổ đóng góp công sức cùng nhân dân cả nước đánh bại kẻ thù xâm lược, làm nên chiến thắng vẻ vang, bảo vệ vững chắc vùng biên cương Tổ quốc. Suốt chiều dài lịch sử nghìn năm Bắc thuộc, dưới ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc, chúng đã tiến hành âm mưu đồng hóa về văn hóa hòng tiêu diệt dân tộc ta, nhưng bản sắc văn hóa các dân tộc Mường Khương vẫn được bảo vệ, ý thức dân tộc độc lập, tự chủ, đoàn kết vẫn được giữ gìn và phát huy, góp phần cùng nhân dân các dân tộc Lào Cai và cả nước đứng lên chống Bắc thuộc, giải phóng đất nước và lần lượt đánh bại các cuộc chiến tranh xâm lược sau này của kẻ thù.

Tháng 9 năm 1257, trước khi đưa quân sang xâm lược nước ta, quân Nguyên Mông cho do thám đi trước, với tinh thần cảnh giác, nhân dân thị xã Lào Cai và đồng bào vùng biên giới Mường Khương đã bắt được toán quân do thám của giặc rồi báo về triều đình, nhờ vậy ta đã có sự chuẩn bị lực lượng để đối phó. Khi giặc tràn sang xâm lược, nhân dân huyện Mường Khương cùng với nhân dân các dân tộc Lào Cai anh dũng đứng dậy đánh giặc cứu nước. Khi giặc bị đánh bại ở Thăng Long và địa bàn các tỉnh miền xuôi, quân giặc tháo chạy qua biên giới Lào Cai, Mường Khương để về Vân Nam (Trung Quốc), chủ trại Quy Hoá là Hà Bổng cùng nhân dân địa phương tổ chức tập kích, truy kích giặc làm cho chúng thất bại nặng

nề. Chiến thắng quân Nguyên Mông mùa xuân 1258 của quân và dân Đại Việt có phần đóng góp quan trọng của đồng bào vùng đất Mường Khương.

Tiếp đến cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, Nhân dân các dân tộc Mường Khương cùng với Nhân dân Lào Cai tích cực hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Khi các cánh quân của Lê Lợi tiến lên Tây Bắc đánh đuổi quân Minh, các cánh quân của Phạm Văn Sảo, Nguyễn Chích... được Nhân dân Quy Hoá trong đó có Nhân dân Mường Khương giúp sức đã làm nên chiến thắng ở ải Lê Hoa (Lào Cai), tiêu diệt và bắt sống hàng nghìn tên giặc, thu được nhiều chiến khí, quét sạch giặc Minh ra khỏi bờ cõi.

Vào thế kỷ XVIII, nhà Thanh nhiều lần đem quân đánh chiếm biên giới nước ta, trong đó có biên giới vùng đất Mường Khương, nhân dân các dân tộc Mường Khương ở đây đã cùng với Nhân dân Lào Cai đập tan nhiều đợt tấn công của giặc, bảo vệ chủ quyền đất nước.

Tháng 12 năm 1867, giặc Hán cờ vàng, một bộ phận lực lượng của phong trào Thái bình Thiên quốc nổi dậy chống triều đình Trung Quốc nhưng không thành, bị triều đình đánh đuổi tràn sang lấn chiếm biên giới nước ta. Nhân dân tỉnh Lào Cai phối hợp với quân thường trực của tỉnh Hưng Hoá và quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc, cùng với đồng bào vùng động Sơn Yên kiên trì tổ chức đón đánh giặc bằng chiến thuật du kích. Đồng bào các dân tộc vùng Cao Sơn do thủ lĩnh Giàng Chu, Lùng Chúng Quân chỉ huy tổ chức nhiều trận tập kích tiêu diệt nhiều toán giặc ở La Pán Tẩn, Tả Thàng... Năm 1869 lực lượng dân binh các dân tộc Nùng, Mông, Dao, Tày, Giáy... ở động Sơn Yên phối hợp với quân thường trực của triều đình đóng tại tỉnh Hưng Hoá và quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tập trung đánh địch. Cuộc kháng chiến chống giặc Hán cờ vàng đã giành thắng lợi có phần đóng góp to lớn của nhân dân các dân tộc vùng Sơn Yên.

Ngày 01-8-1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Đà Nẵng mở đầu thời kỳ xâm lược nước ta, triều đình nhà Nguyễn đã

bán rẻ nước ta cho thực dân Pháp. Năm 1876, thực dân Pháp tiến đánh thành Hà Nội. Với truyền thống đoàn kết yêu nước, ngày 21-12-1873, quân và dân Lào Cai, trong đó có nhiều dân binh Mường Khương phối hợp với quân cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc tiến về cùng nhân dân Hà Nội làm nên chiến thắng ở Cầu Giấy. Hơn 10 năm sau, Nguyễn Quang Bích một văn thân yêu nước đứng lên vận động nhân dân vùng Hưng Hoá chống Pháp xâm lược, trung đội lính của nghĩa quân có nhiều người là con em các dân tộc động Sơn Yên tham gia đã làm cho thực dân Pháp bị thiệt hại nặng nề. Thắng lợi trên có đóng góp nhỏ bé của nhân dân các dân tộc Sơn Yên (Mường Khương)[114].

Sau khi đánh chiếm miền châu thổ sông Hồng, Năm 1885, thực dân Pháp bắt đầu mở những cuộc hàng quân xâm lược lên vùng thượng du. Sau khi đánh chiếm được Yên Bái, ngày 25-3-1886 hai đạo quân Pháp hành quân theo hai bên tả ngạn và hữu ngạn sông Hồng tiến đánh Lào Cai. Trên đường tiến đánh Lào Cai, quân Pháp đã gặp phải sức kháng cự của nghĩa quân Lào Cai do Nguyễn Thiệu Trọng chỉ huy chặn đánh ở Tùng Tung, Lâm Ngán, Tu Pa, Cốc Sâm...giặc pháp bị tiêu hao lực lượng. Song do lực lượng mạnh, lại có vũ khí hiện đại, trong khi đó nghĩa quân của ta lực lượng còn nhỏ, vũ khí thô sơ, nên ngày 30-3-1886 quân Pháp đã chiếm được thị xã Lào Cai.

Sau khi chiếm được thị xã Lào Cai, chúng tổ chức tấn công vào chiếm các huyện, trong đó có động Sơn Yên (Mường Khương). Nhân dân các dân tộc Sơn Yên dưới sự chỉ huy của Lý Cai đã hăng hái tham gia chống Pháp, tích cực đắp hào, đắp luỹ chặn đánh giặc từ Bản Lầu, Chợ Chậu. Trước thế quân Pháp mạnh, lực lượng nghĩa quân rút lên vùng Cao Sơn phối hợp với lực lượng dân binh ở vùng này tiếp tục chặn đánh, phục kích giặc ở Lùng Khấu Nhin, Tả Thàng... gây cho quân Pháp bị thiệt hại nặng nề.

114. Tài liệu chuyên khảo về Lào Cai, Ty văn hoá Lào Cai, xuất bản năm 1970.

Với quyết tâm tiêu diệt lực lượng của ta, quân Pháp tăng thêm lực lượng và vũ khí, kết hợp tung tiền mua chuộc một số thủ lĩnh như Chảo Chín Dùng, Nùng Khai Phà tăng cường đàn áp tấn công ta, do vậy lực lượng của ta lúc này bị suy yếu, cuộc chiến đấu chống quân Pháp của các nghĩa quân động Sơn Yên bị lắng xuống, song ý thức chống giặc Pháp không bị tắt. Những năm đầu thế kỷ XX, đồng bào các dân tộc ở Cao Sơn lại nổi dậy đấu tranh chống Pháp, điển hình là đã tham gia lực lượng của nghĩa quân Giàng Chẩn Hùng ở Bắc Hà chặn đánh thực dân Pháp ở Trung Đô, Tà Chải... làm cho thực dân Pháp và tay sai trong suốt thời gian dài vẫn chưa bình định nổi vùng đất Bắc Hà và Mường Khương.

Là một huyện biên giới có chiều dài chiếm hơn 50% đường biên toàn tỉnh Lào Cai; nhân dân Mường Khương luôn ý thức coi mỗi tấc đất ven biên đều thấm đượm mồ hôi và xương máu của các dân tộc Việt Nam. Vì vậy trong thời kỳ phong kiến và Pháp thuộc, nhân dân các dân tộc Mường Khương còn thường xuyên đấu tranh bảo vệ biên giới, bảo vệ chủ quyền Tổ quốc. Trên Biên giới Mường Khương có 4 điểm C, đây là những điểm nhạy cảm; nhân dân các khu vực này luôn phải đối mặt với nguy cơ lấn chiếm, nhưng họ vẫn kiên trì bám trụ với tinh thần một tấc không đi, một li không dời. Đã có biết bao hình ảnh cảm động của người dân Mường Khương đã đổ sương máu để bảo vệ lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Nhìn lại chặng đường lịch sử chống giặc xâm lược từ thời kỳ chống phong kiến phương Bắc đến thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp, khẳng định nhân dân các dân tộc Mường Khương luôn nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập tự chủ, đoàn kết quyết tâm kiên cường chống giặc, bảo vệ đất nước, quê hương, nhất là các cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược được diễn ra liên tục dưới nhiều hình thức khác nhau. Song cũng như các phong trào đấu tranh chống giặc Pháp trên cả nước, các cuộc đấu tranh ở Lào Cai nói chung và ở Mường Khương nói riêng đều không đi đến

thắng lợi cuối cùng do chưa có lực lượng lãnh đạo có đường lối đấu tranh đúng đắn.

III. Chính sách cai trị của thực dân và sự phân hoá xã hội

Sau khi đánh chiếm được tỉnh Lào Cai, bên cạnh việc lo đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc địa phương, thực dân Pháp đã tập trung thăm dò khai thác tài nguyên ở Lào Cai. Số mỏ Pháp tìm thấy ở Lào Cai tăng rất nhanh, từ năm 1886 đến 1913 thực dân Pháp thăm dò được 9 điểm, cấp 11 giấy phép, trong đó có mỏ đồng ở Mường Khương. Đồng thời chúng còn cướp đất của dân lập đồn điền, bóc lột nhân công rẻ mạt. Đến cuối thế kỷ XIX, tình hình xã hội Lào Cai trong đó có huyện Mường Khương có sự phân hoá rõ rệt, mang đặc điểm chung của xã hội thực dân nửa phong kiến, nhưng có nét đặc thù miền núi.

Cùng với với bộ máy đàn áp thực dân, thực dân Pháp tiếp tục duy trì bộ máy chính quyền phong kiến tay sai từ cấp châu cho đến cấp tổng, xã. Đứng đầu bộ máy cấp châu là tri châu, cấp tổng có chánh tổng, cấp xã có lý trưởng. Nhằm kiểm soát các vị trí sung yếu, thực dân Pháp xây dựng hệ thống đồn bốt khá kiên cố. Thông qua bộ máy ngụy quyền, thực dân Pháp thi hành hàng loạt chính sách áp bức, bóc lột hết sức dã man, vô nhân đạo. Nhằm bóc lột nguồn lực trong nhân dân ta, chúng duy trì tình trạng lạc hậu, trì trệ vốn có từ lâu của nền kinh tế phong kiến miền núi. Ở các xã vùng thấp, theo truyền thống, ruộng đất đều là của công. Các thổ ty là chức dịch được hưởng một số quan điền (lộc điền) tuỳ chức tước cao thấp có số ruộng khác nhau, còn ruộng công ở các làng bản chia cho các gia đình quản lý, các hộ dân nhận ruộng công đều phải chịu phu, chịu thuế, được dân làng coi trọng nên họ đều gắn bó với làng bản, gắn bó với ruộng công của làng. Làng bản còn có phần ruộng công dùng chi phí cho việc thờ cúng gọi là ruộng thần, ruộng cầu; còn ruộng tư không có nhiều.

Ở vùng cao, những nơi làm nương rẫy, đất đai, rừng núi tuy là của công nhưng thực ra mọi người đều có quyền chiếm hữu rộng rãi. Do diện tích rừng nhiều và do tập quán du canh, du cư nên khu vực canh tác không gắn liền với khu vực cư trú như các xã vùng thấp, tình trạng xâm canh diễn ra khá phổ biến. Sự ràng buộc của người dân với làng bản chức dịch ở vùng cao cũng không quá chặt chẽ. Do đó, sự phân hoá giai cấp trước khi thực dân Pháp xâm lược chưa diễn ra sâu sắc. Các chức dịch có quyền thế tập, các thổ ty tuy đã chiếm một phần ruộng công nhưng chưa thực sự trở thành những tên chúa đất, có trong tay tài sản lớn. Từ năm 1907, thực dân Pháp chuyển Lào Cai từ chế độ quân quản (Đạo quan binh) sang chế độ dân sự, chính sách cai trị của chúng đối với Lào Cai cũng giống các nơi miền núi khác. Ban đầu chúng vẫn duy trì hình thức đánh thuế của triều Nguyễn, nhưng mức thuế cao hơn. Mức thuế sau đại chiến thế giới lần thứ hai tăng gấp đôi so với trước kia khi đại chiến nổ ra, nhằm thu được nhiều thuế phục vụ chiến tranh ở chính quốc.

Khi đặt được ách đô hộ ở Mường Khương, thực dân Pháp một mặt vẫn duy trì các chính sách bóc lột của phong kiến, mặt khác chúng còn đặt ra nhiều thủ đoạn cai trị dã man, can thiệp sâu đến các làng bản. Thời kỳ đầu, trước sự phản kháng của một số thổ ty, chức dịch địa phương, thực dân Pháp chủ yếu dựa vào bọn tay sai quan lại triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng để đàn áp nhân dân. Tăng cường bóc lột nhân dân bằng các chế độ sưu thuế, phu phen, tạp dịch. Trước đây triều đình nhà Nguyễn chỉ đánh thuế theo hộ những gia đình nhận ruộng công nhưng mức thuế không cao lắm, khi thực dân Pháp thiết lập được ách cai trị, thời kỳ đầu chúng vẫn phải sử dụng thuế theo hộ gia đình nhưng đã không ngừng tăng mức thuế.

Những năm đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp đã thay đổi chính sách cai trị, ra sức nâng đỡ cho tầng lớp thổ ty và bọn chức dịch tay sai trung thành với thực dân, như chúng nâng đỡ tên phó lý Lùng

Khải Phà, Lồ Văn Sẩu ở Pha Long, Lù Chấn Ngão ở Bản Lầu đều được quyền thế tập cai trị các xã (sau là các châu). Thậm chí một số tên như Nông Vĩnh An còn được Pháp thăng lên chuẩn uý, tri châu tỉnh trưởng trong những năm sau này.

Để tăng cường nguồn thu, thực dân Pháp xoá bỏ chế độ thuế hộ, áp dụng thuế đinh và thuế điền, mức thuế cao hơn trước, bình quân mỗi người nhận từ 3-5 sào ruộng công phải đóng cả thuế thân và thuế ruộng bằng 2 con trâu. Đặc biệt, chúng còn đặt ra thuế gián thu đánh vào các loại hàng hoá thiết yếu bắt người dân tiêu thụ phải gánh chịu như thuế muối, thuế rượu, thuế dầu hoả... Các thứ thuế này mỗi năm một tăng, không những tăng thuế mà chúng còn sử dụng muối như một biện pháp kiểm soát, khống chế nhân dân. Chúng bắt các gia đình phải kê khai nhân khẩu nhưng cũng bán cho mỗi người không quá 4 lạng muối trong một tháng. Nếu xã nào, bản nào có dấu hiệu nổi dậy chống đối chúng sẽ không bán muối.

Ở vùng biên giới có vị trí quan trọng nên thực dân Pháp còn tăng cường bắt lính. Mường Khương là một huyện nhỏ vùng cao ít dân, nhưng có năm chúng bắt tới vài trăm trái tráng đi lính, đi phu, xây các vị trí phòng thủ, trại lính ở Lào Cai. Thực hiện âm mưu chia để trị, thực dân Pháp nham hiểm tiến hành các biện pháp chia rẽ các dân tộc, để cho thổ ty chèn ép các dân tộc ít người như: Pa Dí, Tu Dí... chia vùng cho các thổ ty kìm chế lẫn nhau, khuyến khích thổ ty bóc lột thậm tệ dân tộc khác.

Để dễ bề cai trị, Pháp thực hiện chính sách ngu dân, chúng chỉ mở trường dạy học cho các con cái thổ ty, chức dịch lớn. Vì vậy có tới 99% đồng bào dân tộc Mường Khương không biết chữ. Bên cạnh đó, nạn dịch bệnh luôn hoành hành, đầu thế kỷ XX có những bản ở vùng Cao Sơn, Pha Long không còn người nào là không bị dịch tả. Năm 1911, dịch tả xảy ra liên tiếp ở Bản Xen, Lùng Vai và các xã hạ huyện. Trong khi đó, các tập quán lạc hậu như: Mê tín, cờ bạc, nghiện hút... được dung túng phát triển. Sòng bạc mở ở khắp các chợ

Pha Long, Mường Khương, Bản Lầu... nạn trộm cướp thường xuyên xảy ra, đe doạ đời sống nhân dân ở vùng biên. Năm 1890 toán Phỉ Hoàng Pao tràn vào cướp bóc Mường Khương bắt hàng ngàn trâu bò, gia súc gây cho nhân dân bao nỗi bất bình.

Đời sống nhân dân Mường Khương dưới thời Pháp thuộc rất cơ cực, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Ở vùng cao, nhiều gia đình người Mông, Dao suốt đời du canh du cư, gia tài chỉ có con dao phát với cuốc bướm mòn vẹt lưỡi và cái cối xay ngô lang thang hết cánh rừng này đến cánh rừng khác. Nạn đói liên tiếp xảy ra. Khí hậu khắc nghiệt, mùa đông giá rét, dân không có đủ áo ấm để mặc, đồ dùng trong nhà hết sức đơn giản, nhiều gia đình dùng bát ăn bằng tre, nứa, gỗ.

Cũng như cả nước, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai trước cách mạng tháng Tám là xã hội thực dân nửa phong kiến, nhưng mang nhiều nét đặc thù của miền núi. Hai mâu thuẫn cơ bản hiện hữu lúc này là mâu thuẫn giữa các dân tộc ở địa phương với thực dân Pháp xâm lược và mâu thuẫn giữa nhân dân lao động với thổ ty, quan lại phong kiến mà đại diện là lý trưởng, phó lý, binh thầu, séo phải ...là tay sai của thực dân Pháp. Được thực dân Pháp nâng đỡ, tầng lớp phong kiến, thổ ty ra sức bóc lột nhân dân, biến đất ruộng công thành ruộng tư. Nông dân bị mất ruộng công buộc phải đi làm thuê, đời sống nghèo khổ. Do đó sự phân hoá xã hội ở Mường Khương cũng như ở Lào Cai lúc bấy giờ hết sức sâu sắc, có thể chia ra những thành phần cơ bản sau:

Tầng lớp thổ ty

Trước cách mạng tháng Tám 1945, Mường Khương chia làm 3 vùng ảnh hưởng của ba dòng họ thổ ty thế lập khác nhau. Vùng Mường Khương và các xã lân cận thuộc quyền cai quản của thổ ty họ Nông do Nông Vĩnh An cầm đầu. Vùng Bản Lầu thuộc quyền cai trị của thổ ty họ Lù. Vùng Pha Long do thổ ty họ Lồ cai quản. Các thổ ty có đặc quyền là chủ ruộng đất, núi non, sông ngòi. Ruộng đất

tuy trên danh nghĩa vẫn là ruộng công nhưng do thổ ty quản lý chia thành các loại: Phần ruộng tốt nhất là của thổ ty, bọn chức dịch, phó lý, binh thầu, xã đoàn; loại ruộng bình thường cấp cho lính, cho tôn giáo; loại ruộng xấu cấp cho nông dân và bắt nông dân gánh vác mọi thứ phu phen, tạp dịch. Các thổ ty còn không ngừng tìm mọi thủ đoạn chiếm đoạt ruộng đất của nông dân như thổ ty Nông Vĩnh An đã có ruộng quan điền là 7,5 ha lại còn chiếm đoạt thêm ruộng đất của 2 thôn Mường Khương, Tùng Lâu làm ruộng tư. Thổ ty Lù Chẩn Ngão vừa chiếm đoạt ruộng đất của nhân dân Bản Lầu, Bản Xen, Bản Cầm, Bản Phiệt, vừa bắt nhân dân vùng Cao Sơn cống nộp thú quý đặc sản phục dịch.

Các loại ruộng chiếm đoạt, thổ ty giao cho những hộ trai điền (tức Bảo La) chuyên cày bừa chăm sóc, bóc lột sức lao động của họ. Ngoài ra các thổ ty còn bắt nhân dân các dân tộc khác như Pa Dí, Tu Dí làm *người trong nhà* chuyên phục dịch cho gia đình thổ ty mỗi năm trên 2 tháng. Ngoài ra, bắt mỗi hộ nông dân trong vùng làm không công từ 10 đến 18 ngày theo yêu cầu của thổ ty. Hàng năm mỗi hộ trong vùng phải nộp cho thổ ty 30kg thóc và từ 2 đến 4 kg gà để thổ ty đón quan tây, lễ tết. Nhân dân trong vùng phải tìm mua lễ vật nộp cống cho thổ ty. Như vậy thổ ty ở Mường Khương bóc lột nhân dân cả về lao dịch lẫn tô hiện vật.

Dựa vào chế độ độc quyền, đặc lợi do thực dân Pháp ban cho, tầng lớp thổ ty ở Mường Khương bắt đầu tiến hành kinh doanh mang tính chất tư sản mại bản. Thời gian đầu chúng độc quyền nhận thầu toàn bộ các sòng bạc, thầu vận tải ngựa thồ, cho thuê cối ngàn, độc quyền làm đại lý bán muối, bán hàng hoá tiêu dùng của Pháp ở khu vực cai trị, khai thác lâm thổ sản, dược liệu bán cho Pháp, cung cấp lương thực, thực phẩm cho binh lính Pháp và tay sai; về sau chúng tổ chức những chuyến buôn đường dài, góp cổ phần với tư sản Pháp và một số chủ hiệu buôn Trung Hoa hoặc trực tiếp buôn thuốc phiện, xây dựng cửa hiệu buôn lớn tại huyện lỵ.

Không những thế, các thổ ty còn bành trướng thế lực, chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang riêng. Thời kỳ đầu mỗi thổ ty chỉ có một ít lính dõng, nhưng từ đầu năm 1945, lực lượng vũ trang và bán vũ trang của thổ ty phát triển khá mạnh, được xây dựng thành đội quân thường trực có từ 30 đến 60 lính, được trang bị vũ khí tương đối hiện đại, có hàng ngũ chỉ huy do Pháp trực tiếp đào tạo. Ngoài lính thường trực, thôn bản nào cũng có lực lượng dân binh của thổ ty. Thổ ty Nông Vĩnh An có lực lượng vũ trang lớn nhất Lào Cai, gồm 60 lính thường trực được trang bị từ súng trường, súng cối, súng phóng lựu đạn, đại liên... và 30 dân binh trang bị súng trường, súng kíp. Thổ ty Lồ Vản Tờ có 30 lính thường trực. Nhờ có lực lượng vũ trang mạnh, thổ ty đã trở thành những tên chúa đất hùng cứ ở một địa phương, làm tay sai cho thực dân Pháp, nhưng khi Nhật hất cẳng pháp nhiều tên lại cấu kết với phát xít Nhật; có tên làm gián điệp cho Tưởng Giới Thạch.

Tầng lớp chức dịch

Tầng lớp này thường mang tính thế lập cha truyền con nối, từ trưởng bản trở lên đều được hưởng ruộng công, nông dân hoặc những người bần nông không có ruộng phải thay phiên nhau đến làm không công trên những thửa ruộng này. Tầng lớp chức dịch được các thổ ty cắt đặt, sắp xếp để cai quản các thôn bản, chỉ huy lực lượng vũ trang. Riêng các chức dịch chỉ huy lực lượng vũ trang như xã đoàn, tổng đoàn tuy không được phần ruộng công như chức dịch khác nhưng mỗi năm chúng được hưởng một khối lượng lớn thóc (khoảng 2 tấn), lấy từ thóc thuế do lý trưởng thu. Các chức dịch trước kia đều do dân bầu, nhưng về sau người nào đem quà cáp, đút lót cho bọn thổ ty mới được thổ ty cho giữ chức dịch nhất là các chức vụ: lý trưởng, châu uỷ, tri châu.

Nông dân lao động

Lực lượng này chiếm tỷ lệ đông, là những người được cấp một phần ruộng công của làng, xã, nhưng đó là những thửa ruộng xấu

"đầu hươu, mõm nai" và có nghĩa vụ phải nộp thuế đinh, thuế điền, đi phu, đi lính cho giai cấp thống trị phong kiến, thực dân. Sống nơi đất đai núi rừng trù phú nhưng người dân vô cùng cực khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, hầu hết là mù chữ, bị áp bức, bóc lột. Khi săn được thú ngon, lấy được mật ong rừng, bắt được cá lớn đều phải mang nộp một phần cho thổ ty. Họ còn có nghĩa vụ phải đóng góp sức lực và của cải phục dịch thổ ty, chức dịch trong vùng. Do đói khổ, bị áp bức nên một bộ phận thường phải du canh, du cư. Trong tầng lớp nhân dân lao động trung nông, bần nông còn có số ít người làm nghề mê tín gồm các thầy cúng, thầy mo then, họ được tầng lớp chức dịch vị nể.

Ngoài ra còn có một số người giỏi làm nghề thủ công như chạm khắc đồ vàng bạc, thợ rèn, thợ đúc lưỡi cày... nhờ các nguồn thu nhập khác ngoài nghề nông nên đời sống của số người này thường không khó khăn, lại được nhân dân quý mến. Ngoài ra, trong các làng bản còn có đối tượng là phụ nữ goá chồng, không có con trai hoặc con trai chưa lớn, họ không được xem trọng, chỉ được nhận nửa xuất ruộng công, họ không được bàn bạc công việc chung với làng xóm, đời sống của những người này khó khăn và bấp bênh nên cũng dễ bị biến thành *người trong nhà* của thổ ty, con cái họ cũng dễ trở thành trai điền làm thuê cho bọn nhà giàu.

Người trong nhà, đầy tớ

Đây là tầng lớp nông dân mất ruộng công, hoặc là những phụ nữ bỏ chồng, chồng chết không muốn lấy em chồng, bị coi rẻ, không còn cách nào khác là phải đi phục dịch, trông nom nhà cửa, vườn tược, gia súc cho thổ ty và các chức dịch. Ngoài ra còn là những người quá nghèo khổ, mồ côi cha mẹ phải đi làm đầy tớ cho thổ ty. Họ thường xuyên phải lao động cực nhọc, làm quần quật từ 12 đến 15 giờ trong một ngày cho chủ, không được hưởng tiền công, có người trọn cả đời chỉ làm đầy tớ không công, những người đầy tớ đó là hình thức nô lệ gia đình, phổ biến ở xã hội các dân tộc miền núi.

Như vậy, với âm mưu thâm độc tàn bạo mà bao trùm là chính sách ngu dân, chia để trị, kết hợp với bóc lột, bọn thực dân Pháp và tay sai đã đưa nhân dân Mường Khương vào thảm cảnh mù chữ, đói rét, dịch bệnh, sống khổ sở trong đêm trường nô lệ; do đó cũng như cả nước, mâu thuẫn cơ bản bao trùm giữa nhân dân các dân tộc địa phương với bọn thực dân cướp nước và bè lũ phong kiến tay sai của chúng, đó là mâu thuẫn mang tính đối kháng gay gắt. Mâu thuẫn này tạo sức mạnh để nhân dân các dân tộc Mường Khương vùng lên chống Pháp và bè lũ tay sai khi có thời cơ đến.

Do bị bóc lột tàn nhẫn, đời sống cực khổ, thân phận thấp hèn bị khinh rẻ, nên người dân Mường Khương đã nổi dậy phản kháng. Với hình thức đấu tranh tự phát, nhân dân ở vùng cao Mường Khương, nhất là người Mông phản kháng lại ách nô dịch của thực dân và bè lũ thổ ty bằng những hình thức bí mật bỏ làng, bỏ ruộng nương đi vùng khác. Đồng bào các xã vùng thấp đấu tranh bằng các hình thức nổi dậy chống thu thuế. Từ năm 1929 đến 1939 ở Mường Khương có 18 lần đồng bào Mông, Nùng, Pa dí đã phản kháng không nộp thuế, không đi lính, bỏ làng sang Trung Quốc.

IV. Nhân dân Mường Khương những năm đầu đến với cách mạng

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với đường lối chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn đã chấm dứt thời kỳ phong trào yêu nước Việt Nam bế tắc về đường lối cứu nước. Đường lối cách mạng của Đảng được công bố trở thành ngọn cờ tập hợp mọi lực lượng nhân dân, tạo nên sự chuyển biến về chất cho phong trào cách mạng cả nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo Nhân dân tiến hành các phong trào cách mạng: Phong trào trào 1930 - 1931, đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh; Phong trào trào dân chủ 1936 - 1039 đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và phong trào vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Những năm 1930 - 1944, do địa bàn Mường Khương là một huyện vùng cao, giao thông đi lại khó khăn, cơ sở và cán bộ cách mạng chưa có, thông tin lại bị kẻ thù bưng bít nên ánh sáng của Đảng hầu như chưa được ảnh hưởng tới đây. Tháng 5/1940, Trung ương Đảng và xứ ủy Bắc Kỳ quyết định thành lập chiến khu D gồm 7 tỉnh: Phúc Yên, Vĩnh Yên, Yên Bái, Phú Thọ, Lào Cai, Tuyên Quang, Hà Giang. Sau đó căn cứ cách mạng Vần - Hiền Lương trên chiến khu D ra đời đã có tác động mạnh mẽ đến tính chất đấu tranh của phong trào yêu nước ở các tỉnh ven thượng lưu sông Hồng, sông Chảy. Lúc này một số cán bộ của khu D được cử lên hoạt động ở Lào Cai, tuy nhiên cán bộ khu D chưa thể hoạt động hiệu quả được ở Mường Khương do Pháp, Nhật và phản động cấu kết chặt chẽ đàn áp khống chế nhân dân.

Cách mạng Tháng Tám 1945 bùng nổ và thành công trên cả nước; sách báo, thông tin truyền miệng từ xuôi được truyền lên Lào Cai, từ Lào Cai lan đi khắp tỉnh. Ở Mường Khương lúc này những thông tin về cách mạng, về Đảng Cộng sản, về Bác Hồ được lan truyền, nhân dân hào hứng mong muốn theo cách mạng nhưng chưa có người hướng dẫn. Tháng 10/1945, đoàn cán bộ do Trung ương cử lên Lào Cai lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, đoàn mang theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi nhân dân Lào Cai, Bác thông báo cách mạng tháng Tám thành công và kêu gọi nhân dân Lào Cai đứng lên thành lập chính quyền, giúp đỡ chính phủ. Khi đó ở Mường Khương chính quyền còn trong tay quân Nhật và tay sai thổ ty, nhưng nội dung thư Bác Hồ vẫn được bí mật phổ biến trong nhân dân.

Cuối tháng 10-1945, chính quyền cách mạng được thành lập ở Thị xã Lào Cai, Phố Lu và Sa Pa, trước tình hình đó ở Mường Khương, bọn Nhật và phản động thổ ty ra sức kìm chế nhân dân, lùng sục khủng bố cán bộ, bắt giam những người truyền tin cách mạng, do vậy nhân dân Mường Khương chưa thể lập được chính quyền của mình.

Theo Hiệp ước Pôtxdam của đồng minh chống phát xít, đầu tháng 11-1945, 20 vạn quân đội Tưởng Giới Thạch vào nước ta làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật đã kéo qua biên giới Việt -Trung. Một cánh quân tràn qua thị xã Lào Cai, dưới danh nghĩa giải giáp tước khí giới quân Nhật, quân Tưởng Giới Thạch đã tiếp tay bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng cướp lại chính quyền cách mạng ở thị xã Lào Cai, Phố Lu, Sa Pa vừa thành lập. Đến cuối tháng 11-1945, phần lớn tỉnh Lào Cai bị Quốc dân Đảng kiểm soát, trừ huyện Phong Thổ và các khu vực Mường Khương, Pha Long còn do các thổ ty kiểm soát. Núp dưới danh nghĩa giải giáp quân đội Nhật Quốc dân Đảng đã tập hợp được một số tay chân của Nhật, Pháp (trước đây là Kỳ Hào, Lý Dịch) quay trở lại làm việc cho chúng chống phá chính quyền. Quốc dân Đảng còn tập hợp bọn lưu manh côn đồ Đại Việt cũ đưa vào đảng và thành lập tỉnh Đảng bộ Quốc dân do Triệu Việt Hưng làm chủ nhiệm, Lê Tùng Anh làm phó chủ nhiệm. Tỉnh Đảng bộ Quốc dân trực tiếp phụ trách các tổ chức lực lượng vũ trang như: Đội hiến binh, đội cảnh sát...Quốc dân Đảng cũng tổ chức thành lập các đoàn thể quần chúng, như Thanh niên, Phụ nữ, Thiếu nhi, cựu chiến binh, dụ dỗ mua chuộc, thu hút thanh niên vào lính. Tổ chức thanh niên do chúng thành lập thực chất là lực lượng tay sai bán vũ trang. Dựa vào tổ chức thanh niên, Quốc dân Đảng ra sức tuyên truyền tư tưởng phục quốc phản động. Mặt khác, chúng tăng cường điều động thanh niên đi đánh thổ ty, xâm chiếm đất đai của thổ ty.

Ngoài việc củng cố chính quyền và Đảng bộ Quốc dân cấp tỉnh, Quốc dân Đảng còn thành lập Đảng bộ châu, chính quyền châu (cấp huyện). Ở cấp xã chúng dựa vào những hào lý chức dịch cũ để thành lập chính quyền và chi bộ đảng quốc dân cơ sở. Chúng tăng cường thành lập đội hiến binh và xây dựng đồn lính ở tất cả các xã để làm chỗ dựa cho âm mưu cai trị lâu dài. Đồng thời chúng tiến hành khủng bố, bắt bớ, sát hại những người tham gia cách mạng, chúng

thực hiện chế độ cai trị hà khắc, đàn áp kết hợp tiến hành dụ dỗ mua chuộc, mở sòng bạc thu hút thanh niên như thời kỳ Pháp - Nhật.

Nhận rõ Lào Cai sẽ là sào huyệt cuối cùng của Quốc dân Đảng, xứ ủy Bắc Kỳ và Bộ Quốc phòng tiếp tục giao nhiệm vụ cho đồng chí Bùi Quang Tạo - xứ ủy viên và đồng chí Bằng Giang - Tư lệnh khu 10 lên Lào Cai giúp Ban Cán sự Đảng tỉnh bàn kế hoạch giải phóng Lào Cai. Trong chủ trương và kế hoạch đánh Quốc dân Đảng của Ban cán sự Đảng bộ tỉnh có nội dung tranh thủ vận động tầng lớp thổ ty tham gia phối hợp cùng lực lượng cách mạng đánh Quốc dân Đảng.

Thổ ty ở Lào Cai là tầng lớp có thế lực mạnh ở địa phương, là những thủ lĩnh cầm đầu các dân tộc theo tính chất cát cứ từng vùng. Thổ ty có quyền lợi gắn liền với sự cai trị của thực dân Pháp. Về kinh tế, họ được Pháp nhường cho quyền bóc lột kiểu phong kiến địa tô. Về chính trị họ được Pháp đào tạo để cai trị từng dân tộc ở mỗi vùng. Dựa vào uy lực và sự dung túng của thực dân, tầng lớp thổ ty đã bóc lột nhân dân về tô thuế, lao dịch. Trên thực tế, thổ ty là tay sai của thực dân Pháp, giúp thực dân Pháp bảo vệ an ninh lãnh thổ để cho Pháp rảnh tay khai thác thuộc địa. Ngoài việc bóc lột địa tô phong kiến, một số thổ ty ở Mường Khương - Pha Long còn tham gia buôn bán với tư bản nước ngoài, như thổ ty La Văn Đức, Nông Vĩnh An thường xuyên quan hệ chặt chẽ với tư bản Pháp để buôn bán, trở thành những tư sản mại bản lớn. Một đặc điểm nổi bật của thổ ty là do tính chất cát cứ cai trị từng vùng nên có lực lượng vũ trang riêng. Lực lượng vũ trang của thổ ty được Pháp trang bị vũ khí và có cố vấn Pháp huấn luyện.. Ở Pha Long do tài mị dân, **Lò Vản Tờ** có ảnh hưởng rất lớn không những với bộ phận lớn người dân Pha Long mà tiếng tăm còn lan rộng đến Bắc Hà, Si Ma Cai và cả miền biên giới Việt - Trung.

Ở Mường Khương, Pha Long các thổ ty cũng có quyền lợi gắn chặt với Pháp, (khi Nhật đảo chính Pháp, một số thổ ty chạy theo

Pháp, như trường hợp ba anh em thổ ty Nùng Dung Ngán và **Lồ Vàn Tờ** theo Pháp chạy sang Vân Sơn (Trung Quốc).

Tuy đều mang tính chất phản động nhưng thổ ty mâu thuẫn với Quốc dân Đảng. Tháng 9-1945, đội quân của thổ ty Mường Khương - Pha Long dưới sự chỉ huy của Châu Quang Lồ, Lý Chiều Dương (xếp Nùng) đã đánh tan 300 thổ phỉ do Vũ Hồng Khanh đưa về đóng tại Mường Khương. Với việc đánh tan 300 tàn quân của Quốc dân Đảng, thổ ty Mường Khương - Pha Long đã trở nên có thanh thế[115]. Khi phát xít Nhật hất cẳng Pháp, Nhật chủ trương vẫn nuôi dưỡng, sử dụng thổ ty làm tay sai, nên ngoài số thổ ty chạy theo Pháp, các thổ ty còn lại vẫn bám vào Nhật để duy trì quyền lợi của mình.

Tháng 8-1945, Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, quân Tưởng Giới Thạch kéo vào Việt Nam, anh em Nùng Dung Ngán về Mường Khương. Với sự nhạy bén về chính trị, Nùng Dung Ngán cho Nùng Dung Sy ra Lào Cai liên lạc với cán bộ ta yêu cầu cho tham gia đánh Quốc dân Đảng, nhưng khi Nùng Dung Sy ra Lào Cai thì bị quân Tưởng bắt.

Vì thổ ty là người địa phương, có quan hệ họ hàng và quan hệ làng bản cộng đồng từ lâu đời, hơn nữa thổ ty lại là người có thế lực, trong khi đó trình độ nhận thức trong nhân dân Mường Khương còn rất nhiều hạn chế nên một bộ phận nhân dân Mường Khương - Pha Long còn phục tùng thổ ty và bảo vệ thổ ty.

Với bản chất phản động nên thổ ty luôn có thái độ thù ghét cách mạng. Khi vắng bóng thực dân Pháp, thổ ty không dám ra mặt chống đối cách mạng, có một số lo sợ chạy theo gót thực dân. Khi Quốc dân Đảng vào Lào Cai đem quân đánh thổ ty thì mâu thuẫn giữa Quốc dân Đảng với thổ ty ngày càng bộc lộ. Thực hiện phương châm sách lược của Đảng: Ra sức khai thác mâu thuẫn giữa các thế lực phản cách mạng để cô lập kẻ thù chính, tranh thủ mọi lực

115. Báo cáo chuyên khảo về thổ ty ở Lào Cai ngày 27/3/1948 của Tỉnh ủy Lào Cai.

lượng để tập trung đánh thắng kẻ thù trước mắt, trong kế hoạch giải phóng Lào Cai ta có chủ trương hợp tác với thổ ty để đánh Quốc dân Đảng.

Thực hiện chủ trương trên, Ban Cán sự Đảng Lào Cai tổ chức một phái đoàn có một tiểu đội bảo vệ, đi vào các vùng thổ ty để thuyết phục họ cùng ta tham gia đánh Quốc dân Đảng. Phái đoàn do đồng chí Ngô Minh Loan dẫn đầu lên đường đi Bắc Hà, Mường Khương, Pha Long. Cùng đi với đồng chí Ngô Minh Loan còn có các đồng chí Bằng Giang, Bùi Quang Tạo và anh Nguyễn Viết Phượng.

Nhờ công tác vận động quần chúng đúng đắn, tại thị trấn Bắc Hà phái đoàn của ta tiếp xúc được với các thổ ty Hoàng A Tưởng, Hoàng La Ú. Đến Si Ma Cai đoàn gặp thổ ty Hoàng Đình Chung. Ở Pha Long đoàn gặp La Văn Đức. Ở Mường Khương đoàn gặp 3 anh em thổ ty Nùng Dung Ngán (Nông Vĩnh An), Nùng Dung Sy (Nông Vĩnh Thi sau đổi tên Nông Vĩnh Phương) và Nông Vĩnh Xương.

Khi tiếp xúc với các thổ ty, phái đoàn của ta đều có thiếp ảnh Hồ Chủ tịch gửi tặng các thổ ty nên họ đều vui vẻ đón tiếp. Nói chuyện với các thổ ty, phái đoàn của ta đã phân tích rõ về chính sách của Mặt trận Việt Minh là đoàn kết với mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần xã hội để đánh bại kẻ thù chung bảo vệ độc lập tự do. Sau đó, phái đoàn của ta đề nghị các thổ ty hợp tác quân sự cùng các lực lượng cách mạng nhanh chóng đánh đuổi Quốc dân Đảng giải phóng Lào Cai.

Vấn đề hợp tác quân sự được các thổ ty nhất trí, nhưng khi phái đoàn của ta đưa ra ý định thành lập chính quyền Lào Cai bao gồm những thành viên trong chính quyền (Chủ tịch Ngô Minh Loan, Phó Chủ tịch Nông Vĩnh An, Ủy viên quân sự La Văn Đức, Phó Ủy viên quân sự Lý Triều Dương, Ủy viên thư ký Nguyễn Viết Phượng; còn các ủy viên khác dành cho các thủ lĩnh Bát Xát, Sa Pa), thì phần lớn các thổ ty không đồng ý, do vậy phái đoàn của ta chỉ thỏa thuận về

hợp tác quân sự, hẹn ngày các thổ ty đưa quân ra đánh Quốc dân Đảng ở Lào Cai.

Đầu 1946, Pháp đã chiếm được các tỉnh ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Thực dân Pháp chuẩn bị tấn công ra Bắc nhưng lực lượng còn mỏng và gặp phải quân Tưởng và lực lượng cách mạng Việt Nam.

Lúc này quân Tưởng đang gặp nhiều khó khăn, ở Việt Nam thì không thực hiện được âm mưu phá hoại cách mạng Việt Nam vì thế muốn rút quân trong "danh dự". Trước tình hình đó, Pháp tìm một giải pháp chính trị thích hợp là thương lượng với Tưởng và tìm cách điều đình với chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà để đưa quân ra miền Bắc trong "Hoà bình".

Ngày 28 - 2 - 1946, Pháp ký với Tưởng Hiệp ước Hoa - Pháp tại Trùng Khánh với nội dung có lợi cho cả hai bên: Pháp nhường cho Tưởng một số quyền lợi về kinh tế, chính trị: Xoá bỏ quyền cai trị của pháp trên đất Trung Quốc, nhường cho Tưởng một số "khu đặc biệt" để tự do buôn bán và có quyền kiểm soát các thuế quan ở cảng Hải Phòng, những kiều dân Trung Quốc ở Đông Dương được hưởng những đặc quyền; Tưởng nhường cho quân đội Pháp quyền thay thế quân đội Tưởng chiếm đóng ở phía Bắc Đông Dương.

Như vậy, với Hiệp ước Hoa- Pháp cả Pháp và Tưởng đều đạt được điều mong muốn. Còn với ta thì đó là sự trà đạp thô bạo đối với chủ quyền, độc lập, tự do của dân tộc. Hiệp ước Hoa - Pháp đặt nhân dân ta trước sự lựa trọn: hoặc là cầm vũ khí chiến đấu chống thực dân Pháp không cho chúng đổ bộ lên miền Bắc, hoặc là hoà hoãn, nhân nhượng Pháp để tránh tình trạng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, đẩy 20 vạn quân Tưởng ra khỏi miền Bắc, tranh thủ hoà hoãn để tiếp tục củng cố, phát triển lực lượng, chẩn bị mọi mặt bước vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Trước sự lựa chọn đánh hay hoà phải cân nhắc kỹ càng, phải quyết đoán nhanh chóng. Sau khi phân tích tình hình, Ban Thường vụ Trung ương đã chọn con đường hoà hoãn với pháp để gạt Tưởng

và tay sai của chúng ra khỏi nước ta. Chọn giải pháp đó ta sẽ tránh được tình thế một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, bảo toàn thực lực, tranh thủ thời gian hoà hoãn để chuẩn bị lực lượng. Đảng ta đã nhấn mạnh, trong khi mở cuộc đàm phán ta phải "không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn phải hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta".

Thực hiện chủ trương đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ ta ký với đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ 6-3-1946. Hiệp định quy định: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có nghị viện, chính phủ, quân đội và tài chính riêng nằm trong Liên bang Đông Dương và trong Khối liên hiệp Pháp. Việc thống nhất ba kỳ của nước ta do nhân dân ta quyết định. Việt Nam đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế quân Tưởng, sau 5 năm phải rút hết về nước; hai bên đình chỉ xung đột ở miền Nam và mở cuộc đàm phán để đi đến ký hiệp định chính thức.

Kí Hiệp định Sơ bộ là một bước "hoà để tiến", ta đã loại bớt được kẻ thù, tập trung lực lượng vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Ta có thêm thời gian hoà bình cần thiết để củng cố và phát triển lực lượng mọi mặt bước vào cuộc kháng chiến lâu dài với thực dân Phỏp. Thực tiễn lịch sử đã chứng tỏ việc kí Hiệp định Sơ bộ là một chủ trương đúng đắn, kịp thời, linh hoạt về sách lược của Đảng, Chính Phủ và Hồ Chí Minh.

Sau khi ký Hiệp định sơ bộ, Ban Thường vụ trung ương Đảng ra Chỉ thị Hoà để tiến (ngày 9-3-1946), nêu rõ ý nghĩa quan trọng của việc ký hiệp định với Pháp nhằm thống nhất tư tưởng trong toàn Đảng, ngăn ngừa các khuynh hướng sai lầm và hữu có thể xảy ra trong đảng viên, cán bộ và nhân dân làm ảnh hưởng đến việc chấp hành chủ trương của Đảng, đồng thời nhấn mạnh đến việc phải cảnh giác đề phòng, tỉnh táo chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu nếu Pháp bội ước.

Theo quy định của Hiệp ước Hoa - Pháp, quân đội Tưởng Giới Thạch phải rút khỏi miền Bắc Đông Dương ngày 31-3-1946. Giữa tháng 7-1946, quân đội Tưởng rút khỏi thị xã Lào Cai, bọn phản động Việt Nam Quốc dân Đảng hoang mang nhưng chúng vẫn ra sức củng cố lực lượng để thực hiện âm mưu chống lại cách mạng. Tháng 8-1946, Trung ương Đảng quyết định tấn công Quốc dân Đảng trên toàn miền Bắc. Trên thực tế, ta phải đấu tranh kiên quyết; đến cuối tháng 9-1946 chúng mới rút hết. Để lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, đầu tháng 9-1946 xứ ủy quyết định thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Lào Cai[116]. Sự kiện Ban cán sự Đảng tỉnh Lào Cai được thành lập trong thời gian lực lượng vũ trang của ta tiến quân lên Lào Cai dẹp trừ bọn phản động Quốc dân Đảng đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Đảng bộ và phong trào cách mạng ở Lào Cai nói chung và Mường Khương nói riêng; có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng, tăng thêm niềm tin của quần chúng trong quá trình đấu tranh. Cuối tháng 10/1946, lực lượng vũ trang của các thổ ty tham gia giải phóng Lào Cai tập trung tới Bảo Nhai. Lực lượng tham gia gồm quân của Hoàng A Tưởng (Bắc Hà), La Văn Đức (Pha Long), Nông Vĩnh An (Mường Khương), Hoàng Đình Chung (Si Ma Cai). Sự tham gia của lực lượng vũ trang của thổ ty cùng ta đánh Quốc dân Đảng là thắng lợi của Đảng ta về chủ trương tranh thủ mọi lực lượng để đánh bại kẻ thù chính. Chủ trương này có ý nghĩa rất lớn, để lại bài học về vận động các tầng lớp trên của xã hội phong kiến cát cứ tham gia cách mạng và nhân dân địa phương được hiểu về cách mạng.

Ngày 26-10-1946, các cánh quân chủ lực của ta đã tiến công đánh Quốc dân Đảng ở Phố Lu. Ngày 28-10-1946 thị trấn Phố Lu được giải phóng.

Sau khi thị trấn Phố Lu được giải phóng, nhân dân các địa phương trong huyện Bảo Thắng đã tổ chức đón đường phục kích

116. Ban Cán sự Đảng do đồng chí Ngô Minh Loan làm trưởng Ban, các đồng chí Đào Đình Bảng và Lê Thanh làm ủy viên.

tiêu diệt những toán quân Quốc dân Đảng bỏ chạy. Nhân dân các xã Xuân Giao, Gia Phú tự tổ chức tự vệ tiến công uy hiếp đồn Tả Thàng và vận động binh lính nộp vũ khí cho cách mạng.

Tham gia giải phóng Phố Lu xong, quân của thổ ty Hoàng Đình Chung, Hoàng La Ú viện cớ khí hậu không hợp với người Hmông vùng cao xin quay trở lại Si Ma Cai, còn lại số quân của thổ ty Bắc Hà, Mường Khương, Pha Long tiếp tục cùng quân cách mạng gấp rút chuẩn bị tấn công thị xã Lào Cai.

Ngày 12-11-1946 quân ta chia thành ba mũi đánh vào thị xã Lào Cai, một mũi từ Vạn Hòa, Phố Mới, một mũi từ Cam Đường, một mũi từ Bản Lầu đánh lên. Lúc này lực lượng của các thổ ty cũng có mặt ở giáp thị xã cùng ta tấn công địch. Trước sức tấn công đồng loạt trên các hướng, bọn Quốc dân Đảng hoảng loạn tháo chạy sang Trung Quốc qua cầu Hồ Kiều. Một bộ phận địch do tên Triệu Quốc Lộc chỉ huy bỏ chạy theo đường Bát Xát. Dọc đường tháo chạy, cánh quân này bị nhân dân Bát Xát phục kích đánh cho tan tác. Tên Đảng trưởng Vũ Hồng Khanh đã chạy thoát sang Vân Nam (Trung Quốc). Một phần tư số quân còn lại của Quốc dân Đảng ra đầu hàng cách mạng.

Lào Cai được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của Quốc dân Đảng, mở ra thời kỳ mới cho cách mạng địa phương phát triển rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh. Tạo điều kiện để các địa phương nói chung và Mường Khương nói riêng xây dựng cơ sở cách mạng. Tạo môi trường thuận lợi để tuyên truyền, giác ngộ ý thức cách mạng vào quần chúng nhân dân. Đặc biệt tỉnh Lào Cai giải phóng đã tạo điều kiện cho các địa phương, trong đó có huyện Mường Khương thành lập được chính quyền cách mạng của nhân dân, chính quyền làm nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân ổn định cuộc sống, chuẩn bị lực lượng để bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh.

V. Nhân dân Mường khương tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp (1947 - 1949)

Với mong muốn hòa bình, độc lập dân tộc, Đảng và Nhà nước ta đã thiện chí, nhân nhượng với chính phủ Pháp. Nhưng với dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa, thực dân Pháp đã công khai phản bội Hiệp định sơ bộ ngày 06/3/1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946. Những ngày cuối năm 1946, quân Pháp trắng trợn khiêu khích và gây hấn ở nhiều nơi trên miền Bắc nước ta. Ngày 17 và 18/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường dưới sự chủ tọa của Hồ Chủ tịch. Hội nghị khẳng định: Thời kỳ hòa hoãn đã hết, thời kỳ kháng chiến toàn quốc đã bắt đầu. Hội nghị đã quyết định phát động cả nước kháng chiến và đề ra đường lối, nhiệm vụ, mục tiêu kháng chiến.

Đêm 19-12-1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, sáng ngày 20-12 - 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi toàn quốc kháng chiến, ngày 22 - 12 - 1946 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị toàn dân kháng chiến. Chỉ thị vạch rõ mục đích của cuộc kháng chiến là: "Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập". Đường lối kháng chiến là: "Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến, kháng chiến trường kỳ và tự lực cánh sinh để kháng chiến". Phương pháp kháng chiến là: "Triệt để dùng du kích vận động kháng chiến, bảo toàn lực lượng, kháng chiến lâu dài...vừa đánh địch vừa vũ trang thêm, vừa đánh vừa tạo thêm cán bộ"[117].

Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch và chỉ thị toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng, từ đầu năm 1947, dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Đảng, tỉnh Lào Cai tập trung giải quyết những khó khăn, tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp.

Nhằm đáp ứng sự lãnh đạo của Đảng đối với nhiệm vụ mới. Tháng 01-1947 Tỉnh ủy lâm thời Lào Cai được thành lập thay cho

117. Trích chỉ thị toàn dân kháng chiến ngày 22/12/1946.

Ban Cán sự Đảng. Ngày 05-3-1947, Hội nghị toàn thể đảng viên tỉnh Lào Cai được triệu tập đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức gồm 7 đồng chí. Đồng chí Lê Thanh được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành phụ trách công tác các huyện. Đồng chí Lê Xuân - Tỉnh ủy viên được phân công phụ trách chỉ đạo công tác huyện Mường Khương.

Những ngày đầu năm 1947, tình hình địa bàn tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Mường Khương nói riêng rất phức tạp. Sau khi tỉnh Lào Cai đánh tan bọn phản động Quốc dân Đảng, nhận thức rõ vai trò của chính quyền đối với nhiệm vụ của cách mạng, Ban cán sự Đảng đã chỉ đạo việc thành lập chính quyền cách mạng các cấp. Trong tháng 12-1946, Ủy ban nhân dân cách mạng mang tính chất quân quản cấp tỉnh và huyện được thành lập. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện Mường Khương do đồng chí Cao Tử Kiến làm Phó Chủ tịch, ông Lý Chung Chi làm Ủy viên thư ký, ông Lục Bình Quyền làm Ủy viên. Ủy ban nhân dân cách mạng trực tiếp đứng ra giải quyết những công việc: ổn định đời sống nhân dân, giữ trật tự an ninh địa phương, khắc phục nạn mù chữ, nạn đói, tuyên truyền chính sách của mặt trận Việt Minh và đường lối kháng chiến trường kỳ của Đảng.

Đồng thời với việc thành lập chính quyền huyện. Đầu tháng 01-1947 Huyện bộ Việt Minh Mường Khương cũng được thành lập do đồng chí Cao Tử Kiến làm Bí thư Huyện bộ. Huyện bộ Việt Minh có các đồng chí Nguyễn Tiến Lập, Hà Ân, Khuất Duy Chiến. Một thời gian sau đồng chí Nguyễn Vũ vào thay đồng chí Cao Tử Kiến.

Trước những việc làm tích cực của Ủy ban nhân dân cách mạng và Huyện bộ Việt Minh, nhân dân các dân tộc Mường Khương rất cảm phục chính quyền. Tuy nhiên, lúc này các thổ ty với bản chất cát cứ dân tộc hẹp hòi của mình đã ngấm ngầm phá hoại chính quyền cách mạng. Đầu năm 1947, các lực lượng Thổ ty ra mặt công kích chính quyền. Thổ ty đưa ra khẩu hiệu đấu tranh: "Địa phương

tự do" và "Chính quyền địa phương phải trao trả cho người địa phương". Mặt khác, lúc này Ủy ban quân quản đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế trong công tác quản lý điều hành. Sự tồn tại của Ủy ban quân quản trở nên không phù hợp với tình hình thực tế ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là Ủy ban quân quản vấp phải sức kháng cự của phần lớn các thổ ty.

Trong hoàn cảnh tỉnh Lào Cai ở thời điểm đầu năm 1947 chưa có lực lượng và cơ sở cách mạng vững mạnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã coi công tác vận động quần chúng và xây dựng cơ sở chính trị là nhiệm vụ cấp bách. Đối với những vùng có Thổ ty, việc vận động quần chúng nhất thiết phải thông qua Thổ ty. Muốn nắm được quần chúng phải tranh thủ được sự ủng hộ của Thổ ty vì Thổ ty có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống nhân dân các dân tộc thiểu số. Công tác tranh thủ Thổ ty để vận động quần chúng hướng về cách mạng là công tác vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải có những biện pháp đồng bộ, khôn khéo.

Để đạt được mục tiêu trên, đầu tháng 3-1947 xứ ủy Bắc Kỳ và khu ủy quyết định cho Lào Cai thành lập Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến thay cho Ủy ban quân quản. Ngày 05-3-1947, Đảng bộ Lào Cai đã họp hội nghị bầu Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức và đề ra nhiệm vụ chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Để tăng cường lực lượng toàn dân tham gia cách mạng, lúc này Tỉnh ủy Lào Cai chủ trương đưa các thổ ty lớn vào tham gia chính quyền các cấp. Tuy hiểu rõ bản chất của thổ ty là phản động nhưng trong hoàn cảnh thổ ty có ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân, trong khi quần chúng lại chưa được giác ngộ đầy đủ về ý thức cách mạng thì việc lôi kéo thổ ty để thổ ty tham gia chính quyền là việc làm cần thiết. Để thổ ty tham gia giữ các cương vị chủ chốt trong chính quyền các cấp, nhưng làm thế nào đảm bảo cho chính quyền thực sự là chính quyền cách mạng. Và làm thế nào định hướng được hoạt động của chính quyền theo chủ trương đường

lối của Đảng. Đây là vấn đề lớn được Tỉnh ủy Lào Cai bàn bạc rất kỹ và theo đề nghị của tỉnh, Trung ương và khu ủy đã cho phép Lào Cai thực hiện chế độ đặc phái viên bên cạnh chính quyền các cấp.

Sau thời gian ngắn thực hiện chủ trương vận động thổ ty tham gia chính quyền các cấp, tháng 4-1947 chính quyền quân quản được bãi bỏ, Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến của tỉnh và các huyện được thành lập. Trong thành phần ủy ban các cấp, các thổ ty tham gia giữ các chức vụ chủ chốt. Ủy ban hành chính tỉnh do Thổ ty Nông Vĩnh Xương làm Chủ tịch, Ủy ban kháng chiến tỉnh giao cho Lò Vạn Phù làm Chủ tịch, chức Phó Chủ tịch hai ủy ban tỉnh giao cho Hoàng A Tưởng đảm nhiệm, chức ủy viên Ủy ban quân sự tỉnh giao cho Châu Quang Lồ đảm nhiệm. Ở Mường Khương ta đưa Hoảng Sủng Cồ (tức Hoàng Chính Lẫm) giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện.

Thực hiện chế độ đặc phái viên để định hướng hoạt động của chính quyền các cấp, Tỉnh ủy Lào Cai đã lựa chọn, bố trí những cán bộ giỏi có năng lực, kinh nghiệm vận động quần chúng giữ cương vị đặc phái viên trong chính quyền các cấp với danh nghĩa là đặc phái viên Liên Bộ nội vụ - Quốc phòng của Chính phủ. Ở tỉnh đồng chí Ngô Minh Loan làm đặc phái viên. Ở Mường Khương do đồng chí Lê Xuân làm đặc phái viên.

Được giữ các chức vụ chủ chốt trong chính quyền, lúc đầu các thổ ty tỏ ra thỏa mãn và hợp tác cùng ta củng cố xây dựng chính quyền. Do đó cán bộ ta có điều kiện tranh thủ đi vào Nhân dân để xây dựng cơ sở và giáo dục giác ngộ cách mạng cho quần chúng. Nhờ đó chỉ trong thời gian ngắn ta đã vận động quần chúng xây dựng được một số cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào người Mông ở Bắc Hà, Mường Khương, người Giáy ở Bản Lầu, người Tày ở Bảo Thắng...

Để làm tốt công tác vận động quần chúng, trong thời gian này Tỉnh ủy Lào Cai đã cho hủy bỏ tất cả các thứ thuế, phu phen, tạp dịch do Pháp, Nhật và Quốc dân Đảng đặt ra trước đây. Đồng thời

tiến hành công tác cứu đói, bán muối, bán vải rẻ cho Nhân dân. Ở Mường Khương công tác cứu đói được huyện thực hiện khẩn trương ở những xã trọng điểm đói. Việc cung cấp bán muối rẻ cho dân cũng được thực hiện đến tận các thôn bản. Do đó chính quyền cách mạng và đội ngũ cán bộ cách mạng đã gây được uy tín mạnh mẽ trong Nhân dân, được nhân dân quý mến, ủng hộ.

Trước tình hình xâm lược của thực dân Pháp lan rộng tới các địa phương miền núi, Tỉnh ủy Lào Cai chỉ đạo tổ chức cho cán bộ nhân dân quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ kháng chiến. Chỉ thị "toàn dân kháng chiến" của Trung ương Đảng, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh đã được quán triệt tới toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân.

Sau khi đánh chiếm Yên Bái, Nghĩa Lộ, Lai Châu, thực dân Pháp ráo riết tuyển mộ binh lính, bắt liên lạc với bọn thổ ty và tay sai phản động cũ chuẩn bị tấn công Lào Cai, nhằm hoàn thành xâm chiếm Tây Bắc, làm bàn đạp tấn công sang căn cứ địa Việt Bắc của ta.

Giữa tháng 6-1947, giặc Pháp từ Phong Thổ đánh sang phía Tây Bắc Lào Cai. Bọn thổ ty ở Lào Cai với bản chất phản động đã ra sức bắt liên lạc với chủ cũ, ráo riết chuẩn bị lực lượng, vừa kiềm chế hoạt động của cán bộ cách mạng, vừa phản đối các chính sách của ta để lôi kéo nhân dân. Lợi dụng chức vụ trong chính quyền, thổ ty cố tình làm nhiều điều trái ngược với chủ trương, chính sách của cách mạng. Ở Mường Khương, bọn thổ ty ra mặt ngăn cản hoạt động của cán bộ ta, chúng quy định cán bộ cách mạng muốn xuống họp với dân phải báo cáo với Chủ tịch ủy ban. Đồng thời thổ ty ra sức phản đối chế độ đặc phái viên trong chính quyền, chúng cho rằng mọi quyền hành đều do đặc phái viên nắm giữ, thổ ty chỉ là người "có chức mà không có quyền".

Cuối tháng 6-1947, thực dân Pháp đã hình thành thế bao vây Lào Cai. Đầu tháng 7, Pháp nổ súng đánh thăm dò ta trên hướng

Sa Pa. Do ta bố trí sẵn lực lượng đối phó trên hướng Sa Pa, Bát Xát nên cuộc tấn công thăm dò của địch đã bị thất bại. Chúng tạm dừng kế hoạch tấn công Lào Cai trong tháng 7 và tháng 8.

Thấy Pháp bắt đầu tấn công Lào Cai, các thổ ty trong tỉnh tụ tập tại Mường Khương bàn kế hoạch phối hợp với quân Pháp tấn công cách mạng. Lúc này ở Mường Khương, Pha Long được xem là sào huyệt chống phá cách mạng vì bọn đầu sỏ của thổ ty tập trung ở đây. Pha Long có La Văn Đức, Châu Quang Lồ; Mường Khương có Nông Vĩnh An, Hoàng Sủng Cồ [118].

Âm mưu và thủ đoạn của thổ ty rất sảo quyệt. Sau khi chiếm Lào Cai, vì thiếu cán bộ nên chúng đã đưa những những người kém hiểu biết vào Mường Khương, Pha Long, tuyên truyền xuyên tạc chính sách nói xấu Việt Minh, làm cho họ thành kiến với Việt Minh, chúng dùng mọi phương cách để ngăn cản không cho cán bộ gặp dân chúng của họ, "dọa nạt, đánh đập những người nói chuyện với cán bộ". Chúng nêu khẩu hiệu "địa phương tự trị" , "chính quyền địa phương phải của người địa phương"; vận động dân quân tập trận từ Mường Khương, Pha Long tới Bắc Hà nhằm uy hiếp quân, dân địa phương.

Trước âm mưu và hành động của thực dân Pháp và thổ ty, Đảng bộ tỉnh Lào Cai xác định không thể tiếp tục thực hiện kế hoạch lôi kéo thổ ty đồng thời chủ trương trả lại hành chính cho họ có thực quyền, dùng đặc phái viên khéo léo lãnh đạo; nắm lấy kháng chiến (vì bọn thổ ty chỉ thích có địa phương tự trị còn vấn đề kháng chiến là một vấn đề chúng gặp khó khăn và sợ).

Nhân dân các dân tộc Mường Khương cùng với nhân dân toàn tỉnh Lào Cai chính thức bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và tay sai phản động (1947-1950).

Thực hiện kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh", đầu tháng 10-1947, thực dân Pháp ồ ạt mở chiến dịch tấn công Việt Bắc nhằm tiêu

118. Công văn số 9/KU ngày 01-9-1947 của Tỉnh ủy Lào Cai gửi Khu ủy về "tình hình thổ ty".

diệt cơ quan đầu não của ta. Để phối hợp với chiến dịch Việt Bắc, thực dân Pháp tập trung một lực lượng lớn tấn công ra vùng tự do ở các tỉnh thuộc Tây Bắc.

Ngày 06-10-1947, địch chia thành 2 mũi tấn công Lào Cai trên hướng Sa Pa, Bát Xát. Sau 10 ngày đêm chiến đấu anh dũng, trước thế mạnh tạm thời của địch, quân ta đã rút lui để bảo toàn lực lượng. Ngày 15 địch chiếm Bát Xát, ngày 17-10 - 1947 địch chiếm Sa Pa, ngày 28 - 10 - 1947 địch đánh chiếm thị xã Lào Cai. Lúc này Ủy ban kháng chiến và Ủy ban hành chính tỉnh do thổ ty đứng đầu rút về Bảo Nhai (Bắc Hà). Tại đây các thổ ty lộ rõ nguyên hình phản động. Chúng bỏ chính quyền đứng ra kêu gọi các lực lượng phản động nổi dậy chống phá cách mạng.

Bọn thổ ty ở Mường Khương tuyên bố "giải thể chính quyền, địa phương bỏ ngỏ". Chúng tiến hành bắt giam cán bộ ta, hạ cờ đỏ sao vàng, ngang nhiên treo cờ Pháp, chúng hạ lệnh cán bộ Việt Minh phải ra trình diện, nộp vũ khí cho chúng. Để uy hiếp cán bộ, bộ đội ta, bọn phản động treo giải thưởng: "Ai bắt hoặc chặt đầu được cán bộ sẽ thưởng 400 đồng, bộ đội 100 đồng, người Kinh 10 đồng".

Thổ ty Nông Vĩnh Xương - nguyên là Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh sau khi bỏ chính quyền ở Bảo Nhai đã về Bắc Hà, Si Ma Cai tổ chức họp dân, kêu gọi Nhân dân chống lại chính phủ và mặt trận Việt Minh. Sau đó Nông Vĩnh Xương về Mường Khương triệu tập thổ ty, phát động chiến dịch phối hợp tấn công cách mạng. Nông Vĩnh Xương đã viết thư cho đồng chí Vũ Đình Đức, đặc phái viên Liên Bộ nội vụ - Quốc phòng của tỉnh khuyên rằng: "Không thể giữ nổi thì dẫu có hy sinh cũng không làm gì được thì thà rằng bảo tồn số lượng ấy (lực lượng Mường Khương, Pha Long). Lúc nào Chính phủ tổng tấn công thì lúc ấy sẽ hoạt động"[119].

119. Báo cáo tình hình Lào Cai tháng 11/1947 của Tỉnh ủy Lào Cai (tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai).

Ngày 10-11-1947, tại Mường Khương, thổ ty triệu tập hội nghị quân sự cũng mời đại biểu Bản Lầu, Bắc Hà, Si Ma Cai, Pha Long, Bảo Nhai tới dự. Sau hội nghị, ngày 15-11-1947, lực lượng thổ ty kéo xuống Bản Lầu công khai treo cờ Pháp. Ngày 18-111947, quân thổ phỉ với 150 tên có trang bị đầy đủ vũ khí do Lý Chiều Dương chỉ huy kéo xuống chiếm Bản Lầu. Chúng đóng quân rải rác từ Bản Lầu vào Mường Khương. Cùng ngày chúng cho 50 lính có 2 súng máy do Hoàng Sủng Cồ chỉ huy xuống chiếm Bắc Hà, đồng thời 10 tên ra Bảo Nhai giúp Hoàng A Tưởng. Trước tình hình đó, Đảng bộ Lào Cai chủ trương: Dùng mọi phương pháp để lôi kéo Hoàng La Ú, Bắt Hoàng A Tưởng, Hoàng Sủng Cồ để trừ sự phản động của chúng.

Đến đầu năm 1948, chiến sự đã lan rộng ra khắp tỉnh Lào Cai. Tháng 02/1948, thực dân Pháp mở cuộc tấn công lớn vào xã Xuân Quang, lực lượng ta phải rút khỏi Lào Cai về Lục Yên. Tỉnh Lào Cai hoàn toàn bị giặc Pháp chiếm đóng, ở địa phương chúng ra sức thực hiện chính sách: "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Dựa hẳn vào bọn thổ ty phản động chúng xúc tiến việc tổ chức ngụy quân, thành lập ngụy quyền, vơ vét sức người, sức của của nhân dân địa phương để cung cấp cho nhu cầu của cuộc chiến tranh. Về tổ chức hành chính, thực dân Pháp áp dụng chính sách chia để trị. Lấy sông Hồng làm gianh giới, chúng chia hai bên hữu ngạn và tả ngạn thành hai tỉnh thuộc hai xứ dân tộc tự trị giả hiệu khác nhau. Bên hữu ngạn sông Hồng gồm các huyện Sa Pa, Bát Xát, Phong Thổ, Than Uyên và một phần huyện Bảo Thắng thành tỉnh Phong Thổ thuộc "liên bang xứ thái tự trị". Bên tả ngạn sông Hồng gồm các huyện Mường Khương, Bắc Hà, một phần huyện Bảo Thắng và thêm huyện Hoàng Xu Phì (Hà Giang) thành "tỉnh Lào Cai" nằm trong "xứ Nùng tự trị". Tuy gọi là "xứ tự trị" nhưng đứng trên bộ máy ngụy quyền chỉ huy các tỉnh trưởng lại là các cố vấn người Pháp. Các thổ ty lớn, nhỏ, các chức dịch hào lý cũ đều được Pháp sử dụng lắp vào bộ máy ngụy quyền từ tỉnh đến huyện, xã. Chính sách của thực dân Pháp đối với thổ ty vẫn không hề thay đổi.

Mặt khác, thực dân Pháp ra sức khoét sâu và lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ thổ ty nhằm kiềm chế bớt sự bành trướng của thổ ty buộc thổ ty phải dựa vào chúng, lệ thuộc vào chúng. Đối với thổ ty lớn có quyền lợi gắn chặt với Pháp lại là những tên thống trị những vùng có nhiều nhân tài, vật lực nhất ở địa phương, chúng cho cầm đầu bộ máy ngụy quyền cấp tỉnh như Đèo Văn Ân (thổ ty Phong Thổ) làm tỉnh trưởng tỉnh Phong Thổ. Ở Mường Khương chúng cho Nông Vĩnh An làm tỉnh trưởng tỉnh Lào Cai, La Văn Đức làm phó tỉnh trưởng và Hoàng Chính Lẫm Hoàng Sủng Cồ trước là Chủ tịch Ủy ban hành chính cách mạng Mường Khương là đốc lý. Để nắm chắc Nông Vĩnh An, ngày 11/5/1948, tên quan cao cấp Du - Gốt từ Hà Nội lên Mường Khương ăn tiệc và khai hội với "xứ Nùng", hắn đã gắn mề đây "Bắc đẩu bội tinh" cho tỉnh trưởng Nông Vĩnh An "vì đã có công phối hợp với Pháp đánh chiếm Lào Cai".

Thông qua bọn tay sai phản động, thực dân Pháp tăng cường vơ vét lương thực, thực phẩm của nhân dân cung cấp cho chiến tranh. Chúng bắt các thôn bản phải lập sổ đinh để phục vụ cho việc bắt lính, bắt phu. Chúng cho xây dựng các đội bảo an tập trung, lính dõng tập trung đóng thành đồn bốt ở các bản làm nhiệm vụ tuần phòng và càn quét tại địa phương.

Nhằm thực hiện âm mưu gây chia rẽ dân tộc, bắt các xứ tự trị phụ thuộc vào chúng, thực dân Pháp thường xuyên đưa bảo an, lính dõng của dân tộc này đi khủng bố vùng dân tộc khác, sau đó lại kích động, lôi kéo thanh niên vào lính để chờ dịp trả thù lẫn nhau. Đặc biệt chúng kích động thanh niên các dân tộc thiểu số bắt cán bộ người Kinh. Chúng treo giải thưởng bằng muối, bạc trắng với số lượng lớn cho những ai chặt được đầu cán bộ người Kinh đem nộp. Ngoài ra thực dân Pháp còn tổ chức mạng lưới chỉ điểm thuộc sở mật thám liên bang phòng nhì từ phân khu đến các tiểu khu cả trong binh lính và trong nhân dân để điều tra theo dõi các hoạt động của ta.

Về kinh tế, thực dân Pháp đặt ra hàng trăm thứ thuế đánh vào người dân. Chúng hạ giá đồng bạc trắng, hạ giá thuốc phiện để chúng thu mua rẻ. Những thủ đoạn vơ vét bóc lột của thực dân Pháp về kinh tế cộng với những thủ đoạn về chính trị quân sự càng làm cho nhân dân các dân tộc căm thù giặc pháp và bè lũ tay sai.

Trước những thắng lợi tạm thời về mặt quân sự ở Lào Cai, quân địch ảo tưởng có thể bình định lâu dài được vùng tạm chiếm, biến các vùng này thành hậu phương của chúng để tấn công căn cứ địa Việt Bắc. Nhưng chúng đã lầm, chính những âm mưu thâm độc, những hành động tàn bạo của chúng lại càng nhen nhóm trong lòng người dân vùng tạm chiếm Mường Khương ngọn lửa đấu tranh chờ ngày bùng cháy.

Về phía ta, sau thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc Thu Đông năm 1947, Trung ương Đảng đã triệu tập Hội nghị mở rộng từ ngày 15 đến 17/01/1948 để kiểm điểm, đánh giá tình hình của ta và địch. Hội nghị nhận định: Với thắng lợi liên tiếp của cuộc kháng chiến chống Pháp trên các chiến trường, ta cần chuyển hướng đấu tranh sang giai đoạn mới cho thích hợp. Trên cơ sở đó hội nghị đã đề ra nhiệm vụ cho cuộc kháng chiến giai đoạn này là: Phát động chiến tranh du kích rộng khắp ở mọi nơi, nhất là trong vùng địch kiểm soát.

Tiếp theo, ngày 20-01-1948, Bộ Tổng tư lệnh ra Chỉ thị 114 cho Liên khu 10 về nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa Tây Bắc và giải phóng Tây Bắc. Nội dung chỉ thị xây dựng căn cứ địa của Bộ Tổng tư lệnh xác định: Mở rộng và củng cố cơ sở trong nhân dân. Vận dụng linh hoạt các hình thức võ trang tuyên truyền. Các đội võ trang tuyên truyền chú trọng sử dụng cán bộ địa phương, để một số cán bộ địa phương có khả năng tuyên truyền làm đội trưởng. Các đại đội độc lập cần có ít nhất 1/3 là người địa phương, hoạt động trong các địa phương, đồng thời tích cực giúp đỡ du kích. Tập trung đào tạo cán bộ người địa phương trong các ban xung phong công tác, các đại đội độc lập và các đội võ trang tuyên truyền. Phối hợp chặt chẽ giữa cán

bộ quân sự với cán bộ chính trị. Nếu bộ đội chủ lực thuyên chuyển, cán bộ người địa phương vẫn ở lại bám sát nhân dân để lãnh đạo phong trào. Trong lực lượng vũ trang cần cử một số người làm công tác dân vận và đào tạo cán bộ địa phương, giúp đỡ tích cực cán bộ địa phương. Không ngừng chăm lo cải thiện đời sống nhân dân vùng tạm chiếm cũng như vùng tự do về kinh tế. Ra sức phát động phong trào xung phong xây dựng khu căn cứ địa Tây Bắc.

Nhằm từng bước xây dựng cơ sở ở địa phương, Tỉnh ủy chủ trương tổ chức đại đội vũ trang độc lập ở Thái Niên, Bản Phiệt, Bản Lầu[120(12)]. Tháng 3/1948 Tỉnh ủy Lào Cai đã họp Hội nghị tại Lục Yên (Yên Bái) nhận định tình hình và đề ra nhiệm vụ xây dựng cơ sở, tiến tới phát động quần chúng đấu tranh trong vùng địch kiểm soát. Đối với vùng có thổ ty thống trị, tỉnh chọn những cán bộ biết tiếng dân tộc thiểu số và am hiểu phong tục tập quán vào xây dựng cơ sở.

Hội nghị Tỉnh ủy đã xác định nhiệm vụ trọng tâm thời kỳ này là: Đẩy mạnh công tác vùng địch hậu, tăng cường củng cố vùng tự do, huy động sức người, sức của phục vụ cuộc kháng chiến, phục vụ xây dựng căn cứ địa Việt Bắc. Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh cũng được khai mạc. Hội nghị cán bộ nhận định: Trong lúc địch đang tập trung quân mở rộng cuộc tấn công ra vùng tự do thì trong hậu phương của chúng bị rỗng, quân số còn lại của địch không đủ để kiểm soát vùng chúng chiếm. Với chính sách chia để trị, chính sách bóc lột khủng bố của địch, mâu thuẫn giữa quần chúng với địch ngày càng sâu sắc, nhất là ở vùng có người Kinh sinh sống và vùng đã có cán bộ ta hoạt động. Chính sách phân biệt đối xử của địch đối với các loại thổ ty cũng đã tạo thêm mâu thuẫn ngay trong nội bộ thổ ty và giữa thổ ty với Pháp. Những nhược điểm và tư tưởng chủ quan của địch đang tạo thời cơ tốt nhất để cán bộ ta luồn vào hoạt

120. Nghị quyết án của Tỉnh ủy Lào Cai ngày 15/2/1948, trong Văn kiện Đảng bộ Lào Cai toàn tập. Tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội 2015, Tr 39.

động trong vùng chúng kiểm soát.

Hội nghị đề ra phương thức hoạt động cho cán bộ ta là: Phải hết sức linh hoạt trong công tác tuyên truyền, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Phải kết hợp giữa tuyên truyền bề rộng bằng nhiều hình thức võ trang tuyên truyền với việc giải thích nhiệm vụ kháng chiến cho từng quần chúng. Nội dung tuyên truyền phải cụ thể, sát thực, chỉ rõ được âm mưu thủ đoạn của địch, giải thích rõ ràng được đường lối, chính sách của cách mạng. Đồng thời tăng cường vận động nhân dân tăng gia sản xuất và bảo vệ mùa màng. Trong vùng địch hậu, công tác lãnh đạo quần chúng đấu tranh phải chú ý vận dụng các hình thức cho phù hợp. Có thể dựa vào các tổ chức của ta để vận động quần chúng kết hợp hai hình thức đấu tranh hợp pháp và không hợp pháp. Công tác diệt tề trừ gian phải có nguyên tắc: Lựa chọn đối tượng cụ thể nguy hiểm nhất để tiêu diệt, đồng thời chú trọng công tác giáo dục, thuyết phục những người bị ép buộc trở về hàng ngũ cách mạng.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy và Hội nghị cán bộ toàn tỉnh, một số cán bộ được phân công về hoạt động trong các vùng địch tạm chiếm để xây dựng cơ sở kháng chiến trong nhân dân. Vận dụng những phương thức hoạt động đã được hướng dẫn, cán bộ ta đã áp dụng các hình thức vận động quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao. Từ chống bắt phu, bắt lính, chống thu thuế, chống vơ vét lương thực, thực phẩm, đòi quyền sống tiến dần lên hình thức đấu tranh võ trang, thành lập khu căn cứ du kích với khẩu hiệu "Biến hậu phương địch thành hậu phương ta".

Thực hiện chủ trương của Liên khu 10, ngày 20/3/1948 tỉnh Lào Cai tổ chức Ban xung phong Quyết thắng vào vùng địch hoạt động. Để hỗ trợ cho Ban xung phong Quyết thắng và trực tiếp làm nhiệm vụ xây dựng cơ sở, phá tề trừ gian, phát động phong trào đấu tranh trong quần chúng vùng địch kiểm soát, tỉnh Lào Cai thành lập đội võ trang tuyên truyền gồm 1 trung đội cảnh vệ của tỉnh và 2 trung

đội của Đại đội 888 (trung đoàn 165). Ngoài ra, tỉnh còn thành lập các tổ cán bộ bao gồm những cán bộ của các tiểu đoàn, các đại đội, trung đội chủ lực, những chiến sĩ người địa phương thông thuộc địa bàn đi vào vùng địch kiểm soát.

Ban xung phong Quyết thắng bao gồm nhiều bộ phận có nhiệm vụ chung là xung phong phát triển và xung phong củng cố. Theo kế hoạch, trên đường vào hậu địch, bộ phận làm nhiệm vụ phát triển đi trước đặt cơ sở, xong giao lại cho bộ phận đi sau làm nhiệm vụ củng cố. Khi có điều kiện, đến lượt đội võ trang tuyên truyền thâm nhập hoạt động. Tiếp theo đó là các đại đội độc lập hoạt động theo chức năng võ trang của mình. Khi tiến sâu vào vùng địch, các đội xung phong, vũ trang tuyên truyền và đại đội độc lập tỏa ra hoạt động trên nhiều hướng, cùng tiến hành một cuộc chiến đấu thầm lặng đầy khó khăn gian khổ.

Trọng tâm công tác vùng địch hậu thời kỳ đầu là xây dựng cơ sở vùng Bảo Thắng để làm bàn đạp phát triển sang các huyện khác. Ta chọn huyện Bảo Thắng làm nơi xuất phát để xây dựng cơ sở là vì vùng Bảo Thắng không có thổ ty lớn, nhân dân có ý thức giác ngộ cách mạng cao hơn, về mặt địa hình cũng có nhiều thuận lợi cho việc chỉ đạo đấu tranh.

Nhận thấy lực lượng võ trang lúc này chưa được phát triển, cuối tháng 3/1948 tỉnh chỉ đạo tăng cường phát triển số lượng bộ đội địa phương và lực lượng du kích. Việc xây dựng các đội du kích trong vùng địch tạm chiếm do Ban xung phong Quyết thắng đảm nhiệm, dựa vào cơ sở của ta đã được xây dựng để tiến hành thành lập các đội du kích. Vũ khí trang bị của các đội du kích chủ yếu là tự trang bị bằng phương châm "cướp vũ khí của địch để trang bị cho ta". Khi các đội du kích có lực lượng đông thì biên chế thành tiểu đội, trung đội. Riêng ở những nơi đã thành lập được lực lượng tự vệ và du kích từ trước cần phải củng cố theo hướng vừa nâng cao chất lượng, vừa nâng cao số lượng. Bên cạnh lực lượng tự vệ và du kích, tỉnh còn tập

trung củng cố bộ đội địa phương. Tiểu đoàn cảnh vệ của tỉnh được nâng cao về kỹ thuật, chiến thuật và phương án tác chiến. Đồng thời các đơn vị tìm mọi biện pháp để được trang bị thêm nhiều vũ khí.

Phương án tác chiến của bộ đội địa phương và du kích được quán triệt là: đánh du kích là chính dựa trên hình thức tác chiến vận động chiến, phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực, đánh tiêu hao sinh lực địch, đập tan các cuộc càn quét của địch, tiến tới phản công địch.

Ngày 20/4/1948 các tổ xung phong công tác của tỉnh từ căn cứ Lục Yên lên đường vào hoạt động vùng địch chiếm đóng. Ngày 05/6/1948, tại Phong Niên (Bảo Thắng) tổ xung phong công tác vào vùng địch ở Bảo Thắng đã thành lập tổ công tác Bản Lầu. Tổ này được giao nhiệm vụ đi qua Bản Lọt vào Bản Cầm sau đó sang Bản Lầu để hoạt động xây dựng cơ sở và lực lượng du kích. Tổ công tác Bản Lầu lúc mới thành lập có các đồng chí: Trần Phượng, Lục Bình Thủy, Chu Văn Kiên. Sau được bổ sung thêm các đồng chí: Hà Bắc, Lục Bỉnh Lợi, Lý Hán Sinh, Lục Bình Ngọc, Hoàng Văn Chung và một số đồng chí làm giao thông liên lạc.

Giữa tháng 8-1948, một số thổ phỉ đưa quân về đánh chiếm Bản Lầu, Bản Phiệt cướp của dân. Sau 2 ngày, 2 đêm chúng rút sang Biên giới, việc này đã làm cho nhân dân bức xúc.

Tháng 11-1948, cán bộ của tổ công tác Bản Lầu đã bắt liên lạc được với châu úy Bản Lầu. Được châu ủy Bản Lầu tạo điều kiện, cán bộ ta đã bước đầu xây dựng được cơ sở và một tổ du kích ở Bản Lầu. Lúc này các cơ sở trong tỉnh đã được xây dựng thành một thế liên hoàn từ hữu ngạn sông Hồng đến tả ngạn lên Bản Lầu và vào Bắc Hà[121].

Ngày 13-12-1948, tỉnh Lào Cai phát động cuộc đấu tranh vũ trang ở 3 xã Cam Đường, Gia Phú, Xuân Giao (Bảo Thắng). Cuộc đấu tranh đã nhanh chóng thắng lợi. Khu căn cứ Cam Đường - Gia

121. Văn kiện Đảng bộ Lào Cai toàn tập-Tập 1, Sđd, Tr 123

Phú - Xuân Giao đã được thành lập với tổng diện tích hơn 300km^2, tạo chỗ đứng chân cho lực lượng cách mạng ở Lào Cai, làm bàn đạp cho các lực lượng địa phương tiếp tục tiến công thực dân Pháp.

Đầu tháng 3-1949, Bộ tư lệnh Liên khu 10 chủ trương mở chiến dịch Lao Hà với lực lượng bố trí hai tiểu đoàn tấn công địch ở Hoàng Xu Phì, một tiểu đoàn đánh chiếm Nghĩa Đô, một tiểu đoàn có nhiệm vụ luồn sâu vào vùng địch Lào Cai chiếm Bản Lầu, cắt đứt đường liên lạc Lào Cai - Bắc Hà không cho địch ứng cứu mặt trận bên ngoài. Nhằm phục vụ và phối hợp với chủ lực trong chiến dịch, tỉnh tăng cường công tác vận động nhân dân cung cấp một phần hậu cần tại chỗ. Đồng thời phối hợp tác chiến đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở, phát triển chiến tranh du kích ở địa phương.

Sau khi làm công tác địch vận chiếm được đồn Phố Lu, quân ta tấn công đồn Làng Cù (Xuân Giao), Làng Lớn (Cam Đường), uy hiếp đồn Phố Ràng, tấn công đồn Mã Yên Sơn, Ngòi Mài, Tùng Quang, Cốc Râm...làm cho địch choáng váng. Thừa thắng, ngày 14-3-1949, ta đột nhập đồn Bản Lầu, tiêu diệt và bắt toàn bộ lính dõng ở đây. Ngày 16-3-1949, ta đánh đồn Bản Phiệt sau đó là Bản Cầm. Tính đến trung tuần tháng 3-1949, vùng giải phóng của ta trong hậu địch đã mở rộng gần 2000km^2. Ở Mường Khương, khu vực mới giải phóng gồm 5 xã là Bản Phiệt, Bản Cầm, Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai.

Cũng trong thời gian chiến dịch, Tỉnh ủy Lào Cai có chỉ thị về công tác vận động thổ ty, trong đó nhấn mạnh "chúng ta phải biết nắm thời cơ tốt này để lôi kéo họ, giác ngộ họ, để cho mưu giặc dùng thổ ty đánh ta phải thất bại". Thực hiện chỉ thị trên, do làm tốt công tác vận động thổ ty, tổ công tác Bản Lầu lúc này gồm 3 đồng chí là: Trần Phượng, Lục Bình Thủy và đồng chí Sơn đã vận động được châu úy Bản Lầu trở về với cách mạng.

Trước sức tấn công dồn dập về quân sự và chính trị của ta, thực dân Pháp tìm mọi cách để cứu nguy. Ngày 13-3-1949, tên chỉ huy quân khu Lào Cai vội liên lạc với tên đốc Bàn (Hà Khẩu Trung

Quốc), cấu kết với nhau nhằm chống lại sự tấn công của ta và quân giải phóng nhân dân Trung Quốc. Đồng thời bọn chỉ huy Pháp ở Đông Dương lúc ngày cũng tăng viện cho mặt trận Lao - Hà. Sau khi có lực lượng chi viện, địch mở các cuộc hành quân hòng giành lại những vị trí đã mất. Mở đầu, chúng cho một cánh quân từ thị xã Lào Cai tiến lên Bản Lầu để phối hợp với lực lượng địch ở Mường Khương. Một cánh quân từ thị xã qua Bản Phiệt sang Cốc Ly, Văng Pàm đến Ải Dõng phối hợp với lực lượng địch ở Bắc Hà và Lùng Phình. Mục đích của các cuộc hành quân là nhằm giữ vững tinh thần cho bọn ngụy quân, ngụy quyền ở các địa phương và thăm dò lực lượng ta.

Ngay sau khi chủ lực rút ra ngoài, Tỉnh ủy Lào Cai đã nhận định tình hình và kịp thời lãnh đạo các hình thức đấu tranh ở địa phương. Lúc này tỉnh chủ trương chỉ duy trì hình thức đấu tranh vũ trang ở khu du kích Mường Bo - Suối Thầu - Thanh Kim kết thành thế liên hoàn với khu căn cứ du kích Cam Đường - Gia Phú - Xuân Giao. Đối với những vùng chưa đủ điều kiện đưa quần chúng lên đấu tranh vũ trang như Phong Niên, Bản Lầu, Bảo Nhai...tỉnh chủ trương dùng hình thức đấu tranh hợp pháp và nửa hợp pháp với địch để giữ vững cơ sở, nuôi dưỡng phong trào. Do thực hiện tốt chủ trương trên nên cơ sở của ta trên toàn tỉnh tiếp tục phát triển mạnh. Ở Mường Khương, cơ sở kháng chiến tiếp tục được phát triển lên Cao Sơn, Na Lốc.

Nhằm đáp ứng vai trò lãnh đạo của Đảng đối với phong trào kháng chiến ở địa phương. ***Ngày 04-4-1949, Tỉnh ủy Lào Cai quyết định thành lập chi bộ Đảng Bản Lầu do đồng chí Hà Bắc làm Bí thư***. Đồng chí Trần Phượng - Tỉnh ủy viên đã thay mặt cho Tỉnh ủy đọc quyết định và giao nhiệm vụ cho Chi bộ Bản Lầu. Chi bộ Bản Lầu khi thành lập có các đảng viên: Hà Bắc, Trần Phượng, Lý Chung Chi, Lục Bình Thủy, Chu Văn Kiên, Lục Bình Lợi, Lý Hán Sinh. Cuối năm 1949 đầu năm 1950 chi bộ được bổ sung thêm các đồng chí đảng viên mới: Trần Ngôn, Nguyễn Văn Thuận,

Lục Bỉnh Ngọc.

Chi bộ Bản Lầu là chi bộ đảng đầu tiên ở huyện Mường Khương, chi bộ được thành lập dựa trên một tập thể nhỏ những đảng viên trung kiên được trưởng thành qua phong trào cách mạng những năm 1946 - 1948 ở địa phương. Từ đây công cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân các dân tộc Mường Khương đã chính thức có tổ chức đảng lãnh đạo. Đây là tổ chức tiền thân của Đảng bộ Mường Khương, đặt nền móng cho quá trình phát triển Đảng của địa phương, thực hiện nhiệm vụ lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Mường Khương.

Cùng với việc thành lập Chi bộ Đảng Bản Lầu, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Mường Khương (lúc đó gọi là huyện Bản Lầu) cũng được thành lập do Ủy ban kháng chiến hành chính khu 10 quyết định. Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Bản Lầu lúc thành lập do đồng chí Lục Vĩnh Tường làm Chủ tịch, đồng chí Hà Bắc làm Phó Chủ tịch, đồng chí Lục Bình Quyền làm ủy viên.

Từ giữa tháng 5-1949, địch tập trung tăng cường lực lượng cho chiến dịch sông Thao. Tranh thủ thời cơ ta tăng cường tiếp tế từ vùng tự do vào vùng hậu địch. Phong trào kháng chiến tiếp tục phát triển ở các địa phương trong tỉnh. Mặc dù thực hiện kế hoạch Rơ-ve (REVERS), địch tăng cường càn quét nhưng cán bộ hoạt động ở địa bàn Mường Khương đã kiên trì bám đất, bám dân, phát triển cơ sở lên rẻo người Nùng và người Mông ở La Pan Tẩn và dọc biên giới từ Cốc Râm đến Nậm Chẩy. Trước tình hình đó, cuối tháng 5/1949, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị cán bộ hậu địch tại làng Chủng (Sơn Hà - Bảo Thắng) bàn về công tác xây dựng Đảng, tổ chức chính quyền, công tác dân vận v.v. ở vùng hậu địch. Qua thành công của công tác vận động thổ ty (tranh thủ lôi kéo được Châu úy Phố Lu và Bản Lầu về với kháng chiến) hội nghị đã phân loại thổ ty để có đối sách với từng loại. Hội nghị còn nhận định trong vùng hậu địch ngoài khu du kích và căn cứ du kích còn có vùng "Hoãn Sung" khu Hoãn Sung là

nơi giáp ranh giữa vùng giải phóng và vùng địch kiểm soát. Tại các khu này, thường tồn tại chính quyền bí mật của ta và ngụy quyền, ban ngày là của địch, ban đêm là của ta. Vùng Hoãn Sung đã góp phần quan trọng tạo nơi tập kết của lực lượng ta, làm bàn đạp tấn công, tập kết địch mở rộng vùng giải phóng.

Đến quý II năm 1949 tỉnh thành lập thêm đội công tác Mường Khương. Đồng thời tỉnh ban hành kế hoạch phối hợp lãnh đạo phong trào đấu tranh ở Mường Khương, Bản Lầu - Bắc Hà - Phong Niên nhằm giữ mối đấu tranh liên hoàn trong vùng người Mông ở Bản Lầu - Bắc Hà - Mường Khương, Mường Lum, Sín Chải. Đội công tác Mường Khương đã nhanh chóng đưa cơ sở kháng chiến lan nhanh ra khắp vùng Cao Sơn và bắt mối vào tất cả các xóm bản vùng sâu Mường Khương. Trong gian khổ của cuộc kháng chiến, nhân dân các dân tộc Mường Khương vẫn một lòng đi theo cách mạng, Thào Sẩu một thanh niên người Mông ở thôn Sín Chải đã nêu tấm gương sáng cho đồng bào các dân tộc noi theo. Không những là người liên lạc dũng cảm mưu trí, Thào Sẩu còn điều tra nắm vững tình hình địch kịp thời đưa tổ vũ trang của ta vào diệt hai tên chỉ điểm nguy hiểm ở địa phương làm cho nhân dân vô cùng phấn khởi. Khi địch khủng bố quần chúng, anh đã dũng cảm nhận hết trách nhiệm về mình là do đã giết tên chỉ điểm. Bị địch bắt và tra tấn cực kỳ dã man nhưng anh không hề khai báo. Câu nói của anh Thào Sẩu "không bao giờ làm dao hai lưỡi" trước lúc giặc giết anh thể hiện tấm lòng người dân Mường Khương đối với Đảng. Trong thời gian này, đội công tác biên giới đã xây dựng được cơ sở tương đối rộng trong đồng bào Việt kiều giáp với Mường Khương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng Trung Quốc.

Trong hai ngày 17 và 18-8-1949, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai họp. Trên cơ sở nhận định tình hình ta và địch, Hội nghị chủ trương: Tập trung chủ lực, xây dựng bộ đội địa phương. Cắt đứt hành lang Hoàng Su Phì, Lào Cai. Dùng áp lực quân sự gây thành

tích Địch vận. Mở rộng hậu địch Lào Cai, luôn luôn chuẩn bị chiến trường, quan sát Phố Lu, Bảo Hà, Hoàng Su Phì để phá hoại phòng tuyến Bảo Hà- Nghĩa Đô. Đại đội lính Đức nam Du kích Bảo Thắng. Giữ vững dân bám sát Phố Lu, Bảo Nhai, Tòng già. Đại đội Châu Thành hoạt động trong phạm vi Chapa, Bát Xát; Công an thành lập đội biệt động bám sát Thị xã và Biên giới hoạt động.

Hội nghị cũng chỉ rõ nhiệm vụ:

- Biệt động đội của Công an phối hợp với biệt động đội của Hoa kiều có thể sang Biên giới lấy danh nghĩa Giải Phóng quân gây cơ sở tổ chức dân chúng nhưng phải theo đúng cách thức của Giải Phóng quân để làm bàn đạp ở Biên Giới.

- Về phòng gian, trừ gian, lợi dụng lúc hàng ngũ Tề hoang mang, tích cực kêu gọi (bằng phao tin, bằng truyền đơn) tất cả những tụi Thổ ty ra hàng. Xúc tiến việc liên lạc bằng mật giao với chúng. Đối với tụi phản động chưa ngả hẳn, một mặt phải tích cực trừng trị bằng bắt cóc, ly gián v.v...Đối với Hội tề địa phương, phải thẳng tay trừng trị trừ một vài hoàn cảnh đặc biệt mới nên lợi dụng. Ở khu tự do, tăng cường sự kiểm soát, gây ý thức cho dân chúng về việc phòng gian nhưng phải đề phòng sự hành động bừa bãi của một số cán bộ. Duyệt lại danh sách bọn phản động ở địa phương.

- Về địch vận, cần thống nhất hành động địch vận, tất cả các Tổ địch vận phải tới một nơi nào sẽ phải chịu sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đó. Chuẩn bị cho một số Trung kiên chui vào hàng ngũ địch để làm nội ứng; phải chấn chỉnh lại bộ máy địch vận của chính quyền tại các địa phương.

Nhằm bảo đảm hậu cần phục vụ cho chiến dịch, chống lại âm mưu và hành động chống phá của địch, xây dựng lực lượng của ta, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chỉ thị chỉ đạo, như Chỉ thị Số 10 - CT/TU ngày 11-9-1949 "Về việc tiết kiệm gạo và chuẩn bị gạo cho cơ quan và bộ đội"; Chỉ thị Số 11 - CT/TU ngày 12-9-1949 "Về việc phòng gian", chỉ thị Số 16 - CT/TU ngày 28-9-1949 về "Chấn chỉnh

các tổ chức Đảng trong và ngoài vùng địch"; Chỉ thị số 20- CT/TU, ngày 05/10/1949 về bao vây kinh tế địch; Chỉ thị số 22 - CT/TU ngày 20-10-1949 về "Đề phòng rút vào bí mật".

Trước tình hình biên giới chuyển biến mạnh mẽ, để chuẩn bị phối hợp công tác được kịp thời, ngày 17-10-1949, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Chỉ thị số 03 - CT/TU về việc chủ trương công tác mặt trận biên giới, trong đó chỉ rõ nhiệm vụ cho các địa phương:

"Ráo riết củng cố khu vực giáp biên giới gồm các làng Mán và một phần Nùng, Nhắng từ Bản Phiệt lên tới Chợ Chậu, chuẩn bị mọi mặt đưa vùng này ra tranh đấu một khi giải phóng quân hoàn toàn kiểm soát vùng Hồ Kiều... Một mặt phải cố gắng chuẩn bị cho các cơ sở người Mán dọc đường số 4 ra tranh đấu phối hợp, hoặc ít nhất cũng ở tình trạng hoãn xung để bảo đảm đường liên lạc và đánh thông 2 khu tự do Phong Niên, Bản Lầu. Công tác đội Bát Xát và Mường Khương phải gây cơ sở vào dân Nhắng, Nùng để làm tai mắt cho ta và để chuẩn bị đánh những đòn biệt động.... Phải đề phòng chính sách của giặc Pháp đối với dân biên giới, đề phòng những cuộc càn quét của địch, đề phòng chính sách tập trung dân... Các đội công tác ở Bát Xát và Bản Lầu, Mường Khương cùng chung nhiệm vụ cần có sự liên lạc và phối hợp mật thiết với nhau. Phải thường xuyên báo cáo về công tác chuẩn bị và những biến chuyển ở biên giới để Tỉnh ủy có chủ trương kịp thời...Tình hình biên giới có nhiều thuận lợi cho ta, song cũng cần đề phòng và khắc phục những khó khăn do giặc Pháp gây nên, chúng ta cần khéo léo lợi dụng kịp thời cơ đưa nhân dân biên giới ngả về ta"[122].

Trước sự phát triển của cuộc kháng chiến của ta và thắng lợi của cách mạng Trung Quốc, thực dân Pháp tìm mọi cách để chống đỡ. Trong mệnh lệnh phòng thủ Bắc Kỳ đề ngày 13-12-1949, tên La-Gioa (LaJoix) chỉ huy khu Tây Bắc Zano đã chỉ thị cho các quân

122. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (2015): Văn kiện Đảng bộ Lào Cai toàn tập-Tập 1, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, tr 443.

khu, đặc biệt là quân khu Lào Cai phải tăng cường phòng thủ đề phòng các cuộc tấn công của ta. Thực hiện mệnh lệnh trên, bọn Pháp ở phân khu Lào Cai ra sức tuyển mộ ngụy binh, củng cố các vị trí trọng yếu. Ở Mường Khương, chúng gấp rút xây dựng công sự ở đồn Bản Lầu, Bản Phiệt và xây thêm lô cốt ở đồn Chợ Chậu. Mặt khác, chúng bắt dân về sống gần các đồn đã kiểm soát và lấy dân làm hàng rào bảo vệ phòng khi ta tấn công. Chúng bắt phu đi xây đồn Bản Lầu, Chợ Chậu. Mặt khác chúng đe dọa, khủng bố những nơi nghi ngờ có cán bộ ta hoạt động. Để giải thoát cho nhân dân, đội công tác Bản Lầu quyết định đánh quấy rối đồn Bản Lầu tạo điều kiện cho gần 200 đồng bào đang bị bắt làm phu xây đồn lấy cớ bỏ về. Ngoài ra, đội công tác Bản Lầu còn bố trí các cán bộ trung kiên làm giao thông liên lạc đưa đường cho cán bộ quân sự vào nghiên cứu thực địa chuẩn bị cho việc giải phóng địa phương.

Khái quát lại chặng đường từ khi nhân dân các dân tộc Mường Khương được đón nhận ánh sáng của Đảng, của cách mạng đến hết năm 1949 là chặng đường cách mạng cả nước nói chung và mỗi địa phương nói riêng phải trải qua vô vàn khó khăn thử thách, nhưng vô cùng anh dũng vẻ vang. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ Lào Cai, những cán bộ cốt cán của tỉnh được tỉnh điều động lên Mường Khương hoạt động đã dũng cảm hoạt động không biết mệt mỏi để xây dựng những cơ sở cách mạng đầu tiên dẫn tới thành lập Chi bộ Bản Lầu (ngày 4/4/1949). Từ Chi bộ đầu tiên đó đã không ngừng nhen lên phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân khu vực Bản Lầu để hình thành cái nôi của phong trào cách mạng Bản Lầu của huyện mường Khương, để từ đây phong trào đấu tranh cách mạng nhanh chóng lan ra toàn huyện, làm tiền đề cho Đảng bộ Mường Khương ra đời lãnh đạo cách mạng.

Chương II
BAN CÁN SỰ ĐẢNG MƯỜNG KHƯƠNG RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC TIỄU PHỈ, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1950 - 1960)

I. Bối cảnh và sự kiện thành lập Ban Cán sự Đảng - tổ chức tiền thân của Đảng bộ Mường Khương

Nhằm làm chuyển biến cục diện chiến tranh, Đầu năm 1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho Liên khu 10 mở chiến dịch Lê Hồng Phong I. Chiến dịch lấy Lào Cai làm hướng chính và có nhiệm vụ: Phối hợp với Giải phóng quân Trung Quốc tiêu diệt tàn quân Quốc dân Đảng nếu chúng tràn qua biên giới. Làm tan rã khối ngụy binh, tiêu diệt một số vị trí địch, giải phóng Lào Cai mở thông đường quốc tế.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương, Đảng bộ Lào Cai xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, giáo dục, động viên và tổ chức phối hợp chặt chẽ với bộ đội chủ lực góp phần vào thắng lợi của chiến dịch. Để kịp thời lãnh đạo quân dân trong chiến dịch, Tỉnh uỷ ra chỉ thị Số: 10 - CT/TU "Gửi các công tác đội Biên giới" nói rõ việc gấp rút chuẩn bị tranh đấu ở huyện lỵ Bát Xát, Bản Lầu : "Chuẩn bị gấp rút võ trang tranh đấu ở Bát Xát và Bản Lầu vì tình hình hai nơi này đã sáng sủa hơn trước. Và nhất là vì hai nơi này có 1 địa vị quan trọng về quân sự trong giai đoạn phản công".

Đầu tháng 2-1950, chiến dịch Lê Hồng Phong đợt I nổ súng. Ngày 08-02-1950, trung đoàn 102 tấn công đồn Phố Lu. Sau 5 ngày 6 đêm ta tiêu diệt đồn Phố Lu. Đúng 4 giờ 30 phút ngày 09-02-1950, Tiểu đoàn 564, Trung đoàn 165 và đại đội bộ đội địa phương của

tỉnh đã tiến công chiếm Bản Lầu, chợ Chậu. Trong 10 ngày địch liên tiếp mở các đợt phản công hòng lấy lại Bản Lầu nhưng chúng đều bị quân ta đánh tan, bọn phản động ở Bản Lầu cùng một số lính dõng chạy về đồn Bản Phiệt. Trước chiến dịch, hầu hết các xã trong khu vực Bản Lầu đã xây dựng được cơ sở bí mật của ta, lúc này ta phát động quần chúng đấu tranh vũ trang lập thành khu du kích. Quần chúng hết sức phấn khởi hăng hái tham gia tiếp tế cho bộ đội đánh địch, bảo vệ địa phương. Trong các ngày 11 và 18-2-1950, hai lần địch tấn công lên Bản Lầu hòng giành lại vị trí đã mất, song bị bộ đội địa phương và du kích Bản Lầu giáng trả chúng phải rút chạy. Ngày 19-2-1950, địch từ đồn Bản Phiệt tiến lên chiếm lại đồn Bản Lầu. Ngày 23-2-1950, chúng lại bị ta đánh bật khỏi đồn. Sau đó địch cho một đơn vị từ km 38 xuống Lùng Vai hòng ứng cứu cho bọn Bản Lầu, song bọn này không dám tiến xuống Bản Lầu vì sợ bị tiêu diệt.

Bản Lầu được giải phóng nhưng khu Mường Khương - Pha Long khá phức tạp. Đầu tháng 2-1950, khi ta tấn công Bản Lầu, một trung đội bảo an ở đây chạy vào Mường Khương. Tiếp theo, Lý Chiều Dương đưa hai trung đội bảo an từ Lào Cai chạy về Mường Khương cùng một số bảo an ở Bắc Hà cũng chạy sang tạo cho Mường Khương lúc này lực lượng địch tập trung khá đông. Ngoài lực lượng bảo an, địch còn huy động tất cả thanh niên địa phương cầm súng gác các ngả đường sang Trung Quốc và xuống Bản Lầu. Chúng triệt để tận dụng khẩu hiệu "tận dân vi binh" để chống lại cách mạng. Thực dân Pháp đặc biệt chú ý tiếp tế muối, thuốc lào và đạn dược cho khu vực Mường Khương - Pha Long. Ngày 11-2-1950 Pháp thả 60 dù muối sau đó liên tiếp trong các ngày 22 và 23-2-1950 chúng thả nhiều dù lương thực, vũ khí xuống Mường Khương - Pha Long. Ngoài ra thực dân Pháp còn tăng cường cho khu vực này hai tên sĩ quan Pháp trực tiếp xuống chỉ huy nhằm củng cố Mường Khương tạo bàn đạp chiếm lại Bản Lầu. Ở Pha Long có một trung đội bảo an do Châu Quang Lồ chỉ huy. Để giữ vững tinh thần cho bọn tay sai và nhằm an dân, cuối tháng 2-1950, chúng đưa Nông Vĩnh Phương

trở lại Mường Khương và La Văn Đức từ Bắc Hà về Pha Long để củng cố lực lượng.

Sau khi ta tiêu diệt địch ở thị trấn Phố Lu, ngày 24-02-1950 địch nhảy dù tiếp viện cho Nghĩa Đô, Phong Niên, Bảo Thắng, thăm dò lực lượng ta ở Phố Lu, lùng úp các cơ quan đầu não làm hoang mang tinh thần dân chúng.

Để đề phòng địch có thể đánh những đòn táo bạo cho quân nhảy dù xuống Phố Lu, Phố Ràng đánh vào sau lưng ta hoặc cho phi cơ oanh tạc các cơ quan ở hậu phương, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra chỉ thị Số 027 - CT/TU ngày 02 tháng 3 năm 1950 "Về việc chuẩn bị rút vào bí mật" yêu cầu: Các cơ quan các cấp chính quyền và mặt trận phải triệt để quân sự hoá, chuẩn bị sẵn sàng mọi phương tiện để bất cứ lúc nào cũng có thể dễ dàng rút vào bí mật hoạt động; Các cán bộ phải chuẩn bị nắm vững một số trung kiên để khi rút vào bí mật vẫn có thể nằm lại hoạt động được và mặc dầu tình thế khó khăn, gian khổ các cán bộ vẫn phải nằm lại đi sát với dân ở từng lán mà lãnh đạo dân tranh đấu. Nhằm chỉ đạo công tác tiễu phỉ ở Mường Khương, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị Số 032 - CT/TU, ngày 15 tháng 3 năm 1950 về việc phá tan khối ngụy binh Nùng gửi công tác Đội Bản Lầu, Bắc Hà và Huyện uỷ Bảo Thắng. Chỉ thị nêu rõ: "Giặc Pháp rút khỏi Nghĩa Đô, Ban chỉ huy quân sự ra lệnh cương quyết tiêu diệt ngụy binh xứ Nùng. Căn cứ theo chuyển hướng mới Tỉnh uỷ yêu cầu nhiệm vụ chính của 2 Công tác đội này là hợp lực với chủ lực phá tan khối ngụy binh Nùng, quét địch khỏi địa phương mình: (1) Hợp lực với bộ đội đánh võ trang vào Mường Khương, Bắc Hà, giúp đỡ bộ đội hiểu rõ địa phương, giúp bộ đội kinh nghiệm đánh võ trang tuyên truyền lãnh đạo lối đánh võ trang tuyên truyền cho đúng lối, phối hợp trong công tác địch vận cùng các cán bộ, giao thông, du kích và hướng dẫn bộ đội. (2) Lợi dụng cả lực lượng của một số phụ nông Trung Hoa có mâu thuẫn với họ Nông, đánh phối hợp vào Mường Khương...(3) Song song với việc mở rộng khu tranh

đấu, phải củng cố những miền để có thể tranh đấu võ trang với địch mặc dầu chiến dịch thất bại.

Trong lúc chiến dịch Lê Hồng Phong đợt 1 diễn ra khẩn trương thì ***ngày 01/3/1950 Tỉnh ủy Lào Cai quyết định thành lập Ban cán sự Đảng huyện Mường Khương***[123], nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhân dân trong huyện phối hợp hiệu quả hơn nữa với bộ đội chủ lực để hoàn thành thắng lợi chiến dịch và tiến tới giải phóng địa phương.

Ban cán sự Đảng huyện thành lập trên cơ sở chi bộ Bản Lầu gồm có 3 đồng chí: Đồng chí Hà Bắc làm trưởng Ban; Đồng chí Lý Hán Sinh và Trần Ngôn làm ủy viên. Sau khi thành lập, Ban cán sự phân công đồng chí Hà Bắc phụ trách chung và phụ trách công tác xây dựng cơ sở khu vực Mường Khương cùng với đồng chí Lý Hán Sinh và Chu Văn Kiên. Đồng chí Trần Ngôn củng cố cơ sở khu vực Bản Lầu và Cao Sơn. Đồng chí Lục Bỉnh Lợi phụ trách công tác xây dựng bộ đội địa phương huyện. Nhiệm vụ chung của Ban cán sự lúc này là tập trung lãnh đạo làm tốt công tác xây dựng củng cố lực lượng để phối hợp với bộ đội chủ lực giải phóng Mường Khương.

II. Ban Cán sự Đảng Mường khương lãnh đạo công cuộc chống Pháp, tiễu phỉ (1950 - 1955)

Ngày 09-3-1950, địch từ Bản Phiệt tiến lên định chiếm lại Bản Lầu nhằm liên lạc với Mường Khương, song chúng bị bộ đội và du kích đánh bật, buộc phải rút về đồn Bản Phiệt. Đến trung tuần tháng 3/1950, chiến dịch Lê Hồng Phong đợt I kết thúc. Ở Mường Khương, trừ Bản Phiệt còn là nơi tranh chấp, các nơi khác thuộc Bản Lầu đã hợp thành khu du kích, các xã thuộc Bản Lầu đã tiến hành thành lập được chính quyền nhân dân cấp xã. Trên khu vực Mường Khương, cơ sở của ta đã phát triển đến Vạn Niên Sử và Lao

123. Ngày 01/3/1950 được coi là ngày thành lập Đảng bộ huyện Mường Khương.

Chải. Cùng thời gian chiến dịch mở tại địa phương, huyện Mường Khương đã thành lập được huyện đội bộ dân quân và tổ chức được một trung đội bộ đội địa phương huyện. Ở các xã ta đều tổ chức được đội du kích làm nhiệm vụ canh phòng tuần tiễu, chống do thám, gián điệp bảo vệ địa phương. Mặc dầu sống trong điều kiện bị kìm kẹp và luôn phải đi phu và nộp sưu cao thuế nặng, đời sống còn nhiều khó khăn, song với lòng yêu nước, chí căm thù giặc, nhân dân khu vực Bản Lầu đã san sẻ khẩu phần ăn của mình cung cấp cho lực lượng vũ trang đánh địch 44.579 cân gạo, 27 con trâu, 50 con lợn, 287 con gà, 45 con vịt, 307 công người và 288 công ngựa thồ.

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, Mường Khương tiến hành quân sự hoá, chuẩn cán bộ trung kiên của huyện Mường Khương rút vào hoạt động bí mật trong tình thế khó khăn, gian khổ vẫn đi sát với dân ở từng lán và lãnh đạo nhân dân đấu tranh. Đội công tác Bản Lầu đẩy mạnh hoạt động võ trang tuyên truyền, địch vận, mở rộng cơ sở cách mạng.

Sau khi kết thúc màn I chiến dịch Lê Hồng Phong, đầu tháng 4/1950, chủ lực ta rút ra ngoài để củng cố. Để bảo vệ vùng mới giải phóng, ngoài trung đội bộ đội địa phương huyện, tỉnh tăng cường cho Bản Lầu một đại đội (gồm 2 trung đội).

Biết chủ lực của ta đã rút, địch bắt đầu tổ chức các cuộc càn quét vùng ta mới giải phóng và các khu đấu tranh vũ trang của ta. Mở đầu, chúng cho lực lượng càn dọc hai bên đường Lào Cai - Phố Lu - Cốc Râm. Ở Mường Khương, ngày 29/4/1950, chúng cho 200 lính com măng đô càn quét từ Mường Khương xuống chợ Chậu về Bản Lầu, Bản Phiệt. Ngày 05 -18/5/1950, chúng huy động 600 quân vừa quân âu phi vừa lính khố đỏ hợp lực với đại đội bảo an Mường Khương và lính dõng tấn công Bản Lầu, tại đây bộ đội địa phương tỉnh (C962) và huyện chống trả quyết liệt. Tên binh thầu trước làm việc cho ta kéo theo một số quần chúng lạc hậu và một tiểu đội dân quân đem theo 8 súng chạy theo giặc. Bọn này đã bắt một cán bộ

địch vận của ta nộp cho Pháp và đánh úp tổ cán bộ, làm bị thương một số cán bộ liên lạc của ta. Trước tình hình địch tấn công mạnh, bọn phản động ngóc đầu dậy, bộ đội địa phương và một số cán bộ rút lên rẻo cao Bản Lầu để bảo vệ cơ sở. Số còn lại cùng Ủy ban kháng chiến hành chính huyện rút ra khu vực biên giới, dựa vào cơ sở Việt kiều để tiếp tục duy trì phong trào ở Cốc Râm**,** Nậm Chảy.

Sau khi chiếm được Bản Lầu, từ cuối tháng 5/1950 địch tăng cường củng cố ba cứ điểm Bản Lầu, Bản Sen, Bản Phiệt. Trước tình hình đó, Ban cán sự Mường Khương chủ trương đưa dân về sống công khai hợp pháp với địch và chuyển cơ sở vào hoạt động bí mật. Phong trào đấu tranh ở vùng cao và giáp biên vẫn được giữ vững, bên cạnh việc làm đó, để ổn định đời sống nhân dân tản cư sang bên kia biên giới, ta chuyển được 5 tấn thóc, một số trâu cày phục vụ đồng bào sản xuất.

Thực hiện Chỉ thị Số 43- CT/TU.LK, ngày 17 tháng 5 năm 1950 Về việc trọng tâm công tác của các địa phương trong 2 tháng 5 và 6 năm 1950, Bản Lầu tiến hành chấn chỉnh lại các tổ chức Ủy ban Kháng chiến Hành chính du kích, bộ đội địa phương, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức trung kiên; Mường Khương, Pha Long (Bản Lầu) mở rộng cơ sở địch vận.

Cùng với việc đẩy mạnh đấu tranh trên mặt trận quân sự, tiến tới giải phóng toàn tỉnh, Đảng bộ Lào Cai đã kịp thời đề ra chủ trương giải quyết các nhiệm vụ khác. Tháng 5-1950, Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Lào Cai lần thứ hai đã kiểm điểm công tác ba tháng đầu năm, định công tác 6 tháng cuối năm, Phổ biến nghị quyết hội nghị toàn quốc lần thứ ba; kế hoạch tác chiến xây dựng bộ đội địa phương, chuẩn bị chiến trường. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ cấp thiết của Lào Cai, thông qua nghị quyết tiếp thu các miền được giải phóng xác định những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội quân sự sau khi tỉnh Lào Cai được giải phóng; nghị quyết xây dựng và chấn chỉnh cấp xã.

Về phía địch, trong tháng 7-1950, chúng liên tục mở các cuộc hành quân nhằm trấn an tinh thần binh sĩ các đồn bốt. Ngày 6-7-1950, hơn một trung đội bảo an càn từ Lào Cai vào Bản Lạt. Ngày 19-7-1950 một trung đội lính Âu Phi càn vào làng Nậm Sửu. Ngày 23-7-1950, chúng cho hai trung đội bảo an càn vào Bản Cầm và sang Bản Lầu.

Sáng ngày 26-7-1950, chúng càn vào làng Sín Chải, sau càn xuống Mường Lum. Trong các cuộc càn quét này chúng đã cướp phá nhiều tài sản của nhân dân, hãm hiếp phụ nữ ở Nậm Sửu, bắt dân sơ tán trong rừng về sống quanh các đồn. Những cuộc hành quân phá hoại của địch đã làm cho nhân dân vô cùng căm phẫn. Ngày 14/8/1950, bọn phản động và bảo an phục kích tổ cán bộ của ta ở Tà San, đồng chí Thuận phụ trách tổ đã anh dũng hy sinh.

Mặc dù bị địch càn quét nhiều lần nhưng sau chiến dịch Lê Hồng Phong I, phong trào cách mạng ở Mường Khương, đặc biệt là Bản Lầu vẫn được giữ vững và tiếp tục phát triển. Do bám dân, bám sát địa bàn, được quần chúng nhân dân các dân tộc che chở nên cán bộ ta hoạt động vẫn có hiệu quả. Đến tháng 8/1950, ta đã tổ chức được bốn tổ trung kiên ở vùng người Mông và một tổ trong đồng bào Dao ở Bản Phiệt. Thời gian này huyện đã đào tạo được 6 cán bộ người địa phương. Đồng thời ta còn tăng cường công tác phòng gian bảo mật. Đã bố trí diệt được ba tên mật thám khi chúng vào dò la tin tức ở Sín Chải, gây được niềm tin và phấn khởi trong quần chúng nhân dân. Đối với vùng đồng bào tản cư ta vẫn tăng cường chỉ đạo để ổn định đời sống nhân dân. Ngoài việc cung cấp những nhu yếu phẩm thiết yếu cho nhân dân, ta còn vận động nhân dân tranh thủ để tăng gia sản xuất, ổn định đời sống.

Trước sự càn quét của địch, để duy trì phong trào, Ban cán sự Đảng Mường Khương chia Bản Lầu thành ba khu, mỗi khu có một cán bộ phụ trách cơ sở của ta ở khu vùng cao từ La Pan Tẩn đến Mường Lum vẫn được duy trì. Cơ sở ở Bản Sinh, Suối Thầu thuộc

địa bàn vùng thấp vẫn tiếp tục phát triển. Vùng giáp biên giới cơ sở vẫn được mở rộng sang các làng Chin Phìn, Cốc Chỏm, Lùng Pồ, Tà San, Tà Lạt, Lùng Sì Tờ, Nậm Siu.

Đến trước màn II chiến dịch Lê Hồng Phong, mặc dù bị địch càn quét phong trào ở địa phương có lúc lên lúc xuống nhưng nhìn chung toàn huyện công tác xây dựng và phát triển cơ sở vẫn có bước đi tương đối vững chắc.

Cuối tháng 7-1950, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch biên giới với hướng chính là Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Ở Lào Cai, ta mở chiến dịch Lê Hồng Phong màn II có nhiệm vụ tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, nghi binh thu hút quân ứng chiến của địch đối với chiến trường. Đây là: "nhiệm vụ trọng yếu nhất trong kế hoạch phối hợp với chiến trường chính". Thực hiện chủ trương trên, ở Lào Cai ta đã làm tốt công tác nghi binh bằng các việc làm chuẩn bị vừa kín vừa hở, làm cho địch tin chiến dịch lớn ta mở tại đây. Để đối phó, chúng tăng quân cho Lào Cai và Mường Khương. Đại đội 12 tiểu đoàn 3 trung đoàn bộ binh thuộc địa số 6 của địch được tăng cường cho Bản Phiệt.

Ngoài ra, địch còn tăng cường quân cho Bắc Hà và thị xã Lào Cai. Từ cuối tháng 8-1950, chúng liên tục mở những cuộc hành quân từ Bản Phiệt lên Bản Lầu và Mường Khương. Ở Bản Lầu chúng ráo riết củng cố công sự và lực lượng. Hàng ngày địch bắt từ 40-50 phu lên xây dựng, sửa chữa đồn bốt. Đồng thời chúng thường xuyên cho lính dõng và bảo an đi tuần tra các làng quanh cứ điểm. Ở Bản Phiệt, ngày 14-9-1950, chúng bắt phu xây thêm 10 lô cốt nhỏ quanh đồn và đào giao thông hào, phát quang đồn bốt. Liên tục cho quân đi tuần tiễu dọc đường số 4 từ Nậm Chủ về đồn, lực lượng lính dõng ở các làng cũng được tăng cường để đối phó với kế hoạch của ta.

Trước âm mưu của địch là sử dụng lực lượng võ trang phản động ở địa phương cùng bọn thổ phỉ cố thủ thị xã và quấy rối biên giới để kiềm chế chủ lực của ta trên này và ngăn sự liên lạc giữa ta

với Trung Hoa, ngày 02 tháng 9 năm 1950, Tỉnh ủy ra Chỉ thị Số 11- CT/LK "Tích cực chuẩn bị thi hành mệnh lệnh của Hồ Chủ tịch về tuần lễ thi đua giết giặc lập công" nêu rõ nhiệm vụ tiễu phỉ ở các huyện Bắc Hà, Bảo Thắng, Bát Xát. Ở Bản Lầu, Chỉ thị đã phân tích rõ tình hình: Triệt để phá tề trừ gian. Đánh Bản Lầu buộc địch phải rút khỏi đồn và chặn đường giao thông thị xã, Mường Khương, đánh các đoàn quân ứng chiến. Tiếp đó, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị Số 11- CT/TU "Về việc phối hợp công tác của các địa phương trong chiến dịch", chủ trương dùng những đòn võ trang đánh mạnh vào các vùng đông dân để phát triển cơ sở, đồng thời xúc tiến vận động các thổ ty lừng chừng đang do dự hoang mang, đẩy mạnh việc vận động ngụy binh, biến những thắng lợi quân sự thành thắng lợi chính trị. Các miền mới được giải phóng phải được kịp thời củng cố chính quyền, quét sạch ảnh hưởng của bộ máy cai trị của địch trong nhân dân, vạch rõ chính sách bóc lột và đàn áp của ngụy quyền tay sai của địch, gây cho nhân dân có ý thức so sánh chế độ thực dân với chế độ dân chủ của ta. Song song với việc xây dựng bộ đội tập trung của huyện, phải nỗ lực tổ chức và củng cố dân quân du kích xã. Xây dựng các tổ chức quần chúng, tích cực dùng chính sách chiêu an, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Về phía ngụy quyền, ngày 24-9-1950, bọn phản động thúc ép dân về Bản Lầu định bầu thêm lý trưởng, chánh phó tổng nhưng ta đã vận động nhân dân chống lại nên cuộc bầu cử của chúng không thành. Địch cay cú mở đợt tuyên truyền phản động. Luận điệu tuyên truyền vẫn không ngoài mục đích chia rẽ giữa các dân tộc làm giảm sức mạnh đoàn kết của ta và giữa ta với Giải phóng quân Trung Quốc. Thâm hiểm hơn, địch còn dùng muối và tiền kêu gọi nhân dân tản cư về hợp tác với chúng. Chúng cấm dân không được mang gạo ra Lào Cai bán. Chúng bắt mỗi làng phải thay nhau nộp cho đồn Bản Lầu mỗi ngày một con lợn 30kg để nuôi lính. Tất cả những thủ đoạn và hành động trên của địch càng làm cho quần chúng căm thù, mong muốn sớm được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của địch.

Về phía ta, Ban cán sự Đảng Mường Khương chủ trương tăng cường hoạt động quân sự nhằm làm cho địch phải thường xuyên đối phó và bọn phản động không giám hoành hành. Ngày 07-9-1950, hai trung đội bộ đội địa phương tỉnh lên phối hợp với bộ đội địa phương huyện tấn công đồn Bản Lầu với mục đích buộc địch phải rút, đồng thời diệt những tên tề phản động. Ngày 18/9, một bộ phận bộ đội địa phương tỉnh đánh phục kích toán địch hành quân từ Bản Phiệt lên Bản Lầu, diệt 2 tên và làm bị thương 6 tên. Những hoạt động quân sự đó tuy không đạt được yêu cầu đề ra là buộc địch rút khỏi đồn Bản Lầu nhưng đã làm cho bọn ngụy quyền hoang mang, hàng ngũ lính dõng ngả nghiêng. Mặt khác ta đã củng cố được lòng tin của quần chúng nhân dân vào lực lượng của cách mạng.

Chiến dịch biên giới được mở màn ngày 16-9-1950 bằng việc ta tấn công đồn Đông Khê. Cũng trong thời gian này, ở Lào Cai, ta bắt đầu mở chiến dịch Lê Hồng Phong màn II. Ngày 13-9-1950, lực lượng ta từ Nghĩa Đô hành quân sang tấn công Bắc Hà. Cuộc chiến đấu ở đây diễn ra ác liệt, ta và địch giành nhau từng quả đồi, từng chiếc cầu. Bị ta bao vây tấn công mạnh hồi 20 giờ ngày 20/9/1950, bọn Pháp đốt phố Bắc Hà rút chạy ra Bản Phố về Si Ma Cai. Ngày 26/9/1950, ta tiến đánh Si Ma Cai diệt hơn 100 tên, bắt sống 6 lính da đen và hàng trăm lính dõng. Ngày 28-9-1950 cả tiểu đoàn 3, trung đoàn bộ binh pháo thủ Ma rốc thứ 4 và tiểu đoàn dù Lê Dương BEP xô nhau tháo chạy khỏi Si Ma Cai về Pha Long, tiếp đó toán quân từ Cốc Pài do thổ phỉ dẫn đường vòng qua Trung Quốc chạy về Pha Long. Bị tấn công mạnh nhiều nơi, bọn địch ở Bản Lầu hoảng hốt sợ bị tiêu diệt, ngày 23/10/1950 hơn 100 lính Pháp và bảo an bỏ đồn Bản Lầu chạy về Mường Khương. Quân ta tiến vào giải phóng Bản Lầu. Thừa thắng ngày 26/10/1950, ta giải phóng đồn chợ Chậu. Đầu tháng 11 lần lượt các huyện phía Tây Lào Cai được giải phóng. Ngày 25/10 ta tấn công và giải phóng đồn Bản Phiệt. Ngày 01/11/1950, quân ta tiến công giải phóng thị xã Lào Cai.

Vì bị suy yếu, thực dân Pháp buộc phải tăng cường xin viện trợ của đế quốc Mỹ. Được sự bày binh bố trận của can thiệp Mỹ, thực dân Pháp đề ra chiến lược xâm lược mới. Đối với vùng miền núi Tây Bắc, chúng âm mưu kết nối lại với các thế lực phong kiến, sử dụng cả bọn đặc vụ, tàn quân Quốc dân Đảng phản động để thực hiện âm mưu gây phỉ. Mục đích của âm mưu gây phỉ là nhằm phá hoại hậu phương của ta, kìm chân các binh đoàn chủ lực của quân đội ta để chúng có điều kiện củng cố xây dựng các lực lượng cơ động chiến lược, mở các cuộc tiến công, hòng giành lại quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.

Âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp trên địa bàn tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Mường Khương nói riêng nằm trong kế hoạch gây phỉ với quy mô lớn của Pháp ở vùng Tây Bắc. Phương thức và thủ đoạn gây phỉ của thực dân Pháp ở Lào Cai gồm ba điểm: Cấu kết chặt chẽ giữa bọn đế quốc với bọn đầu sỏ phong kiến phản động miền núi để củng cố các tổ chức gián điệp của Pháp và Mỹ (tổ chức CMA và SMM) làm nhiệm vụ chuyên trách phá hoại hậu phương ta, mua chuộc, sử dụng bọn tay sai phản động người thiểu số chống lại cách mạng theo nguyên tắc "người dân tộc nào, vùng nào hoạt động ở dân tộc đó, vùng đó" [124(16)]. Chúng lợi dụng những sơ hở và sai lầm của ta, những khó khăn của đồng bào miền núi, những đặc điểm về xã hội và tâm lý tộc người thiểu số, chúng đưa ra các khẩu hiệu phản động núp dưới hình thức "dân tộc" như "chống sự thống trị của Việt Minh cộng sản, của người Kinh" hay "các dân tộc tự trị", "Đất nước Hmông của các quan lớn Hmông"...nhằm kích động, chia rẽ dân tộc, phục vụ âm mưu gây phỉ chống phá cách mạng.

Năm 1950, viên đại úy Ba Danh (quan ba Pháp) chỉ huy tiểu khu Hoàng Su Phì và sau đó là Mường Khương - Pha Long đã đề ra kế hoạch chống phá Việt Minh bằng kế hoạch gây phỉ. Một mặt địch

124. Trích dẫn lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Lào Cai 1945-1954, trang 192.

vận động, cưỡng ép, mua chuộc 400 thanh niên các dân tộc thiểu số theo chúng để huấn luyện tổ chức thành biệt kích nhằm tái chiếm Lào Cai. Mặt khác chúng cài lại các tên tay sai đắc lực và một số đơn vị dõng, bảo an làm nòng cốt cho việc gây phỉ và giao cho tên phản động Châu Quang Lồ làm chỉ huy quân sự kiêm cả hành chính ở miền Đông Lào Cai. Bọn này được thực dân Pháp trang bị thêm vũ khí, đạn dược, bạc trắng, chúng thực hiện việc củng cố xây dựng các cơ sở chính trị phản động theo dòng họ như Châu, Sùng, Lò, Chang ở khu vực Pha Long...

Ngày 22 tháng 10 năm 1950, tên Châu Quang Lồ đã triệu tập các chức dịch toàn vùng Pha Long - Mường Khương ra tuyên bố không nộp súng cho Việt Minh và kiên quyết tổ chức phản công chống lại quân chủ lực của ta lên tiếp quản.

Ngày 27 tháng 10 năm 1950, đại đội 962 của quân đội ta tiến công tiếp quản Mường Khương, đến Km47 quân ta dừng lại cử cán bộ đưa thư thuyết phục bọn phản động ngừng chống cự và nộp vũ khí. Nhưng chúng đã khước từ và tập hợp quân tiến công bộ đội ta.

Tháng 11 năm 1950, bọn phản động đã lập lại và củng cố được chính quyền của chúng ở Mường Khương do tên Sần Dì Quáng làm chánh tổng (chính quyền của chúng trước đó đã bị tan rã trong chiến dịch Lê Hồng Phong II). Bọn thổ ty phản động ra sức tuyên truyền, lôi kéo, dụ dỗ, đe dọa, cưỡng bức đồng bào ủng hộ và tham gia phỉ chống lại cách mạng. Lực lượng phỉ tổ chức theo đơn vị cư trú, dòng họ và gắn bó với nhau bởi quan hệ thân tộc. Chúng áp đặt chế độ binh dịch cũ tại các vùng chiếm đóng, thực hiện mỗi nhà góp một chiến binh khi có biến hoặc nếu nhận ruộng làm thì phải đi lính, tham gia phỉ và cùng "ăn thề" với khẩu hiệu: "Tự bảo vệ địa phương, không theo Việt Minh".

Lúc này, lực lượng phỉ ở Mường Khương, Pha Long gồm bảo an, dõng, thổ phỉ (tàn quân của Quốc dân Đảng) và quân của thổ. Ở Mường Khương có khoảng 200 tên, Pha Long có khoảng 700 tên

có các loại vũ khí như đại liên, trung liên, tiểu liên, súng cối, súng trường. Với lực lượng như trên, chúng bố trí thành tuyến phòng ngự rất dày đặc và sào huyệt chính của chúng là Lao Pao Chải.

Căn cứ vào tình hình địch và ý kiến đề nghị của Tỉnh ủy Lào Cai, Liên khu ủy và Bộ Tư lệnh liên khu đã quyết định mở chiến dịch tiễu phỉ ở Lào Cai lần thứ nhất, địa bàn tiễu phỉ được thực hiện ở miền Đông Lào Cai, trong đó chiến dịch tiễu phỉ Mường Khương đợt I được thực hiện từ ngày 05 tháng 11 đến 25 tháng 12 năm 1950.

Lực lượng tham gia chiến dịch tiễu phỉ giải phóng Mường Khương gồm có các tiểu đoàn 910, 930 của trung đoàn 148, đại đội 965 bộ đội địa phương Lào Cai và lực lượng dân quân du kích huyện Mường Khương. Sau đó ta tăng cường điều động thêm trung đoàn 165 mở rộng phạm vi đảm nhiệm tiễu phỉ đến Bắc Hà và phối hợp với quân ta còn có một đơn vị biên phòng Trung Quốc.

Mục tiêu của chiến dịch tiễu phỉ là giải phóng Mường Khương, Pha Long, thiết lập lại trật tự an ninh chính trị, xây dựng và củng cố cơ sở cách mạng, vận động nhân dân tham gia tiễu phỉ ở hai huyện Mường Khương và Bắc Hà.

Phương châm tiễu phỉ của chiến dịch được xác định rõ: "Chính trị nặng hơn quân sự, quân sự làm áp lực cho vận động, chính trị, phối hợp chặt chẽ giữa quân, dân, chính, giữa chủ lực với bộ đội địa phương"

Ngày 14 tháng 11 năm 1950, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị số 23 - CT/LK gửi Ban cán sự Mường Khương. Chỉ thị đã phân tích tình hình Mường Khương: Trước khi chủ lực Pháp rút khỏi Lào Cai, chúng giao Mường Khương Pha Long lại cho ngụy quyền địa phương do tên Châu Quang Lồ chỉ huy bọn này liên kết với thổ phỉ Giàng Cồ Hòa và Hãng Sào Lùng hoạt động dưới quyền điều khiển của đặc vụ và một số cán bộ của Pháp để lại. Chủ trương của Pháp là dùng các lực lượng vũ trang trên để cố thủ Mường Khương, Pha Long và chiếm lại Hoàng Su Phì, Bắc Hà là

những nơi ảnh hưởng của Pháp và thổ ty phản động tương đối còn mạnh trong nhân dân, ở đó ta chưa có phong trào quần chúng để làm căn cứ kéo dài cuộc chống đỡ hòng phá hoại công cuộc kiến thiết của ta và tạo điều kiện cho quân chủ lực của Pháp tái chiếm Lào Cai sau này.Vì nhân dân địa phương vẫn do địch nắm, nên địch có thể triệt để lợi dụng điều kiện địa dư và nhân lực ở đó để mở một cuộc chiến tranh du kích chống ta.

Từ đó, Tỉnh ủy giao nhiệm vụ công tác ở Mường Khương, Pha Long lúc này là vấn đề đấu tranh chính trị; phải nhận rõ kẻ thù của chúng ta ở Mường Khương Pha Long là đặc vụ và thổ phỉ Châu Quang Lồ chỉ là một cá nhân trong đó và nhân dân địa phương là nạn nhân. Phải tập trung lực lượng vào diệt kẻ thù chính, khôn khéo lôi kéo bạn đồng minh là nhân dân Trung Hoa và nhân dân Mường Khương, Pha Long. Phải có kế hoạch ly dán thổ phỉ và Châu Quang Lồ trong nhân dân để chia sẻ lực lượng của địch quân và cô lập kẻ thù chính. Để thực hiện nhiệm vụ trên, hình thức tổ chức quần chúng cũng phải thích hợp, cần đưa ra vận động nhân dân cho sát, gây một phong trào chống thổ phỉ rộng rãi. Hiện nay đặc vụ đang dùng nhiều khẩu hiệu địa phương tự trị để mê hoặc dân chúng. Chống lại khẩu hiệu tự trị của chúng, ta cần phải thận trọng trong việc lập chính quyền địa phương cũng như tổ chức lực lượng võ trang. Về chính quyền địa phương, thành lập ủy ban phải làm nổi bật chính sách đoàn kết dân tộc, cán bộ không nên giữ địa vị quan trọng mà nên giao cho người địa phương (quần chúng của ta) để đả phá thành kiến người Kinh cai trị người thiểu số.

Về lực lượng võ trang địa phương, vì cơ sở quần chúng chưa có số lớn dân chúng địa phương trước đây do Pháp hoặc phản động địa phương chống lại ta, nên sau khi giải phóng ta phải thiên về tổ chức bộ đội tập trung cho đi theo chủ lực, đẩy chúng đến bước quá đà và cho chúng nhận rõ lực lượng của ta để gây thêm tinh thần tin tưởng đối với ta. Du kích xã trong bước đầu không nên giao súng vội; phải

thu lại tất cả các võ khí sau này có thể dùng vào việc phản lại ta, nhưng đối với súng của tư nhân cần phải thu lại làm giấy biên nhận cẩn thận và tạm giữ súng ở huyện để tiện việc kiểm soát. Nhưng không nên phát súng cho các nơi khác hoặc võ trang cho bộ đội địa phương. Sau này điều tra lại có thể trả lại cho dân để tự bảo vệ, miễn là việc kiểm soát của ta được chu đáo.

Về dân vận, nên chú trọng đến việc nắm trung kiên, đẩy 1 số quá đà với địch để không dám quay lại với chúng, thiên về phát triển cơ sở, gây một phong trào có bề sâu. Về kế hoạch rút lui, chủ lực của ta đã chiếm lại thị trấn Mường Khương. Nhưng không phải địch đã chịu đầu hàng và dập tắt ý chí phản kháng. Ngày nào mà lực lượng thổ phỉ Giàng Cồ Hòa và Hãng Sào Lùng chưa bị tiêu diệt và nếu địa phương quân chưa bảo đảm được việc bảo vệ địa phương sau khi chủ lực rút, rất có thể Mường Khương, Pha Long bị chúng chiếm lại.

Chỉ thị xác định nhiệm vụ tiễu phỉ lúc này là trọng tâm công tác của địa phương, muốn làm tròn nhiệm vụ trên không phải chỉ ỷ lại vào chủ lực mà phải quan niệm rõ là một cuộc tranh đấu chính trị lâu dài, đòi hỏi một trình độ tổ chức khôn khéo và một tinh thần bền bỉ dành từng thắng lợi nhỏ để đi đến tiêu diệt lực lượng võ trang và ảnh hưởng của địch còn lại[125].

Diễn biến các chiến dịch tiễu phỉ ở Mường Khương

Lực lượng tham gia Chiến dịch tiễu phỉ lần thứ nhất ở miền Đông Lào Cai gồm quân chủ lực là Tiểu đoàn 910 và Đại đội 254 của Tiểu đoàn 930 (E 148); bộ đội địa phương là 1 đại đội chủ lực của tỉnh (C963, dân quân du kích (hơn 1A). Chiến dịch diễn ra qua hai đợt.

- Đợt 1 từ 05 đến 18 tháng 11 năm 1950, mục tiêu tập trung giải phóng Mường Khương.

125. Chỉ thị Số 23-CT/LK, ngày 14 tháng 11 năm 1950 của Liên khu Việt Bắc gửi Ban cán sự Mường Khương,

Thực hiện chủ trương của Ban cán sự Mường Khương, sau hai ngày làm công tác chuẩn bị và chỉnh đốn lực lượng, ngày 7 tháng 11 năm 1950 lực lượng ta đã tổ chức hành quân tập kết ở Bản Lầu, Chợ Chậu để thực hiện đợt 1 của chiến dịch. Ngày 8-11, thông qua ông Lục Vĩnh Tường là một thổ ty đã đi theo cách mạng ta viết thư dụ hàng gửi Châu Quang Lồ và kêu gọi bảo an, dõng, nhưng chúng không nghe mà tập trung lực lượng phản công lại ta.

Trong 2 ngày 10 và 11 tháng 11 năm 1950, ta chia lực lượng thành 2 mũi tấn công phỉ ở Mường Khương. Mũi tấn công thứ nhất do đồng chí Trọng Khang - Tiểu đoàn phó, bí thư Liên chi bộ chỉ huy tiến theo đường Chợ Chậu - Lung Pao Van - Nấm Lư tiến vào thị trấn Mường Khương. Mũi tấn công thứ hai do đồng chí Vũ Lập - Trung đoàn trưởng và đồng chí Lê Lâm - Tiểu đoàn trưởng, Phó Bí thư Liên chi ủy chỉ huy tiến đánh theo đường cái lớn từ Chợ Chậu qua Nậm Pản - Văng Đẹt tiến vào đồn Mường Khương. Trong hai ngày quân ta đã đánh 7 trận ở Lung Pao Van, Nấm Lư, Văng Đẹt, Tả Chư Phùng, phố và đồn Mường Khương.

Vào hồi 12 giờ trưa ngày 11 tháng 11 năm 1950, hai mũi tấn công của ta gặp nhau và đánh chiếm đồn Mường Khương, và giải phóng thị trấn Mường Khương khỏi ách chiếm đóng của phỉ. Sau khi giải phóng Mường Khương, đã thành lập Ủy ban tiếp quản thị trấn, tổ chức các đội tuyên truyền, dân vận, kêu gọi bảo an, dõng, tiếp tục điều tả tình hình về phía Pha Long, bố phòng ngăn địch về Mường Khương, triển khai rút kinh nghiệm, chuẩn bị tiến lên Pha Long. Đồng thời tỉnh chỉ đạo phát hành đồng giấy bạc Việt Nam và vận động nhân dân tích cực thu hoạch lúa mùa: Trước tình hình 2/3 số dân thiếu muối ăn, tỉnh đã chỉ đạo tranh thủ chuyển muối vào phục vụ nhân dân do đó đã gây được lòng tin và phấn khởi trong quần chúng. Về chính trị Tỉnh ủy chỉ đạo tiến hành củng cố Ủy ban kháng chiến hành chính ở nơi đã có và tổ chức thành lập ủy ban ở những nơi chưa có.

- Đợt 2 từ ngày 19 tháng 11 đến ngày 25 tháng 12 năm 1950

Lúc này địch ở Pha Long khoảng 500 tên gồm bảo an, thổ phỉ, (chưa kể dõng địa phương) với khoảng 20 súng trung liên, 2 súng cối 60 ly, súng trường đầy đủ do tên Pay Chồ và Châu Quang Lồ chỉ huy. Quân địch ở đây không đóng trong đồn mà đóng rải rác trên các ngả đường, cắm chông thuốc độc. Dân chúng ở Pha Long chủ yếu là người Mông, người Nùng, do chưa hiểu về cán bộ và bộ đội nên chống lại ta rất kịch liệt. Quân ta ở đây gồm có 5D của trung đoàn 315 và 930. Trong điều kiện khó khăn Ban chỉ huy Mặt trận tiễu phỉ trừ gian đã ban hành mệnh lệnh cho Trung đoàn 315 và 930 tấn công Pha Long theo phương châm: "Nặng về chính trị hơn quân sự - tiêu diệt bọn thổ phỉ, bảo an làm tan rã tay chân của địch, đập tan ý chí đề kháng của những vùng chống lại ta, cô lập dân tộc Nùng và Mông, bắt sống Châu Quang Lồ, đánh du kích với địch, chiếm đóng Pha Long". Phương châm tác chiến của ta là: "Chiếm xong rồi quét, tiến nhanh cắt thành từng quãng, chia thành từng tốp tiêu diệt địch: Trung đoàn 315 theo đường Nấm Lư, Na Cổ, Ngải Phóng Chồ đến Trúng Trải ra đường cái chính thành 2 gọng kìm tiến vào Pha Long; Trung đoàn 930 chiếm giữ Mường Khương và nghi binh cho 315 tấn công; vừa tiến quân, vừa kêu gọi tuyên truyền giải thích cho đồng bào Nùng hiểu rõ tình hình Mường Khương để cô lập giữa các dân tộc Nùng và Mông, kêu gọi bảo an, thu súng, lấp tiếp tế"[126].

Nhằm phân hóa lực lượng địch, lôi kéo quần chúng theo ta, ngày 19/11/1950 Ban chỉ huy Mặt trận tiễu phỉ trừ gian tiếp tục ban hành chỉ về nhiệm vụ công tác chính trị trong cuộc tấn công giải phóng Pha Long: "Dùng mọi hình thức chia rẽ thổ ty và thổ phỉ, lôi kéo dân chúng vùng Pha Long về ta, nói rõ cho dân chúng biết tình hình Mường Khương, những thắng lợi của bộ đội, kêu gọi dân chúng

126. Ban chỉ huy Mặt trận tiễu phỉ trừ gian: Mệnh lệnh số 008/ML-CD ngày 18/11/1950, Mệnh lệnh gửi Trung đoàn 315, 930 tấn công Pha Long.

về làm ăn, giải thích cuộc chiến đấu giải phóng của ta đối với họ. Đối với thổ ty phải có kế hoạch đối phó theo từng loại nhưng nói chung đều phải tìm cách dụ dỗ chúng về với ta rồi cô lập dần dần làm mất ảnh hưởng của chúng trong nhân dân. Chỉ những kẻ cầm đầu thổ phỉ, phản động chống lại ta thì thẳng tay trừng trị. Đối với thổ phỉ phải tạo điều kiện tiêu diệt chúng. Đối với bọn bảo an, dùng địch vận gọi chúng mang súng sang hàng ngũ ta...”

Chấp hành mệnh lệnh và Chỉ thị của Ban chỉ huy Mặt trận tiễu phỉ trừ gian quân ta đã tiến hành thành lập ban tiếp nhận huyện lỵ, mở các đợt tuyên truyền vận động nhân dân cùng tham gia tiễu phỉ. Trung đoàn 148 tiếp tục cho 2 đại đội truy kích lên Nậm Tèn Hồ, các bộ phận còn lại điều tra tình hình, rút kinh nghiệm chiến đấu, chuẩn bị quân ta tiến công lên Pha Long[127].

Tiếp tục thực hiện kế hoạch tiễu phỉ, ngày 19 tháng 11 năm 1950, ta điều động 2 tiểu đoàn 910 và 930 từ thị trấn Mường Khương xuất kích tiến công bọn phỉ ở Pha Long theo lối tiến công trận địa. Các vị trí tiễu phỉ từ Ngải Phóng Chồ, Sín Suối Thầu, Ngải Thầu do tiểu đoàn 910 đảm nhiệm tấn công, địch chống cự yếu ớt nên quân ta nhanh chóng giải phóng Ngải Phóng Chồ ngày 20 tháng 11, giải phóng Sín Suối Thầu, Ngải Thầu ngày 21 tháng 11 và tiến công áp sát các điểm cao quanh Pha Long ngày 22 tháng 11. Trong khi đó ở mũi tấn công của tiểu đoàn 930 tiến theo trục đường chính thị trấn Mường Khương đi Pha Long đã đánh bật địch khỏi Nậm Tèn Hồ, Gò Mâm Xôi, Lô Cốt Lao Pao Chải (từ 20 đến 21 tháng 11). Do ta nóng vội, chủ quan khinh địch nên trong quá trình truy quét phỉ ta đã bị phỉ phục kích ở Móa Choá Sủ, Chúng sử dụng vũ khí bất ngờ đồng loạt phản công lại quân ta. Ngày 23 tháng 11, Tiểu đoàn 910 được điều đến giải vây trận địa. Kết quả đợt tấn công này quân ta bị

127. Trích dẫn từ tổng kết công tác tiễu phỉ trên địa bàn tỉnh Lào Cai 1950-1970, trang 35 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai

thất bại[128] bị đánh bật khỏi Pha Long và phải rút quân về cố thủ tại thị trấn Mường Khương. Trước tình hình trên tỉnh phải huy động thêm đại đội 965 (bộ đội địa phương Lào Cai) vào bảo vệ thị trấn. Sau thất bại của ta, quân phỉ đã thổi phồng thắng lợi, công kích ta và lôi kéo quần chúng tham gia nhập phỉ. Chúng tiếp tục tổ chức 3 đợt tấn công liên tiếp vào thị trấn nhưng chúng đều bị thất bại. Chính quyền của ta ở Mường Khương vẫn được giữ vững, trật tự trị an được bảo đảm.

Không thực hiện được âm mưu đánh chiếm Mường Khương, phỉ nổi lên đánh chiếm huyện Bắc Hà và cố chiếm giữ được Pha Long. Trước tình hình đó, cuối tháng 11 năm 1950, Tỉnh ủy Lào Cai đã họp và xác định rõ: lúc này công tác tiễu phỉ là nhiệm vụ quan trọng nhất của tỉnh và chủ trương tập trung lực lượng cán bộ bộ đội địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực giải quyết dứt điểm vấn đề nổi phỉ. Ở Mường Khương, Pha Long, Ban Cán sự Đảng đã huy động các cán bộ trung kiên bám trụ tích cực theo dõi diễn biến của phỉ, cung cấp tin tức cho bộ đội ta chuẩn bị cho đợt tiến công mới. Mặt khác để chấn chỉnh tính kỷ luật của bộ đội trong quan hệ với nhân dân, xây dựng lòng tin của dân đối với bộ đội, Ban chỉ huy Mặt trận tiễu phỉ trừ gian đã ban hành Chỉ thị số 015/CD-CT ngày 27-11-1950 về việc mua bán và đối xử với dân chúng: "Tổ chức kiểm thảo tìm ra quân nhân phạm lỗi kỷ luật để làm gương; mua thống nhất, được dân thỏa thuận, không được ăn uống, la cà, trò chuyện trong các hàng quán, hạn chế đi lại trong phố..."

Sau khi rút chạy về Pha Long và Mường Khương, bọn chỉ huy tàn quân Pháp ở Bắc Hà và Hoàng Su Phì đã họp với các tên Châu Quang Lồ - châu úy Pha Long và tên Vương Văn Đường - tri châu Hoàng Su Phì (cùng rút sang Pha Long) bàn mưu tính kế gây phỉ

128. Hy sinh và mất tích 49 đồng chí (trong đó có 1 trung đội trưởng, 2 trung đội phó, 9 cán bộ tiểu đội). Vũ khí bị mất và phá hỏng: 2 trung liên, 2 tiểu liên, 12 súng trường (Hồ sơ C14 quyển số 6 - Quân báo tỉnh đội Lào Cai)

nhằm chống lại ta lâu dài. Chúng ráo riết tập trung vũ khí, lương thực về Pha Long và bắt đầu xây dựng sào huyệt Phỉ chống lại ta.

Từ tháng 5 đến 20-12-1950, quân báo của ta hoạt động ở Tung Chung Phố, Nấm Lư, Tả Chư Phùng, Tỉn Thàng, Ngải Phóng Chồ, Nậm Tèn Hồ *(Nậm Tèn Hồ,* Pạc Chạc buộc địch phải rút về Pha Long.

Tỉnh Lào Cai được hoàn toàn giải phóng khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp, nhưng quân và dân Lào Cai lại tiếp tục bước sang giai đoạn tiễu phỉ.

Nhằm tiêu diệt lực lượng thổ phỉ cùng phản động địa phương và tàn quân khố đỏ, dõng hiện đang chiếm đóng trên đại bàn, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TU ngày 22-12-1950 về kế hoạch hoạt động chính trị trong chiến dịch tiễu phỉ tại Pha Long - Bắc Hà. Kế hoạch tiễu phỉ chia làm 2 thời kỳ: Thời kỳ thứ nhất: Cô lập từng vùng, cắt đứt liên lạc giữa Pha Long, Bắc Hà, Hoàng Su Phì, làm cho cuộc chiến tranh của chúng chỉ có tính cách địa phương, không thể phối hợp hỗ trợ với nhau theo kế hoạch quy mô một cuộc đấu tranh chính trị. Thời kỳ thứ hai: Quây chúng vào từng khu vực nhỏ để tiêu diệt. Với phương châm hoạt động: Chính trị là chủ yếu, quân sự là áp lực.Về chính trị, áp dụng một chính sách hết sức mềm dẻo, rộng rãi, nhằm vào việc thực hiện đại đoàn kết làm cho nhân dân quy thuận theo Chính phủ; ra sức địch vận kêu gọi Bảo an, dõng và bọn bị cưỡng bách làm thổ phỉ hàng. Tiếp tục kêu gọi thổ ty, mở cho họ một lối thoát, có thể quay trở về với ta, nếu họ 1 mực chống lại thì phải diệt đến cùng; cô lập bọn thổ phỉ, lợi dụng các mâu thuẫn giữa chúng mà ly gián giữa thổ phỉ và bảo an, dõng và phản động địa phương, kêu gọi, dụ cho về làm ăn, bảo đảm tài sản cho họ; những nơi được giải phóng thì ban đầu tạm dùng những tên ngụy quyền để kêu gọi dân.

Đối với huyện Mường Khương, trừ khu vực Bản Lầu vừa được giải phóng, còn ở khu vực Pha Long và Mường Khương vẫn do lực lượng phản động thổ ty chiếm giữ. Nhân dân các dân tộc Mường

Khương tiếp tục bước vào công cuộc tiễu phỉ nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến, giải phóng hoàn toàn địa phương.

Tháng 5 năm 1951, thực hiện chủ trương "phỉ hóa" của Tướng Đờ lát đờ tát Xi nhi, Bộ Chỉ huy Quân sự Pháp ở Đông Dương tổ chức chuyển khóa huấn luyện 49 (Secton 49) tình báo phá hoại của cục Viễn Đông (SDECE) thành đội biệt kích hỗn hợp thả dù GCMA để chuyên trách gây phỉ, phá hoại kho tàng, đường giao thông, ám sát cán bộ cách mạng, thành lập các căn cứ để hoạt động theo hình thức du kích ở các vùng tự do của ta, phá hoại sự an toàn của hậu phương ta và tiến hành chiến tranh tâm lý. Hoạt động của chúng vừa có tính chất quân sự, chính trị, vừa phục vụ cho âm mưu trước mắt và lâu dài. Bọn chúng chủ trương sẽ thành lập 2 trung đoàn thổ phỉ ở các huyện Mường Khương, Bắc Hà (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Hà Giang), lập một tiểu đoàn phỉ ở Đồng Văn (Hà Giang). Bên cạnh đó chúng lôi kéo thêm tàn quân của Quốc dân Đảng Trung Quốc về biên giới Việt - Trung từ Mường Khương (Lào Cai) đến Đồng Văn (Hà Giang).

Ở Mường Khương, lực lượng phỉ do Châu Quang Lồ chỉ huy và được Pháp nuôi dưỡng đầu năm 1951 đã nhanh chóng phát triển lên gần 1000 tên, trong đó có khoảng 700 tên là tàn quân Quốc dân Đảng Trung Quốc vượt biên sang ta, nhóm của tên xếp Lèng ở thị trấn Mường Khương có khoảng 100 tên và 200 tên ở Pha Long do Châu Quang Lồ chỉ huy. Chúng đều được trang bị vũ khí mạnh có cả cối 81 ly, đại liên, trung liên, mìn, điện đài để liên lạc chỉ huy. Chúng đã phối hợp tổ chức vụ nổi phỉ ở miền Đông Lào Cai mà địa bàn trung tâm là Mường Khương, Pha Long, Bắc Hà, Hoàng Su Phì.

Điểm nổi bật dễ nhận thấy của âm mưu gây phỉ là tính chất mua chuộc gây chia rẽ, gây hận thù. Bất cứ vụ phỉ nào, vùng phỉ nào cũng đều thấy có sự chia rẽ dân tộc hoặc kích động để chia rẽ giữa dân tộc thiểu số này với dân tộc thiểu số khác; đồng thời chúng trương lên các khẩu hiệu phản động núp dưới chiêu bài dân tộc, lợi

dụng tâm lý, tình cảm và nhận thức còn hạn chế của một ít đồng bào dân tộc, lợi dụng các quan hệ xã hội, làng bản, dòng họ trong các dân tộc ít người để phục vụ mục đích phản cách mạng.

Với những luận điệu thâm độc xảo quyệt, chúng đã lôi kéo, câu kết từng dân tộc thiểu số, cưỡng bức, mua chuộc con em các dân tộc theo phỉ, chống lạicác chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Do đó lực lượng phỉ thường được tổ chức trong từng vùng, từng dân tộc.

Lợi dụng tâm lý muốn có vũ khí để tự vệ chống trộm cướp ở biên giới và lòng tự hào về bản lĩnh quân sự của người dân tộc, những tên trùm phỉ đã dụ dỗ, lừa phỉnh nhân dân đi lĩnh súng để giữ nhà, giữ làng, khi nào cần lắm "quan" mới tập trung ít ngày. Chỉ cần như vậy chúng đã trang bị vũ khí được cho đông đảo quần chúng. Để chiếm dân, bọn cầm đầu phỉ rất chú ý dùng những biện pháp tuyên truyền đi vào tâm lý tình cảm để mua chuộc nhân dân và ra sức ca ngợi những tên ngụy quyền được Pháp dựng lên cầm đầu các xứ tự trị, coi chúng như thủ lĩnh để lôi kéo.

Trong 4 năm gây phỉ ở Lào Cai, đế quốc Pháp đã gây ra 4 vụ phỉ, thu hút gần 10.000 lượt người cầm súng. Những nơi trung tâm gây phỉ như các xã khu Pha Long, Mường Khương số người theo phỉ chiếm 13,2% dân số, xã Tả Ngải Chồ quê hương của Châu Quang Lồ có tới 23,8% dân số theo phỉ.

Trong 4 năm thực hiện âm mưu gây phỉ ở Mường Khương, thực dân và tay sai đã tổ chức 2 lần nổi phỉ lớn. Quân và dân Mường Khương đã phối hợp tổ chức 2 chiến dịch tiễu phỉ quy mô. Tuy số người tham gia phỉ đông như vậy nhưng bọn cầm đầu có quyền lợi gắn với giai cấp phản động lại chiếm tỷ lệ rất ít. Ở Pha Long chỉ có hơn 40 tên chức dịch cầm đầu phỉ chiếm 1% dân số, còn đa số người theo phỉ là nhân dân lao động bị cưỡng bức, lừa gạt hoặc bị mua chuộc theo phỉ, do đó mà quyền lợi của họ đối lập với bọn cầm đầu phỉ. Bọn trùm phỉ cộng với một bộ phận bị đầu độc rất trung thành

với mục tiêu gây phỉ liền có những hành động tàn bạo, không từ thủ đoạn nào trong việc chống phá cách mạng.

Mối quan hệ giữa nhân dân với phỉ là mối quan hệ mâu thuẫn phức tạp. Vì mục đích thổ phỉ là lập lại chế độ thống trị cũ, đàn áp, bóc lột nhân dân. Bọn cầm đầu phỉ là tầng lớp thống trị cũ, nhưng nhân dân lúc đầu chưa nhận thức được rõ ràng bạn và thù nên quần chúng các dân tộc lại ủng hộ phỉ, đi ngược lại quyền lợi của bản thân, nhẫn nhục theo chúng. Một lý do nữa để chúng huy động được nhân dân theo phỉ là lôi kéo người trong họ, trong làng bản và khống chế quần chúng bằng lệ "ăn ước", bằng khủng bố, tàn sát. Khi Châu Quang Lồ phải chịu trách nhiệm trước đế quốc Pháp ở lại chống đối Việt Minh, hắn đã triệu tập một cuộc họp gồm các chức dịch khu Pha Long dưới hình thức "ăn ước" để giúp phát triển lực lượng, một số thổ ty nhỏ không có thế lực, tuy không có ý thức phản cách mạng nhưng vẫn bị ràng buộc phải giúp Châu Quang Lồ theo "nghĩa vụ". Ở vùng biên giới các dân tộc thường có lệ "ăn ước" hàng năm vào ngày 2 tháng 2 âm lịch, mỗi gia đình phải góp một trai tráng với vũ khí tự sắm để cùng nhau chống trộm cướp. Nói rõ hơn, điều quy ước này là "mỗi nhà góp một chiến binh khi có biến", những người nào làm sai phải đền lễ cúng thần khi "ăn ước", trường lợp làm phản có thể bị xử tử. Dựa vào lệ đó chúng bắt buộc mỗi nhà phải có một người đi lính phỉ, không đi sẽ bị thu ruộng. Do gắn bó với ruộng đất nên nhiều người không muốn đi cũng phải cầm súng [(1)].

Vì lợi dụng mối quan hệ làng bản, dân tộc cần thiết phải đoàn kết chống thiên tai, giặc giã ấy mà bọn phản động đã nhanh chóng huy động được đông đảo trai tráng đi lính phỉ, ràng buộc nhân dân bảo vệ phỉ, cung cấp tin tức cho phỉ. Âm mưu gây phỉ của thực dân, đế quốc trên thực tế đã được thực hiện có hiệu quả ở 5 trong số 6 huyện của tỉnh Lào Cai. Thực tế cũng cho ta thấy những lúc chưa có hoạt động gây phỉ thì phỉ ở trong dân, dựa vào dân, việc thả dù cung cấp của Pháp là chưa cần thiết và không có tác dụng, chỉ đến

lúc nổi phỉ thì việc thực dân Pháp cung cấp lương thực, thực phẩm, vũ khí đạn dược, phương tiện chiến tranh nhiều bao nhiêu mới có ý nghĩa thúc đẩy, cổ vũ hành động của thổ phỉ bấy nhiêu. Đồng thời chính những thời điểm này, chúng lại lợi dụng vật chất để mua chuộc nhiều người khó khăn về đời sống phải đi theo phỉ. Nhưng dù số lượng quần chúng có tham gia phỉ đông đảo đến đâu cũng chỉ là số quần chúng nhận thức còn thấp kém, bị bọn phản động dụ dỗ, mua chuộc lừa gạt, cưỡng bức. Nếu giáo dục đẩy đủ để họ nhận ra sai trái thì sớm hay muộn họ cũng đứng về phía cách mạng để đánh kẻ thù chung là bọn đế quốc, tay sai cường quyền ác bá.

Trước tình hình đó, ngày 8/9/1951 Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Chỉ thị về công tác tiễu phỉ phân tích rõ âm mưu, tình hình của phỉ và chỉ ra những đặc điểm của phỉ như sau: "Để bảo vệ quyền lợi kinh tế, để duy trì chế độ áp bức, bóc lột, bọn chúng có một chủ trương, một mục đích chính trị. Bọn tướng lĩnh phỉ mặc dầu quân của chúng có thể có bọn ăn cướp lưu manh, có thể có một số thanh niên địa phương, những quân này đều phục vụ quyền lợi giai cấp của bọn tướng lĩnh phỉ, bọn địa chủ thổ ty, thổ hào. Chúng tương đối còn có uy tín nhất thời trong nhân dân. Bọn chúng có sự lãnh đạo và nâng đỡ tương đối của bọn phản động quốc tế." Đồng thời Chỉ thị cũng đặt ra những khó khăn nếu không nhận thấy rõ tính chất chính trị, nội dung giai cấp của vấn đề phỉ; không nhận rõ ảnh hưởng nhất thời của bọn tướng lĩnh phỉ; không nhận rõ sự câu kết của phỉ và bọn phản động quốc tế chúng ta sẽ không đặt công tác tiễu phỉ đúng với quy mô của nó.

Về lực lượng của phỉ, lực lượng của Châu Quang Lồ bị tiêu hao một phần, ảnh hưởng chính trị của hắn cũng bị tổn thương, vì vậy sự trỗi dậy của hắn ngày một yếu dần, nhưng chúng có kinh nghiệm và tin ở chiến thuật du kích của chúng hơn. "Nếu so sánh tương quan lực lượng riêng ở Pha Long hiện nay thì về quân sự ta hơn địch, về chính trị địch vẫn hơn ta vì dân chúng vẫn sợ địch hơn ta, còn dấu

giếm cho địch, còn tạo cơ hội một cách có lợi cho địch - nếu đứng về toàn bộ lực lượng (quân sự - chính trị) giữa phỉ và ta ở về biên giới phía Đông (Lào Cai - Hà Giang) thì chúng ta không hơn địch".

Chỉ thị cũng phân tích chủ trương của phỉ: "...phân tán lực lượng thành những tổ du kích lẻ tẻ từ 5 đến 15 tên, bám chắc lấy các làng mạc, uy hiếp dân chúng, bắt dân phải vườn không nhà trống với ta, ở những nơi nào hẻo lánh xa sự kiểm soát. Bắt dân tuy vào làng ở chịu sự kiểm soát của chính quyền, bộ đội ta, nhưng dân vẫn phải tiếp tế, báo tin cho chúng, bắt dân phải tạo điều kiện có lợi cho chúng. Chúng tránh lực lượng mạnh của ta, không quyết chiến với bộ đội của ta, nhưng cũng tiêu diệt lượng ta trong trường hợp có thể. Mục đích chính của kế hoạch phân tán này là để giữ vững uy thế trong nhân dân, bảo tồn lực lượng, tiêu hao ta, chờ cơ hội tốt (có lực lượng viện trợ, hoặc quân ta rút bớt đi) sẽ lại huy động nhân dân trỗi dậy, phân tán làm cho chúng dễ giữ bí mật, dễ giải quyết kinh tế, mà lại kiểm soát nhân dân rất rộng. Nắm vững những thuận lợi sẵn có của chúng là hiểu dân, hiểu đường lối, lợi dụng chính sách khoan hồng một chiều của ta, chúng khủng bố những gia đình trung kiên của ta, ám sát những trung kiên tích cực để cảnh cáo, uy hiếp nhân dân, làm cho nhân dân phải theo ý muốn của chúng, không dám tích cực với ta làm cho những phần tử trung kiên của ta mất tinh thần, giảm ý chí hoặc phải quay về đầu hàng chúng."

Trên cơ sở phân tích tình hình, Chỉ thị nêu lên chủ trương chống lại phỉ:

"1. Phá sự uy hiếp thường xuyên của các ổ du kích địch đang bám sát các làng uy hiếp dân chúng bằng cách phân tán quân chiếm đóng kiểm soát, nhân dân không thể liên lạc được với địch, bảo vệ nhân dân chống sự khủng bố, uy hiếp của địch, bảo vệ nhân dân, cùng nhân dân chống phỉ. Toàn thể khu vực Pha Long sẽ chia ra thành những tiểu khu nhất định, mỗi tiểu khu do 1 đơn vị phụ trách, nhiệm vụ của các đơn vị từng tiểu khu là:

- Thường xuyên lùng sục trong toàn khu vực của mình, sao cho không một ổ du kích nào có thể bám nổi ở làng.

- Kiểm soát nhân dân sao cho không một làng nào, một người nào có thể bí mật tiếp tế cho địch, bảo vệ nhân dân, những phần tử tích cực của ta chống sự uy hiếp, khủng bố của địch.

- Lôi kéo dân, những thanh niên địa phương theo địch về hàng bằng cách lùng sục, khủng bố, phối hợp với khoan hồng mở đường.

- Từng cán bộ chính trị gây cơ sở quần chúng, tổ chức chỉ điểm bí mật, du kích thay thế cho mình, tiến tới gây một phong trào nhân dân chống phỉ.

Mục đích chính của lùng sục, chiếm đóng là để uy hiếp thường xuyên các ổ du kích, đối với dân làm cho các ổ du kích mất đất sống, rồi kêu gọi chúng về hàng. Phải nêu cao khẩu hiệu: "Dân về làng, phỉ về hàng, quân dân đoàn kết tiễu phỉ." Phải gây một phong trào thi đua lập thành tích thực hiện 3 khẩu hiệu trên.

2. Phá thái độ cơ hội của dân lợi dụng sự khoan hồng của ta mà theo địch bằng chính sách khoan hồng đi đôi với khủng bố.

3. Kiên nhẫn nắm nhân dân, cảm hóa dân để thực hiện cùng dân chống phỉ."

Quá trình tiễu phỉ ở Mường Khương (1951-1952)

Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp của nạn nổi phỉ chống phá cách mạng ở Lào Cai nói chung và Mường Khương nói riêng, Tỉnh ủy Lào Cai một mặt đề nghị với chính ủy mặt trận liên khu điều động một bộ phận quân chủ lực của ta về tiễu phỉ. Mặt khác tỉnh chủ trương nắm vững lực lượng bộ đội địa phương và lực lượng dân quân du kích để bảo vệ địa phương, ra sức tuyên truyền giải thích cho nhân dân hiểu rõ âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp và hành động dã man của thổ phỉ, vận động nhân dân tham gia tích cực vào chiến dịch tiễu phỉ. Tỉnh ủy cũng xác định rõ công tác tiễu phỉ ở biên giới là một nhiệm vụ lớn, lâu dài. Vấn đề căn bản là phải

gấp rút xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, xúc tiến khẩn trương việc gây cơ sở quần chúng và đề nghị Trung ương cần có sự phối hợp với giải phóng quân Trung Quốc, đẩy mạnh việc tiễu trừ phỉ ở biên giới Việt - Trung từ Phong Thổ đến Hoàng Su Phì.

Đứng trước tình hình phức tạp của việc nổi phỉ diễn ra ở vùng biên giới Hà Giang - Lào Cai, Trung ương Đảng cũng đã chỉ rõ: "Vấn đề phỉ là âm mưu thâm độc, lâu dài của đế quốc cấu kết với tầng lớp phong kiến phản động vùng dân tộc thiểu số, để gây ra một hình thức nội chiến phối hợp với cuộc chiến tranh xâm lược của chúng. Đồng thời đây cũng là vấn đề dân tộc, vấn đề quần chúng, vấn đề dân sinh đòi hỏi chúng ta phải có các biện pháp đấu tranh phù hợp". Trên cơ sở nhận định đó, Trung ương đề ra phương châm tiễu phỉ là: Sử dụng hình thức đấu tranh quân sự và chính trị song song, chính trị là căn bản, quân sự là áp lực, chú trọng cải thiện đời sống nhân dân.

Quán triệt phương châm tiễu phỉ của Trung ương Đảng, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Bắc đã quyết định thực hiện tiễu phỉ đợt II nhằm hoàn thành thắng lợi chiến dịch tiễu phỉ lần thứ nhất ở miền Đông Lào Cai. Chiến dịch tiễu phỉ đợt II được tổ chức ở Bắc Hà trước, sau đó tiến đánh phỉ ở Pha Long với mục tiêu của ta là dồn quân phỉ về Pha Long để tiêu diệt gọn. Đầu tháng 01 năm 1951, ta tăng cường Trung đoàn chủ lực 165, hình thành mặt trận tiễu phỉ miền Đông trên 2 huyện Mường Khương - Bắc Hà. Theo kế hoạch, Trung đoàn 165 giải quyết xong Bắc Hà sẽ phối hợp với Trung đoàn 148 tiễu phỉ ở Pha Long.

Ngày 02 tháng 01 năm 1951, Trung đoàn Lao Hà 165 có hai Tiểu đoàn 115 và 564 bắt đầu tấn công phỉ ở Bắc Hà. Sau gần một tháng chiến đấu liên tục đến ngày 27 tháng 01 năm 1951, quân ta đã giải phóng toàn huyện Bắc Hà lần thứ hai. Trên 300 tên phỉ bị đánh tan rã, một số trốn chạy vào rừng Nậm Mòn, Nậm Tôn, Si Ma Cai chúng đã không chạy về Pha Long như ta đã dự đoán. Trong thời gian quân ta tiễu phỉ ở Bắc Hà, thực dân Pháp đã cho 32 tên

biệt kích nhảy dù xuống Pha Long và thả dù rất nhiều vũ khí, đạn dược và lương thực. Trong số biệt kích nhảy dù xuống Pha Long có những tên đầu sỏ nguy hiểm như tên Lý Ly (lý trưởng Mường Khương cũ), Xếp Dìu, Pò Lem ,Chín Củi, Xếp Thòn...

Ngày 14-1-1950, nhận được sự hỗ trợ của Pháp, bọn phỉ Pha Long tích cực hoạt động. Chúng tiến hành củng cố các cứ điểm trên đường Mường Khương đi Pha Long, xung quanh Pha Long và tổ chức tiến công đánh xuống thị trấn Mường Khương, song chúng đã bị quân đội ta đánh lui.

Ngày 7 - 2 năm 1951, Tiểu đoàn 564 của Trung đoàn 165 từ Bắc Hà, Si Ma Cai đã phối hợp với 2 tiểu đoàn 910, 930 của Trung đoàn 148 tiến công Pha Long, hiệp đồng tác chiến với đơn vị biên phòng Trung Quốc đánh chặn không cho chúng rút qua biên giới. Khi ta tiến công vào Pha Long bọn phỉ tỏ ra rất ngoan cố, chúng chống cự lại quân ta rất quyết liệt, những cũng không thể giữ được các vị trí, cứ điểm chiến lược trước sức tiến công của quân ta. Đợt này quân ta thực hiện chiến thuật phong tỏa dồn phỉ về sào huyệt chính và sử dụng lực lượng đột nhập đánh thẳng vào trung tâm chỉ huy phỉ. Ngày 19-2-1950 ta chiếm đồn phá Long. Ngày 21/2/1951, ta đột nhập vào sào huyệt của Châu Quang Lồ, khu vực Pha Long được hoàn toàn giải phóng. Kết quả quân ta tiêu diệt khoảng hai trung đội phỉ, bắt và gọi hàng 40 tên. Trong đó có tên tham mưu trưởng sư đoàn 270 của quân Tưởng Giới Thạch Trung Quốc, thu giữ 3 súng cối, 50 chiếc dùi và nhiều súng trường, lựu đạn. Bị quân ta tiến công đánh tan sào huyệt, Châu Quang Lồ và bọn phỉ đầu sỏ rút vào hoạt động bí mật ở vùng ven sông Chảy.

Tuy ta đạt được một số thắng lợi trong hai đợt tiễu phỉ của chiến dịch tiễu phỉ lần thứ nhất ở Lào Cai, cuối năm 1950 đầu năm 1951 nhưng trong quá trình tiễu phỉ quân ta chưa thực hiện đúng phương châm tiễu phỉ của Trung ương Đảng, chỉ năng nổ tiến công quân sự, coi nhẹ vận động chính trị vì thế chưa giác ngộ được đông đảo quần

chúng nhân dân tự giác tham gia tiễu phỉ, thậm chí một số người dân còn che dấu cho phỉ trốn thoát. Thêm vào đó sau khi giải phóng Pha Long, Bắc Hà ta còn phạm sai lầm về chính sách dân vận, địch vận, chính sách đối với phỉ ra hàng. Nên vấn đề phỉ vẫn chưa được giải quyết triệt để, nguy cơ nổi phỉ vẫn còn tồn tại.

Chiến dịch tiễu phỉ ở miền Đông Lào Cai lần thứ nhất mà trung tâm là Mường Khương - Pha Long kết thúc. Phỉ đã rút vào hoạt động bí mật, nhưng bọn phỉ đầu sỏ vẫn chưa bị tiêu diệt, lực lượng phỉ vẫn còn lại hàng chục tên (Châu Quang Lồ chỉ huy 15 tên; Lù Pìn Dình, Xếp Thòn chỉ huy 20 tên; Tổng Trà, Tổng Đoàn Pẹt chỉ huy 7 tên, gây lại lực lượng trong nhân dân, tổ chức lại lực lượng quân sự. Vì vậy, ta đã cắm lại ở Mường Khương, Pha Long 2 đại đội địa phương để phối hợp với các lực lượng vũ trang của huyện thực hiện việc truy quét phỉ và làm nhiệm vụ bảo vệ và vận động quần chúng củng cố chính quyền địa phương. Cũng trong thời gian này ta đã vận động bức hàng được tên phỉ Sùng Sảo Quán, một tên phỉ đầu sỏ thân cận của Châu Quang Lồ. Quân ta đã thu được một số thiết bị điện đài, vũ khí của phỉ.

Tháng 3-1951 chiến dịch tiễu phỉ lần thứ II ở Lào Cai được thực hiện ở miền Tây Lào Cai bao gồm các huyện Phong Thổ, Sa Pa, Bát Xát. Đến tháng 7, chiến dịch đã kết thúc thắng lợi. Với thắng lợi của ta ở cả 2 chiến dịch miền Đông và miền Tây đã làm cho một số cán bộ và quân chủ lực của ta nảy sinh tư tưởng chủ quan, coi thường địch, xem nhẹ công tác hoạt động chính trị. Một số cán bộ còn cho rằng dùng càn quét, lùng sục sẽ giải quyết được tàn phỉ. Vì vậy ta đã tổ chức nhiều đợt lùng sục phỉ suốt rẻo biên giới nhưng vẫn không có được kết quả. Nguyên nhân chính vẫn còn tồn tại là công tác vận động quần chúng của ta làm chưa tốt nên ý thức giác ngộ của nhân dân còn thấp. Thêm vào đó, khi ta giải phóng Pha Long, Bắc Hà ta đã xử bắn một số phỉ ra hàng, trong số đó đã có những tên thực sự hối cải. Những việc làm trên đã gây tâm lý hoang mang trong nhân

dân, đặc biệt là số phỉ còn đang lẩn trốn. Nhận thấy đây là một sai lầm nghiêm trọng trong quá trình tiễu phỉ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã cùng với Đảng ủy quân sự và Ban Chỉ huy Trung đoàn 148 tiến hành mở hội nghị cán bộ mở rộng để thảo luận xác định rõ tính chất của phỉ. Hội nghị thống nhất kết luận: Phỉ chỉ là nông dân bị lừa bịp lôi kéo, nhân dân vùng phỉ kiểm soát cũng đều là những người bị phỉ ép buộc, mê hoặc, chưa có cơ hội để giác ngộ nên có lúc ngộ nhận, có hành động ủng hộ phỉ chống lại bộ đội ta và cán bộ cách mạng.

Tháng 5-1951, trước tình hình tàn quân Tưởng Giới Thạch ồ ạt tràn qua biên giới vào nước ta, chúng liên lạc với thực dân Pháp đẩy mạnh âm mưu gây phỉ. Tỉnh ủy Lào Cai đề ra chủ trương truy quét bọn đầu sỏ phỉ ở miền Đông và chỉ đạo Ban Cán sự Mường Khương, Bắc Hà thực hiện. Ở Mường Khương, Ban Cán sự ra lệnh bắt một số phỉ đã ra hàng ta từ trước bằng cách "mời ra tỉnh ăn cơm đoàn kết". Mặt khác Ban Cán sự đã phối hợp với bộ đội huy động hàng nghìn người dân tham gia truy quét phỉ hai ngày ở vùng Pha Long nhưng không mang lại kết quả. Châu Quang Lồ đã lợi dụng cơ hội tàn quân Tưởng tràn vào Việt Nam và những thiếu sót của ta trong việc thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Lào Cai để kích động, lôi kéo nhân dân theo hắn. Từ giữa tháng 5 năm 1951, Phỉ ở Pha Long hoạt động mạnh, chúng đã giết 9 cán bộ và làm bị thương 4 cán bộ trung kiên của ta. Lực lượng của Châu Quang Lồ từ 15 tên trước đó nay đã phát triển lên hàng trăm tên.

Tại Pha Long, đến tháng 6 năm 1951, phỉ đã công khai tổ chức tiến hành một loạt trận tập kích, phục kích bộ đội, dân công ở Sin Pao Chải, Suối Thầu, Tả Lùng Thắng, Dìn Chin, Ngài Thầu, Lao Pao Chải. Đến cuối tháng 6 năm 1951, phỉ chiếm được các cứ điểm quanh phố Pha Long, siết chặt vòng vây thị trấn Pha Long, chặn đường tiếp tế giữa Pha Long với Mường Khương và Si Ma Cai; tích cực củng cố rẻo Mèo ở Pha Long, phát triển thêm cơ sở sang Mường Khương và Bản Lầu.

Để phá tan âm mưu của phỉ, căn cứ vào tình hình địa phương, Ban Cán sự Mường Khương ra chỉ thị số 01 - CT/MK ngày 30-6-1951 về chủ trương hoạt động ở Pha Long; và Chỉ thị số 02 - CT/MK, ngày 01-7-1951 về chủ trương công tác tại Mường Khương, Bản Lầu, chỉ đạo các đơn vị, bộ đội, du kích, ủy ban kháng chiến hành chính hoạt động:

Về quân sự, giữ phố Pha Long, dùng hình thức vũ trang tuần hành mở rộng phạm vi kiểm soát ra quanh thị trấn; các đoàn có vũ trang không đi quá sâu vào nơi địch mạnh; phải hoạt động bất ngờ, mau lẹ nhằm cô lập dân với Châu Quang Lồ; nếu khó khăn, lực lượng của phỉ hơn hẳn ta, không giữ được phố Pha Long thì rút lui để bảo toàn lực lượng. Tại Mường Khương: Giữ phố Mường Khương; hoạt động mạnh ở Tung Chung Phố, Seo Tủng, Nấm Lư; tăng cường kiểm soát việc dân đi lại vào ban đêm, cần chấn chỉnh chặt chẽ hàng ngũ du kích; sãn sàng tiêu diệt địch khi chúng đánh Mường Khương. Tại Bản Lầu: Tăng cường sự cảnh gác và tuần hành võ trang; gây lại và giữ vững tinh thần cho du kích, chuẩn bị khi cần điều lên Mường Khương

Về chính trị, cán bộ chính trị phối hợp với cán bộ quân du kích, tuyên truyền giữ vững tinh thần, tham gia chống phỉ, phục vụ chiến dịch trong nhân dân, vạch rõ sự gian trá của Châu Quang Lồ; trong hoàn cảnh phải bỏ Pha Long thì cán bộ có thể rút theo bộ đội; chuyển ngay đồng chí Ngọc về Mường Khương cùng cán bộ củng cố rẻo cao Nùng; Những trung kiên đã bị lộ cho thoát ly, đối với người chưa bị lộ thì hoạt động bí mật điều tra tin tức địch, giữ liên lạc với chủ lực.

Chỉ thị nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm là: Phối hợp hoạt động giữa Mường Khương và Pha Long, giữ được thị trấn và vùng lân cận Pha Long; thu hẹp quyền và phạm vi kiểm soát của phỉ, giữ vững cơ sở của ta; chuẩn bị cùng viện quân mở một trận càn quét tiêu diệt toàn bộ số tàn phỉ.

Từ ngày 07 đến 12-7-1951 phỉ nhận được sự yểm trợ vũ khí, đạn dược, thực phẩm của phi cơ Pháp, phỉ đã tập trung lực lượng mở nhiều đợt tấn công vào phố Pha Long. Tình hình Pha Long có lúc trở nên nguy kịch mất về tay địch, đội du kích của ta bị tan rã, 32 người ra hàng phỉ. Trong thời điểm khó khăn đó, Đại đội 210 (quân của Tỉnh đội Tuyên Quang) đã kịp thời hỗ trợ Pha Long, đẩy lùi tất cả các đợt tiến công của phỉ vào Pha Long cho đến khi bộ đội địa phương tỉnh Lào Cai và một bộ phận của Trung đoàn 148 vào giải vây.

Trước sự tấn công mạnh mẽ của ta, để giải vây cho Pha Long, từ ngày 13 tháng 7 đến tháng 8 năm 1951, phỉ đã phải phân tán thành những nhóm nhỏ rút dần vào hoạt động bí mật. Từ giữa tháng 7 năm 1951 đến tháng 8 năm 1951, nhân đà thắng lợi, quân ta liên tục truy quét quân phỉ ở các khu vực Sư Ma Tủng, Tả Lùng Thắng, Lồ Suối Thàng. Kết quả ta đã diệt được một số phỉ (trong đó có tên Sần Dì Quáng - Chánh tổng Mường Khương cũ), bắt và gọi hàng được 30 tên, thu được một số vũ khí. Từ tháng 9 năm 1951 đến tháng 3 năm 1952 phỉ đã rút vào hoạt động bí mật hoàn toàn.

Qua cuộc tiễu phỉ đợt 2 và quá trình thực hiện nhiệm vụ truy quét phỉ, cán bộ, chiến sĩ ta đã nhận thức rõ hơn về vấn đề phỉ. Một mặt phỉ có tính chất giai cấp, phản cách mạng. Âm mưu gây phỉ là một bộ phận cấu thành của toàn cảnh chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, là một biểu hiện mới, hình thức mới của chiến tranh xâm lược đối với khu vực miền núi phía Bắc. Mặt khác thực dân Pháp và những tên đầu sỏ phỉ luôn lợi dụng các vấn đề dân tộc và những thiếu sót của ta trong việc thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng, Chính phủ. Chúng đã lôi kéo, kích động được một phần nhân dân ủng hộ hoặc theo chúng làm phỉ. Muốn giải quyết cơ bản vấn đề nổi phỉ phải chú ý cả hai mặt vấn đề phỉ, phải thực hiện đúng phương châm tiễu phỉ của Trung ương Đảng. Thực chất của cuộc đấu tranh tiễu phỉ là cuộc đấu

tranh để giành dân và sự ủng hộ của nhân dân trong cuộc chiến cứu quốc của Đảng.

Bước sang năm 1952, thực dân Pháp đã tổ chức kết nối chặt chẽ với tàn quân Tưởng Giới Thạch ở miền Đông Lào Cai, tiếp tục đẩy mạnh âm mưu "phỉ hóa". Chúng đã tăng cường đặc vụ và bọn phòng nhì, phối hợp với bọn phỉ còn lại ở Pha Long (Mường Khương), Lùng Phình (Bắc Hà), Hoàng Su Phì (Hà Giang) thực hiện quấy rối, phá hoại ta suốt nẻo biên giới Lao Hà. Âm mưu tiến tới thành lập 2 trung đoàn phỉ, đặt dưới quyền chỉ huy của tên trùm phỉ Châu Quang Lồ (Pha Long) và lập 1 tiểu đoàn phỉ ở Đồng Văn (Hà Giang).

Thực hiện âm mưu trên, từ đầu năm 1952, bọn phỉ ở Pha Long và Bắc Hà bắt đầu nhen nhóm hoạt động trở lại. Bọn phỉ lẩn trốn tìm mọi cách để móc nối lôi kéo bọn phỉ đã ra hàng trở lại nhập phỉ, tổ chức vụ nổi phỉ lần thứ hai ở Mường Khương, Pha Long. Chúng ráo riết tuyên truyền, xuyên tạc chống phá các chính sách của ta, đồng thời chúng mua chuộc, dụ dỗ, cưỡng bức, đe dọa, lôi kéo quần chúng tham gia phỉ. Cuối tháng 02 năm 1952, Pháp đã cử 2 tên biệt kích nhảy dù mang theo điện đài xuống Lùng Phình[129] và chuyển điện đài cho Châu Quang Lồ ở Pha Long chuẩn bị kế hoạch đánh phá ta. Sau khi Châu Quang Lồ nhận được điện đài nối liên lạc với Pháp và bọn gián điệp biệt kích (GCMA) ở Hà Nội, bọn phỉ ở miền Đông Lào Cai đã được Pháp thả dù vũ khí, đạn dược và đồ tiếp tế xuống Pha Long, Lùng Phình. Chỉ tính từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 20 tháng 6 năm 1952, máy bay của Pháp đã thả xuống tổng cộng 146 dù người (trong đó có 47 tên đặc vụ quan trọng), 553 dù vũ khí, lương thực và 132 bao tải[130]. Được địch thả dù tiếp tế, bọn phỉ ở Pha Long - Lùng Phình từ chỗ hoạt động lẻ tẻ bí mật, nay đã công khai tập trung phản công ta.

---

129. Hai tên biệt kích nhảy dù là: Cháng Seo Thào người Si Ma Cai (bị ta bắt sống) và tên Hoàng Lử Chi người Mường Khương chạy thoát đem theo điện đài cho Châu Quang Lồ ở Pha Long.
130. Theo báo cáo tổng kết công tác tiễu phỉ năm 1952 của Tỉnh ủy Lào Cai.

Trước tình hình trên, để đối phó với phỉ, tỉnh cho tăng cường điều 2 đại đội (bộ đội địa phương) lên Bắc Hà phối hợp với bộ đội địa phương huyện mới thành lập và lực lượng du kích tiêu diệt phỉ. Ở Pha Long (Mường Khương), ngày 28 tháng 4 năm 1952 tên Châu Quang Lồ đã phát triển lực lượng phỉ từ 40 tên lên đến hơn 200 tên có 5 khẩu trung liên chặn đường Pha Long - Mường Khương, Pha Long - Si Ma Cai, Pha Long - Lao Kha (Trung Quốc). Ta có 2 trung đội bộ đội địa phương huyện mới thành lập và một trung đội du kích. Từ ngày 29 tháng 4 năm 1952,phỉ bắt đầu tấn công bao vây phố Pha Long, chúng cắt mọi liên lạc, tiếp tế của ta đi nơi khác. Bên cạnh đó, lực lượng phỉ được phi cơ Pháp ném bom yểm trợ, thả lương thực, vũ khí nên phỉ tập trung lực lượng nã pháo cối vào phố Pha Long. Trước sự tấn công áp đảo của phỉ, đội du kích của ta bị tan rã, một số đầu hàng phỉ. Đơn vị bộ đội địa phương chiến đấu anh dũng song cũng không giữ nổi, phố Pha Long thất thủ, phỉ chiếm được Pha Long (ngày 06 tháng 5 năm 1952). Trước đó có một trung đội bộ đội địa phương từ Si Ma Cai sang ứng cứu cho Pha Long, song bị địch đánh bật trở lại. Sau khi chiếm được Pha Long lực lượng phỉ phát triển ngày càng nhanh trong vòng 3 tháng (từ ngày 18 tháng 3 đến 18 tháng 6 năm 1952) số lượng phỉ từ 100 tên đã phát triển lên đến con số 3.000 tên, chúng uy hiếp thị trấn Mường Khương và không chỉ hoạt động ở Pha Long - Mường Khương, phỉ Châu Quang Lồ còn hỗ trợ phỉ ở Lùng Phình đánh chiếm Si Ma Cai (ngày 20 tháng 3 năm 1952).

Ngày 02 tháng 6 năm 1952, phỉ tập trung lực lượng lớn gồm có 200 tên có trang bị vũ khí mạnh, súng cối 81, 60 mm và đại liên, trung liên tấn công vào phố huyện Mường Khương và chiếm cứ điểm pháo đài Nhật, nhưng chúng đều bị lực lượng vũ trang của ta dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Long - Tỉnh ủy viên, trưởng Ban Cán sự và đồng chí Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 930 (E148) đánh bật. Tuy vậy ta vẫn không phá tan được vòng vây của chúng. Ngày 08 tháng 6 năm 1952, khi bộ đội ta đóng ở Nấm Lư được lệnh chuyển

quân về thị trấn cố thủ, phỉ đã tranh thủ đánh chiếm Nấm Lư và tiếp tục thắt chặt thêm vòng vây uy hiếp thị trấn Mường Khương.

Nguyên nhân lực lượng phỉ ở miền Đông Lào Cai nói chung và ở Pha Long - Mường Khương nói riêng phát triển nhanh (lúc cao nhất lực lượng phỉ có đến 2.000 tên trên tổng số phỉ 3.500 tên ở vùng biên giới Lào Cai - Hà Giang) là do kế hoạch gây phỉ của Pháp - Mỹ được đẩy mạnh hơn hẳn các lần trước, hoạt động của phỉ được trang bị vũ khí và có chiến lược phản công cấu kết chặt chẽ. Ngoài ra, vai trò ảnh hưởng của bọn thổ ty phản động còn rất lớn trong dân, bọn chúng tiếp tục lợi dụng vấn đề dân tộc, lợi dụng sai lầm của ta trong việc huy động dân công tòng quân, thu thuế nông nghiệp để kích động, mua chuộc, lôi kéo nhân dân ủng hộ và tham gia nhập phỉ. Ta đánh giá còn chủ quan về âm mưu và khả năng của Pháp và bọn đầu sỏ phỉ, nhưng lại đánh giá quá cao về kết quả thực hiện tạm cấp, tạm giao ruộng đất và thu thuế nông nghiệp mà ta đã triển khai thực hiện được. Mặt khác ở trận địa Pha Long - Mường Khương ta lại bố trí lực lượng vũ trang của ta mỏng, không đủ sức ngăn chặn sự phát triển của phỉ.

Trước diễn biến phức tạp về vấn đề nổi phỉ, cuối tháng 4 năm 1952, Trung ương Đảng đã ban hành chỉ thị đẩy mạnh việc phối hợp với phía Trung Quốc mở chiến dịch tiễu phỉ lớn ở biên giới Lao Hà với nhiệm vụ: Tích cực phá âm mưu "phỉ hóa" của đế quốc, kiên quyết tiêu diệt hết bọn phản động, thổ phỉ, đặc vụ, cải thiện dân sinh, đem lại đời sống thanh bình cho nhân dân các dân tộc. Đây là chiến dịch tiễu phỉ thứ hai ở miền Đông và là chiến dịch tiễu phỉ lần thứ ba ở tỉnh Lào Cai. Phương châm tiễu phỉ được Trung ương Đảng bổ sung so với đợt tiễu phỉ lần thứ nhất cuối năm 1950 đầu năm 1951 là: Quân sự đi đôi với chính trị, chính trị là chính, quân sự làm áp lực cho chính trị, thể hiện chính sách khoan hồng thành hành động thực tế, vận động quần chúng tích cực tham gia tiễu phỉ và chú trọng việc cải thiện đời sống của đồng bào.

Phạm vi chiến dịch tiễu phỉ biên giới Lao Hà kéo dài suốt từ huyện Mường Khương (Lào Cai) đến Đồng Văn (Hà Giang). Lực lượng của ta gồm có Trung đoàn 148, các đơn vị bộ đội địa phương, dân quân du kích và kết hợp với Sư đoàn 302 (sư đoàn của Trung Quốc). Trước khi xuất quân tiễu phỉ, các đơn vị tham chiến và các ngành tham gia phục vụ chiến dịch đều được học tập, quán triệt các chính sách đoàn kết dân tộc, dân vận và chính sách khoan hồng của Đảng.

Bước vào chiến dịch, ngay đợt đầu quân ta tấn công từ ngày 10 tháng 5 đến đầu tháng 6 năm 1952, ở Đồng Văn phỉ bị tiêu diệt và kéo ra hàng 500 tên, ở Hoàng Su Phì, ta diệt 200 tên phỉ và buộc hàng một số. Cuối tháng 5 năm 1952 tên Sần Châu Phù (tức phó lý Lùng Tráng) đã kéo 200 tên sang gặp Châu Quang Lồ và Hàn Sao Lùng nhận chỉ thị và điện đài trở về hoạt động. Lúc này Pháp lại tiếp tục thả hơn 1.000 dù vũ khí, lương thực tiếp tế cho phỉ ở Pha Long và Lùng Phình. Ngày 16/6 lực lượng vũ trang của ta phối hợp với quân đội của Trung Quốc đã tấn công Lùng Phình, bọn phỉ hoảng loạn bỏ chạy tan tác, thừa thắng ta tiến quân lên giải phóng Si Ma Cai (ngày 22-6-1952).

Ở địa bàn huyện Mường Khương, ngày 20 tháng 6 năm 1952, quân ta đã cùng với quân giải phóng Trung Quốc phối kết hợp tấn công phỉ. Ngày 21 tháng 6 năm 1952, lực lượng vũ trang của ta và quân giải phóng Trung Quốc đã đánh 300 tên phỉ đóng trên núi Nậm Pản, diệt được 60 tên, thu 2 súng cối, 4 trung liên và tiểu liên và súng trường, giải phóng được vùng xung quanh thị trấn và Bản Lầu. Lực lượng phỉ bị ta tấn công từ nhiều hướng không đối phó kịp, chỉ ra sức phản kháng chống đỡ. Ngày 28 tháng 6, đại đội 965 của tỉnh tới thị trấn Mường Khương phối hợp với lực lượng chủ lực của ta hoạt động phía Tà Chải, Sư Ma Tủng, Tả Chư Phùng theo đường tiến công lên tiêu diệt phỉ ở Pha Long. Cũng trong thời gian này, các cán bộ chính trị của ta đã tỏa xuống các vùng mới giải phóng làm

công tác dân vận, kêu gọi phỉ ra hàng hưởng chính sách khoan hồng của Đảng.

Lực lượng phỉ bị quân ta tấn công từ nhiều phía, chúng phải co cụm ở Pha Long. Ở đây ta phải dùng lực lượng mạnh, ngoài lực lượng tiễu phỉ ở địa phương, còn có 2 tiểu đoàn chủ lực của Trung đoàn 144 tiến thẳng từ Lao Pao Chải cắt phía Nam Pha Long, phối hợp với mũi tiến công của ta từ hướng Bắc xuống tấn công tiêu diệt khu đầu não của lực lượng phỉ. Sau 7 ngày đêm chiến đấu quyết liệt, ta và phỉ giành giật nhau từng mỏm đồi. Bọn phỉ có thế mạnh thông thạo địa hình, chúng luồn lách trên các sườn đồi, khe suối đánh trả ta quyết liệt. Mặt khác, chúng lại được quân Pháp cho máy bay B.26 liên tục bỏ bom bắn phá yểm trợ xung quanh khu vực Pha Long nên nhiều trận chiến đấu giữa ta và phỉ diễn ra gay go, ác liệt. Ở điểm cao 1371 (Tả Gia Khâu - Mường Khương), phỉ ngoan cố chống cự ta quyết liệt ròng rã trong 2 ngày, quân ta bị hy sinh và thương vong lớn (từ ngày 20-6 đến ngày 08-7-1952 ta đã bị thương vong 676 người. Riêng Trung đoàn 114 bị thương 405 người). Với quyết tâm tiêu diệt phỉ, lại được quần chúng ủng hộ tích cực, dẫn đường, ngày 03 tháng 7 năm 1952, quân ta đã giải phóng được phố Pha Long buộc phỉ phải rút về Thải Giàng Sán ven sông Chảy. Ta tiếp tục truy quét phỉ ở các mục tiêu còn lại như Lao Táo, Dìn Chin, Ngải Thầu. Ngày 06 tháng 7 năm 1952, ta tiến đánh phỉ ở Tả Gia Khâu, phỉ tan tác vượt vòng vây trốn thoát. Ngày 07 tháng 7 năm 1952, quân ta tiến công đánh lực lượng chính của trùm phỉ Châu Quang Lồ ở Thải Giàng Sán, quân ta đã diệt và bắt sống được một số tên. Phần lớn lực lượng phỉ còn lại chạy thoát sang Cán Hồ, Lùng Phình (Bắc Hà), số phỉ còn lại chạy theo Châu Quang Lồ vào rừng và chúng lợi dụng rừng núi hiểm trở để cố thủ và chống trả lại sự tiến công của quân ta.

Sau khi quân ta đã diệt tan các mục tiêu chiến lược của phỉ, ngày 08 tháng 7 năm 1952, ta tạm thời chấm dứt thời kỳ tiễu phỉ

bằng chiến lược tấn công quân sự trên quy mô lớn. Chủ trương tiễu phỉ của ta chuyển sang giai đoạn lấy việc phát động quần chúng làm chủ yếu, có kết hợp với việc lùng sục, truy quét tàn phỉ còn lẫn trốn. Trong giai đoạn này quân ta được chia làm 2 bộ phận. Bộ phận chủ yếu là làm nhiệm vụ chiếm đóng và tổ chức phát động quần chúng gọi phỉ ra hàng, tổ chức nhiều lớp tuyên truyền cho nhân dân hiểu rõ âm mưu thủ đoạn thâm độc của đế quốc, tội ác của bọn Pháp, phỉ, phân tích cho quần chúng biết ai là bạn và ai là thù. Đồng thời ta còn tổ chức đại hội nhân dân bầu ra "Ủy ban tiễu phỉ Thanh Bình". Ở khu vực Pha Long ta đã chủ động thành lập được 7 ủy ban tiễu phỉ Thanh Bình, có sự tham gia đầy đủ các thành phần dân tộc, các ủy ban này có nhiệm vụ phổ biến chính sách của Đảng, kêu gọi đại đoàn kết dân tộc, vận động dụ phỉ ra hàng. Bộ phận nhỏ còn lại của quân ta đều được trang bị gọn nhẹ, cơ động để truy quét, lùng sục những tên phỉ ngoan cố lẩn trốn.

Hiệu quả hoạt động của các Ủy ban nhân dân tiễu phỉ Thanh Bình, từ việc tổ chức quần chúng tố khổ, sau tới vận động những hộ gia đình, những dòng họ có người nhà theo phỉ trở về làm ăn lao động sản xuất. Tổ chức các "Liên phòng đội" (dân quân du kích) dùng áp lực của quần chúng bức phỉ ra hàng, nộp vũ khí đã giải quyết được căn bản sự hoang mang trong nhân dân. Ngoài các cách thức vận động nêu trên, ta còn áp dụng hình thức thiết lập các tổ đội đoàn kết (liên gia) để học tập, sinh hoạt và tương thân tương ái trợ giúp lẫn nhau trong sản xuất.

Qua gần một tháng phát động tiễu phỉ thí điểm thành công ở khu Tả Lùng Thàng - Sào huyệt của trùm phỉ Châu Quang Lồ (trước đây trong 15 làng có tới 300 thanh niên nhập phỉ, nay sau một thời gian được ta chọn tuyên truyền thí điểm, con số phỉ từ 300 tên chỉ còn lại vẻn vẹn 4 tên ngoan cố trốn chạy). Ta chủ trương nhân mô hình tiễu phỉ này ra diện rộng khu Pha Long, Lùng Phình, Bản Lầu, Hoàng Thu Phố, Văng Đẹt, Cốc Râm và dọc biên giới từ Pha

Long đến Mường Khương. Lực lượng tham gia với vai trò nòng cốt tiễu phỉ ở Mường Khương gồm có cán bộ Ban Cán sự Đảng Mường Khương, cán bộ tăng cường của Tỉnh ủy Lào Cai, bộ đội địa phương với phương châm thực hiện "ba cùng" với dân.

Đến cuối năm 1952, cuộc vận động quần chúng tiễu phỉ ở Pha Long , Mường Khương ta thu được thắng lợi to lớn. Chính quyền các xã được thiết lập và củng cố tổ chức lại, các Ủy ban Nhân dân tiễu phỉ Thanh Bình được phát triển rộng khắp. Quần chúng, đặc biệt là thanh niên rất tích cực tham gia các Liên phòng đội bao gồm hơn 1.000 người. Các Liên phòng đội đã lập ra công ước gồm 12 điều (ngày 27 tháng 9 năm 1952), nội dung công ước quy định rõ nhiệm vụ và các điều kỷ luật phải tự giác chấp hành. Ngày 28 tháng 12 năm 1952, vào hồi 16 giờ (4 giờ chiều), Vàng Seo Vảng - một thiếu nhi ở Lao Pao Chải phát hiện thấy khói ở biên giới về báo với bộ đội. Quân ta phối hợp với quân giải phóng Trung Quốc tổ chức bao vây tên trùm phỉ Châu Quang Lồ ở hang Lao Pao Chải. Được tên Lìu Sín Phù trước đây là tay chân của Châu Quang Lồ đã ra hàng tự nguyện dẫn đường cho chiến sĩ Liên phòng đội và Châu Giang Bạo tiến sâu vào hang ổ phỉ ẩn náu. Tại đây ta đã tiêu diệt được tên trùm phỉ miền đông Châu Quang Lồ và nhiều tên tay chân.

Tên trùm phỉ Châu Quang Lồ bị tiêu diệt, nhân dân các dân tộc ở miền Đông Lào Cai, nhất là đồng bào ở Pha Long, Mường Khương rất phấn khởi, yên tâm, tin tưởng vào chính quyền cách mạng, tích cực tham gia cuộc sống mới. Số tàn phỉ suy yếu, tan rã hẳn, số đông đã tự nguyện đầu hàng để hưởng sự khoan hồng của cách mạng.

Như vậy, cuộc phát động quần chúng đấu tranh tiễu phỉ ở Pha Long - Mường Khương năm 1952 đã góp phần quan trọng phá tan âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ vùng biên giới Lao - Hà. Thắng lợi lớn nhất là có ý nghĩa vững bền của quân ta là được "lòng dân". Từ chỗ quần chúng còn chịu ảnh hưởng rất lớn của bọn thổ ty phản động. Tiến đến giác ngộ cách mạng, tự giác tham

gia các cuộc vận động cách mạng tích cực góp phần quyết định vào thắng lợi của chiến dịch tiễu phỉ. Kinh nghiệm quý báu được rút ta từ cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ năm 1952 là: Trong điều kiện nhân dân các dân tộc thiểu số còn chịu ảnh hưởng lớn của bọn thổ ty phản động, trình độ dân trí và kinh tế - xã hội còn yếu kém, lạc hậu, nhận thức chính trị còn yếu. Vậy muốn đưa quần chúng tham gia cách mạng vấn đề cơ bản là phải tổ chức giáo dục, giác ngộ được nhân dân hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng; Nhận thức về được âm mưu, thủ đoạn của địch. Mặt khác phải tổ chức và vận động quần chúng tham gia vào các tổ chức đoàn thể, mặt trận thích hợp hướng dẫn họ từng bước đấu tranh phù hợp với đặc điểm tâm lý, tập quán tộc người. Cuối cùng điều mấu chốt quan trọng nhất là phải đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân, thông qua việc hướng dẫn, giúp đỡ dân phát triển sản xuất, tiếp cận văn hóa, y tế, giáo dục và giao lưu hàng hóa thì nhiệm vụ cách mạng sẽ nhất định thành công thắng lợi.

Năm 1953, tướng Pháp Na -Va được cử sang Việt Nam làm tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương và vạch "Kế hoạch NaVa" với kỳ vọng thực hiện trong 18 tháng sẽ làm thay đổi được cục diện chiến tranh, cứu quân đội Pháp khỏi sa lầy ở Việt Nam, làm suy yếu lực lượng quân đội chủ lực của ta, kết thúc chiến tranh theo ý đồ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Trước tình hình trên cuối năm 1953, Bộ chính trị Trung ương Đảng ta quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 với mục tiêu chiến dịch này là dành thắng lợi quyết định.

Trong ở thời gian này này, tổ chức phản động GCMA đẩy mạnh hoạt động gây phỉ ở quy mô lớn trên địa bàn rộng khắp Tây Bắc Việt Nam. Tại Lào Cai, ngày 3/10/1953, phỉ cho phi cơ ném bom và nhảy dù xuống Đồng Tuyển (thị xã Lào Cai) và tung lực lượng từ Chapa, Mường Hum, Nhạc Sơn về đánh Cốc Lếu và thị xã. Sau khi bị bắn chết 3 tên phỉ Mèo chúng bỏ chạy. Tối ngày 3/10 lực lượng nhảy dù

của địch (khoảng 1 trung đội) vẫn chiếm gò cao cây số 3 đường Lao Kay - Chapa[131].

Tháng 11 năm 1953, quân đội chủ lực của ta mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và dành được liên tiếp những thắng lợi vang dội trên các mặt trận Tây Bắc, Đông Bắc và nhiều vùng rộng lớn ở Bắc, Trung, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, liên khu V Tây Nguyên và cuối cùng thắng lợi bằng chiến dịch Điện Biên Phủ "Chấn động địa cầu" (Từ ngày 13 tháng 3 năm 1954 đến ngày 07 tháng 5 năm 1954) đã làm phá sản hoàn toàn "Kế hoạch Na Va" của thực dân Pháp, buộc Pháp phải đến đàm phán và ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ ngày 21/7/1954, tuyên bố chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, ở địa bàn tỉnh Lào Cai lực lượng phản động của tổ chức GCMA vẫn ngoan cố mở cuộc "Tấn công tổng quát" chống lại ta mà chúng gọi là chiến dịch Nguyễn Đình Văn với mục tiêu dốc toàn bộ lực lượng phỉ ở Tây Bắc có sự chi viện của không quân Pháp nhằm đánh chiếm 5/6 huyện, thị của tỉnh Lào Cai (trừ huyện Mường Khương) đồng thời bố trí kế hoạch chuyển hướng hoạt động để thực hiện âm mưu thâm độc lâu dài của chúng. Từ sau chiến thắng Điện Biên Phủ của ta (7-5) đến khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết 21/7/1954, chúng đã cho máy bay liên tiếp thả dù vũ khí, lương thực cho lực lượng phỉ ở Tả Phìn, khu Chu Lìn, Sín Chải (Sa Pa), U Sì Sung, Dầu Trát (Bảo Thắng), Sàng Ma Sáo, Piềng Láo (Bát Xát) và một số nơi ở huyện Bắc Hà. Đặc biệt ở Piềng Láo, trong ngày 21 tháng 7 năm 1954 chúng đã thả tới 700 dù vũ khí, quân lương các loại. Mặt khác, chúng đã huy động tới 5.318 tên phỉ, hoạt động chống phá cách mạng công khai ở 5 huyện: Phong Thổ, Sa Pa, Bát Xát, Bảo Thắng, Bắc Hà. Ngoài ra, chúng còn đưa một số tay sai đắc lực về Hà Nội huấn luyện và giao nhiệm

131. Tỉnh ủy Lào Cai: Chỉ thị Số 18 -CT/LK ngày 04-10-1953 gửi các cấp Đảng bộ toàn tỉnh.

vụ, ngày 26 tháng 7 năm 1954, chúng dùng máy bay đưa quân huấn luyện về Bắc Hà tổ chức hoạt động. Đồng thời chúng còn sử dụng trực thăng hạ cánh xuống Mường Hum (Bát Xát), Thanh Phú (Sa Pa), Bắc Hà để phổ biến kế hoạch hoạt động cho phỉ. Nội dung kế hoạch có một số điểm chính như sau: Những nơi có Bộ đội đóng quân, phải né tránh, phân tán xa; nếu bị Bộ đội và các lực lượng của ta phản công mạnh thì giấu súng và hàng; Kiên quyết bằng mọi giá phải bảo vệ điện đài, giữ vững thông tin liên lạc, tiếp tục phản tuyên truyền các chính sách của ta[132].

Để dễ mua chuộc và lôi kéo được nhân dân, chúng đưa ra khẩu hiệu tuyên truyền "Chống thuế nông nghiệp"; "Chống thuế công thương nghiệp" (ở thị xã). "Chống dân công"; "Phá kho thóc chia cho nhân dân khỏi đói"; "Cướp mậu dịch để lấy hàng". Nham hiểm nhất là địch nêu khẩu hiệu "tự trị" để chia rẽ dân tộc và bọn biệt kích còn dùng thủ đoạn lừa bịp giả dối, như cho nhân dân tiền, muối, thuốc lào để mua chuộc nhân dân[133].

Trước những âm mưu thâm độc của địch, trên cơ sở xác định "không phải chỉ quét hết quân số phỉ, phải phát động nhân dân đủ sức chống lại bất cứ một cuộc trở lại nào của phỉ. Cho nên công tác tiễu phỉ có tính chất trường kỳ và gian khổ", Trung ương và Khu ủy quyết định mở chiến dịch tiễu phỉ miền tây, nhằm: "Phát động quần chúng tiễu phỉ và bọn việt gian phản quốc đem lại sự an ninh trật tự trong nhân dân; Xây dựng và củng cố các tổ chức quần chúng, tổ chức chính quyền và lực lượng võ trang để duy trì, bảo vệ sự an ninh trật tự cho nhân dân, phục hồi sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân". Theo phương châm "chính trị là chủ yếu quân sự làm áp lực".

Ở Pha Long - Mường Khương, cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ trong năm 1952 đã giải quyết về cơ bản nạn "Phỉ hóa". Nhưng

132. Trích dẫn từ cuốn lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Lào Cai 1945 - 1954 - Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai - Trang 250.
133. Tỉnh ủy Lào Cai: Chỉ thị Số 19-CT/LK ngày 19-10-1953 Số 19 -CT/LK, về việc phục vụ chiến dịch tiễu phỉ.

bước sang năm 1953, trên địa bàn huyện Mường Khương vẫn còn một số phỉ lén lút hoạt động chống phá cách mạng. Có thể chia hoạt động của tàn phỉ năm 1953 ở Mường Khương thành 3 thời kỳ hoạt động chính.

Do ảnh hưởng từ cuộc phát động tiễu phỉ năm 1952 của quần chúng, từ tháng 01 đến hết tháng 3 năm 1953, hoạt động của phỉ thực sự bị suy yếu. Chúng chỉ lén lút tìm cách thực hiện việc trả thù những quần chúng tích cực theo cách mạng và mặt khác tìm cách cướp trộm cắp lương thực, thực phẩm để tồn tại. Từ tháng 3 đến tháng 9 năm 1953, khi sư đoàn 302 (Quân giải phóng Trung Quốc) rút quân về nước, Phỉ ở Mường Khương lại nhem nhóm hoạt động trở lại và chúng đã dụ dỗ, lôi kéo được một số thanh niên theo chúng ẩn náu chờ thời cơ tấn công lại quân ta. Từ tháng 10 trở đi, trên địa bàn huyện Mường Khương, ta lại tiếp tục tổ chức truy quét phỉ mạnh, nên lực lượng tàn phỉ lại rút vào hoạt động bí mật hoàn toàn.

Trong thời gian 2 năm 1953 - 1954, trên địa bàn huyện Mường Khương lực lượng tàn quân phỉ vẫn không thể nổi lên công khai hoạt động chống phá ta như ở các huyện khác. Qua thống kê, rà soát của ta vào thời điểm cuối năm 1953, lực lượng phỉ ở Mường Khương chỉ còn sót lại khoảng từ 20 - 30 tên. Chúng lén lút hoạt động chủ yếu ở vùng giáp sông Chảy. Địa bàn này ta khó kiểm soát và lùng sục, truy quét chúng nên phỉ vẫn ra sức tuyên truyền xuyên tạc chính sách của Đảng, tung hô quân Pháp sẽ quay lại chiếm Lào Cai, Việt Minh sắp thua, Chính phủ La Văn Đức (Lò Vản Tờ) sắp trở về Mường Khương... Về hoạt động của thực dân Pháp, trong thời gian từ năm 1953 đến tháng 7 năm 1954. Chúng thường xuyên cho máy bay thả biệt kích lương thực xuống địa bàn huyện tìm cách liên lạc với phỉ (năm 1954, chúng thả dù 6 biệt kích xuống Tung Chung Phố (Mường Khương). Nhưng mọi hoạt động của chúng đều bị lực lượng ta kiểm soát và đập tan.

Trong 2 năm (1953 - 1954), việc lùng sục, truy quét tàn phỉ của quân và dân Mường Khương cũng thu được thắng lợi. Năm 1953, quân ta đã diệt và bắt được 33 tên phỉ, thu giữ được 04 súng, 5.670 viên đạn, 31 quả mìn, 04 lựu đạn...các toán biệt kích thả dù xuống địa bàn huyện đều bị quân ta tiêu diệt hoặc bắt lĩnh súng đạn của phỉ ở Bắc Hà về trình diện và nộp vũ khí. Từ sau ngày 27 tháng 7 năm 1954, khi Hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực đình chiến thì về cơ bản tàn phỉ ở Mường Khương đã chấm dứt hoạt động, công tác tiễu phỉ trừ gian ở Mường Khương dành được thắng lợi hoàn toàn.

III. Lãnh đạo ổn định đời sống Nhân dân (1950 - 1955)

Bên cạnh thực hiện nhiệm vụ chính là tiễu phỉ và để phục vụ cho nhiệm vụ tiễu phỉ, những năm 1950 - 1954, Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương chú trọng chỉ đạo phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, nâng cao đời sống dân trí và củng cố hệ thống chính trị.

Quán triệt thực hiện nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I (4/1951) và Hội nghị cán bộ toàn tỉnh Lào Cai (8/1951). Ban Cán sự Đảng và chính quyền Mường Khương đã thực hiện thí điểm việc tạm cấp, tạm giao ruộng đất của bọn việt gian tay sai Pháp và ruộng vắng chủ cho nông dân canh tác. Chỉ tính từ tháng 8 đến cuối năm 1951, Mường Khương đã thực hiện tạm cấp, tạm giao gần 100 mẫu ruộng cho 313 gia đình với hàng nghìn dân. Ngoài ra huyện còn chủ động giảm tô cho 10 hộ gia đình ở thị trấn Mường Khương. Những việc làm này bước đầu đã mang lại quyền lợi cho một bộ phận nông dân lao động. Sau khi thực hiện tạm cấp ruộng đất cho nông dân, Ban Cán sự Đảng và chính quyền cách mạng đã phát động phong trào đẩy mạnh sản xuất và tổ chức cứu đói trợ cấp cho những hộ gia đình khó khăn. Với các biện pháp tăng cường sản xuất, kết quả thu hoạch sản lượng lương thực năm 1951 đã tăng gần 2 lần so với sản lượng năm 1950.

Đầu năm 1952, Ban Cán sự huyện chỉ đạo đợt học tập chính sách tiết kiệm, tích cực tăng gia sản xuất cho cán bộ, nhân dân. Đợt học tập này đã có tác dụng thúc đẩy phong trào tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm trên toàn huyện. Do hoạt động gây phỉ, ở Mường Khương có trên 300 mẫu ruộng bị bỏ hoang. Riêng các thôn Na Lốc, Bản Lầu, Lồ Sử Thàng xã Hòa Bình bỏ hoang tới 1/3 ruộng đất, huyện đã kịp thời chỉ đạo cho dân khắc phục ruộng hoang, thực hiện cấy hết diện tích. Những vùng không có phỉ hoạt động, nhân dân được hướng dẫn cải tiến canh tác, làm cỏ bón phân, thực hiện tăng năng suất. Những nơi ít ruộng nước thì được chỉ đạo trồng ngô, sèo, đậu tương, khoai, sắn. Năm 1953 xã Bản Lầu đã phục hóa được 510 cân giống, thu hoạch thêm được 12 tấn lúa. Riêng 2 thôn Tùng Lâu, Mã Tuyển phục hóa 2.500kg giống, thu hoạch thêm được 130 tấn. Xã Hòa Bình phục hóa 83kg giống, thu hoạch được thêm 2,8 tấn lúa.

Cùng với phong trào phục hóa, nhân dân còn đẩy mạnh việc khai hoang mở rộng diện tích và tăng vụ. Năm 1953 riêng nông dân khu vực Mường Khương đã khai hoang gieo trồng được 69 kg giống, thu thêm được 2 tấn lúa. Nhiều xã được hướng dẫn kỹ thuật thâm canh tăng vụ. Sau khi thu hoạch lúa đã thực hiện gieo trồng sèo, trồng ngô, khoai. Trong sản xuất đã bước đầu áp dụng kỹ thuật mới. Các hộ nông dân đã thực hiện làm cỏ, bón phân. Nhờ các biện pháp cải tiến canh tác được áp dụng, tổng sản lượng lương thực của huyện năm 1954 đã tăng gần gấp đôi năm 1951.

Trồng trọt được kết hợp với khai thác lâm thổ sản và chăn nuôi. Năm 1953 xã Bản Lầu đã khai thác trên 1 vạn cây gỗ, tre, nứa bán cho mậu dịch, chế biến được 100 tấm ván bán sang Hồ Kiều (Trung Quốc). Đầu năm huyện tập trung chỉ đạo phong trào chăn nuôi và đào hố làm phân bón ruộng. Riêng 3 thôn ở xã Mường Khương là Văng Đẹt, Lùng Cổ Phìn, Ma Lủ đã đào được 50 chuồng phân. Đàn gia súc đã tăng nhanh về số lượng. Năm 1953, riêng xã Mường

Khương, Pha Long đã bán ra thị trường 60 con trâu, bò và hơn 1 nghìn con lợn.

Năm 1953, phong trào xây dựng tổ đổi công đã được thực hiện ở Mường Khương. Ở các thôn Ái Quốc, Thanh Bình, Trung Thành đã xây dựng được các tổ đổi công có từ 15-16 gia đình tham gia. Năm 1954, Ban Cán sự huyện chỉ đạo củng cố các tổ đổi công, khắc phục những khó khăn về tổ chức sản xuất trong các tổ đổi công. Tách những tổ đổi công lớn thành những tổ đổi công nhỏ để thuận tiện cho việc quản lý và tổ chức sản xuất. Toàn huyện có 368 tổ đổi công đã được củng cố, mỗi tổ đổi công có từ 6-8 gia đình. Việc huy động nông dân vào tổ đổi công và hình thức tổ đổi công đã thực sự có tác động nâng cao khả năng sản xuất nông nghiệp, tạo ra phong trào phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện. Khắc phục tình trạng ruộng đất bỏ hoang, kỹ thuật canh tác lạc hậu, nhất là việc thiếu tư liệu sản xuất. Đồng thời kích thích nông dân tích cực sản xuất và tăng cường tinh thần đoàn kết, tương trợ trong cộng đồng. Phong trào phát triển sản xuất trong các tổ đổi công được đẩy mạnh đã dẫn đến việc phá vỡ các tập tục, quan niệm sản xuất lạc hậu. Năm 1954, huyện đã vận động được 384 phụ nữ biết cày, bừa, đồng thời đã đẩy mạnh việc thành lập các quỹ nghĩa thương ở các xã. Quỹ nghĩa thương đã có tác dụng giải quyết tình trạng thiếu đói trong các gia đình, thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất đối với các hội trong tổ đổi công, đưa việc sản xuất ở các tổ đổi công từ tình trạng thường bị lúng túng do thiếu tư liệu sản xuất trước đây đi vào hoạt động ổn định và phát triển. Trong 2 năm 1953-1954, quỹ nghĩa thương của huyện và các xã đã cho nông dân vay tổng cộng 31 nghìn đồng để mua trâu cày kéo. Cứu đói cho hơn 300 hộ gia đình. Ngoài ra, quỹ nghĩa thương còn thường xuyên hỗ trợ cho nông dân vay giống, vốn để mua tư liệu sản xuất.

Cùng với đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề thủ công truyền thống như rèn, đúc, nhuộm, dệt vải, làm giấy...của

Nhân dân các dân tộc được khôi phục. Huyện đã chỉ đạo cho mở lại các chợ Mường Khương, Pha Long, Bản Lầu cho Nhân dân trao đổi hàng hóa, do đó đã tạo ra bước phát triển mới của việc giao lưu mua bán hàng hóa giữa các vùng, khắc phục được sự khan hiếm hàng hóa, tạo điều kiện ổn định đời sống Nhân dân.

Trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bên cạnh việc giáo dục nhân dân thấy rõ âm mưu phản động gây phỉ của thực dân, đế quốc, tích cực vận động nhân dân đấu tranh chống lại hành động gây phỉ, Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương còn tập trung chỉ đạo công tác tuyên truyền, giáo dục nhân dân về những chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước. Từ năm 1951, đội ngũ cán bộ của huyện được cử xuống các xã tiếp xúc với dân, bàn bạc trao đổi về những chính sách của Nhà nước, đặc biệt là chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, sắc lệnh về tạm cấp ruộng đất của chính phủ được cán bộ truyền đạt và nhân dân thảo luận sôi nổi. Do đó khi thực hiện việc cấp ruộng đất, Nhân dân đã cơ bản thông suốt và phấn khởi khi được quyền sử dụng đất. Đối với những người thuộc diện tầng lớp trên cũng đã chấp hành nghiêm chỉnh việc giao nộp ruộng đất để Nhà nước cấp cho bần cố nông.

Để nâng cao đời sống và dân trí cho Nhân dân, một trong những nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ sau khi giành được chính quyền là chăm lo đến công tác giáo dục, đào tạo. Xác định rõ nhiệm vụ này, Ban Cán sự huyện Mường Khương, ngay từ đầu năm 1951, đã chỉ đạo củng cố mở cửa lại 3 trường tiểu học do Pháp thành lập trước đây ở 3 khu vực Bản Lầu, Pha Long và Mường Khương. Đồng thời tích cực chỉ đạo công tác vận động con em Nhân dân các dân tộc đi học, chỉ đạo xây dựng mới trường tiểu học ở Tùng Lâu (1953) và đẩy mạnh việc vận động nhân dân học bình dân học vụ để xóa mù chữ. Năm 1951, huyện đã xây dựng 15 lớp bình dân học vụ, các lớp bình dân học vụ được mở theo từng cụm dân cư, giáo viên dạy bình dân học vụ chủ yếu là những người biết chữ trong dân

dạy cho người chưa biết chữ. Tháng 4-1953, theo chỉ thị của tỉnh, Ban Bình dân học vụ sáp nhập vào Ủy ban hành chính huyện. Hoạt động của Ban trực tiếp do Ủy ban hành chính huyện chỉ đạo. Do đó phong trào bình dân học vụ từ năm 1953 ở Mường Khương rất sôi nổi. Đến vụ thu hoạch hoặc gieo cấy bận rộn, ban ngày Nhân dân đi làm, buổi tối mọi người đi học, 4 xã khu vực Pha Long, Nhân dân đi học rất đông làm cho nơi học chật chội không đủ chỗ ngồi phải thành lập thêm nơi dạy mới.

Năm 1954, phong trào bình dân học vụ tiếp tục được đẩy mạnh. Những hạn chế trong công tác bình dân học vụ đã được khắc phục. Chất lượng dạy và học được nâng lên, 4 trường phổ thông đã tăng 1,5 lần số lượng học sinh so với năm 1953. Đặc biệt năm 1954, huyện đã chú trọng cử cán bộ đi học văn hóa, nghiệp vụ và lý luận chính trị. Tổng cộng trong năm đã có hơn 2 trăm cán bộ được cử đi học lý luận chính trị tại tỉnh, 93 cán bộ được đi học văn hóa và hàng chục cán bộ được cử đi học lý luận chính trị ở Trung ương.

Song song với công tác giáo dục, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân cũng được huyện Mường Khương coi trọng. Huyện trực tiếp chỉ đạo công tác vận động nhân dân dùng thuốc chữa bệnh, khắc phục tệ nạn mê tín dị đoan, tăng cường dịch vụ y tế. Tháng 7-1953, phòng thuốc y tế huyện được thành lập. Các xã Mường Khương, Pha Long, Bản Lầu đã thành lập được cơ sở y tế, nhiều xã khác được trang bị tủ thuốc phục vụ khám chữa bệnh cho dân. Trạm xá huyện được củng cố tăng cường thêm giường bệnh, đón nhận tất cả nhân dân đến khám chữa bệnh. Cũng trong thời gian này, huyện đã tổ chức nhiều đợt đưa cán bộ y tế xuống cơ sở theo dõi và khắc phục những dịch bệnh phát sinh. Năm 1954, huyện đã ngăn chặn, đẩy lùi được nhiều dịch bệnh.

Sự nỗ lực lãnh đạo của Ban Cán sự và chính quyền các cấp huyện Mường Khương đã tạo được những kết quả to lớn về kinh tế - xã hội, góp phần ổn định đời sống cho nhân dân. Nhân dân trong

toàn huyện phấn khởi và thêm tin tưởng vào Đảng và chế độ mới đã hăng hái đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Từ năm 1951, (năm bắt đầu thực hiện nộp thuế nông nghiệp) đến năm 1954, toàn huyện đã vận động thu được hơn 1.500 tấn thóc và trở thành huyện dẫn đầu tỉnh Lào Cai cả về sản lượng và thời gian hoàn thành nộp thuế, trong đó xã Pha Long là xã điển hình của huyện về hoàn thành đóng thuế nông nghiệp và huy động dân công phục vụ các chiến dịch tiễu phỉ. Phong trào tòng quân trong thanh niên toàn huyện cũng diễn ra sôi nổi. Trong 4 năm, huyện đã có hàng trăm thanh niên là con em các dân tộc tham gia vào các đơn vị bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

Nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của hệ thống chính trị đối với công cuộc tiễu phỉ, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và ổn định đời sống nhân dân, những năm 1951 - 1954, Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương đã chú trọng và làm tốt công tác củng cố hệ thống tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đầu năm 1951, Tỉnh ủy Lào Cai tăng cường cho Ban Cán sự huyện Mường Khương 3 cán bộ. Đến tháng 6-1953, toàn huyện đã có 2 chi bộ Đảng (chi bộ cơ quan và chi bộ bộ đội địa phương) với 22 đảng viên. Việc lãnh đạo, điều hành của Ban Cán sự Đảng và chi ủy 2 chi bộ đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, đã không ngừng cải tiến lề lối làm việc và vận dụng sáng tạo các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của trung ương, của tỉnh vào hoàn cảnh địa phương để đề ra các giải pháp vận động nhân dân tiễu phỉ, khắc phục khó khăn về đời sống và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt Ban Cán sự Đảng và chi ủy 2 chi bộ đã chú trọng làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cách mạng cho các tầng lớp nhân dân, làm chuyển biến nhanh chóng nhận thức của nhân dân đối với âm mưu phản động gây phỉ của thực dân, đế quốc và tay sai. Từ đó ý thức giác ngộ cách mạng của nhân dân từng bước được nâng lên.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng thời kỳ này còn bộc lộ một số hạn chế, nhất là việc nhận thức chưa đầy đủ về chỉ thị "tạm ngừng phát triển đảng để củng cố" của Trung ương năm 1950 dẫn đến thực trạng từ năm 1951-1954 huyện Mường Khương không phát triển được đảng viên nào là người địa phương và duy trì Ban cán sự với 2 chi bộ. Trong 22 đảng viên ở thời điểm tháng 6-1953 phần lớn là đảng viên do tỉnh điều động đến. Trong đội ngũ cán bộ được tỉnh điều về tăng cường cho huyện, một số cán bộ đã biểu hiện tư tưởng cầu an, ngại khó, tính nhiệt tình, gương mẫu không cao.

Thấy rõ sự sa sút về tinh thần cách mạng trong một số cán bộ, đảng viên, năm 1953, Ban Cán sự Đảng đã cử cán bộ, đảng viên đi chỉnh huấn. Sau các lớp chỉnh huấn, tinh thần trách nhiệm, ý thức phấn đấu vươn lên, tinh thần đoàn kết, thân mật trong đội ngũ cán bộ, đảng viên đã có bước chuyển biến quan trọng.

Nhận thức rõ đội ngũ cán bộ người địa phương có vai trò quyết định trong công tác lãnh đạo, quản lý các hoạt động của địa phương, Ban Cán sự Đảng đã chú ý phát triển về số lượng và chất lượng cán bộ trong Nhân dân các dân tộc. Năm 1953 huyện đã gửi đi đào tạo 5 cán bộ địa phương, trong đó có 2 cán bộ nữ. Ngoài ra, huyện còn tuyển lựa và thành lập được 3 đội công tác thoát ly, thành phần là những thanh niên các dân tộc có khả năng, năng lực trước mắt giúp huyện chỉ đạo các cuộc vận động các phong trào ở cơ sở, dần dần đào tạo họ trở thành những cán bộ cốt cán của địa phương. Năm 1954, huyện đã cử 8 cán bộ địa phương đi học lớp quản lý ở khu, cử 7 cán bộ đi học lớp quản lý của tỉnh ở Sa Pa, cử 15 cán bộ đi học lớp đào tạo ủy viên huyện, xã, 16 cán bộ đi học lớp đào tạo xã đội do tỉnh tổ chức. Sau các khóa học, số cán bộ trên trở về làm việc trong các Ủy ban hành chính cấp huyện, xã, Ban xã đội và trong các đoàn thể chính trị. Họ trở thành những cán bộ cốt cán làm nòng cốt cho phong trào cách mạng ở địa phương.

Song song với công tác xây dựng Đảng, huyện Mường Khương đã tập trung vào nhiệm vụ củng cố hệ thống chính quyền, chỉ trong thời gian ngắn từ tháng 11-1950 đến tháng 4-1951, huyện đã thành lập xong chính quyền ở cả 3 xã Mường Khương, Bản Lầu và Pha Long, thành phần trong các ủy ban xã được thiết lập có đủ đại diện các dân tộc. Riêng chính quyền xã Pha Long lúc đầu do cán bộ Ban Cán sự Đảng huyện trực tiếp lãnh đạo. Do chưa có cán bộ thay thế nên việc quản lý các thôn, bản ta vẫn sử dụng các chức dịch cũ, đó là Binh Thầu, Seo Phải. Từ năm 1953, huyện Mường Khương chú trọng hơn trong việc củng cố hệ thống chính quyền, nhất là chính quyền cấp xã. Đầu năm 1953, huyện Mường Khương đã chia xã Pha Long thành 6 xã nhỏ và tiến hành bầu lại Ủy ban hành chính kháng chiến. Tuy nhiên, công tác củng cố chính quyền ở Mường Khương trong năm 1953 còn mắc không ít những khuyết điểm đó là khi các xã mới ở Pha Long bầu lại chính quyền, huyện đã không có cán bộ hướng dẫn về cách thức, lề lối làm việc nên trong hoạt động đã dẫn tới rất lúng túng bị động, hiệu quả kém. Qua các đợt vận động thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước, huyện lại không đề ra kế hoạch kết hợp với củng cố chính quyền khi thực hiện các chính sách nên các xã đã không chú ý đến nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền. Một khuyết điểm trầm trọng hơn là khi bầu cử lại Ủy ban hành chính kháng chiến, một số xã đã để phần tử xấu lọt vào ủy ban. Một số thôn bản đã để phần tử xấu làm trưởng thôn, trưởng bản. Mặc dù tình hình trên đã được Nhân dân phản ánh nhưng huyện chưa kịp thời giải quyết. Mặc khác, do huyện chưa xây dựng được chương trình cụ thể về xây dựng củng cố chính quyền, do đó dẫn tới tình trạng có chính quyền xã đã thực hiện một số quyền hạn trái với nguyên tắc.

Để khắc phục những hạn chế khuyết điểm trên, đầu năm 1954, Ban Cán sự Đảng Mường Khương đã chỉ đạo phân chia lại địa giới hành chính các xã. Từ 8 xã được chia thành 24 xã. Đồng thời chỉ đạo các xã bầu cử kiện toàn lại Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành

chính kháng chiến lâm thời, huyện đã chỉ đạo sâu sát việc bầu cử, kiểm tra và lựa chọn những người đúng tiêu chuẩn để bầu nên trong Hội đồng nhân dân cũng như trong Ủy ban hành chính kháng chiến, các xã hầu hết là những cán bộ ưu tú của địa phương được rèn luyện và trưởng thành trong công cuộc chống thực dân Pháp, tiễu phỉ.

Ngày 14/02/1954, huyện mở hội nghị đánh giá kết quả công cuộc kháng chiến tiễu phỉ và bầu Ủy ban kháng chiến mới của huyện. Sau hội nghị, Ủy ban kháng chiến huyện đã họp với Ban Chấp hành nông hội huyện và lập bốn đội công tác chỉ đạo 4 khu vực Cao Sơn, Bản Lầu - rẻo thấp; Bản Cầm - Khu vực Pha Long và khu vực Mường Khương. Bốn đội công tác có nhiệm vụ vận động thanh niên tòng quân và vận động nhân dân sản xuất, thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước.

Mặc dù còn một số hạn chế nhất định do năng lực trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu kém, nhưng nhờ kịp thời có những biện pháp tăng cường kiện toàn củng cố nên từ năm 1954 chính quyền huyện và các xã trong huyện Mường Khương đã đi vào hoạt động đạt hiệu quả, nề nếp, nhất là trong nội bộ chính quyền cơ sở đã không còn những phần tử xấu, cơ hội phá hoại. Do đó những nhiệm vụ chính trị đề ra đầu năm, nhất là nhiệm vụ vận động quần chúng nhân dân tham gia tiễu phỉ, phát triển sản xuất...đã đạt được thành tựu quan trọng, góp phần cùng với các địa phương trong tỉnh đập tan hoàn toàn âm mưu gây phỉ của thực dân, đế quốc và tay sai, chi viện cho chiến dịch Điện Biên Phủ tạo nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Trên cơ sở tổ chức Đảng, Chính quyền được củng cố, các Đoàn thể chính trị quần chúng ở huyện Mường Khương cũng được xây dựng và củng cố ngày càng vững mạnh. Năm 1953, các xã mới thành lập ở khu vực Pha Long, rẻo Cao Sơn, Bản Lầu và Mường Khương, trên cơ sở tổ chức "Ủy ban Thanh Bình hội" (được thành lập từ năm 1951) đã tiến hành củng cố chuyển thành các tiểu đội, trung đội, liên phong đội du kích. Đây là những đơn vị bán vũ trang của nhân

dân đảm đương nhiệm vụ vận động và trực tiếp tham gia công tác tiễu phỉ. Trong công tác cứu đói, Ban cứu đói của huyện và các xã cũng được thành lập cùng với quỹ nghĩa thương đã tích cực làm công tác thu gom, điều hòa lương thực để khắc phục tình trạng thiếu đói, ổn định đời sống nhân dân.

Từ năm 1953, phong trào phụ nữ ở huyện Mường Khương đã thực sự chuyển biến mạnh mẽ. Các tổ chức phụ nữ cơ sở trước đây thành lập còn mang tính hình thức đánh trống biên tên, nhưng từ năm 1953 đã đi vào hoạt động có hiệu quả và đã trở thành một tổ chức chính trị có ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Các xã Bản Lầu, Mường Khương, Pha Long đã thành lập Ban Chấp hành Hội phụ nữ xã. Riêng Hội phụ nữ xã Bản Lầu đã có 5 tổ phụ nữ. Các thôn bản ở xã Pha Long đều có tổ phụ nữ. Ở xã Thanh Bình phong trào phụ nữ rất sôi nổi. Năm 1954, phong trào phụ nữ tiếp tục được đẩy mạnh, các xã đều có Ban Chấp hành Hội Phụ nữ. Tổng số hội viên hội phụ nữ toàn huyện đã phát triển 1.243 hội viên.

Trước năm 1953, ở các xã Mường Khương, Bản Lầu đã có những tổ nông hội nhưng chưa có vai trò tác động nhiều trong sản xuất và đời sống, nhưng từ năm 1953 các tổ nông hội đã được củng cố và thể hiện rõ vị trí vai trò tác dụng của mình. Đến tháng 9-1953, các xã của huyện đều thành lập được tổ nông hội, đến tháng 11-1953 đã phát triển được 34 tổ với 213 hội viên. Năm 1954, các xã đều đã có Ban Chấp hành nông hội hoặc Ban Vận động nông hội. Tổng số hội viên nông hội đã phát triển lên 684 hội viên. Tổ chức nông hội các xã đã tổ chức học tập Điều lệ nông hội và phổ biến tiêu chuẩn kết nạp hội viên vào nông hội cho Nhân dân. Các tổ chức đoàn thể thành viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và xã cũng được củng cố kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động trong việc vận động quy tụ khối đại đoàn kết các dân tộc, tham gia các phong trào thi đua yêu nước nhằm góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tháng 7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương đã được ký kết. Miền Bắc nước ta được giải phóng. Ở Mường Khương, công cuộc tiễu phỉ đã cơ bản đi tới thắng lợi. Ban Cán sự Đảng Mường Khương mở đợt tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định Giơnevơ. Với những chính sách xã hội do Đảng, Nhà nước mang lại cho nhân dân cùng với thắng lợi của cách mạng cả nước đã hơn lúc nào hết đem đến cho Nhân dân các dân tộc Mường Khương lòng tin yêu vào Đảng và Nhà nước. Từ đó, Nhân dân càng ra sức hăng say tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước do Đảng, Nhà nước và địa phương phát động.

Qua 5 năm lãnh đạo công cuộc đấu tranh tiễu phỉ và bước đầu xây dựng chế độ mới đã để lại cho Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương những kinh nghiệm quý về công tác lãnh đạo, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, huy động lực lượng tham gia kháng chiến, xây dựng củng cố hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để đảng bộ tiếp tục lãnh đạo quân và dân trong huyện thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

IV. Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1955 - 1960)

Chiến thắng Điện Biên Phủ của quân và dân ta đã buộc thực dân Pháp phải ký hiệp định đình chiến ở Đông Dương vào ngày 21-7-1954. Với việc ký hiệp định Giơnevơ, nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, miền Nam tạm thời dưới quyền kiểm soát của đế quốc Mỹ và tay sai. Trước tình hình trên, Hội nghị bộ Chính trị Trung ương Đảng (họp từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9 năm 1954) đã chỉ rõ đặc điểm và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới. Nghị quyết Hội nghị nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân.

Tiếp đó, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp lần thứ Tám (8/1955) nêu rõ: *"Điều cốt yếu là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam... Bất kể trong tình thế nào miền Bắc cũng phải được củng cố... Trong việc củng cố miền Bắc hiện nay, công tác cải cách ruộng đất vẫn là công tác trọng tâm, nhưng công tác khôi phục kinh tế vẫn là công tác rất trọng yếu"* [134].

Cũng như nhiều địa phương khác trong cả nước, huyện Mường Khương bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế trong điều kiện có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn. Về thuận lợi là hoà bình lập lại ở miền Bắc, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, đội ngũ cán bộ được rèn luyện thử thách trong chiến tranh gian khổ đã trưởng thành, đẩy mạnh mọi mặt sản xuất và công tác. Một số cán bộ dân tộc ở thôn, xã tự nguyện đi công tác thoát ly nhân dân một số địa phương vẫn duy trì phong trào vận động ủng hộ quà tết cho bộ đội. Tại khu vực Mường Khương, Nhân dân nhiệt tình tự đem quà bánh đến ủng hộ cho đơn vị bộ đội đóng quân ở địa phương.

Từ cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ năm 1952 đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; dưới ánh sáng của Nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương Đảng, củaTỉnh ủy Lào Cai, huyện Mường Khương đã mở các cuộc vận động "cứu đói cứu rách", cấp ruộng đất của bọn việt gian bỏ chạy cho nông dân, vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất.

Đời sống nhân dân các dân tộc địa phương bước đầu được cải thiện. Mỗi quan hệ giữa Đảng với quần chúng, giữa chính quyền với nhân dân được tăng cường. Quần chúng các dân tộc tin theo Đảng, gắn bó mật thiết với cán bộ và bội đội. Đây là nhân tố rất cơ bản có tính chất quyết định thắng lợi mọi cuộc vận động cách mạng ở địa

134. Đảng Công sản VN: Văn kiện Đảng toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2002, Tập 16, tr 576-578.

phương trong các thời kỳ tiếp sau, đặc biệt trong công tác phòng chống âm mưu hoạt động gây bạo loạn của kẻ địch và trong phong trào phát triển sản xuất nông nghiệp, tích cực khai hoang phục hóa, làm ruộng bậc thang và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống và sản xuất. Cuộc đấu tranh tiễu phỉ của tỉnh Lào Cai và của huyện Mường Khương cơ bản hoàn thành, tạo môi trường chính trị thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Lào Cai nói chung và Nhân dân Mường Khương nói riêng thực hiện hiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, hoàn thành cuộc cải cách dân chủ.

Bên cạnh đó, huyện Mường Khương vẫn còn nhiều khó khăn. Tình hình chính trị, xã hội của huyện vẫn diễn biến phức tạp. Dải biên giới đất liền huyện Mường Khương là nơi dân cư thưa thớt cư trú rất phân tán, có nhiều rừng núi hang động nên đây cũng là địa bàn hoạt động của bọn vượt biên giới buôn lậu, bọn đặc vụ thám báo. Bọn phản động bên Trung Quốc lợi dụng các quan hệ dân tộc, quan hệ họ hàng, quan hệ bàn bè với Nhân dân địa phương luồn sang cư trú dưới hình thức thợ mộc, thợ nề, thợ làm ngói đốt gạch, thợ rèn, thầy lang vv... "để ẩn sâu nằm lỳ", hoạt động phản tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và Chính phủ ta, xây dựng cơ sở bí mật, chờ thời cơ gây rối ở địa phương. Một số tên đầu sỏ phỉ vẫn nén lút hoạt động chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Kinh tế ở Mường Khương vốn là một nền kinh tế nông nghiệp mang nặng tính tự cấp tự túc, dựa nhiều vào thiên nhiên, tập quán canh tác còn lạc hậu trừ khu vực Bản Lầu và một số xã Mường Khương, Pha Long có một ít ruộng nước, còn các nơi khác sống chủ yếu bằng làm nương rẫy. Qua những năm bị thực dân Pháp chiếm đóng, nạn phỉ nổi lên, một số ruộng nương bị bỏ hoang.

Từ cuối năm 1952, cuộc phát động quần chúng tiễu phỉ thắng lợi, Ban Cán sự Đảng và chính quyền huyện đã quan tâm giải quyết

những khó khăn trong sản xuất và trong đời sống nhân dân các dân tộc như cứu đói, cứu rách, cung cấp thóc giống, bắt giống và nông cụ vận động nhân dân khai hoang phục hóa, đẩy mạnh sản xuất đồng thời huyện còn vận động nhân dân những vùng có thu hoạch khá giúp đỡ tương trợ nơi đói kém về lượng ăn thóc giống. Số diện tích bị bỏ hoang hay mất trắng tới trên 265 ha, sản lượng bị mất tới trên 220 tấn lúa ruộng, 18 tấn lúa nương và 130 tấn bắp. Hòa bình được lập lại, sản xuất nông nghiệp trong huyện lại gây nhiều trở ngại mưa đá, và tiếp đó là mưa lũ đã phá hoại phần lớn hoa mầu. Nạn đói rách bệnh tật xuất hiện và diễn ra một cách nghiêm trọng, nhất là ở khu vực Cao Sơn, Pha Long. Nhiều gia đình đã phải ăn củ rừng thay cơm, thay bắp, ngay ở thôn Nậm Hẻn (Bản Lầu) cũng có 20 hộ người dân tộc Tu Dí bị đói[135]. Số người bị tử vong về bệnh dịch và xẩy ra. Số người mù chữ trong đó có cả cán bộ người các dân tộc chiếm 90% dân số. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu trong các việc cầu cúng, cưới xin, ma chay va nạn mê tín dị đoan vẫn chưa giảm.

Lực lượng cán bộ của huyện rất mỏng. Khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Mường Khương vẫn mới chỉ có ban cán sự Đảng với 2 chi bộ, 8 đảng viên trong tổng số 15 cán bộ (5 cán bộ người miền xuôi và 10 cán bộ người các dân tộc địa phương). Các xã tuy có một số quần chúng ưu tú có thể tiếp tục bồi dưỡng kết nạp vào Đảng nhưng nhận thức của cấp ủy về chỉ thị "tạm ngừng phát triển để củng cố Đảng" của Trung ương (cuối năm 1950) không đầy đủ và đúng đắn, còn cho rằng Đảng "đóng cửa" nên từ 1951 đến 1954 huyện vẫn không kết nạp được đảng viên nào. Bộ máy chính quyền cấp xã được xây dựng và củng cố, qua các cuộc vận động nhưng vẫn còn một số ủy viên thuộc thành phần địa chủ, phú nông và một số người có quan hệ với phỉ trước đây. Dân quân du kích số lượng đông nhưng chưa củng cố.

135. Theo sổ ghi công tác 1954-1955 của đồng chí Hoàng Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai 1953-1975.

Trước tình hình trên, Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương đã tập trung lãnh đạo khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân các dân tộc. Thời gian này cùng với việc đưa các đội y tế xuống hoạt động tại các vùng đang có bệnh dịch, tổ chức cứu tế, vận chuyển muối, thóc, vải, chăn chiên xuống phân phát cho nhân dân các dân tộc vùng đang bị đói rách. Huyện đã vận động nhân dân các dân tộc Tày, Nùng, Giáy chuyên trồng lúa nước đời sống khá hơn các dân tộc khác, nêu cao tinh thần đoàn kết tương trợ "lá lành đùm lá rách, lá rách ít đùm lá rách nhiều" giúp đỡ về lương thực, tóc và bắp giống, nông cụ cho nhân dân các dân tộc vùng đang gặp khá khăn. Riêng về thóc cứu đói ở khu vực Bản Lầu ta đã giải quyết cho Lùng Vai 500 kg, Bản Lầu 500 kg, Bản Cầm 170 kg. Huyện còn cho một số gia đình quá nghèo nhận xay giã thóc cho kho thóc (lương thực) động viên nhân dân khai thác lâm thổ sản bán cho mậu dịch và lấy quỹ nghĩa thương cho dân nghèo vay để hỗ trợ thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Cũng từ các năm 1954 - 1955 các tổ đổi công và tổ chức nông hội của huyện Mường Khương được tiếp tục phát triển và củng cố tính đến tháng 10/1955 Mường Khương đã có ban chấp hành nông hội huyện gồm 7 ủy viên (có 3 ủy viên trong biên chế). Nói chung các ủy viên nông hội ở Mường Khương có 1080 người thuộc thành phần các dân tộc: Mông, Nùng, Dáy, Hán, Dao, PaDí, Tu Dí, Phù Lá, Thu Lao và Lô Lô. Nông hội các xã sinh hoạt và hoạt động đều trừ 3 xã khu vực Cao Sơn chưa thành lập được còn các xã khác trong huyện đã có Ban chấp hành nông hội ở xã[136(28)]. Nông hội ở Mường Khương đã phát huy được vai trò đoàn kết nông dân, thúc đẩy sản xuất phát triển và từng bước phát triển kỹ thuật, cải tiến nông cụ.

Về hướng phát triển sản xuất nông nghiệp sau ngày miền Bắc được giải phóng Ban cán sự Đảng huyện chủ trương:

136. Theo sổ ghi công tác của đồng chí Hoàng Trường Minh - Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai 1953-1975.

- Phát triển lúa chiêm và "ba giăng" ở các xã Bản Lầu, Lùng Vai, Bản Xen. Vận động nhân dân 2 xã Bản Phiệt, Bản Cầm cấy tăng thêm 200 kg lúa chiêm giống và lấy các xã làm điểm chỉ đạo riêng (ta mới nhập nội 1400 kg giống lai chiếm).

- Vận động nhân dân các khu vực trồng thêm bắp và phục hồi các nương chè, riêng khu vực Cao Sơn tăng 30% diện tích trồng bắp.

- Đề nghị tỉnh cùng cấp cho 15 con trâu, 400 lưới cày đánh theo kiểu địa phương, 1000 con dao phát, 2060 lưới cuốc và 400 kg sắt cho các lò rèn đánh đúc nông cụ kiểu địa phương.

- Vận động 30 hộ nông dân trên khu vực Pha Long, hạ sơn xuống khai hoang và làm ruộng ở thôn Lùng Pâu xã Tung Lâu

- Về chăn nuôi phấn đấu tăng 5% đàn trâu, bò, ngựa hiện có. Vận động nhân dân làm chuồng trâu, bò xã nhà. Cấm giết trâu bò bừa bãi.

Vì chưa có điều kiện làm những công trình thủy lợi loại lớn và vừa, huyện đã động viên nhân dân tích cực sửa chữa mương phai cũ và làm một số mương phai mới bảo đảm có nước cho gieo trồng. Huyện còn huy động một số nhân lực sửa chữa hai cầu Chợ Chậu, Bản phiệt và các cầu nhỏ trên đường từ Lào Cai đi Pha Long, Mường Khương đi Sín Tẻn phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại được thuận tiện.

Tại Hội nghị quân dân chính các xã đều nhận thức mức chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 1956, riêng 2 xã Lùng Vai và Bản Xen nhận vượt mức. Trở ngại của ta lúc này là nắng nhiều thiếu nước gieo mạ, một số nông cụ như da, cuốc, lưới cày tuy đã được điều hòa nhưng vẫn không đủ. Các xã đã cố gắng đào đắp thêm mương phai để khắc phục hạn hán và tự giải quyết một phần nông cụ, ở các xã Lùng Vai, Bản Sen và nhiều nơi khác, các tổ đổi công hoạt động đều và mạnh. Trên vùng cao nhân dân các xã như Pặc tà (khu vực Pha Long) Lũng Pâu (khu vực Mường Khương) tích cực khai hoang phục hóa làm ruộng bậc thang. Mặt khác huyện tăng cường công tác quản lý thị

trường, mở rộng thương nghiệp quốc doanh, củng cố và phát triển phong trào tổ đổi công, động viên thanh niên, phụ nữ, hội viên nông hội cùng các tổ đổi công đi đầu làm nòng cốt trong phong trào áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Để bảo đảm nước tưới chủ yếu cho các ruộng tăng vụ và tăng diện tích, Nhân dân đã tự sửa chữa các mương phai mới, nhân dân các dân tộc đã có ý thức dùng phân bón, vì vậy đã tích cực thu nhặt phân trâu, ngựa, làm phân xanh, lên núi tìm phân rơi. Nhân dân khu vực Bản Lầu và một số nơi khác đã duy trì cày 2 lượt, bừa 3 lượt nhưng chú ý làm đất kỹ hơn. Trước đây phụ nữ các dận tộc địa phương không tham gia cày bừa, cho rằng đó là phần việc của nam giới. Năm 1956, ta đã vận động được phụ nữ các dân tộc Mông, Dao, Giáy và một số dân tộc khác ở vùng thấp đều thực hiện cày bừa từ một đến 2 lần và làm cỏ lúa, cỏ ngô tới 3 lần. Ở Pha Long Nhân dân tăng vụ nương theo cách tra đỗ tương vào nương bắp sau thu hoạch đỗ đến thu hoạch bắp, xong bắp thì trồng hoa mầu khác. Việc chuẩn bị giống được chú ý từ vụ thu hoạch trước đến khi gieo trồng vụ sau. Nhiều nơi biết ngâm mạ nước ấm, hồ phân cho rễ mạ, ngâm hạt bắp giống vào phân trước khi gieo trồng.

Nhân dân các dân tộc trong huyện đã xây dựng được mối quan hệ tương trợ sản xuất tốt. Một số nơi tổ chức được quỹ nghĩa thương, tổ giữ trẻ, tổ chăn trâu. Ở một số địa phương đồng bào Mông, Dao cho nhau vay lương thực hoặc vay thóc giống, bắp giống không lấy lãi kho nào có thì trả có kho hàng vài ba năm mới lấy lại vốn, đồng bào Mông ở Cao Sơn và Pha Long còn cho nhau mượn ruộng trồng rau đỗ, cho nhau mượn một vài buổi trâu không lấy trả công hoặc đổi công trâu lấy công người, hiện tượng nhân dân làm đổi công nhau rất phổ biến. Thời gian này nhân dân một số vùng đã chú ý đến việc trồng rừng chủ yếu là trồng thông .

Nhờ có chủ trương biện pháp chỉ đạo, lãnh đạo đúng đắn của Đảng Ban Cán sự Đảng huyện, tinh thần đoàn kết tương trợ và tích

cực phấn đấu của nhân dân các dân tộc, lại được mưa thuận gió hòa nên Mường Khương đã thu hoạch thắng lợi và vụ đông xuân 1955 - 1956 và vụ mùa năm 1956, kể cả lúa, bắp, đỗ trương và các loại hoa mầu khác. Đời sống nhân dân được nâng lên một bước, không còn thôn xã nào bị đói. Công tác thuế và dân công đảm bảo được chỉ tiêu tỉnh giao. Năm 1957 sản xuất so với 1956 bị hụt một phần do lãnh đạo huyện chưa nhận thức đầy đủ công tác kế hoạch, buông lỏng công tác vận động sản xuất, tập trung quá nhiều vào công tác sửa sai, một phần vì một bộ phận nhân dân có tư tưởng chủ quan cho rằng năm 1956 được mùa không cấy tăng vụ cũng không sợ đói, một số quần chúng có tư tưởng sợ cấy tăng vụ thành tập quán sẽ phải nộp thuế nhiều, vì vậy số người này không cố gắng đẩy mạnh sản xuất. Mặt khác các nguồn lâm sản nhất là nâu thời gian này tiêu thụ mạnh một số người đi khai thác bán được nhiều tiền lại ít vất vả nên đi lấy bán coi nhẹ việc lấy chiêm làm mùa. Riêng nhân dân khu vực Bản Lầu đã khai thác và bán tới 170 tấn nâu. Đảng bộ huyện đã uốn nắn những nhận thức tư tưởng lệch lạc trên xác định cho mọi người rõ sản xuất lương thực là nhiệm vụ trung tâm của địa phương và đã phân công cán bộ xuống cơ sở trực tiếp chỉ đạo sản xuất, vì vậy từ vụ mùa năm 1957 sản xuất nông nghiệp ở Mường Khương lại phát triển tính trong các năm từ 1954 đến 1960, riêng về tốc độ mở rộng diện tích gieo cấy lúa bình quân mỗi năm tăng khoảng 3,5%.

Nhờ sự nỗ lực phấn đấu nên tổng diện tích gieo trồng năng suất và sản lượng hàng năm đều tăng. Nạn đói rách, bệnh tật bị đẩy lùi một bước.

Đi đôi với sản xuất nông nghiệp, hoạt động của ngành thương nghiệp cũng có nhiều tiến bộ, mậu dịch quốc doanh đã chịu đi sâu vào các làng xã mang hàng bán và thu mua các lâm thổ sản hạn chế được một phần nạn tư thương đến đổi trác, bán đắt mua rẻ bóp nghẹt nhân dân. Việc mua bán trao đổi hàng hóa giữa Mường Khương với Xèo Thầu (Trung Quốc) qua cửa khẩu có tiến bộ, chủ

yếu ta xuất các loại hoa quả (chiếm gần 1/3 tổng giá trị hàng xuất khẩu) và nhập hàng may mặc, vải vóc, chăn màn (chiếm 1/3 tổng giá trị hàng nhập).

Sau thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước khi tiến hành cuộc đấu tranh giai cấp gay go và quyết liệt, giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa 2 con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, việc xóa bỏ các tàn dư của thế lực phong kiến, xóa bỏ những mâu thuẫn, thành kiến dân tộc do đế chế phong kiến gây ra trong suốt thời kỳ chúng thống trị để củng cố lòng tin, xây dựng khối đoàn kết dân tộc là một nhiệm vụ cần thiết và cấp bách. Nhân dịp Đảng và Chính phủ quyết định thành lập các khu tự trị Tây Bắc và Việt Bắc, Trung ương Đảng chủ trương cho các tỉnh có nhiều dân tộc tổ chức học tập và biện pháp thực hiện tới từng cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc về chính sách dân tộc thiểu số của Đảng.

Mường Khương là một huyện có truyền thống đoàn kết dân tộc, truyền thống này đã được củng cố và phát huy trong quá trình đấu tranh ở vùng thực dân Pháp tái chiếm (1948-1950) xây dựng các cơ sở kháng chiến thành lập các khu du kích Cốc Râm (Nậm Chảy), Bản Lầu và trong quá trình vận động sản xuất, tiễu phỉ, xây dựng củng cố chế độ dân chủ nhân dân (1950-1954). Tuy nhiên do ảnh hưởng các âm mưu thủ đoạn của đế quốc phong kiến trước đây vẫn còn có những thành kiến, mâu thuẫn nhỏ giữa dân tộc này với dân tộc khác. Đời sống nhân dân các dân tộc tuy đã được cải thiện một phần nhưng vẫn còn khó khăn thiếu thốn, phong tục tập quán có nhiều mặt lạc hậu, nạn mê tín còn nặng các tổ chức của ta như chính quyền, nông hội, phụ nữ, dân quân du kích được xây dựng từ những năm 1950 - 1952 song chưa được củng cố, sinh hoạt còn thất thường, nội bộ một số nơi còn thiếu đoàn kết, đa số cán bộ xã trình độ còn hết sức hạn chế chưa biết chữ, chưa chủ động công tác được dẫn đến hiệu quả công tác còn thấp.

Tháng 10 năm 1955, huyện Mường Khương tổ chức hội nghị học tập chính sách dân tộc thiểu số nhằm giúp cho cán bộ, đảng viên thấy rõ chính sách phản động thâm độc, dã man của địch, đồng thời nhận rõ chính sách của Đảng, chính phủ, Hồ chủ thịch là luôn luôn đem lại quyền lợi cho nhân dân. Qua đó khơi sâu lòng căm thù đối với quân phản động; làm tăng thêm lòng tin tưởng và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước của quần chúng; giúp Nhân dân hiểu chính sách thành lập khu tự trị của Hồ Chủ tịch, Đảng và chính phủ là đem lại quyền lợi cho các dân tộc thiểu số, nâng cao lòng tin tưởng thực hiện mọi chính sách của Hồ Chủ tịch, Đảng và chính phủ cụ thể trước mặt là thành lập khu tự trị. Trên cơ sở học thông chính sách nâng cao lòng tin tưởng cho cán bộ, đảng viên nhằm sửa chữa, đề phòng tư tưởng dân tộc, dân tộc địa phương biết đẩy mạnh mọi công tác địa phương chủ yếu thường xuyên là đoàn kết sản xuất.

Hội nghị vận động thành lập khu tự trị Mường Khương năm 1955

Từ cuối năm 1955 đến tháng 7-1956, theo chương trình kế hoạch của Tỉnh Lào Cai huyện Mường Khương tiến hành cuộc vận động học tập chính sách dân tộc của Đảng nhằm:

- Giáo dục chính sách tăng cường đoàn kết bình đẳng dân tộc, khắc phục tư tưởng dân tộc lớn, tư tưởng dân tộc hẹp hòi, tư tưởng tự ty và tư tưởng bài ngoại tiến tới xóa bỏ ngăn cách dân tộc. Trên cơ sở đó nâng cao lòng căm thù của quần chúng với đế quốc Pháp - Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm, đồng thời tăng thêm lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng xuốt của Đảng. Chính phủ và Hồ Chủ tịch.

- Đẩy mạnh sản xuất chống đói rách trước mắt, thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1956 để tiến tới nâng cao mức sống của nhân dân vận động vệ sinh phòng bệnh bảo đảm sức khỏe nhân dân các dân tộc, đẩy mạnh bình dân học vụ.

- Sơ bộ chấn chỉnh tổ chức cơ sở, chủ yếu là đào tạo bồi dưỡng cán bộ các dân tộc nâng cao trình độ chính trị và tinh thần trách nhiệm của cán bộ xã[137].

Cuộc vận động học tập chính sách dân tộc thiểu số của Đảng ở huyện Mường Khương đã thu hút được trên 90% dân số từ 16 tuổi trở lên tham gia. Do biết vận dụng đúng đắn và linh hoạt phương châm coi giáo dục chính trị tư tưởng là khâu cơ bản, dựa hẳn vào cán bộ địa phương và quần chúng lao động, đoàn kết tranh thủ tất cả mọi người nên cuộc vận động đã thu được những thắng lợi đáng kể, tuy ở những mức độ khác nhau nhưng cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện đều biểu hiểu được cơ bản quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và chính sách của Đảng về vấn đề dân tộc, thấy được vấn đề đoàn kết, bình đẳng và tương trợ giữa các dân tộc vừa là nguyên tắc cơ bản vừa là nội dung chủ yếu của chính sách,

137. Theo ông Lục Bình Quyền - cán bộ dân tộc Dáy, Bản Lầu tham gia kháng chiến từ những ngày đầu mới giải phóng Bản Lầu (1946) thì những năm sau hòa bình lặp lại Mường Khương đã có một số cán bộ người dân tộc địa phương như các ông: Hoàng Chư Lùng, Vàng Chẩn Sáng (dân tộc Mông khu Pha Long), Lý Giao Phù, Ly ngán Lý (dân tộc Dao xã nậm Chảy), tráng Sử Sài (dân tộc Pa Dí).

mọi người cũng hiểu rõ hơn âm mưu của đế quốc, đặc biệt là âm mưu gây mâu thuẫn chia rẽ dân tộc, âm mưu thâm độc và lâu dài lợi dụng vấn đề dân tộc để lôi kéo quần chúng, phá rối hậu phương miền núi của ta đồng thời mọi người càng hiểu rõ hơn quyền lợi và nghĩa vụ của dân tộc mình đối với Tổ quốc đối với địa phương. Lòng tự hào dân tộc và nhiệt tình cách mạng của quần chúng được nâng cao, các mặt công tác ở địa phương được đẩy mạnh. Trong học tập, quần chúng các dân tộc đã phân tích thấy rõ nguyên nhân của các vụ mâu thuẫn dân tộc ở địa phương, bàn bạc cách giải quyết và cử đại biểu dân tộc mình đến gặp gỡ đại biểu các dân tộc có liên quan để cùng nhau bàn bạc tìm ra các biện pháp, các hình thức tăng cường đoàn kết dân tộc, các mâu thuẫn dân tộc đều cơ bản được giải quyết. Các xã, các khu vực trong huyện còn tổ chức các đại hội liên hoan dân tộc cùng đóng góp công sức sửa chữa các đường nối liền các thôn xã trước đây vì mâu thuẫn dân tộc nên để cỏ rậm rạp, ít người qua lại.

Trong công tác chỉ đạo cuộc vận động huyện chủ trương kết hợp chặt chẽ việc học tập chính sách dân tộc với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ địa phương, đẩy mạnh sản xuất và các mặt công tác khác một số lớn cán bộ chủ chốt người địa phương của huyện trong các thời kỳ sau đã được đào tạo bồi dưỡng ngay từ cuộc vận động này[138].

Thắng lợi của cuộc vận động học tập chính sách dân tộc của Đảng, Ban Cán sự Đảng Mường Khương đã tạo điều kiện thuận lợi làm cho các dân tộc địa phương dần dần xóa bỏ các tàn dư của chế độ cũ và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tháng 9-1956, hội nghị Trung ương họp lần thứ 10 khẳng định những thắng lợi to lớn và rất cơ bản của các cuộc vận động quần chúng đấu tranh đòi thực hiện giảm tô, thoái thuế, thực hiện cải cách ruộng đất đồng thời hội nghị cũng nghiêm khắc kiểm điểm, công khai tự phê bình và xác định quyết tâm sửa chữa những sai

138. Trích báo cáo kiểm tra công tác vận động quần hcungs, thành lập khu tự trị và tình hình từ tháng 7/1956 đến tháng 7/1957 của Tỉnh ủy Lào Cai.

lầm trong cuộc vận động đó, sau hội nghị trên, Đảng và Chính phủ tiếp tục có những chỉ thị của cấp ủy Đảng và Chính quyền các cấp tiến hành sửa sai một cách khẩn trương có trọng điểm, có kế hoạch, củng cố được lòng tin của dân với Đảng nhằm nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới.

Huyện Mường Khương cũng như các huyện khác thuộc tỉnh Lào Cai không tiến hành các đợt vận động quần chúng giảm tô thực hiện cải cách ruộng đất, trong cuộc vận động học tập chính sách dân tộc của Đảng vừa qua, do ta nắm vững phương châm, tranh thủ được sự đồng tình của tất cả mọi tầng lớp nhân dân, có phương pháp mềm dẻo linh hoạt nên ở địa phương không bị mắc các sai lầm nghiêm trọng. Khi Mường Khương tiến hành công tác sửa sai số phần tử xấu và bọn tề, ngụy, phỉ cũ chưa chịu cải tạo đã lợi dụng cơ hội tung ra những luận điệu phản tuyên truyền xuyên tạc, đả kích lãnh đạo, đã kích cán bộ làm thuế, cán bộ mậu dịch, công an. Địch lôi kéo quần chúng gây rối nhưng bọn chúng đã bị nhân dân phát hiện kịp thời báo chính quyền ta trấn áp, do đó, ngay khi ở trong tỉnh xẩy ra một số vụ kẻ địch gây bảo loạn như vụ "xưng vua" ở San Sả Hồ - Sa Pa đầu năm 1957 hoặc vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát) tháng 4-1959, ở Mường Khương vẫn không xẩy ra vấn đề gì đáng tiếc, công tác bảo vệ trị an vẫn được bảo đảm.

Từ cuối năm 1955 đến năm 1956 ngoài tình hình ở trong tỉnh và trong huyện kẻ địch lợi dụng mọi sơ hở sai lầm của ta để chúng phá các thành quả cách mạng ta vừa giành được cản trở con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nhân dân. Trước tình hình phức tạp Ban Cán sự Đảng huyện đã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng đồng thời, đẩy mạnh công tác bảo vệ trị an trong nhân dân.

Nhằm thực hiện đoàn kết nhân dân các dân tộc đứng dậy đấu tranh chống Phỉ, bảo vệ làng, bản yên ổn làm ăn sản xuất, thực hiện phương châm, sách lược vận động quần chúng của Đảng bộ tỉnh Lào

Cai "kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn; dựa vào quần chúng nhân dân cơ bản, tranh thủ đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân các dân tộc triệt để phân hóa, đả kích bọn đầu sỏ ngoan cố nhất; giải quyết vấn đề mâu thuẫn dân tộc trong khi vận động quần chúng tiễu phỉ", công tác cận động quần chúng của huyện đã đạt được kết quả quan trọng. Quần chúng hiểu rõ chính sách của Đảng, chính phủ, âm mưu của địch, tin tưởng vào Đảng. Từ chỗ xa lánh nghi ngờ đến chỗ gần gũi, đoàn kết với cán bộ, bộ đội. Quần chúng đã dám công khai vạch tội ác và kết tội phỉ, nhận thức được các dân tộc cần phải đoàn kết lại mới đánh được phỉ để cho làng bản được yên ổn làm ăn.

Qua học tập các chính sách với tố khổ địa phương đã sơ bộ giải quyết được thành kiến giữa các dân tộc làm cho nhân dân các dân tộc gần gũi đoàn kết với nhau, giúp đỡ thương yêu nhau, hiểu âm mưu địch, căm thù địch, đoàn kết cùng bộ đội đấu tranh thu hồi hàng phỉ và vũ khí; mâu thuẫn thành kiến giữa các dân tộc miền ngược và miền xuôi đã sơ bộ giải quyết tìm ra biện pháp giải quyết. Đồng thời với việc vận động quần chúng, bộ đội, cán bộ còn giúp dân sản xuất, cải thiện dân sinh, làm cơ sở cho công tác chính trị chắc thắng, như: tiết kiệm giúp dân muối, vải, quần áo, khăn mặt, chăn; đào giếng nước cho dân, làm trường học và tổ chức lớp bình dân, sửa đường, cầu làm ... Công tác sản xuất 3 cùng lao động của chúng ta chẳng những giải quyết nạn đói cải thiện dân sinh, mà nó còn có ý nghĩa chính trị rất lớn, nhân dân tin tưởng vào Đảng, Chính phủ, tình cảm giữa nhân dân và bộ đội ngày càng gắn bó chặt chẽ, tư tưởng chính trị được vững chắc.

Bên cạnh đó việc mở các lớp giáo dục từ 7 ngày đến 15 ngày và hai tháng cho những người lầm đường theo địch đã làm cho họ hiểu chính sách khoan hồng nhận thức sơ bộ âm mưu để quốc gây phỉ, hiểu rõ tội lỗi của họ, xác định trách nhiệm đối với nhân dân Chính Phủ

Việc thành lập Ủy ban hành chính, Tổ đoàn kết, đào tạo cán bộ địa phương, tham gia tòng quân và dân quân cũng được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Cuộc đấu tranh xây dựng cơ sở và tiễu phỉ,vận động quần chúng ở huyện Mường Khương cũng như các địa phương khác là cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp gian khổ, khó khăn mang tính chất dân tộc và giai cấp. Hai mặt này phải giải quyết song song thì mới giải quyết được căn bản vấn đề thổ phỉ.

Một số kinh nghiệm rút ra trong cuộc vận động quần chúng tiễu phỉ, trừ gian, xây dựng đoàn kết dân tộc:

- Giải quyết mâu thuẫn dân tộc, dựa trên cơ sở học tập, kể khổ, tố khổ để làm cho nhân dân lao động của các dân tộc thông cảm nỗi khổ của nhau từ đó xác định kẻ nào gây ra nỗi khổ, rồi vận động những người có khổ đoàn kết lại.

- Giải quyết vấn đề mâu thuẫn dân tộc là phải giải quyết quan hệ bình đẳng giữa bộ đội, cán bộ của ta với các dân tộc thiểu số địa phương, tức là tuyệt đối tôn trọng phong tục tập quán ý kiến của các dân tộc địa phương, thật thà đoàn kết giúp đỡ họ cùng nhau tiến bộ.

- Phải kiên quyết dựa vào quần chúng cơ bản thì việc gì cũng có thể hoàn thành. Mỗi khi quần chúng cơ bản phát động tư tưởng, cán bộ địa phương đã có thì mọi việc đều thông suốt, chính sách của Đảng được thi hành đầy đủ.

- Phải tích cực tranh thủ tầng lớp trên, đoàn kết với họ cải tạo họ.

- Tìm ra mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hóa làm cho những tên tay sai của nó không thể cấu kết lại với nhau.

- Phải thực sự quan tâm đến đời sống của nhân dân, giúp đỡ mọi người thấy chế độ dân chủ của ta khác với hồi dưới quyền thống trị của địch.

Cùng với khôi phục kinh tế, ổn định đời sống Nhân dân, Huyện Mường Khương tập trung xóa bỏ các tàn dư của thế lực

phong kiến, cải tạo XHCN và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH

Ở huyện Mường Khương thế lực của thổ ty phong kiến phản động tay sai đế quốc Pháp, Mỹ đã đánh gục trong quá trình ta phát động chiến tranh du kích vùng địch tạm chiếm 1948 - 1950 và phát động quần chúng tiễu phỉ 1950 - 1952. Uy thế chính trị của chúng đã không còn. Ruộng đất của những tên Nông Vĩnh An, thổ ty dân tộc Nùng khu vực Mường Khương làm tỉnh trưởng Lào Cai và La Văn Đức - thổ ty dân tộc Mông khu vực Pha Long làm phó tỉnh trưởng tỉnh Lào Cai thời kỳ Pháp tái chiếm đã bị ta tịch thu chia cho nông dân không có ruộng hoặc quá ít ruộng. Nhưng thế lực phong kiến nói chung mới bị suy yếu một phần. Một số ruộng đất trong huyện vẫn nằm trong tay địa chủ phú nông, số người này hoặc theo kháng chiến đang làm việc trong chính quyền ta, hoặc trước đây theo địch cầm đầu ngụy quân ngụy quyền ở cơ sở, một số trước là đầu sỏ bị ta bắt hoặc bị bức hàng, đã qua tập trung cải tạo số người này do quan hệ dân tộc, quan hệ họ hàng và điều kiện kinh tế nhiều ít vẫn còn ảnh hưởng trong nhân dân địa phương, nền kinh tế trong huyện chủ yếu vẫn là nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ, phân tán, cá thể. Về thương nghiệp lưu thông phân phối ngoài mậu dịch quốc doanh có các cửa hàng ở huyện lỵ Mường Khương các khu vực Bản Lầu, Pha Long, còn có một số tiểu thương về công nghiệp và thủ công nghiệp, chỉ có một số thợ thủ công (thợ may, thợ cắt tóc, thợ rèn).

Với tình hình trên để đưa nhân dân các dân tộc địa phương tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, ban cán sự huyện thấy cần phải xóa bỏ hoàn toàn tàn dư của thế lực phong kiến, cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể đồng thời phải từng bước xây dựng các cơ sở công, nông, lâm nghiệp quốc doanh, phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp quốc doanh, phát huy vai trò của ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên nhận thức tư tưởng của đa số cán bộ đảng viên, nên

trong Đảng bộ huyện về sự phát triển tất yếu này chưa được rõ ràng và đầy đủ. Do đó muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội trước hết phải nâng cao nhận thức tư tưởng của Đảng bộ về cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Tháng 9-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Đảng và Chính phủ lên thăm Lào Cai. Qua các đồng chí lãnh đạo của huyện và các đại biểu các dân tộc huyện Mường Khương được ra tỉnh đón Bác và phái đoàn về truyền đạt lại, Đảng bộ huyện đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng. Trong các buổi nói chuyện với đại biểu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Đảng và Chính phủ ân cần thăm hỏi và biểu dương những cố gắng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc địa phương, đồng thời Người chỉ rõ con đường các dân tộc đi tới ấm no hạnh phúc Người nhấn mạnh vấn đề đoàn kết các dân tộc, đề xây dựng và phát triển các tổ đổi công, tiến dần lên thành lập các hợp tác xã đối với vùng cao, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn phải "Định canh định cư, làm phân bón, làm ruộng bậc thang và bảo vệ rừng".

Tháng 11-1958 Hội nghị trung ương Đảng họp lần thứ 14 (khóa Đại hội II), Hội nghị xác định một lần nữa "Nhiệm vụ chung của toàn Đảng toàn dân là ra sức củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống Mỹ - Diệm nhằm thống nhất đất nước trên cơ sở độc lập và dân chủ bằng phương pháp hòa bình, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh". Hội nghị khẳng định miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội là cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, miền Bắc có thể và cần phải tiến lên theo nhịp độ nhanh hơn. Đối với nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc Hội nghị chỉ rõ: Lực lượng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc hiện nay đã lớn mạnh hơn hẳn lực lượng tư bản chủ nghĩa nhưng vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vẫn chưa được giải

quyết. Do đó nhiệm vụ cơ bản của chúng ta ở miền Bắc là phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trọng tâm trước mắt là đẩy mạnh cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể của nông dân và thợ thủ công và cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh, đồng thời ra sức phát triển thành phần kinh tế quốc doanh là lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân: Trong khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội phải kiên quyết đập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại phản cách mạng.

Thực hiện lời huấn thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 tháng 3 năm 1959, tỉnh Lào Cai họp Hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh, Hội nghị đề ra nhiệm vụ trung tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh trong 2 năm 1959 - 1960 là để thực hiện được các nhiệm vụ của Trung ương đề ra trong Nghị quyết Trung ương lần thứ 14, căn cứ vào tình hình đặc điểm của toàn tỉnh; dưới ánh sáng của Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 14, hội nghị toàn Đảng bộ Lào Cai đề ra nhiệm vụ chung của toàn Đảng bộ Lào Cai trong 2 năm (1959-1960) là: "Hoàn thành cải cách dân chủ, đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư doanh ở các thị xã, thị trấn; đồng thời phát triển và củng cố thành phần kinh tế Quốc doanh. Trong khi hoàn thành cải cách dân chủ và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa phải ra sức phát triển kinh tế và văn hoá, kiên quyết đập tan mọi âm mưu phá hoại của bọn phản cách mạng, tăng cường khối công nông liên minh, tăng cường đoàn kết các dân tộc, tăng cường chính quyền dân chủ nhân dân chuyên chính và lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở địa phương, ra sức củng cố và phát triển Đảng cùng các tổ chức quần chúng và đào tạo cán bộ địa phương, để cải thiện hơn nữa đời sống của nhân dân các dân tộc (chú ý rẻo cao), làm cho bộ mặt Lào Cai ngày càng thay đổi tiến bộ, góp phần củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà".

Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ cải cách dân chủ trong năm 1959 là: "Tiến hành cải cách dân chủ, ra sức củng cố và phát triển tổ đổi công, bước đầu xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở nông thôn và đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư doanh ở các thị xã, thị trấn; đồng thời đẩy mạnh công cuộc cải tiến quản lí xí nghiệp ở các xí nghiệp, công trường."

Nhằm đưa Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 của Trung ương và Nghị quyết hội nghị toàn Đảng bộ tỉnh vào cuộc sống, Ban cán sự Đảng huyện đã tổ chức cho cán bộ đảng viên học tập Nghị quyết đồng thời huyện chủ trương đẩy mạnh mọi mặt công tác, tạo điều kiện thận lợi cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương. Vì vậy tính đến giữa năm 1959 phong trào cải cách dân chủ ở huyện Mường Khương đã có những chuyển biến mới. Ngoài sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, công tác văn hóa giáo dục đã có cố gắng. Cán bộ văn hóa đã đi sâu xuống cơ sở vận động phong trào vệ sinh phòng bệnh, thực hiện "Ba sạch"(ăn sạch, uống sạch, ở sạch) vận động làm chuồng trâu xa nhà. Các đội chiếu phim đèn chiếu (ảo đăng) lưu thông đã đi các xã phục vụ, các thầy cô giáo khắc phục khó khăn tổ chức các trường lớp phổ thông ở các xã vùng thấp và ở khu vực vùng cao ngay trên vùng cao như Pha Long đã có lớp học phổ thông cấp I cho các em lứa tuổi thiếu niên học ban ngày và các lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa cho cán bộ người địa phương và người lớn tuổi học buổi tối. Huyện đã thành lập được ban chấp hành Đoàn thanh niên lao động và Ban Chấp hành hội phụ nữ ở huyện, ở các xã vùng thấp và một số xã vùng cao Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ đã làm nòng cốt trong các phòng trào ở địa phương. Về lực lượng vũ trang địa phương của huyện, Đại đội bộ đội địa phương Mường Khương đã được giải thể trong đợt quân đội ta giảm 8 vạn quân (1958) để xây dựng lên chính quy theo hướng hiện đại, Ban Chỉ huy huyện đội đã được kiện toàn đang tích cực xây dựng đội ngũ dân quân du kích của xã, tự vệ các cơ quan vững mạnh cả về số lượng và chất lượng công tác, động viên

quản lý quân dự bị bắt đầu đi vào nề nếp, công tác giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân du kích và tự vệ theo chương trình kế hoạch của tỉnh được coi trọng.

Về công tác cán bộ, một số cán bộ các dân tộc địa phương ở cơ sở đã được chuyển vào biên chế bổ sung kiện toàn Ủy ban hành chính và các ngành ở huyện. Đối với số anh em cán bộ này ta bồi dưỡng tại chức vừa sử dụng vừa kèm cặp hướng dẫn giúp đỡ trong công tác hàng ngày. Quan hệ giữa cán bộ miền xuôi lên công tác và cán bộ các dân tộc địa phương được đoàn kết chan hòa anh em đã thông cảm với hoàn cảnh của nhau và nhiệt tình giúp đỡ nhau khắc phục những khó khăn trong công tác và sinh hoạt, các cán bộ ở nơi khác đến đã thấy được vai trò của cán bộ người dân tộc địa phương. Ngược lại cán bộ người dân tộc địa phương cũng thấy được vị trí không thể thiếu được của cán bộ từ nơi khác đến. Vì vậy cán bộ miền xuôi và cán bộ địa phương nói chung đều tôn trọng nhau, không có biểu hiện của tư tưởng ban ơn hoặc tư tưởng bài ngoại. Tuy nhiên, một số cán bộ miền xuôi lên còn có tư tưởng chưa yên tâm thiếu nhiệt tình, một số cán bộ địa phương còn có tư tưởng tự ty, không mạnh dạn đề xuất các ý kiến, tỏ ra lo lắng vì không đam đương nhiệm vụ được phân công.

Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ cũng được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo

Tháng 4-1951, Hội nghị Trung ương lần thứ 16 (khóa II) họp ra Nghị quyết chỉ rõ "Miền núi phải tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp phát triển sản xuất kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, tức là trong khi củng cố và phát triển tổ đổi công và hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất phải kết hợp xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột phong kiến còn sót lại. Ngoài hợp tác xã nông nghiệp miền núi có thể tổ chức những hợp tác xã nông lâm nghiệp và hợp

tác xã chăn nuôi"[139]. Nghị quyết còn chỉ rõ phong trào hợp tác hóa xây dựng theo phương châm "tích cực lãnh đạo vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt sát với từng vùng. Làm tốt vững gọn" và "bước đi phải từ thấp đến cao, nhất thiết phải tập dượt cho nông dân làm quen dần với lối làm ăn tập thể từ hình thấp như đổi công (có mầm mống XHCN) tiến lên hợp tác xã bậc thấp (có tính nửa XHCN) rồi tiến lên bậc cao".

Về đường lối giai cấp ở nông thôn của Đảng và phương châm tiến hành cuộc "vận động hợp tác hóa nông nghiệp, phát triển sản xuất, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ" Ban Bí thư Trung ương ra chỉ thị số 156/CT-TU ngày 5/8/1959 chỉ rõ cuộc vận động phải thực hiện theo đường lối giai cấp nông thôn của Đảng là "dựa vào bần cố nông và trung nông dưới đoàn kết với trung nông , tranh thủ các nhân vật tầng lớp trên vận dụng đúng đắn chính sách phân biệt đối đãi với giai cấp địa chủ, giáo dục cải tạo bọn phỉ có tội ác. Trấn áp trừng trị bọn phản động hiện hành". Phương châm tiến hành cuộc vận động là: "Tích cực lãnh đạo vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt sát với từng vùng, làm tốt vững và gọn, đảm bảo đoàn kết dân tộc, kiên nhẫn thận trọng tùy từng vùng khác nhau mà cách làm có khác nhau, tránh máy móc dập khuôn xuất phát từ những đặc điểm của miền núi và trình độ thực tại của các dân tộc, cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở miền núi là một cuộc cách mạng to lớn và phức tạp. Có những đặc điểm riêng vì vậy cách làm phải nhẹ nhàng đơn giản nhưng kiên quyết chặt chẽ và sâu sát".

Tỉnh Lào Cai tiến hành cuộc vận động chia làm 3 đợt, thời gian của cả 3 đợt từ đầu tháng 10-1959 đến cuối 5-1960 kết thúc, trong đó huyện Mường Khương được tỉnh cho tiến hành ở 2 đợt đầu. Đợt đầu thực hiện ở 3 xã khu vực Pha Long, đợt 2 của Mường Khương thực hiện ở 21 xã còn lại.

139. Văn kiện Đảng về chính sách dân tộc - trang 98

Ban Cán sự Đảng huyện Mường Khương nhận thức rõ cuộc vận động Hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ là một cuộc đấu tranh giai cấp gay go và quyết liệt vừa giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản vừa thủ tiêu tàn dư thế lực phong kiến, vạch ranh giới giữa địa chủ và nông dân, giữa bóc lột và bị bóc lột, giải quyết những vấn đề kinh tế còn lại thực hiện yêu cầu của cải cách dân chủ. Ban Cán sự Đảng huyện cũng thấy cuộc đấu tranh tuy tính chất gay go quyết liệt nhưng lại phải tiến hành một cách ôn hòa không gây tình hình căng thẳng ở nông thôn, vẫn đảm bảo tăng cường đoàn kết toàn dân và tranh thủ được các nhân vật tầng lớp trên tập hợp được lực lượng có lợi cho cách mạng. Từ nhận thức trên, Ban Cán sự Đảng bộ đã bố trí cán bộ phối hợp với cán bộ của tỉnh tăng cường về tiến hành cuộc vận động. Huyện quan tâm chỉ đạo công tác chuẩn bị nên công tác này đã được tỷ mỷ và chu đáo các khâu điều tra nông thôn, lập trường kế hoạch vận động, tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ đi làm về vấn đề tổ chức chỉ đạo đều thực hiện tốt do đó cuộc vận động đã được nhanh gọn bảo đảm phương châm "nhẹ nhàng, đơn giản, sâu sát, triệt để". Bảo đảm các yêu cầu đoàn kết, phát triển các tổ đổi công, xây dựng các hợp tác xã, thúc đẩy sản xuất, ổn định xã hội nâng cao đời sống tinh thần và vật chất các dân tộc thêm một bước.

Trong cuộc vận động, quần chúng được phát động tư tưởng đã phân biệt rõ danh giới giai cấp ở nông thôn, thấy được tính tất yếu của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của các dân tộc. Căn cứ vào đặc điểm lịch sử, và sinh hoạt của các dân tộc, ta cho địa chủ, phú nông học tập tự nhận thành phần trước các cốt cán, không dùng các hình thức đấu tố, truy như trong phát động giảm tô, cải cách ruộng đất ở miền xuôi trước đây. Ta vận động những địa chủ đang giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền và các đoàn thể quần chúng làm đơn xin rút khỏi cương vị cũ, ta không phải xử lý cách chức, hạ thấp công tác hoặc buộc thôi việc, về mặt kinh tế ta vận động họ làm đơn xin hiến lại chính quyền ruộng đất, tài sản

(ngoài số liệu sinh hoạt cần thiết, dùng để sinh hoạt và sản xuất tự nuôi sống được ta chiếu cố). Số ruộng đất, nhà cửa địa chủ hiến. Lúc đầu ta tạm chọn cho các hộ bần cố nông sau mới điều chỉnh lại, đối với phong trào hợp tác hóa quần chúng đã có truyền thống đoàn kết tương trợ trong sản xuất và đời sống, một số nơi lại được tập dượt cách làm tập thể từ hình thức thấp đến hình thức cao, từ tham gia các tổ đổi công từng vụ từng việc đến tổ đổi công bình công, chấm điểm nên đã hăng hái tự nguyện xin vào hợp tác xã. Tuy nhiên, cá biệt có lúc có nơi do tư tưởng hẹp hòi, thành kiến cá nhân cán bộ ta đã gây tình hình căng thẳng không cần thiết như tịch thu cả từng khóm mai, từng cây ăn quả, chậm thay đổi thành phần ngay đối với một số gia đình địa chủ có con em tham gia công tác từ những ngày đầu cách mạng ở địa phương.

Do đường lối đúng đắn của Đảng và sự vận dụng linh hoạt của Ban Cán sự Đảng, cuộc vận động Hợp tác hóa nông nghiệp tiến hành đồng thời với việc phát động tư tưởng quần chúng để giải quyết những vấn đề còn tồn tại của cải cách dân chủ nên khí thế cách mạng của nhân dân các dân tộc được dâng lên mạnh mẽ. Cuộc vận động Hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ một lần nữa mang lại quyền lợi thiết thân cho quần chúng, do đó lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được củng cố và tăng cường. Ngoài ra, ảnh hưởng của phong trào hợp tác xã của miền xuôi và phong trào công xã nhân dân với 3 ngọn cờ hồng (hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng) ở bên kia biên giới đã có tác dụng lôi cuốn, kích thích quần chúng hướng theo con đường hợp tác hóa. Tâm lý của nhân dân lúc này không muốn đứng ngoài hợp tác xã vì vậy mặc dù nhận thức về hợp tác xã của quần chúng còn nông cạn nhưng với tấm lòng tin theo Đảng, khi ta vận động xây dựng hợp tác xã, quần chúng đã nhiệt tình ủng hộ và tình nguyện tham gia đông đảo đều khắp, một số nơi như thôn Sảng Thần Phàng chưa đủ điều kiện xây dựng nhưng quần chúng đã tự động hợp tác xã, rồi báo cáo lên huyện đề nghị

công nhận, hợp tác xã phát triển rất nhanh, cả vùng cao, cả những nơi xa xôi hẻo lánh, nơi quần chúng sống hoàn toàn bằng nương rẫy du canh hoặc chỉ có rất ít ruộng đất, quần chúng cũng yêu cầu cho thành lập hợp tác xã[140]. Có thôn chỉ có 6-7 hộ cũng tự nguyện vào hợp tác xã làm ăn tập thể. Tính đến cuối năm 1960 lúc phong trào hợp tác hóa phát triển ở đỉnh cao nhất đã có tới 96% số hộ nông dân trong huyện tham gia. Một số nơi chưa tập thể hóa bậc thấp cũng tự động lập hợp tác xã bậc cao, có hợp tác xã có cả chăn nuôi tập thể (Sảng Chải, Na Nhung, xã Pha Long), chăn nuôi tằm (thôn Ôi, thôn Sủn xã Bản Phiệt), có hợp tác xã quản lý cả các nghề rèn đúc (Mường Khương, Bản Phiệt)[141].

Song song với việc xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, huyện đã tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thợ thủ công và tiểu thương. Hầu hết những người làm các nghề may mặc, cắt tóc, sửa chữa xe đạp, sửa chữa đồng hồ và những người buôn bán nhỏ ở huyện lỵ ở các khu vực Pha Long, Bản Lầu đều vào các tổ hợp tác.

Phong trào Hợp tác hóa nông nghiệp ở huyện thời kỳ này phát triển nhanh nhưng không vững, nhất là ở vùng cao đồng bào các dân tộc Mông, Dao, không có cơ sở sản xuất ổn định điều kiện sản xuất khó khăn, nơi sản xuất xa nơi cư trú, dân số ngày càng tăng, diện tích trồng cây lương thực không tăng hoặc tăng chậm, đất nương bị xói mòn nhanh nên năng suất và sản lượng có chiều hướng giảm dần. Khó khăn lớn của phong trào xây dựng hợp tác xã ở vùng thấp và vùng cao là rất thiếu cán bộ có khả năng và kinh nghiệm quản lý, thậm chí ở một số hợp tác xã, ban quản trị không biết chữ hoặc chỉ ở trình độ lớp một, lớp hai bổ túc văn hóa. Trong xây dựng hợp tác xã một số nơi cán bộ chỉ đạo còn tùy tiện, chưa nghiên cứu sâu

140. Theo báo cáo, tổng kết thực hiện chính sách dân tộc từ 1960 - 1970 của tỉnh ủy Lào Cai.
141. Tài liệu theo đồng chí Khoát - cán bộ UB nông nghiệp huyện Mường Khương cung cấp.

và tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết, một số nơi phong trào quần chúng lên mạnh mặc dù thấy nơi này nơi khác thiếu hẳn những điều kiện cơ bản những quần chúng yêu cầu cán bộ cũng vẫn cho thành lập hợp tác xã mà không tìm cách động viên nhân dân duy trì và củng cố các tổ đổi công, khi tổ đổi công vừa mới đưa lên hợp tác xã. Vì tư tưởng cán bộ ta lúc này cho rằng nếu không cho lập hợp tác xã sẽ như dội gáo nước lạnh vào sự nhiệt tình của quần chúng, làm nguội lạnh phong trào. Chính vì thiếu các điều kiện bảo đảm nên phong trào hợp tác hóa lên nhanh nhưng gặp khó khăn lại dễ xuống nhanh.

Công tác xây dựng Đảng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết dân tộc được Ban Cán sự Đảng quan tâm chỉ đạo từ huyện đến xã. Thời gian này công tác xây dựng các tổ chức, đặc biệt công tác xây dựng Đảng đã thu được thắng lợi có ý nghĩa rất quan trọng.

Các tổ chức Ủy ban, công an, dân quân du kích, thanh niên, phụ nữ, nông hội ở huyện và các xã đều được chấn chỉnh, bổ sung để tránh có sự thay đổi hàng loạt cán bộ gây ảnh hưởng không tốt đến tư tưởng cán bộ và nhân dân các dân tộc. Những người trong bộ phận lãnh đạo, chỉ huy có những vấn đề phức tạp ta vận động họ tự nguyện xin chuyển công tác, đưa những người có đủ phẩm chất và năng lực vào thay thế, số còn lại thay thế dần thông qua các cuộc bầu cử. Nhờ vậy, các tổ chức ở huyện và cơ sở sau cuộc vận động đều vững mạnh thêm, sinh hoạt đều và phát huy được tác dụng, nâng cao được sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ đảng viên trong tình hình mới.

Công tác xây dựng Đảng và xây dựng Đoàn Thanh niên lao động thu được những kết quả đáng kể. Trước cuộc vận động Hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, cả 24 xã trong huyện đều không có cơ sở Đảng, thậm chí không có một đảng viên người các dân tộc địa phương. Trong đợt một cuộc vận động ở 3 xã khu vực Pha Long ta đã phát triển được 56 đảng viên và 78 đoàn viên thanh niên

lao động, cả 3 xã đều có Ban Chấp hành Đoàn. Sang đợt 2 ta đã phát triển được hàng trăm đảng viên đoàn viên, tất cả các xã đều có Ban chấp hành chi đoàn thanh niên lao động. Các tổ chức Đảng ở cơ sở các đảng viên được phát triển trong cuộc vận động đều là đảng viên dự bị, một số xã chỉ có 1 - 2 đảng viên mới. Do vậy chỉ có một số xã có điều kiện thành lập chi bộ riêng, còn các xã khác đảng viên sinh hoạt trong các chi bộ ghép. Bí thư chi bộ là các cán bộ của huyện được phân công phụ trách từ 1 đến 3 xã.

Vấn đề nổi bật trong công tác xây dựng Đảng ở huyện Mường Khương thời gian này là không chỉ phát triển đảng viên ở các xã vùng thấp khu vực Bản Lầu và một số xã khu vực Cao Sơn (những nơi trước đây phỉ không phát triển), mà ta còn phát triển Đảng ở ngay các xã thuộc các khu vực Pha Long, Mường Khương và những nơi từ cuối năm 1950 đến cuối năm 1952 đế quốc Pháp, Mỹ đã thực hiện âm mưu "thổ phỉ hóa" nhân dân với quy mô rất lớn. Bằng nhiều thủ đoạn dụ dỗ, lường gạt đi đôi với đe dọa cưỡng bức, bọn đầu sỏ phỉ lôi kéo được hầu hết đàn ông từ 15 tuổi đến 50 tuổi cầm súng làm phỉ. Hầu hết các hộ gia đình đều có người "đi phỉ", còn những người khác trong gia đình đều phải hoạt động cho phỉ. Nếu nhận thức phỉ một cách đơn giản và không đầy đủ, cho rằng phỉ là lực lượng của đế quốc, những người cầm súng làm phỉ đều là đối tượng của chính quyền cách mạng, các hộ gia đình ở vùng phỉ hoạt động đều là cơ sở của phỉ thì không thể có đảng viên và tổ chức cơ sở của Đảng, thậm chí cũng không có cả cán bộ người các dân tộc ở địa phương. Từ hội nghị tổng kết công tác phát động quần chúng tiễu phỉ năm 1952, Ban Cán sự Đảng huyện đã nhận thức rõ vấn đề phỉ không chỉ là âm mưu của đế quốc mà còn còn là một vấn đề dân tộc, một vấn đề quần chúng. Vì trong lực lượng phỉ, trừ một số ít tên là phỉ ngoan cố có ý thức chống đối cách mạng còn tuyệt đại bộ phận phỉ là những người bị lầm đường, bị bọn đầu sỏ phỉ lừa gạt đi đôi với cưỡng bức phải cầm súng của phỉ. Có những người chỉ đi theo phỉ vài tháng, có người chỉ làm phỉ một phiên chợ (một tuần lễ) thậm chí một ngày đã bị ta bắt hoặc ra hàng ta, hầu hết những người này chưa gây tội ác. Chính vì

hiểu được như vậy nên ta mới tích cực đào tạo, bồi dưỡng và có được một số quần chúng trung kiên và một số cán bộ địa phương trong vùng trước có phỉ hoạt động. Qua nhiều năm, số quần chúng ưu tú ngày một tăng, với cán bộ các dân tộc vẫn thể hiện sự trung thành với cách mạng. Trong cuộc vận động hợp tác hóa kết quả hoàn thành cải cách dân chủ này, ta mạnh dạn phát triển Đảng cho những người lầm đường với điều kiện họ không giữ chức vụ của phỉ, không gây tội ác với nhân dân, khi cán bộ, bộ đội đến tiễu phỉ họ đã tự nguyện ra hàng và từ khi nộp súng, trở về với nhân dân họ đã tích cực sản xuất, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách của Đảng và Chính phủ, hăng hái thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và nhiệt tình tham gia mọi nhiệm vụ, công tác ở địa phương. Số đảng viên kết nạp trong đợt vận động này cho đến những năm sau, chỉ trừ một số có vấn đề lịch sử chính trị do trước ta thẩm tra lý lịch chưa kỹ hoặc cá nhân cán bộ đảng viên đã thoái hóa biến chất bị rơi rụng, còn phần lớn vẫn là cán bộ đảng viên phấn đấu tốt.

Hòa bình lập lại, với hoàn cảnh cụ thể của địa phương, Ban cán sự huyện Mường Khương đã có nhiều cố gắng tổ chức thực hiện các nhiệm vụ công tác, triển khai các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương Đảng và của Tỉnh ủy Lào Cai.

Huyện ủy đặc biệt coi trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống cho cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trước tình hình và nhiệm vụ chung của cả nước, của mỗi miền Nam, Bắc, của tỉnh và của địa phương. Huyện đã phân công cán bộ xuống các khu vực và các xã phổ biến sâu rộng thắng lợi của hiệp định đình chiến ở Đông Dương và các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương về các nhiệm vụ củng cố miền Bắc và đấu tranh đòi thực hiện thống nhất Tổ quốc, về nhiệm vụ cụ thể của địa phương vừa khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục kinh tế của huyện góp phần với tỉnh giải quyết nạn phỉ đang là trở ngại lớn nhất trên con đường tiến lên của nhân dân các dân tộc Lào Cai. Huyện đã chú ý uốn nắn các tư tưởng thiên lệch về lạc quan, chỉ thấy thuận

lợi không thấy khó khăn; tư tưởng bi quan dao động, chỉ thấy ở địa phương sản xuất và đời sống đang gặp nhiều khó khăn, nạn phỉ đang phát mạnh trong tỉnh; tư tưởng suy bì, tỵ nạnh với cán bộ hoạt động ở các tỉnh miền xuôi; tư tưởng hòa bình mất cảnh giác; tư tưởng công thần địa vị, ngại khó ngại khổ trong một số cán bộ và nhân dân. Qua đó, Ban Cán sự Đảng đã động viên được các phong trào quần chúng thực hiện các nhiệm vụ công tác lớn có kết quả.

Các cháu đại diện học sinh, đội viên TNTP trường phổ thông cấp 1+ 2 Mường Khương tặng hoa Ban Cán sự huyện Đảng bộ Mường Khương (sáng ngày 6/1/1960 nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam).

Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết dân tộc: Sau năm 1954, tình hình huyện Mường Khương cũng như một số huyện Bắc Hà, Sa Pa, Bát Xát, một số tên đầu sỏ phỉ vẫn lén lút hoạt động. Tuy đã được hưởng chính sách khoan hồng của Chính phủ cho về địa phương nhưng một bộ phận phỉ vẫn chưa thực sự chịu cải tạo. Trong huyện vẫn còn 4 tên đầu sỏ phỉ và biệt kích quan trọng lẩn trốn là Si Trà tức Chánh Trà, Lù Lài Xín, Lù Lài Chín và Nùng Khái Tờ. Chúng tăng cường tuyên truyền phá hoại các chính sách lớn của ta như thuế, dân công, tòng quân, tung những luận điệu đề cao Pháp- Mỹ, đe dọa lôi kéo quần chúng. Mặt khác, chúng tìm cách bắt liên lạc với bọn phản động, cùng nhau gây cơ sở để chống lại cách mạng, âm mưu của chúng là tìm mọi chỗ sơ hở của ta để lôi kéo, lừa bịp, dụ dỗ dân di cư vào Nam; tuyên truyền nói xấu chính phủ, gây chia rẽ giữa người Kinh với người dân tộc thiểu số, giữa cán bộ với nhân dân... "Địch ra sức li gián giữa nhân dân với ta để phá 3 cùng, trấn áp phá việc học tập của quần chúng, đấu tranh ngăn cản việc ta thu súng và đe dọa ngăn cản cốt cán trong việc phát hiện tình hình bọn chúng cho ta"[142]. Chúng dùng các thủ đoạn phản tuyên truyền, ly gián giữa cán bộ, bộ đội và nhân dân; đe dọa gây tâm lý chiến tranh, mua chuộc gây trộm cắp...nhằm từng bước, từng công việc để phá hoại cơ sở cách mạng. Trong khi cơ sở của ta chưa có gì lại trải qua nhiều năm phỉ chiếm đóng, ảnh hưởng chia rẽ của địch đã ăn sâu trong đầu óc nhân dân; cán bộ, bộ đội kinh nghiệm vận động còn thấp kém, một số lớn không biết tiếng địa phương, một số cán bộ tư tưởng chưa thông, ngại khó, ngại khổ.

Để thông suốt và thống nhất nhận định tình hình và nhiệm vụ mới trong toàn Đảng, tháng 11 năm 1954, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị học tập nghị quyết của Bộ Chính trị. Thực hiện Chỉ thị số 16/TW "Về phá âm mưu của địch dụ dỗ đồng bào đi Nam", Tỉnh ủy Lào Cai chủ trương thành lập Ban chống cưỡng ép di cư, đẩy mạnh công tác

142. Tỉnh ủy Lào Cai (1955) - Báo cáo tổng kết năm 1955.

tuyên truyền chống dụ dỗ di cư nhằm: Giải thích chính sách tự do tín ngưỡng của chính phủ, củng cố lòng tin tưởng của nhân dân vào chế độ dân chủ nhân dân; vạch âm mưu của địch dụ dỗ di cư và phá chính sách của ta. Đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Cùng với nhiệm vụ phục hồi kinh tế ổn định đời sống nhân dân các dân tộc, công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được Đảng bộ huyện quan tâm.

Tháng 4 năm 1959, lực lượng công an nhân dân vũ trang tỉnh Lào Cai được thành lập. Tháng 5 năm 1959, Mường Khương được tổ chức 3 đồn biên phòng, bao gồm các đồn Bản Lầu, Mường Khương và đồng Pha Long do lực lượng công an vũ trang đảm nhiệm dọc tuyến biên giới Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc). Đảng bộ huyện còn giao cho huyện đội chấn chỉnh, củng cố đội ngũ dân quân du kích đưa những người không đảm bảo tiêu chuẩn chính trị hoặc phẩm chất quá kém ra khỏi hàng ngũ, kết nạp thêm những thanh niên có điều kiện sức khỏe, có tinh thần xung phong gương mẫu nòng cốt của các phong trào địa phương vào dân quân du kích. Để bảo đảm nâng cao chất lượng chiến đấu, huyện đã tổ chức các lớp tập huấn chính trị và quân sự theo chương trình của tỉnh cho các cán bộ từ tiểu đội, trung đội đến ban chỉ huy xã đội, có chương trình kế hoạch huấn luyện cho chiến sỹ ở ngay địa phương. Huyện cũng đã thành lập các trung đội mạnh ở huyện ở khu vực và tiểu đội mạnh ở thôn xã. Công tác trị an nhân dân được tăng cường ở các xã giáp biên và những nơi xa xôi hẻo lánh.

Tối ngày 3 rạng ngày 4 tháng 9 năm 1960, bọn phỉ ở Mường Khương âm mưu lật đổ chính quyền do các tên Lùng Pao, Dìn Sín Ly, Tẩn Sỉn Chín và Lù Chấn Páng cầm đầu. Chúng đột nhập vào phố Pha Long chiếm đồn công an vũ trang biên phòng và cửa hàng mậu dịch ở đó. Trong trận úp này, phỉ đã bắn ta bị hy sinh 2 đồng chí, bị thương 1 đồng chí và lấy đi 10 tiểu liên, 1 trung liên, 14 súng

trường và một số hàng của mậu dịch (gạo, muối, vải và một số hàng bách hoá tạp phẩm). Lực lượng của phỉ lúc đầu có 19 tên vào đánh úp đồn và phố, kể cả những tên có quan hệ trong vụ nổi dậy này có tới 65 tên, trong đó có 5 công an vũ trang và 11 dân quân làm phản, bọn cầm đầu hầu hết là địa chủ, phú nông, chỉ huy phỉ cũ, đặc vụ nằm lỳ.

Sau khi có tin phỉ chiếm Pha Long, huyện Mường Khương đã đưa lực lượng công an vũ trang đến phối hợp với dân quân địa phương đánh phỉ. Tỉnh cũng kịp thời nhận định và cho lực lượng bộ đội và công an vũ trang đến tiếp viện.

Do cơ sở quần chúng của ta ở Pha Long qua các đợt vận động được củng cố, cho nên ngay sau lúc phỉ nổi lên, trừ một số theo phỉ đã nói ở trên, cán bộ và dân quân trong xã Thống Nhất và các xã xung quanh đều kiên quyết bảo vệ địa phương, tăng cường lực lượng đánh phỉ. Nhân dân ở Pha Long lúc đầu có hoang mang nhưng sau đã đứng về phía ta, không ủng hộ phỉ. Nhân dân đã bí mật giám sát bọn phỉ đưa cán bộ của ta trốn thoát ra ngoài, không chịu mua hàng mà phỉ cướp của mậu dịch bán hoặc phát cho dân. Đến ngày 5-9-1960, lực lượng phỉ đã bị tan rã mau chóng, phố Pha Long giải phóng. Tính đến 15- 9 - 1960, ta đã bắn chết 4 tên, bắt sống 15 tên và có 35 tên ra đầu thú hoặc về nhà ở, còn 11 tên chạy trốn. Về vũ khí, ta đã thu lại được 2 tiểu liên, 5 súng trường.

Vụ bạo loạn ở Pha Long xẩy ra cho thấy rõ huyện không nắm được tình hình, bọn phản động trà trộn trong nhân dân địa phương, cán bộ đồn công an vũ trang Pha Long đã chủ quan mất cảnh giác không chú ý đến công tác tư tưởng, nhất là đối với số chiến sỹ đã có biểu hiện tiêu cực, bất mãn, có liên lạc với những phần tử phức tạp ở địa phương. Do đó địch đã thực hiện được âm mưu cướp đồn, gây mối đe dọa ở địa phương. Mặt khác, sự việc xẩy ra một lần nữa cho thấy sự giác ngộ của quần chúng các dân tộc địa phương so với những năm 1950 - 1952 đã có chuyển biến vượt bậc. Bọn phản động

gây bạo loạn ở vùng trước đây có đế quốc Pháp, Mỹ đã thực hiện âm mưu "thổ phỉ hóa nhân dân". Chúng hy vọng lôi kéo một số bộ phận quần chúng ở vùng sào huyệt cũ của phỉ tham gia vào các cuộc bạo loạn gây nhiều khó khăn cho ta. Nhưng âm mưu hoạt động của chúng đã bị đập tan, bị hoàn toàn cô lập. Chúng không lôi kéo được quần chúng ngược lại bị nhân dân oán ghét, căm thù.

Khi vụ bạo loạn vừa xẩy ra, dân quân du kích địa phương đã tổ chức bố trí bao vây bọn phản động tiếp đó đã phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang của tỉnh vào đánh địch. Được nhân dân tin yêu hết lòng ủng hộ giúp đỡ phát hiện và hướng dẫn, lực lượng vũ trang ta đã nhanh chóng dẹp bọn phản loạn.

Ngoài số cán bộ của huyện được tỉnh trưng dụng tham gia tiễu phỉ ở các huyện Bát Xát, Bắc Bà và một số dân công được tỉnh huy động đi phục vụ các chiến dịch tiễu phỉ ở Bắc Hà và các huyện miền Tây, Đảng bộ và chính quyền huyện Mường Khương đã bố trí một đơn vị bộ đội địa phương cùng dân quân du kích các xã hoạt động tại các khu vực Pha Long, Cao Sơn và các xã ven sông Chảy hoạt động cùng quần chúng tham gia truy lùng các tên phỉ, biệt kích ở địa phương còn lẫn trốn; đón lõng bắt và diệt một số tên phỉ ở Si Ma Cai, Bắc Hà luồn sang hoạt động. Trong 2 năm (1955-1956), ta đã bắt được 3 tên biệt kích thu 2 súng tiểu liên và bắt hàng 6 tên phỉ, thu 4 súng trường, 1 trung niên, số phỉ và biệt kích này ở bên Bắc Hà, Si Ma Cai luồn sang để lén lút hoạt động. Trong 3 năm (1956-1958) huyện Mường Khương còn đóng góp sức người sức của vào việc khôi phục đường xe lửa Yên Bái - Lào Cai, thăm dò mỏ Apatit và xây dựng nhà máy nhiệt điện Lào Cai, riêng về vật liệu khôi phục đường xe lửa, 5 xã khu vực Bản Lầu đã đóng góp được 800 thanh tà vẹt gỗ.

Kể từ ngày miền Bắc được giải phóng, cuộc vận động Hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ là cuộc vận động lớn thứ hai sau cuộc vận động học tập chính sách dân tộc của Đảng. Mặc dù có một số mặt yếu kém nhưng cuộc vận động tạo ra một bước chuyển

biến sâu sắc và triệt để trong lịch sử phát triển cách mạng của địa phương. Cuộc vận động đã làm thay đổi căn bản về tình hình giai cấp và xã hội ở nông thôn huyện Mường Khương, xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, đem lại địa vị làm chủ nông thôn cho nông dân. Khối liên minh công nông được củng cố, tình đoàn kết, mối quan hệ bình đẳng, tương trợ giữa các dân tộc được chặt chẽ, mật thiết hơn trước. Sự thông cảm và giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc địa phương với cán bộ và nhân dân miền xuôi được tăng cường. Sản xuất và đời sống của Nhân dân được nâng lên một bước.

Thắng lợi của cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đã tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc Mường Khương vững bước đi lên thực hiện các nhiệm vụ công tác lớn và nhiều kế hoạch Nhà nước dài hạn trong những năm sau.

V. Đảng bộ Mường Khương thành lập lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (1960 - 1965)

Tháng 9 năm 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội - Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn này là: "tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới" . Nghị quyết của Đại hội chỉ rõ mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Bắc là phải đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắt lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân; ở miền Nam có nhiệm vụ trực tiếp đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bọn tay sai của chúng

để giải phóng miền Nam. Hai nhiệm vụ ở hai miền có quan hệ mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Đại hội cũng chỉ rõ nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giữ vị trí quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng nước ta, đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Đại hội cũng đã thông qua phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) với mục tiêu phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hóa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đối với miền núi, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng chỉ rõ mục tiêu phấn đấu là "làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp dân tộc đa số". Đại hội nhấn mạnh yêu cầu cơ bản đối với toàn bộ công tác xây dựng Đảng là tăng cường tính giai cấp và tính tiên phong của Đảng. Cán bộ, đảng viên không những có lập trường chống đế quốc, chống phong kiến mà còn phải giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao, phải nhanh chóng nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin, trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật và trình độ quản lý kinh tế.

Đường lối của Đại hội về xây chủ nghĩa xã hội được cụ thể hóa bằng nhiều nghị quyết chuyên đề của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương. Qua các hội nghị, Đảng xác định rõ thêm vị trí, mối quan hệ và tác dụng của 3 cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời kỳ quá độ là quá trình phát triển tổng hợp ba cuộc cách mạng nói trên.

Nhằm đáp ứng vai trò tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng của địa phương, ***tháng 12/1960, Tỉnh uỷ Lào Cai chỉ đạo thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương thay Ban Cán sự Đảng huyện.***

Tháng 7/1961, Hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương khóa III đã đề ra nhiệm vụ và phương hướng phát triển nông

nghiệp là phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân "Tích cực củng cố, phát triển hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh làm cơ sở vững chắc để phát triển nông nghiệp".

Nghị quyết hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng (2/1963) chỉ rõ 3 thế mạnh của miền núi là cây công nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng; phải xây dựng miền núi thành những vùng nông nghiệp mới có tính chất toàn diện, dần dần biến kinh tế miền núi vốn là một nền kinh tế tự cấp, tự túc thành một nền kinh tế có nhiều sản phẩm hàng hóa, không ngừng cải thiện đời sống nhân dân và phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (2/1961) xác định mục tiêu, nhiệm vụ trong những năm 1961 -1963 là: "Phát huy tinh thần cách mạng xã hội chủ nghĩa, truyền thống đoàn kết của nhân dân các dân tộc. Tận dụng một cách có hiệu quả hơn nữa những khả năng tiềm tàng phong phú của địa phương, tiếp tục hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư doanh, ra sức phát triển kinh tế và văn hóa, làm cho Lào cai trở thành tỉnh có công nghiệp và nông nghiệp phát triển mạnh mẽ. Thực hiện tự túc về lương thực cung cấp một phần lâm sản cho Trung ương. Đảm bảo nâng cao hơn nữa đời sống và trình độ mọi mặt cho các dân tộc trong tỉnh, tạo điều kiện cho đồng bào tiến kịp miền xuôi. Góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bước đầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và thực hiện đấu tranh thống nhất nước nhà"[143]. Đại hội cũng đề ra các biện pháp phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, củng cố Đảng và chính quyền cơ sở, củng cố lực lượng vũ trang.

Thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tỉnh Lào Cai đề ra nhiệm vụ kế hoạch 5 năm của tỉnh là:

143. Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ 3 (tháng 2/1961).

- Ra sức củng cố xây dựng hợp tác xã nông nghiệp và đổi công từng bước vững chắc, quản lý tốt các mặt lao động...

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc sát với từng vùng, bảo đảm vai trò nông nghiệp là cơ sở cho công nghiệp phát triển coi sản xuất nông nghiệp là thành phần kinh tế chủ yếu của Lào Cai, chú trọng chống sói mòn thâm canh tăng năng xuất lúa ngô một cách vững chắc, đồng thời phát triển mạnh hoa màu lương thực, đẩy mạnh tăng vụ trên toàn bộ diện tích nhất là ruộng, nuôi, trồng cây công nghiệp là hướng chính trong sản xuất nông nghiệp ở vùng cao.

- Lãnh đạo chặt chẽ, giải quyết khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch của các cơ sở công nghiệp Trung ương tại địa phương, tận dụng sự hỗ trợ có kế hoạch đối với việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp, trước hết nhằm phục vụ nông nghiệp, lãnh đạo chặt chẽ đối với thủ công nghiệp, làm cho thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

- Đẩy mạnh phát triển thương nghiệp, chú trọng mở rộng mạng lưới ở cơ sở, đi sâu phục vụ nông thôn, phục vụ sản xuất khai thác các nguồn hàng, chế biến một số mặt hàng thực phẩm, phát huy hơn nữa vai trò đòn bảy của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhằm phục vụ đắc lực cho sản xuất, xây dựng và phân phối.

- Ra sức phát triển văn hóa giáo dục y tế đúng hướng sát với từng vùng, đẩy mạnh việc thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa,

- Giải quyết thích đáng những yêu cầu về đời sống của cán bộ và nhân dân các dân tộc về vật chất và văn hóa, nhất là về ăn, mặc, ở, học tập, sức khỏe.

- Phải gấp rút đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của cán bộ công nhân chú trọng đào tạo lớp thanh niên dân tộc.

- Thường xuyên giáo dục nâng cao cảnh giác cách mạng cho cán bộ và nhân dân sẵn sàng phá tan mọi âm mưu của địch tăng cường củng cố biên giới, bảo đảm trật tự an ninh của địa phương.

- Đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua yêu nước trong toàn Đảng, toàn dân thành một phong trào quần chúng sâu rộng thường xuyên, phát huy truyền thống yêu nước nồng nàn nhiệt tình cách mạng vào công cuộc công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Lào Cai lần thứ III và kế hoạch 5 năm được Đảng bộ huyện Mường Khương quán triệt, triển khai thực hiện bằng việc đề ra chủ trương, chính sách trên các lĩnh vực phù hợp với thực tiễn địa phương.

Lãnh đạo củng cố và phát triển phong trào hợp tác hóa, đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp và các ngành kinh tế

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của địa phương trong giai đoạn mới Đảng bộ huyện nhận thấy trước hết cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc trong huyện phải giác ngộ về chủ nghĩa xã hội, về đường lối chủ trương chính sách của Đảng, có tinh thần quyết tâm phấn đấu cao vì vậy Đảng bộ huyện coi trọng việc tổ chức và chỉ đạo các đợt chỉnh huấn mùa xuân cho cán bộ đảng viên và các đợt học tập trong nhân dân, trong các hợp tác xã, nhằm quán triệt những quan điểm lớn của Đảng và đường lối, chủ trương của Trung ương của tỉnh, nhiệm vụ của địa phương. Đồng thời Đảng bộ huyện tiến hành điều tra nghiên cứu nắm vững những điều kiện thuận lợi và khó khăn; đề ra phương hướng, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng và củng cố các hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, vững chắc ở từng vùng, từng dân tộc, từng bước, trong quá trình nghiên cứu tổ chức thực hiện các nghị quyết, Chỉ thị của Trung ương và của tỉnh**.**

Đảng bộ huyện Mường Khương đã nhận thức rõ hơn về nhiệm vụ tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa), về mối quan hệ gắn bố giữa 3 cuộc cách mạng và vị trí của từng cuộc cách mạng trong sự nghiệp phát triển tổng hợp này, trong đó xác định lấy cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt.

Được Trung ương và tỉnh quan tâm, tăng cường chỉ đạo, bổ sung cán bộ, cán bộ xuống ở cơ sở lâu dài, Đảng bộ và nhân dân các

dân tộc trong huyện đã có nhiều cố gắng, tiến hành các cuộc vận động lớn ở địa phương, phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965).

Cũng như trong các ngành thủ công nghiệp, thương nghiệp tư doanh, trong nông nghiệp ở huyện Mường Khương phong trào hợp tác hóa đã được xây dựng từ cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ (cuối năm 1959 đến đầu 1960). Thời kỳ đầu, phong trào tuy phát triển nhanh nhưng chưa vững, một số nơi chưa đi qua tổ đổi công đã đi thẳng lên hợp tác xã.

Trong những năm 1959 - 1960 phong trào lên rất mạnh nhất là ở vùng cao, thu hút tới 80% tổng số hộ nông dân trong huyện vào các hợp tác xã. Nhưng đến hai năm 1962 và 1963 phong trào lại tụt nhanh, chủ yếu ở vùng cao. Năm 1963 số xã viên hợp tác xã nông nghiệp trong huyện chỉ còn chiếm 46% tổng số dân số. Tình hình trên là do cơ sở vật chất của phần lớn các hợp tác xã nhất là các hợp tác xã vùng cao chưa có gì đáng kể, trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã còn non yếu, mặt khác ở một số nơi cán bộ ta lại nôn nóng đưa hàng loạt hợp tác xã từ bậc thấp lên bậc cao; các ban quản lý không điều hành nổi làm ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của hợp tác xã và xã viên, do đời sống không đảm bảo một số xã viên đã ra ngoài làm ăn riêng lẻ.

Từ những kinh nghiệm của địa phương và kinh nghiệm xây dựng và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp trong các dân tộc vùng cao của tỉnh, Đảng bộ huyện càng thấy rõ các điều kiện cần phải có để xây dựng và củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển.

Vùng thấp và vùng cao tuy có những hoàn cảnh khác nhau nhưng để xây dựng và củng cố hợp tác xã, cần phải có đầy đủ bốn điều kiện:

- Ruộng đất ổn định
- Cư trú tương đối tập trung
- Quần chúng được giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa

- Có cốt cán lãnh đạo, quản lý ngang tầm với nhiệm vụ.

Có ruộng đất ổn định người nông dân mới có cơ sở vật chất đầu tiên để xây dựng hợp tác xã. Có cư trú tương đối tập trung (ở vùng cao có thể từ 10 hộ đến trên dưới 30 hộ) mới có điều kiện tổ chức sinh hoạt xã viên được tốt và điều động nhân lực, sử dụng tư liệu sản xuất không lãng phí, ban quản trị mới có điều kiện làm việc tập trung dân chủ. Quần chúng có giác ngộ xã hội chủ nghĩa mới tự quản được nền sản xuất theo hướng xã hội chủ nghĩa của mình, cải tạo triệt để và sâu sắc quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ mọi áp lực, bóc lột ở nông thôn. Có cốt cán thuộc thành phần cơ bản trong nông dân và có trình độ nhất định mới vững vàng lãnh đạo hợp tác xã, nắm chắc tình hình, đề ra được phương hướng sản xuất thích hợp với điều kiện của hợp tác xã mới đoàn kết được nội bộ, động viên và hướng dẫn quần chúng xã viên thực hiện kế hoạch sản xuất và chấp hành mọi chính sách của Đảng và Chính phủ trong hợp tác xã; phát huy được những nhân tố tích cực và những thắng lợi của hợp tác xã để không ngừng dẫn dắt hợp tác xã vươn lên giành những thắng lợi mới.

Bốn điều kiện trên đây đều quan hệ khăng khít, gắn bó với nhau, mỗi điều kiện cụ thể có tầm quan trọng của nó. Để xây dựng hợp tác xã, không thể thiếu một điều kiện nào.

Trong cuộc vận động xây dựng hợp tác hóa ở Mường khương, khi quần chúng đề nghị cho địa phương xây dựng hợp tác xã, cán bộ ta đã không chú ý đến các điều kiện trên. Mặc dù thiếu điều kiện này hay điều kiện khác nhưng vẫn cho xây dựng hợp tác xã. Cụ thể như hợp tác xã Lao Chải (xã Tả Gia Khâu) không có ruộng đất ổn định, hoặc như hợp tác xã Tung Chung Phố điều kiện giác ngộ cách mạng xã hội chủ nghĩa của quần chúng còn thấp và thiếu cốt cán lãnh đạo. Vì vậy khi xây dựng xong sản xuất gặp khó khăn, các hợp tác xã này đổ vỡ. Có nơi như hợp tác xã Nỉ Sỉ xã Lao Táo, xây dựng xong nhưng không bồi dưỡng số cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật lại đưa các xã xuống tổ đổi công cũng làm cho quần chúng thắc mắc. Từ thực tiễn năm 1963, Huyện ủy Mường Khương đã rút

kinh nghiệm trong các cuộc vận động "cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật": Chú ý đào tạo bồi dưỡng các cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật của hợp tác xã, hướng dẫn giúp đỡ ban quản trị xác định rõ phương hướng sản xuất của hợp tác xã; đầu tư mua sắm nông cụ cải tiến áp dụng các biện pháp kỹ thuật; đẩy mạnh phong trào khai hoang làm ruộng nương bậc thang và điều hành lao động một cách hợp lý. Đồng thời cán bộ đảng viên đã quan tâm hơn đến việc xây dựng hợp tác xã ở những nơi có đủ điều kiện. Cùng thời gian này trong nội bộ Đảng ta tiến hành cuộc vận động "xây dựng chi bộ, đảng bộ (4 tốt), nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng ở cơ sở và các đảng viên. Do đó cán bộ đảng viên đã nâng cao được ý thức trách nhiệm đối với phong trào hợp tác hóa tích cực xây dựng và củng cố hợp tác xã. Phong trào hợp tác hóa trong toàn huyện dần dần được củng cố và phát triển, số hộ tham gia hợp tác xã từ 46% năm 1963 đã lên 66,34% năm 1964 và đến năm 1965 đã chiếm tới 90.05% tổng số hộ trong huyện vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 4. Tổ chức kinh tế tập thể đã mở rộng, quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã tương đối hoàn chỉnh với 142 hợp tác xã bình quân một hợp tác xã có từ 31 đến 52 hộ ở vùng thấp và từ 25 -27 hộ ở vùng cao[144].

Trong công tác lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã chú ý quan tâm đến các đặc điểm diện tích ruộng bằng, chiếm 20,5% tổng số diện tích đất nông nghiệp, còn phụ thuộc nhiều vào thiên tai, 79,5% diện tích còn lại có độ dốc lớn dễ gây sạt lở sói mòn, làm bạc mầu đất trồng trọt. Trước tình hình Nhân dân địa phương còn tập quán thả rông gia súc, ít hộ làm chuồng trại, chăn nuôi còn phân tán theo từng nhóm, từng gia đình; hệ thống nông trại, mương máng còn ít, trên vùng cao mùa khô bị thiếu nước nghiệm trọng, nông cụ cải tiến và phương tiện vận chuyển chưa nhiều, Đảng bộ Mường Khương đã đề ra những quyết sách phù hợp với thực tiễn.

144. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương: Báo cáo tổng kết tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 5 ngày 28/1/1966.

Căn cứ vào những đặc điểm trên phương hướng chung của tỉnh, tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V (1-1966), Đảng bộ xác định phải nhanh chóng phá thế độc canh, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng vụ, tăng diện tích cây trồng, trọng tâm là cây lúa. Phát huy 3 thế mạnh của miền núi, phải phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, đẩy mạnh chăn nuôi và nghề rừng, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện mạnh mẽ và vững chắc.

Theo phương hướng trên, Đảng bộ huyện chủ trương:

- Đẩy mạnh vận động phá bỏ cây thuốc phiện thay thế bằng cây đỗ tương.

- Phát động mạnh mẽ phong trào khai hoang, làm ruộng bậc thang.

- Mở rộng diện tích gieo trồng đi đôi với thâm canh lúa, phát triển hoa màu, phấn đấu để tự túc lương thực, thực hiện khẩu hiệu "chống 5 tệ" (chống các tệ cấy chay để nước chảy tràn bờ, không làm cỏ, không thả gia súc và đốt rừng bừa bãi).

- Xây dựng sân phơi nhà kho sử dụng nông cụ cải tiến, cải tiến kỹ thuật từng bước đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

- Tiến hành điều tra và sơ bộ phân vùng đất đai nông lâm nghiệp, chuẩn bị cho việc lãnh đạo sản xuất theo vùng kinh tế tập trung theo điều kiện khí hậu phát huy thế mạnh của miền núi, nhằm có nhiều sản phẩm hàng hóa.

- Tiếp nhận nhân lực miền xuôi lên phát triển kinh tế văn hóa miền núi thí nghiệm lập hợp tác xã bao gồm xã viên là đồng bào vùng giữa còn du canh và đồng bào vùng thấp có nhiều ruộng đưa nghề rừng vào hợp tác xã quản lý để định canh định cư, đồng bào trước đó sống chủ yếu bằng nương rẫy[145].

145. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương: Báo cáo tổng kết tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ 5 ngày 28/1/1966.

Được cấp trên quan tâm tăng cường lãnh đạo và cử một số cán bộ xuống huyện, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện ra sức phấn đấu thực hiện các chủ trương biện pháp trên và đã thu được những kết quả đáng tự hào. Năm 1961, được nhân dân các dân tộc nhiệt tình hưởng ứng huyện Mường Khương đã cơ bản hoàn thành việc phá bỏ cây thuốc phiện, thay thế chủ yếu bằng cây đỗ tương, ngoài ra trồng thêm một số hoa màu khác như ngô, khoai, sắn và cây ăn quả trên suốt một vùng rộng lớn từ khu vực xã Mường Khương, Cao Sơn đến khu vực Pha Long. Đây là thắng lợi rất lớn, huyện Mường Khương là một trong những huyện đầu tiên của tỉnh Lào Cai và của các tỉnh miền núi đã giải quyết được nạn trồng cây thuốc phiện, xóa bỏ một trong những nguyên nhân nghèo nàn lạc hậu và các tệ nạn xã hội. Cùng với việc bỏ cây thuốc phiện huyện đã vận động cai nghiện thuốc phiện, các việc làm này đã được quần chúng hưởng ứng ủng hộ.

Từ năm 1962 đến năm 1965, huyện đã tiếp nhận 55 hộ đồng bào từ các tỉnh Kiến An, Hà Nam Ninh lên các xã Thanh Bình, Na Lốc. Được nhân dân các xã trên hết lòng giúp đỡ, đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế, văn hóa miền núi đã nhanh chóng ổn định được nơi ăn ở. Ngoài số hợp tác xã của Nhân dân miền xuôi còn có những hợp tác xã chung của nhân dân địa phương và Nhân dân các tỉnh phía dưới mới lên. Tinh thần đoàn kết tương trợ giữa Nhân dân địa phương và đồng bào miền xuôi lên được xây dựng và ngày càng phát triển. nNhân dân địa phương giúp đỡ đồng bào miền xuôi ruộng đất, giống, trâu cày, Nhân dân miền xuôi lên giúp đỡ đồng Nhân dân phương cách thức làm ăn, sinh hoạt, chủ yếu là kỹ thuật canh tác và áp dụng những tiến bộ khoa học, cách đào giếng nước ăn, làm chuồng trại xa nhà, cách ủ phân giữ nước vv...

Các phong trào khai hoang làm thủy lợi phong trào "sạch làng tốt ruộng". Sử dụng phân bón, cày bừa kỹ, làm cỏ nhiều lần vv... được đẩy mạnh.

Về khai hoang mở rộng diện tích không kể các diện tích khai hoang làm ruộng, nương bậc thang đã có từ những năm trước; trong

năm 1965 nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã khai hoang thêm 32,48 ha làm nương bằng 4,5 ha, nương bậc thang 2,87 ha, huyện vẫn còn một số nơi có khả năng tiếp tục khai hoang như các vùng Lũng Pâu, Lũng Cáng, Lùng Chéng Lùng.

Công tác thủy lợi đạt kết quả tốt ngoài các công trình chung, tiểu thủy nông đã có, được nhiệt tình đóng góp của nhân dân năm 1965 huyện đã cơ bản hoàn thành các công trình trung thủy nông ở Na Lốc và công trình trung thủy nông ở Lùng Chéng Lùng hết gần 4 vạn ngày công và đang tiếp tục làm nhà máy thủy điện Hàm Rồng, các công trình thủy lợi ở Lũng Pâu, Lũng Cáng với một số vốn đầu tư trên 180.000đ và trên 12 vạn công, nhân dân trong huyện còn sửa chữa và làm mới 627 mương, 109 phai, 5 đập nước, 7 giếng, 3 con nước hết trên 16 vạn ngày công, bình quân mỗi người dân trong huyện đã đóng góp 8 công và đào 45 khối đất đá, ngoài ra huyện còn vận động nhân dân làm các công trình tiểu thủy nông ở các xã và công trình hệ thống nước ăn (nước tự chảy từ núi xuống và một chiếc bể bán nguyệt tại thị trấn huyện lỵ. Tuy đã có nhiều cố gắng nhưng huyện cũng mới chủ động tưới tiêu được 64% diện tích cấy chiêm và 60% diện tích cấy mùa, công tác chống sói mòn nước mới đạt được 1280 ha bằng 30% kế hoạch.

Ngoài phân chuồng, Nhân dân đã biết sử dụng phân xanh và phân hóa học bón ruộng lúa và hoa mầu, bình quân đã bón phân lúa vụ chiêm 5,2 tấn/ha lúa vụ mùa 2,088 tấn/ha, ngô 2,280 tấn/ha, đậu tương xuân 2,9 tấn/ha và đậu tương hè 0,82 tấn/ha.

Năm 1965, vùng lúa Bản Lầu bị sâu bệnh nặng 24 ha lúa gieo trồng không thu hoạch được trên 26 ha lúa cấy không kịp thời vụ nhưng sản xuất nông nghiệp năm 1965 đạt kết quả đáng phấn khởi.

Về diện tích gieo trồng, so với kế hoạch tỉnh giao, lúa nước vượt 42% khai hoang vượt 29%, sắn vượt 29%, đỗ tương vượt 27%; các chỉ tiêu lương thực chính và một số chỉ tiêu khác đạt xấp xỉ kế hoạch (lúa chiêm đạt 90%, lúa mùa đạt 96%, ngô cả năm đạt 96,34%). Nếu

so với năm 1964 nhiều chỉ tiêu năm 1965 đã vượt xa như đỗ tương 75%, riêng vụ đậu tương hè tăng 95,15% ngô tháng 7 tăng 98,7% diện tích trồng cây ăn quả và cây lấy gỗ mở rộng 5,062 ha.

Trong tổng diện tích gieo trồng, cây lương thực chiếm 79,3%, cây công nghiệp chiếm 20,7%, tổng diện tích gieo trồng năm 1956 so với năm 1964 tăng 1383 ha trong đó diện tích tăng vụ 1353 ha. Bình quân đầu người 1964 có 8 sào 12 thước, năm 1965 tăng lên một mẫu 2 sào hệ số sử dụng đất tăng 38 lần so với năm 1964, năng suất các loại cây trồng đều vượt kế hoạch, điển hình như HTX Sàng Chải xã Mường Khương đạt 3.830 kg/ha lúa/vụ, sản lượng lúa khu vực Bản Lầu tăng 28,1 kg so với năm 1964.

Tổng sản lượng lương thực vượt 89 tấn so với kế hoạch tỉnh giao. Bình quân lương thực (thóc và mầu quy thóc) tỉnh theo đầu người đạt 417 kg riêng nhân khẩu nông nghiệp đạt 430,76 kg tăng 20 kg so với năm 1964 và 70,8 kg so với năm 1960; về lương thực chính năm 1965 là năm huyện Mường Khương thu hoạch cao nhất từ trước tới nay.

Cùng với cây lương thực phát triển ngành chăn nuôi cũng được mở rộng so với chỉ tiêu kế hoạch, mới tính đến ngày 15-9-1965 đàn trâu có 5.188 con, đạt 96,07%; đàn bò 547 con, đạt 57,83%; đàn ngựa 3.038 con, đạt 90,91%; đàn lợn 11.017 con, đạt 91,8%; đàn dê 107 con, đạt 71,33%. Ngoài ra, đàn gia cầm được phát triển đạt xấp xỉ chỉ tiêu kế hoạch.

Sản xuất nông nghiệp có tiến bộ, thu mua lương thực vượt mức kế hoạch, được 154,169 tấn đạt 110% kế hoạch, thu mua lợn hơi được 74,500 tấn đạt 108% kế hoạch; riêng đỗ tương thu mua chỉ được 67,00 tấn đạt 67% kế hoạch.

Ngành lâm nghiệp hoạt động khá hơn các năm trước. Năm 1965 đã trồng trên 117.000 cây các loại cung cấp được 590,337 khối gỗ và 913.000 cây tre vầu, tổng thu nhập hàng lâm sản được trên 10.220 đồng, đạt 112,5% kế hoạch.

Các ngành thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất nông nghiệp có nhiều cố gắng; đã cung cấp được trên 21 tấn giống đỗ tương hè, gần 59 tấn phân lân, phân đạm, một tấn thuốc trừ sâu và 8,400 tấn thóc giống phục vụ cho vụ chiêm xuân 1966. Tuy vậy còn thiếu nông cụ phục vụ sản xuất.

Việc giao thông vận tải phục vụ sản xuất và đời sống huyện đã chú ý vận động nhân dân làm đường liên thôn liên xã. Ngoài con đường Mường Khương đi Lào Cai và Mường Khương đi Sín Tẻn do công nhân Trung Quốc sang giúp làm từ tháng 8-1965, huyện đã huy động trên một vạn công sửa chữa 59 km đường tiểu ngạch và hai cầu gỗ dài 14 m. Đến ngày 15-9-1965, huyện vận động nhân dân các xã vùng cao làm được 22 km đường từ Mường Khương đi Pha Long rộng 4,5m. Đến ngày 18-1-1966 con đường này đã thông xe từ khi đường Mường Khương - Sín Tẻn. Nhờ vậy, công tác tiểu ngạch biên giới đã phát huy được tác dụng. Việc qua lại biên giới buôn bán, trao đổi hàng hóa phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đời sống đạt kết quả tốt so với năm 1964 tổng số hàng xuất khẩu đạt 170% tổng số hàng nhập khẩu đạt 129%.

Trong nhiệm vụ phục vụ sản xuất đời sống và kinh doanh các ngành chuyên môn tuy đã có một số chuyển biến nhưng vẫn còn một số mặt yếu kém, ngân hàng huyện đã huy động được tiền tiết kiệm trong nhân dân, đạt 116% kế hoạch nhưng lại mới lập được 19 quỹ tín dụng trong 10 xã. Công tác cải tạo tiểu thương, tiểu thủ khá tốt, đưa được 62 người vào các hợp tác xã mua bán, may mặc, ăn uống và 14 người sang trực tiếp sản xuất; đã quản lý các mặt hàng như gạo, đỗ tương, chè, nhưng chưa quản lý được đàn gia súc, vẫn còn buôn bán trái phép mang trâu ngựa sang bên kia biên giới.

Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục.

Đi đôi với phát triển kinh tế chủ yếu là phát triển phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã đẩy mạnh công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao nâng cao một bước đời

sống tinh thần cho nhân dân các dân tộc. Huyện đã mở chiến dịch diệt dốt và thanh toán nạn mù chữ cho 6.205 người độ tuổi từ 12-40 đạt 80% số người cần được giải quyết. Phong trào học phổ thông và vỡ lòng được phát triển, toàn huyện có 692 học sinh cấp I và cấp II, 1.264 học sinh các lớp vỡ lòng, công tác giáo dục từng bước được phát triển khu vùng thấp và huyện lỵ đã phát triển đều đảm bảo số lượng, chất lượng.

Các đại biểu dự hội nghị mừng công thanh toán nạn mũ chữ xã độc lập năm 1963

Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật gắn với sản xuất đời sống cho nhân dân các dân tộc. Huyện đã thành lập

đội tuyên truyền xung phong cùng các đội văn nghệ quần chúng, đội chiếu bóng đi sâu xuống cơ sở, thông qua các hình thức văn nghệ, phim ảnh, để thực hiện nhiệm vụ giáo dục, tuyên truyền.Công tác bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, nhân dân các dân tộc có nhiều tiến bộ, mạng lưới y tế dân lập và quốc lập phát triển khá, đã có các trạm xá như các xã Tùng Lâu, Nấm Lư, Lùng Vai có ý thức phục vụ tận tình được nhân dân tin tưởng. Tỷ lệ tử vong giảm đi rõ rệt năm 1964 chiếm 0,03% năm 1965 tỷ lệ này giảm xuống còn 0,028% số bệnh nhân điều trị.

Hoạt động thể dục, thể thao đã có chuyển biến tích cực một số cơ quan ở huyện đã chú ý động viên phong trào cán bộ, công nhân viên tập thể dục buổi sáng, thành lập được các đội bóng đá, bóng chuyền, các đội này thường xuyên luyện tập và thi đấu với nhau trong các ngày lễ, ngày kỷ niệm.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong công tác giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao vẫn còn hạn chế. Trong giáo dục chưa tổ chức được mạng lưới tuyên truyền phổ biến kiến thức thường xuyên đến các thôn bản xa xôi hẻo lánh; ngành y tế chưa thường xuyên chú ý bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ chuyên môn, việc quản lý thuốc chưa chặt chẽ, các tủ thuốc các thôn xóm hoạt động chưa đáp ứng với đòi hỏi của nhân dân; phong trào thể dục thể thao còn bó hẹp, chưa mở rộng được cho quần chúng thanh, thiếu niên, kể cả khu vực thị trấn và vùng thấp.

Công tác an ninh quốc phòng

Trong khi nhân dân miền Bắc đang phấn khởi, tin tưởng và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất ở miền Nam sau cuộc đồng khởi, phong trào đấu tranh chống Mỹ ngụy của nhân dân ta phát triển rộng khắp, làm lung lay tận gốc chế độ độc tài gia đình Ngô Đình Diệm. Ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Trước tình hình đó đế quốc Mỹ thực hiện

chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam, đồng thời tung biệt kích thám báo ra miền Bắc phá hoại hậu phương ta. Hoạt động thả biệt kích xuống phá hoại miền núi phía Bắc nước ta, đêm 04-6-1963 đế quốc Mỹ thả toán biệt kích trong đó có tên Triệu Trung làm toán trưởng xuống khu vực Phú Nhuận huyện Bảo Thắng - Lào Cai. Tiếp đó chúng lại liên tiếp thả các toán biệt kích xuống Nậm Tha, Phong Dụ, Khe Lếch (huyện Văn bàn - Yên Bái), Kiên Thành (Trấn Yên - Yên Bái), Đại Sơn (huyện Văn Yên - Yên Bái). Bọn biệt kích này đều bị diệt, hoặc bị lực lượng vũ trang của ta bắt gọn khi chúng vừa đặt chân xuống đất. Thời kỳ này bọn phản động các địa phương cũng có hiện tượng hoạt động hòng phối hợp với bọn biệt kích nhảy dù.

Trước âm mưu và hoạt động của đế quốc Mỹ và bọn phản động các địa phương, ngày 22/6/1961 Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra chỉ thị về việc đối phó với các hoạt động gián điệp biệt kích của Mỹ, ngụy ra phá hoại miền Bắc. Ngày 20/1/1962, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra nghị quyết số 39/NQ-TW chỉ rõ "phải tiến hành trấn áp phản cách mạng một cách kiên quyết, chủ động khẩn trương tích cực hơn, kịp thời đập tan âm mưu gây bạo loạn hoặc khiêu khích của địch". Tháng 5/1960 Chính phủ ta và Chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký hiệp định phối hợp công tác biên phòng giữa hai nước. Ngày 31/10/1963, Chính phủ ta và Chính phủ Trung Quốc lại ký tại Nam Ninh tỉnh Quảng Tây - Trung Quốc hiệp định về hiệp đồng bảo vệ an ninh khu vực biên giới.

Ở huyện Mường Khương sau các vụ bạo loạn ở A Lù (Bát Xát), tháng 5/1959; vụ "Xưng Vua" ở Bản Khoang (Sa Pa) đầu năm 1960 và vụ bạo loạn Pha Long "tháng 9/1960" đều bị lực lượng vũ trang nhân dân của ta diệt và bắt gọn. Đảng bộ huyện nhận thấy rõ hơn về thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc XHCN; thấy rõ hơn bản chất ngoan cố của kẻ địch đã tăng cường công tác giáo dục nâng cao cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc; phát động phong trào bảo vệ trị an trong nhân dân; tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ

đạo xây dựng và hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, công an nhân dân và các đồn biên phòng Pha Long, Mường Khương và trạm kiểm soát Na Lốc (Bản Lầu). Các đồn biên phòng Pha Long, Mường Khương và trạm kiểm soát Na Lốc (Bản Lầu) đã tham gia cuộc vận động hợp tác hóa, kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ ở huyện.

Đầu năm 1961, được nhân dân địa phương phát hiện ta đã bắt được tên Chánh Trà đầu sỏ phỉ người Nùng ở Lồ Sử Thàng (tên này giả chết) đang hoang mang giao động sau các vụ bạo loạn ở Sa Pa, Bát Xát, Mường khương đều bị diệt trừ. Ta đã viết thư kêu gọi tên này ra hàng, cho hưởng khoan hồng khi tên Chánh Trà ra huyện. Nhưng vì quá lo sợ, tên này đã tự vẫn bằng thuốc phiện đầm thanh. Sau khi tên Chánh Trà chết tên Lù Lài Sín người thôn Nấm Oọc xã Nậm Lư là một tên phỉ ngoan cố đã ra hàng và được hưởng lượng khoan hồng cho về nhà. Sau đó tên này lại chạy trốn ....

Thực hiện kế hoạch làm trong sạch địa bàn bảo vệ địa phương, đầu năm 1961 các đồn, trạm biên phòng huyện Mường Khương đã tiến hành điều tra cơ bản, xây dựng bình yếu địa chủ ở tất cả các giá giáp biên và các xã nội địa khu vực Pha Long. Năm 1963 ta chuyển sang bước sưu tra, lập danh sách (có phân loại) các đối tượng, đưa các đối tượng A (loại ngoan cố, mưu hại) đi tập trung cải tạo và còn những đối tượng thuộc các loại B, C ta để lại địa phương cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát chặt chẽ của chính quyền và các đoàn thể địa phương.

Giữa năm 1962, Đảng bộ huyện tổ chức học tập sâu rộng trong cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc Nghị quyết 39/NQ-TW của Bộ Chính trị về công tác trấn áp phản cách mạng. Tiếp đó huyện tiến hành hội nghị tổng kết phong trào bảo vệ trị an, hai xã Thanh Bình, Pha Long và một số xã khác được hội nghị công nhận là điển hình của phong trào bảo vệ trị an của huyện. Tại hội nghị tổng kết của tỉnh hai xã Thanh Bình và Pha Long bình xét vẫn là điển hình của tỉnh. Tại hội nghị phong trào bảo vệ trị an của các tỉnh miền

núi phía Bắc xã Thanh Bình được công nhận là một trong năm lá cờ đầu của phong trào ở vùng núi toàn miền bắc. Đảng bộ huyện đã tổ chức cho các xã học tập điển hình Thanh Bình nhằm xây dựng các xã khác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Năm 1963, sau các vụ biệt kích nhảy dù xuống Phú Nhuận (Bảo Thắng - Lào Cai) và xuống một số nơi thuộc tỉnh Yên Bái, Đảng bộ huyện tăng cường xây dựng và củng cố cơ sở, đặc biệt quan tâm kiện toàn công an và dân quân tự vệ với yêu cầu bảo đảm các tiêu chuẩn chính trị và các điều kiện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Được tỉnh tăng cường trang bị vũ khí, khí tài cho dân quân tự vệ, huyện đã tổ chức đại đội dân quân tự vệ cơ động mạnh, ở các xã vùng yếu mỗi xã tổ chức một trung đội dân quân cơ động. Lúc bình thường thì số dân quân tự vệ cơ động này vẫn tham gia sản xuất và tuần tra canh gác như mọi dân quân tự vệ khác, nhưng khi cần tập trung huấn luyện hoặc làm nhiệm vụ chiến đấu thì do huyện đài thọ. Huyện đã tổ chức diễn tập cho dân quân tự vệ theo các phương án tác chiến với các tình huống khác nhau.

Tháng 9/1964, sau hội nghị trị an miền núi phía Bắc, Đảng bộ huyện tiếp tục củng cố cơ sở về mọi mặt kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chính sách dân tộc của từng ngành, từng cán bộ đảng viên. Huyện nhắc nhở các tổ chức và cá nhân hết sức tránh sai lầm, sơ hở; nếu có sai lầm sơ hở cần kịp thời uốn nắn, sửa chữa. Huyện ủy cũng đã phân công các ủy viên thường vụ phụ trách các khu vực tiếp tục chỉ đạo sản xuất và bảo vệ trị an.

Tháng 1/1965, bị lực lượng công an và dân quân lùng sục mạnh, tên Lù Lài Sín - tên phỉ cuối cùng lẩn trốn buộc phải ra trình diện chính quyền xã Thanh Bình. Được ta khoan hồng nhưng không được bao lâu y lại bỏ trốn và bị ta bắt xét tội trạng và xử hình phạt cao nhất.

Cùng thời gian này bọn phản động địa phương lại tung ra các luận điệu phản tuyên truyền trong nhân dân lợi dụng việc ta làm

đường, chúng kích động dân mua tích trữ muối, dầu hỏa, thuốc lào vv...và tìm mọi cách phá hoại làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất. Để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Đảng bộ huyện đã cho tiến hành kiểm tra hành vi của các đối tượng, phát hiện các âm mưu hoạt động của chúng và lập hồ sơ đưa đi tập trung cải tạo. Năm 1965, ta đã bắt 7 tên tội phạm chính trị, buộc 37 tên cải tạo tại chỗ, đưa ra xét xử bọn cầm đầu vụ bạo loạn Pha Long và bọn âm mưu gây bạo loạn ở Mường Khương, bắt giữ xử lý người và tài sản của bọn buôn thuốc phiện lậu, buôn ngoại tệ và bạc trắng.

Mặc dù bọn Mỹ ngụy và bọn phản động có âm mưu phá hoại địa phương ta, bọn tề ngụy phỉ cũ có hiện tượng muốn ngóc đầu dậy hoạt động chống phá chính quyền cách mạng, nhưng an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở huyện Mường Khương vẫn được bảo đảm. Tuy có những vấn đề ở huyện vùng cao biên giới ta chưa lường hết được nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là đảng bộ huyện, lực lượng vũ trang và công an nhân dân đã sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu hoạt động của kẻ địch, quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ chủ quyền, tính mạng và tài sản Nhân dân.

Củng cố chính quyền và phát huy vai trò của đoàn thể quần chúng, tăng cường công tác xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ

Từ năm 1961 đến năm 1965, kinh tế, văn hóa, xã hội huyện Mường Khương đã có những chuyển biến mạnh mẽ, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân các dân tộc Mường Khương được nâng lên. Đạt được kết quả trên là do có chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, có sự quan tâm lãnh đạo và tăng cường cán bộ của tỉnh và trực tiếp là có vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu được nâng cao của các tổ chức Đảng và đảng viên ở địa phương.

Tháng 3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập hội nghị chính trị đặc biệt, nhằm tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong Đảng toàn dân trước âm mưu tăng cường và mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ. Tại hội nghị Người đã tổng kết thắng lợi của 10

năm qua, Người nói "Trong 10 năm qua miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc, đất nước, xã hội và con người đều đổi mới", Người kêu gọi: *"mỗi người phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho miền Nam ruột thịt".*

Thực hiện lời dạy, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác xây dựng Đảng, củng cố và phát huy hiệu lực của chính quyền, vai trò của các đoàn thể quần chúng trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng bộ huyện Mường Khương đã gắn liền công tác xây dựng củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể với công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ hoàn thành đạt và vượt mức kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Đối với các hội đồng nhân dân, ủy ban hành chính huyện, xã, Đảng bộ quan tâm chỉ đạo việc dân chủ bầu cử khi ủy viên của các cơ quan quyền lực này hết nhiệm kỳ. Đảng bộ chú ý cân nhắc các thành phần xã hội và thành phần dân tộc tiêu biểu của các ủy viên, đồng thời tăng cường cán bộ, đảng viên sang tham gia đảng đoàn chính quyền.

Để tránh tình trạng có ủy viên trình độ, năng lực yếu không làm được việc dễ gây mất đoàn kết nội bộ và mất uy tín nhiệm với dân, Đảng bộ đặt vấn đề cần kiên quyết đưa các ủy viên lần lượt đi dự các lớp học tập, huấn luyện, bồi dưỡng trình độ; cán bộ còn yếu về mặt nào thì bồi dưỡng mặt ấy. Để nâng cao chất lượng và hiệu lực các hội đồng nhân dân vào ủy ban hành chính, Đảng bộ thường xuyên nhắc nhở cần giữ vững nề nếp sinh hoạt, thực hiện đúng chế độ báo cáo thỉnh thị, kiểm tra đôc đốc các cơ sở và các phòng ban ở huyện chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cấp trên; hội đồng nhân dân, ủy ban hành chính huyện, các xã đều cần phấn đấu theo tiêu chuẩn chính quyền giỏi toàn diện. Đảng bộ lãnh đạo các phòng ban chuyên môn của chính quyền thông qua Đảng đoàn và thường trực ủy ban hành chính huyện. Riêng đối với công an và ban chỉ huy

quân sự huyện, Đảng bộ trực tiếp lãnh đạo mọi mặt cả về xây dựng tổ chức cả về hoạt động thực hiện.

Đảng bộ huyện nhận thấy công tác vận động quần chúng là biện pháp cơ bản nhất để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Muốn vậy phải chú ý làm tốt các khâu công tác giáo dục giác ngộ tổ chức động viên, hướng dẫn quần chúng đi vào các hoạt động cách mạng. Xuất phát từ nhận thức trên, Đảng bộ huyện quan tâm đến việc kiện toàn các tổ chức, đưa các cán bộ đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và có uy tín với quần chúng vào ủy ban mặt trận Tổ quốc và các ban chấp hành các đoàn thể phụ nữ, thanh niên. Huyện thông qua chương trình kế hoạch của các đoàn thể, chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh, đồng thời kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các cuộc vận động lớn các phong trào thi đua trong từng ngành, từng giới.

Đảng bộ huyện yêu cầu tất cả các cơ quan, các ngành, các đoàn thể trong huyện phải quán triệt đầy đủ và sâu sắc quan điểm của Đảng về vấn đề đào tạo, về chính sách dân tộc thiểu số của Đảng khi tiến hành công tác hoặc khi tiếp xúc với quần chúng địa phương; tuyệt đối tránh những sai lầm sơ hở để kẻ địch có thể lợi dụng kích động quần chúng hoặc dễ làm cho quần chúng nghi ngờ, giảm sút lòng tin vào Đảng và Chính phủ.

Chính vì Đảng bộ huyện đặt vấn đề được rõ ràng, có sự chỉ đạo sát nên khi có cán bộ trên tăng cường bổ sung, huyện đã chấn chỉnh kiện toàn các tổ chức quần chúng, cho tổ chức học tập trong đoàn viên, hội viên đường lối chính sách của Trung ương, các chỉ thị Nghị quyết của tỉnh và của huyện trước khi triển khai các mặt công tác.

Từ năm 1963, các phong trào thi đua đều nổi lên rầm rộ trong khắp các ngành các giới như phong trào thi đua " Ba nhất" trong lực lượng vũ trang; " Ba sẵn sàng" và phong trào học tập tác phẩm "Sống như anh" viết về anh Nguyễn Văn Trỗi, phong trào "Thanh niên tình nguyện" trong đoàn viên thanh niên; "Ba đảm đang" trong

hội viên phụ nữ; " Ba giỏi" trong giới phụ lão; " Hai tốt" trong các nhà trường; thực hiện chương trình kế hoạch của tỉnh. Hàng năm, vào vụ đông xuân tỉnh và huyện mở các chiến dịch sản xuất lớn mang tên các chiến dịch quân sự đánh thắng thực dân, đế quốc như chiến dịch Lê Hồng Phong, chiến dịch Lộc Ninh, chiến dịch Ấp Bắc nhằm động viên nhân dân các dân tộc đẩy mạnh sản xuất. Đầu năm 1965, tỉnh Lào Cai mở "một tháng thi đua chống Mỹ". Tiếp đó tỉnh phát động một bước thi đua mới mang tên "Thi đua với Thủ Dầu Một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" cũng nhằm mục đích phát triển sản xuất.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Đoàn Thanh niên lao động đã có nhiều cố gắng và phát huy được vai trò trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của huyện.

Mặt trận đã làm tốt công tác vận động sản xuất, vận động nhân dân học văn hóa, vận động thanh niên tòng quân trong tháng thi đua chống Mỹ và trong đợt thi đua với thủ Dầu Một, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Mặt trận cũng đã coi trong công tác giáo dục chính sách đại đoàn kết toàn dân, chính sách sản xuất và tiết kiệm trong các hội nghị phụ lão, hội nghị tọa đàm với các nhân vật tầng lớp trên và tích cực góp phần làm giảm bớt các hủ tục trong các việc cưới xin ma chay. Vai trò của phụ nữ là nòng cốt trong các phong trào làm cỏ, bỏ phân, cày bừa kỹ, cấy đúng kỹ thuật, làm phân, làm thủy lợi vv... Đã có 8 chị em tham gia các ban quản lý hợp tác xã, 17 chị em là ủy viên kiểm soát các hợp tác xã. Điển hình các phong trào phụ nữ năm 1963 là các xã Sàng Chải, Bản Lầu, Tung Chung Phố.

Đoàn thanh niên lao động các địa phương trong huyện thể hiện rõ vai trò là đội quân xung kích, dám nghĩ dám làm nêu cao khẩu hiệu "đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" trên các mặt trận lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật, thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước; đi đầu trên mặt trận thanh toán nạn mù

chữ, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan. Trong năm 1965, đoàn thanh niên lao động huyện đã kết nạp thêm 80 đoàn viên, phong trào thanh niên "3 sẵn sàng" và phấn đấu xây dựng chi đoàn "4 tốt" đã đưa lại kết quả đáng kể. Có 16 đội xung kích đi đầu trong sản xuất và mở đường giao thông. Tổ chức thu phân bón được 13.946 tấn vượt năm 1946 là 9.44 tấn. Phong trào thanh niên ở các xã Pha Long, Lùng Vai, Tả Ngài Chồ, Bản Lầu, Mường Khương, Tùng Lâu phát triển mạnh làm tốt việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Sau khi học tập chi đoàn xã Nấm Lư có đội thủy lợi và các tổ làm ruộng cao sản, nhiều xã trong huyện đã tổ chức các đội thủy lợi, các tổ làm ruộng cao sản "riêng đoàn thanh niên xã Pha Long làm một ha ruộng cao sản"; 27/33 chi đoàn đăng ký phấn đấu trở thành chi đoàn "4 tốt". Đoàn Thanh niên hướng vào các phong trào làm thủy lợi, khai hoang, làm nhiều ngày công và phong trào cải tiến nông cụ, vận động được 34 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Tăng cường cộng tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ

Về công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ đã lấy việc xây dựng chi bộ "4 tốt" xây dựng Đảng ở nông thôn làm trọng tâm. Năm 1965, Đảng bộ huyện đã phát triển thêm 81 đảng viên trong 79 hợp tác xã đã có từ 1- 5 đảng viên. Đến hết năm 1965, tổng số đảng viên trong Đảng bộ huyện Mường Khương đã có 350 đồng chí, trong đó có 25 nữ thuộc các dân tộc ít người, chiếm 73,43% tổng số đảng viên ở nông thôn.

Đảng bộ coi trọng công tác giáo dục lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, học tập các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và huyện bồi dưỡng trình độ văn hóa cho cán bộ đảng viên. Một phần huyện gửi cán bộ đảng viên đi học các trường lớp của Trung ương và tỉnh mở, một phần tổ chức học tập tại huyện. Công tác giáo dục tư tưởng, huyện xác định làm thường xuyên bám vào các mục tiêu đề ra trong các nghị quyết Đại hội Đảng bộ và phát huy những thắng lợi đã đạt được. Để khắc phục những khó khăn yếu kém Đảng

bộ còn lấy nội dung chống Mỹ cứu nước để động viên cán bộ đảng viên vươn lên kết hợp chặt chẽ giữa chỉnh huấn với phát triển phong trào thi đua lập thành tích để đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng thúc đẩy sản xuất phát triển.

Trong cuộc vận động xây dựng chi bộ " Bốn tốt" đã có 34/34 chi bộ đăng ký có chương trình phấn đấu cụ thể điển hình. Trong cuộc vận động này là các chi bộ Tung Chung Phố, Bản Lầu, Tả Ngài Chồ, Sư Ma Tủng và Tùng Lâu.

Công tác cán bộ, Đảng bộ huyện quan tâm việc đào tạo bồi dưỡng vận động cải tiến tổ chức, cải tiến lề lối làm việc đạt kết quả công tác và hoàn thành nhiệm vụ nâng dần số lượng và chất lượng là cán bộ các dân tộc địa phương.

Năm 1965, toàn huyện có 385 cán bộ công nhân viên các ngành, tăng 61 cán bộ so với năm 1964, trong đó có 115 cán bộ người các dân tộc thiểu số ở các địa phương, chiếm 29.87% tổng số cán bộ công nhân viên. Trong năm huyện đã bồi dưỡng nghiệp vụ cho 246 lượt cán bộ kế toán 60 ủy viên ban quản trị hợp tác xã và 60 cán bộ là con em các dân tộc tại chỗ.

Thực hiện Nghị quyết 14 của Tỉnh ủy, công tác quản lý cán bộ được tiến hành chặt chẽ huyện đã nghiên cứu bố trí sắp xếp cán bộ giữa các ngành cho hợp lý và thường xuyên cử cán bộ xuống cơ sở để kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết kịp thời phát hiện những vấn đề cần giải quyết.

Quán triệt Nghị quyết 35 của Ban Bí thư Trung ương Đảng huyện cũng đã triển khai mở một lớp huấn luyện tại huyện cho 150 cán bộ chủ chốt các xã trong thời gian 20 ngày theo kế hoạch nội dung đã được hướng dẫn.

Trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, Đảng bộ huyện Mường Khương tuy có nhiều cố gắng nhưng vẫn còn hạn chế nhất định.Trong chỉ đạo phong trào hợp tác hóa và phát triển sản xuấ nông nghiệp ta

còn chưa phát huy triệt để các thế mạnh của miền núi, chăn nuôi và nghề rừng còn chưa được đẩy mạnh. Ngành thủ công nghiệp còn nhiều tiềm năng chưa khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật của hợp tác xã còn nghèo nàn, trình độ quản lý của các ban quản trị nói chung còn non kém. Sản xuất nông nghiệp vẫn chưa tận dụng hết khả năng thế mạnh sẵn cở ở địa phương. Trình độ quản lý lãnh đạo xã hội của một bộ phận cán bộ chưa ngang tầm với tình hình đòi hỏi. Trong công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ tỷ lệ đảng viên nữ còn thấp, số lượng đảng viên vẫn quá thấp so với dân số. Một số cán bộ đảng viên không giữ được đạo đức phẩm chất, thiếu gương mẫu, thiếu ý thức trách tổ chức kỷ luật, một số còn tham ô, hủ hóa, xin thôi, xin nghỉ, một số còn hữu khuynh mất cảnh giác, tác phong chưa sâu sát lề lối làm việc còn chung chung thiếu cụ thể.

Với ý thức trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, Đảng bộ huyện quyết tâm lãnh đạo các bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc địa phương ra sức phát huy những thắng lợi đã đạt được khắc phục những thiếu sót tồn tại, phấn đấu vươn lên giành thắng lợi mới hơn nữa trong công cuộc chống Mỹ cứu nước và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương.

Chương III
ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1965 - 1975)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ và tay sai của nhân dân ta ở miền Nam những năm 1960-1965 đã buộc đế quốc Mỹ phải thay đổi "*Chiến lược chiến tranh Đặc biệt*" sang "*Chiến lược chiến tranh Cục bộ*". Với chiến lược chiến tranh này, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân Mỹ và chư hầu vào Miền Nam, đồng thời chúng leo thang đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Đến đây cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã lan rộng trên khắp nước ta. Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường cho máy bay và tàu chiến hoạt động đánh phá miền Bắc. Ngày 11-7-1965, máy bay Mỹ bắt đầu đánh phá Lào Cai.

Trước tình hình chiến tranh lan ra cả nước, từ ngày 25 đến 27-3-1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III họp Hội nghị lần thứ 11 (Hội nghị đặc biệt) ra Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Hội nghị chỉ rõ nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc lúc này là: "*Kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc…Ra sức động viên lực lượng của Miền Bắc chi viện cho miền Nam…kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới*".

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Đảng tiếp tục đề ra nhiệm vụ cụ thể: "Ở miền Bắc thì đánh bại chiến tranh phá

hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội... đồng thời, ra sức chuẩn bị để đánh bại quân địch trong trường hợp chúng mở rộng chiến tranh cục bộ ra miền Bắc".

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 29-7-1965, Tỉnh ủy Lào Cai ra Chỉ thị số 73/CT-TU về tiếp tục đối phó và đánh bại âm mưu phá hoại, xâm lược của đế quốc Mỹ. Chỉ thị nêu rõ: "Nhân dân Lào Cai cũng như nhân dân miền Bắc cùng đồng bào miền Nam kiên quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đồng thời tiếp tục xây dựng CNXH... Phải làm cho toàn dân Lào Cai quán triệt nhiệm vụ vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu trong tình hình diễn biến ngày càng khó khăn phức tạp trước âm mưu địch tiếp tục mở rộng chiến tranh. Tư tưởng chỉ đạo chung là phải đưa tinh thần quyết tâm của đảng viên và quần chúng lên cao và phát huy tinh thần yêu nước, nhiệt tình cách mạng và ý thức giác ngộ về xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng hy sinh và vượt qua mọi khó khăn, gian khổ để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.... Phải coi trọng nhiệm vụ phòng không, sơ tán, phòng chống gián điệp biệt kích, ... mọi ngành, mọi người phải làm việc khẩn trương, phải sửa đổi lề lối làm việc cho phù hợp với tác phong quân sự". Chỉ thị còn chỉ rõ: "Trong lúc chống Mỹ cứu nước vẫn phải tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá) đi đôi với sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ trị an biên giới và ra sức chi viện cho tiền tuyến".

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, tại Hội nghị Ban chấp hành Tỉnh ủy họp tháng 5 năm 1966 đã xác định "công tác xây dựng làng bản và xã chiến đấu là một trong những nhiệm vụ mới và chủ yếu của địa phương, phải khẩn trương tiến hành". Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã phân công một đồng chí Ủy viên trực tiếp phụ trách chỉ đạo xây dựng xã chiến đấu thí điểm ở Mường Hum.

Tiếp đó, ngày 10-6-1966, Tỉnh ủy Lào Cai ra chỉ thị Số 98-CT/TU về việc xây dựng làng, bản và xã chiến đấu, trong đó chỉ rõ:

"Tỉnh ta là một tỉnh miền núi, biên giới, là tỉnh hậu phương căn cứ địa của cách mạng cả nước, có vị trí chiến lược rất quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng. Cho nên, trong bất kỳ tình huống nào cũng phải xây dựng tỉnh ta nhanh chóng trở thành một tỉnh khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng, làm cho tỉnh ta trở thành pháo đài kiên cố ở miền núi của Tổ quốc. Vì vậy, xây dựng làng bản và xã chiến đấu là nhiệm vụ cần thiết và quan trọng đối với nhân dân các dân tộc tỉnh ta... Làng bản và xã chiến đấu phải là những pháo đài kiên cố của Đảng ở nông thôn. Mục đích_trước mắt của nó là bảo đảm đánh bại địch trong cuộc chiến tranh phá hoại sẽ phát triển đến mức độ cao và ác liệt, đồng thời đảm bảo đánh thắng địch trong trường hợp quân địch mở rộng chiến tranh xâm lược cục bộ đối với miền Bắc. Do đó, nội dung và yêu cầu xây dựng làng bản và xã chiến đấu phải bao gồm toàn diện: phải làm cho mỗi làng, bản và xã chiến đấu thực hiện được yêu cầu khá giả về kinh tế, vững chắc về chính trị, mạnh mẽ về quốc phòng. Bảo đảm có đầy đủ năng lực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ xây dựng và chiến đấu trong mọi tình hình, với mọi tình huống để bảo vệ nhân dân, bảo vệ làng xã, góp phần bảo vệ địa phương, đánh giặc Mỹ xâm lược. Làng bản và xã chiến đấu phải là làng bản, xã khá toàn diện hoặc khá về nhiều mặt."

Mường Khương là một huyện vùng cao của tỉnh Lào Cai, là địa bàn hiểm yếu về quốc phòng. Trước âm mưu và hoạt động của đế quốc Mỹ dùng không quân đánh phá sâu vào hậu phương miền núi phía Bắc nước ta, Đảng bộ huyện đã tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chỉ thị của Tỉnh uỷ Lào Cai về việc chuẩn bị và sẵn sàng đối phó với chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Mặt khác, huyện tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới và trật tự trị an nội địa, đề phòng bọn người xấu lợi dụng chiến tranh để hoạt động chống phá, gây thêm nhiều khó khăn cho ta.

Để lãnh đạo tập trung, kịp thời nhiệm vụ chính trị của địa phương, ngày 30-12-1966, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 36 -

NQ/TU về xây dựng khu căn cứ trung tâm. Nghị quyết khẳng định: "Sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Để bảo đảm sự chỉ đạo đó được liên tục, chặt chẽ và kịp thời trong bất kỳ tình huống nào, ngoài việc phân công cấp ủy phân tán xuống cơ sở để trực tiếp lãnh đạo sản xuất và chiến đấu tại chỗ, ta còn phải xây dựng khu căn cứ trung tâm để bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất, tập trung. Khu căn cứ trung tâm phải là nơi có địa hình địa vật tốt và thuận lợi, có cơ sở chính trị và phong trào quần chúng vững chắc, có điều kiện phát triển sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu hậu cần tại chỗ, có điều kiện bảo đảm an toàn cho cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cho cơ quan đầu não của Đảng và Nhà nước thường xuyên nắm chắc và kịp thời chỉ đạo tình hình chung của địa phương và trong mọi tình hình."

Theo quan điểm nói trên và dựa vào tình hình thực tế sau khi đã điều tra nghiên cứu toàn diện, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí xây dựng khu căn cứ trung tâm của tỉnh ở hướng Đông - Đông Bắc thị xã Lào Cai bao gồm 6 xã là các xã Bản Phiệt, Bản Lầu, Bản Cầm, Bản Sen, La Pan Tẩn và xã Lùng Vai thuộc huyện Mường Khương. Trong 6 xã đó, xã Bản Sen là trung tâm của khu căn cứ. Các xã Thanh Bình, Cao Sơn, Tả Thàng (huyện Mường Khương), Cốc Ly, Bảo Nhai (huyện Bắc Hà) Phong Hải, Phong Niên, Xuân Quang (huyện Bảo Thắng) và xã Vạn Hoà (thị xã Lào Cai) là các xã phụ cận vòng ngoài của khu căn cứ trung tâm đó.

Ban Thường vụ Tỉnh yêu cầu: "Các huyện, thị ủy có trách nhiệm xây dựng khu căn cứ trung tâm của mình và đều có trách nhiệm cao trong việc thực hiện các mặt công tác để xây dựng khu căn cứ trung tâm của tỉnh. Riêng Huyện ủy Mường Khương có trách nhiệm và vinh dự rất lớn trong nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện toàn diện các mặt công tác để xây dựng khu căn cứ trung tâm của tỉnh, vì 6 xã của khu căn cứ trung tâm đó đều nằm trong phạm vi quản lý và lãnh đạo trực tiếp của huyện ủy Mường Khương. Vì vậy huyện ủy Mường

Khương cần có kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt các mặt công tác nói trên...Xây dựng khu căn cứ trung tâm của Đảng và Nhà nước là một nhiệm vụ chính trị , quân sự quan trọng trong tình hình hiện nay nhằm sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu trước mắt và lâu dài của đế quốc Mỹ đối với nước ta, thể hiện quyết tâm sắt đá của Đảng và của nhân dân ta quyết chiến quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào để góp phần bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà. Đồng thời cũng phù hợp với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội lâu dài đối với nhân dân các dân tộc trong khu căn cứ. Chúng ta cần nêu cao trách nhiệm, xây dựng thắng lợi khu căn cứ chỉ đạo của Đảng và Nhà nước".

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy, những năm 1965 - 1970, Đảng bộ tỉnh xác định phương châm chỉ đạo chung là tiến hành công tác giáo dục chính trị tư tưởng trên quy mô sâu rộng làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận rõ nhiệm vụ chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ hàng đầu, từ đó xây dựng tinh thần tự lực cánh sinh, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào.

Nhằm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Đảng bộ huyện đã sử dụng mọi phương tiện và hình thức thông tin tuyên truyền giáo dục để quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc về tình hình và nhiệm vụ mới. Huyện ủy đã tập trung chỉ đạo xây dựng và triển khai phương án phòng không, sơ tán, phương án phòng chống gián điệp biệt kích, phương án theo dõi và quản lý các đối tượng là bọn tề nguỵ phỉ cũ chưa chịu cải tạo và các phần tử phức tạp ở địa phương.

Thực hiện Nghị quyết xây dựng khu căn cứ trung tâm, Huyện ủy Mường Khương đã đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng: chi bộ 4 tốt, chính quyền 5 tốt, các đoàn thể quần chúng kiện toàn đẩy mạnh mọi mặt hoạt động,

thanh niên 4 tốt, phụ nữ 5 tốt, phụ lão 5 giỏi .v.v..; xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy thâm canh tăng năng suất, phát triển nông nghiệp toàn diện và vững chắc, tăng nhanh khối lượng sản phẩm hàng hoá, đáp ứng yêu cầu của Nhà nước và cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng thủy điện nhỏ, tích cực đưa cơ khí nhỏ và công cụ cải tiến vào hợp tác xã nông nghiệp để phục vụ thâm canh tăng năng suất; khai thông hệ thống đường xá trong khu căn cứ; xây dựng giao thông nông thôn và sử dụng công cụ vận tải cải tiến phục vụ nông nghiệp và phục vụ lưu thông trong khu căn cứ trung tâm; tích cực trồng cây gây rừng và triệt để bảo vệ rừng. Đẩy mạnh công tác y tế, vệ sinh phòng bệnh, công tác thể dục thể thao, nhất là thể dục thể thao quốc phòng cho thanh niên và dân quân du kích, xây dựng phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng, và đẩy mạnh công tác giáo dục văn hoá cho cán bộ và nhân dân. Chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức dân quân du kích, công an thôn, hoàn thành chương trình học tập quân sự, chính trị, nghiệp vụ và tổ chức sẵn sàng chiến đấu tốt. Triển khai và thực hiện xây dựng xã chiến đấu và xây dựng xã chiến đấu liên hoàn trong khu căn cứ. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ trị an.

Ngày 11-7-1965, máy bay giặc Mỹ bắn phá một số điểm dọc đường xe lửa thuộc địa phận tỉnh Lào Cai. Ngày 18-7-1965, Huyện ủy họp với thủ trưởng các cơ quan, đơn vị rà soát công tác phòng chống chiến tranh phá hoại và đề ra nhiệm vụ tăng cường công tác phòng không, sơ tán, chuyển mọi hoạt động, sinh hoạt từ thời bình sang thời chiến, đồng thời bổ sung các phương án thực hiện. Huyện ủy nhấn mạnh: phương án phòng không nhân dân cần chú ý các khu vực Bản Lầu, Pha Long, phương án phòng chống gián điệp biệt kích, chú ý các khu vực Na Lốc, Nậm Chẩy, Cao Sơn, Tả Thàng, Lao Tô Chải... Về giờ giấc làm việc, Huyện ủy cho phép các cơ quan hành chính sự nghiệp vẫn làm việc như thường lệ nhưng phải phân công cán bộ thường trực ngoài giờ, các cửa hàng thương nghiệp ở khu

vực Mường Khương hàng ngày mở cửa bán hàng từ 4 giờ đến 6 giờ sáng, ở khu vực Bản Lầu bán hàng từ 6 giờ sáng đến 11 giờ trưa, ở các khu vực Pha Long và Cao Sơn mở cửa bán hàng như thường lệ; các cửa hàng lương thực thu mua phải tiếp dân vào bất kỳ giờ nào trong ngày[146].

Để chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đối phó với mọi tình huống đế quốc Mỹ có thể gây ra đối với địa phương, Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục, huấn luyện nâng cao chất lượng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương, công tác tổ chức các trận địa bắn máy bay địch, bố trí các đài quan sát, báo động phòng không, công tác đào hầm hào trú ẩn tránh máy bay và công tác phục vụ chiến đấu của các cấp, các ngành; các cơ quan, đơn vị.

Trong chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1970) huyện Mường Khương chưa thành lập lực lượng bộ đội địa phương huyện, ngoài các đơn vị công an vũ trang các đồn Pha Long, Mường Khương, Na Lốc (Bản Lầu), huyện chỉ có cơ quan huyện đội từ 18 đến 20 cán bộ chiến sỹ và các đội dân quân tự vệ bao gồm loại I và loại II cũng như quân dự bị có loại I và loại II. Dân quân tự vệ loại I có đủ chất lượng chiến đấu cao hơn loại II, được trang bị khá hơn và là lực lượng thường trực chiến đấu trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại. Dân quân tự vệ loại II có nhiệm vụ tuần tra canh gác, bảo mật phòng gian và phục vụ chiến đấu.

Để nâng cao chất lượng chiến đấu trong các lực lượng, công tác chính trị tư tưởng được Đảng bộ chỉ đạo coi trọng hàng đầu. Cùng với công tác giáo dục cho các lực lượng vũ trang địa phương có nhận thức đầy đủ về âm mưu thủ đoạn hoạt động của địch, về bản chất của lực lượng vũ trang cách mạng, vai trò và nhiệm vụ của dân quân tự vệ trong tình hình mới nhằm nâng cao tinh thần cảnh giác, ý trí quyết chiến quyết thắng cho cán bộ chiến sỹ, huyện còn tăng cường công tác động viên, xây dựng phong trào quyết thắng, xã điển hình,

146. Biên bản họp Huyện ủy Mường Khương ngày 18/7/1965.

đơn vị điển hình tiên tiến. Huyện ủy đã chọn xã La Pan Tẩn khu vực Cao Sơn để xây dựng điển hình xã quyết thắng; các xã Pha Long, Bản Lầu mỗi xã có 1 trung đội quyết thắng; các xã Lùng Khấu Nhin, Nấm Lư mỗi xã có 1 tiểu đội quyết thắng. Riêng lực lượng dân quân xã La Pan Tẩn thời gian này có 70 cán bộ chiến sỹ trong đó có 32 đồng chí là đảng viên; xã La Pan Tẩn là một trong những cơ sở cách mạng của huyện từ thời kỳ chống thực dân Pháp, có 1 tiểu đội du kích xây dựng từ năm 1949 do đồng chí Vàng Tính (dân tộc Mông) là xã đội trưởng, trực tiếp chỉ huy tiểu đội du kích. Tiểu đội này đã anh dũng kiên cường chống quân Pháp và bọn việt gian, bảo vệ tính mạng và tài sản cho nhân dân đến ngày địa phương được hoàn toàn giải phóng. Ngoài xã La Pan Tẩn, mỗi xã khác trong huyện đều xây dựng từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội quyết thắng. Năm 1965, huyện tổ chức Đại hội chiến sỹ thi đua. Do đạt được 5 chi tiêu phấn đấu, thực hiện tốt nhiệm vụ phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an nên xã La Pan Tẩn được quân khu Việt Bắc và tỉnh công nhận là xã quyết thắng.

Từ năm 1965 đến năm 1968, thực hiện cuộc vận động bảo vệ trị an theo tiêu chuẩn 5 tốt do Ty Công an tỉnh phát động, kết quả tổng kết năm 1968, tỉnh Lào Cai đã có 3 đơn vị đạt danh hiệu Quyết thắng, trong đó huyện Mường Khương có 2 đơn vị là xã Thanh Bình và xã Pha Long, ngoài ra xã Bản Lầu cũng được đánh giá là địa phương nhiều năm liền giữ được phong trào bảo vệ trị an khá[147].

Cùng với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, động viên phong trào thi đua quyết thắng, huyện đã làm tốt công tác tổ chức, trang bị và huấn luyện quân sự cho dân quân tự vệ. Huyện có 1 đại đội tự vệ của các cơ quan do đồng chí trưởng phòng lương thực là trung úy chuyển ngành làm đại đội trưởng, đồng chí chánh văn phòng Uỷ ban hành chính huyện làm đại đội phó. Đại đội tự vệ có 1 trung đội

147. Lịch sử đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947 - 2007), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr 309.

thường trực chiến đấu, 100% cán bộ, chiến sỹ của trung đội được trang bị súng bộ binh, 2 trung đội còn lại được trang bị một số súng làm nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, sơ tán tài liệu, phục vụ chiến đấu và tham gia chiến đấu khi cần thiết. Các xã trong huyện, mỗi xã đều có 1 trung đội thường trực chiến đấu gồm dân quân loại I được trang bị đầy đủ vũ khí bộ binh và các trung đội dân quân loại 2.

Thực hiện phương án huấn luyện, hàng năm, huyện đã tổ chức huấn luyện đầy đủ chương trình cho lực lượng dân quân tự vệ loại I và loại II . Năm 1966, huyện đã tiến hành diễn tập quân sự tại xã Mường Khương; 1969 diễn tập tại xã Pha Long và 1971 diễn tập tại xã Bản Lầu. Các cuộc diễn tập có sự phối hợp hiệp đồng của lực lượng công an vũ trang các đồn biên phòng.

Công tác xây dựng khu vực phòng thủ được chú trọng. Các khu vực trong huyện đều tổ chức các làng xã chiến đấu, có các đài quan sát đặt trên các cao điểm và được bố trí liên hoàn. Các địa phương, các đơn vị thường xuyên tổ chức thực tập báo động chiến đấu khi có máy bay địch, thực tập cách bắt gián điệp biệt kích khi chúng nhảy dù xuống hoặc từ nơi khác luồn về địa phương hoạt động.

Thực hiện phương án phòng không nhân dân, trong 5 năm 1965 - 1970, huyện đã lãnh đạo nhân dân cùng các cơ quan, cửa hàng, bệnh viện, trường học và các đơn vị vũ trang đào 27 giao thông hào dài 527m, 627 hầm hố tránh bom cá nhân và hầm công cộng, 1.322 hầm hố gia đình, 321 hầm hố các cơ quan trường học và 52 hầm hố trận địa chiến đấu. Ngoài ra, huyện còn tổ chức 20 đội tháo gỡ mìn, 30 đội cứu hoả, 11 đội cứu thương và 15 đội cứu sập hầm. Các cơ sở kinh tế, kho tàng đều sẵn sàng bảo đảm sơ tán nhanh chóng khi có lệnh. Những năm 1971 - 1975, công tác phòng không sơ tán, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ được tăng cường hơn. Trong công tác xây dựng lực lượng vũ trang, năm 1970 huyện Mường Khương xây dựng 1 đại đội bộ đội địa phương.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ lần thứ hai (1972 -1973), thực hiện Nghị quyết số 09 - NQ/TU ngày 16-9-1971 và Nghị quyết số 19 -NQ/TU ngày 18-12-1974 của Tỉnh ủy Lào Cai về Công tác quân sự địa phương, huyện Mường Khương đã tăng cường thực hiện các giải pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo hướng sẵn sàng chiến đấu, đồng thời tăng cường công tác tuyển quân bảo đảm số lượng và chất lượng. Từ năm 1971 đến năm 1974 toàn huyện đã động viên tuyển binh được hơn 500 thanh niên nhập ngũ, đạt chỉ tiêu tỉnh giao.

Tuy trong hai cuộc leo thang phá hoại miền Bắc bằng không quân, máy bay Mỹ không thực hiện các vụ oanh tạc đánh phá trên địa bàn huyện, nhưng huyện Mường Khương đã làm tốt công tác xây dựng củng cố lực lượng, chuẩn bị mọi điều kiện để sẵn sàng chiến đấu, luôn thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc tổ chức lực lượng và thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu của các đơn vị lực lượng vũ trang, bán vũ trang ở địa phương. Vì không phải trực tiếp chiến đấu với máy bay giặc Mỹ nên huyện đã tập trung được nhiều thời gian và lao động để củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá, đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa, xã hội.

Quán triệt và thực hiện các nghị quyết hội nghị lần thứ 11, 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III; Chỉ thị số 52/CT-TU ngày 2/4/1965 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cuộc vận động "3 xây 3 chống" tiến hành xuống các huyện: "Lãnh đạo tốt cuộc vận động "xây chống" ở các đơn vị quản lý kinh tế là tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị đó phục vụ tốt nhất cho sản xuất nông nghiệp phát triển ở các địa phương...các huyện thị cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Phải ra sức phấn đấu thực hiện một sự chuyển biến mạnh mẽ lớn lao về chính trị và kinh tế, về tư tưởng và tổ chức, về nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm hoàn thành vượt mức và

trước thời hạn kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ 2"; Chỉ thị số 73 - CT/TU ngày 29-7-1965 của Tỉnh ủy Lào Cai về kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với kiên quyết đánh bại chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, những năm 1965 - 1975, bên cạnh lãnh đạo thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, Đảng bộ Mường Khương đã tập trung lãnh đạo tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất đi đôi với đẩy mạnh phát triển kinh tế, xã hội

II. Lãnh đạo củng cố xây dựng hợp tác xã

Thực hiện nhiệm vụ củng cố hệ thống hợp tác xã (HTX), Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung chỉ đạo xây dựng và củng cố các HTX nông nghiệp, bồi dưỡng cán bộ HTX, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Huyện đã tiến hành các cuộc vận động cải tiến quản lý HTX trong toàn huyện, trong đó, chú trọng củng cố HTX ở vùng cao. Từ tháng 3-1968 huyện đã triển khai thực hiện Nghị quyết 38/CP của Chính phủ, tiến hành cuộc vận động định canh định cư kết hợp củng cố HTX.

Với điều kiện đất nông nghiệp chỉ chiếm 20% tổng diện tích của huyện, Đảng bộ đã coi trọng công tác khai hoang, phục hoá làm ruộng bậc thang, nương bậc thang và nương bằng. Năm 1966 huyện chỉ đạo tổ chức khai hoang đồi đất Lũng Pâu, chuyển định cư được 13 hộ gồm 78 nhân khẩu thuộc các xã Pha Long, Sừ Ma Tủng, Tả Ngài Chồ.

Trong 2 năm 1965 - 1966, huyện Mường Khương tiếp tục tiếp nhận đồng bào miền xuôi lên khai hoang phát triển kinh tế, xã hội miền núi. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Mường Khương nhiệt tình tiếp đón và hết lòng giúp đỡ để Nhân dân mới ở miền xuôi lên sớm ổn định nơi ăn chốn ở nhanh chóng đi vào sản xuất. Qua nhiều năm tiếp nhận, đến năm 1966, huyện đã đón nhận được 502 hộ, gồm 2.837 nhân khẩu, trong đó 957 lao động từ các

tỉnh Hải Phòng, Kiến An, Nam Hà, Thái Bình lên khu vực Bản Lầu, Bản Sen xây dựng kinh tế. Được các HTX địa phương cấp cho một phần ruộng đất, nhân dân miền xuôi lên đã tích cực khai hoang được trên 100 ha ruộng nước và trên 30 ha nương bậc thang. Nhân dân miền xuôi đã tổ chức thành 5 HTX khai hoang độc lập và 24 đội sản xuất xen ghép vào các HTX của Nhân dân địa phương. Trong số Nhân dân miền xuôi lên có các đảng viên được chọn làm cán bộ chủ chốt của xã, HTX, tham gia vào cấp ủy chính quyền và ban quản trị HTX địa phương. Tinh thần đoàn kết, tương trợ giữa Nhân dân địa phương và Nhân dân miền xuôi lên được xây dựng và ngày càng được phát triển.

Những năm 1965 - 1970, cùng với việc khai hoang phục hoá tăng thêm diện tích đất nông nghiệp và tổ chức định canh, định cư, các HTX đã mạnh dạn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, mua sắm các công cụ cải tiến nhằm đẩy mạnh sản xuất làm giàu cho HTX và xã viên. Ngoài các sân phơi, nhà kho và các công cụ cải tiến như cày cải tiến, bừa răng sắt, cào cỏ 5 răng sắt, cào cỏ 64A, các HTX còn trang bị quạt hòm, bơm thuốc trù sâu, máng kéo phân xe cải tiến bánh lốp. Một số HTX ở khu vực Mường Khương và Bản Lầu còn trang bị cơ khí nhỏ như: máy đập lúa, máy tuốt lúa và tuốt đỗ tương, máy tẽ ngô đạp chân hoặc quay tay, máy chế biến thức ăn cho gia súc v.v... đồng thời xây dựng các trạm thủy nông, vận động dân công đào mương thủy lợi Lũng Làng xã Dìn Chin dài 3 km, rộng 0,8 m. Việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật là một cố gắng lớn của huyện và các HTX nhưng tại thời điểm này phát triển chưa rộng, chủ yếu mới tập trung ở xã Mường Khương là xã chỉ đạo của huyện và 5 xã vùng thấp tiến hành cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật.

Đi đôi với việc trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, huyện đã tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý về mọi mặt cho các cán bộ ban quản trị và kế toán HTX đồng thời đưa một số HTX từ quy mô

nhỏ lên quy mô vừa và lớn, đưa một số HTX bậc thấp lên HTX bậc cao. Năm 1968 là năm phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở huyện phát triển mạnh nhất. Trong năm, phong trào đã phát triển thêm được 299 hộ xã viên, thành lập thêm 4 HTX mới, tổ chức kết hợp đưa 29 HTX vùng cao thành 10 HTX (trong đó có HTX Sàng Chải hợp nhất gồm 325 hộ xã viên), đưa 25 HTX vùng thấp thành 13 HTX, chuyển 3 HTX ở vùng cao lên cấp cao. Huyện đã có 131 HTX thu hút đước 91,9% tổng số hộ nông dân vào tổ chức làm ăn tập thể, trong đó có 48 HTX cấp cao chiếm 56,7% tổng số hộ xã viên (vùng cao chiếm 41,9%, vùng thấp chiếm 95,1% số hộ xã viên trong vùng).

Công tác quản lý của các HTX đã có những chuyển biến quan trọng. Trong các HTX đã mở rộng cả trồng trọt, chăn nuôi, nghề rừng và một số ngành nghề thủ công khác như lò gạch, lò vôi, rèn đúc v.v... Về trồng trọt đã quản lý tới 7 chỉ tiêu: lúa mùa, lúa chiêm, lúa nương, ngô, sắn, đỗ tương xuân, đỗ tương hè. Một số HTX ở 2 khu vực Pha Long và Bản Lầu còn quản lý một số chỉ tiêu phụ như mía, rau. Quản lý lao động được chặt chẽ hơn trước, các HTX Mường Khương, Pha Long và các HTX khu vực Bản Lầu đã có kế hoạch phân công lao động sát từng ngày, từng việc phù hợp với đối tượng. Hình thức tổ chức lao động đã bố trí theo chuyên môn như thành lập các đội thuỷ lợi kết hợp đi làm đường giao thông nông thôn, các tổ tưới tiêu khoa học, các tổ đội phụ trách các cơ sở chăn nuôi lập thể: lợn, bò, dê các đội làm ngành nghề thủ công như rèn đúc, làm gạch ngói, sản xuất vôi v.v... Về quản lý tài vụ đã có 60/131 HTX tự cân đối, hạch toán, quyết toán.

Bên cạnh việc củng cố và phát triển HTX nông nghiệp, đến năm 1975 toàn huyện đã có 25 HTX mua bán (mỗi xã có 1 cửa hàng, riêng xã Bản Lầu có 2 cửa hàng) và 26 HTX tín dụng. Để đưa phong trào hợp tác hoá phát triển, nhiều chi bộ quán triệt yêu cầu xây dựng chi bộ "chi bộ 4 tốt" đã có những cố gắng về lãnh đạo bám vùng, bám cây, bám con thúc đẩy sản xuất phát triển, điển hình ở thời kỳ này là

các chi bộ các xã Mường Khương, Lùng Vai, Bản Phiệt, La Pan Tẩn, Bản Sen, Pha Long và Lồ Sử Thàng.

Có thể thấy những năm 1965 -1970, phong trào hợp tác hoá tuy lên nhanh nhưng chưa đều, chưa vững. Nhìn chung trình độ quản lý của cán bộ ban quản trị và kế toán chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở các HTX vùng cao. Một số chủ nhiệm và trưởng ban kiểm soát còn chưa biết chữ. Một số HTX như: Lùng Khấu Nhin, Tung Chung Phố, Thải Giàng Sán chậm được củng cố nên hoạt động còn yếu, hiệu quả sản xuất đạt thấp.

Trong khi nhân dân miền Bắc đang ra sức phát triển kinh tế, xã hội, nhân dân miền Nam đang từng bước làm thất bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của đế quốc Mỹ thì 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Bộ Chính trị mở đợt sinh hoạt "học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch" và phát động phong trào thi đua "Sản xuất, chiến đấu giỏi, lập công đền ơn Bác". Tiếp đó trung ương Đảng chủ trương mở 3 cuộc vận động lớn; vận động lao động sản xuất, vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể quần chúng xã viên ở nông thôn gắn với thực hiện điều lệ HTX nông nghiệp và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chi Minh.

Tháng 4/1970, Đảng bộ tỉnh Lào Cai họp đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V, Đại hội ra nghị quyết chỉ rõ nhiệm vụ của Đảng bộ trong 3 năm 1970 - 1972 là "...Ra sức xây dựng và phát triển kinh tể, văn hoá, tập trung đẩy mạnh 3 ngành sản xuất chủ yếu là nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp địa phương, trọng tâm là phát triển nông lâm nghiệp, nhất là lương thực thực phẩm và hàng tiêu dùng, đồng thời tiếp tục xây dựng củng cố cơ sở về mọi mặt. Trên cơ sở từng bước cải thiện đòi sống nhân dân, ổn định sản xuất và đời sống đồng bào vùng cao và giữa, nhanh chóng tiến tới định canh định cư hoàn toàn, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh góp

phần đắc lực vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước nước và xây dựng CNXH, tạo cơ sở để phát triển nhảy vọt vào những năm sau".

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ V, căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, Đảng bộ huyện Mường Khương đã nỗ lực phấn đấu thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng dựng và bảo vệ CNXH ở miền Bắc và tăng cường chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam. Một mặt Đảng bộ tiếp tục xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng công an vững mạnh, bảo đảm an ninh biên giới và trật tự trị an nội địa; đồng thời thực hiện đầy đủ chính sách hậu phương quân đội. Mặt khác tiếp tục củng cố hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, không ngừng nâng cao trình độ quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền huyện, xã và cán bộ HTX, phát huy vai trò làm chủ tập thể của quần chúng xã viên và nhân dân lao động, đồng thời chuyển dịch cơ cấu cây, con hợp lý và áp dụng phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đẩy mạnh sản xuất phát triển, cải thiện đời sống nhân dân và đóng góp nhiều sức người, sức của cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo các cơ sở quán triệt cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc các nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 19 (1-1971) từng bước xây dựng cơ cấu sản xuất lớn XHCN, vừa đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 20 (đầu năm 1972) về cải tiến quản lý kinh tế, thực hiện quản lý theo phương thức kinh doanh XHCN, Đảng bộ chú trọng chỉ đạo các đợt sinh hoạt chính trị trong các cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc, đặc biệt là các cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên gắn với việc học tập và thực hiện điều lệ HTX, cuộc vận động lao động sản xuất và đợt sinh hoạt học tập thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thời gian này các tổ chức cơ sở Đảng đều tiến hành cuộc vận

động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh đồng thời vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình sự lãnh đạo của Đảng và phê bình cá nhân các đảng viên.

Qua các đợt sinh hoạt chính trị và các cuộc vận động lớn, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp trong huyện đã có bước chuyển biến. Các HTX hàng năm đã tiến hành đại hội xã viên, dân chủ bầu cử ban quản trị. Công tác quản lý các HTX có tiến bộ nhưng chủ yếu vẫn là các HTX vùng thấp.

Năm 1970, một số HTX khu vực Bản Lầu đã sản xuất lúa nước 2 vụ tới 98%, lúa nương 63%, bắp 79%, mỳ 100%, sắn 57%. Một số HTX vùng cao quản lý lúa nước 95%, lúa nương 35%, bắp 70%, sèo 39% và mỳ 100%. Nhiều HTX quản lý nghề rừng, 7 HTX kinh doanh gạch, 6 HTX sản xuất vôi, trong đó có tổ khai thác chuyên nghiệp.

Về quản lý lao động, nói chung ở các HTX vùng thấp và HTX Mường Khương, Pha Long mỗi lao động làm tới 200 công trong năm, riêng 2 HTX Bản Quẩn và Bản Sen, mỗi xã viên làm trên dưới 170 công 1 vụ.

Năm 1970, bình quân lao động trong toàn huyện làm 0,61ha đất gieo trồng thu hoạch 877 kg lương thực quy thóc, trong đó có 730 kg thóc và ngô, 127 kg mầu quy thóc. Trong vùng đỗ tương, mỗi lao động sản xuất được 315 kg đỗ tương. Ở 2 xã Cao Sơn và Pha Long, mỗi lao động bán cho Nhà nước 38,3 kg lê, đào, mận phục vụ cho nhà máy hoa quả hộp của tỉnh. Từ năm 1970 đến năm 1975, thanh niên toàn huyện đã tập trung khai hoang được 54 ha ruộng bậc thang ở Lũng Pâu xã Tung Chung Phố; vận động dân công đào mương thủy lợi từ Nàn Tủi Hồ đến Lũng Pâu dài 3 km, rộng 0,8 km; đào mương thủy điện ở Páo Tủng - Hàm Rồng.

Về quản lý tài vụ, sau cuộc vận động dân chủ, huyện đã làm thí điểm thanh quyết toán tài vụ ở các HTX Na Nhung, Na Lốc, Mường Khương, Pha Long, tiếp đó đã triển khai sang một số HTX khác.

Đi đôi với cải tiến nâng cao trình độ quản lý, một số HTX đã mua sắm thêm nông cụ cải tiến, đầu tư xây dựng thêm cơ sở vật chất và đưa vào chăn nuôi tập thể thêm một số trâu, bò, dê, lợn. Riêng năm 1970 các HTX này đã làm thêm được 21 nhà kho, 7 lò vôi, đưa trên 8.000 con gia súc vào chăn nuôi tập thể, mua sắm thêm 126 bừa sắt, 47 bom thuốc trừ sâu và 7 quạt hòm. Ngoài ra, HTX Na Nhung còn có 1 lò thúc mầm.

Trong hệ thống HTX mua bán, đã có 21 cửa hàng HTX mua bán kinh doanh đi vào hoạt động nền nếp và có lãi, một số cửa hàng như các cửa hàng ở Lùng Vai, Bản Lầu kinh doanh cả rau và hoa quả trong đó cửa hàng Lùng Vai nhiều năm vẫn là lá cờ đầu trong phong trào HTX mua bán của huyện, 8 HTX tín dụng vẫn thường xuyên phục vụ sản xuất tốt.

Bên cạnh những tiến bộ trên, phong trào HTX nông nghiệp của huyện từ đỉnh cao năm 1968 đã dần dần đi xuống, và từ năm 1972 - 1974 đã đi xuống với tốc độ nhanh. Cụ thể, số hộ xã viên trong tổng số hộ xã viên của huyện năm 1968 chiếm 97,9% với 131 HTX, trong đó có 48 HTX bậc cao; năm 1972 còn 81% với 76 HTX trong đó có 38 HTX bậc cao, năm 1974 chỉ còn lại 56% với tổng số 48 HTX. Đối với các HTX mua bán, những năm 1973 - 1974 cũng vì khâu quản lý yếu kém, một số HTX mua bán và HTX tín dụng bị thất thoát, hao hụt nên không còn hoạt động, 4 cửa hàng HTX mua bán ở Pha Long, Dìn Chin, Cao Sơn vì thiếu vốn phải đóng cửa, 17 quỹ tín dụng phải ngừng hoạt động hoặc chỉ hoạt động cầm chừng. Nguyên nhân chủ yếu là do nhận thức chưa đúng về quy luật về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất nên cho rằng: "Xây dựng phong trào hợp tác hoá là xây dựng quan hệ sản xuất mới XHCN, đòi hỏi trình độ lực lượng sản xuất phải phù hợp". Lúc này, ở Mường Khương, phong trào hợp tác hoá nông nghiệp được xây dựng trong khi phong trào tổ đổi công thường xuyên bình công

chấm điểm chưa rộng khắp và chưa vững mạnh. Một số xã vẫn còn có các tổ đổi công đơn giản theo từng vụ, từng việc. Thậm chí có xã chưa thành lập tổ đổi công, cơ sở vật chất kỹ thuật của nhiều HTX vẫn còn nghèo nàn, đặc biệt là trình độ quản lý điều hành của các cán bộ HTX còn rất non kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của phong trào. Trên vùng cao có khó khăn nhiều hơn vì ruộng ít, nương rẫy nhiều, cư trú phân tán, tập quán canh tác lạc hậu còn tồn tại, giao thông vận tải đi lại có nhiều trở ngại, nhất là trình độ văn hoá, kiến thức khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội còn hạn chế. Do đó, mâu thuẫn giữa phong trào hợp tác hoá phát triển với cơ sở vật chất kỹ thuật và trình độ năng lực quản lý điều hành của các cán bộ HTX đã ngày càng bộc lộ gay gắt. Trình độ năng lực của cán bộ ban quản trị đối với HTX còn yếu, cán bộ cấp trên còn có tư tưởng chủ quan nóng vội, áp đặt chỉ tiêu yêu cầu nhanh chóng phát triển phong trào. Khi xây dựng các HTX lên quy mô lớn, đưa lên bậc cao lại áp đặt nhiều chỉ tiêu, nhiều ngành nghề quá "tầm với" của cán bộ cơ sở. Khi phát hiện thấy những bất cập trên, huyện đã tiến hành nhiều đợt vận động cải tiến quản lý HTX ở vùng thấp, nhiều cuộc vận động định canh định cư kết hợp củng cố HTX ở vùng cao, đưa nhiều cán bộ xuống giúp đỡ các xã và HT, nhưng phong trào vẫn bị đi xuống, chủ yếu vẫn do khâu quản lý quá yếu kém, không ngang tầm của nhiệm vụ. Một số ngành có chức năng phục vụ chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Việc giải quyết giống, phân hoá học, nông cụ có lúc, có nơi không kịp thời. Việc thực hiện chính sách đối vối cây trồng vật nuôi có lúc, có nơi làm chưa tốt; đã có năm nạn dịch làm chết hàng trăm con dê. Việc định hướng sản xuất yếu kém, có năm các xã trồng hàng trăm ha mỳ lại không có nơi tiêu thụ. Có năm do được cán bộ vận động, ở khu vực Pha Long, Nhân dân các xã Hảo Chư Tùng, Hờ Pì Chải, Sảng Chải và Phố Pha Long trồng hàng vạn cây trúc vào nương định canh nhưng cơ quan thu mua lại trả

bằng mỳ hạt nên Nhân dân bất mãn nhổ đi trồng cây lương thực[148]. Khâu xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm không bám sát vào tình hình đặc điểm của địa phương, gò ép về chỉ tiêu nên khi thực hiện không khả thi. Ban quản trị một số HTX đã buông lỏng quản lý tư liệu sản xuất, kể cả ruộng đất, buông lỏng quản lý lao động. Tài sản của HTX bị thất thoát dần, năng xuất và sản lượng của HTX bị giảm sút, đời sống của xã viên ngày càng thêm khó khăn, một số HTX nhỏ không lên được phương án ăn chia. Xã viên một số HTX cấp cao thắc mắc tỵ nạnh với cán bộ ở khâu gián tiếp về cơ chế được hưởng theo định xuất. Hiện tượng xã viên ra làm ăn riêng lẻ khá phổ biến, đã có tình trạng xã viên phải đi bán công, mua bán hoặc đòi lại ruộng đất như ở các xã: Lùng Khấu Nhin, Tả Ngài Chồ...

Cuối năm 1973, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 22. Hội nghị phân tích sâu sắc những hậu quả nghiêm trọng do cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ gây ra, vạch rõ đó là nguyên nhân chính cùa tình trạng sản xuất thấp kém, kinh tế chậm phát triển và đời sống khó khăn của nhân dân ta. Đồng thời, hội nghị cũng chỉ ra những thiếu sót trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện và quản lý Nhà nước. Những thiếu sót ấy chậm được khắc phục là nguyên nhân của tình trạng lỏng lẻo trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, làm nảy sinh những hiện tượng không lành mạnh trong đời sống xã hội. Hội nghị xác định trong giai đoạn mới, nhiệm vụ của miền Bắc là tăng cường đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hoà bình, đẩy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng (cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng văn hoá và tư tưởng) xây dựng miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, ra sức làm tròn trách nhiệm chi viện cho cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc... Để thực hiện nhiệm vụ trên, Trung

148. Biên bản họp BCH Đảng bộ huyện Mường Khương ngày 07/11/1975 (ghi theo ý kiến phát biểu của đồng chí Trần Ngọc Tín, nguyên chủ nhiệm ủy ban nông nghiệp, nguyên Bí thư Huyện ủy.

ương Đảng đã thông qua kế hoạch khôi phục và phát triển kinh tế trong 2 năm 1974 -1975.

Với quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 22 và khắc phục những khuyết điểm, nhược điểm trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp nhằm đưa sản xuất phát triển, cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện họp lần thứ XII (3-1974) đã xác định phải duy trì và phát triển phong trào hợp tác hoá nông nghiệp, kiên quyết bám phương hướng sản xuất thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và chuyên canh để có nhiều sản phẩm hàng hoá, đẩy mạnh việc thực hiện 3 cuộc cách mạng ở nông thôn.

Trong quá trình củng cố và phát triển phong trào hợp tác hoá, huyện đã duyệt quy hoạch 4 xã định canh định cư, tiếp nhận thêm 83 hộ gồm 441 nhân khẩu đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế - văn hoá, bố trí xen ghép với các HTX khu vực Bản Lầu. Trong năm 1975, huyện còn được bổ sung 68 cán bộ trung, cao cấp nông nghiệp từ Thái Bình lên và đã bố trí xuống các xã giúp cơ sở phân vùng quy hoạch, củng cố HTX đẩy mạnh sản xuất, ở các HTX, huyện cho tiến hành học tập kỹ điều lệ HTX và tiến hành đại hội nông dân tập thể, khắc phục những sai sót trong khâu quản lý và phân phối, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật.

Đi đôi với việc tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao ý thức giác ngộ cách mạng XHCN và về việc đấu tranh giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, động viên tinh thần làm chủ tập thể XHCN của quần chúng xã viên, ý chí tự lực tự cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo các xã vào HTX tiếp tục vận động khai hoang phục hoá đồng thời tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Nhờ có các giải pháp củng cố và khôi phục HTX nông nghiệp, phong trào HTX nông nghiệp trong huyện những năm 1974 - có

bước phát triển. Tính đến cuối năm 1975, huyện đã có 55 HTX gồm 2.806 hộ, 6.749 lao động nâng tỷ lệ lên 59,5% số hộ nông dân toàn huyện tham gia HTX (bằng 114,5% so với năm l974). Phong trào khai hoang phục hoá có tiến bộ, ở xã Bản Sen, các xã viên khai hoang được 20 ha đưa vào trồng sắn, ở khu vực Mường Khương, các xã viên khai hoang, phục hóa trên 15 ha trồng đậu tương. Việc thanh quyết toán tài vụ, lập phương án ăn chia được tiến hành khẩn trương và dứt điểm ở một số nơi.

Giữa năm 1975, thực hiện Chỉ thị số 209/CT-TW của ban Bí thư và Kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai, Huyện ủy Mường Khương chỉ đạo mở đợt học tập điều lệ HTX bậc cao, đồng thời tiến hành đại hội nông dân các cấp. Qua đợt sinh hoạt chính trị này, ý thức xây dựng HTX đã có chuyển biến, tư tưởng xây dựng và đổi mới hoạt động trong HTX được thể hiện rõ nét; nhân dân đóng góp nhiều giải pháp cụ thể nhằm đưa HTX đi lên.

III. Lãnh đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp

Cùng với xây dựng hợp tác xã, Đảng bộ huyện còn tập trung lãnh đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Quán triệt đường lối phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện theo tinh thần Nghị quyết 19 khóa III của Đảng, những năm 1965 - 1975, trong điều kiện cả nước có chiến tranh, Đảng bộ huyện Mường Khương xác định mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc là xây dựng Mường Khương trở thành một huyện có nông nghiệp phát triển toàn diện, công nghiệp và thủ công nghiệp phục vụ đắc lực cho sản xuất và đời sống nhân dân, có hệ thống giao thông thuận tiện và văn hoá - xã hội phát triển, là một trong những địa bàn vững chắc ở cửa ngõ biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Với quyết tâm phấn đấu tự túc vững chắc vấn đề lương thực, chấm dứt nạn du canh, du cư, lấy lương thực làm mũi nhọn làm cơ sở tiến lên phát triển nông nghiệp toàn diện, Đảng bộ huyện một

mặt ra sức củng cố quan hệ sản xuất ở nông thôn, chỉ đạo các đợt vận động cải tiến quản lý HTX, cải tiến kỹ thuật ở vùng thấp, vận động củng cố cơ sở, vận động định canh, định cư ở vùng cao, mặt khác tập trung chỉ đạo phát triển các cây lương thực chính.

Trong sản xuất, Đảng bộ coi trọng trước tiên công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phát huy dân chủ hóa, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, phát huy 3 thế mạnh của kinh tế miền núi và căn cứ vào các điều kiện đất đai, khí hậu, địa bàn cư trú của nhân dân, Đảng bộ huyện đã xác định các loại cây trồng, vật nuôi chủ yếu của địa phương và khoanh vùng, xác định phương hướng sản xuất thích hợp với từng vùng. Về các loại cây lương thực có lúa, ngô, mì, sèo, cao lương, đỗ tương và các hoa màu như sắn, khoai, đao giềng v.v... trong đó: lúa, ngô, đỗ tương được xác định là cây trồng chủ yếu. Về gia súc, gia cầm có trâu, bò, dê, ngựa, lợn, gà, vịt, ngan ngỗng v.v... trong đó, lấy trâu, lợn, ngựa là vật nuôi chính. Về các loại cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày và các cây đặc sản, huyện có điều kiện phát triển cam, quýt, chuối tiêu, mía công nghiệp v.v... ở vùng thấp, phát triển lê, táo, mận hậu và các cây thuốc như: tam thất, xuyên khung, đương quy v.v... ở vùng cao.

Thực hiện cuộc vận động cải cách nông nghiệp, huyện xác định khoanh vùng sản xuất, chọn 5 xã khu vực Bản Lầu làm trọng điểm trồng cây lương thực. Ngoài lúa và ngô là 2 loại chính và các cây hoa màu phụ như: sắn, khoai, đao giềng.... chú trọng phát triển các loại cây ăn quả phù hợp với vùng khí hậu nhiệt đới như chuối, cam, quýt v.v... 19 xã vùng cao ở 3 khu vực Mường Khương, Cao Sơn, Pha Long lấy phát triển cây lương thực chính là lúa, ngô làm bàn đạp tự túc và thúc đẩy các sản phẩm hàng hoá phát triển.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch mở rộng diện tích nông nghiệp, huyện phát động phong trào khai hoang phục hoá, điều chỉnh nhân lực những vùng thiếu đất trồng trọt ở các xã khu vực Pha Long tới những vùng còn nhiều đất có thể khai phá như Lũng Pâu, Lùng

Chéng, Na Lốc ... làm thành các nương bậc thang, ruộng bậc thang, nương định canh; đồng thời huyện vận động nhân dân sử dụng các nương du canh cũ có độ dốc từ 20 độ trở lên để quy hoạch trồng rừng. Để mở rộng diện tích đất trồng trọt và tăng năng suất các loại cây trồng, huyện tăng cường chỉ đạo thâm canh tăng vụ, chuyên canh, tăng hệ số sử dụng ruộng đất, đặc biệt coi trọng thực hiện giải pháp tăng năng xuất.

Để tăng năng suất cây trồng, huyện đề ra mức phấn đấu cho vùng thấp làm ruộng 2 vụ mỗi ha phải đạt 5 tấn lương thực quy thóc trở lên (trong đó khoảng 2/3 là thóc còn là hoa màu quy ra thóc), riêng ở xã Bản Lầu và Bản Sen mức phấn đấu phải đạt cao hơn. Vùng thấp hàng năm một lao động làm 1 ha đất gieo trồng, sản xuất được 5 tấn lương thực quy thóc và có 2 con lợn xuất chuồng. Đối với vùng cao ruộng 1 vụ bình quân mỗi lao động sản xuất 2,4 tấn/ha lương thực (thóc và hoa màu quy thóc) và 6 tạ/ha đậu tương, mỗi hộ thường xuyên nuôi 4 lợn, hàng năm mỗi lao động có l,5 con lợn xuất chuồng. Riêng đối với cây ngô, phấn đấu 10 tạ/ha đối với vùng cao, từ 11 tạ/ha trở lên đối với vùng thấp. Đối với cây đỗ tương, có thể trồng và phát triển ở các HTX vùng cao, nhất là 10 xã có thế mạnh (Mường Khương, Tùng Lâu, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Tung Chung Phố, Tả Ngài Chồ, Dìn Chin, Lồ Sử Thàng, Lao Táo và Pha Long), trong đó 5 xã có thế mạnh nhất về trồng cây đỗ tương phải đạt năng suất 10 tạ/ha (Pha Long, Mường Khương, Tùng Lâu, Nấm Lư và Lùng Khấu Nhin).

Song song với phát triển trồng trọt, huyện tập trung đầu tư chăn nuôi đàn gia súc, gia cầm chăn nuôi theo hộ gia đình và chăn nuôi tập thể ở các HTX trong các nông, lâm trường, trang trại nhằm nhanh chóng đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, cân đối với trồng trọt. Để phát triển nghề rừng, huyện kiên quyết đưa nghề rừng vào các HTX, quy định mỗi HTX phải có ít nhất một đội chuyên làm nghề rừng, chủ yếu là trồng rừng, tu bổ, khoanh

nuôi, bảo vệ rừng; khai thác rừng có tổ chức, có quy hoạch. Trồng rừng phải kết hợp với trồng cây công nghiệp dài ngày

Trong công tác định canh, định cư, huyện Mường Khương đã vận động nhân dân các xã Pha Long, Sừ Ma Tùng, Tả Ngài Chồ về khai hoang ở Lũng Pâu, Lũng Cáng; đồng thời tiếp tục nhận hàng nghìn hộ gia đình từ các tỉnh Thái Bình, Hà Nam Ninh, thành phố Hải Phòng lên xây dựng vùng kinh tế mới ở khu vực Bản Lầu và vận động nhân dân các khu vực Mường Khương, Cao Sơn phục hoang các ruộng nương bậc thang. Từ năm 1965 đến 1975, toàn huyện đã khai hoang mở rộng thêm được trên 200 ha ruộng bậc thang và nương định canh.

Trong việc thực hiện kỹ thuật thâm canh, huyện đã xác định được cơ cấu cây trồng phù hợp, nhất là vùng lúa Bản Lầu. Hầu hết các HTX đã đưa giống mới thích hợp có năng xuất cao như nông nghiệp 8, C63, bao thai lùn thay thế các loại giống cũ đã thoái hoá, đưa ngô lai Ấn Độ vào thay thế loại ngô cũ. Về phân bón, ngoài nguồn phân bón ở địa phương, các hộ nông dân còn sử dụng hàng trăm tấn phân hoá học mỗi vụ, bón thêm cho các loại màu phụ và cây công nghiệp ngắn ngày. Riêng phân chuồng, phân rác, phân xanh, thường xuyên các HTX bón cho lúa chiêm từ 5,5 tấn đến 5,7 tấn/ha, đỗ tương từ 2 tấn đến 2,2 tấn/ha. với hệ thống hàng trăm mương máng, ao hồ và các công trình trung thuỷ nông ở Na Lốc, Lũng Pâu, Lùng Chéng Lùng, công trình thuỷ điện Hàm Rồng, 7 trạm thuỷ luân và 3 trạm bơm nước ở vùng thấp, diện tích ruộng được tưới nước ngày càng mở rộng, sản xuất thời vụ nói chung được bảo đảm kịp thời. phần lớn diện tích trồng trọt được chú trọng khâu chăm sóc, làm cỏ, cầy bừa đúng kỹ thuật.

Trên địa bàn Mường Khương, năm 1966 thời tiết diễn biến phức tạp, đầu năm nắng hạn liên tục ảnh hưởng không thuận lợi đến khâu làm đất, gieo trồng bắp, đỗ tương xuân và một số cây công

nghiệp ngắn ngày, lúa chiêm xuân và các loại hoa màu trồng cấy sớm. Bước sang vụ mùa lại bị mưa lớn, đến thời vụ chăm bón lại bị hạn và sâu bệnh phát triển ở nhiều nơi ở cả vùng thấp và vùng cao. Nhân dân các dân tộc các địa phương đã tích cực thực hiện các biện pháp cứu lúa và hoa màu, tổ chức gần 10 vạn ngày công vào việc phun thuốc diệt, bắt sâu cứu lúa. HTX Sàng Chải (xã Mường Khương) đã mua gần 10 kg thuốc sun phát đồng và gần chục lít vô pha tốc, trên 1,5 tấn thuốc 666 loại 6% để khắc phục nạn sâu bệnh. Các HTX ở Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai bắt sâu cứu lúa cả ngày đêm liên tục hàng tuần lễ. Riêng HTX Na Nhung huy động tới 400 người đi bắt sâu cứu lúa, hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả sâu bệnh, tuy sản lượng lương thực chính lúa, ngô năm 1966 bị giảm 17% so với năm 1965 (giảm 1457 tấn), riêng sản lượng đỗ tương vẫn tăng hơn năm trước 75 tấn.

Việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật của các HTX vào sản xuất ngày càng đem lại hiệu quả, xu hướng tăng vụ và tăng diện tích trồng trọt ngày càng phát triển, riêng diện tích tăng vụ về lúa chiêm đạt cao; trong 10 năm (1965-1975), các xã khu vực Bản Lầu và các xã Mường Khương, Thanh Bình tăng vụ trên diện tích canh tác tới 80%. Tính chung toàn huyện, năm 1971, huyện mới thực hiện được 6.958 ha gieo trồng, tăng 2% so với năm 1970, đến năm 1975 đã đạt được 7.322 ha tăng 5,23% so với năm 1971. Tuy nhiên một số nơi, nhất là vùng cao diện tích tăng vụ còn thấp, hệ số sử dụng ruộng đất mới đạt từ 1,2% đến gần 1,4%, việc gối vụ hầu như không làm, trừ diện tích trồng rau xanh, một số nơi còn hiện tượng phát rừng làm nương bừa bãi.

Về năng suất cây trồng, trừ những năm bị thiên tai nặng, việc gieo trồng không kịp thời vụ như năm 1966 và năm 1975, còn nói chung, do tích cực thực hiện kỹ thuật thâm canh, chuyên canh nên năng suất lúa, ngô, đậu tương hàng năm đều tăng. Cụ thể: so với

năm 1969, năm 1971 năng suất lúa chiêm tăng 5,1%, lúa mùa tăng 10,9%, lúa nương tăng 25,5%, ngô xuân tăng 6,9%, đỗ tương tăng 4,6%. Vùng lúa bình quân đạt 4,8 tấn/ha, 6/15 HTX đạt từ 4,9 tấn/ha đến 5,2 tấn/ha. Ở vùng đỗ tương, 7 xã trọng điểm đạt 5,2 tạ/ha; riêng 2 xã Mường Khương và Tùng Lâu đạt 6,4 tạ/ha. Năm 1973, năng suất lúa vùng Bản Lầu đạt bình quân từ 5,017 tấn/ha, năm 1974 đã lên 5,074 tấn/ha; ngô bình quân tăng 0,22 tấn/ha, đỗ tương tăng 0,85 tạ/ha. Xã Bản Phiệt có năng suất lương thực quy ra thóc cao nhất đạt 5,7 tấn/ha. Trên vùng cao, ở các xã trọng điểm như Pha Long, Mường Khương, Nấm Lư năng suất lúa, ngô năm 1974 tăng 0,26 tấn/ha so với năm 1973.

Do diện tích trồng trọt và năng suất hằng năm tăng, nên tổng sản lượng lương thực cũng tăng theo. Năm 1966 gặp thiên tai nhưng giá trị tổng sản lượng vẫn giữ được năm 1965; năm 1975 vụ xuân bị hạn, gieo trồng không kịp thời vụ, vụ mùa lại bị mưa úng nhưng tổng sản lượng lương thực quy ra thóc vẫn đạt được 10,560 tấn, tăng 700 tấn so vối năm 1970. Tuy nhiên, nếu tính thu nhập lương thực theo đầu người thì tăng không nhiều qua các năm, vì dân số của huyện tăng nhanh, tỷ lệ sinh đẻ cao, có năm tăng tới 4,2% dân số[149(41)]. Thực trạng ở Mương Khương, đời sống nhân dân vùng thấp vẫn luôn khá giả hơn nhân dân vùng cao.

Trong 10 năm (1966 - 1975) ở Mường Khương đã xây dựng được 3 cơ sở quốc doanh là nông trường Thanh Bình và lâm trường Đản Khao và trại nông nghiệp của huyện.

Nông trường Thanh Bình trong nhiều năm vẫn duy trì được đàn bò trên 700 con, duy trì được đàn lợn trên dưới 300 con, đạt và vượt kế hoạch. Hàng năm nông trường đã cung cấp thực phẩm cho Nhà nước hàng chục tấn. Nông trường chè, hàng năm trồng mới

149. BCH Đảng bộ huyện Mường Khương: Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ VI (ngày 1/5/1968).

hàng chục ha, chăm sóc hàng trăm ha chè cũ và thu hái quả chè giống, phát dọn và làm trên 100 ha ruộng bậc thang. Tuy nhiên trừ đàn lợn đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch, còn các mặt sản xuất, kinh doanh khác của nông trường đều không đạt, nhất là về trồng chè và khai hoang. Thu nhập của công nhân rất thấp. Năm 1974, một số công nhân mới vì đời sống khó khăn đã bỏ về xuôi.

Lâm trường Đản Khao có nhiệm vụ chính trồng và bảo vệ rừng, chế biến và khai thác lâm sản, làm tăm mành, cần câu, gậy trúc. Do lãnh đạo, chỉ đạo còn lúng túng bị động, tư tưởng công nhân chưa thật ổn định nên hằng năm chưa có chỉ tiêu nào đạt kế hoạch, khâu trồng mới đạt khoảng từ 50% đến 60% kế hoạch. Tỷ lệ cây chết còn cao, việc vận chuyển, giải phóng gỗ ở bến bãi chậm, có bãi để gỗ mục hỏng nhiều.

Ngoài các nông lâm trường của tỉnh đặt tại địa phương, huyện có một trại nhân giống cây trồng. Năm 1974, tỉnh cho chuyển trại này thành trại nhân giống cấp I. Bước đầu trại đã chủ động sửa chữa chuồng trại, trồng các loại rau làm thức ăn cho lợn, song do tỉnh vẫn không có quy định rõ ràng nên bị bỏ lỡ một vụ sản xuất, nhân giống các cây lương thực thực phẩm rau đã trồng làm thức ăn cho lợn phải chuyển bán đi nơi khác gây lãng phí và ảnh hưởng đến kế hoạch. Năm 1975, trại lại chuyển sang nghiên cứu gieo trồng chọn lọc một số loại giống tốt có năng suất cao như lúa, ngô, đậu tương vàng, đồng thời chỉ đạo rút kinh nghiệm kịp thời sau mỗi vụ thu hoạch.

Để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, huyện còn xây dựng một trạm vật tư nông nghiệp. Trạm đã có nhiêu cố gắng đẩy mạnh hoạt động, năm 1974 trạm mua vào bằng 215% so với năm 1973 chủ yếu lá đậu tương, ngô, thóc giống, bán ra kịp thời trên 500 tấn phân các loại bằng 116% so với năm 1973, phân phối cho không 276 tấn phân các loại trong đó có 100 tấn phân đạm. Tuy nhiên khâu quản lý các

loại phân, giống của trạm chưa chặt chẽ nên hiện tượng mua bán, đổi chác phân đạm qua biên giới, máy móc tồn kho cũng chưa có kế hoạch chuyển giao, tiêu thụ.

Chăn nuôi là một trong ba thế mạnh của Mường Khương. Những năm 1965 -1966 huyện đã chỉ đạo các HTX đưa vào quản lý tập thể và chăn nuôi tập thể các đàn gia súc, gia cầm nhưng tỷ lệ vẫn thấp so với tổng đàn gia súc của huyện và chưa cân đối với trồng trọt. Tuy huyện đã tổ chức được mạng lưới thú y, đào tạo được trên 150 cán bộ và đầu tư trang bị một số thuốc men, dụng cụ thú y nhung việc phát hiện, khoanh vùng và dập tắt dịch bệnh còn chưa kịp thời, có năm nạn dịch phát triển rải rác đã làm chết tới hơn 1000 con lợn.

Thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 19 về đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, huyện đã tăng cường chỉ đạo việc xây dựng thêm chuồng trại và phát triển đàn gia súc, gia cầm. Năm 1971 huyện đã có 7 trại bò, 3 trại dê, 24 cơ sở chăn nuôi lợn tập thể và đưa vào tập thể hoá thêm 8.200 con trâu, bò, dê, lợn. Tính đến ngày 01-10-1975, huyện đã có 6.230 con trâu, 455 con bò, 4.611 con ngựa và 12.551 con lợn trên 2 tháng tuổi, đàn gia cầm tiếp tục phát triển mạnh. Do chăn nuôi được phát triển, hàng năm huyện đã sử dụng hàng trăm tấn thịt các loại phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang và nhân dân, cung cấp cho Nhà nước gần 100 tấn thịt lợn, trên dưới 10 tấn thịt trâu, từ 5 - 7 tấn thịt bò và trên 100 con trâu, bò để đảm bảo sức cầy, kéo của tỉnh. Tuy nhiên, thời gian này trong huyện vẫn còn có những hiện tượng trâu bò, ngựa bị lạm sát hay buôn lậu sang Trung quốc, nạn thả rông gia súc còn phổ biến ở vùng cao.

Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ huyện những năm 1966 - 1975 đều xác định công tác trồng rừng và bảo vệ rừng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của huyện. Trước năm 1968, tuy huyện đã vận động việc trồng cây gây rừng, ngăn chặn nạn chặt phá rừng

nhưng rừng trồng chưa được nhiều, nạn đốt phá rừng làm nương rẫy, kể cả rừng già, rừng đầu nguồn gia tăng. Từ năm 1969, sau khi có Nghị quyết 38/CP của Chính phủ về cuộc vận động định canh định cư, kết hợp củng cố HTX, huyện đã đưa nghề rừng vào các HTX và cho học tập điều lệ bảo vệ rừng, thành lập ở các xã và HTX các đội trồng rừng, tu bổ chăm sóc rừng, các đội khai thác và đội bảo vệ rừng. Huyện quy định cụ thể các khu rừng cấm, các khu rừng tu bổ và các khu rừng được khai thác. Huyện tăng cường chỉ đạo việc trồng rừng kết hợp với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả; kết hợp trồng và bảo vệ rừng giữa các xã, HTX với lâm trường của tỉnh, kết hợp giữa các đội bảo vệ rừng ở cơ sở với hạt kiểm lâm nhân dân của huyện. Hàng năm huyện đã vận động nhân dân trồng hàng vạn cây lấy gỗ, hàng vạn cây trúc, hàng chục vạn gốc chè, gốc trẩu; chăm sóc hàng vạn gốc màng tang, xây dựng được 7 vườn ươm với các cây có giá trị kinh tế cao ở các xã Mường Khương, Pha Long và Bản Lầu (trong đó Nhà nước có 2 vườn ươm, địa phương có 5 vườn ươm). Các vụ đốt phá rừng đã được xử lý kịp thời.

Trong 2 năm (1973 - 1974), do công tác tuyên truyền bảo vệ rừng hạn chế và xử lý các vụ vi phạm luật pháp bảo vệ rừng chưa nghiêm, công tác quản lý thiếu chặt chẽ nên để xảy ra tình trạng người dân vào rừng lấy gỗ, phát nương làm rẫy... Năm 1975, huyện củng cố các đội bảo vệ rừng, trồng và tu bổ rừng, đồng thời hướng dẫn các cơ sở thực hiện Chỉ thị 31 của tỉnh về quy hoạch làm nương rẫy nên công tác trồng rừng, khoanh nuôi tu bổ và bảo vệ rừng đã có tiến bộ. Tình trạng chặt, đốt phá rừng giảm nhiều so với các năm trước. Trong 2 năm 1974 -1975, toàn huyện trồng thêm được 178,6 ha rừng, điển hình là các HTX trong xã Bản Phiệt dẫn đầu các cơ sở về phong trào trồng rừng. Mặt yếu của công tác lâm nghiệp những năm 1966 - 1975 là việc trồng rừng phòng hộ còn yếu, việc bảo vệ rừng chưa thật nghiêm ngặt, trồng cây gây rừng chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, tỷ lệ cây trồng sống còn thấp.

IV. Lãnh đạo phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và xây dựng cơ bản

Mặc dù gặp khó khăn về nguyên vật liệu, nhưng ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện trong 10 năm 1976 - 1975 vẫn giữ được mức sản xuất bình thường, đáp ứng nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp và nhu cầu đời sống nhân dân địa phương. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V (tháng 2/1966) và lần thứ IX (2-1970) đề ra, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện trong 10 năm đã thực hiện tốt cuộc vận động "nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" (gọi tắt là cuộc vận động 3 xây, 3 chống). Ngành đã tích cực khai thác và tận dụng khả năng sẵn có ở địa phương và phối hợp với các ngành hữu quan triển khai xây dựng củng cố các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên địa bàn. Trong 10 năm 1965 - 1975, ngành công nghiệp, thủ công nghiệp đã phối hợp với các ngành xây dựng cơ bản và thủy lợi xây dựng nhà máy thuỷ điện Hàm Rồng, 7 trạm thuỷ luân 3 kết hợp và hệ thống nước ăn tự chảy ở huyện lỵ Mương Khương, phố Pha Long và thôn Sín Chải (Pha Long) cùng một số công trình khác. Ngành công nghiệp, thủ công nghiệp còn tổ chức đào tạo và bồi dưỡng hàng trăm thợ thủ công rèn đúc, mộc, xẻ, sản xuất vôi, gạch, ngói, may mặc... thành lập 7 HTX sản xuất thủ công chuyên trách, giúp đỡ các HTX tổ chức các cơ sở sản xuất và sửa chữa nông cụ, các đội làm gạch, làm vôi phục vụ cho sản xuất và xây dựng. Các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp trên đã đáp ứng được cơ bản yêu cầu của sản xuất và đời sống. Khuyết điểm chủ yếu của ngành công nghiệp, thủ công nghiệp trong thời gian này là khâu quản lý kinh doanh còn lỏng lẻo ở một số cơ sở sản xuất, chất lượng sản phẩm chưa tốt, sản phẩm làm ra chưa đạt kế hoạch.

Một kết quả nổi bật góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội ở huyện Mường Khương là trong những năm có chiến tranh phá

hoại của đế quốc Mỹ, hệ thống đường giao thông của huyện được phát triển mạnh mẽ. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu phấn đấu do Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ V (2-1966) đề ra về vấn đề phát triển mạng lưới giao thông, cùng thời gian nhân dân và các đơn vị công binh của giải phóng quân Trung Quốc sang giúp ta làm đường từ cửa khẩu Mường Khương về Thị xã Lào Cai (1965 - 1968) huyện đã xây dựng phương án, kế hoạch và thi công mở rộng tuyến đường lớn từ huyện lỵ Mường Khương lên Pha Long, sát đến đồn biên phòng Pha Long, đồng thời phát động phong trào làm đường giao thông nông thôn, tu sửa và mở rộng các đường từ thôn này sang thôn khác, xã này sang xã khác và từ trung tâm xã về huyện.

Tuyến đường Mường Khương - Pha Long là tuyến đường trọng điểm của huyện dài 21 km do địa phương thi công. Được tỉnh đầu tư kinh phí và tăng cường, một đội làm cầu cống gồm 78 công nhân, huyện đã huy động lực lượng thanh niên, phụ nữ và thành lập 27 đội giao thông chống Mỹ cứu nước, gồm 378 đội viên là con em các dân tộc địa phương. Ròng rã trong 5 năm dãi nắng dầm mưa, mùa hạ nóng gắt cũng như mùa đông lạnh giá, các đội giao thông chống Mỹ cứu nước đã bỏ ra hàng triệu ngày công phá đá san đồi, bạt dốc nắn đường, nhất là quãng từ Làn Tiểu Hồ qua dốc 9 quai làm thành con đường mới rải đá rộng, đủ 2 xe tải tránh nhau, thay thế con đường mà chỉ dùng cho người và ngựa qua lại đã có hàng trăm năm trước. Tuyến đường Mường Khương - Pha Long hoàn thành năm 1973 đánh dấu một bước phát triển mang tính lịch sử của huyện, tạo điều kiện giao lưu kinh tế văn hoá trước mắt và lâu dài của huyện.

Thực hiện nhiệm vụ mở rộng hệ thống đường giao thông liên thôn, liên xã, phong trào tu sửa và làm mới các đường liên thôn, liên xã làm đường giao thông nông thôn kết hợp với làm thuỷ lợi được phát động sôi nổi. Kết quả đã có hàng nghìn km đường liên thôn, liên xã được tu sửa, mở rộng và làm mới. Phong trào làm đường giao

thông thời gian này đã thu hút hầu hết các hộ gia đình trong huyện tham gia. Hưởng ứng phong trào thanh niên "3 sẵn sàng", phụ nữ "3 đảm đang", đoàn viên, thanh niên, hội viên phụ nữ tham gia phong trào làm đường giao thông hết sức nhiệt tình sôi nổi. Cả một mạng lưới giao thông thông suốt từ huyện xuống các thôn xóm được khởi công và hoàn thành ngay trong những năm có nhiều khó khăn gian khổ, là niềm vinh dự và tự hào to lớn của nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương. Thực hiện nhiệm vụ vận tải, huyện đã củng cố 2 đoàn ngựa thồ chuyên nghiệp gồm 14 người và 42 ngựa vận chuyển hàng hóa phục vụ nhân dân vùng cao, đồng thời huyện mở tuyến xe khách Lào Cai - Mường Khương phục vụ nhân dân đi lại.

Cùng với ngành giao thông vận tải, các ngành lương thực, thương nghiệp, tài chính, ngân hàng, vật tư sản xuất đều có những cố gắng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Ngành ngân hàng đẩy mạnh về khâu đầu tư vốn cho vay phát triển sản xuất, phục vụ đúng đối tượng, đúng tính chất, đồng thời tích cực vận động gửi tiền tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng quay vòng vốn, thực hiện tốt khâu quản lý tiền mặt. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng nghiệp vụ và chỉ đạo hoạt động các HTX tín dụng và việc đầu tư vốn cho phát triển nông nghiệp làm còn yếu. Ngành tài chính có tiến bộ về công tác "3 thu", bảo đảm đúng nguyên tắc, chế độ phục vụ được các yêu cầu của địa phương. Song việc chi và công tác đôn đốc, giám sát chi cho định canh định cư, giao thông thuỷ lợi, trồng rừng còn yếu, thu thuế sát sinh chỉ được khoảng 50%. Công tác quản lý thị trường thực hiện tương đối mạnh nhưng giá cả các mặt hàng lương thực, công nghệ phẩm vẫn có xu hướng tăng, ngành thương nghiệp đã thực hiện được công tác giáo dục cải tạo các tiểu thương, vận động họ trở về sản xuất hoặc tham gia các HTX mua bán, HTX tiểu thủ công. Thực hiện Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 khóa III, ngành thương nghiệp đã kịp thời củng cố mạng lưới các HTX mua bán ở cơ sở, sơ tán và mở rộng các cửa hàng mậu dịch quốc doanh, thay đổi giờ bán hàng cho phù hợp với thời chiến. Đối

với khách đến bán lâm thổ sản, nông sản thực phẩm cho Nhà nước thì bất kể thời gian lúc nào trong ngày đều tổ chức thu mua hàng cho khách. Mặt yếu của thương nghiệp là có những thời kỳ còn để thiếu những mặt hàng thiết yếu của đời sống nhân dân như: muối, xà phòng, dầu hoả, diêm, thuốc lào v.v...

V. Lãnh đạo sự nghiệp văn hoá xã hội, xây dựng con người mới XHCN

Nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Ngành văn hoá thông tin huyện đã thông qua các hình thức tuyên truyền, văn hoá văn nghệ góp phần không nhỏ vào công tác giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc nâng cao tinh thần cách mạng tiến công, ý thức tự lực tự cường, tinh thần phấn khởi, tin tưởng, chịu đựng hy sinh, gian khổ, dám nghĩ, dám làm, quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị. Công tác văn hoá thông tin đã đi sâu xuống cơ sở phục vụ nhân dân, tất cả 24 xã trong huyện đều có Ban Văn hoá xã, trong đó có 8 Ban hoạt động tốt, điển hình là Ban Văn hoá xã Bản Phiệt có mạng lưới xuống tận thôn xóm và thường xuyên hoạt động với những hình thức và nội dung phong phú. Ngoài các đội chiếu bóng, chiếu phim, đèn chiếu của huyện, năm 1968 huyện đã xây dựng 1 rạp chiếu bóng phục vụ nhân dân, đây là một trong số rất ít huyện ở miền núi phía Bắc xây dựng được rạp chiếu bóng trong thời gian này. Đồng thời, huyện còn tổ chức được 1 thư viện ở huyện, hàng năm đều được tăng cường các đầu sách. Ngoài ra, nhiều đội văn nghệ ở các cơ quan và một số xã được thành lập và hoạt động thường xuyên góp phần động viên khí thế thi đua lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu chống Mỹ cứu nước.

Tuy nhiên, công tác văn hoá thông tin thời gian này hoạt động chưa toàn diện. Công tác cải tạo phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng nếp sống văn hoá mới thực hiện còn yếu. Riêng đối với vùng

cao, công tác văn hoá thông tin còn ít quan tâm, nhất là trên khu vực Cao Sơn. Vì vậy ở các khu vực vùng cao vẫn còn tồn tại khá phổ biến các hủ tục cưới xin, ma chay, mê tín dị đoan, cúng bái lạc hậu gây nhiều lãng phí tiền của, thời gian và sức lao động của nhân dân.

Phát huy thành tích hoàn thành xóa nạn mù chữ năm 1965, những năm 1966 - 1975 công tác giáo dục đã phát triển cả hai mặt giáo dục phổ thông và bổ túc văn hoá. Để nâng cao chất lượng giáo dục, huyện đã chú trọng cử giáo viên đi học các lớp bổ túc sư phạm và đề nghị tỉnh bổ sung thêm giáo viên. Năm 1967, huyện xây dựng Trường Thanh niên dân tộc ở Lũng Pâu. Năm 1968 xây dựng thêm các trường ở 2 khu vực Bản Lầu và Pha Long. Tổng số học sinh trong huyện hàng năm đều tăng. Đến năm 1968, số học sinh đã chiếm tới 3,8% số dân, nhưng đến năm 1971 tỷ lệ học sinh cũng mới đạt trên 50% số người ở độ tuổi đi học.

Những năm 1971 - 1975, công tác giáo dục ở huyện có những chuyển biến mới. Huyện tổ chức được trường phổ thông cấp 3, phong trào thi đua 2 tốt (dạy tốt, học tốt) được thực hiện sôi nổi. Năm học 1974 - 1975, học sinh thi hết cấp 1 đạt 73% (1.680 em), thi hết cấp 2 đạt 96% (584 em), thi hết cấp 3 đạt 63%, hết lớp vỡ lòng đạt 80% (1.600 em). Năm 1975, đồng thời với thời điểm tổ chức thi hết cấp cho học sinh và tổng kết năm học, huyện đã mở các lớp bồi dưỡng về chuyên môn và chính trị cho cho đội ngũ giáo viên, tổ chức lễ khai giảng năm học mới vào ngày thống nhất đất nước cho tất cả các trường trong huyện. Số học sinh năm học 1975 - 1976 ở lớp mẫu giáo lớn có 1.313 em, ở cấp 1 có 1.790 em, cấp 2 có 506 em và 2 lớp 8 và 9 ở cấp 3 (hệ học phổ thông 10 lớp) có 43 em, vì số học sinh lớp 10 quá ít nên năm học này, lớp 10 của trường cấp 3 chưa tổ chức học.

Đánh giá chung trong 10 năm từ 1965 đến 1975, công tác giáo dục của huyện Mường Khương có bước tiến bộ. Nhưng ở khu vực vùng cao, công tác này vẫn còn nhiều khó khăn. Các cấp học ở vùng cao đều không đạt kế hoạch, tại các trường lớp ở vùng cao, cơ sở vật

chất thiếu thốn nhiều, một số giáo viên chưa thật sự yên tâm với nghề, số học sinh có hiện tượng giảm dần, nhiều trường lớp mỗi năm chỉ dạy và học được khoảng 3 đến 4 tháng, một số trường như Cao Sơn, Tả Thàng, La Pan Tẩn cấp 1 chỉ có đến lớp 3. Chất lượng học sinh so với vùng thấp, nhất là từ cấp 2 trở lên còn yếu; lớp mẫu giáo nhỏ nhiều xã không tổ chức được, chiêu sinh các lớp bồi dưỡng văn hoá cho cán bộ hàng năm thường chỉ đạt 25% đến 30%; tái mù chữ còn cao và hoạt động bổ túc văn hóa rất yếu.

Cùng với đẩy mạnh công tác giáo dục, những năm 1965 - 1975, Đảng bộ huyện đã coi trọng nhiệm vụ chăm lo sức khoẻ cho nhân dân. Trong công tác bảo vệ chăm sóc sức khoẻ nhân dân, huyện chỉ đạo coi trọng việc thực hiện phương châm "phòng bệnh hơn chữa bệnh" và chú trọng giáo dục đội ngũ cán bộ y tế từ huyện đến xã theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "thầy thuốc như mẹ hiền". Trong hoàn cảnh khó khăn của huyện, nhưng với tinh thần cố gắng cao, ngành y tế đã thường xuyên cử cán bộ y tế xuống cơ sở khám chữa bệnh cho nhân dân, đồng thời tăng cường củng cố tổ chức bệnh viện huyện và các trạm xá xã; tăng cường các tủ thuốc tại các thôn, xóm; tích cực vận động phong trào vệ sinh phòng bệnh trong nhân dân. Riêng năm 1971, huyện đã tăng cường cho các xã 85 cán bộ y sỹ và y tá. Công tác phòng bệnh và chữa bệnh đạt kết quả khá. Về phòng bệnh, đã vận động nhân dân đào và sửa chữa hàng trăm giếng nước, làm hàng nghìn máng nước, chuyển chuồng gia súc ra xa nhà và làm hàng trăm hố xí 2 ngăn. Công tác tiêm phòng được tiến hành theo từng đợt, một số dịch bệnh như tiêu chảy, cúm, viêm màng não đã được ngăn chặn kịp thời. Công tác chữa bệnh đã bước đầu kết hợp giữa phương pháp đông y và tây y, tỷ lệ tử vong ngày càng giảm bớt. Năm 1972, tỷ lệ tử vong là 0,7%, năm 1974 giảm còn 0,6%, và đến năm 1975 giảm còn 0,51%.

Tuy nhiên, công tác phòng bệnh và chữa bệnh trong huyện đến năm 1975 còn nhiều vấn đề cần quan tâm khắc phục, đáng chú ý nhất

là vấn đề nước sinh hoạt ở vùng cao vẫn rất khó khăn; vấn đề thả rông gia súc còn khá phổ biến; khu vực Cao Sơn, đến năm 1975 vẫn chưa có trạm xá; việc cung cấp thuốc chữa bệnh cho nhân dân vùng cao mới đáp ứng được 20% nhu cầu, nhiều nơi người ốm không có đủ thuốc để điều trị. Bênh cạnh đó, nạn mê tín chưa được khắc phục nhiều, nhân dân các xã vùng cao lúc ốm đau vẫn tin vào cúng ma.

VI. Lãnh đạo đảm bảo an ninh biên giới và trật tự an toàn nội địa

Là huyện miền núi, biên giới, nhiều thành phần dân tộc, huyện Mường Khương có vị trí chiến lược quan trọng về mặt quân sự và chính trị. Do xác định rõ vị trí địa bàn quan trọng, Đảng bộ huyện đã thường xuyên coi trọng công tác an ninh, quốc phòng. Những năm 1965 - 1975, huyện chỉ đạo tăng cường công tác bảo vệ an ninh biên giới và trật tự an toàn nội địa, đồng thời đẩy mạnh phong trào an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội với nhiệm vụ an ninh quốc phòng. Để thực hiện kết hợp hai nhiệm vụ trên, nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ trong 10 năm đều nêu rõ nhiệm vụ xây dựng lực lượng an ninh quốc phòng toàn dân, trong đó lấy lực lượng vũ trang, bán vũ trang làm nòng cốt.

Trước năm 1970, theo quy định của Bộ quốc phòng, huyện chỉ có cơ quan huyện đội, dân quân các xã, tự vệ các cơ quan cùng các đơn vị công an vũ trang ở các đồn biên phòng, công an huyện và công an các xã. Từ năm 1970 trở đi, huyện được thành lập 1 đại đội bộ đội địa phương.

Trong công tác xây dựng lực lượng an ninh quốc phòng, Đảng bộ huyện chú trọng chỉ đạo công tác phát triển lực lượng, tăng cường huấn luyện chiến sỹ bộ đội địa phương, dân quân tự vệ và công an nhân dân nắm vững chiến thuật, kỹ thuật chiến đấu, tinh thông nghiệp vụ; hàng năm lập phương án chiến đấu, tổ chức diễn tập,

nâng cao chất lượng nhận thức chính trị cho lực lượng vũ trang và bán vũ trang.

Qua các bài học xương máu rút ra từ các vụ kẻ địch gây bạo loạn ở A Lù (Bát Xát) năm 1959, Pha Long (Mường Khương) năm 1960, Đảng bộ nhận thức rõ âm mưu thâm độc và thủ đoạn nham hiểm của kẻ địch. Chúng dùng mọi thủ đoạn, nhất là dùng tình cảm gia đình, dùng tiền và mỹ nhân kế nhằm lôi kéo cán bộ chiến sỹ có vấn đề lịch sử không rõ ràng, lập trường tư tưởng không vững, đặc biệt là những phần tử đã thoái hoá, biến chất làm nội ứng, tiếp tay cho chúng thực hiện những mưu đồ để phản cách mạng. Âm mưu của kẻ địch là đánh ta từ trong nội bộ lực lượng vũ trang, hòng biến lực lượng vũ trang của ta thành lực lượng vũ trang của chúng. Vì vậy, Đảng bộ luôn chỉ đạo sâu sát việc xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, bán vũ trang và công an nhân dân để thực sự là công cụ sắc bén của Đảng và chính quyền dân chủ nhân dân, làm nhiệm vụ bảo vệ những thành quả cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đã giành được, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống thanh bình của nhân dân.

Để bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang và an ninh địa phương, Đảng bộ đã phân công các đồng chí uỷ viên Thường vụ các cấp uỷ lãnh đạo trực tiếp và làm cấp trưởng về quân sự hoặc chính trị cơ quan quân sự địa phương, làm huyện trưởng công an, trưởng công an xã, đồng thời huyện chú trọng tăng cường lực lượng đảng viên, đoàn viên và đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, xây dựng Đoàn trong 2 lực lượng này.

Một thành tích nổi bật trong công tác xây dựng dân quân tự vệ là các địa phương, đơn vị trong huyện đã kết hợp chặt chẽ công tác dân quân, tự vệ với các cuộc vận động, các phong trào cách mạng của quần chúng để lựa chọn những người ưu tú đưa vào hàng ngũ và đưa ra khỏi lực lượng những phần tử không bảo đảm các tiêu chuẩn chính trị hoặc đã thoái hoá biến chất. Tính đến năm 1971, lực lượng

dân quân tự vệ đã chiếm 11% dân số toàn huyện. Trong hàng ngũ dân quân tự vệ, số đảng viên chiếm 13%, số đoàn viên thanh niên chiếm 15,1%. Tuỳ theo yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị và địa phương, số cán bộ chiến sỹ được trang bị vũ khí chiếm từ 70 đến 100%. Cùng với các lực lượng lao động sản xuất, lực lượng dân quân tự vệ là lực lượng xung kích và làm nòng cốt trong lao động, sản xuất (khai hoang, làm giao thông, thuỷ lợi v.v...), trong mọi hoạt động, công tác địa phương.

Với những thành tích xây dựng và hoạt động, nhiều cơ sở đã đạt được danh hiệu thi đua "Quyết thắng" và được tặng bằng khen về thành tích trong công tác dân quân tự vệ . Năm 1968, tại Đại hội Chiến sỹ thi đua, xã La Pan Tẩn được công nhận là "xã Quyết Thắng" và 1 trung đội dân quân xã Bản Lầu, 1 trung đội dân quân xã Pha Long, 1 tiểu đội dân quân xã Lùng Khấu Nhin và 1 tiểu đội dân quân xã Nấm Lư đạt đanh hiệu "Quyết thắng". Dân quân xã La Pan Tẩn và xã Pha Long được tặng Bằng khen của Bộ Quốc phòng. Dân quân xã Bản Lầu và Mường Khương được tặng Bằng khen của Quân khu 1[150].

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã động viên thanh niên địa phương thực hiện tốt nghĩa vụ quân sự. Tất cả các xã đều có thanh niên tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam và trên chiến trường nước bạn Lào, Cămpuchia. Riêng trong 10 năm 1965 - 1975, huyện Mường Khương đã có 231 thanh niên các dân tộc nhập ngũ tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam và chiến trường nước bạn. Các xã Bản Lầu, Bản Sen và Lùng Vai có nhiều chiến sỹ trực tiếp tham gia chiến đấu nhất. Trong quá trình chiến đấu đã có 14 thương bệnh binh và 27 liệt sỹ, trong đó mẹ Phạm Thị Lê ở xã Bản Lầu có 2 con là liệt sỹ.

150. Tài liệu do đồng chi Vàng Ngấn Dù - nguyên chính trị viên huyện đội Mường Khương cung cấp.

Dân quân huyện Mường Khương luyện tập quân sự năm 1965

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, huyện Mường Khương có 562 cán bộ, chiến sỹ được tặng thưởng các loại huân chương, huy chương kháng chiến, trong đó có 58 huân chương kháng chiến hạng nhất, 152 huân chương kháng chiến hạng nhì, 190 huân chương kháng chiến hạng Ba, 93 huy chương kháng chiến hạng nhất và 69 huy chương kháng chiến hạng nhì.

Song song với xây dựng lực lượng quân sự địa phương, lực lượng công an nhân dân trong huyện được tăng cường củng cố về chính trị tư tưởng và tổ chức, được nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ. Năm 1972 đã có 180 cán bộ chiến sỹ công an được huấn luyện nghiệp vụ. Hưởng ứng phong trào an ninh nhân dân, huyện đã phát động thực hiện mục tiêu thi đua giành danh hiệu "Xã Quyết thăng" về bảo vệ

trị an. Học tập xã Thanh Bình (một trong 5 xã lá cờ đầu trong phong trào bảo vệ trị an miền núi phía Bắc, năm 1963), những năm 1965 - 1975, các địa phương trong huyện đã hưởng ứng và thực hiện sôi nổi nội dung thi đua "5 tốt"[151] do Ty Công an Lào Cai phát động (năm 1960). Thực hiện phong trào thi đua, năm 1968 xã Thanh Bình và Pha Long đã đạt danh hiệu "Xã quyết thắng". Xã Thanh Bình đạt danh hiệu quyết thắng 3 năm liền (1968 - 1970) nên đã được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng Ba; xã Pha Long được công nhận là xã có phong trào khá với những thành tích đạt danh hiệu Quyết thắng 7 năm liền về thành tích bảo vệ biên giới và xây dựng đơn vị; chi bộ Đảng ở đơn vị nhiều năm đạt tiêu chuẩn chi bộ "4 tốt"; cán bộ chiến sỹ đoàn kết gắn bó, thực sự coi "đồn là nhà, biên giới là quê hương", Đồn Công an vũ trang Pha Long đã được tặng thưởng 01 Huân chương chiến công hạng Ba. Năm 1973 Đồn Công an vũ trang Pha Long tiếp tục được tặng thường Huân chương chiến công hạng Nhì.

Trong công tác bảo vệ an ninh biên giới, trật tư an toàn nội địa cũng đạt nhiều thành tích. Từ giữa năm 1968 theo quy định của Uỷ ban hành chính tỉnh Lào Cai, huyện Mường Khương có 12 xã nằm trong khu biên phòng được giao cho các đồn biên phòng công an vũ trang trực tiếp quản lý vào bảo vệ. Đồn Mường Khương phụ trách 8 xã (Bản Lầu, Bản Phiệt, Mường Khương, Lùng Vai, Nậm Chẩy, Tung Chung Phố, Tả Chư Phùng và Sừ Ma Tủng); Đồn Pha Long phụ trách 4 xã: Tả Gia Khâu, Dìn Chin, Pha Long và Tả Ngài Chồ.

Quan hệ biên giới Mường Khương (Lào Cai) - Hà Khẩu (Vân Nam) là quan hệ đoàn kết, bình đẳng và giúp đỡ nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong quan hệ biên giới, hai

151. Nội dung "5 tốt" của phong trào bảo vệ trị an do Ty công an Lào Cai phát động gồm: Xây dựng lực lượng tốt; Công tác bảo vệ tốt; Công tác đánh địch tốt;Nắm tình hình tốt; phát động quần chúng tốt.

bên luôn chú trọng thực hiện các chủ trương, thỏa thuận tích cực giữa hai Đảng, hai nhà nước. Những năm 1965 - 1968, các đơn vị công binh Trung Quốc sang giúp ta làm đường ...thể hiện mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa 2 nước, 2 dân tộc Việt Nam và Trung Quốc.

Tuy nhiên, cũng như trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung, biên giới Mường Khương - Hà Khẩu nhiều khi cũng có những vấn đề phức tạp. Mặc dù ngày 31-10-1963, tại Nam Ninh (Quảng Tây - Trung Quốc), Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà và Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã ký một hiệp định về hiệp đồng bảo vệ an ninh biên giới, không kể bọn buôn lậu vượt biên trái phép, nhưng từ đầu năm 1965, một số phần tử xấu bên kia biên giới đã có những hoạt động vi phạm độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Ở Mường Khương, tháng 1-1968, phía Trung Quốc xây đập nước đối điện với thôn Na Lốc, nắn dòng chảy về phía Việt Nam. Đầu tháng 4/1968, một số người ở bên Trung Quốc kéo sang thôn Na Lốc tuyên truyền cho cách mạng văn hoá Trung Quốc. Từ đó, các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam ngày càng tăng, một số người vượt biên chạy sang Mường Khương, Pha Long hoạt động gián điệp, trong đó có cả những tên là đặc vụ Tưởng Giới Thạch trước đây có tiền án tiền sự đang bị truy nã. Các đơn vị biên phòng của ta đã xác minh, kết luận và bắt 2 tên Lò Khái Khố và Cao Si Tà - đặc vụ Tưởng sang hoạt động gián điệp ở địa bàn Pha Long.

Trước tình hình trên, được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện đã thường xuyên giáo dục nâng cao tinh thần cảnh giác cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang và công an nhân dân; vừa tăng cường đấu tranh bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, vừa duy trì và củng cố mối quan hệ hữu nghị giữa 2 nước, 2 dân tộc Việt Nam và Trung Quốc. Do đó, đối với những hộ gia đình, những người sang cư trú trái phép, ta đã vận động họ trở về Trung Quốc; đối với những

người không chịu về, thông qua các đồn cửa khẩu, ta thống nhất với các đồn biên phòng Trung Quốc thực hiện các biện pháp cưỡng chế để trao trả theo đúng quy chế biên giới do 2 Chính phủ đã quy định. Tháng 6/1971, các đồn biên phòng Mường Khương, Pha Long lại bắt giữ một số người Trung Quốc vượt biên sang và trao trả tại trạm cửa khẩu Mường Khương.

Năm 1973, số người quá khích bên kia biên giới lại tăng cường các hoạt động vi phạm chủ quyền lãnh thổ của ta. Trong các ngày từ 18 đến 23/8/1973 và ngày 30/8/1973, một số người Trung Quốc có vũ trang đã sang chiếm giữ 2 thôn Sín Phìn Súng và Sìn Sải Thàng (xã Nậm Chảy). Thực hiện Chỉ thị 34 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 09 của Uỷ ban hành chính tỉnh Lào Cai, đồn biên phòng Mường Khương đã tổ chức khảo sát khu vực biên giới giữa cột mốc số 1 và cột mốc số 3 (cột mốc cũ ở xã Nậm Chảy). Căn cứ vào những tài liệu khảo sát và những chứng cứ lịch sử về quá trình quản lý hành chính địa bàn này từ trước tới nay, đối chiếu giữa bản đồ và thực địa, ta khẳng định khu vực 2 thôn Sín Phìn Súng và Sìn Sải Thàng (xã Nậm Chẩy) thuộc lãnh thổ Việt Nam; số người Trung Quốc trên đã cố tình vi phạm, chiếm giữ trái phép, bên ta đấu tranh có lý có tình, nhưng bên kia vẫn chưa chịu rút. Tháng 9/1975, họ lại đến Sìn Sải Thàng cắm 4 mốc, từ mốc số 4 đến mốc số 7. Nhiều lần họ cho người đến sau trạm cửa khẩu Mường Khương để dò xét, đều bị ta phát hiện. Ở gần khu vực mốc 5, họ cho người dùng búa, xà beng đến đập phá tìm quặng của Việt Nam. Cũng trong tháng 9/1975, ở Pha Long, một số người phía bên kia biên giới đã thể hiện ý đồ lấn đất qua cột mốc 22, nhưng Nhân dân Tả Lùng Thàng (Pha Long) đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ được đường biên giới theo quy định giữa Chính phủ Pháp và Triều đình nhà Thanh ngày 2-10-1896[152] đã được Chính phủ ta và Chính phủ Trung Quốc giữ làm đường biên

152. Theo báo cáo số 341/BP ngày 11/11/1972 của Bộ Tư lệnh Công an nhân dân vũ trang tỉnh Lào Cai thì 22 cột mốc trên đường biên giới Mường Khương - Hà Khẩu đã hoàn thành vào ngày 15/6/1987.

giới hiện tại. Đến cuối năm 1975, tuy việc phía bên kia Trung Quốc xâm canh xâm cư trái phép khu vực các thôn Sín Phìn Súng và Sìn Sải Thàng chưa được giải quyết xong nhưng ta vẫn bền bỉ kiên trì đấu tranh đòi lại và vẫn cố gắng duy trì mối quan hệ bình thường, tôn trọng tình hữu nghị lâu đời giữa nhân dân 2 nước.

Công tác lãnh đạo bảo vệ trị an nội địa của đảng bộ huyện gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Ở khu vực Mường Khương, Pha Long thời gian này vẫn còn những tên tề ngụy, phỉ cũ chưa thật sự chịu cải tạo, những phần tử bất mãn và một số phần tử xấu bên Trung Quốc vượt biên sang ngụy trang là thầy cúng, thợ bạc, thợ mộc, thợ nề, thợ đục đá v.v... thực hiện các hành vi mua chuộc cán bộ, nhận là cùng họ hàng, cùng dân tộc, lấy vợ, kết nghĩa anh em với người dân tộc địa phương... để có điều kiện đi sâu vào hoạt động trong nhân dân. Chúng tìm mọi cơ hội để kích động, gây chia rẽ giữa Việt Nam và Trung Quốc, tung tin phản tuyên truyên nói xấu chế độ ta. Một số xã khu vực biên giới đã xuất hiện các truyền đơn phản in bằng chữ Trung Quốc. Các hiện tượng nói trên đã bị ta kịp thời phát hiện và giải quyết. Bên cạnh các vụ việc hoạt động gây mất an ninh biên giới. Năm 1974, trên biên giới huyện Mường Khương còn có 6 vụ buôn thuốc phiện với trọng lượng 13,6 kg và một số vụ vượt biên buôn bán tiền Trung Quốc, buôn bán trâu ngựa. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn một số vụ hoả hoạn, đi săn bắn nhầm người, tự tử, đánh chửi nhau gây mất trật tự trị an. Huyện đã có những biện pháp tích cực, kiên quyết bắt giữ và xử lý những vụ việc nghiêm trọng, kết hợp sử dụng hình thức giáo dục, hoặc cho đi cải tạo lao động.

VII. Lãnh đạo củng cố hệ thống chính trị

Để nâng cao sức chiến đấu, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, trong những năm chống chiến tranh phá hoại, tiếp tục xây dựng CNXH và tăng cường

chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, Đảng bộ huyện Mường Khương đã không ngừng phấn đấu để xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh. Đảng bộ lấy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng trong từng thời gian và kết hợp chặt chẽ với các cuộc vận động quần chúng ở địa phương để tiến hành công tác xây dựng Đảng và xây dựng ngũ cán bộ. Trong công tác xây dựng Đảng, bằng nhiều biện pháp tích cực, Đảng bộ đã gắn liền 3 mặt: Xây dựng chính trị, tư tưởng và tổ chức, cán bộ; lấy xây dựng chính trị làm gốc, xây dựng tư tưởng đi đầu, đồng thời coi trọng việc củng cố kiện toàn và phát triển tổ chức, cán bộ.

Trong xây dựng Đảng về chính trị, Đảng bộ đặc biệt coi trọng việc ban hành Nghị quyết và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Các nghị quyết của Đảng bộ được xây dựng theo nguyên tắc bám sát nghị quyết cấp trên, vận dụng sáng tạo, sát với điều kiện của địa phương. Về giáo dục chính trị tư tưởng, thông qua các hội nghị học tập chỉ thị, nghị quyết, các cuộc sinh hoạt chính trị, các buổi mít tinh, tổ chức nói chuyện, các hình thức và phương tiện thông tin tuyên truyền, văn hoá nghệ thuật, Đảng bộ quán triệt đầy đủ cho cán bộ, đảng viên tinh thần và nội dung các nghị quyết của Hội nghị Trung ương, đặc biệt quán triệt, giáo dục sâu rộng Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12 (đầu năm và cuối năm 1965) về tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 19 (tháng 1/1971), lần thứ 20 (đầu năm 1972) về từng bước xây dựng cơ cấu sản xuất lớn XHCN, đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính, tăng cường cải tiến quản lý kinh tế; Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 22 (cuối năm 1973) về khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tăng cường chi viện sức người, sức của cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với quyết tâm "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"; thi đua thực hiện Di chúc của Hồ Chủ tịch trong toàn Đảng, toàn dân.

Cùng với việc tổ chức quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ còn tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập nắm vững các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy và của Đảng bộ huyện nhằm làm cho mọi cán bộ, đảng viên hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cụ thể của tỉnh và của địa phương, xác định rõ trách nhiệm của mình vừa là người gương mẫu tiên phong và làm nòng cốt trong việc thực hiện vừa là người lãnh đạo và thực hiện.

Bên cạnh đó, Đảng bộ quan tâm giáo dục cán bộ, đảng viên đi sâu học tập nắm vững những vấn đề cơ bản về lý luận chính trị, đặc biệt chú trọng cho cán bộ, đảng viên học tập về những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, những quan điểm cơ bản của Đảng về các vấn đề kinh tế - xã hội; đồng thời chú trọng cho cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác. Hàng năm, Đảng bộ chú ý cử cán bộ, đảng viên đi học các lớp đào tạo dài ngày, bồi dưỡng ngắn ngày ở Trung ương, ở tỉnh và ở huyện. Ngoài các trường lớp trên, cán bộ đảng viên trong huyện còn được cử đi học các trường lớp bồi dưỡng về văn hoá, về khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ. Ngoài ra, cán bộ đảng viên còn được tham gia các cuộc sinh hoạt chính trị như: học tập chuyên đề "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân", "học tập và làm theo Di chúc của Hồ Chủ tịch"... Được học tập, bồi dưỡng qua các trường lớp, các chuyên đề, cán bộ đảng viên trong huyện đã vững vàng về tư tưởng, lập trường cách mạng và nâng cao năng lực công tác.

Kết hợp với phát động các phong trào thi trong đua lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu; thi đua trong từng ngành, từng giới; thi đua "Vì miền Nam ruột thịt, vì tỉnh Thủ Dầu Một kết nghĩa anh em", Đảng bộ huyện tổ chức cho cán bộ rèn luyện thực tế, tham gia các cuộc vận động "cải tiến quản lý HTX, cải tiến kỹ thuật" ở vùng thấp, cuộc vận động "củng cố cơ sở, định canh định cư, kết hợp củng cố HTX" ở vùng cao. Ngoài ra, Huyện uỷ đã trực tiếp chỉ đạo

thực hiện các cuộc vận động trong nội bộ Đảng như: cuộc vận động thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị về nâng cao chất lượng đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng, phát triển đảng viên lớp Hồ Chí Minh; thực hiện chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố Đảng, làm cho tổ chức Đảng được trong sạch vững mạnh; cuộc vận động "xây dựng chi bộ, đảng bộ 4 tốt", quán triệt sâu sắc nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (cuối năm 1974) về cuộc vận động xây dựng Đảng.

Có thể nói, chưa có thời kỳ nào cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ được học tập và rèn luyện liên tục với những nội dung phong phú như thời kỳ 1965 - 1975. Chính nhờ đó mà cán bộ, đảng viên trong huyện đã có bước trưởng thành quan trọng về quan điểm lập trường, tư tưởng, về nhận thức chính trị và trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tuy nhiên, trình độ và năng lực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước của cán bộ đảng viên trong huyện, nhất là cán bộ đảng viên ở nông thôn vùng cao còn rất yếu, một số cán bộ đảng viên có tư tưởng chủ quan, nóng vội, trách nhiệm chưa cao; một số cán bộ đảng viên ở cơ sở có tư tưởng rụt rè, thiếu mạnh dạn phát hiện và đề xuất những vấn đề khó khăn vướng mắc ở địa phương để giúp cho Huyện ủy nghiên cứu giải quyết. Những nhược điểm trên đã ít nhiều ảnh hưởng đến phong trào quần chúng thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trong những năm chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, cơ sở tổ chức Đảng của huyện Mường Khương vẫn còn mỏng, đảng viên còn quá ít so với dân số, đa số các cơ sở Đảng ở nông thôn còn là chi bộ ghép; nhiều thôn, nhiều đội sản xuất vẫn chưa có đảng viên. Nhận rõ hạn chế trên, một mặt Đảng bộ huyện chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, một mặt coi trọng công tác xây dựng Đảng về mặt tổ chức. Đảng bộ cũng nhận thấy công tác củng cố, kiện toàn các tổ chức của Đảng phải đi đôi với công tác phát triển đảng

viên và xây dựng thêm các tổ chức Đảng, xoá bỏ thôn "trắng", đội sản xuất "trắng" đảng viên.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo lấy công tác củng cố xây dựng Đảng làm trung tâm, trong đó lấy việc xây dựng chi bộ 4 tốt làm chủ yếu, công tác xây dựng Đảng được tiếp tục đẩy mạnh. Từ năm 1965 đến năm 1975, năm nào huyện cũng có 100% chi đảng bộ đăng ký phấn đấu đạt danh hiệu 4 tốt. Năm 1966 có 34,8 % chi, đảng bộ đạt danh hiệu 4 tốt, đến năm 1970 tăng lên 45,2 % chi, đảng bộ đạt 4 tốt.

Tháng 3-1970, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 175 về mở cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên *lớp Hồ Chí Minh*. Nội dung của cuộc vận động là giáo dục bồi dưỡng đảng viên, nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, vừa phát triển đảng viên, vừa kiên quyết đưa ra khỏi Đ những đảng viên không đủ tư cách. Cuộc vận động được thực hiện ở Mường Khương từ tháng 5/1970 đến cuối năm 1971. Căn cứ vào nội dung hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 195, huyện ủy Mường Khương đã nêu ra các yêu cầu cụ thể sát với điều kiện của Đảng bộ địa phương. Vận dụng nội dung "nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần đoàn kết trong Đảng", Huyện ủy yêu cầu các các đảng viên thực hiện việc lãnh đạo sâu sát quần chúng tham gia HTX, cải tiến quản lý HTX, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Đối với các cơ quan, xí nghiệp, nông trường, trường học, đơn vị... phải phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch. Về yêu cầu kết nạp Đảng viên lớp Hồ Chí Minh phải chỉ đạo chặt chẽ, kết nạp những quần chúng thực sự gương mẫu, tích cực, có phẩm chất đạo đức tốt, có lý lịch rõ ràng, đồng thời kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Căn cứ vào điều lệ Đảng và những quy định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các tổ chức Đảng thực hiện chế độ sinh hoạt đúng kỳ hạn, có nội dung thiết thực theo nội dung "Bốn tốt", đồng thời tăng

cường kiểm điểm đấu tranh tự phê bình và phê bình bảo đảm tính lãnh đạo và tính chiến đấu cao. Đối với hoạt động của các tổ chức Đảng, Đảng bộ nhắc nhở phải thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân uỷ viên thường vụ, uỷ viên ban chấp hành và cho từng đảng viên. Mỗi kỳ sinh hoạt đều có kiểm điểm việc thực hiện và hướng phấn đấu của từng cá nhân cấp uỷ viên và đảng viên. Cuối năm chi bộ tổng kết, kết hợp tiến hành đại hội; việc sơ kết và tổng kết đều có tự phê bình và phê bình tập thể và cá nhân, kết hợp với vận động quần chúng phê bình sự lãnh đạo của Đảng và phê bình cá nhân, cấp uỷ viên và đảng viên. Đối với Huyện ủy, Thường vụ Huyện ủy quy định chế độ sinh hoạt, mỗi tháng Ban Thường vụ họp 1 lần, 3 tháng Ban chấp hành họp 1 lần với các Bí thư chi, đảng bộ cơ sở và thủ trưởng các ngành của huyện để kiểm tra công tác phối hợp giữa các ban, ngành và bàn công tác 3 tháng tới và cũng để các ngành, các xã phê bình sự lãnh đạo của huyện uỷ và phê bình các cá nhân huyện uỷ viên. Huyện uỷ còn phân công các uỷ viên thường vụ vừa phụ trách ngành vừa phụ trách khu vực, các uỷ viên chấp hành vừa phụ trách khối vừa phụ trách xã. Các đồng chí được phân công phụ trách không những chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ và Ban Chấp hành mà còn chịu trách nhiệm trước cán bộ đảng viên và nhân dân khối xã mình được phân công phụ trách, sự phân công rõ ràng như vậy vừa đề cao được trách nhiệm cá nhân, vừa để huyện chỉ đạo sát cơ sở, kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong công tác lãnh đạo và theo dõi động viên được phong trào.

Qua các cuộc vận động chính trị và các phong trào cách mạng của quần chúng ở địa phương, những quần chúng ưu tú xuất hiện và được các cán bộ cốt cán, tổ chức cơ sở của Đảng bồi dưỡng, đào tạo trở thành cán bộ. Huyện đã chọn những người có lịch sử chính trị trong sạch, rõ ràng và có tinh thần chiến đấu để bồi dưỡng, rèn luyện thử thách theo tiêu chuẩn người đảng viên và đưa vào diện đối tượng

kết nạp Đảng. Năm 1967, 1968, Đảng bộ kết nạp được thêm 70 đảng viên, đã xoá được 4 thôn trắng đảng viên, đưa tỷ lệ đảng viên lên 2,3% dân số; xã có tỷ lệ cao nhất là La Pan Tẩn, đảng viên chiếm 6,1% dân số; xã có tỷ lệ thấp nhất là Lồ Sử Thàng, đảng viên mới chiếm 1,5% dân số. Từ năm 1969, thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ chính trị về nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, tiếp đó có quy định của Ban tổ chức Trung ương về thủ tục (11 bước) kết nạp đảng viên mới, công tác phát triển Đảng có nhiều tiến bộ, một số chi bộ trước đây trong nhiều năm liền không phát triển được đảng viên như các chi bộ Lao Táo, Dìn Chin, Sừ Ma Tủng, Tả Ngài Chồ, Tả Gia Khâu; có một số chi bộ suốt 10 năm không có đảng viên nữ như các chi bộ Lồ Sử Thàng, Dìn Chin, Tả Thàng, Lao Táo... Từ năm 1970 đến 1975, toàn Đảng bộ đã kết nạp được trên 200 đảng viên, đã dần dần khắc phục được các khuyết điểm trong công tác phát triển Đảng

Đi đôi với thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, những năm 1971 - 1975, công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên được Huyện ủy chú trọng đã góp phần tích cực vào việc củng cố tổ chức Đảng. Riêng từ năm 1971 đến 1975, huyện đã mở 5 lớp bồi dưỡng lý luận cơ bản cho trên 300 đảng viên theo nội dung bồi dưỡng của Trung ương. Đồng thời mở 6 lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực quả lý cho trên 100 cán bộ xã. Đặc biệt huyện đã cử được 76 cán bộ đi học chính trị và chuyên môn nghiệp vụ ở tỉnh và Trung ương. Ngoài ra còn cử gần 300 cán bộ đi học văn hóa trình độ cấp II.

Từ năm 1965 đến 1975, Đảng bộ huyện và các chi, đảng bộ trực thuộc được quy định mỗi năm tổ chức đại hội Đảng bộ một lần vào dịp đầu năm để tổng kết đánh giá hoạt động của Đảng bộ trong năm trước và đề ra nhiệm vụ cho năm tới. Tháng 01/1965, Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ III và đến tháng 01/1974 Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XII. Đại hội Đảng bộ các cấp cũng là

dịp kiện toàn lại Ban Chấp hành Đảng bộ, bầu bổ sung những ủy viên mới vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp ủy.

Trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ người các dân tộc địa phương ở Mường Khương nổi cộm vấn đề sử dụng người đã từng tham gia lực lượng phỉ trước đây. Qua công tác nghiên cứu tổng kết kinh nghiệm các cuộc nổi phỉ và công tác phá âm mưu gây phỉ của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở địa phương, Đảng bộ huyện đã thấy rõ âm mưu thâm độc và lâu dài của đế quốc Pháp - Mỹ lợi dụng các vấn đề dân tộc và dùng mọi thủ đoạn nham hiểm để lôi kéo và cưỡng bức một bộ phận nhân dân cầm súng chống lại chính quyền cách mạng. Thấy rõ vấn đề phỉ mang tính chất giai cấp và dân tộc, bằng các thủ đoạn lừa gạt dụ dỗ đi đôi với đe đoạ cưỡng bức, đế quốc Pháp - Mỹ đã thực hiện được một phần âm mưu thổ phỉ hoá nhân dân. Trong các vùng có phỉ hoạt động, hầu như không có gia đình nào không có người cầm súng cho phỉ. Nếu không có nhận thức âm mưu dụ dỗ của kẻ địch sẽ dễ dàng cho rằng những người (đi phỉ) đều là phản cách mạng, quần chúng ở vùng có phỉ đều là quần chúng xấu, không thấy những người lầm đường và quần chúng vùng có phỉ đều là những nạn nhân của vấn đề phỉ thì không dám xây dựng cơ sở phát động phong trào cách mạng, càng không giám đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát triển đảng viên, xây dựng cơ sở Đảng ở vùng trước đây có phỉ hoạt động. Do nắm được tình hình cụ thể về những người đã tham gia phỉ, Đảng bộ đã mạnh dạn đưa vào diện đào tạo, bồi dưỡng thành cán bộ và vào diện đối tượng kết nạp Đảng đối với những con em hoặc bản thân những người trước đây tuy có "đi phỉ" nhưng không có ý thức chống đối cách mạng, bị dụ dỗ lừa gạt hoặc cưỡng bức làm phỉ, không giữ chức vụ gì của phỉ, không gây tội ác với nhân dân, từ khi được khoan hồng tỏ ra hăng hái lao động sản xuất, chấp hành tốt mọi chính sách, tham gia đầy đủ mọi nghĩa vụ ở địa phương, không có liên hệ với bọn người xấu và có mối quan hệ tốt với nhân dân. Từ năm 1972 đến năm 1975, Đảng bộ huyện triển khai thực hiện

Chỉ thị 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Những người không đủ tư cách đảng viên đều được đưa ra khỏi Đảng. Cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ở Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung chủ yếu vào 2 năm 1974 - 1975 và đã tổng kết vào tháng 11-1975[153]. Những trường hợp kỷ luật theo Chỉ thị 192 đều bảo đảm khách quan, dân chủ và chính xác. Tuy nhiên, trong xem xét kỷ luật còn một số tổ chức cơ sở Đảng thực hiện chưa chặt chẽ, bỏ sót một số trường hợp vi phạm khuyết điểm.

Cùng với việc tổ chức quán triệt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 23 (cuối năm 1974), công tác kiểm tra và bảo vệ Đảng đã góp phần tích cực vào việc xây dựng Đảng bộ thêm trong sạch, vững mạnh, tăng cường tính giai cấp, tính tiên phong của đảng viên và củng cố được sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ.

Trước tình hình mới đòi hỏi, sự nghiệp xây dựng CNXH và đấu tranh thống nhất nước nhà phải dựa vào sức mạnh quần chúng, muốn phát động được đông đảo quần chúng tham gia các phong trào cách mạng phải có một đội ngũ cán bộ, đảng viên đi tiên phong làm hạt nhân cho phong trào quần chúng. Nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên không có đủ phẩm chất, năng lực thì không thể lôi cuốn và lãnh đạo được phong trào quần chúng. Vì vậy Nghị quyết số 195 và Chỉ thị 192 của Trung ương ra đời đã đáp ứng đúng với yêu cầu của cách mạng và khi được thực hiện ở Mường Khương đã có tác dụng thiết thực làm tăng thêm sức chiến đấu của Đảng bộ, được quần chúng nhân dân đồng thuận.

Mường Khương là một huyện nhiều dân tộc thiểu số, do vậy đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số chiếm một tỷ lệ khá đông đảo đòi hỏi phải quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số. Nhận thức rõ yêu cầu về công tác cán bộ, Đảng bộ

153. Trong 2 năm 1974 - 1975, huyện đã xử lý kỷ luật 171 trường hợp chủ yếu thuộc loại 1 và loại 2, trong đó khai trừ Đảng 103, lưu đảng 23, cách chức 2, cảnh cáo 29, khiển trách 14.

huyện khẳng định vấn đề mấu chốt là phải có một đội ngũ cán bộ đảng viên vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài.

Cũng như các huyện khác trong tỉnh, đội ngũ cán bộ đảng viên của Mường Khương được bổ sung từ 2 nguồn: một nguồn là cán bộ đảng viên được tỉnh bổ sung về, trong đó hầu hết là cán bộ đảng viên người Kinh ở các tỉnh miền xuôi được điều động lên và 1 nguồn là các cán bộ người dân tộc địa phương được đào tạo bồi dưỡng từ các phong trào cách mạng của quần chúng. Cả 2 nguồn cán bộ, đảng viên đều quan trọng. Nguồn cán bộ đảng viên từ các nơi khác đến không những rất cần thiết ở những năm đầu xây dựng cơ sở, phát động phong trào, dìu dắt đào tạo cán bộ địa phương. Sự nghiệp cách mạng càng ngày càng đòi hỏi cán bộ có kiến thức, trình độ và năng lực công tác, cán bộ các nơi khác đến sẽ hỗ trợ được nhiều cho cán bộ các dân tộc địa phương. Nhưng nguồn cán bộ quan trọng nhất có tính quyết định nhất vẫn là nguồn cán bộ người các dân tộc địa phương và đây là nguồn cung cấp cán bộ lâu dài.

Được đào tạo bồi dưỡng qua các phong trào, cán bộ người dân tộc địa phương thông hiểu tiếng nói, phong tục tập quán địa phương, hiểu biết tâm tư nguyện vọng của quần chúng địa phương lại là người có quan hệ dòng họ, quan hệ dân tộc, quan hệ làng bản quê hương với quần chúng nên dễ đi vào quần chúng và được quần chúng tin nghe, tạo thuận lợi cho thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị.

Trong giai đoạn chống Mỹ cứu nước và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, Đảng bộ huyện đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc địa phương. Tính đến năm 1975, số cán bộ người dân tộc địa phương công tác tại các cơ quan ở huyện đã có số lượng đáng kể, trong đó có gần 50 đồng chí giữ những cương vị chủ chốt của huyện từ Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch, Phó chủ tịch ủy ban hành chính huyện đến các đồng chí trưởng phó các ban của Huyện ủy, trưởng phó phòng thuộc chính quyền huyện v.v... số cán bộ người các dân tộc thiểu số ngày càng trưởng thành đã chứng

tỏ chính sách đúng đắn của Đảng đối với vùng dân tộc. Số cán bộ này cũng là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc địa phương.

Trong 10 năm 1965 - 1975, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ tuy có nhiều cố gắng song vẫn còn một số khuyết nhược điểm tồn tại. Đó là huyện chưa quan tâm đầy đủ đến việc đào tạo cán bộ nữ; cán bộ là người dân tộc thiểu số ở cấp huyện chiếm tỷ lệ chưa tương xứng. Các dân tộc Tu Dí, La Chí (Thu Lao) hầu như chưa có cán bộ. Huyện cũng chưa có biện pháp tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước cho cán bộ cơ sở.

Công tác xây dựng Đảng được gắn liền với công tác xây dựng củng cố chính quyền và các đoàn thể chính trị. Nhận thức rõ Đảng lãnh đạo thông qua vai trò quản lý của bộ máy chính quyền và vai trò động viên giáo dục, tổ chức quần chúng của các đoàn thể chính trị, Đảng bộ huyện đặc biệt coi trọng việc tăng cường hiệu lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy HĐND, Ủy ban hành chính các cấp và của các tổ chức quần chúng. Qua các cuộc dân chủ bầu cử HĐND và Uỷ ban hành chính huyện do Đảng bộ lãnh đạo, bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và kiện toàn. Hàng năm một số uỷ viên Uỷ ban hành chính huyện và các xã được đi dự các lớp huấn luyện ở Trung ương và ở tỉnh. Hoạt động của chính quyền dần đi vào nền nếp, vai trò của chính quyền từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, công tác quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền huyện và xã thời gian này còn yếu, việc chỉ đạo sản xuất có lúc có nơi không kịp thời và thiếu tập trung, việc giáo dục cho nhân dân thực hiện nghĩa vụ lương thực thực phẩm cho Nhà nước còn hạn chế.

Trong phong trào do các tổ chức đoàn thể quần chúng phát động, sôi nổi nhất là phong trào của đoàn thanh niên và hội phụ nữ. Với khí thế "Ba sẵn sàng", đoàn viên thanh niên trong huyện đã hăng hái nhập ngũ, tham gia đội thanh niên xung phong chống Mỹ cứu nước, đi dân công dài ngày làm đường Mường Khương - Pha

Long, tham gia các đội thuỷ lợi, làm đường giao thông nông thôn và là lực lượng xung kích trên mặt trận sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật mới. Riêng năm 1972, đoàn thanh niên đã động viên được 128 thanh niên lên đường nhập ngũ, 103 thanh niên tham gia đội thanh niên xung phong của tỉnh và 50 thanh niên đi dân công dài hạn. Hàng năm, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập đoàn 26-3, Đoàn Thanh niên huyện lại phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, động viên vai trò xung kích, tiền phong gương mẫu trong công tác, trong hoạt động ở cơ quan và địa phương. Mặt yếu của công tác đoàn thanh niên của huyện thời gian này là các cơ sở đoàn chưa quan tâm bồi dưỡng các nhân tố tích cực để giới thiệu cho Đảng.

Cùng với đẩy mạnh phong trào "Ba đảm đang", Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện còn phát động phong trào "giỏi việc nước đảm việc nhà, thực hiện nam nữ bình đẳng" và được chị em nhiệt tình hưởng ứng. Năm 1971, huyện đã có 3.600 chị em đạt 26 ngày công lao động trong tháng. Năm 1974, đa số hội viên phụ nữ đã được học tập các Nghị quyết 152, 153 của Ban Bí thư Trung ương về công tác vận động phụ nữ và công tác cán bộ nữ. Vai trò của phụ nữ được thể hiện rõ trong lao động sản xuất, chăm sóc đồng ruộng, nuôi dạy con ngoan và chấp hành các chính sách. Nhiều chị em còn cày bừa giỏi, làm thuỷ lợi, làm đường giao thông nông thôn đạt năng xuất và ngày công không thua kém nam giới v.v... Hằng năm có hàng nghìn chị em đạt tiêu chuẩn "Ba đảm đang" nhiều chị em làm đội trưởng đội sản xuất, tham gia ban quản trị HTX.

Bên cạnh các phong trào quần chúng nổi bật trên, công tác mặt trận và công tác dân tộc được tăng cường, củng cố thêm một bước khối đại đoàn kết toàn dân. Tinh thần đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc, giữa đồng bào địa phương với đồng bào các tỉnh miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế - văn hoá miền núi ngày càng được tăng cường. Do đó đã góp phần động viên nhân dân tích cực phấn đấu xây dựng CNXH và chống Mỹ cứu nước, đẩy mạnh phong

trào thi đua trong các ngành, các giới, các cơ sở, đơn vị. Tuy nhiên công tác mặt trận cũng như công tác thanh niên, phụ nữ vùng cao còn yếu, nhất là chưa đóng góp tích cực vào việc cải tạo các phong tục tập quán lạc hậu, bài trừ mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới văn minh, hạnh phúc.

Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương giai đoạn 1965 - 1975 là giai đoạn Đảng bộ tập trung lãnh đạo 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ cứu nước ở miền Nam do Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (1960) đề ra. Đây là những năm diễn ra chiến tranh ác liệt trên cả hai miền, đồng thời cũng là những năm dân tộc Việt Nam giành được những chiến thắng vang dội ở miền Bắc, quân dân ta làm tròn nhiệm vụ xây dựng hậu phương, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam và đập tan hai cuộc tập kích bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ. Ở miền Nam, quân dân ta lần lượt đập tan các chiến lược chiến tranh của Đế quốc Mỹ, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Cũng như các địa phương trên toàn miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đi lên, giành được nhiều thắng lợi trong sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Thành tích nổi bật trong 10 năm này là Đảng bộ đã lãnh đạo cải thiện nâng cao rõ nét đời sống nhân dân, đưa nền kinh tế của huyện đi vào phát triển ổn định; công tác văn hóa, xã hội có bước phát triển vượt bậc; an ninh quốc phòng được giữ vững; hệ thống chính trị được củng cố. Đặc biệt huyện Mường Khương đã làm tròn nghĩa vụ đối với cách mạng miền Nam, gần một nghìn thanh niên Mường khương đã nhập ngũ tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên chiến trường miền Nam, trong đó nhiều chiến sỹ đã anh dũng hy sinh, góp phần làm nên chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc.

Chương IV
ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1985)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

Đại thắng mùa xuân năm 1975 với đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước hào hùng của dân tộc ta. Đó là thắng lợi vĩ đại nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Sự kiện vĩ đại đó tạo ra một bước ngoặt trong lịch sử dân tộc, cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhiều vấn đề cấp bách cả về lý luận và thực tiễn được đặt ra, đòi hỏi Đảng ta phải giải quyết kịp thời. Tháng 8/1975, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp Hội nghị lần thứ 24, thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Hội nghị chỉ rõ: "Với thắng lợi rực rỡ mùa xuân năm 1975, cách mạng Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn mới: Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, từ một nửa nước bị chủ nghĩa thực dân mới chia cắt và thống trị sang cả nước độc lập và thống nhất. Từ hai nhiệm vụ chiến lược, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa sang một nhiệm vụ chiến lược là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước".

Ngày 03-01-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra chỉ thị về việc lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước.

Ngày 25-4-1976, nhân dân các dân tộc Mường Khương phấn khởi tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất. Thắng lợi của cuộc tổng tuyển cử bầu quốc hội là một cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976 tại thủ đô Hà Nội. Đại hội thông qua nghị quyết đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và quyết định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản là: "Xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, bước đầu hình thành cơ cấu kinh tế mới trong cả nước mà bộ phận chủ yếu là cơ cấu công - nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động.

Thành công của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng là nguồn cổ vũ, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc địa phương bước vào giai đoạn lao động, sáng tạo để "xây dựng đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng cả nước, ngày 02-9-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về bỏ khu, hợp tỉnh. Tại kỳ họp thứ 2, từ ngày 22 đến ngày 27-12-1975, Quốc hội khóa V đã quyết định bỏ cấp khu trong trong hệ thống các đơn vị hành chính cả nước và hợp nhất một số tỉnh, trong đó 3 tỉnh Lào Cai, Yên Bái và Nghĩa Lộ (trừ huyện Bắc Yên và Phù Yên) hợp nhất thành 1 tỉnh mới lấy tên là tỉnh Hoàng Liên Sơn. Mường Khương thuộc tỉnh Lào Cai trước đây, nay là một huyện của tỉnh Hoàng Liên Sơn. Năm 1976, huyện Mường Khương có diện tích đất tự nhiên 62.307ha, 16

dân tộc chung sống với dân số 32.714 người, có 24 xã chia 2 vùng, có 86 km đường biên giới đất liền với Trung Quốc.

Khi hợp nhất tỉnh, huyện Mường Khương có nhiều thuận lợi. Đội ngũ cán bộ quản lí, cán bộ khoa học kỹ thuật được tăng cường hơn trước, các vùng sản xuất tập trung đang được xây dựng theo quy hoạch như: vùng trồng chè, vùng cây có dầu, vùng cây ăn quả... Các nông trường tập trung trồng cây xa mộc, chè, cây lai...và chăn nuôi đại gia súc. Mường Khương còn có khả năng phát triển cây hoa màu (như sắn, dong riềng, ngô, khoai...). Rừng của Mường Khương phong phú cả về diện tích và chủng loại (xa mộc, lát, dổi, mỡ, keo, bồ đề...). Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực toàn huyện đã phát triển đạt 5.000 ha, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến lâm sản, chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu đang được xây dựng... Hệ thống giáo dục, y tế, thông tin truyền thanh,chiếu bóng của huyện hoạt động tương đối tốt...

Bên cạnh những thuận lợi, huyện Mường Khương cũng phải đối mặt với không ít khó khăn. Đó là trình độ dân trí thấp, dân cư phân tán, phong tục tập quán lạc hậu, kết cấu hạ tầng thấp, đời sống của nhân dân còn thiếu thốn, đường biên giới dài thường xuyên xảy ra các vụ việc gây mất trật tự trị an... Khó khăn thách thức đó đòi hỏi Đảng bộ Mường Khương phải nỗ lực khắc phục.

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh ủy Lào Cai về việc tổ chức Đại hội Đảng các cấp, từ ngày 25 đến ngày 27-8-1975. ***Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIII***. Đại hội diễn ra tại hội trường Huyện ủy. Tham dự Đại hội có 90 đại biểu chính thức và 12 đại biểu dự khuyết. Đại hội đã tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV, dự thảo báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh trình Đại hội lần thứ I và bầu đoàn đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Từ ngày 25 đến ngày 30-10-1976, Đảng bộ huyện Mường Khương tiếp tục tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XIII (vòng 2) tại hội trường Huyện uỷ. Đại hội đã đánh giá tình hình 1 năm qua

và đề ra phương hướng chung của huyện trong năm 1977-1978 là: Tăng cường củng cố, xây dựng phong trào hợp tác hóa. Tận dụng các loại ruộng đất thích hợp để đẩy mạnh sản xuất lương thực tới mức cố gắng cao nhất. Tranh thủ mọi điều kiện khả năng để đẩy mạnh phát triển nghề rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản và chăn nuôi. Hoàn thành về căn bản công tác định canh định cư, các ngành khác phải được kiện toàn, chuyển biến một bước rõ rệt để phục vụ tốt hơn nữa cho nhiệm vụ chính trị của huyện[154].

Để thực hiện được phương hướng chung, Đại hội xác định những nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ khóa XIII là:

- Củng cố thêm một bước hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã có, xây dựng mới ở những nơi chưa có, nhất là các xã ở vùng cao biên giới, kể cả các hợp tác xã mua bán và tín dụng.

- Thực hiện tốt việc tổ chức lại sản xuất từ cơ sở trên địa bàn huyện và định canh định cư theo tinh thần Nghị quyết 61 và 38 của Chính phủ, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc phát triển kinh tế, văn hóa và nâng cao đời sống để căn bản hoàn thành công tác định canh, định cư trong năm tới.

- Phải đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm với mức cố gắng cao nhất, đồng thời đẩy mạnh phát triển nghề rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, chăn nuôi, nhất là vùng trọng điểm biên giới và kiện toàn các ngành kinh tế khác.

- Xây dựng, củng cố chính quyền, các đoàn thể, mặt trận từ huyện đến cơ sở nhằm phát huy vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên mọi mặt. Tích cực củng cố xây dựng lực lượng, đảm bảo an ninh trật tự trong huyện, kể cả nội địa và biên giới.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nhất là ở các xã biên giới. Bồi dưỡng, động viên, sử dụng tốt lực lượng cán bộ sẵn có, chú trọng đối với những anh chị em đang công tác ở xã.

154. Trích Báo cáo Chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIII vòng 2.

- Cải thiện từng bước đời sống của cán bộ và nhân dân các dân tộc trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, chỉ đạo chặt chẽ và cải tiến khâu phân phối, phục vụ, chú ý giải quyết tốt mấy khâu: củi đun, nước dùng, ngói lợp nhà và hai bữa ăn chính của cơ quan.

Để hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu, Đại hội đề ra các mục tiêu cụ thể sau:

Về kinh tế, đối với 5 xã vùng thấp, phấn đấu đưa 95% số hộ nông dân vào hợp tác xã không còn thôn bản trắng. Với 19 xã vùng cao, trước hết là 8 xã trọng điểm định canh định cư ở biên giới đảm bảo đến cuối năm 1978 có khoảng 75% số hộ vào hợp tác xã; Diện tích gieo trồng cây lương thực đạt 5.990 ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt từ 13 đến 14 ngàn tấn, năng suất lúa đạt trên 5 tấn/ha, bình quân lương thực đầu người đạt 370 kg/năm; chăn nuôi có thể phát triển mạnh đàn gia súc ở khu Cao Sơn... phấn đấu đàn trâu đạt 7.000 con, đàn lợn 15.000 con, ngựa 5.000 con và các loại gia cầm đạt trên 1.000 con.

Phát triển mạnh nghề rừng ở Lâm trường Bản Phiệt, Mường Khương, Nậm Chảy, Cao Sơn và Pha Long... Quản lý, bảo vệ rừng nơi có các đơn vị đóng quân, phấn đấu trồng 1.000 ha rừng các loại, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp địa phương, thủ công nghiệp, phấn đấu đạt giá trị tổng sản lượng khoảng 800.000 đồng từ các sản phẩm chủ yếu; củng cố phát triển thêm lực lượng xây dựng cơ bản, mở diện rộng trả lương theo sản phẩm cho công nhân; sửa chữa tốt đường Hữu Nghị 8 từ huyện đi Pha Long, hoàn chỉnh mở rộng tuyến đường liên thôn, liên xã; đảm bảo thu mua một số mặt hàng chủ yếu phục vụ nhân dân trong huyện và giao nộp cho nhà nước theo kế hoạch.

Cần đẩy mạnh phong trào thi đua *Hai tốt* trong ngành giáo dục, lấy nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện là chính, tạo điều kiện mở các lớp mẫu giáo, trước hết ở các cơ quan, nông lâm trường và các xã có điều kiện, thanh toán nạn mù chữ và bổ túc văn hóa cho

cán bộ, đảng viên, đoàn viên trong lứa tuổi, căn bản thanh toán mù chữ trong nhân dân bằng 2 thứ tiếng: *Quốc ngữ và chữ Mèo.* Phấn đấu cứ 4 người dân có 1 người đi học, đồng thời làm tốt công tác bồi dưỡng hè cho giáo viên, kết hợp học tập nghị quyết các đại hội; Phát triển sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân, vận động thực hiện tốt phong trào về phòng dịch thường xảy ra ở một số xã, củng cố, nâng cấp các trạm xá xã, đẩy mạnh trồng và chế biến sử dụng cây thuốc nam có ở địa phương; Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao được phát triển rộng khắp trong các cơ quan, công, nông, lâm trường, nhất là thanh niên, lực lượng vũ trang đến một số xã có điều kiện nhằm hăng hái thi đua sản xuất, xây dựng quê hương, đồng thời xóa bỏ những tập quán lạc hậu, mê tín[155].

Đại hội khẳng định phải tập trung giữ gìn tốt an ninh, xây dựng quốc phòng toàn dân, với phương châm kinh tế kết hợp với quốc phòng trên toàn huyện. Chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang địa phương với bộ đội thường trực và dân quân tự vệ, nhất là các xã giáp biên giới, quản lý tốt quân dự bị, động viên tuyển quân trong thời bình. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, xóa bỏ những quy định phiền hà, trở ngại cho nhân dân, tổ chức tiếp dân lấy ý kiến phê bình của dân để tạo điều kiện phát huy quyền làm chủ tập thể của dân trên mọi lĩnh vực công tác, sản xuất và đời sống, phải giữ vững sinh hoạt thường kỳ của hội đồng nhân dân huyện và xã để tiếp tục thu thập ý kiến của nhân dân, đồng thời giám sát, kiểm soát các hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện, xã. Đối với các đoàn thể nhân dân và mặt trận tổ quốc thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, tiên phong đi đầu trong mọi hoạt động xã hội. Phải ra sức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp cơ sở, biên giới và cán bộ là người dân tộc. Xây dựng Đảng bộ huyện vững

155. Báo cáo số 09-BC/HU đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ 13 (vòng 2) ngày 13/6/1977.

mạnh cả về tư tưởng chính trị và tổ chức để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ, kế hoạch của địa phương đề ra .

Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương đã bầu Ban Chấp hành khóa XIII gồm 25 ủy viên chính thức và 2 ủy viên dự khuyết, đồng chí Nguyễn Văn Ân được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Vũ Kim Cầu, đồng chí Hoàng Ngấn Dần được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ Nhất vòng 2 họp từ ngày 14 đến ngày 24-4-1977 đã đánh giá tình hình qua 1 năm hợp nhất và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của tỉnh trong 2 năm (1977-1978) là: Đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Ra sức củng cố, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển sản xuất theo hướng XHCN. Tích cực xây dựng, củng cố vùng cao biên giới về nhiều mặt, hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư, đẩy mạnh phát triển nông, lâm, công nghiệp, tập trung sản xuất theo hướng thâm canh, chuyên canh, gắn chặt công - nông - lâm nghiệp thành một cơ cấu kinh tế địa phương. Phát triển văn hóa - xã hội, tăng cường củng cố chính quyền, các đoàn thể, tích cực xây dựng củng cố quốc phòng, đẩy mạnh công tác quân sự địa phương, giữ gìn tốt an ninh trật tự. Tích cực xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy cấp huyện, củng cố cơ sở, từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII, nhiệm kỳ 1975 - 1980

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ Nhất kết hợp với nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ Nhất và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII, trong tháng 6-1977, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội các cấp với các nội dung cụ thể phù hợp với đặc điểm của huyện,

phân công trách nhiệm cụ thể cho các đồng chí trong Ban Thường vụ huyện ủy và các ủy viên Ban Chấp hành tổ chức thực hiện. Đồng thời Chương trình hành động của Huyện ủy được quán triệt tới tất các các chi, đảng bộ cơ sở, được các cấp ủy cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện và được đảng viên đồng tình triển khai thực hiện.

Bám sát Chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ huyện Mường Khương đã chỉ đạo thực hiện kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 với việc hình thành 3 tiểu vùng sản xuất chuyên canh nông - lâm - công nghiệp phù hợp với từng vùng khí hậu, đất đai:

- Vùng cây lương thực thực phẩm và có kinh doanh nghề rừng ở 5 xã vùng thấp và nông trường Thanh Bình.

- Vùng đậu tương ở 6 xã vùng cao.

- Vùng rừng ở 10 xã biên giới, tập trung trồng cây công nghiệp, cây ăn quả[156].

Việc xác định các vùng chuyên canh đã có tác dụng thúc đẩy sự phát triển giữa các vùng với nhau tạo nên sự phát triển đồng đều của các xã trong huyện.

Về sản xuất nông, lâm nghiệp, năm 1976 thời tiết có nhiều diễn biến phức tạp, vụ đông xuân rét đậm kéo dài, đầu vụ mùa bị hạn nặng, sản xuất gặp nhiều khó khăn. Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy và các cấp ủy đảng, chính quyền; cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện đã phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn, mạnh dạn áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đạt được những thắng lợi đáng kể. Năm 1976, tổng diện tích gieo trồng đạt 1371 ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc toàn huyện đạt 10.444 tấn, tăng 1,2% so với năm 1975; diện tích cây đậu tương toàn huyện đạt 650 ha, sản lượng đạt 40 tấn. Năm 1978, huyện Mường Khương tập trung

156. Báo cáo số 06-BC/HU ngày 10/5/1981 của Huyện ủy Mường Khương về tình hình phát triển KT-XH 5 năm (1976-1980).

đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, coi đây là nhiệm vụ cấp bách và thiết thực. Để thực hiện nhiệm vụ trên, trước hết Huyện ủy chỉ đạo tập trung làm thủy lợi, cải tạo đất phục vụ sản xuất nông nghiệp, do đó phong trào làm thủy lợi năm 1978 trong huyện phát triển mạnh, trong năm toàn huyện đã huy động được trên 7.000 ngày công, đào đắp 4.000m^3 đất, nạo vét được 81 mương phai cũ, gia cố, tu sửa lại 41 đập ngăn nước, cung cấp nước tưới cho trên 1.000 ha diện tích gieo trồng, phong trào cải tạo đồng ruộng, kiến thiết bờ vùng, bờ thửa ngày càng mở rộng nên tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 1978 đã đạt 11.851 tấn, tăng hơn 1407 tấn so với năm 1976. Năm 1979, chiến tranh biên giới nổ ra, nhân dân phải đi sơ tán, không cày cấy được hết diện tích, không kịp thời vụ, thời tiết lại khô hạn, nhưng được tỉnh hỗ trợ về phân bón và giống nên tổng sản lượng lương thực quy thóc vẫn đạt 6.925 tấn[157].

Năm 1980, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm, tình hình kinh tế - xã hội của huyện gặp khó khăn, thời tiết rét, hạn kéo dài, hơn nữa Mường Khương phải cắt chuyển 2 xã Bản Cầm và Bản Phiệt về huyện Bảo Thắng, vì vậy để tăng nhanh sản lượng lương thực, khai thác và phát huy tiềm năng của miền núi, huyện lãnh đạo tập trung phát triển cây màu ở cả 3 vùng (vùng cao, vùng thấp và biên giới). Nhờ đó sau 1 năm khắc phục hậu quả chiến tranh, tổng diện tích gieo trồng đạt 6.929 ha, trong đó đậu tương là 461 ha, khoai lang, sắn, đao giềng là 585 ha..., sản lượng lương thực đạt 8.910 tấn, trong đó mầu quy thóc đạt 5.323 tấn.

Song song với sản xuất trồng trọt là chăn nuôi được Đảng bộ chỉ đạo chặt chẽ, phải làm cho chăn nuôi huyện miền núi thêm phong phú, đưa chăn nuôi trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện. Do có nhận thức đúng, ngay từ năm 1976 huyện chú ý phát triển chăn nuôi tập thể và hộ gia đình. Năm 1976, tổng đàn trâu

157. Báo cáo số 01-BC/UB ngày 31/12/1979 của UBND huyện, tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1979.

toàn huyện 6.200 con, tổng đàn lợn 12.233 con. Năm 1978 tổng đàn trâu 6.256 con, đàn lợn 13.278 con, chăn nuôi lợn gia đình phát triển mạnh. Năm 1979, do chiến tranh nên đàn gia súc bị giảm sút nghiêm trọng, nhất là trâu 6.000 con, lợn 5.000 con, bò 900 con, ảnh hưởng lớn tới sản xuất và cung cấp thực phẩm cho nhà nước. Năm 1980 công tác thú y, phòng dịch được quan tâm nên đàn gia súc tăng hơn năm trước, trâu 4.094 con, ngựa 2.929 con, bò 242 con[158].

Đi đôi với chỉ đạo sản xuất, Huyện uỷ chỉ đạo các chi bộ triển khai thực hiện Nghị quyết số 61-CP ngày 05/4/1976 của Hội đồng Chính phủ về Cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trước tiên Huyện uỷ chỉ đạo tổ chức lại sản xuất trong các hợp tác xã nông nghiệp và mở rộng quy mô hợp tác xã, trong đó chú trọng cải tiến một bước công tác quản lý, củng cố hợp tác xã, đưa hợp tác xã nông nghiệp lên quy mô lớn và đẩy mạnh phát triển sản xuất. Cuối năm 1977, Huyện uỷ tiến hành sơ kết 1 năm thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, duyệt phương án kinh tế và tổng kết kinh nghiệm cung ứng vật tư nông nghiệp phục vụ hợp tác xã nông nghiệp, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, nóng vội, không coi trọng việc mở rộng quy mô hợp tác xã, đồng thời chỉ đạo củng cố hợp tác xã yếu kém, nên năm 1978 toàn huyện đã có 2.757 hộ, chiếm 59,4% số hộ nông dân vào hợp tác xã nông nghiệp, có 24 cửa hàng hợp tác xã mua bán ở tất cả các xã.

Sau chiến sự biên giới tháng 2-1979, Huyện uỷ kịp thời chỉ đạo tổ chức củng cố lại số hợp tác xã mới bị tan vỡ, tiếp tục phát triển sản xuất. Với sự tập trung chỉ đạo trên nên đến cuối năm 1979, toàn huyện đã củng cố, kiện toàn được 16 hợp tác xã, trong đó có 4 hợp tác xã đang thực hiện tổ chức lại sản xuất, xây dựng mới thêm 4 hợp tác xã ở vùng cao (2 ở Cao Sơn và 2 ở Lùng Khấu Nhin). Năm 1980,

158. Báo cáo số 06-BC/HU ngày 10/5/1981 của Huyện ủy về tình hình phát triển kinh tế xã hội 5 năm (1976-1980).

toàn huyện đã có 20 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 9 hợp tác xã quy mô toàn xã, 3 hợp tác xã đạt tiên tiến.

Công tác định canh định cư tiếp tục được thực hiện gắn với phát triển kinh tế và xây dựng vùng kinh tế mới. Trong những năm 1976-1978, huyện Mường Khương đã nhiều lần nhận đồng bào từ miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, trợ cấp cho những hộ khó khăn lên xây dựng kinh tế 3.600 đồng và 13,7 tấn lương thực. Năm 1978, huyện Mường Khương đã đăng cai tổ chức Hội nghị định canh, định cư toàn quốc. Năm 1979 huyện tiến hành chuyển dân ở 38 thôn gồm 636 hộ với 6.438 nhân khẩu ở biên giới về tuyến sau, sắp xếp ổn định đời sống cho nhân dân ở những nơi sơ tán. Năm 1980, huyện hỗ trợ cho khai hoang ruộng bậc thang, xây giếng nước, làm đường để chuyển 532 hộ vào khu định cư, tổng hỗ trợ là 161.025 đồng và 3.900 kg lương thực. Đồng thời huyện chú trọng củng cố và xây dựng hợp tác xã mua bán và hợp tác xã thủ công để phục vụ cho sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Công tác lâm nghiệp luôn được Đảng bộ quan tâm, việc bảo vệ rừng, trồng rừng mới được tiến hành song song ở cả 2 lĩnh vực hợp tác xã và hộ gia đình. Tháng 8-1978, do tình hình biên giới căng thẳng, huyện Mường Khương đã thành lập 3 lâm trường: Pha Long, Nậm Chẩy, Đản Khao và đã bố trí hơn 1.000 hộ lao động từ miền xuôi vào các lâm trường. Trong 2 năm 1979-1980, toàn huyện trồng mới được 576 ha rừng, gieo ươm 3 ha cây con chủ yếu tập trung ở lâm trường Đản Khao, lâm trường Nậm Chẩy và Pha Long. Riêng khu vực Cao Sơn trồng được 2.000 cây mận Hậu, đồng thời đã tiến hành khai thác được 2.654 m^3 gỗ tròn, 25.000 cây nứa, thu hái được 35 tấn quả sa mộc để lấy hạt giống trồng và củng cố thành lập mới được 22 Ban Lâm nghiệp xã, 29 tổ, đội phòng cháy rừng.

Sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có tiến bộ, năm 1976 các sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp đều đạt kế hoạch với các loại như lưỡi cày, bừa, dao phát, cuốc...đưa tổng giá trị sản lượng

công nghiệp, thủ công nghiệp từ 100.980 ngàn đồng năm 1976 lên 230.000 ngàn đồng năm 1978, tăng 125%. Năm 1980 đã gia công chế biến được gần 100 tấn mỳ, xay xát 44 tấn thóc, may đo trên 4.000 quần áo các loại, sản xuất được 3.500 lưỡi cày nâng tổng giá trị tiểu thủ công nghiệp cả huyện đạt 86 ngàn đồng.

Về xây dựng cơ bản, đã tập trung xây dựng một số công trình, thu dọn vật liệu và sửa chữa các công trình nhà nước. Năm 1977, ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn vì vật liệu không ổn định, tiến độ thi công chậm. Để hoàn thành nhiệm vụ, một số đơn vị đã tự khắc phục khó khăn, tự tìm việc làm cho công nhân để đảm bảo đời sống. Năm 1979, sau chiến sự biên giới, huyện tập trung khôi phục tu sửa được trên 2.466 m^2 nhà ở cho các cơ quan, trường học, bệnh viện,... ở với tổng giá trị thực hiện 58.000 đồng. Năm 1980 tiến hành xây dựng mới được 1.456 m^2 nhà và đã đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 83.520 đồng, đạt 110% kế hoạch.

Ngành giao thông vận tải tập trung sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường liên huyện, liên xã, phát triển giao thông nông thôn. Năm 1976, toàn huyện có 3 tuyến đường dài 98km. Năm 1979 chiến sự biên giới nổ ra, hệ thống giao thông vận tải bị tàn phá, ngay sau khi chiến sự kết thúc, huyện Mường Khương đã tiến hành sửa chữa tuyến đường Mường Khương đi Pha Long, thi công tuyến đường từ Cao Sơn đi Bắc Hà với tổng giá trị thực hiện là 104.000 đồng. Năm 1980, hai tuyến đường Lùng Khấu Nhin đi Lồ Suối Thàng và Bản Xen đi Lao Pán Tẩn được sửa chữa lại do nguồn vốn định canh định cư cấp 15.000 đồng; làm mới đường từ Mường Khương đi Na Đẩy dài 2,5 km với số vốn đầu tư 37.000 đồng, đảm bảo ô tô tải đi lại bình thường. Tháng 8-1979, tuyến đường Cao Sơn đi Tả Thàng được khởi công và khánh thành vào tháng 10-1980 dài 13 km đảm bảo người và ngựa đi lại dễ dàng với tổng giá trị công trình 294.871 đồng.

Hệ thống thông tin, liên lạc đã bảo đảm phục vụ kịp thời cho sự chỉ đạo của huyện. Bưu chính, thư điện báo, báo chí, công văn,...

nhận chuyển phát kịp thời, an toàn, ít nhầm lẫn và ít thất lạc. Trong 2 năm 1979-1980, huyện đã phát hành 4.488 tờ báo với tổng giá trị doanh thu được 43.888 đồng, đạt 105% kế hoạch.

Thực hiện Nghị quyết số 26 của Trung ương, công tác lưu thông phân phối có bước tiến bộ, mạng lưới thương nghiệp được mở rộng xuống các xã, có 16/22 cơ sở xã có hợp tác xã mua bán; thương nghiệp quốc doanh nắm 75% sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, từ 20-30% hàng tiêu dùng và hàng nông sản thực phẩm. Các hàng thiết yếu bảo đảm phục vụ tốt đối tượng được phân phối theo chế độ tem phiếu và kế hoạch. Năm 1976 đã thu mua được 158 tấn lương thực. Năm 1979, do chiến sự biên giới nổ ra nên chỉ thu mua được 146,6 tấn lương thực vụ mùa, một số xã vùng thấp đã hoàn thành vượt mức nghĩa vụ thuế đối với nhà nước là: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Bản Cầm. Năm 1980 đã huy động tổng nhập kho về lương thực được 282 tấn, cung cấp bán ra 1.236 tấn, thu mua 18,8 tấn đậu tương, 1,5 tấn lạc, gia cầm 1.853 kg, trâu bò hơi 8.665 kg...đưa giá trị hàng hóa địa phương mua vào lên 438.647 đồng .

Công tác tài chính, ngân hàng và tín dụng có nhiều cố gắng, việc đảm bảo nguồn thu và công tác huy động vốn phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng an ninh... của huyện được triển khai tích cực và đạt hiệu quả. Hai năm 1979-1980, tổng thu ngân sách địa phương đạt 2.188.000 đồng, tổng chi đạt 2.186.000 đồng, thu tiền mặt đạt 3.714.042 đồng, Ngân hàng đã tích cực vận động mọi người gửi tiền tiết kiệm có số dư 840.895 đồng, tín dụng cho vay trên các lĩnh vực đạt 3.220.900 đồng. Riêng nông trường Thanh Bình đạt 873.687 đồng. Đã làm tốt công tác thu đổi tiền giữa năm 1978 đảm bảo nhanh gọn, an toàn.

Công tác giáo dục - đào tạo được quan tâm, phong trào thi đua *Hai tốt* trong ngành giáo dục được duy trì và đẩy mạnh, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường ở từng cấp đều gần đạt kế hoạch. Năm học 1976-1978 có 27 trường học phổ thông ở 24 xã và 3 trường tập trung của huyện với trên 4.000 học sinh.

Thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 11-01-1979 của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục, Huyện uỷ đã chỉ đạo tổ chức quán triệt trong Đảng bộ, chính quyền các cấp, các ngành và toàn dân, tạo điều kiện cho sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển. Tháng 2/1979, khi chiến sự xảy ra, tất cả các trường lớp trong huyện đều ngừng học tập, các thầy cô giáo và học sinh phải sơ tán về tuyến sau. Ngay sau khi địch rút khỏi Mường Khương, gần 100 giáo viên đã trở về trường, lớp cũ tiếp tục dạy học. Năm học 1979-1980, toàn huyện khai giảng đã có 15 trường cấp I, II mở lại lớp học với 3.014 em, riêng những xã giáp biên giới chưa mở được lớp học trở lại. Năm học 1980-1981, hệ thống trường lớp cơ bản được củng cố, xây dựng lại. Thực hiện chiến dịch "Ánh sáng văn hóa", năm 1980, toàn huyện đã huy động trên 600 học viên (thuộc đối tượng mù chữ phải đi học) đến lớp. Năm học 1980 - 1981, các trường tiểu học và trung học cơ sở đã tổ chức được 119 lớp, gồm 2.626 em, trường thiếu niên dân tộc có 40 em. Riêng trường cấp III và trường phổ thông lao động chưa mở lại được[159].

Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân, kế hoạch hóa gia đình được huyện chú trọng. Năm 1977, các trạm y tế xã được củng cố tăng cường, ngành y tế đảm bảo phun thuốc AT cho 100% các xã và các cơ quan ban, ngành. Việc tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh được triển khai tích cực, năm 1979, khi chiến sự biên giới xảy ra, ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức cấp cứu, phẫu thuật, chuyển tải nhân dân và thương binh về tuyến sau an toàn, đồng thời lập những tổ y tế lưu động phục vụ những nơi trọng điểm. Sau chiến sự, ở huyện Mường Khương đã xảy ra 2 vụ dịch: vụ dịch sốt rét ở các xã vùng thấp, 1.879 người mắc bệnh được điều trị khỏi, vụ dịch lỵ trực trùng xảy ra ở vùng cao, tập trung ở 2 xã: Cao Sơn và Thải Giàng Sán, số tử vong lên tới 55 người. Năm 1980, việc khám

159. Báo cáo số 22-BC/UB ngày 30/12/1980 của UBND huyện về tổng kết thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1980. Báo cáo số 06-BC/HU ngày 10/5/1981 của Huyện ủy về tổng kết kinh tế xã hội 5 năm (1976-1980) và kế hoạch 5 năm (1981-1985.

sức khoẻ, lập lại sổ y bạ cho cán bộ, công nhân viên được triển khai tích cực, ngành Y tế đã điều trị cho 11.000 lượt người, tiêm phòng bệnh cho 2.000 người, cấp phát thuốc và bán ra phục vụ nhân dân trị giá 121.700 đồng, thu mua dược liệu 48.800 đồng (đạt 160% kế hoạch). Đội ngũ y bác sĩ được bổ sung về số lượng, được nâng cao về chất lượng khám chữa bệnh phục vụ nhân dân.

Những năm 1976-1980, phong trào văn nghệ quần chúng của huyện được thưởng 3 huy chương vàng, 01 huy chương bạc. Việc cải tạo phong tục tập quán lạc hậu địa phương theo tinh thần Chỉ thị 214 của Trung ương được tích cực thực hiện bằng nhiều giải pháp, do đó tình trạng nghiện hút, cúng bái mê tín đã giảm, việc tổ chức cưới xin, ma chay có tiến bộ theo nếp sống mới.

Cùng với việc lãnh đạo Nhân dân địa phương phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng bộ huyện Mường Khương còn lãnh đạo ổn định tình hình chính trị, xã hội, giữ vững an ninh, biên giới.

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, các thế lực thù địch đã cấu kết với bọn phản động tiến hành chống phá sự nghiệp cách mạng nước ta. Tại vùng biên giới phía Bắc nước ta, quan hệ Việt Nam và Trung Quốc có nhiều diễn biến phức tạp, Mường Khương là huyện có 86,5 km biên giới đất liền tiếp giáp với Trung Quốc, có 22 cột mốc biên giới và nhiều đường mòn, lối mở truyền thống đi lại tương đối thuận tiện. Trong 3 năm 1978-1980, huyện Mường Khương có 120 hộ với 751 khẩu bỏ nhà cửa, ruộng vườn vượt biên trái phép, gây ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất và đời sống. Trước tình hình trên, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo tăng cường củng cố an ninh - quốc phòng trên địa bàn.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh uỷ năm 1976 *về lãnh đạo công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới,* Huyện uỷ, Ban Chỉ huy Quân sự huyện tập trung giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng trong lực lượng vũ trang, chỉ đạo và tổ chức phối hợp thực hiện tốt

nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự nhất là trên tuyến biên giới; tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo hướng mạnh mẽ, vững chắc và tổ chức đăng ký, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên, thực hiện tốt công tác tuyển quân; củng cố, kiện toàn tổ chức cơ quan quân sự các cấp và các đơn vị bộ đội địa phương, bảo đảm lực lượng vũ trang giữ vai trò thường trực sãn sàng chiến đấu trong mọi tình huống

Qua gần 3 năm thực hiện nghị quyết công tác quân sự của Tỉnh uỷ, công tác quân sự địa phương có những bước phát triển mới, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa tham gia xây dựng kinh tế và bảo vệ an ninh chính trị, giữ gìn trật tự xã hội trên địa bàn, đồng thời là lực lượng nòng cốt trong phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

Quán triệt chủ trương của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về công tác vận động một số hộ dân trên tuyến Một chuyển về tuyến sau (huyện Lục Yên) sản xuất và sinh sống, đồng thời tăng cường công tác quản lý, đưa một số đối tượng vượt biên trái phép về nước; tăng cường sức người, sức của cho xã biên giới và chuẩn bị mọi điều kiện về lực lượng, vật chất, sẵn sàng chiến đấu, sẵn sàng đối phó với chiến tranh mở rộng của địch.

Trước diễn biến phức tạp vùng biên giới tỉnh Hoàng Liên Sơn, ngày 13-2-1978, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết đề nghị Trung ương cho di chuyển các cơ quan đầu não của tỉnh về địa điểm mới. Sau khi xem xét, Trung ương nhận thấy thị xã Yên Bái là địa điểm có điều kiện thuận lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh, quốc phòng, do vậy Trung ương đã có Thông báo số 05/BC-TU ngày 20/02/1978 *về việc xác lập địa điểm đóng tỉnh lỵ của tỉnh Hoàng Liên Sơn, quyết định chuyển địa điểm tỉnh lỵ Hoàng Liên Sơn về thị xã Yên Bái.*

Thực hiện quyết định này, các cơ quan tỉnh lần lượt được di chuyển về thị xã Yên Bái theo sự chỉ đạo chặt chẽ có nguyên tắc

của Đảng bộ, trong khi di chuyển, mọi mặt công tác vẫn được duy trì. Trong việc di chuyển Tỉnh lỵ, Huyện ủy Mường Khương đã chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc, nhằm tránh tâm lý hoang mang, dao động.

Cụ thể hóa quyết định của Tỉnh uỷ, năm 1978 Ban Thường vụ Huyện uỷ đã ra quyết định thành lập Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mường Khương. Thông qua phương án tác chiến cơ bản, kế hoạch phòng chống bạo loạn, huyện và các xã đều hoàn chỉnh phương án tác chiến, phương án phát triển lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, kế hoạch phòng chống bạo loạn, Ban Chỉ huy Quân sự huyện cử cán bộ tham gia đoàn khảo sát, nghiên cứu địa hình vùng biên giới để chuẩn bị bố trí lực lượng sẵn sàng chiến đấu.

Để có thêm sức mạnh sẵn sàng chiến đấu và tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế, năm 1978 huyện Mường Khương có hàng trăm thanh niên lên đường nhập ngũ, lúc này tình hình biên giới có nhiều biến động, huyện đã đẩy mạnh công tác phòng thủ nội địa, xây dựng pháo đài thép, xây dựng lực lượng dân quân du kích, các xã đều thành lập các đội tự vệ, các cơ quan ban, ngành khu vực huyện tổ chức thành các đội tự vệ, tất cả đều được huấn luyện, trang bị vũ khí để chuẩn bị đối phó với mọi tình huống. Công tác phòng không cũng được chuẩn bị tốt, trong 3 năm 1978-1980 toàn huyện đã tiến hành củng cố và đào đắp được 80.900m giao thông hào, huy động xây dựng phòng tuyến, trồng và rào tre biên giới hàng chục vạn ngày công, đồng thời huyện đã tiếp nhận hàng ngàn lao động các tỉnh miền xuôi lên bố trí vào các nông, lâm trường vùng giáp biên để sản xuất và tổ chức thành đơn vị tự vệ được trang bị vũ khí để bảo vệ biên giới và xây dựng khu vực phòng thủ.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở huyện và các xã đều được tăng cường. Năm 1978, huyện kiện toàn trên 400 tổ an ninh nhân dân với trên 10 nghìn quần chúng tham gia. Tháng 01-1979, để xây dựng hành lang phòng thủ biên giới, huyện Mường Khương

tiến hành chuyển 38 thôn với 3.938 khẩu ở giáp biên giới vào các xã phía trong, điều chuyển 119 hộ với 651 khẩu thuộc diện đối tượng chính trị về huyện Lục Yên[160]. Để tăng cường chỉ đạo ở cơ sở, huyện đã bố trí lại chức danh cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các xã: Bí thư, chủ tịch, trưởng công an xã và xã đội trưởng phù hợp công việc. Trong năm 1978-1979, Huyện ủy Mường Khương còn tập trung lãnh đạo ổn định tình hình tư tưởng Nhân dân và cán bộ, giữ vững tinh thần và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, không nghe theo sự tuyên truyền của lực lượng phản động.

Năm 1979, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Mường Khương phải trải qua nhiều khó khăn và thử thách. Sáng sớm ngày 17-2-1979 chiến sự biên giới phía Bắc nổ ra, lực lượng địch đã tấn công vào 23/24 xã của huyện Mường Khương.

Chiều ngày 17/02/1979, Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hoàng Liên Sơn kêu gọi cán bộ, đồng bào dân tộc, các lực lượng vũ trang trong tỉnh bình tĩnh, chủ động cùng quân và dân cả nước nêu cao ý chí chiến đấu, kiên quyết giữ gìn từng tấc đất của Tổ quốc. Ngay trong ngày, Ban Thường vụ Huyện uỷ triệu tập họp khẩn cấp đề ra nhiệm vụ cho các đơn vị sẵn sàng tổ chức chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Ngày 18-02-1979, Đoàn chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã họp khẩn cấp, thông qua lời kêu gọi toàn dân đoàn kết đập tan mọi âm mưu lấn chiếm của kẻ thù. Đáp lời kêu gọi của Uỷ ban Trung ương mặt trận Tổ quốc Việt Nam và thực hiện chủ trương của tỉnh, Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mường Khương đã ra lệnh cho đơn vị bộ đội địa phương, dân quân tự vệ chiến đấu giữ vững địa bàn, tập trung mọi lực lượng chặn bước tiến của địch.

Ngay sau khi chiến tranh xảy ra, Ban Thường vụ Huyện ủy đã phân công ủy viên phụ trách các lực lượng vũ trang, tổ chức đánh

160. Báo cáo số 10-BC/HU ngày 31/12/1979 của Huyện uỷ tổng kết các mặt công tác năm 1979.

giặc; lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng các xã kiên cường bám trụ để chiến đấu, giữ vững an ninh chính trị, đồng thời hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành và nhân dân sơ tán về huyện Bảo Yên, Bảo Hà, Lục Yên... hoặc vào hang đá để tránh địch.

Từ ngày 17/02/1979 đến ngày 15/3/1979, quân và dân huyện Mường Khương đã chiến đấu dũng cảm, kiên cường. Với ý chí, quyết tâm cao giữ vững từng tấc đất của ông cha để lại, quân và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã hiệp đồng tác chiến không lùi bước trước thử thách khó khăn. Sư quả cảm, ngoan cường của quân dân địa phương đã đánh bại mọi hành động xâm lấn, tàn phá của địch, buộc chúng phải rút khỏi địa bàn Mường Khương.

Chiến sự biên giới đã để lại hậu quả nặng nề, gây xáo trộn trên tất cả các mặt đời sống xã hội của huyện. Các cơ quan, trụ sở Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân, huyện đội, trường thiếu niên miền núi.v.v... bị san bằng; nhiều thôn bản bị đốt cháy toàn bộ, cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp bị phá hoại nặng. Tính thiệt hại về tài sản đối với huyện Mường Khương tổng giá trị khoảng 22.156.000 đồng, 230 anh chị em từ miền xuôi lên mới được bổ sung vào các nông lâm trường và 122 chiến sỹ lực lượng vũ trang, cán bộ công nhân viên và nhân dân bị hy sinh.

Ngay sau chiến tranh, Ban Thường vụ Huyện uỷ chủ trương đưa toàn bộ lực lượng vũ trang, cán bộ cùng công nhân viên, lực lượng lao động và nhân dân từ những nơi sơ tán trở về địa phương, đồng thời đưa các cơ quan huyện Mường Khương từ Yên Bái trở về tập kết và làm việc tại địa điểm mới xã Lùng Khấu Nhin.

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ địa phương, nhiều đơn vị cá nhân trong huyện được Đảng, Nhà nước tặng thưởng những danh hiệu cao quý. Quân và dân huyện Mường Khương được Quốc hội và Chính phủ tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, Tiểu đoàn địa phương của huyện

tặng Huân chương chiến công hạng Nhất, 06 cá nhân được thưởng Huân chương hạng Ba, Đồn Biên phòng 133 được phong tặng đơn vị anh hùng, 03 đơn vị dân quân tự vệ cơ sở đạt danh hiệu Quyết thắng, 13 chiến sĩ đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua và 169 chiến sỹ được suy tôn dũng sĩ. Ngoài ra, nhiều đơn vị cá nhân được tỉnh, huyện tặng bằng khen và giấy khen đã có thành tích trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu[161].

Sau chiến tranh biên giới, Huyện uỷ chủ trương thành lập thêm các đơn vị vừa làm kinh tế vừa thường trực sẵn sàng chiến đấu. Trong 5 năm (1976 - 1980), chỉ tiêu kế hoạch tuyển quân đều đạt 100%, các đơn vị hoàn thành xây dựng các kế hoạch, phương án chiến đấu, chương trình huấn luyện trong các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ và củng cố hầm hào vững chắc, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống.

Đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ có công với cách mạng được Đảng bộ huyện luôn quan tâm. Trong 2 năm 1979 - 1980, huyện đã lập xong hồ sơ và xếp hạng thương tật đối với 33 liệt sĩ và 17 thương binh trong chiến tranh biên giới, động viên thăm hỏi thường xuyên các gia đình chính sách, quyên góp 47 tấn lương thực giúp đỡ 11 xã trong huyện thiếu đói; trợ cấp, cứu tế cho cán bộ, nhân dân nơi bị thiệt hại do chiến tranh 333.260 đồng.

Công tác xây dựng Đảng cũng được Đảng bộ huyện quan tâm thực hiện. Đảng bộ huyện đã chú trọng bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên. Trong 5 năm 1976-1980, huyện Mường Khương đã cử 153 cán bộ, đảng viên đi học chính trị các trường: Nguyễn Ái Quốc, Hoàng Văn Thụ, trường Đảng tỉnh và học văn hoá tập trung ở trường phổ thông lao động, trường bổ túc văn hoá v.v... đồng thời điều động, trưng dụng 225 cán bộ các ngành đi xuống giúp đỡ cơ sở.

161. Báo cáo số 01-BC/UB ngày 31/12/1979 của UBND huyện về thực hiện KH Nhà nước 1979; Báo cáo số 10-BC/HU ngày 10/12/1979 của Huyện ủy về tổng kết công tác 1979, phương hướng nhiệm vụ 1980.

Năm 1978, Trung ương và tỉnh tăng cường cho Mường Khương 254 cán bộ, huyện điều động số cán bộ này tăng cường cho xã giáp biên giới. Qua thực tiễn công tác cho thấy đa số cán bộ được điều động về cơ sở đều nêu cao trách nhiệm, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Nhằm thực hiện hiệu quả công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, ngay từ đầu nhiệm kỳ, huyện đã mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương và của tỉnh. Năm 1977, Đảng bộ Mường Khương đã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị, thảo luận đề cương báo cáo chính trị, nội dung Điều lệ dự thảo của Ban chấp hành Trung ương và tiến hành đợt kiểm tra công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng theo Chỉ thị 192 và Nghị quyết 228 của Bộ chính trị. Qua đợt sinh hoạt chính trị trên đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức, lập trường tư tưởng chính trị cho mọi đảng viên.

Bên cạnh công tác tư tưởng chính trị, Huyện uỷ luôn coi trọng công tác củng cố tổ chức cơ sở Đảng, các đảng bộ, chi bộ hàng năm được củng cố, kiện toàn. Năm 1978 toàn huyện có 46 chi, đảng bộ với trên 1.000 đảng viên, trong đó có 24 chi, đảng bộ nông thôn với trên 600 đảng viên. Năm 1980 do phải cắt 2 xã Bản Phiệt, Bản Cầm về Bảo Thắng, nên huyện Mường Khương còn 43 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 18 chi, đảng bộ đạt loại khá. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm, đảm bảo đúng nguyên tắc Đảng. Năm 1979 toàn Đảng bộ kết nạp được 26 đảng viên, phần lớn được thử thách trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Năm 1980 đã mở lớp bồi dưỡng cho 385 đối tượng đảng là quần chúng ưu tú, xét kết nạp được 82 đảng viên.

Thực hiện Nghị quyết 15 và Chỉ thị 72 của Trung ương về tăng cường đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không đủ tư cách. Năm 1977, Đảng bộ huyện tiến hành kỷ luật 12 đảng viên, trong đó có 1 Bí thư chi bộ. 2 năm 1978-1979, Đảng bộ đã tiến hành kỷ luật 100

đảng viên, trong đó khai trừ 49 đảng viên. Năm 1980 xét kỷ luật 59 trường hợp, trong đó có 34 đảng viên cơ quan, 25 đảng viên nông thôn [(3)], qua đó đã làm cho nội bộ Đảng thêm trong sạch, cơ sở đảng thêm vững mạnh, sức chiến đấu của Đảng được tăng cường.

Thực hiện Chỉ thị 83- CT/TW (11-1979) của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát thẻ đảng viên, đến hết năm 1980 đã có 18 chi bộ đảng được phát thẻ đảng viên, đạt 41,8%, với 756 đảng viên đủ tư cách được phát thẻ đảng. Việc phát, nhận thẻ đảng đã củng cố thêm một bước chất lượng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao trách nhiệm của tổ chức đảng và mỗi đảng viên[162].

Công tác xây dựng Đảng những năm 1976 - 1980 của huyện thu được nhiều kết quả, tuy nhiên việc cải tiến lề lối làm việc, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng còn nhiều khó khăn, kết nạp đảng viên còn quá ít so với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, đặc biệt là công tác kết nạp đảng viên dân tộc thiểu số.

Cùng với củng cố, xây dựng Đảng, công tác xây dựng chính quyền và các tổ chức đoàn thể được các cấp uỷ quan tâm. Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt các kỳ bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp với tỷ lệ cử tri bỏ phiếu cao. Qua các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở từng bước được kiện toàn, củng cố, chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng lên, cán bộ đảng viên trẻ có trình độ khoa học kỹ thuật và quản lý nhà nước được tăng cường. Hoạt động của bộ máy chính quyền có chuyển biến tích cực.

Mặt trận Tổ quốc đã phát huy tốt vai trò là trung tâm đoàn kết, quy tụ và chỉ đạo có hiệu quả hoạt động của các tổ chức thành viên, động viên mọi tầng lớp nhân dân thi đua lao động sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, sẵn sàng chiến

162. Báo cáo số 12-BC/BTC của Ban Tổ chức Huyện ủy về tổng kết công tác xây dựng đảng năm 1977, Báo cáo số 25-BC/HU ngày 20/02/1980 của Huyện ủy về tổng kết công tác năm 1980.

đấu bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động của Mặt trật Tổ quốc các cấp đã góp phần tích cực vận động nhân dân hưởng ứng các phong trào ủng hộ vùng thiên tai, ủng hộ những gia đình hoạn nạn, khó khăn

Phong trào phụ nữ được đẩy mạnh, trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, phụ nữ tích cực tham gia phong trào "làm thêm cỏ bỏ thêm phân", phong trào chăn nuôi ủng hộ gia đình giúp nhau vốn, giống. Các phong trào "Ba đảm đang", "Nuôi con khoẻ, dạy con ngoan" được phát động rộng rãi, thu hút đông đảo phụ nữ tham gia.

Trong thanh niên, phong trào "Ba sẵn sàng, đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên" trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước tiếp tục được duy trì. Tháng 12/1976 Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đã quyết định đổi tên "Đoàn thanh niên Lao động Hồ Chí Minh" thành "Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh". Lực lượng đoàn thanh niên trong huyện bước vào thực hiện các phong trào "Lao động tình nguyện, xây dựng Tổ quốc"...Thực hiện các phong trào trên, tuổi trẻ huyện Mường Khương đã tổ chức chiến dịch "Điểm sáng văn hoá" diễn ra sôi nổi, thu hút mọi thanh niên tham gia. Tháng 2/1979 chiến tranh biên giới nổ ra, thanh niên Mường Khương đã sát cánh cùng các lực lượng đứng lên chống kẻ thù, quyết tâm bảo vệ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc.

Trong 5 năm (1975 -1980), Đảng bộ và nhân dân Mường Khương phải đối mặt với chiến tranh, với nhiều khó khăn, thách thức. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, nhân dân các dân tộc Mường Khương đã kiên trì phấn đấu vượt qua gian khổ khó khăn để giành được nhiều thành tựu to lớn trên tất cả các mặt. Trong nông nghiệp, năng xuất lúa đạt trên 5 tạ/ha. Ngành công nghiệp và thủ công nghiệp đã khắc phục được tình trạng thiếu nguyên vật liệu, tiếp tục duy trì sự phát triển; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế mặc dù gặp hoàn cảnh chiến tranh nhưng vẫn được củng cố. Quốc phòng và an ninh đã xây dựng được thế trận quốc phòng toàn dân, lập nên chiến công đánh bại sự xâm lấn biên giới của thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc; công tác xây dựng Đảng

được chú trọng cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức cán bộ; trong Đảng bộ luôn giữ vững sự đoàn kết thống nhất cao.

Từ những kết quả đạt được, Đảng bộ huyện Mường Khương đã rút ra được một số kinh nghiệm lớn, đó là: Phải luôn gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng. Tập trung giải quyết và ổn định đời sống nhân dân gắn với xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của huyện. Tăng cường củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ để đáp ứng mọi yêu cầu nhiệm vụ cách mạng.

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV, XV (1980 - 1985)

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981-1985, nền kinh tế nước ta tiếp tục lâm vào tình trạng trì trệ, kém phát triển, lạm phát tăng nhanh, đời sống nhân dân tiếp tục giảm sút.

Trong khó khăn thử thách, Đảng tìm hướng đi và cơ chế quản lý kinh tế mới. Tháng 12/1980, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương (khóa IV) quyết định mở rộng thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp.

Khắc phục tình trạng trì trệ trong sản xuất công nghiệp, tạo điều kiện cho sản xuất "bung ra", ngày 21/01/1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 25-CP về một số chủ trương và biện pháp nhằm phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh, quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định 26-CP về mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị kinh doanh của Nhà nước. Các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Hội đồng Chính phủ được các địa phương, nông dân, công nhân cả nước phấn khởi đón nhận và thi đua thực hiện.

Quán triệt sâu sắc Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn đã ra Chỉ thị 06/CT-TU ngày 11/6/1981 về tăng cường công tác lãnh đạo cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng bộ Mường Khương xác định: Tận dụng mọi thời cơ thuận lợi, quán triệt sâu sắc và vận dụng phù hợp chủ trương của Trung ương, của tỉnh vào đặc điểm của địa phương; giải quyết từng bước những khó khăn để đưa huyện Mường Khương vươn lên.

Những khó khăn lớn của huyện được Đảng bộ xác định phải đối phó đó là nền kinh tế nhỏ bé, năng suất lao động bình quân đầu người thấp, thời tiết diễn biến bất thường, âm mưu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch, trình độ quản lý kinh tế - xã hội của cán bộ chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ, tiềm năng về đất đai của địa phương chưa được khai thác tốt, những tồn tại của cơ chế quản lý hành chính bao cấp chưa được khắc phục.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ***từ ngày 20 đến ngày 22/5/1980, Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội lần thứ XIV*** tại hội trường huyện ủy. Tham dự đại hội có 79 đảng viên thay mặt cho gần một nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV đã đánh giá kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội XIII nhiệm kỳ 1976 - 1980 và thảo luận báo cáo chính trị dự thảo trình Đại hội XIV[163].

Xuất phát từ đặc điểm tình hình hiện tại là huyện tuyến một của tỉnh, Đại hội đề ra phương hướng chung của huyện là: Nêu cao tinh thần làm chủ tập thể, tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng sẵn có của địa phương, đẩy mạnh phát triển kinh tế, củng cố lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, xây dựng huyện thành pháo đài

163. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIV ngày 24/5/1980.

vững chắc, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược của bọn phản động; xây dựng tổ chức Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh để nâng cao năng lực và sức chiến đấu cho toàn Đảng bộ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong mọi giai đoạn.

Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ này là: Tập trung khắc phục hậu quả chiến sự biên giới; ổn định đời sống nhân dân và xây dựng huyện trở thành pháo đài quân sự vững chắc.

Đại hội Đảng bộ bầu Ban Chấp hành khóa XIV gồm 31 ủy viên chính thức, đồng chí Nguyễn Văn Tung được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Nguyễn Văn Nho, đồng chí Giàng Xóa được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy[164]. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về kế hoạch mở Đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, từ ngày 22 đến ngày 24-9-1980 tại thị xã Yên Bái, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ II được tổ chức. Đại hội kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ Nhất, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và đề ra phương hướng nhiệm vụ, chỉ tiêu cho 2 năm 1980 - 1981.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, tại Hà Nội diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng. Đại hội nghiêm túc tự phê bình và phê bình thẳng thắn những khuyết điểm yếu kém trong lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội. Đại hội đã thể hiện những tư duy mới của Đảng đang được hình thành, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu.

Từ ngày 29-9-1982 đến ngày 03-10-1982, Đảng bộ huyện Mường Khương tiếp tục tiến hành Đại hội lần thứ XV. Đại hội đề ra nhiệm vụ chung của huyện đến năm 1985 là: Ra sức củng cố quốc phòng, xây dựng phòng tuyến, xây dựng lực lượng địa phương và giữ gìn tốt an ninh chính trị, trật tự xã hội. Đồng thời đẩy mạnh

164. Biên bản bầu cử BCH huyện ủy Mường Khương khóa XIV ngày 02/5/1980 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ huyện Mường Khương khóa XIV ngày 22/5/1980.

sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất, từng bước có dự trữ lương thực để dần ổn định đời sống nhân dân.

Để thực hiện nhiệm vụ chung, Đại hội đề ra một số nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu: Giải quyết vững chắc về lương thực, thực phẩm và coi đây là nhiệm vụ hàng đầu của những năm tới. Phấn đấu đến năm 1985 khai hoang phục hóa được 5.903 ha, tổng diện tích gieo trồng được 7.095 ha, năng suất lúa mùa đạt 27,5 tạ/ha, ngô đạt 13 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc là 10.193 tấn, bình quân lương thực mỗi người đạt 25kg/tháng trở lên. Đàn trâu đạt 5.360 con, đàn ngựa 3.500 con, đàn lợn đạt 6.900 con.

Chú trọng tu bổ, bảo vệ chăm sóc rừng, trồng rừng theo hướng giao cho tập thể, thôn bản, gia đình và các cơ quan, đơn vị; nhà nước hỗ trợ giống và kỹ thuật, chống đốt phá rừng một cách triệt để.

Đối với công nghiệp, thủ công nghiệp: phấn đấu bảo đảm đủ công cụ cho sản xuất, sản xuất lưỡi cày trên 4.000 chiếc, cuốc tông 2.000 chiếc, dao phát trên 2.000 chiếc. Phát triển cơ sở vật liệu ngói máng, cơ sở chế biến những mặt hàng có giá trị cao để cung cấp ở địa phương và trao đổi hàng hóa với các nơi khác.

Về giao thông, tiến hành làm mới đường U Thài - Sín Lùng Chải, mở rộng đường Mường Khương - Cao Sơn, Nấm Lư - Lồ Sử Thàng để người, ngựa đi lại dễ dàng; tu bổ trục đường trong huyện đảm bảo thông suốt từ tỉnh đến Pha Long; hình thành các đội vận chuyển, bán chuyên trách bằng sức ngựa, có chế độ chính sách cụ thể.

Trong hoạt động phân phối lưu thông, huyện thống nhất quản lý, phân phối một cách công bằng, đúng chế độ cho cán bộ công nhân, viên chức nhà nước; chống phiền hà, cửa quyền; cải tiến khâu phục vụ cho phù hợp với địa phương. Phấn đấu đến năm 1985, toàn huyện huy động được 330 tấn lương thực, 60 tấn đỗ tương, 55 tấn thịt lợn hơi. Tăng cường thu ngân sách, tiến hành thực hiện đăng ký kinh doanh, bố trí đủ cán bộ thu ở các khu vực, giúp đỡ các ban tài

chính xã thu đúng các khoản thuế đã quy định. Phấn đấu đến năm 1985 thu được 322.754 đồng.

Tập trung củng cố nâng cao chất lượng sự nghiệp giáo dục - y tế - văn hóa xã hội, có kế hoạch bổ túc văn hóa cho đội ngũ cán bộ hiện có, cán bộ kế cận, dân quân trực chiến; mở rộng diện đào tạo học sinh trường thiếu niên miền núi cho lên 100 em; có kế hoạch khôi phục trường phổ thông lao động, giữ vững hoạt động của trường phổ thông cơ sở; cải tiến cách dạy, cách học, thời gian học cho phù hợp với đặc điểm dân tộc vùng cao và điều kiện sản xuất, chiến đấu. Phấn đấu đến năm 1985 số học sinh phổ thông có là 6.360 em, trong đó cấp I là 5576 em, cấp II là 643 em, cấp III là 141 em. Quan tâm đến đội ngũ giáo viên các cấp. Tăng cường chỉ đạo cơ sở thực hiện phòng bệnh, diệt côn trùng mang mầm mống bệnh; xây dựng các công trình vệ sinh gia đình và công cộng; giải quyết nước ăn cho các khu vực Cao Sơn, Pha Long; thực hiện hiệu quả việc khai thác và trồng cây thuốc ở địa phương; hướng dẫn cho nhân dân sử dụng thuốc chữa những bệnh thông thường. Xây dựng mỗi xã một trạm xá với tổng số 70 giường bệnh, bệnh viện huyện có 60 giường, mỗi khu vực có một đội y tế lưu động để chống dịch. Vận động sinh đẻ có kế hoạch, đẻ ít, đẻ thưa, nhất là khu vực nhà nước, giảm mức tăng dân số từ 2,8% xuống 2,6% vào năm 1985. Tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa mới: ăn ở vệ sinh, thực hành tiết kiệm; tổ chức ma chay, cưới xin theo nếp sống mới, chống mê tín dị đoan...

Trong công tác xây dựng Đảng, tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị cho các cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về nhiệm vụ của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới; tin tưởng, phấn khởi thực hiện tốt Nghị quyết 32, 36 của Trung ương, Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng. Chú trọng hình thức tuyên truyền loa đài, khẩu hiệu, sách báo, triển lãm, phim ảnh... tăng cường tuyên truyền tận tới các thôn bản xa xôi, vận động nhân dân các dân tộc đoàn kết

thực hiện tốt các chính sách của Đảng, Nhà nước, vạch mặt âm mưu nham hiểm của kẻ địch.

Tập trung củng cố tổ chức Đảng cơ sở. Đẩy mạnh công tác phát triển đảng, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Phấn đấu đến năm 1985 có 62% đảng bộ, chi bộ đạt trong sạch vững mạnh[165]. Trong công tác cán bộ, huyện xây dựng kế hoạch mở 3 lớp đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ xã; chú ý đào tạo cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số; mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ đã qua rèn luyện và thử thách trên cơ sở sắp xếp theo yêu cầu và tiêu chuẩn biên chế của Nhà nước. Đồng thời đề nghị tỉnh cho tuyển cán bộ địa phương để tăng cường cán bộ cho các ban, ngành của huyện.

Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XV gồm 29 đồng chí, đồng chí Phạm Giảng được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Trần Ngọc Tín, Hoàng Xín Hòa được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy[166].

Ngày 26 - 01-1983, Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn tổ chức Đại hội lần thứ III Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ trong 3 năm 1983-1985: Tập trung mọi tiềm năng, sức lực để đẩy mạnh sản xuất, trọng tâm cấp bách hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và coi trọng đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu; tăng cường lưu thông phân phối, tăng cường củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ quản lý hành chính bao cấp, khuyến khích kinh tế hộ gia đình; coi trọng và đẩy mạnh củng cố quốc phòng an ninh, sẵn sàng chiến đấu, đánh thắng chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch; tăng cường sức chiến đấu của Đảng.

---

165. Báo cáo của Ban Chấp hành huyện ủy khóa XIV ngày 26/7/1982 về tình hình hơn hai năm qua và phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ đến năm 1985.
166. Biên bản bầu cử Ban Chấp hành khóa XV ngày 02/10/1982 và Biên bản bầu cử Ban Thường vụ khóa XV ngày 04/10/1982 tại đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XV.

Sau đại hội Đảng các cấp, Đảng bộ huyện Mường Khương đã tổ chức quán triệt, nghiên cứu học tập và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc. Chương trình hành động của Huyện ủy và các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh, đại hội Đảng toàn quốc và bám sát tình hình đặc điểm của địa phương, cơ quan đơn vị.

Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp, Ban Thường vụ Huyện ủy đã tổ chức các hội nghị quán triệt học tập chỉ thị, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến về chủ trương khoán sản phẩm của Đảng và Nhà nước, các xã đã mở lớp tập huấn cho cán bộ xã và hợp tác xã để mọi người nhận thức rõ sự cần thiết phải thay đổi phương pháp quản lý trong các hợp tác xã, hiểu rõ về những yêu cầu, nguyên tắc, bảo đảm cả 3 lợi ích: Nhà nước, hợp tác xã và cá nhân người lao động. Huyện ủy chỉ đạo: "trong lãnh đạo thực hiện khoán cần phải chú ý căn cứ vào điều kiện cụ thể của hợp tác xã mà vận dụng các hình thức khoán cho sát hợp với đặc điểm sản xuất từng loại sản phẩm, cây trồng". Huyện thực hiện đúng nội dung về cách khoán đối với 5 khâu do tập thể đảm nhận, đó là điều tiết nước, làm đất, giống, phân bón và phòng trừ sâu bệnh, cùng 3 khâu giao khoán cho nhóm và người lao động đó là: Gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch.

Để triển khai việc khoán được thuận lợi, Đảng bộ chủ trương làm thí điểm, sau đó rút kinh nghiệm, thực hiện từng bước vững chắc ở cả vùng thấp và vùng cao. Bước đầu đưa cây lúa và cây đậu tương vào giao khoán. Năm 1981, huyện Mường Khương tiến hành thí điểm khoán ở hợp tác xã Tùng Lâu và Bản Xen, năm 1982 ở thực hiện ở hợp tác xã Lùng Vai, Bản Lầu và Mường Khương. Đến hết năm 1983, toàn huyện có 10/26 hợp tác xã thực hiện khoán sản

phẩm theo Chỉ thị 100. Tuy vậy có một số hợp tác xã còn lúng túng trong việc thực hiện khoán. Nhìn chung, việc đổi mới cơ chế quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, trong 3 năm (1981-1983) ở Mường Khương bước đầu đã làm chuyển biến tình hình sản xuất theo chiều hướng đi lên. Đến năm 1985, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp tiếp tục được củng cố, hoàn thiện và nhân rộng, toàn huyện có 39 hợp tác xã nông nghiệp gồm 2.430 hộ, trong đó vùng cao có 35 hợp tác xã, các hợp tác xã đã thực hiện khoán đến nhóm và người lao động, nhiều hợp tác xã có phong trào khá như Tùng Lâu, Mường Khương v.v...[167].

Nhằm phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ chỉ đạo nhân dân trong huyện tăng cường làm thủy lợi, Phòng thủy lợi Mường Khương đã nghiên cứu tổ chức khảo sát thi công một số công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; tổ chức tu sửa, nạo vét, làm thêm mương máng, gia cố, giải quyết nước tưới cho trên 8.000 ha ruộng nương và cung cấp nguồn năng lượng cho thắp sáng.

Năm 1981, trên địa bàn huyện xảy ra mưa đá nhiều, sâu bệnh hoành hành gây ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, 1.800 ha ngô phải trồng lại, 30 ha lúa đang trổ bông ở vùng thấp mất trắng, 230 ha đậu tương không được thu hoạch. Với sự cố gắng quyết tâm của nhân dân các dân tộc trong huyện, diện tích gieo trồng cả huyện vẫn đạt 6.382 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 1.658 ha, đạt 103% kế hoạch; trồng ngô được 3.604 ha, trồng cây thực phẩm đạt 371 ha; cây công nghiệp đỗ tương đạt 508 ha, năng suất đạt 4,5 tạ/ha. Do diện tích gieo trồng tăng lên nên tổng sản lượng lương thực quy thóc của huyện năm 1981 đạt 8.015 tấn. Năm 1982, Đảng bộ Mường Khương tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, khuyến khích mở rộng diện tích gieo trồng lên 6.954,6 ha, tăng 8% so với năm

167. Báo cáo số 26-BC/HU ngày 25/5/1984 của huyện ủy về tổng kết công tác khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp 3 năm (1981-1983) và Báo cáo số 02-BC/UB ngày 25/2/1985 của UBND huyện về tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1985.

1981. Tổng sản lượng quy thóc đạt 8.712,5 tấn, trong đó thóc 3.731 tấn, ngô đạt 3.688 tấn... Đến cuối năm 1985, do áp dụng tiến bộ khoa học và đưa giống mới như X1, TH2 vào cơ cấu cây trồng, nên đã đưa sản lượng lương thực lên 9.413 tấn, đạt 102% kế hoạch, tăng 286 tấn so với năm 1984. Cây công nghiệp cũng tăng khá, những cây có diện tích tăng nhanh là đậu tương 717 ha, chè 92 ha, mía và dâu tằm sản lượng cũng tăng hơn năm trước. Hợp tác xã và nông dân có thêm thu nhập, đời sống có bước cải thiện.

Về chăn nuôi chủ yếu là chăn nuôi ở gia đình, một số hợp tác xã chăn nuôi trâu bò cày kéo và bước đầu phát triển chăn nuôi bò tập thể ở xã Lùng Vai, Bản Lầu, Nấm Lư, Xí nghiệp lâm nghiệp. Trong chăn nuôi đã tích cực phòng ngừa dịch bệnh cho đàn gia súc, nên năm 1981 tổng đàn trâu toàn huyện đạt 4.621 con, đàn ngựa đạt 3.120 con, đàn lợn đạt 6.220 con, đàn bò có 254 con. Năm 1983 tổng đàn gia súc đạt 16.869 con. Đến năm 1985 đàn gia súc đã phát triển vượt bậc: đàn trâu có 5.981 con, đàn bò có 315 con, đàn ngựa có 3.600 con, đàn lợn có 9.710 con... Chăn nuôi đã đảm bảo đủ sức kéo và phân hữu cơ cho trồng trọt, giải quyết được nhu cầu thực phẩm trên địa bàn huyện.

Trong lĩnh vực lâm nghiệp: năm 1981 huyện tiến hành tổng kết công tác lâm nghiệp, qua tổng kết đã đánh giá mặt mạnh, yếu để rút kinh nghiệm cho những năm sau. Trong năm 1981 đã thành lập được 15 ban lâm nghiệp, 18 tổ phòng cháy chữa cháy rừng với trên 300 người tham gia. Phong trào trồng rừng được nhân dân hăng hái hưởng ứng. Hai năm 1982-1983, huyện Mường Khương triển khai Nghị quyết số 184 của Hội đồng bộ trưởng về giao đất, giao rừng xuống hộ gia đình; huyện thành lập Ban chỉ đạo làm thí điểm ở các xã Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Lùng Vai, Bản Xen với diện tích giao là 212 ha. Đến cuối năm 1983 đã trồng được 4 vạn cây con xa mộc, 5 ha mận hậu ở Cao Sơn... diện tích rừng cháy giảm, việc giao đất giao rừng được thực hiện ở trên 2/3 số xã, đạt trên 60% kế hoạch giao.

Tuy nhiên việc trồng rừng quốc doanh và tập thể đạt còn thấp. Năm 1985, ngành lâm nghiệp đã chỉ đạo tập trung trồng được 9 vạn 5 ngàn cây thông và mỡ, làm được 6 vườn ươm với diện tích 2.000m^2, khoanh nuôi rừng phòng hộ 1.500 ha đạt 75% kế hoạch, giao đất giao rừng cho hộ gia đình được 800ha. Phong trào trồng cây trong cán bộ, công nhân viên và nhân dân phát triển. Hiện tượng đốt phá rừng giảm rõ rệt. Cả năm khai thác được trên 3.000m^3 gỗ giao cho Nhà nước. Bước đầu đưa rừng vào kinh doanh bằng cách trồng loại cây ăn quả và hình thành các vùng chuyên canh, thâm canh cây lương thực và thực phẩm trên 4 vùng kinh tế.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: mặc dù tiếp tục gặp khó khăn về nguyên liệu, điều kiện sản xuất không ổn định, song với quyết tâm khôi phục nên đã giữ vững được sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp ổn định, phục vụ cho nông, lâm nghiệp. Năm 1981, giá trị sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp đạt 80.000 đồng, sản phẩm chủ yếu của tiểu thủ công nghiệp là lưỡi cày và dao phát. Năm 1982, thực hiện nghị quyết của Huyện ủy về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp địa phương, nhiều hợp tác xã mộc, rèn đúc, lò gạch, sửa chữa nông cụ... đã đi vào sản xuất ổn định. Được sự giúp đỡ của tỉnh, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Mường Khương đã từng bước khắc phục được khó khăn do chiến tranh gây ra. Một số sản phẩm làm ra đạt kế hoạch như: 300.000 viên ngói, 1.000 dao phát v.v... đưa giá trị tổng sản lượng năm 1982 đạt 610.940 đồng, đạt 102% kế hoạch, trong đó quốc doanh đạt 2.320.000 đồng. Năm 1983 Huyện ủy tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 25, 26, 146- CP của Hội đồng bộ trưởng, tạo điều kiện cho các đơn vị khai thác nguyên liệu tại chỗ, khắc phục tình trạng thiếu nguyên liệu, do vậy trong 6 tháng đầu năm 1983, tổng giá trị đã thực hiện được 600.000 đồng. Năm 1985, sản xuất vật liệu xây dựng giảm sút rõ nhất là vôi, do lũ lụt gây thiệt hại nên tổng giá trị sản lượng chỉ đạt 328.930 đồng (thấp hơn các năm trước).

Về xây dựng cơ bản, mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng Đảng bộ và chính quyền huyện vẫn cố gắng đầu tư, ngoài nguồn vốn của tỉnh, huyện và các cơ sở vẫn dành một phần quan trọng vốn tự có để đầu tư xây dựng cơ bản phục vụ sản xuất và đời sống. Năm 1981, ngành xây dựng gặp nhiều khó khăn về thời tiết, vật liệu xây dựng thiếu, nhưng vẫn tập trung sửa chữa làm nhà cho các cơ quan được 2.000m^2 với tổng giá trị đạt 219.694 đồng. đạt 14% kế hoạch. Trong năm 1984 và năm 1985, việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật có nhiều tiến bộ, công tác chỉ đạo và vốn đầu tư được bố trí vào những công trình trọng điểm như nhà ở, trường học, trạm xá; nhiều đơn vị thực hiện tốt phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm đạt được hiệu quả rõ rệt, tổng vốn đầu tư 2 năm đạt 4.751.000 đồng, trong đó tỉnh trợ cấp 2.800 đồng.

Nhằm tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển, Đảng bộ huyện luôn quan tâm công tác giao thông, vận tải. Năm 1981, huyện Mường Khương tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng tuyến đường trục từ Mường Khương đi Pha Long - Lùng Khấu Nhin, tiến hành làm mới đường nông thôn xã Tả Thàng. Năm 1982, phong trào làm đường giao thông có nhiều chuyển biến khá, đã đào đắp được 67.400m^3 đất đá với trên 84.000 ngày công, mở rộng tuyến đường Mường Khương đi Cao Sơn dài 22km, tiến hành làm đường U Thài - Lùng Khấu Nhin với tổng số vốn là 788.000 đồng, trong đó có 131.000 vốn định canh định cư. Trong năm 1984 và 1985, ngành giao thông đã tập trung làm mới một số tuyến đường: Lùng Khấu Nhin - Lồ Sứ Thàng, U Thài - Nậm Chảy, Sín Lùng Chải - Tả Thàng, đồng thời bảo dưỡng nhiều trục đường từ xã lên huyện với tổng số vốn đầu tư là 680.000 đồng, trong đó nhân dân đóng góp 80.000 đồng. Những tuyến đường này góp phần phát triển kinh tế, phục vụ nhân dân, tạo thành mạng lưới giao thông liên xã ở vùng dân cư xa xôi, hẻo lánh.

Công tác vận tải được nâng cấp, huyện đã tập trung sửa chữa lại các phương tiện vận tải, đảm bảo việc đi lại của nhân dân trong

huyện. Trong 5 năm, Mường Khương vận chuyển bằng người và ngựa được trên 35 ngàn tấn hàng hóa, vận chuyển bằng xe cơ giới đạt 25.000 tấn/km. Điển hình các xã có đóng góp nhiều công vận chuyển là: Mường Khương, Tung Chung Phố, Lùng Khấu Nhin.

Hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo phục vụ kịp thời các mặt công tác. Năm 1981, doanh thu trên lĩnh vực này đạt 50.000 đồng; chất lượng máy đàm thoại, thông tin được nâng lên. Đến năm 1985, nhờ được sự hỗ trợ của tỉnh, huyện Mường Khương đã cơ bản hoàn thành xong các tuyến đường dây hữu tuyến: Bản Lầu - Lùng Khấu Nhin dài 30km; Lùng Khấu Nhin - Pha Long dài 16km, Sín Lùng Chải - Cao Sơn dài 12km. Các tuyến nội huyện cũng được sửa chữa nâng cấp; hệ thống truyền thanh phát triển đến tận cơ sở nông, lâm trường, hợp tác xã... số loa truyền thanh tăng 60%, bảo đảm tiếp âm đài Trung ương, địa phương theo quy định trên 2.000 giờ/năm.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về cải tiến công tác phân phối lưu thông, huyện Mường Khương đã cơ bản làm chủ được thị trường, thống nhất quản lý lương thực, thực phẩm, vật tư hàng hóa trên cơ sở nắm hàng và tiền. Năm 1981, tổng giá trị thu mua thành phẩm được 5.077.460 đồng, đạt 108,5% kế hoạch, trong đó lương thực là 134 tấn, thịt lợn hơi là 440.86 kg, trâu bò hơi 2.114 kg, gia cầm 677 kg, đỗ tương 1.600 kg... Các mặt hàng bán ra đạt 4.498.280 đồng, đảm bảo 5 mặt hàng định hướng phục vụ cán bộ, công nhân viên và nhân dân (dầu hỏa, muối, xà phòng, vải, thuốc lào). Năm 1982, tổng giá trị bán lẻ toàn huyện đạt 11 triệu đồng, giá trị mua vào là 11.450.000 đồng, đạt 143% kế hoạch. Đến năm 1985, hoạt động thương nghiệp đã có bước chuyển biến, quản lí chặt chẽ hàng hoá nhất là về lương thực. Qua việc bù giá vào lương, các đơn vị đã tích cực thanh toán gọn số hàng còn chịu lại, mở thêm nhiều điểm bán hàng và tăng số lượng một số mặt hàng thiết yếu khan hiếm. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ của thương nghiệp XHCN chiếm trên thị trường bán lẻ là 8.000.000 đồng, đạt 100%. Tuy nhiên đây

mới là sự chuyển biến ban đầu, mọi hoạt động kinh tế vẫn nằm trong cơ chế quản lý bao cấp. Trên thực tế từ sau khi thực hiện đổi tiền, giá cả càng tăng nhanh, đời sống cán bộ, bộ độ, công nhân viên ở khu vực hưởng lương nhà nước và nông dân tiếp tục gặp nhiều khó khăn[168].

Công tác thu chi ngân sách trên địa bàn của huyện năm 1981 đạt 439.529 đồng, trong đó thuế công thương nghiệp 127.000 đồng, đạt 127% kế hoạch; tổng chi 2.304.450 đồng, trong đó chi xây dựng pháo đài 296.000 đồng. Năm 1982, tổng thu ngân sách đạt 6.991.813 đồng, vượt 34,8% kế hoạch. Đến năm 1985, tổng thu ngân sách đạt 3.671.365 đồng, trong đó tỉnh trợ cấp 2.665.000 đồng, tổng chi là 2.576.299 đồng.

Những năm 1980 - 1985, hoạt động tiền tệ, tín dụng đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng quỹ tiết kiệm, đầu tư vốn. Năm 1982, có 100% số xã trong huyện đều gửi tiền tiết kiệm, tín dụng cho hợp tác xã nông nghiệp vay dài hạn được 247.000 đồng, cho vay luân chuyển 16.480.000 đồng và 3.900 vốn lưu động để thu mua nắm nguồn hàng. Đến năm 1985, cán bộ công nhân viên và nhân dân các dân tộc trong huyện đã tham gia mua công trái xây dựng Tổ quốc được 87.830 đồng, đạt 88% kế hoạch, trong đó mua bằng thóc 1.462 kg, tiền gửi tiết kiệm lên tới 3.385 sổ, tổng thu tiền mặt được 7.959.000 đồng, đạt 130% kế hoạch, đã góp phần khắc phục một phần khó khăn về tiền mặt trong huyện.

Công tác định canh, định cư, xây dựng khu kinh tế mới: từ năm 1981 đến năm 1985 đã khai hoang được 93 ha ruộng bậc thang, riêng xã Nấm Lư khai hoang được gần 20 ha, hỗ trợ vốn giúp 3 xã vùng thấp đào 36 giếng nước, chăm sóc và trồng mới 86 ha chè và quy hoạch xong vùng khai hoang định canh, định cư cho 6 xã: Thanh Bình, Nậm Chảy, Pha Long, Tả Ngải Chồ, Tả Gia Khâu và Tung Chung Phố. Đã hỗ trợ vốn xã Lùng Vai, Tung Chung Phố xây

168. Báo cáo số 51/BC-UB ngày 25/7/1985 của UBND huyện về kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XV.

dựng trường học và tiến hành di chuyển 97 hộ giáp biên vào nội địa. Riêng năm 1985, tổng số vốn đầu tư là 193.500 đồng, trong đó có 2.000 m giấy dầu và 25 tấn gạo hỗ trợ cho khai hoang và làm đường.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội 5 năm 1981-1985 tiếp tục được huyện Mường Khương chú trọng. Nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, Huyện ủy chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cho các tầng lớp nhân và tiếp tục thực hiện cuộc vận động nếp sống mới trong việc cưới, việc tang, đấu tranh chống mê tín dị đoan, chống văn hóa phẩm đồi trụy, thường xuyên nhắc nhở nhân dân các dân tộc học tập quy ước "5 xây, 8 chống", in ấn phát hành 2.000 bản tin, có 2 đội chiếu bóng phục vụ 250 buổi cho 40.000 lượt người xem, 1 đội lưu động chuyên đi đến phục vụ nơi xa xôi hẻo lánh, các điểm tựa, đồn biên phòng được 182 buổi. Phong trào văn nghệ quần chúng đã gắn vào những ngày lễ tết, biểu diễn phục vụ nhân dân, qua đó chọn lọc những tiết mục xuất sắc đi tham gia hội diễn trên tỉnh được thưởng 3 huy chương bạc.

Hoạt động giáo dục phổ thông tiếp tục được giữ vững và có bước chuyển biến khá. Năm học 1981-1982 có 144 lớp với 2.856 học sinh từ lớp 1 đến lớp 8 đạt 92% kế hoạch, huy động được 144 người theo học lớp bổ túc văn hóa. Năm học 1982-1983 số học sinh đi học tăng hơn năm trước, toàn huyện có 3.504 học sinh, có 52 nhà trẻ với 1.025 cháu, trong đó trường phổ thông trung học có 2 lớp với 85 em. Tỷ lệ học sinh phổ thông cơ sở tốt nghiệp đạt 87%. Năm 1985, huyện Mường Khương đã mở thêm trường phổ thông cơ sở Chợ Chậu, lớp bán trú vùng cao tại trường Dìn Chin, đồng thời triển khai làm thí điểm đưa chương trình cải cách giáo dục vào vùng cao tại trường Lùng Khấu Nhin. Đặc biệt mở trường phổ thông lao động huyện cho cán bộ chủ chốt cơ sở được 2 khóa với 50 học sinh, xóa mù cho 134 người.

Năm 1981, cả huyện có 20 cơ sở y tế với gần 100 giường bệnh phục vụ khám và điều trị bệnh cho 19.600 lượt người, phát thuốc

17.000 người. Các cơ sở y tế tích cực phòng chống bệnh lỵ, ho gà, sốt rét... nên không xảy ra dịch lớn kéo dài. Ở bệnh viện đã tự pha chế được nước cất, huyết thanh để phục vụ tại chỗ. Năm 1983, ngành y tế đã tiến hành củng cố khu vực bệnh viện, phân viện ở các khu vực. Tiêm phòng sởi cho 2.281 em, cho uống thuốc phòng bại liệt 1.953 em, phun thuốc diệt muỗi ở diện rộng, vận động sinh đẻ có kế hoạch được thực hiện tới cơ sở. Đến năm 1985, toàn huyện có 01 bệnh viện huyện, 10 trạm y tế xã, 3 phân viện khu vực, 2 trạm y tế nông, lâm trường; tổ chức khám chữa bệnh cho 13.540 lượt người. Bước đầu đã kết hợp được giữa y học tây y với y học cổ truyền trong việc khám chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ bác sĩ, y sĩ, y tá... ngày càng được tăng cường.

Dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, các xã đã thực hiện tốt công tác quốc phòng an ninh, chú trọng việc động viên lực lượng vũ trang tham gia sản xuất, chống lũ lụt, làm thủy lợi và vận động nhân dân chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội, các đơn vị bộ đội thường trực và cơ quan quân sự huyện tích cực sản xuất, tăng gia, góp phần tự túc và dự trữ được một phần lương thực, thực phẩm.

Trong 5 năm, Huyện uỷ đã tổ chức nhiều đợt diễn tập và báo động chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, tập trung quân dự bị, động viên nhằm nâng cao ý thức sẵn sàng chiến đấu, trình độ chỉ huy và rèn luyện lực lượng. Nhiệm vụ tuyển quân hàng năm đều đạt 100%. Trong 2 đợt diễn tập năm 1984-1985, huyện đã huy động 3.056 dân quân tham gia huấn luyện, đào đắp 3.750 m công sự và hàng trăm hầm hào, trên 2 vạn lượt nhân dân đã tham gia xây dựng trận địa chiến đấu. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc tiếp tục được đẩy mạnh. Năm 1981, Huyện ủy đặt trọng tâm công tác an ninh vào việc chống gián điệp lợi dụng tôn giáo để gây cơ sở phá hoại. Trong năm, toàn huyện đã xây dựng, củng cố được 400 tổ an ninh nhân dân; việc theo dõi, quản lý hộ tịch, hộ khẩu được tiến hành thường xuyên kịp thời. Năm 1985, Ban an ninh đã kịp thời

ngăn chặn hoạt động dải truyền đơn, cài cắm móc nối cơ sở của địch ở Nậm Chẩy, Dìn Chin. Đồng thời thường xuyên tuyên truyền, tổ chức nhân dân học tập quy ước "5 xây 8 chống" và đã cơ bản hoàn thành xong công tác cấp chứng minh thư cho 9 xã biên phòng, xây dựng thêm 200 tổ an ninh nhân dân, trong đó có 100 tổ hoạt động khá. Lực lượng công an từ huyện đến cơ sở được sàng lọc, đảm bảo chất lượng. Tổng kết công tác an ninh nhân dân năm 1985, toàn huyện có 11 ban công an xã hoạt động khá trong công tác ngăn chặn, đấu tranh, xử lý các vụ vi phạm tài sản XHCN, thu hồi vũ khí, truy quét bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự công cộng, có 5 đơn vị đạt danh hiệu quyết thắng, 4 xã được tặng bằng khen và trên 100 chiến sỹ, nhân dân được tặng giấy khen có nhiều thành tích trong công tác an ninh quốc phòng.

Các chế độ chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ và các đối tượng có công được quan tâm đặc biệt. Trong dịp 27/7 hàng năm, các cơ quan đoàn thể đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng, thường xuyên tu sửa các nghĩa trang liệt sĩ, tạo điều kiện những đối tượng có công, hưu trí, mất sức, không nơi nương tựa được hưởng trợ cấp đúng thời hạn. Năm 1981, hưởng ứng "Năm quốc tế những người tàn tật" huyện Mường Khương tiến hành điều tra 10 xã, phát hiện 116 trường hợp tật nguyền, đã cứu tế 14 tấn lương thực cho 523 hộ thiếu đói lúc giáp hạt, khó khăn.

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị tiếp tục được coi trọng. Huyện ủy chỉ đạo sâu sát công tác củng cố hệ thống chính trị. Năm 1981 và năm 1985, Huyện ủy lãnh đạo nhân dân trong huyện hoàn thành cuộc bầu cử hội đồng nhân dân huyện và xã khóa X, XI với số cử tri đi bầu cử đạt 98 - 99%. Đã hoàn thành việc sáp nhập một số xã theo quyết định của chính phủ.

Hoạt động của các tổ chức đoàn thể được quan tâm chỉ đạo. Đoàn thanh niên duy trì tốt phong trào "3 xung kích", đi đầu trong

sản xuất và chiến đấu. Thanh niên đã tích cực tham gia các phong trào: Khai hoang ruộng bậc thang ở Dìn Chin, Nấm Lư, La Pan Tẩn; thâm canh đưa giống lúa mới vào sản xuất ở 3 xã khu vực Bản Lầu, làm đường U Thài - Thanh Bình. Qua các phong trào, trong 5 năm đã có 457 đoàn viên ưu tú được giới thiệu với Đảng và đã có 187 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng. Hội phụ nữ đẩy mạnh phong trào xây dựng người phụ nữ mới, phụ nữ gương mẫu trong phong trào thâm canh, chăn nuôi, trồng cây lấy sợi... thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, giúp bộ đội cây con, giống, may vá quần áo... Những việc làm tình nghĩa đã khích lệ động viên lực lượng vũ trang. Qua các phong trào thi đua trong 5 năm, Hội Phụ nữ huyện Mường khương được Trung ương Hội tặng Cờ thi đua, các cấp Hội được tặng thưởng 08 bằng khen của UBND tỉnh và của các ban, ngành Trung ương, có 03 phụ nữ được tặng huy chương vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ.

Công tác xây dựng Đảng trong 5 năm tiếp tục được củng cố trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Năm 1984, thực hiện Nghị quyết 07 của Tỉnh ủy Hoàng Liên Sơn, Mường Khương được tăng cường một đợt cán bộ cho huyện và các xã. Từ năm 1981 đến 1985, Tỉnh ủy và Huyện ủy đưa hàng trăm cán bộ xuống giúp đỡ cơ sở yếu kém. Qua phân loại năm 1985 ở huyện và các xã, đã có 13/38 chi, đảng bộ đạt vững mạnh, chiếm 34%; số chi, đảng bộ đạt khá chiếm 30%; số chi, đảng bộ yếu kém còn 26%. Toàn đảng bộ có 659 đảng viên, số đảng viên đủ tư cách chiếm 575 đồng chí, trong đó có 152 đồng chí đạt gương mẫu xuất sắc. Riêng trong 8 xã xây dựng pháo đài của huyện, số đảng viên được phát thẻ đảng là 188 đồng chí. Năm 1985 công tác phát thẻ đảng viên được tổng kết từ cơ sở đến huyện.

Huyện ủy luôn chú trọng lãnh đạo công tác phát triển đảng viên, trong 5 năm 1981- 1985, toàn huyện kết nạp được 241 quần chúng tích cực vào Đảng, trong đó khối cơ quan kết nạp 132 đồng chí, khu vực nông thôn kết nạp 109 đồng chí; đã xóa được 19 thôn

bản trắng chưa có đảng viên. Trong công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy đã chú trọng tăng cường công tác kiểm tra, giải quyết các đơn thư khiếu nại. Chỉ riêng năm 1985, Huyện ủy đã xem xét, xử lý kỷ luật 9 trường hợp, trong đó khai trừ ra khỏi Đảng 4 đảng viên[169(61)]. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng thời gian này còn có hạn chế là chưa xóa hết thôn bản trắng về đảng viên.

Có thể thấy, trong 10 năm 1975-1985, mặc dù gặp khó khăn do tác động bởi khó khăn về kinh tế chung của đất nước và chiến sự biên giới xảy ra, song Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong huyện đã đoàn kết một lòng vượt qua những khó khăn thử thách. Đứng trước tình hình an ninh biên giới ngày càng phức tạp, Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo xây dựng củng cố lực lượng vũ trang, cùng các tỉnh biên giới phía Bắc bước vào cuộc chiến đấu, làm tròn nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ biên giới và tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội. Cũng như các địa phương khác trên tuyến biên giới Việt - Trung, đây là thời kỳ khó khăn nhất của huyện Mường Khương do chiến sự biên giới gây ra; phần lớn cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế, xã hội được nhân dân huyện Mường Khương tạo ra trong những năm miền Bắc xây dựng CNXH (1960 -1975) đã bị chiến sự biên giới tàn phá. Song nhờ biết tập trung chỉ đạo bằng những giải pháp đồng bộ cụ thể, nên sau chiến sự các lĩnh vực đã nhanh chóng được phục hồi và dần đi vào phát triển. Sau chiến sự Biên giới, đời sống nhân dân tuy khó khăn nhưng cơ bản giữ được ổn định; an ninh, quốc phòng được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố. Việc bước đầu thực hiện cơ chế khoán trong nông nghiệp từ năm 1981 đã tạo bầu không khí phấn khởi lao động sản xuất, củng cố niềm tin trong nhân dân vào Đảng và nhà nước.

169. Báo cáo số 19-BC/HU ngày 15/7/1986 của Huyện ủy về kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV và phương hướng nhiệm vụ những năm tới.

Chương V
ĐANG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 2000)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

Trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước từ 1976 đến 1986, đất nước ta đã tìm tòi, thử nghiệm bước đi và đạt được những thành tựu to lớn, làm tiền đề cho bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, từ đầu những năm 80, kinh tế - xã hội nước ta lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, thế giới cũng có nhiều biến động phức tạp tác động đến mọi mặt của đất nước. Trong hoàn cảnh đó, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Với tư duy đổi mới, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, Đại hội đề ra đường lối đổi mới đất nước. Nội dung đường lối đổi mới của Đảng thể hiện đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, thực hiện bố trí lại cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện 3 chương trình mục tiêu: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, xem đó là mũi nhọn quan trọng để phát triển kinh tế trong thời kỳ mới. Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xóa bỏ tập trung, quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế mới phù hợp dựa trên kế hoạch hóa theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, chú trọng đến tính kế hoạch; đồng thời sử dụng đúng đắn các quan hệ hàng hóa, tiền tệ. Các đơn vị sản xuất có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, tự chủ về tài chính, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế. Đồng thời đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của Nhà nước cho phù hợp với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế quản lý mới. Làm rõ

chức năng quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế….

Đại hội VI xác định, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội "nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát của những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo". Đại hội khẳng định, phải kiên quyết đổi mới cách nghĩ, cách làm, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức - cán bộ; đổi mới phương pháp lãnh đạo và phong cách công tác.

Đại hội VI của Đảng đánh dấu bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tạo ra bước đột phá, đem lại nguồn sinh khí mới trong xã hội, làm xoay chuyển tình hình, đưa đất nước tiến lên.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đại hội Đảng các cấp, từ ngày 10 đến ngày 13-10-1986, tại thị xã Yên Bái, Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV khai mạc. Đại hội xác định phương hướng chủ yếu 5 năm (1986-1990) của tỉnh là "*Tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nông, lâm nghiệp thực sự là mặt trận hàng đầu, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm, đồng thời phát triển sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Khai thác khả năng công nghiệp, thủ công nghiệp, mở mang giao thông vận tải, làm chủ phân phối lưu thông và thị trường, hoàn thiện quan hệ sản xuất, thực hiện công bằng xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trên tinh thần tự lực, tự cường để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kinh tế, quốc phòng và tạo thêm những tiền đề vật chất cho những chặng đường tiếp theo trên cơ sở lấy năng xuất chất lượng, hiệu quả làm thước đo".*

Nghị quyết đại hội đã xác định 6 nhiệm vụ lớn:

- Quyết tâm ổn định và phát triển sản xuất, sắp xếp lại cơ cấu, đầu tư theo chiều sâu, đồng bộ hoá các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các nông lâm trường, khai thác mạnh mẽ mọi tiềm năng để phát huy tốt nhất năng lực hiện có.

- Thực hiện tốt cuộc sống công bằng xã hội, ổn định một bước về đời sống vật chất và văn hoá cho nhân dân, đáp ứng tốt về nhu cầu chữa bệnh, đi lại, học hành, phải có sự ưu tiên nơi vùng cao, biên giới.

- Phấn đấu tăng nhanh mức tự cân đối ngân sách và trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng cơ sở vật chất nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển một cách toàn diện phục vụ thâm canh, khai hoang, định canh, định cư.

- Đi sâu củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, đưa nông dân từ làm ăn cá thể vào con đường làm ăn tập thể. Đối với thợ thủ công cá thể và người buôn bán nhỏ được sử dụng tốt, đặt trong sự kiểm soát, liên kết chặt chẽ của nhà nước. Thực hiện đồng bộ cơ chế quản lý mới, chuyển sang hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Đảm bảo đầy đủ nhu cầu về quốc phòng an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quyết tâm đánh thắng chiến tranh phá hoại, chiến tranh lấn chiếm biên giới của kẻ thù.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh, tích cực đổi mới cán bộ, đổi mới tư duy, phong cách, lề lối làm việc. Quản lý giáo dục cán bộ, đảng viên, khắc phục tiêu cực trong Đảng, xây dựng cơ sở đảng đủ sức lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược.

Đường lối đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI và những chủ trương lớn được Đại hội Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ IV thông qua là định hướng quan trọng để Đảng bộ nhân dân các dân

tộc huyện Mường Khương tiếp tục lãnh đạo, vượt qua khó khăn, thử thách để vươn lên phát triển toàn diện.

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, ***trong 2 ngày 19 và 20 tháng 9 năm 1986, tại hội trường Huyện uỷ Mường Khương đã tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI.*** Trên cơ sở đánh giá tình hình địa phương, Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm (1986 - 1990) là: Phải giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm để ổn định đời sống nhân dân. Tập trung mũi nhọn là phát triển nông nghiệp một cách toàn diện, mở mang công nghiệp chế biến, tăng nhanh nông sản hàng hoá và tạo nguồn chủ lực để xuất khẩu. Nghị quyết cũng chỉ rõ những biện pháp phát triển nông nghiệp: Sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp nhằm phát huy thế mạnh từng vùng, tăng nhanh nông sản hàng hoá; thực hiện các chính sách đồng bộ nhằm khuyến khích người lao động yên tâm phấn khởi sản xuất; tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất và tích cực ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật; mở rộng các vùng chuyên canh cây trồng chính; các cấp, các ngành phải chuyển biến mạnh trong nhận thức cũng như hành động, phối hợp đồng bộ, tập trung cho mặt trận nông nghiệp[170].

Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể của 5 năm là: Từng bước đổi mới quản lý trong nông nghiệp... phấn đấu đến năm 1988 tổng sản lượng quy thóc toàn huyện đạt 10.578 tấn, đến năm 1990 là 12.000 tấn, bình quân lương thực đầu người 375 kg. Khuyến khích phát triển chăn nuôi để sớm hình thành các vùng thực phẩm quanh thị trấn huyện. Phấn đấu đến năm 1990 đàn trâu 6.900 con, lợn 12.500 con, ngựa 4.200 con, bò 550 con. Tổ chức nuôi cá có hiệu quả trên các hồ ao.

Bảo vệ rừng hiện có và tăng diện tích che phủ, thực hiện tốt các biện pháp quản lý, ngăn chặn nạn đốt phá rừng. Phấn đấu đến năm 1990 toàn huyện trồng 3.000 ha rừng, khoanh nuôi được 3.000 ha.

170. Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVI.

Tăng nhanh sản xuất hàng tiêu dùng, góp phần trực tiếp vào ổn định đời sống, tăng giá trị hàng xuất khẩu và tạo điều kiện xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật để đạt mục tiêu chung là đến 1988 có đủ lưỡi cày, cuốc, gạch, ngói phục vụ cho sản xuất và đời sống. Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, củng cố các xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp nhằm tận dụng khả năng của công nghiệp quốc doanh, tập thể, gia đình, cá thể ở thị trấn huyện, mở mang các ngành nghề ở nông thôn, nhất là những cơ sở truyền thống nhằm khai thác tốt cơ sở vật chất kỹ thuật và tiềm năng lao động dồi dào hiện có; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị cơ sở; ưu tiên nguồn vật tư chủ yếu cho sản xuất nông cụ, phát huy tinh thần chủ động khai thác nguồn vật tư, nguyên liệu; tập trung giải quyết nguyên liệu cho các mặt hàng xuất khẩu và phục vụ đời sống; tiếp tục xây dựng những chính sách đòn bẩy nhằm tăng hiệu quả sản xuất; tổ chức liên kết với các xí nghiệp để áp dụng tiến bộ về kỹ thuật, quản lý, nguyên liệu; tranh thủ các ngành khoa học của trung ương và tỉnh hỗ trợ kỹ thuật cho địa phương.

Thực hiện chính sách đầu tư mới, với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Hoàn chỉnh, nâng cấp các tuyến đường Sín Lùng Chải - Lồ Sử Thàng - Thanh Bình, tu sửa và bảo dưỡng các tuyến đường hiện có để đảm bảo giao thông đi lại giữa các xã đồng thời phục vụ quốc phòng, phát triển dân sinh kinh tế. Bưu điện nâng cấp kiên cố hai tuyến đàm thoại từ huyện đi Bản Lầu - Pha Long, xây dựng mới 15 km tuyến Nậm Chảy - Lồ Sử Thàng - Đồn biên phòng 211 đảm bảo giao dịch, công văn, thư tín, báo chí từ huyện đi cơ sở kịp thời.

Nâng cao chất lượng dạy và học, nghiên cứu chương trình thời gian và nội dung giảng dạy cho phù hợp với dạy và học ở vùng cao. Các trường học tập trung như phổ thông dân tộc cơ sở, phổ thông lao động, chiêu sinh đúng đối tượng, đủ số lượng và tổ chức quản lý tốt đời sống học sinh, mở các lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ công nhân

viên ở cơ quan và lớp học bồi dưỡng văn hóa kỹ thuật, nâng nghiệp vụ kế toán cho chủ nhiệm kế toán các hợp tác xã, động viên nhân dân xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, chuyển trường phổ thông trung học về Sín Lùng Chải, chỉ để lại ở Bản Sen một phân hiệu.

Đẩy mạnh công tác hoạt động văn hóa thông tin tuyên truyền nhằm giáo dục động viên toàn quân, toàn dân sản xuất và chiến đấu. Xây dựng tốt phòng tuyến văn hóa biên giới chống chiến tranh tâm lý của kẻ địch một cách sắc bén, kịp thời, đẩy mạnh xây dựng nếp sống mới, thực hiện có kết quả việc cưới, tang theo nếp sống văn hóa mới; làm tốt việc cai nghiện; thường xuyên quan tâm đến hai vấn đề bức thiết là kế hoạch hóa dân số và giải quyết việc làm cho người lao động. Đảm bảo phát huy quyền làm chủ tập thể nhân dân lao động và phát huy vai trò của các tổ chức: Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, MTTQ; thực hiện đúng chính sách đoàn kết giữa các dân tộc.

Củng cố và xây dựng tốt về an ninh quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quyết tâm giữ vững đường biên giới của huyện.

Để không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đảng bộ phải đổi mới công tác lãnh đạo trên nhiều mặt: Trước hết phải đổi mới về quan niệm tư duy, đổi mới về bộ máy và hình thức tổ chức.Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo về phẩm chất năng lực để bố trí cán bộ, cán bộ lãnh đạo. Mạnh dạn đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ kế cận theo quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ, xóa sự thành kiến đối với cán bộ nữ. Kết hợp chặt chẽ giữa các lớp cán bộ, giữa cán bộ địa phương và cán bộ nơi khác đến, quan tâm hơn đối với các dân tộc ít người. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy đối với việc quản lý cán bộ chủ chốt xã, các ngành ban trong huyện. Giữ vững nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt trong Đảng; đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, đổi mới hoạt động tổ chức sinh hoạt nội bộ

và phong cách làm việc để phát huy trí tuệ và sự đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đẩy mạnh phê bình, tự phê bình, sửa đổi cách làm việc; đi sâu, đi sát thực tiễn, tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, kết hợp với thanh tra của nhà nước và kiểm tra của quần chúng, thực hiện quy chế làm việc của tổ chức Đảng. Đồng thời phải thường xuyên nâng cao phẩm chất cách mạng cho các cán bộ, đảng viên, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, tăng cường công tác thông tin và xây dựng lại trường Đảng của huyện.

Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành khóa XVI gồm 33 ủy viên chính thức, 8 ủy viên dự khuyết, đồng chí Trần Ngọc Tín được bầu làm bí thư Huyện ủy, đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Hoàng Xín Hòa được bầu làm phó bí thư Huyện ủy.

Trong năm 1987, Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung quán triệt, học tập đường lối đổi mới của Đảng và xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết hội nghị Trung ương 2, 3, 4, 5 khóa VI. Sau 2 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và Nghị quyết Đảng bộ huyện lần thứ XVI, tình hình kinh tế, xã hội huyện Mường Khương có bước chuyển biến quan trọng. Tuy nhiên, cũng như các địa phương trên cả nước, trong 2 năm 1987 - 1988 là thời gian những chủ trương đổi mới đang ở thời gian thử nghiệm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, nên những nội dung đổi mới của Đảng chưa làm thay đổi căn bản đời sống xã hội.

Để tiếp tục lãnh đạo đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống, phát triển mạnh mẽ hơn nữa kinh tế, xã hội địa phương, ***từ ngày 29 đến ngày 30-12-1988, Đảng bộ Mường Khương tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XVII***. Dự đại hội có 71 đại biểu chính thức, 2 đại biểu dự khuyết. Đại hội kiểm điểm về việc thực Nghị quyết Đại hội lần thứ XVI, đề ra phương hướng chung đến năm 1990 là: *Tiếp tục thực hiện các mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đề ra, bổ sung giải pháp thực hiện 3 chương trình kinh*

tế một cách hợp lý theo hướng đi vào sản xuất hàng hóa, xây dựng Mường Khương có kinh tế phát triển và bảo vệ vững chắc biên giới lãnh thổ Tổ quốc.

Đại hội bổ sung điều chỉnh một số mục tiêu lớn đến năm 1990 của huyện, cụ thể như sau:

Về chương trình lương thực thực phẩm, mục tiêu cần giải quyết vững chắc về nhu cầu lương thực ở khu vực nông thôn, đồng thời bảo đảm một phần lương thực đối với cán bộ công nhân trong huyện. Phấn đấu đến năm 1990 tổng sản lượng quy thóc đạt 11.800 tấn. Tiếp tục củng cố xây dựng phong trào hợp tác hóa, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới theo tinh thần nghị quyết 02 của Tỉnh ủy, nghị quyết 10 Bộ Chính trị và nghị quyết 11 của Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVI. Trong chăn nuôi xác định 4 loại vật nuôi chính (lợn, bò, trâu, ngựa), rau đậu các loại, phấn đấu đến năm 1990 trồng được 764 ha, lạc là 100 ha...

Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng, ngoài HTX chuyên doanh và nông nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế khác cùng sản xuất đủ nông cụ với chất lượng tốt có nhiều đồ dùng chế biến lâm sản. Đặc biệt sản xuất các loại ngói xi măng, ngói máy để phục vụ nhân dân. Phấn đấu tổng giá trị công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 1989 là 3.500.000 đồng, năm 1990 là 4.000.000 đồng.

Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu được chia làm 2 bước, những năm đầu chủ yếu là khai thác nguyên liệu có sẵn trong địa phương như: Trúc, song, mây, nghệ, chít (kể cả vầu và nứa), liên kết với các đơn vị trong và ngoài tỉnh để làm hàng xuất khẩu. Về lâu dài tiếp tục tập trung trồng chè, thảo quả, quế, cây ăn quả, thăm dò trồng cây gấu tầu, đương quy, xuyên khung v.v...

Biện pháp thực hiện quy hoạch vùng là xác định khả năng của vùng thảo quả, vùng chè bổ sung phương thức đầu tư cho các hộ gia đình sản xuất theo vùng đã được quy hoạch. Phấn đấu năm 1990 có

120 ha chè tập thể và gia đình, 20 ha cây ăn quả, cây quế 10 ha. Vận động toàn dân tham gia làm hàng xuất khẩu.

Xây dựng cơ bản kết hợp các nguồn vốn của trên và của địa phương xây dựng một số công trình trọng điểm như: Bệnh viện huyện 50 - 70 giường, hoàn chỉnh trường phổ thông trung học, trường phổ thông dân tộc nội trú, xây dựng mới và hoàn chỉnh 6 công trình cấp nước phục vụ tưới và nhu cầu sinh hoạt của dân và các cơ quan. Khảo sát thiết kế làm luận chứng tiến tới xây dựng trạm thủy điện Pạc Trà từ 500 đến 600 KW, bảo dưỡng nâng cấp các tuyến đường hiện có, hoàn chỉnh tuyến đường sông Xanh, mở đường người ngựa Lồ Sử Thàng đi Pha Long, làm tiếp tuyến đường km 15 đi Nậm Chẩy.

Công tác lưu thông phân phối: Lương thực hàng năm giao nộp cho nhà nước 700 tấn năm về lương thực, đậu tương năm 1989 bán cho nhà nước 100 tấn, năm 1990 là 120 tấn, thịt lợn 70 tấn/năm. Đẩy mạnh thu ngân sách địa phương, khai thác triệt để các nguồn thu trong đó có thu thuế sát sinh, khoán cấp về thu chi ngân sách ở một số xã có điều kiện, ưu tiên chi đầu tư, đảm bảo về tiền và hàng đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của nhân dân và lực lượng vũ trang, mở lại cụm dịch vụ khu vực Pha Long.

Hoạt động văn hóa xã hội tiếp tục thực hiện nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về phát triển giáo dục ở vùng cao, phấn đấu xóa mù chữ cho độ tuổi từ 16 - 40. Củng cố mạng lưới y tế xã, phân viện khu vực, khai thác các nguồn dược liệu, kết hợp đông tây y trong chữa trị bệnh. Đẩy mạnh công tác phòng bệnh, lấy phòng bệnh đi trước một bước. Hạ tỷ lệ tăng dân số từ 3,2% năm 1988 xuống 2,8% năm 1990. Tập trung chỉ đạo đầu tư đồng bộ đối với 1 - 2 xã vùng cao, từng bước tạo dựng được mô hình định canh định cư, bố trí bổ sung thêm cụm dân cư ở khu vực Tả San, xây dựng làng bản mới, từng xã, từng cụm khu vực dân cư có quan hệ sinh hoạt tương đối gần nhau. Xây dựng

những quy ước về không thả giông gia súc, quy ước về cưới xin, ma chay, quy ước về trật tự trị an về chống vượt biên trái phép.

Đối với công tác quốc phòng và an ninh, thực hiện chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc của Đảng, nhà nước ta, nhưng phải hết sức cảnh giác, xác định rõ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thực hiện phương án tác chiến phòng thủ cơ bản của huyện; phương án tác chiến của các đồn - xã chiến đấu, cụm chiến đấu. Thường xuyên củng cố lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Khối cơ quan xung quanh huyện tổ chức hợp thành đại đội tự vệ, cấp ủy huyện sẽ cử 01 đồng chí sang phụ trách chính trị; Ban Chỉ huy Quân sự cử 01 đồng chí sang làm phó quân sự. Tiếp tục hoàn chỉnh các công trình quốc phòng để trụ bám đánh địch, lấy xã Bản Lầu làm điểm xây dựng làng xã chiến đấu, rút kinh nghiệm chung. Tập trung làm tốt công tác tuyển quân, xây dựng nâng cao sức chiến đấu của các đồn biên phòng, lực lượng bộ đội địa phương theo tinh thần nghị quyết 03 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Công an, đồn biên phòng cần chủ động nắm địch, nắm dân, nắm đối tượng (nắm người, nắm hộ). Hạn chế thấp nhất tình trạng vượt biên trái phép. Chủ động đập tan mọi âm mưu gây rối, gây bạo loạn của kẻ địch. Từng bước củng cố bộ chỉ huy quân sự huyện và xây dựng huyện Mường Khương thành khu vực phòng thủ phía trước của tỉnh.

Về công tác xây dựng Đảng, để xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trước hết là đổi mới phương pháp tư duy, đổi mới về phong cách lãnh đạo một vấn đề quan trọng là phải đổi mới về phương thức lãnh đạo kinh tế. Quyết tâm tập trung củng cố xóa các chi bộ yếu kém. Phấn đấu đến năm 1990 Đảng bộ Mường Khương đạt huyện vững mạnh. Nâng cao chất lượng đảng viên, phát triển nhiều đảng viên mới trong sinh hoạt hội họp phải khơi dậy, khai thác sự tham gia đóng góp của mỗi thành viên, thể hiện được sự tập trung trí tuệ, chống xuôi chiều, gượng ép. Xây dựng

được chương trình làm việc của toàn khóa cấp ủy, quy chế về mối quan hệ giữa các cấp ủy với Hội đồng nhân dân, giữa cấp ủy với Ủy ban nhân dân, giữa cấp ủy với Ban Thường vụ, giữa Ban Thường vụ với Thường trực cấp ủy.

Công tác cán bộ bổ sung từng bước hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ từ xã đến huyện. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch. Tập trung củng cố kiện toàn các đoàn thể, trong nhiệm kỳ cấp ủy phải ra được các nghị quyết chuyên đề về Đảng lãnh đạo đối với các đoàn thể. Hàng quý, đồng chí chủ chốt các đoàn thể phải đến báo cáo hoạt động của đoàn thể mình và xin chủ trương chỉ đạo của thường trực cấp ủy, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm lấy dân làm gốc. Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa trong Đảng bộ và quần chúng. Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy Nhà nước để nâng cao hiệu lực của chính quyền, nhất là chức năng quản lý, điều hành xã hội. Nhà nước thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên tất cả các lĩnh vực.

Đại hội bầu ra Ban chấp hành khóa XVII gồm 21 ủy viên chính thức, 06 ủy viên dự khuyết, đồng chí Trần Ngọc Tín được bầu làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Phạm Ngọc Sửu, đồng chí Hoàng Chúng được bầu làm Phó Bí thư Huyện ủy[171].

Như vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVI, XVII đã vận dụng đường lối đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương.

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, XVII

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn, Đảng

171. BCH Đảng bộ huyên Mường Khương: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII.

bộ và Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương phát huy truyền thống cách mạng ra sức thi đua thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về kinh tế, thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU về xây dựng và củng cố tổ chức, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp, nhằm hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và đặc điểm của miền núi, khơi dậy tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề của các thành phần kinh tế để phát triển sản xuất theo hướng kinh doanh tổng hợp trong các hợp tác xã nhằm thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế lớn của Đảng của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung lãnh đạo thực hiện 3 chương trình kinh tể trọng tâm.

Trên lĩnh vực kinh tế nông nghiệp, Đảng bộ xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu nên đã tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là chương trình lương thực, thực phẩm theo hướng mở rộng diện tích, luân canh tăng vụ, tích cực thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Nhờ đó, diện tích gieo trồng cây vụ đông, vụ mùa sớm tăng nhanh, phương pháp luân canh: lúa xuân - lúa mùa sớm - cây vụ đông được áp dụng rộng rãi, đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Một số giống lúa, ngô ... có năng suất cao được đưa vào sản xuất ở các vùng chuyên canh cho năng suất ổn định.

Xuất phát từ tình hình thực tế và ý kiến đề xuất của các xã, năm 1987 Huyện ủy chỉ đạo chính quyền tổ chức khảo sát thực trạng tình hình sản xuất nông nghiệp ở một số xã vùng cao và một số xã vùng thấp. Qua khảo sát, huyện đã nắm được những bất cập trong thực tiễn và có kết luận: Cơ chế khoán sản phẩm theo Chỉ thị số 100/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) đã phát huy tác dụng, tạo ra động lực mới trong sản xuất nông nghiệp, làm thay đổi bước đầu cơ chế quản lý trong hợp tác xã. Song, việc thực hiện Chỉ thị số 100/CT-TW cũng đã bộc lộ những hạn chế, đó là hợp

tác xã vẫn bị ràng buộc trong tổng thể cơ chế tập trung quan liêu, một số quyền lợi của xã viên chưa được đáp ứng phù hợp với thành quả lao động.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 10/NQ-TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Quan điểm mới thể hiện trong Nghị quyết là coi hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã, đồng thời ruộng đất được giao ổn định trong 15 năm cho nhóm và hộ xã viên. Nghị quyết 10/NQ-TW của Bộ Chính trị giải quyết được hai vấn đề rất quan trọng là giải phóng sức lao động ở nông thôn và giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích, đảm bảo lợi ích chính đáng của người sản xuất.

Nghị quyết 10 của Trung ương (gọi tắt là "khoán 10") được nông dân huyện Mường Khương hưởng ứng tích cực. *Khoán 10* như thổi luồng gió mới vào đời sống nông thôn, tạo nguồn sinh khí mới, mang lại động lực mới kích thích nông dân đầu tư vào khai thác, phát huy những tiềm năng sẵn có để phát triển kinh tế nông nghiệp. Năm 1986 huyện đã cử cán bộ xuống củng cố cơ sở 6 xã giáp biên với 63 hợp tác xã theo thôn bản phù hợp với trình độ quản lý vùng cao và 3 xã nội địa. Đông thời tiến hành thống kê ruộng đất ở 3 xã, phân hạng ruộng đất 5 xã, khoanh bao đất nông nghiệp ở 8 xã với tổng diện tích 38ha. Đến cuối năm toàn huyện có 101 hợp tác xã với 4.047 hộ lao động và 24.293 khẩu chiếm 90,2%. Năm 1990 tình hình hợp tác xã cũ có biến động lớn, hàng chục hợp tác xã có quy mô toàn xã, liên thôn chấp nhận nguyện vọng của xã viên đã điều chỉnh lại theo quy mô thôn, xóm; nhiều hợp tác xã xóa bỏ cách thức quản lý cũ, xác định hộ gia đình nông dân là đơn vị sản xuất được nhận ruộng đất, trâu bò để sản xuất; Ban quản lý mới bầu ra ít người hơn và chỉ điều hành công việc chung và được củng cố theo Nghị quyết 10. Trong quá trình sản xuất, nhiều hộ gia đình bắt đầu khôi phục lại ngành nghề truyền thống.

Đầu năm 1988, Quốc hội ban hành luật đất đai và đã được Đảng

bộ Mường Khương nhanh chóng tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân. Thực hiện cơ chế khoán mới, tình hình sản xuất nông nghiệp ở huyện Mường Khương có nhiều khởi sắc, nông dân phát huy ý thức làm chủ trên diện tích nhận khoán. Nhưng một vấn đề mới nảy sinh ở Mương Khương cũng như cả nước là xuất hiện tình trạng tranh chấp ruộng đất xảy ra. Trước tình hình đó, ngày 31/8/1988 Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 47/CT-TW về việc giải quyết một số vấn đề cấp bách về ruộng đất.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị, Huyện ủy Mường Khương tập trung chỉ đạo, giải quyết tình trạng tranh chấp ruộng đất và tổ chức thí điểm thực hiện Luật đất đai. Đồng thời, chỉ đạo các tổ chức kiểm tra, phát hiện, xử lý nhiều trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích... Thực hiện Luật đất đai, trách nhiệm quản lý của các cấp chính quyền, ý thức chấp hành kỷ cương pháp luật của các tổ chức, cá nhân về đất đai từng bước đi vào nền nếp; hạn chế tranh chấp ruộng đất giữa nông trường, lâm trường với hợp tác xã và nông dân, giữa các làng bản với nhau; nhiều vụ phức tạp về đất đai, gây mất đoàn kết nông thôn và ảnh hưởng đến sản xuất, trật tự trị an được kịp thời giải quyết. Việc áp dụng cơ chế quản lý mới đã tạo điều kiện để thành phần kinh tế hộ gia đình phát huy ưu thế, các hộ nông dân chủ động trong sản xuất, tận dụng đất đai, tích cực thâm canh, nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng. Thu nhập của xã viên ngày càng tăng. Ở vùng thấp và cùng cao xuất hiện nhiều hộ nông dân có thu nhập cao bằng kinh tế VAC (Vườn - ao - chuồng). Nhiều hộ gia đình mạnh dạn nhận đất đồi rừng để lập vườn rừng, trại rừng sản xuất kinh doanh. Một số gia đình đầu tư mua sắm máy xát gạo, nghiền thức ăn gia súc ...

Cơ chế khoán mới trong nông nghiệp đã tạo động lực thúc đẩy sản xuất hàng hóa. Năm 1986 tổng diện tích gieo trồng cả năm thực hiện được 6.524 ha, trong đó ngô 3.682,63 ha, đậu tương 559,4 ha, sản lượng lương thực quy thóc đạt 8.946 tấn đạt 93% kế hoạch

tỉnh giao. Bình quân lương thực đầu người đạt 267 kg/năm. Năm 1990 thời tiết tương đối thuận lợi, gieo trồng được 7.112,83 ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 10.515,17 tấn, trong đó thóc là 4.441,83 tấn, bình quân 280kg/người[172]. Sản xuất lương thực tăng đã thúc đẩy chăn nuôi phát triển. Năm 1986 đàn trâu đạt 6.097 con, đàn lợn 10.069 con đạt 100,2% kế hoạch, đàn ngựa 3.709 con, đàn bò 426 con, đàn dê là 388 con. Đến năm 1990 tổng đàn gia súc đạt 21.832 con tăng 4,9% so năm trước. Chăn nuôi phát triển và chính sách tự do lưu thông đã khắc phục được tình trạng thiếu sức kéo và đảm bảo cung cấp thực phẩm phục vụ đời sống. Sản lượng thịt lợn bình quân thời kỳ 1986 - 1990 tăng 3,1% so thời kỳ trước.

Nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng kinh tế rừng và khắc phục khó khăn về vốn, huyện đã thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng trồng rừng", gắn lợi ích của người làm nghề rừng với trách nhiệm bảo vệ và làm giàu vốn rừng. Trong 5 năm, huyện hoàn thành 80% kế hoạch trồng rừng tập trung, năm 1986, trồng được 120 ha cây trầu, 30 ha cây sa mộc, tiến hành giao đất giao rừng ở 6 xã được 881 ha cho 1.026 hộ. Đến năm 1990 toàn huyện chăm sóc rừng trồng được 196,5 ha, trồng rừng phòng hộ đầu nguồn sông chảy được 341,5 ha rừng mới, gieo trồng được 10.000 cây sa mộc, 5.000 cây quế, giao đất cho các cơ quan và các hộ gia đình được 250 ha đất trống, giao khoanh nuôi được 1.050 ha và giao rừng phòng hộ được 200 ha.

Ngành lâm nghiệp đã điều chỉnh quy mô của lâm trường cho phù hợp với khả năng sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, huyện có chính sách khuyến khích người lao động trực tiếp đầu tư vào trồng cây, làm vườn, thực hiện nông - lâm nghiệp kết hợp. Từ năm 1986 - 1990 các lâm trường đã trồng mới được 3.000 ha rừng tập trung, dẫn

172. Báo cáo số 04/BC-HU ngày 2/1/1987 của Huyện ủy về tình hình các mặt công tác năm 1986; Báo cáo số 12/BC-UB ngày 31/12/1990 của UBND huyện về tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1990.

đầu phong trào trồng cây, phủ xanh đồi trọc là xã Bản Cầm, Bản Phiệt. Công tác bảo vệ rừng được chú ý, cùng với việc vận động giáo dục nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ rừng, Đảng bộ lãnh đạo các cấp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn việc phá rừng và vận chuyển gỗ trái phép, lực lượng kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chức năng phát hiện nhiều vụ vi phạm. Năm 1990 xử lý 14 vụ, tịch thu 13,2m^3 gỗ thành khí, thu nộp ngân sách được 5.650.000đ, vượt 12% kế hoạch giao.

Công tác định canh định cư đã tập trung vào nhiệm vụ ổn định sản xuất của đồng bào vùng cao. Năm 1986, huyện đã đầu tư hỗ trợ khai hoang được 49,7 ha nương ruộng bậc thang hoàn chỉnh, vượt 19,7 ha so kế hoạch, hỗ trợ tiền vốn, lương thực cho các xã làm bể nước, trồng chè, làm thủy lợi, di chuyển 48 hộ dân thôn giáp biên vào nội địa. Đến năm 1990 với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã xây dựng 2 bể nước ăn vùng cao, xây dựng trạm xá và trường học khu vực Cao Sơn với tổng số vốn là 40.560.000 đồng, tiếp tục đầu tư 11.100.000 đồng để trồng 20 ha thảo quả và 6 ha mận tam hoa, hỗ trợ 20 tấn lúa phục vụ sản xuất ở khu vực Na Lốc. Hoàn thành khảo sát thiết kế công trình thủy lợi ở Na Lốc, đang tiến hành khôi phục đập Cân phục vụ cho sản xuất.

Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngay từ đầu nhiệm kỳ XVI, Huyện ủy xây dựng kế hoạch chuyên đề và chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện đổi mới chính sách sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương. Với chủ trương phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp để phục vụ nông nghiệp và đời sống nhân dân, các xã các ngành có nhiều cố gắng tổ chức sản xuất và cung ứng nông cụ, lưỡi cày, cuốc, liềm ... các điểm sửa chữa nhỏ, cung ứng một số mặt hàng phục vụ đời sống như: gạch, ngói, gốm sứ dân dụng, hàng dệt ... Các xí nghiệp mộc xẻ, cơ khí, chú trọng đầu tư đổi mới thiết bị, phương tiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu

cầu tiêu dùng và phát triển kinh tế của địa phương.

Trong 2 năm 1987 - 1988, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các ban ngành, các xã về chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý theo Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy và tổ chức thí điểm thực hiện hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Qua nhiều đợt thực hiện, nhiều cơ sở sản xuất quốc doanh và ngoài quốc doanh đã có sự chuyển biến tích cực, tìm được thị trường tiêu thụ, duy trì được sản xuất, công nhân có việc làm, chất lượng một số sản phẩm khá hơn trước.

Đối với khu vực ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển nhằm sản xuất thêm các mặt hàng tiêu dùng phục vụ cuộc sống. Thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-TW ngày 15-7-1988 của Bộ Chính trị (khóa VI) về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và hướng dẫn các ngành, các cấp tổ chức thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và những định hướng chỉ đạo đổi mới của Huyện ủy về chính sách và quản lý đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các ngành, nghề truyền thống. Đổi mới quan điểm, cơ chế có tác dụng tích cực, làm thay đổi nhận thức của người lao động, tạo động lực để các thành phần kinh tế phát triển, thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được hưởng ứng tích cực và đã đạt được kết quả bước đầu.Việc sử dụng lao động, kỹ thuật, nguồn vốn, vật tư của các thành phần kinh tế trong sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn; kinh doanh dịch vụ và kinh tế hộ gia đình phát triển cả ở nông thôn, thị trấn. Ngành dịch vụ phát triển đã tạo thêm việc làm và phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Năm 1986 giá trị sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp

là 1.429.500 đồng, các sản phẩm chủ yếu như lưỡi cày 5.462 chiếc đạt 135,1% kế hoạch, dao phát 2.600 chiếc, cuốc tông 1.000 chiếc. Năm 1988 tổng giá trị công nghiệp, thủ công nghiệp đạt 9.785.000 đồng. Năm 1990 các hợp tác xã rèn đúc được củng cố, đã sản xuất được hàng trăm ngàn viên ngói, có 5 lò vôi, bước đầu đi vào chế biến nông lâm sản đồ gỗ, bột đao, sắn say sát. Các sản phẩm phần lớn hàng tiêu dùng đã đáp ứng một phần nhu cầu phát triển nông nghiệp và công nghiệp địa phương và bước đầu đã có mặt bằng không chỉ phục vụ trong huyện mà còn bán ra cả huyện bạn như: đồ mộc, lưỡi cày, cuốc tông, dao phát...

Công tác xuất nhập khẩu và đối ngoại có chuyển biến tích cực: Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện đã xác định phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và coi đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại là "nhiệm vụ quan trọng chiến lược" và là một trong ba chương trình kinh tế lớn. Huyện ủy đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp thực hiện với các cơ quan xuất nhập khẩu, kiện toàn tổ chức bộ máy, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ làm công tác thương mại, quản lý thị trường... Tăng cường nắm thông tin, tìm hiểu thị trường, mở rộng các thành phần tham gia hoạt động xuất khẩu. Đổi mới công tác lãnh đạo, chỉ đạo cho tương xứng với vị trí, nhiệm vụ trong tình hình mới. Huyện có những giải pháp đồng bộ, hợp lý trong tổ chức sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng chính sách khuyến khích sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu như: Chú trọng quản lý hoạt động thu mua hàng xuất khẩu, tăng cường hình thức ký hợp đồng về hỗ trợ vốn, kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm để người lao động yên tâm đầu tư sản xuất; Có biện pháp tích cực và phương thức thanh toán hợp lý đối với những mặt hàng chủ lực như: Gạo Séng cù, tương ớt, đỗ tương, lạc, chuối xanh và một số thực phẩm khác; Quan tâm chỉ đạo ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao chất lượng hàng hóa nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường. Do có chủ trương đúng

đắn và sự chỉ đạo kịp thời, chương trình phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại đã đạt được những kết quả bước đầu đáng khích lệ.

Trong thời kỳ chuyển đổi sang sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa khiến cho nhu cầu hoạt động giao thông vận tải tăng nhanh. Đáp ứng nhu cầu này, huyện Mường Khương chủ động chỉ đạo cung cấp phương tiện vận tải, chuyển đổi mô hình các dịch vụ vận tải cho phù hợp với cơ chế mới. Năm 1986 giải mặt đường được 552m^2, xây 10 cống thoát nước, làm mới 01 cầu gỗ, giá trị thực hiện 1.258.000 đồng đạt 110% kế hoạch. Tổng 2 năm 1987 - 1988 huyện hoàn thành và bàn giao tuyến đường Lùng Khấu Nhin - Lồ Sử Thàng dài 16 km thông tuyến ô tô đi được, san hót tuyến Bản Phiệt - Mường Khương, U Thài - Lùng Khấu Nhin và Hoàng Liên Sơn II đảm bảo nhu cầu đi lại bình thường, làm mới 15 km đường giao thông liên thông. Năm 1989 - 1990 với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, phòng giao thông huyện đã triển khai khoán bảo dưỡng đường đến từng công nhân được 95km. Tổng giá trị thực hiện được 211.280.000 đồng. Đã xử lý và giải phóng trên 90 lều quán vi phạm an toàn giao thông[173]. Các hợp tác xã vận tải tự huy động vốn mua sắm phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh, các hợp tác xã vận tải (chủ yếu ngựa thồ) tập trung phục vụ sản xuất phù hợp với quy mô kinh tế của huyện, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, hệ thống đường giao thông còn khó khăn.

Cùng với triển khai thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, việc đổi mới cơ chế quản lý, kế hoạch tài chính có chuyển biến bước đầu. Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ huyện lãnh đạo đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao

173. Báo cáo của Huyện ủy về tình hình các mặt công tác các năm 1986,1987, 1988, 1989,1990.

cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch hướng dẫn là chủ yếu; mở rộng phân cấp cho cơ sở quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, quyền chủ động tài chính, gắn trách nhiệm với quyền lợi của người lao động. Cơ chế quản lý mới bước đầu đi vào cuộc sống, số đông cán bộ quản lý có chuyển biến về nhận thức, thay đổi nếp nghĩ, cách làm, phương thức quản lý theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tình trạng quản lý theo cơ chế quan liêu, bao cấp trong các đơn vị sản xuất kinh doanh, quốc doanh và tập thể được khắc phục dần, các hiện tượng tiêu cực trong quản lý giảm đáng kể; tổ chức bộ máy bước đầu được sắp xếp lại, phương thức kinh doanh có đổi mới, từng bước vươn lên thích ứng với cơ chế thị trường, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Cơ sở vật chất kỹ thuật và công trình phúc lợi công cộng được tăng cường và được quản lý, sử dụng hợp lý; các chính sách xã hội được chỉ đạo thực hiện tốt. Nét nổi bật của cơ chế quản lý mới là việc thực hiện cơ chế một giá, bước đầu gắn cơ sở sản xuất kinh doanh với thị trường, giảm hẳn việc cấp vốn ngân sách và bù giá, mở rộng giao lưu vật tư, hàng hóa, hạn chế tình trạng tích lũy vật tư, hàng hóa và lợi dụng chênh lệch giá. Huyện triển khai thực hiện chính sách thuế mới. Một số nguồn thu ngân sách được triển khai tốt hơn, giảm các khoản chi có tính bao cấp. Năm 1986 toàn huyện thu ngân sách 12.104.144 đồng đạt 126% kế hoạch, trong đó thu tại địa phương 3.121.104 đồng, tổng chi ngân sách 11.603.280 đồng, đạt 144,5% kế hoạch. Năm 1988 tổng thu ngân sách 94.119.846 đồng, tổng chi ngân sách 88.637.514 đồng, đảm bảo phục vụ hoạt động của các ngành các cơ sở theo nhiệm vụ và thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ công nhân viên trên địa bàn. Đến năm 1990 thu chi ngân sách tăng 13% so năm trước, tổng thu đạt 840.000.000 đồng đạt 120% so với kế hoạch. Tổng chi là 833.000.000 đồng, trong đó chi giáo dục đào tạo là 250.000.00 đồng, y tế thể dục thể thao 966.000.000 đồng... Về tiền tệ mở rộng đầu tư qua tín dụng, chuyển hoạt động ngân hàng sang

kinh doanh. Việc thực hiện chính sách tăng lãi suất tiền gửi tiết kiệm góp phần làm tăng vốn tiền mặt của ngân hàng, từng bước khắc phục được tình trạng mất cân đối tiền mặt[174].

Về xây dựng cơ bản, huyện tập trung vốn cho xây dựng các công trình: trụ sở cơ quan, trường học, nhà kho... với số vốn 2.222.826 đồng. Năm 1988 huyện tiến hành xây dựng nhà văn hóa và tòa án huyện. Năm 1989 thực hiện Quyết định 107 của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện Mường Khương tập trung thi công xây dựng lại huyện lỵ tại phố Mường Khương (cũ) theo quy hoạch. Năm 1990 về cơ bản các công trình xây dựng lại huyện lỵ Mường Khương đã hoàn thành với tổng số vốn đầu tư là 481,5.000.000 đồng. Thực hiện Thông báo số 68 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc di chuyển huyện lỵ, từ ngày 1/8/1990 các cơ quan đã hoàn thành việc di chuyển từ Lùng Khấu Nhin về làm việc tại khu vực huyện lỵ mới. Tuy còn nhiều khó khăn về cơ sở vật chất nhưng các cơ quan, gia đình cán bộ công nhân viên chức đã cố gắng khắc phục và sớm được ổn định

Trong công tác phân phối lưu thông thu mua nắm nguồn hàng địa phương, các ngành chức năng đã phát huy tốt hàng mua vào bán ra, thị trường có tổ chức, tiếp tục được mở rộng từ huyện đến cơ sở. Năm 1986 tổng mức huy động lương thực được 475.675 kg, thu mua nông sản thực phẩm đạt 14.271.000 đồng, thực hiện bán ra đạt 21.000.000 đồng, phong trào hợp tác xã mua bán phục vụ nhân dân có ở 16/16 xã.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 2, từ năm 1987, các cấp các ngành đã có nhiều biện pháp tích cực thực hiện mục tiêu "bốn giảm"; ban hành một số chính sách mới nhằm khuyến khích khai thác các nguồn hàng, tiền của địa phương, đồng thời mở rộng liên kết kinh tế với các huyện bạn, cải tiến công tác phân phối lưu thông,

174. Báo cáo số 31/BC-HU ngày 28/9/1988 của Huyện ủy về tình hình thực hiện công tác 9 tháng năm 1988 và Báo cáo số 12/BC-UB ngày 31/12/1990 của UBND huyện về tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1990.

củng cố hợp tác xã mua bán, tăng cường quản lý thị trường. Do đó, việc nắm hàng, nắm tiền đạt kết quả khá, hạn chế đáng kể rối ren trong phân phối lưu thông, giảm được mức bội chi ngân sách, tiền tệ, kìm hãm giá cả đột biến. Năm 1990 thị trường được mở rộng hơn, lưu thông thông suốt, hàng hóa phong phú. Tổng giá trị mua vào đạt 250.000.000 đồng, trong đó thu mua lương thực được 30,7 tấn thóc, thực hiện bán ra đạt 321.000.000 đồng. Hệ thống thương nghiệp quốc doanh đã bước đầu đổi mới phương thức mua bán cho thích hợp với hoạt động của thị trường nhiều thành phần. Mạng lưới bán lẻ hàng hóa quốc doanh được mở rộng. Hàng năm huyện vẫn coi trọng đầu tư cho hợp tác xã đủ sức thực hiện các mục tiêu kinh tế, làm nghĩa vụ đối với nhà nước, góp phần xây dựng phòng tuyến an ninh quốc phòng.

Về văn hóa - xã hội: Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước về giáo dục, Huyện ủy, Uỷ ban nhân dân huyện chỉ đạo ngành giáo dục từng bước sắp xếp lại hệ thống trường lớp cho phù hợp với nhu cầu phát triển giáo dục và tình hình kinh tế - xã hội ở từng địa phương. Nhờ vậy, chất lượng dạy và học của các trường được nâng lên một bước. Số học sinh học khá ngày càng tăng. Việc chống mù chữ đạt kết quả. Năm 1986 có 4 ngành học đạt 100% kế hoạch. Trường phổ thông lao động, thiếu niên vùng cao tiếp tục được củng cố và duy trì. Phong trào bổ túc văn hóa có nhiều cố gắng đã mở được một số lớp ở các xã vùng cao biên giới ở Nậm Chẩy, Mường Khương, Nấm Lư, Dìn Chin, Pha Long, Cao Sơn, La Pán Tẩn, Tả Thàng và lớp bán ký túc xá. Năm 1987, ngành học phổ thông cơ sở có 18 trường, 137 lớp với 2.970 học sinh, trường phổ thông trung học có 1 trường 2 lớp với 127 học sinh, bổ túc văn hóa tập trung có 90 học viên gồm cán bộ chủ chốt, kế cận ở các xã về học, xóa mù chữ cho 120 học viên. Mẫu giáo có 12 lớp với 160 cháu. Năm 1989, huyện bước đầu đã khắc phục được cơ sở vật chất, ổn định tổ chức cho đội ngũ giáo viên, học sinh, tiến hành chuyển trường phổ thông trung học từ Bản Sen lên huyện lỵ Mường Khương (cũ). Năm 1990,

ngành giáo dục chủ động tham mưu đề xuất ý kiến, xây dựng kế hoạch, rà soát bố trí lực lượng hợp lý, phân vùng giáo dục. Toàn huyện có 142 lớp với 3.021 học sinh phổ thông, xóa nạn mù chữ cho 528 học viên. Nhiều nơi quan tâm xây dựng trường lớp, mua sắm bàn ghế, đã thanh toán được tình trạng học 3 ca. Tuy vậy, tình trạng học sinh bỏ học vẫn còn, nhất là ở nông thôn, cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục. Một số chế độ đối với giáo viên phổ thông, mẫu giáo, mầm non, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên công tác ở miền núi chưa được các cơ sở thực hiện nghiêm túc.

Ngành y tế có nhiều cố gắng trong việc tổ chức bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng đạt kết quả, 6 bệnh dịch ở trẻ em giảm rõ rệt, nhu cầu cấp thuốc thông thường được đảm bảo, bệnh viện huyện khắc phục khó khăn về kinh phí, vật tư, thiết bị, đầu tư thêm thiết bị y tế, đổi mới trang thiết bị phục vụ việc khám, chữa bệnh cho nhân dân, tăng cường cán bộ xuống cơ sở kiểm tra thường xuyên; các trạm xá các xã cũng được quan tâm tăng cường cơ sở vật chất. Năm 1986 hoạt động y tế tập trung nâng cao chất lượng phục vụ y tế và điều trị bảo vệ sức khỏe cho nhân dân và ngăn chặn các dịch bệnh xảy ra, đặc biệt phong chống bệnh sốt rét cho 16/16 xã trong huyện. Từ năm 1988 - 1990 ngành đã tích cực tiêm phòng bệnh nhiệt thán, ho gà, sởi, bại liệt, bướu cổ... được 8.734 mũi, khám bệnh cho 11.714 người, điều trị cho 12.942 người, trong đó cấp thuốc điều trị cho bệnh sốt rét là 1.500 người, pha chế dịch truyền nước cất được 108,5 lít. Hoạt động của Hội Chữ thập đỏ đã góp phần vào phong trào phòng bệnh, phòng dịch và cứu trợ đồng bào gặp khó khăn.

Hoạt động văn hóa - thông tin, thể thao có chuyển biến nhất định, ngành văn hóa đã bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đóng góp quan trọng vào việc thông tin tuyên truyền đường lối đổi mới, duy trì sự ổn định về chính trị trước những diễn biến phức tạp

của tình hình thế giới; củng cố miền tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Ngành văn hóa, thể thao tiếp tục duy trì phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng. Hoạt động văn hóa ở các xã có tiến bộ, tích cực đấu tranh ngăn chặn việc truyền bá văn hóa phẩm có nội dung độc hại, tổ chức các hoạt động thiết thực phục vụ kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm. Một số môn thể thao truyền thống tiếp tục được duy trì và phát triển.

Công tác quốc phòng và an ninh được tăng cường, Ban Chỉ huy Quân sự huyện đã chủ động và tích cực phối hợp với các ban ngành, đoàn thể tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng. Năm 1986, Ban Chỉ huy Quân sự huyện tiến hành rút gọn các đơn vị bộ đội địa phương thành các khu dự bị động viên, tiếp tục củng cố về tổ chức biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Phối hợp với bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo xây dựng điểm công tác quốc phòng, an ninh ở 3 xã: Mường Khương, Tả Ngài Chồ, Tung Chung Phố. Mỗi xã được tăng cường thêm một tổ công tác xây dựng cơ sở giúp cho cấp ủy, chính quyền các xã xây dựng chi bộ, chính quyền vững mạnh. Lực lượng dân quân, tự vệ tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng; lực lượng dân quân chiếm trên 11% dân số toàn huyện, lực lượng tự vệ chiếm 10% tổng số cán bộ, công nhân viên (trong đó lực lượng thường trực chiến đấu chiếm trên 45% tổng số lực lượng dân quân tự vệ). Cùng với việc củng cố, chấn chỉnh về tổ chức, biên chế, công tác huấn luyện chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương được đẩy mạnh. Thông qua các cuộc diễn tập FA5 - 86 đã có 1.733 dân quân tự vệ tham gia, báo động kiểm tra quân số, đơn vị dự bị động viên các xã đảm bảo thời gian nhanh nhất, có 78,5% đơn vị có xã đạt đơn vị khá, giỏi về huấn luyện quân sự và hoàn thành nhiệm vụ chính quyền địa phương. Thực hiện Chỉ thị ngày 23/6/1987 tỉnh Hoàng Liên Sơn, để kiểm soát chặt chẽ tình hình khu vực biên giới, Ban chỉ huy các lực lượng vũ trang huyện đã lập kế hoạch kiểm tra chặt chẽ qua lại biên giới, buôn bán đưa hàng vào nội địa huyện.

Thực hiện Nghị quyết 03/NQ-TU ngày 06-7-1988 và Nghị quyết 04/NQ-TU ngày 23-7-1988 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh, huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc nhằm bảo vệ an ninh trong tình hình mới, huyện Mường Khương đã tiến hành diễn tập theo phương án xây dựng mô hình làng xã chiến đấu, củng cố vùng xung yếu Nậm Chảy, Tả Ngài Chồ, huyện chỉ đạo rút kinh nghiệm ở 2 xã và tiếp tục triển khai củng cố xã Pha Long một điểm xung yếu trên địa bàn huyện. Từ năm 1989, các đơn vị tuyến một cơ bản được sắp xếp ổn định xong, hệ thống các đồn biên phòng được củng cố, tăng cường hầu hết ở các xã biên giới, tuyến phòng thủ được xây dựng bảo đảm yêu cầu mới trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Công tác tuyển quân có nhiều cố gắng, các cấp ủy đảng, chính quyền phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi thanh niên nhập ngũ, duy trì chế độ đăng ký và quản lý thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự, hàng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân, đảm bảo nhanh, gọn, an toàn, đúng thời gian, chất lượng. Lực lượng công an không ngừng được củng cố, phát động phong trào quần chúng, xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc và tiến hành nhiều đợt tấn công truy quét tội phạm có tác dụng và đạt hiệu quả nhất định. Năm 1986 toàn huyện xây dựng 230 tổ an ninh nhân dân, 23 ban bảo vệ các cơ quan, trong đó có 96 tổ an ninh nhân dân khá. Năm 1990 các tổ an ninh nhân dân luôn được duy trì đã chặn đứng việc lợi dụng tuyên truyền đạo, xưng vua đón chúa kích động chia rẽ đoàn kết các dân tộc trong huyện, lập hồ sơ cải huấn được 148 đối tượng, giữ vững an ninh trật tự, an toàn xã hội.

Về xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện Nghị quyết số 34 của Chính phủ, Thông báo số 46/TB-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Nghị quyết của Tỉnh ủy về sắp xếp lại bộ máy, tổ chức bộ máy trong cơ quan Đảng, chính quyền theo hướng giảm biên chế, rút gọn đầu mối, trong 5 năm (1986-1990), toàn huyện đã tinh giảm một số đơn vị trực thuộc Huyện ủy và Ủy ban, chuyển

nhiều cán bộ, nhân viên hành chính sang sản xuất, kinh doanh và giải quyết nghỉ việc theo chế độ. Qua sắp xếp bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức được xác định rõ hơn, giảm bớt được cấp trung gian.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy quan tâm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao chất lượng các hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức cho đảng viên và quần chúng học tập về đường lối đổi mới, cổ vũ các nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống những quan điểm và nhận thức sai trái, lệch lạc, bảo vệ đường lối và các quan điểm đúng đắn của Đảng. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, niềm tin và sự nhất trí của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với đường lối và quan điểm đổi mới của Đảng được tăng cường. Trường Đảng huyện liên tục tổ chức các lớp đào tạo lý luận chính trị cho đảng viên và cán bộ xã, phường, bồi dưỡng cho hàng nghìn quần chúng và đối tượng kết nạp Đảng. Phổ biến nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội cho 80% đảng viên trong Đảng bộ.

Từ năm 1986 đến năm 1990, Đảng bộ tập trung lãnh đạo thực hiện cuộc vận động nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội theo tinh thần Nghị quyết 04/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa VI). Thực hiện Nghị quyết 8B của Ban chấp hành trung ương Đảng (3-1990) về đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng, Nhân dân và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng về đấu tranh chống tham nhũng, ngày 14-7-1990 Huyện ủy tiến hành triển khai cuộc vận động "củng cố tổ chức Đảng, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu được đội ngũ cán bộ, đảng viên". Trong quá trình thực hiện cuộc vận động, Huyện ủy chỉ đạo các cấp ủy khẩn trương tổ chức nghiên cứu các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy và tiến hành cuộc vận động một cách nghiêm túc. Cuộc vận động

được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân lao động đồng tình hưởng ứng, ủng hộ và hoan nghênh, coi đây là việc làm cấp bách, cần thiết để củng cố Đảng vững mạnh, tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân, làm chuyển biến nhận thức về công tác xây dựng Đảng.

Trong 5 năm (1986 - 1990), toàn Đảng bộ kết nạp được trên 200 đoàn viên thanh niên ưu tú vào đảng, trong đó có hơn 20% là nữ, 15% là công nhân trực tiếp sản xuất. Kết quả đó đã góp phần làm tăng thêm sức mạnh cho Đảng. Đến năm 1990, Đảng bộ huyện Mường Khương có 38 tổ chức cơ sở Đảng với tổng số 642 đảng viên, trong đó đảng viên chính thức là 572 đồng chí, đảng viên dân tộc ít người có 366 đồng chí. Cơ sở Đảng đạt vững mạnh là 16. Năm 1987, thành lập Đảng ủy quân sự huyện. Năm 1990, qua kiểm điểm phân loại có 93,95% đảng viên đủ tư cách, trong đó có 25,88% đảng viên phát huy vai trò tiền phong gương mẫu[175].

Cùng với tăng cường củng cố tổ chức Đảng, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được kiện toàn, chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo và đại biểu Hội đồng nhân dân được nâng cao. Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều đổi mới, sinh hoạt đúng kỳ, bàn và quyết định những vấn đề thiết thực, trọng yếu. Đại biểu Hội đồng nhân dân duy trì mối liên hệ với cử tri, tập hợp được nguyện vọng, kiến nghị của cử tri, thông báo tới cử tri các hoạt động và nghị quyết của Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp có tiến bộ trong việc quản lý, điều hành, đảm bảo chế độ lãnh đạo tập thể, cụ thể hóa các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội của địa phương; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật và nghĩa vụ đối với Nhà nước. Trong 5 năm 1986 - 1990, Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là cấp cơ sở có nhiều cố gắng phấn đấu vươn lên. Phần lớn chủ tịch, phó chủ tịch xã được bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, 2/3 số xã bầu trưởng thôn, trưởng

175. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVII.

bản, giúp chính quyền cơ sở đi sâu, đi sát vào cuộc sống của người dân, nắm bắt kịp thời những vấn đề nảy sinh ở thôn xóm, đề ra chủ trương, biện pháp giải quyết sát đúng, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cũng được đổi mới, Huyện ủy đã chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng khắc phục những khó khăn, tăng cường vận động nhân dân trong huyện thực hiện nhiệm vụ chính trị, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc, tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Cuộc vận động "Mua công trái xây dựng Tổ quốc" và các phong trào: "Phụ lão làm giàu đẹp quê hương", "Xây dựng tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa", "Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật", phong trào "Hội nông dân sản xuất giỏi", "Công trình thanh niên", "Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình", "Nuôi con khỏe, dạy con ngoan"... được đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia tích cực và mang lại hiệu quả thiết thực. Đặc biệt, từ năm 1990 với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 8B của Ban chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân, tích cực vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, thi đua phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch Nhà nước, tích cực tham gia xây dựng chính quyền nhân dân, tham gia tuyên truyền giáo dục góp phần tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII (tháng 7/1987), đảm bảo dân chủ, an toàn, đúng luật.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, XVII, trong điều kiện nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, sản xuất nông - lâm - công nghiệp gặp khó khăn, thiếu vật tư, tiền vốn, song Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện phát huy truyền thống cách mạng, nỗ lực phấn đấu và thu được nhiều kết quả quan trọng. Sản lượng lương thực tăng, bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước; kinh tế quốc

doanh từng bước chuyển sang hạch toán; kinh tế hộ gia đình phát triển, thị trường phong phú và đa dạng, cơ sở vật chất - kỹ thuật được nâng cao. Đời sống nhân dân nhìn chung ổn định; một bộ phận được cải thiện rõ rệt. Quốc phòng, an ninh được đảm bảo. Hoạt động của hệ thống chính trị có bước đổi mới, dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy, vai trò lãnh đạo của Đảng được củng cố, đội ngũ cán bộ của huyện có bước chuyển biến về nhận thức, trình độ, phương pháp quản lý.

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 1991 - 1995

Bước sang thập niên cuối của thế kỷ XX, tình hình chính trị thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt là sự khủng hoảng và tan vỡ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở đông Âu và Liên Xô, gây tổn thất nặng nề đối với phong trào cách mạng thế giới. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đang đứng trước thử thách gay gắt, nhất là phải ra sức đấu tranh giữ vững quan điểm, lập trường chính trị và đấu tranh chống lại mọi âm mưu phá hoại toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa của các thế lực thù địch.

Đối với Việt Nam, công cuộc đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã tiến hành được 5 năm và đạt được kết quả quan trọng, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Đây là một yếu tố thuận lợi cơ bản để giữ vững chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng về kinh tế- xã hội. Mọi vấn đề đổi mới vẫn còn trong giai đoạn kiểm nghiệm, lại chịu ảnh hưởng từ sự tan vỡ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, sự phá hoại của các thế lực thù địch với âm mưu cơ bản "diễn biến hòa bình", đặt ra nhiệm vụ mới hết sức nặng nề cho Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp từ ngày 17 - 27/6/1991 đã đề ra phương hướng nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm

1991 - 1995, trong đó xác định "Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là "... vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế, xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay"[176].

Đại hội đã thông qua cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội đến năm 2000; báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng (Điều lệ Đảng sửa đổi).

Cương lĩnh là ngọn cờ chiến lược, định hướng sự phát triển của đất nước trong một thời gian dài. Vì vậy, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH đã đánh giá tổng quát quá trình cách mạng Việt Nam và nêu lên năm bài học kinh nghiệm lớn; nêu rõ quan niệm của Đảng ta về CNXH mà nhân dân ta sẽ xây dựng và con đường đi lên CNXH trong thời kỳ quá độ để thực hiện mục tiêu của CNXH. Cương lĩnh cũng nêu lên những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại về hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng.

Để phát huy mạnh mẽ tiềm năng, thế mạnh, khắc phục có hiệu quả những hạn chế, yếu kém, đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở mọi địa phương, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ ngày 27/7 đến ngày 12/8/1991) đã ra Nghị quyết chia tách tỉnh Hoàng Liên Sơn thành hai tỉnh: Lào Cai và Yên Bái. Ngày 01/10/1991, hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái chính thức đi vào hoạt động với tư cách là hai đơn vị hành chính độc lập.

Tỉnh Lào Cai được tái lập, huyện Mường Khương thuộc tỉnh Lào Cai, tiếp tục sự nghiệp đổi mới trong điều kiện có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn do lịch sử để lại.

Ngày 15-3-1991, Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XVIII. Đại hội có 74 đại biểu thay mặt

176. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, trang 60.

cho trên 600 đảng viên trong huyện về dự. Đại hội Đảng bộ huyện vòng 1 đã có 27 ý kiến thảo luận vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng, Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn lần thứ V gồm 8 đồng chí, trong đó 7 đại biểu chính thức và 1 đại biểu dự khuyết[177].

Từ ngày 11 đến 15-8-1991, tại xã Mường Khương đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVIII (vòng 2). Dự Đại hội có 77/79 đại biểu triệu tập. Đại hội đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVII, đề ra mục tiêu chung là: "Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện đời sống vật chất văn hoá của nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tốt chủ quyền quốc gia". Xây dựng huyện thành huyện lâm - nông nghiệp - tiểu thủ công nghiệp giàu mạnh. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh[178]. Để đạt được mục tiêu chung trên, Đại hội đề ra nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn 1991 - 1995 là:

- Tích cực sản xuất hàng hóa để ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế; tạo bước tiến bộ trong thâm canh; định hình diện tích cây ăn quả, cây đặc sản, gắn sản xuất với chế biến, lưu thông; đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật.

- Đặt trọng tâm vào sản xuất lương thực, thực phẩm. Tăng cường thâm canh cây lúa nước, ngô, đậu tương, giảm dần diện tích lúa nương. Phấn đấu đến 1995 đạt tổng sản lượng lương thực qui thóc 13.312 tấn; bình quân lương thực/người đạt 390kg, trong đó thóc đạt 308kg/người. Khai hoang 120ha, phục hoang đất ven biên, đưa 25 - 30% diện tích lúa được cấy bằng giống mới; thâm canh 1000 ha ngô... khai thác lợi thế tự nhiên để phát triển chăn nuôi gia súc.

177. Biên bản Đại hội huyện Đảng bộ Mường Khương lần thứ 18 (vòng 1).
178. BCH Đảng bộ huyện Mường Khương: Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng bộ.

Đến 1995 đàn trâu đạt 6.950 con, đàn ngựa 3.840 con, đàn bò 400 con, đàn lợn 13.900 con, phát triển đàn dê, nuôi cá ở những vùng có điều kiện.

- Phát triển mạnh các loại cây công nghiệp, cây dược liệu, cây ăn quả trở thành hàng hóa. Trong 5 năm phấn đấu trồng 600 ha cây ăn quả. Đến 1995 sản lượng đậu tương đạt 580 tấn; khoanh nuôi 5000 ha rừng, trồng mới 2000 ha rừng tập trung và phân tán, nâng tỷ lệ tán che lên 25 - 35%.

- Đẩy mạnh xây dựng thủy điện nhỏ, sản xuất vật liệu xây dựng; đầu tư phát triển giao thông liên xã tuyến Mường Khương - Nậm Chảy, Pha Long - Tả Gia Khâu; xây dựng các tuyến điện thoại hữu tuyến...

- Tạo nguồn thu cho ngân sách, phấn đấu đến 1995 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 30% nhu cầu chi. Ngân hàng làm tốt chức năng tiền tệ thanh toán, giảm bội chi tiền mặt; tận dụng khả năng lưu thông hàng hóa quá cảnh, mở rộng hình thức đại lý thương nghiệp đến các HTX, thôn bản, khuyến khích tư nhân đầu tư vốn mở các dịch vụ thương nghiệp.

- Tập trung xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ trong thế trận chiến tranh nhân dân của cả nước. Kết hợp chặt chẽ quốc phòng với kinh tế, kinh tế với quốc phòng. Thực hiện hậu cần tại chỗ, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo hướng dân bầu, dân cử, dân nuôi, có cơ chế quản lý chặt chẽ, chế độ kiểm tra huấn luyện nghiêm túc, nâng cao sức chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Bổ sung phương án phòng thủ, chủ động trong mọi tình huống, thể hiện rõ chủ trương bình thường hóa quan hệ hai bên biên giới, tỏ rõ thiện chí cùng nhau quản lý, bảo vệ biên giới, thực hiện quan hệ kinh tế cùng có lợi. Xây dựng làng, xã vững mạnh gắn với phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng ngừa các hoạt động tội phạm qua biên giới. Xây dựng lực lượng công an nhân dân, bộ đội biên phòng trong sạch vững mạnh.

- Cố gắng cải thiện điều kiện sống ở nông thôn theo hướng xây dựng nông thôn mới, khắc phục tình trạng thiếu nước sinh hoạt và sản xuất. Phát triển các hoạt động y tế bằng khả năng của địa phương kết hợp với sự hỗ trợ của nhà nước, đẩy mạnh hoạt động y tế dự phòng; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Đẩy lùi bệnh sốt rét, kiết lỵ, dịch tả, hạn chế dịch bướu cổ, ngăn ngừa sự xâm nhập của bệnh AIDS. Hạ tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 2,8% vào năm 1995. Phấn đấu các xã có trường học, thôn bản có lớp học. Vận động trên 50% trẻ em trong độ tuổi đi học; duy trì trường nội trú và trường phổ thông lao động; đến 1995 cơ bản xóa mù chữ cho người trong độ tuổi qui định. Củng cố, trang bị thêm các cụm đài truyền thanh, khôi phục lại rạp chiếu bóng, hiệu sách, thư viện huyện. Tăng cường xây dựng các đội văn nghệ quần chúng vừa mang nội dung XHCN vừa mang bản sắc văn hoá dân tộc.

- Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của cấp ủy, xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nói đi đôi với làm. Công tác tư tưởng tập trung nâng cao lòng tin của nhân dân các dân tộc vào sự nghiệp đổi mới, vào Đảng và XHCN. Kiện toàn các ban xây dựng Đảng tinh gọn; đổi mới về tổ chức và hoạt động của các chi, đảng bộ cho phù hợp với sự thay đổi của các tổ chức kinh tế xã hội. Các cấp ủy phải xây dựng được chương trình công tác toàn khóa. Hoàn chỉnh qui hoạch cán bộ từ huyện đến xã, tăng cường đào tạo cán bộ. Tập trung củng cố các cơ sở Đảng yếu kém, phấn đấu các thôn bản đều có đảng viên. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, phấn đấu Đảng bộ huyện đạt trong sạch vững mạnh.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm "lấy dân làm gốc", đẩy mạnh tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến dân, thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra; tổ chức tốt các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa, xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng nông thôn mới. Các đoàn thể quần chúng phải đổi mới

nội dung, hình thức hoạt động cho phù hợp với quá trình chuyển đổi kinh tế xã hội. Thu hút, tập trung mọi tầng lớp nhân dân hăng hái thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, chương trình Dân số - kế hoạch hóa gia đình, thực hiện công khai dân chủ, đối thoại, lắng nghe ý kiến của dân.

- Tập trung củng cố tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp. Thực hiện nghiêm túc cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nâng cao khả năng cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp. Phấn đấu các xã, các cơ quan xí nghiệp trong những năm tới đạt chính quyền khá giỏi, xóa bỏ cơ sở yếu kém.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII gồm 27 đồng chí, Ban Thường vụ 9 đồng chí, đồng chí Phạm Ngọc Sửu được bầu làm Bí thư Huyện ủy. Tháng 7-1993 tỉnh điều động đồng chí Phạm Ngọc Sửu về công tác tại tỉnh.

Từ ngày 9 đến 11-1-1992, tại Hội trường lớn của Công ty Apatít Việt Nam ở thị xã Cam Đường đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ X. Đại hội xác định mục tiêu tổng quát 5 năm 1991-1995 là: Phát huy truyền thống đoàn kết các dân tộc và những kết quả đạt được, quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, giữ vững ổn định chính trị, củng cố và phát triển kinh tế- xã hội, theo hướng kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ kinh tế tự nhiên và từng bước giảm kinh tế tự cung, tự cấp để ổn định và cải thiện một bước đời sống của nhân dân các dân tộc, đẩy lùi tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội[179].

Đại hội X Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã đề ra 6 mục tiêu lớn trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995:

- Tiếp tục sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu kinh tế cho phù hợp với tiềm năng tài nguyên và vị trí của một tỉnh có cửa khẩu quốc tế.

179. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai (1947-2007). Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội 2010. Tr 474.

- Phát triển sản xuất, kết hợp với đẩy mạnh lưu thông và dịch vụ để ổn định dân cư, ổn định đời sống nhân dân các dân tộc. Từng bước giảm tỷ lệ tăng dân số, đồng thời có chính sách để bảo tồn và phát triển các dân tộc quá ít người.

- Tập trung khôi phục và nâng cao kết cấu hạ tầng, coi đây là một mục tiêu trọng yếu để tạo đà vững chắc cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở những giai đoạn tiếp theo.

- Từng bước chuyển nền kinh tế còn mang nặng tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN. Coi trọng kinh tế quốc doanh ở những lĩnh vực then chốt, phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến theo qui mô vừa và nhỏ trình độ công nghệ tiên tiến.

- Tiếp tục phát huy dân chủ XHCN, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nhà nước và hoạt động của các đoàn thể quần chúng, đổi mới tổ chức và cán bộ.

- Giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong toàn tỉnh[180].

Ngay sau khi Đại hội Đảng bộ tỉnh kết thúc, quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, trong tháng 2-1992, Huyện ủy đã xây dựng kế hoạch triển khai học tập, và Chương trình hành động thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp. Các chi, đảng bộ trực thuộc trong huyện được chỉ đạo tổ chức nghiên cứu học tập, liên hệ vận dụng vào điều kiện đơn vị và tham gia vào chương trình hành động của Huyện ủy, sau đó triển khai, đưa nghị quyết đại hội Đảng các cấp vào cuộc sống.

Theo qui định của Điều lệ Đảng được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua, từ ngày 11 - 12/4/1994, Đảng bộ huyện Mường

180. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai tập III - Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà nội 1996. Tr . 214, 215.

Khương tổ chức Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa XVIII. Báo cáo chính trị trình bày tại Hội nghị đã đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII. Hội nghị đã khẳng định những kết quả đạt được trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, văn hoá, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, an ninh biên giới, xây dựng hệ thống chính trị và sự phối kết hợp công tác giữa Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể. Hội nghị cũng chỉ rõ những khuyết điểm như: Sự chuyển biến trong 2 năm trên các lĩnh vực chưa đồng bộ, vững chắc; việc giáo dục tinh thần quốc gia, dân tộc chưa đạt hiệu quả cao; hoạt động của các đoàn thể chưa được chú trọng... Do có sự biến động trong công tác cán bộ kể từ sau đại hội, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng bộ huyện đã bầu bổ sung 10 đồng chí tham gia vào Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII.

Quá trình lãnh đạo, thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1991 - 1995 có những thuận lợi cơ bản đó là: Cùng với các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cho sự nghiệp đổi mới nước, các chủ trương chính sách cụ thể của Trung ương đối với miền núi đã được ban hành. Trung ương và Tỉnh thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sâu sát việc thực hiện chính sách, đặc biệt là chính sách đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng. Cán bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện có truyền thống đoàn kết, sáng tạo trong lao động, tiềm năng, thế mạnh của địa phương dồi dào....Tuy nhiên, Mường Khương là một huyện miền núi, biên giới, nền kinh tế phát triển chậm, sản xuất tự cấp tự túc, độc canh, phân tán còn phổ biến. Sản xuất hàng hóa mới ở bước đầu, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy đã được đầu tư xây dựng nhưng vẫn còn thấp kém; thị trường giá cả nông sản không ổn định, chưa đủ sức cạnh tranh. Trình độ dân trí không đồng đều, tỷ lệ người mù chữ và trẻ em thất học còn cao, trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ còn nhiều mặt hạn chế. Bên cạnh đó, thời tiết khí hậu khắc nghiệt, đất đai bạc màu... Đó là những khó khăn tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình thực hiện nghị quyết của Đảng.

Với tinh thần phát huy thuận lợi, hạn chế và khắc phục khó khăn, quyết tâm đổi mới để đi lên, Đảng bộ huyện Mường Khương đã tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi cơ bản các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XVII đã đề ra.

Về kinh tế, trên cơ sở xác định được tiềm năng thế mạnh, bước đầu huyện đã hình thành được cơ cấu kinh tế theo hướng Nông - Lâm - Tiểu thủ công nghiệp - Dịch vụ. Đây là mục tiêu quan trọng để thực hiện chuyển dần từng bước nền kinh tế tự cấp tự túc sang sản xuất hàng hóa. Hình thành được cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng trồng trọt - chăn nuôi - công nghiệp chế biến; một số xã đã tổ chức được hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được bố trí tương đối phù hợp theo vùng, trong đó cây đậu tương, cây quế, cây chè, cây ăn quả được thực hiện có hiệu quả.

Thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, trong 5 năm (1991 - 1995) các xã trong huyện đã phục hoang được 150 ha ven biên; tăng diện tích vụ ở 2 xã Thanh Bình, Na Lốc; đưa giống mới nguyên chủng, giống cấp 1 cấy ở các xã hạ huyện và trung huyện; đưa khoai tây, mì đông, cải dầu lên trồng ở vùng cao... Vì vậy, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do thời tiết, khí hậu không thuận như: vụ xuân 1992 rét đậm kéo dài làm chết 6100 kg mạ, làm thối mầm đậu tương, đẩy lùi thời vụ gieo cấy, tháng 4 lại bị hạn nặng; vụ xuân 1993 xảy ra rét đậm làm chết hơn 200 kg mạ, mưa đá làm dập nát 45 ha lúa, 60 ha ngô, 50 ha đậu tương, mưa lũ làm hỏng 46 ha lúa mùa, 15 ha ngô; vụ mùa 1995 mưa lũ san lấp 30 ha lúa, 35 ha ngô... nhưng do tích cực thâm canh, chuyển dịch cơ cấu nội ngành nên tổng sản lượng lương thực toàn huyện vẫn đạt mục tiêu đề ra. Sản lượng lương thực quy thóc năm 1991 đạt 11.665 tấn; năm 1992 đạt 11.991 tấn; năm 1993 đạt 12.503 tấn; năm 1995 đạt 13.514 tấn. Trong đó 5.437,85 tấn thóc, màu qui thóc 8.076,7 tấn; số hộ đói giảm bình quân từ trên

20% năm 1991 xuống 11% năm 1995. Một số cây trồng chính được duy trì và phát triển.

Diện tích trồng ngô duy trì ổn định nhiều năm, năm 1991 diện tích gieo trồng ngô là 3.932 ha; năm 1992 là 3.899,9 ha; năm 1993 là 3.975 ha; năm 1995 sản lượng ngô đạt 7.110 tấn; cây đỗ tương duy trì ổn định ở mức 700 - 800 ha, sản lượng đạt từ 350 - 400 tấn; các cây đao giềng, lanh, lạc, sèo, mì đông, khoai tây từ trồng thử nghiệm đến ổn định với sản lượng ngày càng lớn. Sự đổi mới cơ cấu cây trồng nêu trên đã khẳng định sự chuyển dịch tích cực từ kinh tế tự túc tự cấp sang kinh tế hàng hóa ở huyện Mường Khương

Chăn nuôi giai đoạn này cũng có sự phát triển ổn định. Đàn trâu tăng bình quân tăng 3,83%/năm; đàn bò tăng 6,46%, đàn lợn tăng 11%/năm. Ngành lâm nghiệp đã quan tâm đến trồng rừng, song kết quả chưa được như mong muốn. Năm 1991 trồng mới được 50 ha, chăm sóc rừng trồng 85 ha; năm 1992 trồng mới 141 ha, khoán chăm sóc 225,3 ha, giao đất giao rừng được 191 ha, trồng cây nhân dân được 450.000 cây; năm 1993 trồng mới được 370 ha, khoanh nuôi 245 ha, giao đất giao rừng 228 ha. Đến đầu năm 1994 toàn huyện vẫn còn 29.000ha đất trống đồi trọc, tỷ lệ tán che dưới 10%. Sau Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ việc trồng rừng được đẩy mạnh, năm 1995 trồng rừng mới vượt kế hoạch 500 ha, khoanh nuôi 2733 ha. Tính chung trong cả giai đoạn 5 năm 1991 - 1995, toàn huyện trồng mới được 951 ha rừng với 1.389.210 cây phân tán, khoanh nuôi bảo vệ 5.160 ha, đạt 103% kế hoạch. Tỷ lệ tán che phủ của rừng đạt 14% (năm 1995) bằng 60% kế hoạch đại hội đề ra. Đến năm 1995, toàn huyện vẫn còn trên 25.000 ha đất trống đồi núi trọc.

Trồng cây ăn quả mang lại thu nhập cũng là một hướng đi được nhân dân coi trọng. Trong 5 năm, nhân dân trong huyện đã trồng 265 ha cây ăn quả chủ yếu các loại nhãn, xoài, dứa, một số hộ nông dân đã xây dựng mô hình trang trại vừa và nhỏ theo phương thức nông - lâm kết hợp mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Sản xuất nông lâm nghiệp gắn với định canh định cư là nhiệm vụ quan trọng được thực hiện. Trong 5 năm, huyện đã điều chuyển 500 hộ dân từ nội địa ra làm ăn và định cư tại vùng biên giới. Để phục vụ thâm canh, khai hoang phục hóa, huyện đã coi trọng xây dựng hệ thống các công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Năm 1991 đầu tư khôi phục công trình thủy lợi Na Lốc 26 triệu đồng, Lũng Cáng 25 triệu. Năm 1992, huyện đầu tư tiếp cho công trình Na Lốc 30 triệu, Lũng Cáng 100 triệu, Cao Sơn 40 triệu, Mường Khương 25 triệu; năm 1993 đầu tư cho công trình Thịnh ổi Bản Sen 169 triệu; hai năm 1994, 1995 đầu tư tiếp vào các công trình Lũng Pâu, Lùng Chéng Lùng, Thanh Bình...các công trình thuỷ lợi đã chủ động tưới tiêu cho trên 800 ha lúa. Cùng với thủy lợi, hệ thống cấp nước sinh hoạt được đầu tư xây dựng. Năm 1992, huyện đã xây dựng hệ thống nước ăn ở xã Pha Long trị giá 130 triệu đồng, ngoài ra đầu tư xây bể nước ăn ở các xã Cao Sơn, La Pan Tẩn; năm 1993 đầu tư công trình nước ăn cho 4 xã vùng Pha Long trị giá 482 triệu đồng.

Những năm 1991 - 1995, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu do thành phần kinh tế tư nhân thực hiện, sản phẩm sản xuất ra chủ yếu là nông cụ cầm tay: liềm, dao, cuốc, lưỡi cày và sản xuất gạch, ngói. Năm 1995, sản xuất vật liệu xây dựng tuy có tăng gấp đôi năm 1991 nhưng vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ. Phong trào lắp đặt thủy điện nhỏ, thủy điện hàm rồng, ngói hóa phát triển khá rộng khắp thị trấn và các xã trong huyện. Đến 1995, toàn huyện có trên 1.000 máy phát điện nhỏ, 26% số hộ nông dân có nhà ở chắc chắn và kiên cố.

Do ảnh hưởng của chiến tranh biên giới 1979, các cơ quan cấp huyện phải đi sơ tán, đến 1990 mới trở về địa điểm cũ. Vì vậy, những năm 1991 - 1995, công tác xây dựng cơ bản tập trung vào đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan huyện: Năm 1991 sửa chữa và xây dựng mới trụ sở làm việc của Huyện ủy, nhà khách Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ huy Quân sự huyện, Trung tâm

y tế, cửa hàng dược; năm 1992 xây dựng mới Đài truyền thanh - truyền hình huyện, rải nhựa đường vào Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Trung tâm y tế; năm 1993 xây dựng Hội trường Ủy ban nhân dân huyện và trụ sở làm việc của một số cơ quan. Các công trình xây dựng do tỉnh làm chủ đầu tư cũng được thực hiện trong thời gian này như trụ sở Ngân hàng, Bưu điện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Kho bạc huyện, Phòng Tài chính...

Dựa vào nguồn đầu tư của tỉnh và sự đóng góp công sức của dân, theo phương châm "3 chính": *Kỹ thuật phổ cập là chính; vật liệu tại chỗ là chính; dân tự làm là chính,* nhà nước hỗ trợ một phần nên việc mở rộng hệ thống giao thông của huyện trong những năm 1991 -1995 đạt được kết quả khá. Năm 1992, dải nhựa đường trong khu huyện lỵ; mở mới 2 tuyến đường từ Cao Sơn đi La Pan Tẩn và Lùng Vai đi Tảo Giàng với số vốn đầu tư hơn 300 triệu đồng; tu sửa đường liên thôn, bản thuộc các xã Bản Lầu, Dìn Chin, Mường Khương... với chiều dài 27km, trong đó nhân dân tham gia công lao động trị giá trên 200 triệu đồng. Năm 1993 mở đường Pha Long đi Tả Gia Khâu dài 18 km; đường từ Mường Khương đi Nấm Lư dài 4 km. Đến 1995 đã có 15/16 xã có nền đường có thể đi ô tô từ huyện đến trung tâm xã.

Hoạt động lưu thông phân phối giai đoạn 1991 - 1995 chủ yếu thông qua hợp tác xã mua bán, hệ thống phân phối của ngành thương nghiệp cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống nhân dân như dầu hỏa, muối ăn, sách vở học sinh, vật tư nông nghiệp. Các hoạt động trao đổi hàng hóa thời gian này còn hạn chế do khi chuyển đổi cơ chế kinh tế một số đơn vị kinh doanh bị thua lỗ không tiếp tục phát triển được; vốn kinh doanh chuyển từ cấp sang vay cũng gặp những khó khăn ban đầu; thị trường nhỏ hẹp, hàng hóa chưa phong phú đa dạng, chưa đáp ứng khả năng thanh toán và thị hiếu người tiêu dùng; mặt khác hàng hóa Trung Quốc tràn sang chiếm lĩnh thị trường. Năm 1993 cửa hàng lương thực huyện hoạt động thua lỗ đã phải ngừng hoạt động.

Hoạt động ngân hàng được tiến hành sắp xếp lại, tách vai trò thủ quỹ ra khỏi ngân hàng để thành lập cơ quan kho bạc, ngân hàng chuyển sang kinh doanh tiền tệ nên hoạt động đi vay để cho vay sôi động hơn. Năm 1992, ngân hàng huyện đã cho 1.097 hộ nông dân vay 623 triệu đồng phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, cho vay đầu tư chăn nuôi và buôn bán nhỏ 350 triệu đồng. Năm 1993 tổng dư nợ 3,4 tỷ đồng, trong đó nông dân vay 1,9 tỷ đồng. Năm 1995 nông dân ở 16/16 xã đã được vay các nguồn vốn ưu đãi để phát triển sản xuất, đầu tư chăn nuôi lớn, phát triển trang trại. Tổng vốn cho vay năm 1995 đã lên đến 5,650 tỷ đồng, trong đó hộ nghèo được vay 1,2 tỷ đồng đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất của người dân.

Kinh tế phát triển, thu ngân sách trên địa bàn ngày một tăng. Năm 1991, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được 142,8 triệu, năm 1992 được 491,5 triệu, năm 1993 được 1.050 triệu; tính chung 5 năm 1991 - 1995 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được 2,65 tỷ đồng. Tuy nhiên, do không có nguồn thu nên so với nhu cầu chi thì còn quá thấp (chỉ đạt 10% nhu cầu chi). Từ khi xác định xã là cấp ngân sách thì ngân sách xã gặp rất nhiều khó khăn, hầu như các xã không có nguồn thu, trong khi nhu cầu chi ngày một tăng. Trên địa bàn huyện có 1 cửa khẩu và một số lối mở nhưng giai đoạn này hoạt động trao đổi thương mại qua biên giới còn rất hạn chế[181].

Hoạt động văn hoá thông tin tập trung tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hình thức tuyên truyền phát triển đồng bộ: qua hệ thống panô, áp phích, đội thông tin lưu động tuyên truyền qua các phiên chợ, xuống các thôn bản biểu diễn văn nghệ, chiếu video... Các năm 1991, 1992 đội thông tin lưu động đã thực hiện 72 buổi tuyên truyền ở các phiên chợ bằng tiếng Mông và tiếng Việt, kẻ vẽ 72 panô áp phích ở trung tâm huyện

181. Theo các báo cáo tổng kết của Huyện ủy Mường Khương các năm 1991, 1992, 1993, 1994, 1995.

và các xã, chiếu 322 buổi video phục vụ nhân dân 16/16 xã. Năm 1993 ngoài tuyên truyền chủ trương đường lối còn tuyên truyền chống hoạt động lôi kéo dân tham gia hoạt động tôn giáo trái pháp luật. Năm 1995 hoạt động văn hoá văn nghệ sôi nổi hơn, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước và kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng Mường Khương. Toàn huyện đã xây dựng được 25 đội văn nghệ quần chúng hoạt động thường xuyên. Năm 1992, được tỉnh đầu tư xây dựng trạm truyền - thanh truyền hình tại trung tâm huyện, 1 cụm đài phát thanh ở xã Cao Sơn, phong trào lắp đặt Parapôn (bắt sóng truyền hình) phát triển rộng khắp trong toàn huyện. Năm 1993, tiến hành xây dựng 1 cụm đài truyền thanh ở Nông trường Thanh Bình. Đến 1995, lắp đặt 2 trạm phát sóng FM cho Pha Long, Mường Khương; toàn huyện đã có 5 trạm thu phát truyền hình, 14/16 xã được phủ sóng truyền hình, chỉ còn xã Lùng Khấu Nhin, Tả Gia Khâu chưa được phủ sóng truyền hình. Hệ thống truyền thanh - truyền hình duy trì các buổi tiếp sóng Đài Trung ương và phát thường xuyên chương trình của địa phương đã góp phần nâng cao dân trí, đẩy lùi hủ tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự nghiệp giáo dục tiếp tục được quan tâm phát triển. Ngày 17/7/1992, Huyện ủy Mường Khương đã ra Nghị quyết số 06 về "Phát triển sự nghiệp giáo dục của huyện giai đoạn 1992 - 1995". Trong đó, xác định đẩy mạnh phát triển trường, lớp, các cấp học, ngành học ở tất cả các vùng trong huyện, nhất là các xã vùng cao khó khăn; đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, tích cực vận động trẻ em đi học, hạn chế bỏ học, nâng cao chất lượng dạy và học; tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho trường học... Nghị quyết đề ra một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 1995 là: Tăng tỷ lệ trẻ em đến tuổi đi học từ 3 - 5%/năm, đến năm 1995 có 50 -55% trẻ em trong độ tuổi đi học; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học xuống dưới 10%; những xã khó khăn tối thiểu phải có lớp 3. Phấn đấu đến 1995 có 50% số xã có trường cấp 1 hoàn chỉnh, toàn huyện có 22 đơn vị trường phổ thông với 125 lớp cấp 1;

22 lớp cấp 2; 5 lớp cấp 3. Ở những thôn bản có trường, lớp phấn đấu không còn người trong độ tuổi 16 - 35 mù chữ...[182].

Nhờ có sự chỉ đạo tích cực nên lĩnh vực giáo dục Mường Khương đã có sự tiến bộ qua các năm. Những năm học trước, tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đi học dao động trong khoảng 37 - 43%; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 hàng năm đạt 40%, đến năm học 1991 - 1992 tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học đã đạt 45%. Toàn huyện có 133 lớp, 3.252 học sinh, trong đó cấp 3 đã có 3 lớp với 42 học sinh. Năm học 1992 - 1993, toàn huyện có 3.045 học sinh, tăng khoảng 200 so với năm học trước.

Thực hiện Nghị quyết số 05 ngày 6/4/1993 của Tỉnh ủy Lào Cai về công tác giáo dục và đào tạo, năm học 1993 - 1994, giáo dục huyện Mường Khương có bước phát triển mới. Toàn huyện đã có 25 trường của các cấp học, số học sinh nâng lên 4.304 em, đạt tỷ lệ 45% số trẻ trong độ tuổi đến trường, trong đó cấp III đã có 206 học sinh. Năm học 1995 - 1996, được tỉnh quan tâm đầu tư nên hệ thống trường lớp được xây dựng kiên cố như trường nội trú huyện, trường lớp ở các xã, bàn ghế học sinh được mua sắm đủ; một số trường đã tổ chức cho học sinh học bán trú. Số học sinh đi học tăng 900 em so với năm học trước, nâng số học sinh đi học lên 6.138 em, đạt 53% số trẻ trong độ tuổi đi học đến trường. So với năm học 1991 - 1992 số học sinh cấp 1 tăng 71%; cấp II tăng 53%; xã nào cũng có trường học[183].

Công tác xóa mù chữ tiếp tục được tổ chức thực hiện trên địa bàn toàn huyện, nhất là các xã vùng cao. Năm 1992 có 543 học viên theo học các lớp xóa mù chữ, năm 1993 có 499 học viên. Những năm 1991 - 1995, toàn huyện đã mở được 102 lớp xóa mù chữ, huy động 2.278 người đi học, 1.749 người trong độ tuổi 16 - 35 đã được xóa mù chữ. Tuy nhiên chất lượng giáo dục của Mường Khương thời gian này còn hạn chế, đến 1995 vẫn chưa có học sinh giỏi đạt giải cao

182. Báo cáo năm 1994, 1996 của UBND huyện Mường Khương.
183. Báo cáo năm 1994, 1996 của UBND huyện Mường Khương.

cấp tỉnh, đội ngũ giáo viên còn thiếu, năm học 1995 - 1996 Mường Khương thiếu trên 100 giáo viên, tỷ lệ giáo viên hoàn chỉnh chưa cao.

Hoạt động y tế hướng mạnh vào thực hiện các chương trình y tế quốc gia, xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân. Năm 1992, ngành y tế đã xây dựng được chương trình bảo vệ bà mẹ, trẻ em. Ngày 22/8/1992, Huyện ủy ra nghị quyết về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 1992 - 1995, Nghị quyết xác định mục tiêu phấn đấu đến 1995 hạ tỷ lệ tăng dân số của huyện xuống dưới 2,8%; 50% số cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện các biện pháp tránh thai. Năm 1992, huyện đã có 14/16 xã củng cố lại trạm y tế xã, 26 cán bộ y tế xã đều có trình độ sơ cấp và trung cấp. Năm 1993, tất cả các xã trong huyện đều củng cố được trạm y tế xã, khám bệnh cho 16.110 lượt người, điều trị bệnh cho 10.906 lượt bệnh nhân. Đến 1995 đã có 16/16 xã có trạm xá, xây dựng 3 phân viện khu vực, 1 bệnh viện huyện, ngành y tế đã đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Huyện đã triển khai có hiệu quả việc mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo qui định. Từ 1991 - 1995 trên địa bàn huyện không để xảy ra các dịch bệnh lớn, các bệnh sốt rét, bướu cổ giảm nhiều, tiêm chủng mở rộng các năm đều đạt chỉ tiêu.

Là một huyện miền núi khó khăn, nhiều dân tộc sinh sống nên trong nhiều năm Mường Khương có tỷ lệ gia tăng dân số cao, năm 1992 là 3,4%. Sau khi Huyện ủy ra nghị quyết chuyên đề về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, các ban ngành, đoàn thể tăng cường công tác vận động thì tình hình có những chuyển biến đáng kể. Năm 1993, đã có 6.511 người thực hiện các biện pháp tránh thai. Năm 1994, xây dựng Trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình khu vực Pha Long, tổ chức ngày hạnh phúc gia đình ở một số địa phương, một số đơn vị thực hiện tốt như Nông trường Thanh Bình, xã Bản Lầu, Mường Khương, Nấm Lư, Cao Sơn, Lùng Khấu Nhin. Năm 1995, tỷ lệ gia tăng dân số đã được kiềm chế và giảm, tuy nhiên

chưa đạt mục tiêu đề ra là dưới 2,8%. Nguyên nhân là do nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân về nhiệm vụ này chưa thật đầy đủ, có nơi còn coi nhẹ; đội ngũ cán bộ làm công tác dân số vừa thiếu, vừa yếu về chuyên môn nghiệp vụ, sự phối hợp giữa các ngành, đoàn thể chưa đồng bộ, chặt chẽ, cơ sở vật chất phục vụ còn thiếu thốn. Hoạt động y tế nhìn chung còn gặp khó khăn nhất là cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh, thiếu đội ngũ thầy thuốc có chuyên môn giỏi...

Về quốc phòng, an ninh, là huyện vùng cao có đường biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Trung Quốc đi qua nên công tác quốc phòng, an ninh luôn là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Hàng năm huyện đều tập trung chỉ đạo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên ở các cơ sở theo qui định của pháp luật; xây dựng phương án phòng thủ, diễn tập để nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Năm 1991 sau khi 2 nước Việt Nam, Trung Quốc bình thường hóa quan hệ, huyện Mường Khương đã chủ động quan hệ với các huyện Hà Khẩu, Mã Quan, Văn Sơn và một số đơn vị kinh tế giáp biên của bạn và phối hợp giải quyết xâm canh, xâm cư; phối hợp để giải quyết những vụ việc vi phạm qui chế tạm thời về quản lý biên giới như xâm canh khu vực bãi bồi Dìn Chin; người phía bên kia biên giới sang khai thác lâm sản; chăn thả trâu, bò; sang khai thác trộm khoáng sản, bắt trộm trâu, ngựa; buôn lậu hàng hóa, buôn bán phụ nữ, ma túy qua biên giới...việc giải quyết các vụ việc được thực hiện chủ yếu qua hình thức đối ngoại nhân dân. Năm 1993, Mường Khương đã cử một số đoàn sang thăm và trao đổi kinh tế với huyện Hà Khẩu, Văn Sơn, Mã Quan; năm 1994 tiếp tục trao đổi giống khoai tây, mì, cải dầu qua biên giới. Ngoài ra, các xã giáp biên đã phối hợp với các đồn Biên phòng, trạm Hải quan, các ngành chức năng kịp thời phát hiện, bắt giữ đối tượng, đàm phán để bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội, đồng thời tăng cường quan hệ hữu nghị giữa 2 bên biên giới.

Những năm 1991 - 1995, cơ quan an ninh của huyện phối hợp với các ngành chức năng triệt phá 23 tụ điểm tiêm chích ma túy, nhổ 70.000m^2 cây thuốc phiện. Phá 214 vụ án phạm pháp hình sự, bắt giữ 278 tên, khởi tố 71 vụ; cảm hóa, răn đe 114 đối tượng, cải huấn lao động 224 đối tượng. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo hàng năm của công dân cơ bản kịp thời, thỏa đáng, không để xảy ra điểm nóng[184].

Công tác quân sự địa phương thường xuyên bám sát nhiệm vụ chính trị, tập trung giáo dục cán bộ, chiến sĩ cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Duy trì chế độ trực ban, trực máy, trực chỉ huy, tập huấn kiến thức quốc phòng cho Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo các ban, ngành ở huyện; tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu, diễn tập phương án phòng thủ A2 đều đạt yêu cầu đến khá giỏi. Tuy nhiên còn một số cơ sở chưa quan tâm đúng mức đến công tác huấn luyện dân quân tự vệ, việc phúc tra đăng ký độ tuổi nhập ngũ chưa chặt chẽ, công tác tuyên truyền luật nghĩa vụ quân sự còn hạn chế, công tác giáo dục ý thức quốc phòng toàn dân chưa rộng khắp, chưa gắn các công trình quốc gia với sự quản lý chung của địa phương.

Công tác xây dựng Đảng cũng được Đảng bộ huyện quan tâm. Những năm 1992 - 1994, trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới đã tác động đến tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, Huyện ủy đã tăng cường triển khai quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên, động viên nhân dân yên tâm, tin tưởng vào thành công của công cuộc đổi mới, vào Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Ngày 29/6/1992, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ra Nghị quyết số 03 - NQ/TW về "*Một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng*". Nghị quyết nhấn mạnh mục tiêu đổi

184. Báo cáo Chính trị trình bày tại Đại hội XIX Đảng bộ huyện.

mới và chỉnh đốn Đảng là: nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cụ thể hóa Nghị quyết 03, Tỉnh ủy Lào Cai đã ban hành chương trình hành động đề ra 4 nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó nhấn mạnh: Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chỉnh đốn tổ chức Đảng ở cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra Đảng và đổi mới phương thức, phong cách lãnh đạo của cấp ủy. Thực hiện chương trình hành động của Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 03. Trong quá trình thực hiện, các cấp ủy Đảng Mường Khương đã bám sát yêu cầu của Trung ương và của Tỉnh ủy, thận trọng thực hiện đúng quy trình, tiến độ theo kế hoạch, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, uốn nắn cấp dưới, sơ kết đúc rút kinh nghiệm.

Quán triệt Nghị quyết 03 của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương xây dựng Kế hoạch thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó tập trung vào những nội dung chính là: Đổi mới công tác chính trị, tư tưởng; chỉnh đốn các loại hình tổ chức cơ sở Đảng ở cả 3 khu vực: xã phường, cơ quan, doanh nghiệp; tăng cường công tác kiểm tra Đảng; đổi mới về phương thức và phong cách lãnh đạo của Ban Chấp hành. Quá trình thực hiện Nghị quyết 03, các cấp ủy đã bám sát yêu cầu của Trung ương và của Tỉnh ủy, thận trọng trọng thực hiện đúng quy trình, tiến độ và quy định, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, sơ kết đúc rút kinh nghiệm.

Trong 5 tháng cuối năm 1992 và năm 1993, công tác tư tưởng tập trung tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 3. Năm 1994, công tác tư tưởng chính trị tập trung vào tuyên truyền nội dung Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng các cấp và các nghị quyết hội nghị Trung ương khóa VII, mở đợt sinh hoạt chính trị tuyên truyền cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp. Năm 1995,

tập trung giải thích làm rõ trong lĩnh vực tư tưởng về hoạt động tôn giáo, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên...

Nhờ được chú trọng nên từ năm 1992 đến năm 1995 chất lượng tổ chức cơ sở đảng được nâng lên; công tác tổ chức cán bộ được triển khai theo đúng chủ trương của cấp trên, theo qui trình hướng dẫn. Năm 1992, Đảng bộ huyện có 33 tổ chức cơ sở Đảng. Trong đó, nông thôn là 16, cơ quan là 16, xí nghiệp có 1. Qua phân loại cho thấy có 31 tổ chức đã chủ động được công tác, 2 đơn vị chưa chủ động được công tác (Tả Ngải Chồ, Tả Thàng). Toàn huyện có 174 thôn bản, vẫn còn 48 thôn bản chưa có đảng viên. Năm 1994, Đảng bộ huyện có 33 chi, đảng bộ cơ sở. Trong đó có 16 chi, đảng bộ xã, 2 đơn vị doanh nghiệp, 2 đơn vị lực lượng vũ trang, còn lại thuộc các đơn vị hành chính sự nghiệp. Qua phân loại: có 7 cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, 26 đơn vị khá từng mặt. Mặc dù xóa được 7 thôn, 1 cơ quan trắng không có đảng viên, nhưng do chia tách, thành lập mới (nâng số thôn bản từ 174 lên 202) nên toàn huyện vẫn còn 54 thôn bản chưa có đảng viên[185(77)]. Năm 1995, Đảng bộ huyện có 34 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó, 9 đơn vị đạt trong sạch vững mạnh, 6 đơn vị khá, 19 đơn vị khá từng mặt. Xóa được 5 thôn không có đảng viên, nhưng vẫn còn 54/203 thôn bản chưa có đảng viên. Thực hiện Chỉ thị 58 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Huyện ủy đã tập trung củng cố cơ sở chính trị 3 xã: Nậm Chẩy, Tả Ngài Chồ, Tả Thàng. Sau khi được củng cố, các đơn vị này đã thoát ra khỏi tình trạng yếu kém. Năm 1995, Đảng bộ huyện được công nhận là Đảng bộ khá nhất.

Thực hiện nhiệm vụ Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, trong quí II/1995 có 34/34 chi, đảng bộ cơ sở tiến hành đại hội, đã bầu được 101 đồng chí tham gia Ban chấp hành Đảng bộ, chi bộ cơ sở. Đề bạt, bổ nhiệm 8 đồng chí trưởng, phó phòng cấp huyện, bầu bổ sung, bổ nhiệm 10 Bí thư, Chủ tịch Ủy

185. Báo cáo tổng kết năm 1994 của Ban Tổ chức Huyện ủy.

ban nhân dân xã. Số cán bộ mới được đề bạt, bổ nhiệm đều đảm bảo yêu cầu tăng cường trình độ chuyên môn, chính trị, trẻ hóa, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Vì vậy, chất lượng hoàn thành nhiệm vụ tăng lên.

Công tác kết nạp đảng viên mới được quan tâm. Năm 1992 kết nạp được 25 đảng viên mới đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 579 đồng chí; năm 1994 kết nạp được 29 đảng viên mới, năm 1995 kết nạp được 36 đảng viên mới; nâng số đảng viên toàn Đảng bộ lên 618 đồng chí. Qua phân loại đảng viên hàng năm, số đảng viên đạt loại 1, loại 2 đều chiếm tỷ lệ trên 90%. Cùng với chú trọng công tác phát triển đảng, Huyện ủy quan tâm đặc biệt tới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ , đảng viên. Riêng năm 1995 có 99 cán bộ được cho đi đào tạo. Trong đó, đào tạo lý luận chính trị 14 đồng chí, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ 17 đồng chí; bồi dưỡng văn hoá 68 đồng chí. Ngoài ra huyện còn thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cấp ủy cơ sở, trưởng thôn, cán bộ đoàn thể cơ sở.

Ngày 20/11/1994 diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp, cử tri trong huyện đã đi bầu cử với tỷ lệ cao, đã bầu được 3 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, 25 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và 365 đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã được củng cố kiện toàn. Kết quả xếp loại năm 1994 có 5 xã chủ động công tác (Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai, Mường Khương, Nấm Lư). 9 xã có cán bộ hướng dẫn thì làm tốt nhiệm vụ (Thanh Bình, Nậm Chảy, Lùng Khấu Nhin, Tả Gia Khâu, Tung Chung Phố)... 2 xã phải có cán bộ chuyên gia của huyện trực tiếp giúp đỡ (Tả Ngài Chồ, Tả Thàng).

Công tác kiểm tra Đảng được thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết, điều lệ Đảng, bao gồm cả kiểm tra việc chấp hành cương lĩnh, nghị quyết, chấp hành Điều lệ Đảng, kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm nghị quyết, vi phạm Điều lệ Đảng, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất... năm 1992 kiểm tra được 20 tổ chức cơ sở

đảng với 368 đảng viên; giải quyết 13/15 đơn khiếu nại tố cáo. Năm 1994, kiểm tra 10 tổ chức cơ sở đảng đạt 34% kế hoạch, giải quyết 12/12 đơn thư, kỷ luật 8 đảng viên, trong đó cách chức đồng chí ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, trưởng công an huyện. Năm 1995 kiểm tra 32 tổ chức cơ sở đảng đạt 94% kế hoạch, 561 đảng viên được kiểm tra đạt 91,36% kế hoạch; xử lý kỷ luật 6 đảng viên. Tính chung trong 5 năm 1991 - 1995, Đảng bộ huyện đã kiểm tra 74 tổ chức cơ sở đảng đạt 55,6% kế hoạch. Số đảng viên được kiểm tra đạt 42,5% kế hoạch, số vi phạm bị xử lý kỷ luật chiếm 1,5% số đảng viên được kiểm tra; những vi phạm của đảng viên chủ yếu là bỏ sinh hoạt, làm trái nguyên tắc quản lý kinh tế, vi phạm phẩm chất đạo đức lối sống, tham gia các vụ tranh chấp đất đai, vi phạm luật hôn nhân gia đình.

Bên cạnh việc củng cố Đảng, chính quền, các đoàn thể chính trị xã hội cũng được kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Năm 1992 Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ đều tiến hành đại hội, đồng thời thành lập công đoàn khối các cơ quan huyện. Các đoàn thể cơ bản xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, sâu sát cơ sở, tập hợp, tổ chức, hướng dẫn đoàn viên hội viên tham gia các phong trào hành động cách mạng. Đặc biệt là hướng dẫn đoàn viên, hội viên chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đưa giống mới có năng suất cao vào sản xuất; chuyển từ sản xuất tự túc, tự cấp sang sản xuất hàng hóa; xây dựng đời sống văn hoá mới, nông thôn mới. Tuy nhiên hoạt động của các đoàn thể thời gian này chưa đồng đều, tính chủ động chưa cao, thường thiếu sự sáng tạo trong nội dung hình thức hoạt động, có hoạt động chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; chưa phát hiện được nhiều nhân tố mới bồi dưỡng giới thiệu cho Đảng.

Nhìn lại 5 năm (1991 - 1995) lãnh đạo của Đảng bộ cho thấy: Tình hình kinh tế, xã hội của huyện phát triển ổn định, nông nghiệp

có bước phát triển khá, nền kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; đời sống vật chất, văn hóa nhân dân được cải thiện; hệ thống kết cấu hạ tầng được tăng cường, giao thông từ huyện đến xã, từ xã đến thôn được xây dựng tạo điều kiện thuận lợi cho đi lại, trao đổi hàng hóa; các hoạt động văn hoá, xã hội phát triển; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản được giữ vững, các lực lượng trên địa bàn đã phối hợp chặt chẽ giải quyết kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn, giữ vững an ninh biên giới quốc gia. Hệ thống chính trị luôn được củng cố kiện toàn đảm bảo hoạt động có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng đặt ra.

Tuy nhiên, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa mạnh, kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ mới chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng thu nhập quốc dân của huyện cũng như thu nhập của từng gia đình dân cư; sản phẩm hàng hóa chưa nhiều; văn hoá giáo dục ở các thôn bản, xã vùng cao, vùng sâu còn hạn chế, không đạt mục tiêu kiềm chế sự gia tăng dân số; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số chi, đảng bộ chưa theo kịp với yêu cầu của công cuộc đổi mới...

IV. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, nhiệm kỳ 1995 - 2000

Thực hiện Chỉ thị số 51/CT-TW ngày 09-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) và Kế hoạch số 12/KH-TU của Tỉnh uỷ Lào Cai về "Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới đại hội , đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng", Ban Thường vụ Huyện uỷ đã xây dựng Kế hoạch chỉ đạo đại hội cấp cơ sở , tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XIX nhiệm kỳ 1996 - 2000. Trong qui IV/1995, các chi, Đảng bộ cơ sở tiến hành đại hội. ***Trong 2 ngày 5 và 6/2/1996, tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIX***. Dự Đại hội gồm các đại biểu ưu tú thay mặt cho hơn 600 đảng

viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng chí Giàng Seo Dín, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh; đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy đã đến dự và chỉ đạo Đại hội. Đại hội đã đánh giá, kiểm điểm sâu sắc quá trình tổ chức thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng hệ thống chính trị do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII đề ra. Đại hội xác định cơ cấu kinh tế của huyện giai đoạn 1996 - 2000 là nông, lâm nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ gắn với định canh định cư xây dựng nông thôn mới. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 1996 - 2000 như sau:

- Phấn đấu tăng sản lượng lương thực bình quân 4%/năm, đến năm 2000 tổng sản lượng lương thực đạt 18.000 tấn; bình quân lương thực/người đạt 320kg. Nâng hệ số sử dụng đất ruộng nước ở vùng thấp đạt 2 lần, vùng cao 1,6 lần; đất nương vùng thấp 1,7 lần, vùng cao 1,4 lần. Phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến lâm đến các xã và thôn bản. Cung ứng đủ vật tư nông nghiệp cho nông dân. Phấn đấu tăng tổng đàn gia súc, trong đó đàn trâu 3%/năm, đàn ngựa 2%/năm, đàn bò, dê, lợn 6% - 10%/năm. Diện tích đậu tương 2 vụ đạt 1000 ha, sản lượng đạt 700 - 800 tấn. Mỗi năm trồng từ 100 - 200 ha cây ăn quả. Quy hoạch vùng mía ở 3 xã vùng hạ huyện; khôi phục phát triển vùng rau ở khu vực huyện lỵ Mường Khương, Tùng Lâu. Đến năm 2000 cơ bản hoàn thành việc giao đất giao rừng cho hộ nông dân, mỗi năm trồng mới 500 ha rừng, nâng tỷ lệ tán che lên 25% vào năm 2000.

- Xây dựng quy hoạch các trung tâm xã, cụm xã, điểm đầu mối giao lưu phát triển kinh tế, văn hoá. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng; vùng cao ngói hóa được 30 - 40%, vùng thấp 70 - 80%; qui hoạch xây dựng lưới điện quốc gia từ trung tâm huyện tới một số điểm thị

tứ, phát triển thủy điện nhỏ ở các thôn bản vùng sâu vùng xa, giải quyết cơ bản tình trạng thiếu nước ăn ở một số thôn bản. Mở mới và nâng cấp các tuyến giao thông từ huyện xuống xã, từ xã đến thôn.

- Tập trung khai thác triệt để các nguồn thu, tăng thu ngân sách; đảm bảo sự thông thoáng của cửa khẩu gắn với an ninh quốc phòng. Đẩy mạnh hoạt động tín dụng, tạo điều kiện để nông dân nghèo được vay vốn sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư phát triển các hoạt động văn hoá thông tin trên cơ sở kế thừa, phát huy truyền thống văn hoá các dân tộc. Kết hợp tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, những điển hình tiên tiến với đấu tranh phê phán hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước ta, di cư tự do... Phấn đấu các xã đều có đội văn nghệ - thông tin tuyên truyền. Xây dựng 4 trạm phát thanh ở 4 khu vực cụm xã; lắp đặt thêm một số trạm phát lại truyền hình nhỏ gắn với các điểm dân cư, đảm bảo phủ sóng phát thanh, truyền hình đến cơ bản các địa bàn dân cư trong huyện.

- Tiếp tục củng cố mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở, đảm bảo đủ thuốc chữa bệnh thông thường, triển khai bảo hiểm y tế rộng rãi, đào tạo cán bộ y tế, tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia. Phấn đấu hạ tỷ lệ gia tăng dân số là 0,055%/năm.

- Phát triển các cấp học, ngành học, tăng cường đào tạo giáo viên là người tại chỗ, đẩy mạnh xây dựng các trường nội trú, bán trú, phấn đấu nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học từ 53% lên 75 - 80% vào năm 2000. Phấn đấu các xã đều có trường cấp II, hoàn chỉnh cấp I, thôn bản có từ 30 hộ trở lên có lớp học.

- Tích cực thực hiện định canh định cư xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống cho đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng sâu. Phấn đấu đến 2000 tỷ lệ hộ nghèo còn 5%.

- Đổi mới cơ chế quản lý, tiếp tục xóa bỏ bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Sắp xếp lại hệ

thống các phòng, ban, đơn vị tinh gọn, phù hợp. Tăng cường chức năng điều hành quản lý nhà nước, hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; tích cực đào tạo lại công chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Phát huy vai trò của kinh tế hộ gia đình, nghiên cứu chuyển đổi cách quản lý trong các hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, dân chủ, cùng có lợi. Các nông, lâm trường đóng trên địa bàn phấn đấu trở thành các trung tâm dịch vụ, nơi phổ biến, chuyển giao khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hoá xã hội đối với dân cư các vùng lân cận.

- Giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới lãnh thổ quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Gắn phát triển kinh tế với quốc phòng an ninh. Bổ sung phương án A2, tổ chức diễn tập hoàn thiện phương án. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo luật pháp. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trên địa bàn giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng; kiện toàn Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện theo quyết định 100 của Ban Bí thư Trung ương; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên. Tăng cường tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Tập trung củng cố cơ sở đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết 07 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đặc biệt các xã Pha Long, Cao Sơn, Nậm Chảy. Xóa bỏ các thôn bản trắng không có đảng viên. Nâng cao chất lượng cán bộ công chức, phấn đấu cán bộ làm việc ở các cơ quan Khối Dân Đảng đều có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng.

- Từng bước tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ, tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ công chức để nâng cao hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước. Coi trọng vai trò của trưởng thôn, củng cố bộ máy chính quyền cơ sở vững mạnh.

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các đoàn thể chính trị xã hội theo tinh thần Nghị quyết 8B (khóa VI) về công tác dân vận, Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách của các đoàn thể, tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ đoàn thể cấp cơ sở.

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương đã bầu Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XIX nhiệm kỳ (1996 - 2000) gồm 31 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Đình Vững được bầu lại làm Bí thư Huyện ủy. Đại hội cũng đã bầu đoàn đại biểu thay mặt cho Đảng bộ huyện đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI.

Các đồng chí trong Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XIX nhiệm kỳ 1996 - 2000

Trong 3 ngày, từ ngày 02 đến ngày 04 tháng 5 năm 1996, Đảng bộ tỉnh Lào Cai tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XI. Trên cơ sở đánh giá tình hình sau 5 năm tái lập, đổi mới và phát triển, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đã xác định mục tiêu tổng

quát giai đoạn 1996-2000 là: "Phát huy những truyền thống tốt đẹp và những thành quả đã đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua mọi khó khăn thử thách, khai thác triệt để mọi tiềm năng, tiếp tục tạo ra những nguồn lực mới về kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao vai trò quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xóa bỏ tình trạng sản xuất độc canh, phân tán, tự nhiên, tự cung, tự cấp. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố quốc phòng, an ninh thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"[186(78)]. Đại hội chỉ ra những nhiệm vụ phát triển của tỉnh giai đoạn 1996-2000 về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị; đồng thời đề ra các giải pháp chủ yếu để thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra, trong đó nhấn mạnh các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, về vốn, về thị trường, về đẩy mạnh khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đã định hướng các địa phương phát huy tiềm năng, thế mạnh, tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống về mọi mặt cho Nhân dân.

Trong 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng về mọi mặt. Đánh giá tổng quát thành tựu sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (7/1996) đã khẳng định: *"Nhiệm vụ*

186. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai 1947-2007*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, trang 521-522.

đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước". Đại hội xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 và 2020 là đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phấn đấu đến năm 2020 *"đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp"*. Để đạt mục tiêu trên, Đại hội chỉ rõ nhiệm vụ: tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong đó, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định chính trị, phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Ngay sau khi Đại hội Đảng các cấp thành công, trên cơ sở nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Huyện ủy Mường Khương đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Thực hiện Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 17/9/1996 của Tỉnh ủy Lào Cai về tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, ngay từ đầu tháng 10-1996, công tác quán triệt Nghị quyết Đại hội đảng các cấp được tiến hành khẩn trương. Huyện ủy đã mở hội nghị cán bộ chủ chốt để quán triệt Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI; thảo luận và thông qua chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI. Cũng trong tháng 10-1996, các cấp ủy cơ sở đã hoàn thành việc quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đến đảng viên và quần chúng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở đã hoàn thành việc xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng các cấp, nhất là triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

Cụ thể hóa hóa nghị quyết đại hội đảng các cấp và căn cứ vào chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Huyện ủy đã chủ động đổi mới quy trình ra nghị quyết đúng với chủ chương của Đảng, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Huyện ủy đã ban hành nhiều Nghị quyết chuyên đề, chương trình hành động và chỉ thị, kế hoạch, đề án để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện toàn diện trên các lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Các nghị quyết, các chỉ thị, kế hoạch, đề án của Huyện khi tổ chức triển khai thực hiện được Nhân dân các dân tộc đồng tình ủng hộ, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống đã làm chuyển biến căn bản tình hình mọi mặt của huyện.

Trên lĩnh vực nông, lâm nghiệp, trong 5 năm 1996 - 2000, trên địa bàn Mường Khương thời tiết diễn biến phức tạp. Năm 1996, đầu năm rét đậm kéo dài làm chết mạ xuân phải kéo giãn thời vụ, giữa năm mưa lớn làm sạt lở ruộng nương, làm hỏng diện tích cây trồng và hệ thống mương máng, lũ cuốn trôi 12,6 ha lúa xuân, 10,5 ha lúa mùa, 59 ha ngô. Năm 1997, hạn hán xảy ra khi vào vụ xuân hè làm chết 697 ha ngô, mạ mùa bị già sinh trưởng kém làm giảm khoảng 1500 tấn lương thực. Đầu năm 1998, mưa đá xảy ra ở một số xã vùng cao, cuối năm lại xảy ra hạn hán, dịch chuột phá mùa màng. Năm 2000, rét đậm, sương muối làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông lâm nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết chuyên đề về "Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế trên địa bàn huyện giai đoạn 1996 - 2000", các cấp ủy, chính quyền đã chỉ đạo phòng chống, khắc phục thiên tai, tập trung thâm canh, tích cực đổi mới cơ cấu giống cây trồng, nên trong 5 năm sản xuất nông nghiệp ở Mường Khương vẫn đạt kết quả. Năm 1996 tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 13.557 tấn, bằng 92,3% kế hoạch, đạt 100,31% so với 1995 (không kể sản lượng đậu tương, khoai tây), trong đó, diện tích cây ngô cả năm gieo trồng đạt 3.397 ha, sản

lượng đạt 7.129 tấn, ngô trở thành sản phẩm hàng hóa có số lượng lớn đối với hàng nông sản ở Mường Khương. Năm 1997, tổng sản lượng lương thực đạt 13.121 tấn (không kể 693 tấn khoai tây), thấp hơn năm 1996, cây đậu tương trở thành cây mũi nhọn với diện tích 917 ha, sản lượng đạt 504 tấn. Năm 1998, được mùa, tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 14.469 tấn vượt 6,3% kế hoạch giao. Cây đậu tương duy trì diện tích 920 ha nhưng sản lượng đã đạt 665,6 tấn. Năm 1999, tổng sản lượng lương thực đạt 13.423 tấn, bằng 103,89% kế hoạch, trong đó, diện tích trồng ngô đã nâng lên 4.137 ha, sản lượng 7.639 tấn; cây đậu tương 975 ha. Ngoài ra, một số cây trồng khác đã được huyện quan tâm phát triển như xèo 104 ha, đao giềng 106,5 ha, khoai lang 16 ha, lanh 46 ha, lạc 130 ha, mía 63 ha, rau các loại 169 ha... Đến năm 2000, tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 14.711 tấn. Trong đó, diện tích ngô đạt 4.300 ha, sản lượng đạt 8.125 tấn; diện tích trồng cây đậu tương 887 ha, sản lượng đạt 598 tấn. Huyện đã xây dựng vùng dứa tập trung ở Bản Lầu với diện tích 75 ha, sản lượng 1.200 tấn, giá trị thu được gần 500 triệu đồng. Nếu tính cả các cây màu qui thóc thì sản lượng lương thực năm 2000 đạt 16.118 tấn. Tốc độ tăng trung bình cả khóa là 3,2% năm, nghị quyết đề ra tăng 4 - 5%/năm. Nhờ tích cực giải quyết vấn đề lương thực nên đến tháng 9 - 2000 số hộ đói toàn huyện còn 9%, số hộ nghèo còn 25% (theo tiêu chí mới). Trong nông nghiệp đã hình thành 153 trang trại vừa và nhỏ. Ngoài các cây trồng chính như lúa, ngô, đỗ tương trên địa bàn huyện đã có vùng dứa, cam quýt, ha mận và cây ăn quả khác. Sản lượng nông sản trở thành hàng hóa như gạo, ngô, đỗ tương, dứa, chè... bắt đầu chiếm lĩnh thị trường nội huyện và vươn ra thị trường các huyện trong tỉnh.

Các xã trong huyện tích cực khai thác lợi thế về đất đai, ruộng để phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Năm 1996 đàn trâu của huyện có 9.008 con, đàn bò 1.260 con, đàn lợn 13.953 con, đàn ngựa 2.889 con. Năm 1997, đàn gia súc cơ bản được giữ ổn định, riêng đàn bò tăng cao so với năm 1996, đàn dê sụt giảm do thiếu nơi

chăn thả. Năm 1998, tổng đàn gia súc đều tăng trong đó trâu tăng 5,5%, bò tăng 88,7% đàn bò đạt trên 2000 con, đàn lợn cũng tăng lên trên 15.000 con, xu hướng nạc hóa tăng mạnh đáp ứng nhu cầu của thị trường. Năm 1999 số lượng tổng đàn có tăng so với năm trước, nhưng rét đậm đã làm chết 83 con trâu, bò. Năm 2000 rét đậm, sương muối làm chết 615 con trâu, bò. Song tổng đàn gia súc vẫn đảm bảo kế hoạch và tăng so với năm trước. Tính chung trong 5 năm 1996 - 2000, tốc độ tăng đàn gia súc đạt mục tiêu đề ra, riêng đàn bò đã tăng bình quân 19%/năm, năm 2000 đạt 2.230 con.

Thực hiện mục tiêu phủ xanh đất trống đồi núi trọc, các cơ sở trong huyện đã tích cực chuẩn bị cây giống để phục vụ trồng rừng mới, tích cực khoanh nuôi, giao rừng, đất rừng cho hộ nông dân. Năm 1996, toàn huyện trồng mới được 455 ha, khoanh nuôi bảo vệ 2.953 ha, trồng 821.000 cây phân tán. Năm 1997 độ tán che phủ là 20,5%, năm 1998 đạt 23%. Trồng, giữ rừng gắn với xây dựng các trang trại là một hướng đi được nông dân trong huyện hưởng ứng nên đến 1998 toàn huyện đã có 104 trang trại vừa, gần 400 trang trại nhỏ; đã giao 3.500 ha đất nông nghiệp cho nông dân. Năm 1999 thực hiện dự án trồng 5 triệu ha rừng, huyện Mường Khương đã trồng mới 140 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh 500 ha, khoán bảo vệ 8.090 ha, giao 15.000 ha đất lâm nghiệp cho nông dân; độ tán che phủ đã đạt 25%. Năm 2000, huyện hoàn thành việc thống kê đất trống chưa sử dụng phục vụ triển khai dự án 5 triệu ha rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1.645 hộ với diện tích 3.389,8 ha. Tính chung trong 5 năm 1996 - 2000, toàn huyện đã trồng mới được 1.529 ha rừng, khoanh nuôi tái sinh 9.500 ha, trồng 4,6 triệu cây lâm nghiệp xã hội, độ tán che nâng từ 14% năm 1995 lên 26% năm 2000. Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng tranh chấp đất đai, đốt phá rừng làm nương, khai thác lâm sản trái phép.

Để đảm bảo tưới tiêu cho nông nghiệp, hàng năm Nhân dân tập trung tổ chức nạo vét, tu sửa các công trình thủy lợi đã có. Huyện

ủy đã tập trung lãnh đạo phát triển mạng lưới giao thông, phục vụ đi lại và trao đổi hàng hóa. Năm 1996, huyện ủy lãnh đạo làm đường Mường Khương - Nậm Chảy, Mường Khương - Tùng Lâu, Pha Long - Tả Gia Khâu. Ngoài sự đầu tư của nhà nước, Nhân dân đã đóng góp gần 3.000 ngày công lao động. Năm 1997, toàn huyện đã mở mới và tu sửa 208 km đường liên thôn. Năm 1998, huyện tiếp tục tu bổ, mở rộng 30km đường liên xã, 152 km đường thôn bản, trong đó mở mới 20 km. Ngày 27-12-1998, thông xe kỹ thuật tuyến đường Mường Khương - Nậm Chảy. Đến thời điểm này, 16/16 xã có nền đường ô tô đến trung tâm xã. Năm 1999, huyện tiếp tục mở mới và nâng cấp 52 km đường liên thôn bản chủ yếu bằng công lao động của nhân dân. Tỉnh đầu tư nâng cấp Quốc lộ 4D từ km 168 đến km 198; nâng cấp 7 km đường Bản Lầu - Bản Xen, 12 km tuyến Mường Khương - Lùng Khấu Nhin. Năm 2000, huyện mở mới 33,6 km, tu sửa 340 km đường giao thông nông thôn, tiếp tục sửa chữa, nâng cấp quốc lộ 4D, đường Bản Lầu - Bản Sen, Mường Khương - Lùng Khấu Nhin, Mường Khương - Nậm Chảy. Tính chung trong 5 năm, toàn huyện đã mở được 314,5 km đường liên thôn bản, huy động 715.387 ngày công lao động của nhân dân trị giá hơn 4 tỷ đồng phục vụ mở đường giao thông.

Bên cạnh việc lãnh đạo mở các tuyến đường giao thông, huyện ủy còn quan tâm đến lãnh đạo nâng cấp hạ tầng điện. Năm 1997, trong dịp kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng Mường Khương, huyện đã cắt băng khánh thành và đưa vào sử dụng đường điện 35KV Lào Cai - Mường Khương, mở đầu giai đoạn đưa điện lưới quốc gia về nông thôn ở Mường Khương. Năm 1998, huyện xây dựng xong đường dây 35KV từ Mường Khương đi Pha Long, Mường Khương đi cửa khẩu, đã có gần 1000 hộ được dùng điện lưới quốc gia, 1307 hộ dùng thủy điện nhỏ. Năm 1999 xây dựng lưới điện xã Mường Khương, đường điện lưới Mường Khương - Tung Chung Phố. Đến năm 2000 đã có 6 xã với 1500 hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vẫn phát triển chậm vì gặp nhiều khó khăn, sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp chủ yếu vẫn là các hoạt động sản xuất nông cụ cầm tay, gạch ngói, xay sát ở qui mô gia đình.

Đến năm 2000, huyện đã qui hoạch xong trung tâm huyện lỵ và 4 thị tứ, diện mạo huyện lỵ, thị tứ đã mang dáng dấp đô thị. Trụ sở làm việc của cơ quan Đảng, chính quyền các xã đều được nâng cấp; trường học chính, trạm xá được xây dựng mức cấp IV, cấp III. Năm 1999, thực hiện chương trình 135 của Chính phủ, toàn huyện đã được đầu tư gần 30 tỷ đồng cho thực hiện các chương trình dự án, nên hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các xã đã có bước phát triển khá.

Hoạt động tài chính, ngân hàng đáp ứng được yêu cầu. Do khó khăn về nguồn thu nên nguồn chi chủ yếu vẫn do nhà nước cấp. Tuy nhiên, huyện cũng đã cố gắng tạo nguồn thu, thu đúng, thu đủ, đến năm 1999 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đã đạt 3 tỷ 615 triệu đồng, trong đó thu qua cửa khẩu đạt 1.920 triệu đồng. Năm 2000 đạt 4.133 triệu đồng, so với nhu cầu chi thì huyện cân đối được khoảng 10%. Hoạt động ngân hàng có nhiều cố gắng, số vốn nông dân và các hộ kinh doanh vay, tăng hàng năm. Năm 1997, dư nợ tín dụng của ngân hàng huyện là 5.587 triệu đồng, năm 1999 nâng lên 9.262 triệu đồng, năm 2000 đạt 15 tỷ đồng, 5.600 hộ dân được vay vốn. Lưu thông hàng hóa luôn được quan tâm phát triển, đến năm 2000 đã có 10/16 xã có chợ hoặc địa điểm chợ; các chợ trung tâm huyện, trung tâm cụm xã được nâng cấp, thúc đẩy quá trình giao lưu văn hoá, trao đổi sản phẩm hàng hóa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội .

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới, nhất là từ khi có chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Năm học 1996-1997, toàn huyện đã có 25 trường học, 291 lớp, 173 phòng học với 7333 học sinh; trong năm huyện đã xây dựng mới 11 phòng học, tu sửa 16 phòng,

đóng mới 552 bộ bàn ghế cho học sinh, trong đó nhân dân đóng góp 1020 ngày công và 17 triệu đồng. Năm học 1997-1998, xây dựng mới được 42 phòng học, trong đó dân tự làm 31 phòng; đóng mới 349 bộ bàn ghế học sinh, trong đó dân tự đóng 184 bộ; số học sinh đi học đã tăng 1650 em so với năm học 1996 - 1997. Các địa phương phối hợp với đồn biên phòng tổ chức các lớp học xóa mù chữ cho 1500 học viên, đạt 150% kế hoạch.

Năm 1998, Hội đồng nhân dân huyện ban hành Nghị quyết về công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, kiện toàn lại Ban chỉ đạo từ huyện đến cơ sở, Đầu năm 1999, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; tiếp tục đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - Đào tạo, khoa học - Công nghệ.

Năm học 1999 - 2000, toàn huyện đã có 11.458 học sinh, trong đó trung học phổ thông có 380 học sinh; tỷ lệ trẻ em từ 6- 14 tuổi đi học đạt 86,54%; xây dựng 6 trường học qui mô cấp III, 18 phòng học cấp IV, 72 phòng học bán kiên cố; 13/16 xã hoàn thành công tác xóa mù chữ, 11/16 xã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Đến tháng 5-2000, huyện có 15 xã được công nhận hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, các bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông đều phát triển. Năm học 2000 - 2001, toàn huyện đã có 37 lớp mẫu giáo, 446 học sinh trung học phổ thông. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học đạt 88,36%.

Tính chung trong 5 năm 1996 - 2000, toàn huyện đã xóa mù chữ cho 5.000 người, nâng tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi 15- 25 đạt 90%. Số học sinh đi học tăng 10%/năm. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường vượt 6,6% mục tiêu Đại hội XIX đề ra. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục so với mặt bằng chung của cả tỉnh còn thấp. Năm học 1999-2000 số giáo viên tiểu học chưa đạt chuẩn vẫn chiếm

44%. Số học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp toàn quốc rất ít, học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng đại học chưa nhiều.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được tăng cường. Các xã đều có trạm xá, mỗi trạm có từ 3 - 4 cán bộ y tế, trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh được trang bị ngày càng đầy đủ và hiện đại hơn. Các chương trình y tế quốc gia đều được triển khai có hiệu quả. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình chuyển biến mạnh mẽ. Năm 1997, tỷ lệ tăng dân số của huyện đã hạ xuống mức 2,8%. Năm 1998, toàn huyện đã có thêm 2.776 cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai, năm 1999 có 3000 cặp vợ chồng đăng ký thực hiện. Vì vậy, tỷ lệ tăng dân số đã hạ xuống mức 2,5%; năm 2000 là 2,2%. Tuy nhiên, một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa quan tâm đầy đủ đến công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, cộng tác viên dân số chưa sâu sát đến tận các thôn bản, gia đình nên tỷ lệ cặp vợ chồng sinh con thứ 3 vẫn còn chiếm 23% trong tổng số cặp vợ chồng trong tuổi sinh đẻ.

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền được đổi mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Đã chuyển tải cơ bản chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước đến với nhân dân. Năm 1996 huyện đã lắp đặt và đưa vào sử dụng 6 trạm phát lại truyền hình, 2 trạm phát sóng FM, phục vụ Nhân dân 14/16 xã. Năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện đã điều chỉnh, bổ sung qui định cụ thể thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Hầu hết các gia đình dân cư đều ký cam kết thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư". Toàn huyện đã tổ chức tiếp nhận và phân phối 2.000 chiếc radiô, tivi, kết quả đã có 65% hộ dân được nghe đài, 20% hộ dân được xem truyền hình. Năm 1999, huyện lắp đặt thêm 1 trạm phát lại truyền hình tại xã La Pan Tẩn, nâng cấp đài truyền thanh - truyền hình huyện và nâng diện phủ sóng phát thanh - truyền hình. Trong 5 năm 1996 - 2000, huyện đã có 8.000

hộ được công nhận gia đình văn hoá, toàn huyện có 8 trạm phát lại truyền hình, 16/16 xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình. Phong trào rèn luyện thể dục thể thao phát triển sâu rộng từ các cơ quan đến thôn bản.

Thực hiện chủ trương điều chỉnh dân cư nội địa ra vùng biên giới để sản xuất và tham gia bảo vệ biên giới, trong 5 năm, huyện đã điều chuyển được 345 hộ, định cư 32 thôn bản sát biên. Công tác cứu tế, cứu trợ được thực hiện kịp thời, tình trạng di cư tự do đã giảm. Tuy nhiên hoạt động văn hoá - xã hội thời gian này vẫn còn những hạn chế, yếu kém, nhất là việc xây dựng làng văn hoá chưa có chuyển biến rõ nét, xây dựng các đội văn nghệ chưa được nhiều, tình trạng tảo hôn vẫn diễn ra, công tác định canh định cư vẫn còn nhiều việc phải tiếp tục giải quyết.

Là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lào Cai, vốn tiềm ẩn nhiều vấn đề phức tạp trên tuyến biên giới, nên Huyện ủy luôn chú trọng đến củng cố tăng cường công tác quân sự, an ninh, đối ngoại. Ngay từ đầu nhiệm kỳ khóa XIX, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề về an ninh quân sự và đối ngoại, Nghị quyết nêu lên những nhiệm vụ giải pháp cơ bản giúp các cơ sở chủ động tích cực giải quyết tốt mọi tình huống xảy ra.

Những năm 1996 - 2000, tuy 2 nước Việt Nam - Trung Quốc đã bình thường hóa quan hệ, song khu vực biên giới thường xuyên xảy ra các vụ việc vi phạm qui định tạm thời về quản lý biên giới giữa 2 quốc gia như xâm canh, xâm cư, trộm cắp trâu, bò, ngựa, khai thác khoáng sản, lâm sản trái phép, nổ mìn đánh cá trên sông biên giới... Thậm chí có cả trường hợp dùng bạo lực để khống chế, doạ nạt, phá hoại hoa màu của đồng bào ta cư trú và làm ăn ở sát biên giới; tung ra tin đồn sẽ đẩy số người Việt Nam sang Trung Quốc trước và sau 1979 quay trở lại, hoặc dùng hình thức o ép, đe dọa buộc số việt kiều cư trú chưa có hộ khẩu sống ở ven biên hoặc trong các nông trường

phải quay về Việt Nam. Ngoài ra, bọn tội phạm còn xâm nhập qua biên giới để trộm cắp trâu, bò của dân ta, tung tiền giả để mua hàng, buôn bán ma túy... gây nên tình hình phức tạp ở khu vực biên giới. Các ngành chức năng của huyện đã phối hợp chặt chẽ với các đồn biên phòng giải quyết kịp thời, bảo vệ vững chắc trật tự, an ninh biên giới, bảo vệ tài sản của Nhân dân.

Trong nội địa, tình hình an ninh, trật tự tuy không có biến động lớn, song tình trạng buôn bán hàng cấm qua biên giới, tuyên truyền đạo trái pháp luật, lôi kéo dân di cư tự do, tranh chấp đất đai vẫn xảy ra. Hai năm (1996 - 1997), các lực lượng chức năng của huyện đã giải quyết ổn định 15 vụ tranh chấp đất đai ở các xã Pha Long, Dìn Chin, Tả Ngải Chồ; điều tra phá 96 vụ án, bắt giữ 165 tên, thu giữ 3,7kg thuốc phiện, 5,2 kg thuốc nổ. Năm 1999, đã xảy ra sự việc khiếu kiện đông người của công nhân nông trường chè Thanh Bình, sự việc phải giải quyết đến năm 2000 mới ổn định. Trong 5 năm (1996- 2000), các lực lượng chức năng của huyện đã giải quyết 116 vụ việc an ninh nông thôn; triệt phá 5.279 m^2 cây thuốc phiện, điều tra phá hàng trăm vụ án...

Công tác quốc phòng được quan tâm trước hết là nhiệm vụ giáo dục quốc phòng, gắn phát triển kinh tế với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc. Trong 3 năm 1996 - 1998, huyện mở được 10 lớp tập huấn giáo dục quốc phòng cho cán bộ chủ chốt cấp xã, trưởng các ban ngành đoàn thể cấp huyện, dân quân tự vệ. Học sinh trường trung học phổ thông, trường đào tạo bồi dưỡng hàng năm đều được tập huấn kiến thức giáo dục quốc phòng. Năm 1998, huyện cử 25 đoàn công tác trực tiếp xuống các thôn bản để tuyên truyền công tác quốc phòng an ninh. Các xã và cơ quan đều tổ chức xây dựng kế hoạch A, A2 về tổ chức diễn tập hàng năm. Toàn huyện được phân thành các cụm

phát triển kinh tế gắn với quốc phòng. Trong 5 năm, lực lượng dân quân tự vệ, công an phối hợp với Biên phòng thường xuyên phối hợp tổ chức tuần tra biên giới, phát hiện và giải quyết 327 vụ việc, bắt 250 đối tượng, thu giữ trả lại cho dân 253 con trâu, bò, ngựa; truy bắt 36 vụ tội phạm, 18 vụ khai thác khoáng sản, lâm sản trái phép[187]. Lực lượng dân quân ở các xã được xây dựng theo phương châm dân bàn, dân cử, dân chăm lo, do đó hoạt động đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực. Lực lượng dự bị động viên được rà soát lại hàng năm. Công tác động viên thanh niên khám tuyển, nhập ngũ của huyện đều hoàn thành chỉ tiêu giao.

Mặc dù còn một số vụ việc phức tạp xảy ra ở khu vực biên giới, nhưng quan hệ giữa huyện Mường Khương với 2 huyện Hà Khẩu và Mã Quan (Trung Quốc) tiếp tục được tăng cường. Hàng năm, hai bên đều tổ chức các cuộc thăm trao đổi, phối hợp giải quyết các vụ việc, những nội dung liên quan giữa 2 bên trên cơ sở hiểu biết, tôn trọng và bình đẳng; thường xuyên phối hợp truy bắt tội phạm, chống buôn lậu, bảo vệ biên giới...

Nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng, ngày 19-6-1996 Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 72 về công tác cán bộ lãnh đạo cấp huyện và cơ sở nhiệm kỳ 1996 - 2000. Thực hiện Nghị quyết 72, bộ máy các phòng, ban cấp huyện được rà soát, củng cố kiện toàn; các chi, đảng bộ cơ sở bị khuyết ủy viên ban chấp hành đều được bổ sung, đảm bảo sự lãnh đạo kịp thời. Năm 1996, cấp huyện có 47 phòng, ban, ngành và tương đương, qua xếp loại có 20 đơn vị khá, 24 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, 3 đơn vị có khuyết điểm. Bộ máy khối xã cơ bản ổn định, đã có 9 xã gồm Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai, Mường Khương, Nấm Lư, Cao Sơn, Pha Long, Lùng Khấu Nhin, Thanh Bình chủ động được công tác; 5 xã

187. UBND huyện Mường Khương -Báo cáo tổng kết 5 năm công tác quốc phòng ở địa phương.(1996 - 2000).

có cán bộ hướng dẫn đã hoàn thành nhiệm vụ; 2 xã phải tăng cường cán bộ từ huyện xuống làm cố vấn. Năm 1997, có 6 phòng ban của huyện đề bạt cán bộ lãnh đạo; qua xếp loại đã có 47/53 đơn vị hoàn thành nhiệm vụ khá từng mặt, 5 đơn vị chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ. Khối xã có Bản Lầu, Bản Sen, Lùng Vai, Mường Khương, Nấm Lư, Cao Sơn chủ động được công tác; 8 xã có hướng dẫn đã hoàn thành nhiệm vụ; 2 xã phải có cán bộ huyện trực tiếp giúp đỡ. Năm 1998, số phòng, ban, đơn vị tương đương ở cấp huyện nâng lên 54 đơn vị, các đơn vị đều được bố trí đủ cán bộ lãnh đạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn.

Tổ chức cơ sở Đảng tiếp tục được củng cố, được đánh giá phân loại kịp thời. Năm 1996, huyện có 34 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó 19 đơn vị đạt trong sạch, vững mạnh. Năm 1998, chi bộ Công an chuyển lên thành đảng bộ, thành lập thêm một cơ sở Đảng, nâng số tổ chức cơ sở Đảng trong huyện lên 35, trong đó 19 tổ chức cơ sở đạt trong sạch vững mạnh[188]. Năm 2000, Huyện ủy đã giải thể 1 đảng bộ, thành lập mới 2 chi bộ, chia tách 2 chi bộ, nâng tổng số tổ chức cơ sở đảng lên 38 đơn vị. Trong những năm 1996 - 2000, Đảng bộ huyện đã tập trung củng cố các cơ sở: Tả Thàng, Nậm Chảy, La Pan Tẩn, Tung Chung Phố, Tả Ngải Chồ, Lùng Vai, Nông trường Thanh Bình. Số cấp ủy cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm đạt bình quân 81,7%, hoàn thành nhiệm vụ 16,9%, không hoàn thành nhiệm vụ 1,4% [189].

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ cũng được Đảng bộ huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện. Năm 1997, huyện cử 83 cán bộ đi đào tạo, trong đó học lý luận chính trị 13 người, học chuyên môn 5 người, học văn hoá 65 người. Năm 1998, toàn huyện có 36 cán bộ được đi học, trong đó học lý luận chính trị 13 người, chuyên môn

188. Báo cáo xây dựng đảng của BCH Đảng bộ huyện Mường Khương các năm từ 1996 - 2000.
189. Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX.

nghiệp vụ 15 người, học văn hoá 8 người. Tính chung trong 4 năm, từ 1996 đến 1999, huyện đã cử 187 cán bộ trong diện qui hoạch đi học văn hoá, 70 cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; 49 cán bộ đi học chính trị ở Trung ương và tỉnh. Năm 2000, huyện kết hợp với Trường Chính trị tỉnh mở lớp trung cấp lý luận chính trị cho 52 cán bộ học tại chức tại huyện. Chỉ tính riêng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện trong 5 năm đã mở được 219 lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luậnc hính trị và tập huấn nghiệp vụ cho 7.489 lượt cán bộ. Nhờ tăng cường đào tạo cán bộ nên chất lượng đội ngũ cán bộ từng bước được nâng lên. Trong 5 năm, huyện bổ nhiệm 66 cán bộ lãnh đạo cấp phòng và tương đương của cấp huyện.

Năm 1996, toàn huyện kết nạp được 42 đảng viên mới, xóa 3 thôn bản trắng không có đảng viên. Năm 1997, huyện kết nạp 62 đảng viên mới, xóa 7 thôn bản trắng không có đảng viên. Năm 1998, huyện kết nạp 73 đảng viên mới, có 28/35 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được đảng viên mới. Năm 1999, huyện kết nạp 79 đảng viên mới, có 27/35 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được đảng viên; xóa 14 thôn bản trắng không có đảng viên. Năm 2000, huyện kết nạp được 58 đảng viên mới, có 24/38 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được đảng viên. Tính chung trong 5 năm (1996 - 2000), Đảng bộ huyện kết nạp được 306 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên toàn Đảng bộ từ 641 đảng viên năm 1996 lên 876 đảng viên vào cuối năm 2000; xóa được 43 thôn bản không có đảng viên. Tuy nhiên, do hàng năm thành lập thêm thôn bản mới, nên đến cuối năm 1999 trong số tổng số 225 thôn bản của huyện vẫn còn 38 thôn bản chưa có đảng viên[190].

Nhằm tăng cường nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, công tác kiểm tra việc chấp hành chỉ thị nghị quyết của Đảng, kiểm tra tổ chức và cá nhân thực hiện điều lệ Đảng thời gian này được đẩy mạnh. Năm 1997, thực hiện kế hoạch 01 của

190. Báo cáo tổng kết công tác tổ chức 1999 của Huyện uỷ Mường Khương.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, kế hoạch 02 của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết số 14, chỉ thị số 15 của Bộ Chính trị khóa VII đối với Ngành Công an; kiểm tra 17 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, xử lý kỷ luật 7 đảng viên. Năm 1999, Huyện ủy thành lập 4 tổ kiểm tra tiến hành kiểm tra Đảng ủy Nông trường Thanh Bình, Đảng bộ xã Bản Xen, Chi bộ Trung tâm Y tế, Chi bộ xã Dìn Chin. Đồng thời kiểm tra 18 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, xử lý kỷ luật 12 đảng viên. Năm 2000, qua kiểm tra đã thi hành kỷ luật 25 đảng viên. Tính chung trong 5 năm, đã tiến hành kiểm tra việc thi hành Điều lệ Đảng ở 5 tổ chức cơ sở đảng, kiểm tra 356 đảng viên, trong đó có 53 đảng viên vi phạm khuyết điểm chiếm 14,8% số đảng viên được kiểm tra[191]. Những khuyết điểm mà đảng viên vi phạm chủ yếu là cố ý làm trái nguyên tắc quản lý kinh tế; vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, mất đoàn kết nội bộ; vi phạm luật hôn nhân gia đình... Đảng bộ huyện luôn chỉ đạo sâu sát việc tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động kiểm tra của Đảng với thanh tra nhà nước.

Trong 5 năm, hoạt động của bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể tiếp tục được đổi mới trên nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, nhân dân làm chủ. Cấp ủy, chính quyền cấp huyện sâu sát chỉ đạo cơ sở; cấp ủy, chính quyền cấp xã chuyển từ giải quyết công việc theo tháng sang trực hàng tuần, hàng ngày để giải quyết công việc. Hội đồng nhân dân các cấp đã tăng cường giám sát theo chương trình kế hoạch. Năm 1997, các cơ sở trong huyện đã tích cực chỉ đạo thực hiện thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X. Năm 1998, kiện toàn cơ quan Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện giám sát trọng tâm, trọng điểm, theo chuyên đề

191. Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX.

như: giám sát công tác quản lý bảo vệ rừng; dạy thêm học thêm; thu chi các loại quỹ trong trường học; quản lý sử dụng điện năng... Năm 1999, các cấp ủy đã lãnh đạo hoàn thành cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp; tổ chức 27 lớp bồi dưỡng kiến thức cho trên 1.800 lượt cán bộ là đại biểu Hội đồng nhân dân xã, trưởng các thôn, bản được. Hàng năm, huyện tiến hành phân loại chính quyền cơ sở. Số chính quyền đạt loại xuất sắc, vững mạnh ngày một tăng, tiêu biểu là các xã Nấm Lư, Bản Lầu, Mường Khương. Các cuộc họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của các tổ, các đại biểu được tổ chức đúng luật, đảm bảo tính chất quyền lực thực chất. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ quan chính quyền cấp cơ sở lúng túng trong việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và vận dụng chủ trương của cấp trên vào địa phương, thiếu kinh nghiệm trong công tác quản lý kinh tế, quản lý các dự án đầu tư.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, Nghị quyết 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, Nghị quyết 12 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, trong những năm 1996 - 2000, hoạt động của các đoàn thể từ huyện đến cơ sở có nhiều cố gắng. Năm 1997, bộ máy khối các cơ quan dân vận được kiện toàn qua đại hội nhiệm kỳ. Các đoàn thể tích cực phát triển đoàn viên, hội viên. Tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã có 1.788 đoàn viên, chiếm 20% tổng số thanh niên; Hội Phụ nữ có 5.355 hội viên; Hội Nông dân có 5.414 hội viên, chiếm 88% số hộ nông dân tham gia; Hội Cựu chiến binh có 713 hội viên, chiếm 76,8% tổng số cựu chiến binh. Các phong trào: *thanh niên lập nghiệp; tuổi trẻ giữ nước; thực hiện 3 mục tiêu dân số, sức khỏe, môi trường* của đoàn thanh niên; phong trào *nông dân sản xuất giỏi; xây dựng mô hình kinh tế VAC* của Hội nông dân*; 5 chương trình hoạt động lớn* của Hội phụ nữ; phong trào *toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá; xây dựng quĩ đền ơn*

đáp nghĩa của Mặt trận Tổ quốc đạt được hiệu quả nhất định, góp phần động viên đoàn viên, hội viên tích cực lao động sản xuất, học tập và công tác.

Năm 1998, các đoàn thể thực hiện phương châm hướng mạnh về cơ sở, tích cực hưởng ứng cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cụm dân cư văn hóa, triển khai dự án 120, đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo. Năm 1999, ngoài các hoạt động chuyên môn, mặt trận và các đoàn thể đã tổ chức giới thiệu, hiệp thương để chọn cử đại biểu ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Các đoàn thể đã tích cực phát hiện, bồi dưỡng những nhân tố mới giới thiệu cho Đảng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh. Tuy nhiên một số đoàn thể thời gian nay sự chủ động chưa cao, còn trông chờ sự chỉ đạo từ trên xuống hoặc chờ sự chỉ đạo của cấp ủy; chậm đổi mới nội dung phương pháp hoạt động; trình độ, năng lực của cán bộ đoàn thể còn hạn chế, nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa.

Có thể nói, trong 15 năm (1986-2000) thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện Mường Khương đã đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân có bước thay đổi rõ rệt; chủ quyền lãnh thổ Quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố; các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII, XVIII, XIX đề ra cơ bản đạt và vượt. Kết quả nổi bật trong giai đoạn lịch sử này là Đảng bộ đã đổi mới phương thức lãnh đạo, vận dụng sáng tạo các chủ trương của Trung ương, của tỉnh vào điều kiện địa phương bằng việc ban hành các nghị quyết, chương trình hành động, đề án, kế hoạch thực hiện phù hợp; chú trọng kết hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội với nhiệm vụ an ninh quốc phòng và từng bước mở rộng quan hệ đối ngoại. Trong nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ đã kịp thời điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tập trung đầu tư phát

triển nông nghiệp, khai thác lợi thế phát triển chăn nuôi, trồng cây công nghiệp; khuyến khích phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Các cơ sở kinh tế quốc doanh được sắp xếp, điều chỉnh hoạt động, đảm bảo sản xuất theo cung cầu. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được từng bước tăng cường đồng bộ. Việc khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đã tạo ra năng xuất và sản phẩm lao động ngày càng cao góp phần thiết thực nâng cao đời sống nhân dân; tỷ lệ đói nghèo ngày càng giảm mạnh; đời sông tinh thần của nhân dân có chuyển biến rõ nét...

Mặc dù còn không ít khó khăn, hạn chế do xuất phát điểm thấp, nhưng qua 15 năm thực hiện, đường lối đổi mới của Đảng đã được cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện nhận thức ngày càng đầy đủ, sâu sắc; niềm tin vào Đảng được củng cố; nhân dân các dân tộc trong huyện đoàn kết xung quanh Đảng bộ, thi đua lao động sản xuất, biến đường lối đổi mới của Đảng thành kết quả hiện thực.

Chương VI
ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (2000 - 2010)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

Năm 2001, thế giới bước sang thế kỷ mới - thế kỷ XXI. Dân tộc ta đứng trước những thời cơ và thách thức đan xen. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và sinh học tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thúc đẩy nền kinh tế tri thức, càng làm chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và biến đổi đời sống xã hội...toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, lôi cuốn tất cả các quốc gia, vừa thúc đẩy hợp tác vừa tăng sức ép cạnh tranh để bảo vệ lợi ích của mình.

Sau 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo ra thế và lực phát triển mới bước vào thế kỷ mới. Trên tất cả các mặt, tiềm lực phát triển của Việt Nam đã được nhân lên nhiều so với trước đổi mới. Nền kinh tế và xã hội nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng của thập niên 80, đứng vững trước tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng khu vực nửa cuối thập niên 90. Những nền tảng cho quá trình tăng trưởng nhanh bền vững đã được tạo lập và củng cố. Thể chế kinh tế thị trường càng được khẳng định nhờ hiệu quả phát triển to lớn mà nó đem lại trong nhiều năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đời sống nhân dân được cải thiện. Trong các quan hệ quốc tế, vị thế của Việt Nam đã được nâng cao rõ rệt. Đây là điều kiện thuận lợi cơ bản để Việt Nam tiếp cận với cơ

hội mới, tận dụng hiệu quả các lợi thế tiềm năng để phát triển đất nước. Có thể nói sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đã tạo được những tiền đề quan trọng để tiến bước vào thế kỷ XXI[192].

Bên cạnh cơ hội trên, chúng ta còn phải đối phó với những thách thức như tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng quan liêu; "diễn biến hoà bình" do các thế lực thù địch chống phá. Nắm bắt những cơ hội, vượt qua những thách thức để phát triển là vấn đề có ý nghĩa sống còn của Đảng và Nhân dân ta..

Đối với địa phương, qua 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nhờ sự quan tâm của Đảng với các chính sách đầu tư cho miền núi của Chính phủ, nhân dân các dân tộc Mường Khương phấn khởi tin tưởng vào Đảng, Nhà nước; một số lợi thế địa phương bước đầu được khai thác, kinh tế, xã hội phát triển vững chắc; đời sống nhân dân nhanh chóng được cải thiện, đội ngũ cán bộ các cấp được đào tạo từng bước hòa nhịp với cơ chế mới... Tuy nhiên, khó khăn của huyện cũng còn nhiều: Đời sống nhân dân vùng cao còn rất khó khăn; diễn biến khí hậu, thời tiết biến động bất thường ảnh hưởng đến phát triển cây trồng vật nuôi, tài nguyên rừng có xu hướng cạn kiệt; mưa lũ, hạn hán thường xuyên xảy ra, dịch bệnh ở cây trồng và gia súc có xu hướng phát triển; mức độ tăng dân số còn cao; đời sống việc làm đặt ra vấn đề phải giải quyết cấp bách...

Thực hiện Chỉ thị 54 - CT/TW ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của tỉnh về tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, trong quý III năm 2000, Huyện ủy Mường Khương đã tập trung chỉ đạo các tổ chức cơ sở Đảng tiến hành đại hội chi, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2000 - 2005 và tham gia ý kiến vào văn kiện dự thảo trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. ***Trong 2 ngày 27 và 28-11-2000, tại Hội trường***

192. Bài viết "Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam" của Chủ tịch nước Trần Đức Lương, đăng trên Tạp chí Cộng sản.

Ủy ban nhân dân huyện đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX nhiệm kỳ 2000 - 2005. Tới dự Đại có 98/100 đại biểu được triệu tập đại diện cho hơn 800 đảng viên toàn Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Đức Thăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã đến dự và chỉ đạo đại hội. Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội XII Đảng bộ tỉnh Lào Cai và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng; thảo luận Báo cáo chính trị dự thảo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XIX trình Đại hội; Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX; bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII.

Đồng chí Nguyễn Đức Thăng - Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy phát biểu tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX (nhiệm kỳ 2000 - 2005)

Bám sát định hướng của Trung ương, của tỉnh qua các văn kiện dự thảo được nghiên cứu góp ý và điều kện cụ thể của huyện, Đại hội đề ra mục tiêu, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 2001 - 2005 là:

1. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tập trung cho lĩnh vực nông lâm nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ổn định vững chắc lương thực, khai thác nội lực, đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống vật chất cho nhân dân. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế 7 - 8%/năm. Bình quân thu nhập đầu người đạt 3 triệu đồng/người/năm; tổng sản lượng lương thực 18.500 tấn, tốc độ tăng trưởng lương thực 3 - 4%/năm; mức ăn bình quân 340 kg/người/năm; trồng chè mới 860 ha, mở rộng diện tích đậu tương lên 1.500ha, sản lượng 900 - 1.000 tấn/năm; tạo tiểu vùng cây ăn quả: Dứa 200ha, nhãn vải 150ha, mận hậu 30 ha, quýt, hồng 100 ha, lê 100 ha; trồng mới 100ha cây thảo quả, sa nhân; tập trung trồng rừng mới theo dự án 661 là 2.450 ha rừng; trồng cây lâm nghiệp xã hội mỗi năm 1 triệu cây các loại, bảo vệ 10.000ha rừng; khoanh nuôi tái sinh 1.100ha, nâng độ tán che phủ lên 35% vào năm 2005; thu ngân sách nhà nước tăng 10 - 15%/năm, đảm bảo so với chi thường xuyên đạt 15%; giải quyết thêm nước sinh hoạt cho 1,5 vạn dân. Phấn đấu đến năm 2005 không còn hộ đói thường xuyên, số hộ nghèo còn dưới 20%, số hộ giàu và khá tăng từ 22% lên 30%;

2. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thực hiện nếp sống văn hóa. Phấn đấu mỗi năm số hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa là 4.000 hộ; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên mỗi năm 1%o để đến năm 2005 còn 1,7%; 16 xã hoàn thành và duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, tiến tới phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, các xã đều có trường cấp II, mở thêm 1 phân hiệu trung học phổ thông ở vùng thấp; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn dưới 30%; phấn đấu 80 - 90% số hộ có nhà lợp ngói kiên cố, bán kiên cố; phấn đấu 70 - 80% số hộ được nghe đài, 30 - 40% số hộ được xem truyền hình.

3. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt

chẽ phát triển kinh tế xã hội với củng cố an ninh quốc phòng và bảo vệ sinh thái, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia.

4. Tiếp tục củng cố và đổi mới hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh, làm tốt công tác vận động quần chúng, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Phấn đấu 75 - 80% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, không có chi Đảng bộ yếu kém, các thôn bản đều có đảng viên; phấn đấu 80% chính quyền cơ sở và tổ chức đoàn thể được xếp loại khá trở lên; phấn đấu 100% chức danh trưởng các đoàn thể cấp xã là đảng viên; phấn đấu đến năm 2005 cán bộ chủ chốt các xã vùng III cơ bản văn hóa hết lớp 5, vùng II hết cấp II; trong nhiệm kỳ 2000-2005, Đảng bộ huyện phấn đấu thực hiện tốt "Năm mục tiêu: Không để tuyên truyền đạo trái phép. Không di dịch cư tự do. Không trồng cây thuốc phiện và nghiện hút. Không còn thôn bản nào không có đảng viên. Không còn hộ đói nghèo vào năm 2005"; phấn đấu đạt và giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh[193].

Tư tưởng chỉ đạo chung của Đại hội là: Giữ vững và từng bước nâng cao tốc độ phát triển kinh tế, trên cơ sở quy hoạch các tiểu vùng kinh tế; xác định cây trồng, vật nuôi phù hợp, đẩy mạnh phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, khai thác có hiệu quả lợi thế từng tiểu vùng. Đẩy mạnh thu nội địa và thu thuế xuất, nhập khẩu; quản lý, sử dụng các nguồn vốn chương trình đầu tư; hình thành rõ các thị tứ, cụm dân cư gắn với xây dựng kết cấu hạ tầng. Tăng cường đào tạo cán bộ. Tiếp tục phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, mở rộng liên kết kinh tế trong và ngoài tỉnh và với các huyện bên kia biên giới. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới quốc gia[194].

193. Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 28/11/2000 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX.
194. Báo cáo số 64 BC/HU ngày 03/7/2000 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XIX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX (nhiệm kỳ 2000-2005).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX nhiệm kỳ 2000 - 2005 gồm 31 đồng chí, Ban Thường vụ 9 đồng chí. Đồng chí Sùng Chúng được bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy; đồng chí Tạ Đình Bảng, Nùng Chản Phìn giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu thay mặt cho Đảng bộ huyện đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII gồm 11 đồng chí.

Tiếp theo Đại hội cấp huyện, từ ngày 26 đến ngày 29-12-2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XII được tổ chức. Đại hội đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu quan trọng mà Đảng bộ và Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đạt được sau 10 năm tái lập, chỉ rõ những mặt còn hạn chế và xác định đúng nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm, định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện cho nhiệm kỳ 2001 - 2005, tiếp tục đưa các lĩnh vực hoạt động của Lào Cai tiến lên những bước mới, phấn đấu đưa Lào Cai thoát khỏi tỉnh đói nghèo.

Đại hội Đảng bộ tỉnh quán triệt tư tưởng chỉ đạo là: giữ vững ổn định chính trị, tập trung lãnh đạo phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn và cải thiện đời sống nhân dân, tập trung đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế; giải quyết hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo và phát triển nông - lâm nghiệp nông thôn, nhất là vùng cao, vùng sâu theo hướng sản xuất hàng hóa; khai thác chế biến khoáng sản, đẩy mạnh xuất nhập khẩu...

Ngày 19- 4 - 2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khai mạc. Trên cơ sở phân tích bối cảnh quốc tế và trong nước, Đại hội đã xác định mục tiêu tổng quát chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 là: "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của Nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao".

Mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2001-2005 được Đại hội Đảng toàn quốc chỉ rõ: Tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao rõ rệt hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Mở rộng kinh tế đối ngoại. Tạo chuyển biến mạnh về giáo dục và đào tạo; khoa học công nghệ, phát huy nhân tố con người. Tạo nhiều việc làm; cơ bản xoá đói, giảm số hộ nghèo; đẩy lùi các tệ nạn xã hội; ổn định và cải thiện đời sống Nhân dân. Tiếp tục tăng cường kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Hình thành một bước quan trọng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia [195]. Thành công của Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2000 - 2005 là nguồn sức mạnh to lớn, cổ vũ động viên quân và dân các dân tộc huyện Mường Khương tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đạo hoá, tạo bước chuyển biến mới trong những năm đầu thế kỷ XXI.

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX nhiệm kỳ 2001 - 2005

Ngay sau khi kết thúc Đại hội Đảng các cấp, thực hiện kế hoạch của huyện ủy, trong quí III năm 2001 Huyện ủy, sau đó các cơ sở Đảng trong huyện và đã tổ chức triển khai quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Nghiên cứu, vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và của tỉnh, cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX và trên cơ sở 07 chương trình công tác trọng tâm với 29 đề án,

195. Tài liệu học tập văn kiện NQ Đại hội IX của Đảng, tr 45, 67, NXB CTQG 2001.

nghị quyết chuyên đề của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra, Ban Thường vụ huyện ủy đã chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động của huyện ủy. Ngày 14-9-2001, Huyện ủy Mường Khương đã mở các hội nghị cán bộ chủ chốt thảo luận chương trình hành động của Huyện ủy, bàn cụ thể hóa từng nội dung thực hiện, phân công trách nhiệm cho các ủy viên Ban Thường vụ chỉ đạo để sớm đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống nhằm phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, tăng cường củng cố nâng cao vai trò của hệ thống chính trị.

Chương trình hành động của Huyện ủy thực hiện nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2000 - 2005 xác định rõ 6 chương trình trọng tâm của Đảng bộ để tập chung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện (6 chương trình gồm: Chương trình phát triển nông nghiệp, chương trình phát triển kết cấu hạ tầng, Chương trình công nghiệp dịch vụ; chương trình phát triển văn hóa xã hội; chương trình an ninh quốc phòng và đối ngoại, chương trình xây dựng củng cố hệ thống chính trị).

Cụ thể hóa 6 chương trình trọng tâm, Đảng bộ huyện đề ra 4 nghị quyết chuyên đề và 2 chương trình, những giải pháp được đề ra trong các chương trình, nghị quyết sát hợp với tình hình thực tế của địa phương. Tư tưởng chỉ đạo chung của 6 chương trình là là: *"Giữ vững ổn định về chính trị, trật tự trị an, an toàn xã hội. Tiếp tục đẩy mạnh dịch chuyển cơ cấu kinh tế, tập chung đầu tư cho lĩnh vực nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn; ổn định vững chắc lương thực, tăng nhanh lượng sản phẩm hàng hóa, khai thác tốt nội lực, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện đời sống vật chất cũng như tinh thần cho nhân dân".*

Để thực hiện tốt tư tưởng chỉ đạo trên, Đảng bộ đã chỉ đạo chính quyền và các cơ quan xây dựng kế hoạch, đề án, phương án cụ thể để triển khai thực hiện; phân công các đồng chí trong Ban chấp hành, Ban thường vụ phụ trách thực hiện ở các xã, các lĩnh vực, gắn

trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ chung. Trong quá trình tổ chức thực hiện, định kỳ tiến hành sơ, tổng kết, đánh giá cụ thể để rút kinh nghiệm chỉ đạo cho thời gian tiếp theo.

Việc tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện các chương trình giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý điều hành, phát huy quyền làm chủ của nhân dân nên đã tạo ta sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ trong các chương trình. Kết quả, qua 5 năm thực hiện 6 chương trình trọng tâm đã làm chuyển biến vượt bậc mọi lĩnh vực của huyện, hoàn thành các chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra.

Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều tiến bộ, sản lượng hàng hóa (ngô, đậu tương, chè, gạo đặc sản) tăng nhanh. Công tác xóa đói giảm nghèo tiếp tục được đẩy mạnh. Đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển ngô, đậu tương, chè hàng hóa, lúa gạo đặc sản. Cơ cấu nội ngành nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực, phù hợp với mục tiêu, phương hướng đã đề ra. Nhận thức của Nhân dân về sản xuất hàng hóa có chuyển biến rõ nét, đời sống nhân dân và bộ mặt nông thôn không ngừng được cải thiện. Trong lĩnh vực trồng trọt, đã chú trọng việc sử dụng giống mới, với 80% diện tích lúa trồng bằng kĩ thuật; 75% diện tích ngô lai và ngô quần cải; riêng vụ xuân ở vùng thấp đã sử dụng 100% giống lúa, ngô kỹ thuật, công tác khuyến nông, khuyến lâm được tăng cường, giúp nhân dân tiếp tục thâm canh, tăng vụ. Tốc độ tăng sản lượng lương thực bình quân đạt 8,44%/năm. Đưa tổng sản lượng lương thực có hạt lên 21.600 tấn vào năm 2005 (tăng 3.100 tấn so với mục tiêu đại hội đề ra) tăng gần 7000 tấn so với năm 2000. Đưa mức bình quân lương thực đầu người từ 320kg lên 376kg/người/năm. Số hội nghèo giảm nhanh từ 44,6% xuống còn là 16,31% vào năm 2004 (theo tiêu chí cũ), vượt mục tiêu đại hội đề ra.

Chương trình trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày tiếp tục được triển khai, đưa diện tích cây ăn quả từ 509 ha (năm 2000)

lên 780 ha (năm 2004), vùng cao đã hình thành các vùng cây ăn quả ôn đới bản địa như mận hậu (Cao Sơn), lê (Pha Long, Dìn Chin) và một số cây ăn quả ôn đới khác như hồng Hàn Quốc, đào Pháp... Riêng vùng dứa Bản Lầu diện tích đã có 240 ha, trong đó diện tích cho thu hoạch 170ha với sản lượng 3.800 tấn, trị giá 4,0 tỉ đồng.

Diện tích cây đậu tương đã tăng từ 1.000 ha lên 1.211 ha, trong đó có 600 ha trồng đậu tương cao sản (giống DT84, DT96), sản lượng hàng năm đạt 847,2 tấn. Cây chè đã được xác định là cây có lợi thế, mang lại hiệu quả khá, diện tích tăng nhanh từ 102 ha năm 2000 lên 700 ha năm 2005 (trong đó có 443 ha chè được trồng tập trung tại các vùng chuyên canh). Sản lượng chè búp khô năm 2005 đạt 170 tấn, trị giá khoảng 2,72 tỷ đồng.

Đàn gia súc, gia cầm phát triển, đạt mục tiêu đề ra. Năm 2005, đàn trâu có 11.970 con (tăng 4,85% năm 2000), đàn bò có 2.694 con (tăng 3,5% năm 2000), đàn ngựa có 3.294 con, đàn dê có 300 con, đàn lợn có 27.995 con (tăng 4,5% năm 2000), đàn gia cầm 147.516 con (tăng 15% năm 2000). Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 25 ha. Các giống lợn lai F1, bò lai Sin, Bò Zeebu, giống gia cầm mới được nông dân đưa vào sản xuất. Nhằm mục tiêu cải tạo tầm vóc giống bò địa phương, huyện Mường Khương đã thực hiện dự án cải tạo đàn bò bằng phương pháp phối giống trực tiếp, trong 3 năm 2003 - 2005 đã đưa vào 19 con bò đực giống Zêbu, tạo được 50 con lai.

Công tác trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng được đẩy mạnh, đã hoàn thành kế hoạch trồng mới theo kế hoạch. Trong 5 năm, huyện đã trồng thêm được 777,7 ha rừng. Công tác bảo vệ, khoanh nuôi rừng tái sinh được quan tâm đúng mức, không có những vụ việc phá rừng, cháy rừng lớn xảy ra trên địa bàn. Tổng diện tích rừng đến năm 2005 có 18.157 ha, đưa diện tích rừng được che phủ từ 24,5% năm 2000 lên 35% năm 2005, đạt mục tiêu Đại hội đề ra.

Công tác quy hoạch được quan tâm, đã quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn phục vụ xây dựng cở sở hạ tầng, phục vụ cho

sản xuất nông nghiệp, phát triển nông thôn góp phần quan trọng trong việc ổn định dân cư và làm thay đổi căn bản bộ mặt nông thôn, trung tâm các xã, cụm xã. Trong năm 2004, huyện đã xây dựng đề án quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp bố trí lại dân cư. Trong 4 năm 2001-2004 đã chủ động bố trí sắp xếp ổn định được 369 hộ, trong đó sắp xếp dân cư biên giới 249 hộ, sắp xếp nội địa 120 hộ.

Với sự cố gắng nỗ lực của nhân dân cộng với chính sách hỗ trợ của tỉnh về tấm lợp, phong trào ngói hóa nông thôn được triển khai rộng khắp, đã đưa tỉ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố từ 60% (năm 2000) lên 80% (năm 2005), đạt mục tiêu Đại hội. Trong 5 năm, tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản do nhà nước đầu tư trên địa bàn là 183.692 triệu đồng với 238 công trình được xây dựng; mức đầu tư bình quân 36.692 triệu đồng/năm. Đến năm 2005 đã có 13/16 xã (chiếm 81%) với 5.378/8.893 hộ (chiếm 60,04%) được sử dụng điện lưới quốc gia. Tăng gấp 3,37 lần so với năm 2000. Toàn huyện có 126 công trình nước tự chảy, cung cấp nước sinh hoạt cho 5.437 hộ dân (chiếm 61,13%). Công tác thông tin liên lạc có nhiều tiến bộ, trên địa bàn huyện đã có 10 điểm bưu điện văn hóa xã, 15/16 xã có điện thoại với 919 máy, bình quân đạt 1,9 máy/100 dân.

Giao thông nông thôn tiếp tục phát triển, 16/16 xã có đường ô tô đến trung tâm, đi lại thuận lợi cả 4 mùa, trong đó có 11 xã có đường nhựa qua trung tâm xã. Trong 5 năm đã mở mới 63 tuyến đường giao thông nông thôn với chiều dài 147,4 km. Để mở các tuyến đường trên, nhân dân đã đóng góp 57.889 ngày công, đào đắp 678.890 mét khối đất đá trị giá đóng góp trên 6,2 tỷ đồng, vượt mục tiêu đề ra. Đến năm 2005 có 195/219 thôn bản (chiếm 84,47%) có đường rộng từ 2,5m trở lên nối với trung tâm xã phục vụ cho việc đi lại, giao lưu, phát triển kinh tế ở địa phương.

Trong 5 năm đã đầu tư xây dựng 120 điểm trường học với các phòng học được xây dựng từ cấp 4 trở lên. Đến năm 2005, 16/16 xã của huyện đã có các trường học kiên cố ở trung tâm và ở một số thôn

bản. Đồng thời xây dựng kiên cố 3 phòng khám khu vực: Pha Long, Bản Lầu, Cao Sơn phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Những kết quả trên đã góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.

Hoạt động dịch vụ, thương mại có bước phát triển khá. Thu ngân sách tăng cao. Hoạt động dịch vụ, thương mại ngoài việc phục vụ đủ, kịp thời nhu cầu thiết yếu của người dân còn góp phần quan trọng trong việc phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, tăng thu ngân sách. Năm 2005, tổng mức bán lẻ, lưu chuyển hàng hóa và doanh thu đạt 25 tỉ đồng, tăng gấp 3 lần so với năm 2000. Trong 5 năm, 10 chợ nông thôn được đầu tư mở rộng. Đến năm 2005 đã có gần 600 hộ dân tham gia việc hoạt động dịch vụ, thương mại.

Việc thu ngân sách Nhà nước các năm đều hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Năm 2000 tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 2.561 triệu đồng (trong đó thu nội địa 936 triệu đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.626 triệu đồng), đến năm 2004 thu đã đạt 22.037 triệu đồng (trong đó thu nội địa là 5.418 triệu, thu từ xuất nhập khẩu đạt 16.619 triệu) đạt 326,8% so với mục tiêu Đại hội đề ra. Ngân hàng đã thực hiện tốt chính sách, mở rộng đối tượng cho vay, đáp ứng nhu cầu vay vốn phục vụ đời sống, sản xuất cho nhân dân. Năm 2005, tổng doanh số cho vay đã đạt 80 tỉ đồng với trên 8.000 lượt hộ dân được vay vốn.

Hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục có bước phát triển, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Công tác giáo dục đã có những bước tiến và đạt được những kết quả khá quan trọng, 16/16 xã duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ. Tháng 5/2005 huyện đã hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi. Kết thúc năm 2005 đã có 4 xã hoàn thành phổ cập giáo dục THCS. Quy mô trường lớp phát triển mạnh, đồng bộ, 16/16 xã đều có đủ bậc học từ mầm non đến THCS. Năm 2004 đã mở thêm 1 trường THPT ở khu vực vùng thấp. Số học sinh các cấp tăng nhanh

(năm học 2005 - 2006 có 15.000 học sinh, tăng 4.000 học sinh so với năm học 2000 - 2001). Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 đến 14 tuổi đến lớp năm 2005 đạt 97%. Công tác xã hội hóa giáo dục, hoạt động khuyến học có tiến bộ rõ nét. Các loại hình học tập như nội trú, bán trú dân nuôi, bổ túc văn hóa tiếp tục được duy trì. Chất lượng và hiệu quả giáo dục đang được nâng lên, hàng năm đã có học sinh giỏi cấp tỉnh và đã có học sinh tham dự kì thi học sinh giỏi quốc gia. Đội ngũ giáo viên tiếp tục được bổ sung, tăng cường về cả số lượng, chất lượng. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên đạt trình độ chuẩn ở các cấp học tăng nhanh (mầm non đạt 44%; tiểu học 96,8/5; THCS 96,3%; THPT 91%), đến năm 2005 đã có 2 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân đã có những chuyển biến tích cực. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố, 3 phòng khám đa khoa khu vực đều có bác sĩ, 100% trạm y tế có cán bộ trung học, trên 80% số thôn bản có cán bộ y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh và thực hiện các chương trình y tế tại cộng đồng. Trong 5 năm đã triển khai thực hiện tương đối tốt 8/10 chương trình y tế quốc gia theo quy định. Không để dịch bệnh lớn và tử vong người xảy ra trên địa bàn. Hàng năm trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 95% trở lên. Công tác khám chữa bệnh tiếp tục được quan tâm. Tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng giảm trung bình 4%/năm, năm 2005 còn trên 30%. Công tác truyền thông, tuyên truyền vận động thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên năm 2005 là 2,08% (giảm 0,46% so với năm 2000).

Các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, thông tin tuyên truyền đã hướng mạnh về cơ sở. Ngoài việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước đã tích cực vận động nhân dân giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện nề nếp sống văn hóa, tăng cường áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật, nâng cao đời sống văn hóa cho đồng bào các dân tộc trong huyện.

Đến năm 2005 đã có 90 đội văn nghệ quần chúng ở các xã, cơ quan đơn vị trong huyện hoạt động thường xuyên. Phong trào thể dục thể thao đã trở thành phong trào rộng khắp, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Diện phủ sóng phát thanh, truyền hình tiếp tục được mở rộng, năm 2005 có 75% số hộ được nghe đài, 65% số hộ được xem truyền hình (vượt mục tiêu đại hội đề ra). Phong trào vận động "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*" đã được nhân dân hưởng ứng tích cực, đến năm 2005 có 97 làng, bản, cơ quan được công nhận là làng, bản, cơ quan văn hóa, 5.200 hộ gia đình (chiếm 58,47%) đạt chuẩn gia đình văn hóa, vượt mục tiêu đại hội đề ra.

Công tác chăm sóc các đối tượng chính sách xã hội, gia đình thương binh liệt sỹ, người có công với cách mạng được chú trọng. Hàng năm, huyện đã đã tổ chức tốt các cuộc vận động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xóa đói giảm nghèo và các đợt vận động quyên góp. Trong 5 năm, huyện đã xây dựng và trao tặng trên 30 nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các đối tượng chính sách và các hộ gia đình đặc biệt khó khăn. Đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đặc biệt khó khăn được hỗ trợ về tấm lợp, lu đựng nước, cấp thẻ khám chữa bệnh, con em đi học đều được miễn giảm học phí, được cấp sách giáo khoa, đồ dùng học tập và gần 1000 học sinh được cấp học bổng. Các hộ nghèo còn được vay vốn từ ngân hàng chính sách xã hội để giải quyết công ăn việc làm, phát triển sản xuất, đến năm 2005 toàn huyện chỉ còn 28 đối tượng nghiện ma túy và không còn ai trồng cây thuốc phiện, cơ bản không có tình trạng di cư tự do.

Công tác an ninh quốc phòng, đối ngoại được quan tâm. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong 5 năm ổn định, chủ quyền biên giới Quốc gia được giữ vững đã góp phần quan trọng tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong điều kiện là một huyện vùng cao, nhiều dân tộc, đường biên giới chủ yếu là đất liền, là khu vực trọng điểm về công tác an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Ngay từ đầu khóa, Ban chấp hành

Đảng bộ huyện đã ra nghị quyết số 01 về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ này. Đã thường xuyên giáo dục cho cán bộ, Đảng viên và nhân dân tinh thần cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn *"Diễn biến hòa bình"* của các thế lực thù địch, thực hiện tốt 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan trong khối nội chính đã duy trì nền nếp hội nghị giao ban hàng tháng nhằm tăng cường nắm thông tin, phối hợp chặt chẽ các lực lượng, giải quyết kịp thời các vụ việc phát sinh. Huyện ủy đã chỉ đạo sâu sát phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt phương trâm "Đối ngoại nhân dân", định kỳ hàng quý, hàng năm đều tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa cấp ủy, chính quyền, lực lượng quản lý đối đẳng để tăng cường quan hệ hữu nghị, hiểu biết; cùng tháo gỡ, giải quyết các vụ việc phát sinh ở khu vực biên giới cũng như hợp tác phát triển kinh tế ở địa phương. Đồng thời, Huyện ủy đã chỉ đạo tốt việc phối hợp các lực lượng thực hiện công tác phân giới, cắm mốc, góp phần hoàn thành trước thời hạn chương trình phân giới cắm mốc trên địa phận Mường Khương và tỉnh Lào Cai.

Trong 5 năm, Huyện ủy đã chỉ đạo sâu sát các ngành, các đơn vị vũ trang trên địa bàn thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị, của Tỉnh ủy về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Các lực lượng vũ trang trên địa bàn huyện đã duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên xây dựng bổ sung, điều chỉnh các phương án, kế hoạch sát với tình hình thực tế của địa phương; tổ chức tốt các cuộc diễn tập, luyện tập theo đúng quy định, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100% về số lượng, đảm bảo chất lượng. Đặc biệt, huyện đã quan tâm phát triển Đảng trong lực lượng vũ trang. Tỷ lệ Đảng viên trong quân dân tự vệ đã tăng từ 6,54% lên 14,48%. Trong 5 năm, huyện đã cử đi đào tạo được 12 xã đội trưởng chuyên trách, duy trì tốt mô hình thí điểm Dân quân thường trực luân phiên tại xã Bản Lầu.

Các ngành trong khối nội chính của huyện đã phối hợp chặt chẽ trong việc phát hiện tội phạm, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Nhà nước và công dân; cơ bản đã thực hiện đúng tinh thần nghị quyết 08 của Bộ chính trị về cải cách tư pháp; duy trì thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, không để xảy ra *"điểm nóng"*, tình trạng khiếu nại vượt cấp, tụ tập khiếu kiện đông người.

Hoạt động của hệ thống chính trị huyện tiếp tục có những chuyển biến tích cực cả về nội dung hoạt động và phương thức lãnh đạo. Huyện ủy thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở theo hướng tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng, từng bước đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Công tác chính trị tư tưởng của Huyện ủy tập trung đổi mới việc triển khai, quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng bằng các chương trình hành động sát với thực tế địa phương. Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã vận dụng sáng tạo, sát thực tế nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc và của tỉnh bằng việc ban hành và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện 4 nghị quyết chuyên đề và 2 chương trình chuyên đề với 6 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa.

Ngoài việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai các nghị quyết theo tinh thần đổi mới nâng cao chất lượng, Huyện ủy đã chú trọng chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của đảng, Nhà nước, phổ biến các văn bản quy định mới, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trong các đợt sinh hoạt chính trị, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, trung bình có từ 92 đến 96% số cán bộ, đảng viên tham gia, trên 80% đại diện các hộ gia đình, các đối tượng quần chúng tham gia học tập. Ngoài sinh hoạt học tập các chỉ thị, nghị quyết, những năm 2000 - 2005, Huyện ủy còn chỉ đạo thực hiện tốt việc giáo dục, học tập các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. Hàng năm,

Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện phối hợp tốt với các Ban xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng, với các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện hoàn thành tổ chức tốt việc bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ, thông tin chủ trương, đường lối, chính sách, thời sự cho các đối tượng, trong 4 năm qua đã mở được 114 lớp với 6.854 lượt học viên tham gia (vượt 28,9% kế hoạch giao).

Cụ thể hóa các chủ trương của cấp trên và của huyện trong nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, đầu năm 2002, Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng và ban hành Nghị quyết chuyên đề số 04:*"Về nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, tiếp tục củng cố xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh"*. Nghị quyết đã có những chủ trương, giải pháp cụ thể về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, Đảng viên, xây dựng hệ thống chĩnh trị vững mạnh.

Trên cơ sở quy hoạch cán bộ từ giai đoạn trước, trong nhiệm kỳ, Huyện ủy chỉ đạo tiếp tục rà soát, bổ sung xây dựng các phương án quy hoạch A1, A2, A3 làm cơ sở cho việc lựa chọn, bố trí nhân sự cho HĐND, UBND các cấp (bầu cử năm 2004) và cho cấp ủy (Đại hội Đảng các cấp năm 2005).

Trong công tác quy hoạch được chỉ đạo đảm bảo tính dân chủ, thống nhất, sát với tiêu chuẩn theo quy định. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cũng được tăng cường. Đảng bộ huyện tiếp tục có chủ trương phải đào tạo, bồi dưỡng cả về văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị. Trong 5 năm, huyện đã cử 101 đồng chí đi học văn hóa, 119 đồng chí đi học chuyên môn nghiệp vụ (Đại học, cao đẳng 69, Trung cấp 50); 98 đồng chí đi học lý luận chính trị. Trình độ của đội ngũ cán bộ chủ chốt xã từng bước được nâng lên.

Công tác đánh giá, bổ nhiệm cán bộ được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo dân chủ, công khai, tranh thủ được ý kiến đóng góp của đông đảo quần chúng. Nhìn chung đa số cán bộ, đảng viên, cấp ủy cơ bản phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, nhiệt tình,

sâu sát với công việc, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao năng lực, uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Việc đánh giá phân xếp loại tổ chức cơ sở Đảng được thực hiện hằng năm, trung bình trong 5 năm, hoàn thành tốt nhiệm vụ chiếm 82,8%; hoàn thành nhiệm vụ 16,2%; vi phạm tư cách 1%. Phân xếp loại cấp ủy cơ sở bình quân hoàn thành tốt nhiệm vụ là 83,1%; hoàn thành nhiệm vụ là 14,7%; yếu là 2,2%. Phân loại cấp ủy huyện: 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 66,5% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công tác kết nạp Đảng viên mới trong nhiệm kỳ có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng và chất lượng Đảng viên không ngừng được tăng lên. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp mới 343 đồng chí, bình quân mỗi năm kết nạp được 70 đồng chí, nâng số đảng viên toàn huyện đến năm 2005 là 1.145 đảng viên. Số thôn bản chưa có đảng viên giảm mạnh qua các năm, từ 33 thôn bản năm 2000 đến năm 2005 chỉ còn 7 thôn bản (trong đó có 4 thôn mới thành lập), chủ yếu là các thôn bản giáp biên giới. Đến năm 2005, toàn huyện đã có 108 đầu mối cơ quan, ban ngành, trường học, trạm y tế ... đã có chi bộ hoặc tổ đảng.

Những năm 2001 - 2005, toàn Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 khóa VIII và triển khai thực hiện Kết luận hội nghị Trương 4 khóa IX. Công tác đấu tranh tự phê bình và phê bình trong Đảng bộ có chuyển biến tích cực; việc đấu tranh chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, hạn chế việc chi tiêu không đúng quy định được đẩy mạnh; việc kê khai tài sản của cán bộ được triển khai.

Công tác củng cố, xây dựng cơ sở chính trị được Huyện ủy thường xuyên quan tâm; từng đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ đã được phân công trách nhiệm gắn với cơ sở, khu vực. Đồng thời, Huyện ủy đã chú trọng việc phân công các cơ quan giúp đỡ xã, đưa phái viên Huyện ủy xuống cắm điểm, bố trí các đợt công

tác xuống giúp cơ sở, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh; kịp thời bổ sung, tăng cường cán bộ trẻ có trình độ, năng lực, tín nhiệm thay thế những cán bộ yếu kém hoặc nhiều tuổi. Do đổi mới hoạt động, chất lượng, hiệu quả sinh hoạt của các tổ chức cơ sở Đảng không ngừng được nâng lên. Trong nhiệm kỳ đã nâng cấp 10 chi bộ lên thành Đảng bộ cơ sở. Đến năm 2005, trong tổng số 40 chi, đảng bộ cơ sở đã có 14 Đảng bộ. Trong tổng số 16 chi, đảng bộ khối nông thôn đã có 11 cơ sở chủ động hoàn thành được công việc, 5 cơ sở tự chủ được từng phần công việc. Phân xếp loại qua các năm bình quân 72,53% số chi, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có chi, đảng bộ yếu kém. Năm 2002 và 2003 Đảng bộ huyện đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Những chi, đảng bộ đạt trong sạch vững mạnh đã thể hiện đúng vai trò lãnh đạo hệ thống chính trị, chất lượng sinh hoạt khá tốt, nội dung hoạt động phong phú, hiệu quả.

Trong nhiệm kỳ, các tổ chức Đảng thuộc Đảng bộ Mường Khương đã làm tốt công tác đổi, phát thẻ theo Chỉ thị 29 - CT/TW (khóa IX); đến năm 2005 đã đổi phát thẻ cho 1.700 đảng viên, chiếm 99,41% số đảng viên trong diện đổi, phát thẻ. Việc xem xét kỷ luật đảng viên được thực hiện nghiêm túc, trong 5 năm đã kỷ luật khai trừ 01 Đảng viên, đưa ra khỏi Đảng 1 đảng viên, xóa tên 1 đảng viên dự bị.

Là huyện vùng cao, biên giới, quan hệ thân tộc, dân tộc phức tạp, công tác bảo vệ chính trị nội bộ luôn được Huyện ủy chỉ đạo sâu sát. Hàng năm, các tổ chức Đảng đã chủ động rà soát, khảo sát tình hình đội ngũ cán bộ, đảng viên nhằm phòng ngừa các thế lực thù địch cài cắm, móc nối. Đồng thời, Huyện ủy cũng coi trọng các khâu xét duyệt tuyển sinh, tuyển dụng, tuyển quân, kết nạp đảng, bố trí nhân sự đảm bảo tiêu chuẩn tại quy định số 75 ngày 25- 4-2000 của Bộ chính trị và các văn bản hướng dẫn của Ban bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

Công tác kiểm tra, kỷ luật Đảng được tăng cường đã góp phần hạn chế tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh[196]. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị và nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, ngay từ đầu nhiệm kỳ Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình công tác kiểm tra hàng năm, đồng thời chỉ đạo Ủy ban kiểm tra tăng cường vai trò tham mưu cho cấp ủy, xây dựng quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm tra; thường xuyên củng cố, kiện toàn bổ sung cán bộ làm công tác kiểm tra và Ban chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) từ huyện đến cơ sở. Đại đa số cấp ủy, các tổ chức cơ sở Đảng đều có nhận thức đúng về vai trò nhiệm vụ của công tác kiểm tra và làm tốt công tác kiểm tra, hàng năm đều sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm về hoạt động kiểm tra. Trong nhiệm kỳ, đã phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra của Đảng với hoạt động thanh tra của Nhà nước; việc xem xét, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện chính xác và kịp thời. Trong 5 năm, Huyện ủy đã tổ chức 20 cuộc kiểm tra với 55 lượt chi, đảng bộ cơ sở.

Thực hiện Quy định số 76 - QĐ/TW ngày 15-6-2000 của Bộ Chính trị, từ năm 2001, tổ chức Đảng các cơ quan của huyện đã giới thiệu đưa đảng viên về tham gia sinh hoạt nơi cư trú để tổ chức Đảng nơi cư trú có điều kiện tham gia góp ý xây dựng tư cách đảng viên ở cơ quan; đảng viên cơ quan cũng có điều kiện nắm bắt tình hình tư tưởng của đảng viên và nhân dân nơi cư trú.

Nhiệm kỳ 2000-2005, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn trong điều kiện của một huyện vùng cao biên giới, đa dân tộc, song dưới sự lãnh đạo sâu sát, đoàn kết thống nhất cao trong trong toàn Đảng bộ; sự quản lý, điều hành năng động, sáng tạo của chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự phấn đấu nỗ lực của các cấp, các ngành, của đồng bào các dân tộc trong huyện, huyện Mường Khương đã cơ bản

196. Báo cáo chính trị số 304-BC/HU ngày 09/10/2005 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI.

hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX đề ra. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng. Một số lĩnh vực có bước phát triển vượt bậc so với giai đoạn 1995-2000. Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều tiến bộ, sản lượng lương thực vượt cao so với mục tiêu. Lương thực, thực phẩm hàng hóa tăng mạnh cả về số lượng, chất lượng. Cơ sở hạ tầng được tập trung đầu tư đã làm cho diện mạo nông thôn thay đổi rõ nét; tốc độ đô thị hóa trung tâm huyện lỵ, các trung tâm cụm xã diễn ra mạnh mẽ. Hoạt động dịch vụ, thương mại có bước phát triển khá, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tiếp tục tăng nhanh qua các năm, bước đầu đã huy động được các nguồn lực tại địa phương đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Các hoạt động văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân. Tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh; tư tưởng Nhân dân ổn định. Quốc phòng - an ninh được củng cố, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững đã góp phần quan trọng phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố và tăng cường; nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý và điều hành được đổi mới và chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ cơ sở thường xuyên được chăm lo đào tạo về mọi mặt. Khối đại đoàn kết toàn dân tiếp tục được củng cố, sự đồng thuận xã hội được nâng cao.

Tuy nhiên, đến năm 2005, huyện Mường Khương vẫn chưa thoát khỏi tình trạng là một huyện khó khăn, cơ sở hạ tầng tuy được quan tâm đầu tư song vẫn còn thấp kém so với mặt bằng chung, chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Nhiều tiềm năng, lợi thế, nguồn lực chưa được khai thác, phát huy. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành tốc độ chậm; thu nhập chủ yếu vẫn từ nông, lâm nghiệp; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại tuy có bước phát triển khá nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp (tỷ trọng các

ngành: nông, lâm nghiệp chiếm 61,01%, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 6,66%, dịch vụ - thương mại chiếm 32,33%), các hợp tác xã sau củng cố vẫn còn hoạt động kém hiệu quả.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân vùng cao còn nhiều khó khăn. Một số tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan vẫn tồn tại, nhất là tệ tảo hôn. Chất lượng giáo dục còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ đói nghèo còn cao (66,37% theo tiêu chí mới). Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật cho nhân dân còn yếu. Tình trạng buôn bán, tệ nạn ma túy, trộm cắp, phụ nữ bỏ đi nước ngoài ... có chiều hướng phức tạp. Đội ngũ cán bộ và hoạt động của hệ thống chính trị còn những mặt yếu kém, chưa ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới ở địa phương.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế là do các cấp ủy chưa có những giải pháp hữu hiệu cho từng lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm; trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cũng còn có lúc bị động, lúng túng; một số bộ phận nhân dân còn trông chờ, ỷ lại. Trình độ, năng lực của một số cán bộ cơ sở chưa đáp ứng được cả về trình độ, năng lực. Thiên tai, thời tiết xảy ra thường xuyên

Từ thực tế kết quả đạt được cũng như hạn chế tồn tại trong nhiệm kỳ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI (2005) chỉ đạo Đảng bộ cần rút kinh nghiệm một số vấn đề: *Thứ nhất,* các cấp ủy phải sớm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, biết lựa chọn những vấn đề trọng điểm xây dựng các Nghị quyết chuyên đề sát với tình hình, phù hợp nhiệm vụ chính trị của địa phương, đồng thời chỉ đạo chính quyền, các ngành xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cụ thể để triển khai thực hiện. *Thứ hai,* trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải bám sát vào nghị quyết, chỉ thị, chính sách của cấp trên, vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với thực tế của địa phương và đề ra được những giải pháp đúng, trúng, thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm, nhân rộng điển hình. *Thứ ba*, phải tập trung chăm lo cho cơ sở, nhất là ở những nơi

có điều kiện đặc biệt khó khăn, phân công trách nhiệm của từng đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, của các cơ quan, đơn vị phụ trách theo dõi đôn đốc từng địa phương, từng lĩnh vực công tác, phải sâu sát cơ sở nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ để sớm phát hiện, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh. *Thứ tư,* tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tạo phong trào hành động cách mạng. *Thứ năm*, phải thường xuyên chăm lo công tác củng cố hệ thống chính trị thực sự vững mạnh, thường xuyên thực hiện tốt chế độ tự phê bình, phê bình. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cả về lý luận, chuyên môn, văn hóa cho đội ngũ cán bộ cơ sở. Đảm bảo vai trò lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của tổ chức Đảng đối với mọi hoạt động của địa phương.

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2005 - 2010

Qua 20 năm đổi mới (1986-2006), với sự nỗ lực phấn đấu, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện; hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; quốc phòng và an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.., tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó khẳng định đường lối của Đảng ta là đúng đắn, phù hợp với thực tiễn Việt Nam; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Tuy nhiên, đến năm 2005 nước ta vẫn trong tình trạng kém phát triển. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị còn nhiều yếu kém...[197]. Đối với huyện Mường Khương, do điều kiện, hoàn cảnh là địa bàn vùng cao, nên so với mặt bằng chung của cả nước còn khó khăn và yếu kém hơn.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/W ngày 6-12-2004 của Bộ Chính trị và Kế hoạch của Tỉnh ủy về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, trong qúy II và quý III/2005, Huyện ủy Mường Khương tập trung chỉ đạo các chi, đảng bộ trực thuộc tiến hành đại hội để kiểm điểm đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ 2000 - 2005, trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ chính trị cho nhiệm kỳ 2005 - 2010 và kiện toàn cấp ủy để đủ sức lãnh đạo thắng lợi nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

Từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 10 năm 2005 tại Hội trường Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội lần thứ XXI, 148/150 đại biểu được triệu tập đã tới dự Đại hội. Đại hội đã phát huy tinh thần đoàn kết dân chủ, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX; quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cho 5 năm 2005 - 2010, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX gắn với việc thực hiện cuộc vận động **xây dựng chỉnh đốn Đảng** theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và kiện toàn Ban Chấp hành khóa mới.

Tư tưởng chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ 2005-2010 là: tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị, trật tự trị an, an toàn xã hội.

197. Báo cáo chính trị số 304-BC/HU ngày 09/10/2005 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đặc biệt là khai thác tiềm năng, thế mạnh), tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông thôn, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; ổn định vững chắc lương thực, phát triển mạnh chăn nuôi; tăng nhanh số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm hàng hóa; đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh.

Đại hội đề ra mục tiêu phấn đấu chung là: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức trung bình so với các huyện trong tỉnh, phấn đấu kết thúc vào năm 2010 là huyện thoát ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Tập trung đẩy mạnh tốc độ chuyển dịch cơ cấu trong nội ngành nông nghiệp theo hướng tăng mạnh tỷ trọng ngành chăn nuôi, ổn định vững chắc lương thực, tạo nhiều sản phẩm lương thực, thực phẩm hàng hóa, có chất lượng; mở rộng mạng lưới dịch vụ, thương mại, du lịch; tranh thủ tối đa ngoại lực kết hợp khai thác nội lực, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao mức sống cho nhân dân. Chăm lo phát triển nguồn nhân lực; tiếp tục làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất, đời sống... Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, thực hiện tốt các chính sách xã hội, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh quốc phòng. Xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, tăng cường hợp tác, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tiếp tục củng cố và đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh, tập trung nâng cao chất lượng công tác của đội ngũ cán bộ, công chức xã đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, làm tốt công tác vận động quần chúng.

Mục tiêu cụ thể chủ yếu:

Trên lĩnh vực kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhiệm kỳ 2005 - 2010 đạt từ 11-12%/năm. GDP bình quân đạt từ 5,5 đến 6 triệu đồng/người/năm.

- Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây - dựng, dịch vụ, thương mại, du lịch. Tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP: Nông, lâm nghiệp 60%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 7,5%; dịch vụ: 33%.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt: 25.000 tấn. Tốc độ tăng trưởng lương thực từ 4-5%/năm. Mức sản xuất lương thực đạt 480 đến 500kg/người/năm.

- Trồng chè mới 250ha, đưa diện tích chè tập trung lên 700ha, đậu tương 1.500 ha (trong đó có từ 700-800ha đậu tương cao sản), sản lượng 150 tấn.

- Tạo vùng cây ăn quả: Dứa: 300ha, mận hậu, hồng, đào: 100ha, lê: 100ha. Trồng mới sa nhân tím, thảo quả: 100ha.

- Chăn nuôi: Đến năm 2010: Đàn trâu có 17.000 con, đàn bò có 3.900 con (mức tăng bình quân đàn trâu, bò đạt mức 6%/năm), đàn ngựa có từ 3.300 con đến 3.500 con, đàn dê có từ 1.000 đến 1.500 con, đàn lợn có 35.000 con (mức tăng trưởng 5%/năm), đàn gia cầm có 340.000 con.

- Đưa giá trị sản phẩm trồng trọt trên 1ha đất canh tác lên từ 14-16 triệu đồng/năm.

- Trồng rừng mới theo dự án 661 là 779ha, trồng cây nhân trần 600ha/năm. nâng độ che phủ rừng lên từ 38-40%.

- Nâng cấp các tuyến đường đến trung tâm các xã phấn đấu đến 2010 có 13/16 xã có đường nhựa trung tâm (chiếm 81,2%), các xã khác đi lại thuận lợi cả 4 mùa. 100% thôn bản có nền đường xe máy hoặc ô tô đến trung tâm thôn.

- 100% số xã có điện thoại, có điểm phục vụ bưu điện.

- Cơ bản các hộ gia đình được cấp đủ nước sinh hoạt, hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường lớp học.

- Thu ngân sách trên địa bàn đóng góp với Nhà nước bình quân đạt từ 13 đến 15 tỷ đồng/năm. Trong đó thu cân đối (nội địa) từ 6 đến 7 tỷ đồng; thu từ xuất nhập khẩu khoảng từ 7 đến 10 tỷ đồng/năm.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Phấn đấu 100% số xã duy trì kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào năm 2007. Tỷ lệ huy động trẻ từ 6 đến 14 tuổi đi học đạt 98% trở lên. Phấn đấu đến năm 2010 có 7 trường học đạt chuẩn quốc gia. Tốc độ tăng dân số tự nhiên: 1,5%. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ: 95%. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi bị suy dinh dưỡng ở mức dưới 30%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn về y tế: 50%. Phấn đấu có trên 30% số thôn bản đạt tiêu chuẩn làng văn hóa, 90% cơ quan, trường học đạt chuẩn cơ quan, trường văn hóa, hàng năm có 80% số hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Nâng tỷ lệ số hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam đạt 90%, 70% số hộ được xem truyền hình. Phấn đấu giảm từ 45 đến 50% số hộ nghèo đói hiện có, phấn đấu số hộ nghèo còn dưới 35% vào năm 2010 (theo tiêu chí mới). Ổn định dân cư, hạn chế thấp nhất tình trạng di cư tự do, không có hộ theo đạo trái pháp luật.

Về quốc phòng, an ninh: Giữ vững ổn định về chính trị, trật tự trị an, an toàn xã hội; quản lý, bảo vệ tốt đường biên, mốc giới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

Về xây dựng hệ thống chính trị: Phấn đấu đến năm 2007 tất cả các thôn bản, đầu mối đều có đảng viên; đến năm 2010 có trên 50% số thôn bản thành lập được chi bộ hoặc tổ đảng, 100% các xã thành lập Đảng bộ; 80% các Đảng bộ cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; 90% tổ chức chính quyền cơ sở, các đoàn thể quần chúng ở các xã đạt loại khá trở lên. Chính quyền huyện giữ vững danh hiệu vững mạnh, 100% đoàn thể huyện đạt loại khá trở lên. Phấn đấu Đảng bộ huyện đạt trong sạch vững mạnh [198].

198. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXI.

Đại hội đã bầu cấp ủy khóa XXI gồm 33 đồng chí để lãnh đạo thực hiện các mục tiêu mà Đại hội biểu quyết thông qua. Đồng chí Tạ Đình Bảng giữ chức Bí thư Huyện ủy, đồng chí Giàng Mạnh Nhà và đồng chí Nông Văn Hưng giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy. Đại hội bầu đoàn đại biểu gồm 14 đồng chí đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đi dự đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ XIII.

Ngày 18-12-2005, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XIII khai mạc. Trên cơ sở định hướng nhiệm vụ của Trung ương Đảng, phát huy những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII xác định chủ đề "*Đoàn kết, dân chủ, đổi mới, năng động, sáng tạo, phấn đấu đưa Lào Cai ra khỏi tỉnh nghèo*". Đại hội đã quán triệt tư tưởng chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị từ năm 2005 đến năm 2010 là: tiếp tục thực hiện 7 chương trình công tác trọng tâm, 27 đề án, kế hoạch, Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XII đề ra, trên cơ sở điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình mới; đồng thời nghiên cứu, xây dựng và triển khai thêm các đề án mới cụ thể cho các lĩnh vực. Tập trung đầu tư phát triển vùng cao, vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số; huy động mọi nguồn lực đề xóa đói giảm nghèo...tiếp tục đầu tư, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, du lịch - dịch vụ để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng".

Ngày 18-4-2006, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khai mạc với chủ đề: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.*

Với tinh thần đổi mới, dân chủ, Đại hội kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm qua việc thực hiện Nghị

quyết Đại hội IX của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới; Trên cơ sở đó Đại hội định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2006 - 2010.

Cụ thể hóa chủ trương của Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, tháng 5/2006, Tỉnh ủy Lào Cai xây dựng và ban hành 7 chương trình công tác trọng tâm với 29 đề án, nghị quyết chuyên đề.

Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX, trên cơ sở nghiên cứu vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và nghị quyết, chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai, Đảng bộ huyện Mường Khương đã cụ thể hoá xây dựng 5 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 18 đề án, dự án để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; đồng thời phân công các đồng chí Thường trực, Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ huyện phụ trách, các cơ quan chủ trì và phối hợp xây dựng thực hiện đề án, dự án.

Chương trình 1: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với xóa đói giảm nghèo, từng bước xây dựng nông thôn mới (08 dự án).

Dự án 1: Đầu tư phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá.

Dự án 2: Đầu tư và chế biến ớt.

Dự án 3: Đầu tư nâng cao chất lượng vùng lúa đặc sản Séng cù.

Dự án 4: Phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến chè đặc sản Mường Khương.

Dự án 5: Phát triển chăn nuôi gia súc.

Dự án 6: Phát triển rừng kinh tế kết hợp với rừng cảnh quan, sinh thủy.

Dự án 7: Phát triển vùng cây ăn quả: (Dứa, mận hậu, lê xanh).

Dự án 8: Đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo từng bước xây dựng nôn thôn mới.

Chương trình 2: Xây dựng cơ sở hạ tầng gắn với phát triển Dịch vụ - Thương mại - Du lịch (03 đề án).

Đề án 9: Xây dựng thị trấn Mường Khương.

Đề án 10: Xây dựng hạ tầng nông thôn gắn với sắp xếp, ổn định dân cư.

Đề án 11: Báo tồn và tôn tạo cụm hang động Hàm Rồng và các làng nghề, làng văn hóa truyền thống.

Chương trình 3: Phát triển Văn hóa - Xã hội (03 đề án).

Đề án 12: Xây dựng nếp sống văn hóa làng bản.

Đề án 13: Xây dựng chuẩn quốc gia về y tế xã.

Đề án 14: Phát triển sự nghiệp giáo dục năm 2010.

Chương trình 4: Quốc phòng - An ninh (02 đề án).

Đề án 15: Tăng cường công tác đảm bảo an ninh - trật tự nông thôn.

Đề án 16: Kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ huyện.

Chương trình 5: Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị (02 đề án).

Đề án 17: Củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở xã.

Đề án 18: Đổi mới và tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chính trị[199].

Ngày 17-6-2006, Huyện ủy Mường Khương tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 3, thông qua Nghị quyết số 03-NQ/HU về ban hành chương trình công tác trọng tâm toàn khóa nhiệm kỳ 2005-2010.

Việc cụ thể hóa nghị quyết đại hội Đảng các cấp của Đảng bộ huyện Mường Khương lần này có ý nghĩa hết sức quan trọng, đánh

199. Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ 3 ra Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 17/6/2006 về ban hành chương trình công tác trọng tâm toàn khóa của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XXI, nhiệm kỳ 2005-2010.

dấu bước phát triển của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới; động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và đồng bào các dân tộc trong huyện phát huy những kết quả đã đạt được sau 55 năm xây dựng và trưởng thành, tiếp tục đoàn kết, dân chủ, năng động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu với quyết tâm xây dựng huyện Mường Khương vững mạnh.

Trong quí III năm 2006, Đảng bộ Mường Khương mở đợt sinh hoạt chính trị quán triệt, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp từ cấp huyện tới cơ sở và thảo luận thống nhất chương trình hành động của Huyện ủy. Qua đợt sinh hoạt chính trị này, khí thế thi đua thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp trong cán bộ, đảng viên và nhân dân đã được thể hiện rõ trên các lĩnh vực. Việc tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã tạo sự đồng thuận, thống nhất về ý chí, hành động của các cấp ủy Đảng, của đảng viên và Nhân dân; tạo sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2005-2010.

Nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt quá trình lãnh đạo của Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2005 - 2010 được xác định: "Tiếp tục giữ vững ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đặc biệt là khai thác các tiềm năng, thế mạnh), tập trung đầu tư cho lĩnh vực nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa; ổn định vững chắc lương thực, phát triển mạnh chăn nuôi, tăng mạnh về số lượng và chất lượng lương thực thực phẩm hàng hóa. Đẩy mạnh tốc độ xóa đói giảm nghèo, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh". Tư tưởng chỉ đạo này được thể hiện bằng việc xác định và xây dựng 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án và 4 nghị quyết chuyên đề.

Quá trình thực hiện các đề án, dự án, nghị quyết chuyên đề Đảng bộ đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí trong Ban

Chấp hành, Ban Thường vụ phụ trách các xã, khu vực, lĩnh vực, gắn trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đều tiến hành sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm để chỉ đạo cho năm tiếp theo.

Qua 5 năm (2005-2010) nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI; cơ bản các mục tiêu đề ra đã hoàn thành, trong đó có 14 mục tiêu vượt kế hoạch: Kinh tế tăng trưởng khá, mức tăng trưởng bình quân gần 11% năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng. Năm 2010 cơ cấu kinh tế huyện: Nông lâm nghiệp 58%; Thương mại dịch vụ 32,5%; Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 9,5%, (Đạt mục tiêu đề ra)

Với đặc thù là một huyện thuần nông, trên 90% dân số sống ở nông thôn, thu nhập chủ yếu của Nhân dân từ nông, lâm nghiệp. Vì vậy, trong 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI, Đảng bộ đã coi chương trình *tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc độ xóa đói giảm nghèo, từng bước xây dựng nông thôn mới* là chương trình trọng tâm số 1 với 8 đề án, dự án và tập trung ưu tiên đầu tư cho chương trình này. Quan điểm và mục tiêu của Đảng bộ đối với chương trình này là: Tiếp tục quan tâm đầu tư cho lĩnh vực nông lâm nghiệp, phát huy tối đa những lợi thế của địa phương, tranh thủ các nguồn lực đầu tư để đẩy mạnh phát triển hàng hóa, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm như: ngô hàng hóa, vùng chè tập trung, vùng lúa đặc sản Séng cù, vùng nguyên liệu thuốc lá, vùng nguyên liệu ớt... Tăng cường công tác khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng mới. Tăng hệ số sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác.

Phát huy lợi thế đặc thù về điều kiện tự nhiên, khí hậu, các nguồn lực hỗ trợ đặc biệt là nguồn lực theo Nghị quyết 30 a của Chính phủ để hình thành và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa

mang tính chất đặc sản của địa phương. Qua 5 năm thực hiện, cơ cấu ngành trồng trọt của huyện đã có sự đột phá mạnh mẽ, đúng hướng; đặc biệt là việc lựa chọn chỉ đạo, triển khai thực hiện các vùng sản xuất hàng hóa. Do vậy, vùng chè Shan năm 2005 diện tích chỉ có 45 ha, năm 2009 đã tăng lên 819 ha và năm 2010 đạt 1.019 ha, đạt 140% so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra. Bên cạnh đó, Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh thâm canh, cải tiến công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, vì vậy sản phẩm chè sản xuất ra được tiêu thụ ổn định chủ yếu là xuất khẩu, góp phần nâng cao thu nhập cho người trồng chè.

Đến năm 2010, vùng dứa trái vụ đạt 730 ha, sản phẩm dứa được thị trường trong nước ưa chuộng và tiêu thụ ổn định, giá trị thu nhập hàng năm đạt từ 25-30 tỷ đồng. Vùng chuối xuất khẩu đạt 260 ha, giá trị thu nhập 30-35 tỷ đồng/năm. Vùng ngô lai hàng hóa năng suất cao tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh với cơ cấu trên 95% giống kỹ thuật. Ngoài việc giữ vững và ổn định lương thực, hàng năm huyện Mường Khương còn cung cấp cho thị trường một lượng ngô hàng hóa từ 17.000-19.000 tấn giá đạt khoảng 80 tỷ đồng/năm. Vùng lúa đặc sản Séng cù được quan tâm phục tráng, chọn lọc giống và mở rộng diện tích thêm 700 ha, sản phẩm gạo Séng cù được cấp và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia đã trở thành đặc sản nổi tiếng trên thị trường. Vùng ớt 300 ha đã cung cấp nguyên liệu phục vụ chế biến tương ớt; sản phẩm tương ớt cũng đã được cấp và bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa quốc gia, được thị trường trong nước ưa chuộng và tiêu thụ ổn định.

Ngoài các sản phẩm chính trên, đến năm 2010, trên địa bàn Mường khương đã hình thành thêm các vùng sản xuất hàng hóa khác, như vùng nguyên liệu thuốc là 500 ha, vùng cây ăn quả ôn đới và nhiệt đới (chanh trái vụ, quýt, mận hậu, lê xanh). Công tác khuyến nông đã tập trung hướng dẫn cho Nhân dân kỹ thuật canh tác theo hướng thâm canh tăng vụ. Tính chung trong 5 năm, tốc

độ tăng trưởng ngành trồng trọt đạt bình quân 14%/năm, tổng sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt 27.000 tấn. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác năm 2010 đạt 35,51 triệu đồng/ha, đạt 221,9% so với mục tiêu Nghị quyết Đảng bộ huyện khóa XXI đề ra.

Công tác trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng thường xuyên được quan tâm. Nhận thức của Nhân dân về trồng rừng và kinh tế lâm nghiệp được nâng lên một bước, trong 5 năm đã trồng mới được 2.566,3 ha rừng các loại, đạt 329% so với mục tiêu Nghị quyết đề ra (trong đó trồng rừng sản xuất đạt 2.122,6 ha, trồng rừng phòng hộ 443,7ha). Phong trào trồng rừng đã được Nhân dân tham gia tích cực; đặc biệt là sau khi có chính sách trồng rừng sản xuất, nhân dân đã chủ động chuyển đổi diện tích nương đồi kém hiệu quả sang trồng rừng. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2010 đạt 40% diện tích, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản có bước phát triển quan trọng, đàn gia súc gia cầm phát triển ổn định, mức tăng trưởng bình quân đạt trên 6%/năm. Ngoài việc cung cấp sức kéo, phân bón cho ngành trồng trọt, chăn nuôi gia súc còn góp phần cung cấp một lượng thực phẩm hàng hóa cho thị trường. Công tác bình tuyển, chọn lọc, phục tráng giống lợn đen Mường Khương đã cung cấp nguồn giống thuần chủng làm cơ sở cho tạo giống, nhân giống, lai giống phục vụ cho thị trường trong và ngoài huyện. Nhân dân đã chủ động chuyển đổi diện tích đất ruộng kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản tăng từ 25 ha năm 2005 lên 68 ha năm 2010. Việc nuôi trồng thủy sản đã chú trọng đến áp dụng giống mới và thâm canh.

Trong đầu tư xây dựng cơ bản, hàng năm huyện đã tập trung nguồn vốn đầu tư nâng cấp trung tâm các xã, cụm xã. Bộ mặt trung tâm xã, cụm xã thay đổi rõ rệt, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Đến năm 2010 đã có 16/16 xã

gồm 104 thôn bản với 7650/11.118 hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia (chiếm 68,8% số hộ của huyện). 16/16 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó có 14/16 xã có đường nhựa đi qua, 198/226 thôn bản có đường ô tô và xe máy đi lại thuận lợi (đạt 87,6%), 16/16 xã có mạng điện thoại di động và cố định, tỷ lệ bình quân 45 máy/100 dân (tăng 22 lần so với năm 2005), có 11/16 trạm y tế và phòng khám khu vực được xây dựng khang trang, 59/59 đơn vị trường học được xây dựng kiên cố, 80% hộ dân được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh. Trong 5 năm, toàn huyện có 1.132 hộ sản xuất kinh doanh giỏi, 3.126 hộ sản xuất kinh doanh khá, chiếm trên 40% số hộ dân trong huyện. Đã thực hiện quy hoạch sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư cho 368 hộ và thành lập được 2 thôn bản mới.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, bước đầu đã khai thác được những tiềm năng thế mạnh của địa phương, tạo ra các cơ sở chế biến nông lâm sản như: chế biến tương ớt, sơ chế thuốc lá nguyên liệu, chế biến chè; sản xuất vật liệu xây dựng... Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng năm 2009 đạt 91,6 tỷ đồng, tăng gấp 2,23 lần so với năm 2005.

Công tác quy hoạch sản xuất được quan tâm, việc quản lý sử dụng các nguồn vốn đầu tư bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả, đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2010-2015, quy hoạch bổ sung trung tâm huyện lỵ Mường Khương theo hướng nâng cấp thành thị trấn, tiếp tục quy hoạch và điều chỉnh các trung tâm cụm xã, trung tâm các xã. Trong 5 năm, đã huy động đầu tư xây dựng 410 công trình, tập trung ưu tiên đầu tư cho hạ tầng nông thôn. Tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng là 442,864 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 88,572 tỷ đồng, trong đó 66 công trình giao thông, 88 công trình thủy lợi, 59 công trình nước sinh hoạt, 112 công trình trường học, 11 trạm y tế, 11 công trình cấp điện, 13 trụ

sở UBND xã, 3 trụ sở các cơ quan huyện; mở mới 3 chợ, 5 công trình văn hóa và 33 công trình khác.

Hoạt động thương mại, dịch vụ đã có sự chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Mức luân chuyển hàng hóa và bán lẻ năm 2009 đạt 121 tỷ đồng, năm 2010 đạt 151,2 tỷ đồng (tăng gấp 8 lần so với năm 2005).

Hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Mường Khương trong các năm khá sôi động. Các sản phẩm chủ yếu qua cửa khẩu Mường Khương là than cốc, phân bón, hóa chất, hàng nông sản. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân đạt 15-16 triệu USD/năm. Hệ thống hạ tầng các điểm chợ được quy hoạch và đầu tư xây dựng, toàn huyện đã có 13 chợ, 3 cửa hàng xăng dầu và 73 cơ sở thương mại - dịch vụ, 2 nhà nghỉ tư nhân. Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển nhanh, chất lượng dịch vụ được cải thiện.

Hoạt động du lịch bước đầu đã khởi sắc. Tỉnh đã có các quyết định cho phép thử nghiệm hoạt động du lịch tại một số điểm, tua, tuyến trên địa bàn huyện. Năm 2009 có trên 8.000 lượt khách đến thăm quan, doanh thu từ du lịch của huyện đạt trên 2 tỷ đồng/năm.

Thu ngân sách hàng năm của huyện đều hoàn thành vượt mức kế hoạch giao. Năm 2009 thu ngân sách trên địa bàn đạt 17.348 triệu đồng, trong đó thu thuế XNK 5.048 triệu đồng, tính bình quân thu ngân sách trên địa bàn đạt 16.015 triệu đồng /năm, đạt 122,43% so với nhiệm kỳ trước.

Hệ thống tín dụng ngân hàng đã thực hiện tốt việc huy động vốn và cho vay phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ đời sống dân sinh. Doanh số cho vay 5 năm đạt 496 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng chính sách xã hội cho vay 196 tỷ đồng, gấp 7 lần so với năm 2005. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn cho vay 300 tỷ đồng, tăng 100 tỷ đồng so với nhiệm kỳ trước.

Xuất phát từ quan điểm của Đảng "coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển", ngay đầu nhiệm kỳ Ban chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng 3 đề án thuộc lĩnh vực văn hóa xã hội, đó là: Đề án phát triển sự nghiệp giáo dục huyện Mường Khương giai đoạn 2006-2010; Đề án xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; Đề án xây dựng nếp sống văn hóa làng bản. Quá trình chỉ đạo thực hiện đã đạt được những kết quả quan trọng.

Về giáo dục và đào tạo: Sự nghiệp giáo dục của cấp huyện tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp phát triển nhanh ở các cấp bậc học. Năm 2010, toàn huyện có 59 đơn vị trường học với gần 15.000 học sinh, tỷ lệ huy động trẻ em 6-14 tuổi đến trường đạt 98%. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ chuyển lớp hàng năm đạt trên 98%; thi tốt nghiệp đạt trên 80%, kỷ cương trường lớp được giữ vững, không có tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng ngày càng tăng. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hàng năm tăng cả về số lượng và chất lượng; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trên 93%.

Phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở được duy trì, giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng. Cơ sở vật chất, lớp học được đầu tư, xây dựng theo hướng kiên cố hóa, đảm bảo các điều kiện phục vụ cho công tác dạy và học. Nhiều trường đã có nhà công vụ giáo viên và nhà ở cho học sinh bán trú. Đến năm 2010, toàn huyện có 23 trường với trên 1.400 học sinh ở nội trú dân nuôi, 9 trường đạt chuẩn quốc gia (vượt mục tiêu của Đại hội). Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh. Công tác khuyến học, khuyến tài được các cấp, các ngành, các gia đình, dòng họ chăm lo. Hệ thống giáo dục và đào tạo phát triển có đủ các hình thức đào tạo, góp phần quan trọng trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho địa phương.

Trên lĩnh vực y tế: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư, đặc biệt là trạm y tế các xã được xây dựng theo hướng chuẩn hóa. Đến năm 2010, đã có 9 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, bình quân có 5 cán bộ/1 trạm y tế; 04 bác sỹ/1 vạn dân; 204/226 thôn có cán bộ y tế thôn bản hoạt động. Chất lượng công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân được nâng lên, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách được ưu tiên khám chữa bệnh. Tinh thần phục vụ Nhân dân trong ngành y tế có nhiều chuyển biến, y đức được đề cao. Huyện đã chủ động kiểm soát và phòng chống dịch bệnh. Trẻ em dưới 1 tuổi hàng năm được tiêm chủng đầy đủ đạt 97% trở lên (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2010 còn 27%. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,7% năm 2006 xuống còn 1,5% năm 2010 (đạt mục tiêu Đại hội đề ra). Vệ sinh an toàn thực phẩm cơ bản được kiểm soát, không để xảy ra ngộ độc lớn trên địa bàn.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, thông tin - tuyên truyền được đẩy mạnh, cơ bản phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Huyện ủy đãc chỉ đạo đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như của cấp ủy, chính quyền địa phương tới người dân. Bản sắc văn hóa dân tộc được bảo tồn và phát huy. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai, thực hiện sâu rộng trong nhân dân. Năm 2010, số thôn bản được công nhận văn hóa đạt 39,82%; số cơ quan, đơn vị trường học, trạm y tế được công nhận văn hóa đạt 92%, số hộ gia đình được công nhân gia đình văn hóa đạt 95 (vượt mục tiêu Đại hội đề ra). Hàng năm có 95% số hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam; 85% số hộ được xem truyền hình vượt mục tiêu Đại hội đề ra).

Các thôn bản đều xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước. Việc cưới, việc tang và lễ hội cơ bản được thực hiện theo nếp sống văn hóa.

Công tác đào tạo nghề cho nông thôn được chú trọng, trong 5 năm đã đào tạo, bồi dưỡng được 6.209 lượt người, đưa tỷ lệ lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghề đạt trên 22%. Công tác xuất khẩu lao động bước đầu đã được triển khai thực hiện, đến năm 2010 đã có 48 trường hợp đi lao động ở các nước.

Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, công tác xóa đói giảm đã có chuyển biến tích cực. Trong 5 năm đã xóa được 782 nhà tạm, trong đó có 542 nhà được hỗ trợ theo Quyết định 167 của Chính phủ, đến hết năm 2010 tỷ lệ đói nghèo toàn huyện giảm xuống còn 31,57% (đạt mục tiêu Đại hội đề ra).

Công tác chăm sóc người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách, xã hội được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo thực hiện, việc thăm hỏi động viên, tặng quà, chế độ cho người có công được thực hiện đầy đủ. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội được chú trọng, góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Với đặc thù là một huyện vùng cao nhiều dân tộc, đường biên giới dài, chủ yếu là đất liền luôn được huyện xác định là khu trọng điểm về quốc phòng, an ninh. Do đó, Huyện chỉ đạo thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tinh thần cảnh giác trước âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch, thực hiện tốt 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đồng thời chú trọng làm tốt công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Ngay từ đầu khóa Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Nghị quyết số 04 và xây dựng 02 đề án để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Thực hiện các đề án, nghị quyết trên, lực lượng vũ trang duy trì nghiêm túc chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên xây dựng, điều

chỉnh, bổ sung các phương án kế hoạch sát với tình hình thực tế địa phương. Trong 5 năm, chất lượng huấn luyện lực lượng vũ trang được nâng lên, các địa phương đã kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với công tác quốc phòng an ninh và đối ngoại; tổ chức các cuộc diễn tập, luyện tập theo đúng quy định, đạt kết quả cao; công tác tuyển quân hàng năm đều đạt 100% kế hoạch; lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý, sắp xếp đúng quy định; tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đã tăng từ 14,48% lên 21,8%; đảng viên trong công an xã, bảo vệ cơ quan tăng từ 25,5% lên 25,9%.

Huyện ủy đã chỉ đạo tăng cường đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh toàn diện, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Trong 5 năm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định; đường biên, mốc giới được giữ vững, góp phần xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, cùng phát triển.

Hoạt động của hệ thống chính trị tiếp tục có những chuyển biến tích cực. Thực hiện *Chương trình Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị* của Tỉnh ủy, các cấp ủy trên địa bàn huyện đã tập trung củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, làm tốt công tác vận động quần chúng tạo không khí dân chủ trong toàn Đảng bộ. Ngay từ đầu nhiệm kỳ, các cấp ủy đã xây dựng và bổ sung quy chế hoạt động, chương trình công tác, toàn khóa, chương trình kiểm tra giám sát, chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, phân công nhiệm vụ phụ trách từng lĩnh vực, địa bàn cho các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành; tập trung trí tuệ, thống nhất xây dựng 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án và 4 nghị quyết chuyên đề để tổ chức thực hiện. Trong sinh hoạt, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành các cấp ủy đã chấp hành nghiêm túc chế độ sinh

hoạt định kỳ, duy trì công tác giao ban thường trực hàng tuần, tổ chức sơ kết, tổng kết định kỳ theo quy định.

Trong nhiệm kỳ, công tác giáo dục tư tưởng chính trị được các cấp ủy nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức. Các cấp ủy thường xuyên chú trọng tới công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đặc biệt là việc nắm tình hình diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là những biểu hiện còn băn khoăn, lo lắng, những bức xúc để có biện pháp giải quyết kịp thời, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng bộ.

Ngày 7-11-2006, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 06 - CT/TW về tổ chức cuộc Vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Ngày 24-2-2007, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Kế hoạch số 02 về thực hiện Chỉ thị 06 của Bộ Chính trị. Thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương đã triển khai thực hiện cuộc vận động bằng các giải pháp thiết thực như: tổ chức cuộc thi kể chuyện về tấm gương đạo đức của Bác, phát động cuộc thi đua Bí thư chi bộ đăng ký học tập, làm theo tấm gương của Bác với tư tưởng chỉ đạo: Cán bộ, Đảng viên phải thực sự là những người tiêu biểu, là tấm gương mẫu mực để quần chúng học tập, làm theo. Đồng thời đẩy mạnh công tác truyên truyền, giáo dục quần chúng bằng những gương người thật, việc thật trong học tập tấm gương của Bác. Qua 4 năm thực hiện, cuộc vận động đã tạo ra sức lan tỏa sâu rộng, đem lại những kết quả thiết thực tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Nhiều cấp ủy cơ sở đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện cuộc vận động với ý thức trách nhiệm cao. Đã xuất hiện không ít các điển hình tập thể, cá nhân làm theo tấm gương đạo đức của Bác với những việc làm thiết thực được tập thể, tổ chức ghi nhận, trở thành động lực thúc đẩy việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đồng thời thúc đẩy việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên nhất là ở cơ sở.

Công tác bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ trong nhiệm kỳ đã được Huyện ủy chỉ đạo sâu sát và hoàn thành theo đúng kế hoạch. Trung tâm Bồi dưỡng chính trị của huyện đã phối hợp với các Ban xây dựng Đảng, các đoàn thể chính trị và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện tổ chức được 148 lớp bồi dưỡng lý luận, bồi dưỡng công tác Đảng, đoàn thể, chính quyền, pháp luật... và tập huấn nghiệp vụ, thông tin chủ trương đường lối chính sách của Đảng, thông tin thời sự trong nước và quốc tế cho 8.500 lượt học viên thuộc các đối tượng tham gia (vượt 20% kế hoạch giao).

Trong nhiệm kỳ, công tác xây dựng Đảng về tổ chức cán bộ đã được Huyện ủy Mường Khương chỉ đạo bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về *"Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2006-2010".* Để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 05 của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã cụ thể hóa nội dung Nghị quyết 05 bằng việc ban hành Nghị quyết số 4A-NQ/HU ngày 30/4/2006 của Huyện ủy về *"Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở giai đoạn (2006-2010).* Thực hiện Nghị quyết trên, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được thực hiện đúng quy trình, bảo đảm chất lượng. Việc đánh giá, sử dụng cán bộ được cụ thể hóa theo tiêu chuẩn tới từng chức danh; cấp ủy các cấp cùng cán bộ lãnh đạo trực tiếp chịu trách nhiệm về đánh giá, sử dụng cán bộ dưới quyền. Ngoài ra, các cấp ủy còn dựa và quần chúng, đảng viên để phát hiện khả năng, làm căn cứ đánh giá, sử dụng cán bộ.

Trong 5 năm, huyện đã nâng cấp 5 chi bộ khối nông thôn lên thành đảng bộ; hoàn thành mục tiêu nâng cấp 100% chi bộ cơ sở khối nông thôn thành đảng bộ. Năm 2010, toàn huyện đã có 40 tổ chức cơ sở đảng, trong đó có 19 đảng bộ và 21 chi bộ. Qua đánh giá hàng năm, toàn bộ các đảng bộ khối nông thôn đã chủ động hoàn toàn được công việc. Hàng năm, huyện có 85% tổ chức cơ sở đảng đạt

trong sạch vững mạnh; 15% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ,không có tổ chức yếu kém.

Việc kết nạp đảng viên mới được quan tâm, chú trọng phát triển đảng viên ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; nơi có ít đảng viên, đối tượng là nữ, dân tộc ít người, trực tiếp sản xuất. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp trên 500 đảng viên, đưa tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến năm 2010 là 1.600 đảng viên (bình quân mỗi năm kết nạp 100 đảng viên). Số thôn bản chưa có đảng viên được thu hẹp qua các năm, từ 13 thôn (năm 2006) đến năm 2010 chỉ còn 2 thôn chưa có đảng viên (do tách thôn mới). Việc đánh giá, bổ nhiệm lại, bố trí cán bộ đảng viên được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai, tranh thủ được ý kiến đóng góp của Nhân dân. Nhìn chung cán bộ, đảng viên, cấp ủy viên có bản lĩnh chính trị, phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu, nhiệt tình, sâu sát với công việc, không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao năng lực, uy tín, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đối với công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ cho cơ sở, trong nhiệm kỳ đã tăng cường 4 đồng chí cán bộ huyện làm Bí thư, Phó bí thư Đảng bộ các xã, 2 đồng chí cán bộ biên phòng tăng cường làm Phó bí thư đảng ủy xã biên giới; đã cử 329 đồng chí đi học bổ túc văn hóa, 123 đồng chí đi học chuyên môn nghiệp vụ (đại học 73, trung cấp 50); 120 đồng chí đi học lý luận chính trị từ sơ cấp đến cao cấp (trong đó gồm cả đào tạo ở huyện, tỉnh và Trung ương). Việc đổi mới, nâng cao chất lượng cán bộ công chức luôn được coi trọng, nhất là quy trình đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển được thực hiện nghiêm túc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện theo hướng tập trung một đầu mối để khắc phục tình trạng không theo quy hoạch và không gắn với nhu cầu công tác. Trong 5 năm, đã bố trí được 296 cán bộ chuyên trách và công chức xã (trong đó có 161 cán bộ chuyên trách, 135 công chức), toàn bộ các xã được bố trí cán bộ theo đúng tiêu chuẩn quy định, 4 chức danh chuyên môn hầu hết được đào tạo, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Hàng năm số

đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 85% (trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 17%); hoàn thành nhiệm vụ 10% và vi phạm tư cách 0,5%.

Phân loại cấp ủy cơ sở hàng năm: hoàn thành tốt nhiệm vụ 85,5%, hoàn thành nhiệm vụ 14%, vi phạm tư cách 0,5%. Cấp ủy huyện hàng năm đạt 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trong đó có 70% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm, thường xuyên thực hiện nguyên tắc rà soát, nắm tình hình; cập nhật lưu trữ hồ sơ nhằm phòng ngừa các biểu hiện cài cắm, móc nối, lợi dụng cơ hội... Coi trọng các khâu xét duyệt tuyển sinh, tuyển dụng, tuyển quân, kết nạp đảng, bố trí nhân sự ...đảm bảo tiêu chuẩn theo đúng Quy định số 57 ngày 3/5/2007 của Bộ chính trị và các văn bản hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

Công tác, kiểm ta giám sát kỷ luật Đảng tăng cường, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã sớm ban hành quy chế làm việc, xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hàng năm, đồng thời kịp thời bổ sung, điều chỉnh chương trình, kế hoạch phù hợp với những quy định và hướng dẫn mới. Huyện ủy chỉ đạo sâu sát kịp thời việc kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban kiểm tra các cấp. Uỷ ban kiểm tra cấp ủy tăng cường vai trò tham mưu cho các cấp ủy thực hiện chức năng theo quy định, định kỳ nghe UBKT báo cáo tình hình để định hướng hoặc trực tiếp chỉ đạo các nhiệm vụ trọng tâm như phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiện chống lãng phí, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện các dự án, đề án, chi tiêu ngân sách xây dựng cơ bản v.v... qua đó có tác dụng phát huy được tính chiến đấu và khắc phục được những thiếu sót, khuyết điểm của tổ chức Đảng và đảng viên. Công tác kiểm tra, giám sát của các ban Đảng và Văn phòng cấp ủy cũng được thực hiện nghiêm túc theo đúng chức năng, nhiệm vụ; từng ban có trách nhiệm giúp cấp ủy kiểm tra việc thực hiện cương Lĩnh chính trị, Điều Lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thuộc phạm vi do ban phụ trách, đồng

thời tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo những nội dung được cấp ủy giao. Qua kiểm tra, giám sát, khi phát hiện có tổ chức đảng và đảng viên vi phạm cần xử lý đã kịp thời báo cáo với cấy ủy và thông báo với Ủy ban kiểm tra của cấp ủy biết để xem xét và giải quyết các vụ việc.

Trong 5 năm, Huyện ủy đã tổ chức 2 cuộc kiểm tra toàn diện tại 2 Đảng bộ, kiểm tra chuyên đề 16 cuộc tại 43 chi, đảng bộ; giám sát chuyên đề ba cuộc tại 9 chi, đảng bộ, tổ chức giám sát thường xuyên theo quy định, giải quyết dứt điểm ba đơn thư tố cáo liên quan đến đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tập trung vào việc kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Trong 5 năm Ủy ban kiểm tra đã tổ chức kiểm tra 9 tổ chức và 11 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, giải quyết 4 đơn thư khiếu nại, tố cáo đảng viên, đồng thời tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ theo điều 32 Điều lệ Đảng.

Việc xử lý, thi hành kỷ luật đảm bảo nghiêm minh, đúng người, đúng mức độ vi phạm, có tính giáo dục cao. Các đảng viên bị thi hành kỷ luật đều nhận rõ khuyết điểm và có hướng sửa chữa tốt, không có trường hợp nào khiếu nại về hình thức kỷ luật. Trong nhiệm kỳ đã thi hành kỷ luật 55 đảng viên với các hình thức: khiển trách 18, cảnh cáo 19, cách chức 4, khai trừ 14. Nội dung vi phạm chủ yếu là vi phạm về chính sách Dân số Kế hoạch hóa gia đình, đạo đức lối sống, quản lý kinh tế, những vấn đề đảng viên không được làm.

Công tác dân vận tiếp tục được xác định là một trong các nội dung quan trọng của công tác xây dựng Đảng. Nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy các cấp về công tác dân vận không ngừng được nâng cao đem lại hiêu quả thiết thực trong hoạt động của hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội từ huyện tới cơ sở. Với phương châm phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy tiềm năng, nội lực trong nhân dân, động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả 5 chương trình công tác trọng tâm

toàn khóa với 18 đề án, dự án của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng thời thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 07 về đổi mới nội dung phương thức công tác vận động quần chúng và đề án đổi mới tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng của Tỉnh ủy Lào Cai giai đoạn 2006 - 2010. Hệ thống dân vận ngày càng phát huy hiệu quả với phâm châm hướng về cơ sở, từng địa bàn dân cư. Ban chỉ đạo khối dân vận ở 16 xã hoạt động hiệu quả, nắm chắc tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân để phối hợp tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện, giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh, hạn chế thấp nhất tình trạng tuyên truyền đạo giáo trái pháp luật, di dịch cư tự do, mê tín dị đoán.

Công tác dân vận của các cấp chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang đã có nhiều đổi mới nội về dung phương thức hoạt động. Đã chủ động cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy - HĐND - UBND để chỉ đạo, điều hành, quản lý với phương châm hướng về cơ sở, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia các cuộc vận động lớn như: phong trào xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư tiên tiến, làng văn hóa; xây dựng quỹ vì người nghèo, phối hợp thực hiện tốt Nghị quyết 30a và quyết định 167 về hỗ trợ nhà ở cho người nghèo, giúp các hộ thoát nghèo nhanh và bền vững. Năm 2008, Huyện ủy đã chỉ đạo thực hiện 4 mô hình điểm về *Công tác dân vận khéo* tại 4 xã; sau đó đã có 11 cơ quan, đơn vị đăng ký xây dựng mô hình "Dân vận khéo",.

Hoạt động của UBND từ huyện đến các xã được đảm bảo theo quy định. Ngay sau khi thực hiện việc thí điểm không tổ chức HĐND cấp huyện (tháng 4/2009), UBND huyện đã sắp xếp, kiện toàn và ổn định bộ máy, xây dựng quy chế hoạt động, đổi mới công tác chỉ đạo, điều hành; phân cấp các lĩnh vực quản lý Nhà nước cho UBND các xã, các phòng ban theo quy định; cụ thể hóa thành các

văn bản hướng dẫn về công tác quản lý của Trung ương, của tỉnh, nhằm từng bước nâng cao năng lực quản lý hành chính Nhà nước ở các lĩnh vực. Đặc biệt huyện đã chú trọng thực hiện cải cách thủ tục hành chính, tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "một cửa" ở cấp xã. Do đó đã hạn chế được biểu hiện tiêu cực của một số cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân.

Việc phân cấp và giao quyền chủ động cho chính quyền cấp xã, nhất là trong việc quyết định về ngân sách, tài chính, đầu tư nguồn lực, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định pháp luật được thực hiện nghiêm túc. Các xã cơ bản tự chủ được công việc, xây dựng hoàn chỉnh quy chế làm việc, tạo bước chuyển biến quan trọng về phương thức hoạt động trong việc giải quyết thủ tục hành chính, cải thiện mối quan hệ giữa chính quyền cấp xã với các cơ quan chuyên môn của huyện, với các tổ chức và công dân. Trong nhiệm kỳ Huyện ủy đã chỉ đạo và thực hiện tốt mô hình Bí thư Đảng ủy kiêm chủ tịch UBND xã, qua đánh giá cho thấy việc thực hiện mô hình này tuy còn có khó khăn bước đầu trong điều hành quản lý, nhưng nhìn chung phù hợp với điều kiện và tình hình hiện tại.

Việc triển khai Nghị định của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tiếp tục được thực hiện có hiệu quả. Trong nhiệm kỳ, UBND huyện đã ban hành chỉ thị về "Một số biện pháp cần làm ngay để chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật hành chính trong giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp", đồng thời tổ chức rà soát các danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, giúp cho việc giảm thiểu tình trạng hoạt động chống chéo và giảm thiểu sự phiền hà đối với người dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến cơ sở được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động. Việc xây dựng quy chế và phối hợp thực hiện quy chế giữa HĐND-UBND-UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội được triển khai ngay từ đầu nhiệm kỳ đã tạo ra sức mạnh toàn diện trong công tác; đã mở

rộng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng nhân dân tạo sự đồng thuận xã hội và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy mạnh mẽ ý thức tự lực, tự cường của nhân dân trong việc xóa đói giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư; giữ vững trật tự trị an, an toàn xã hội; chống di dịch cư tự do, tuyên truyền đạo trái pháp luật; tham gia quản lý biên giới, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Với sự đổi mới trong hoạt động của MTTQ và các tổ chức đoàn thể đã góp phần huy động mọi lực lượng tham gia thực hiện tốt 5 chương trình công tác trọng tâm với 18 đề án, dự án của huyện, tạo phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng trên địa bàn huyện. Với phương thức hoạt động theo phương châm gần dân, sát cơ sở đã thu hút đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện các chính sách liên quan đến vấn đề đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; đặc biệt là tham gia hưởng ứng tích cực cuộc vận động Học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Kết quả phân xếp loại của 6 tổ chức đoàn thể chính trị trong nghiệm kỳ: 100% đạt loại khá trở lên; ở cơ sở có trên 80% loại khá và vững mạnh, không có tổ chức xếp loại yếu kém.

Đánh giá kết quả nhiệm kỳ 2005 - 2010, Đảng bộ huyện Mường Khương cơ bản hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra, trong đó có 14 mục tiêu vượt kế hoạch. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, bình quân đạt gần 11%/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, đặc biệt trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp có bước phát triển vượt bậc, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác đạt 221,9% so với mục tiêu. Số lượng và chất lượng lương thực, thực phẩm hàng hóa tăng cao. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 22,43% so với nhiệm kỳ trước. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng, thương mại, du lịch có bước phát triển mới. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 6%/năm, đời sống nhân dân được cải thiện; bộ mặt nông thôn,

vùng cao ngày càng đổi mới. Công tác chăm sóc các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng được quan tâm thực hiện. Công tác quốc phòng - an ninh và đối ngoại đã được triển khai thực hiện một cách toàn diện và đạt hiệu quả thiết thực. Chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ổn đinh; công tác đối ngoại được tăng cường; chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang được nâng lên tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế xã hội. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều tiến bộ, hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở được củng cố và tăng cường đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo trong tình hình mới.

Tuy nhiên, đến năm 2010, thu nhập bình quân đầu người thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, công tác xóa đói giảm nghèo chưa thực sự bền vững. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển. Văn hóa xã hội phát triển chưa ngang tầm. Môi trường tiếp tục bị suy giảm, nguồn tài nguyên rừng, tài nguyên nước cạn kiệt. Tình hình tội phạm gia tăng ở một số lĩnh vực như buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, buốn bán phụ nữ, trẻ em qua biên giới. Một số bộ phận cán bộ công chức chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, những yếu kém trong quản lý, điều hành chậm khắc phục. Công tác xây dựng Đảng có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu, năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết ở một số cấp ủy chính quyền cơ sở còn hạn chế.

Có được những thành quả trong hai nhiệm kỳ (2001-2010) là do Đảng bộ huyện đã thực hiện và vận dụng sáng tạo Nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế của địa phương. Xác định đúng những lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm, những tiềm năng, thế mạnh, những khâu đột phá và có bước đi phù hợp. Đảng bộ luôn giữ được truyền thống đoàn kết thống nhất cao, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và quy chế dân chủ cơ sở, phát huy được sức mạnh đoàn kết của nhân dân các dân tộc, các lực lượng xã hội. Đảng

bộ luôn nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương, của tỉnh và các đơn vị trong tỉnh. Cấp uỷ chính quyền các cấp không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; quan tâm, sâu sát cơ sở; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực lãnh đạo và tính chủ động công tác của đội ngũ cán bộ cơ sở; thường xuyên phát động phong trào thi đua yêu nước, phát huy có hiệu quả công tác thi đua khen thưởng, tạo ra được động lực mạnh mẽ trong phong trào thi đua.

Từ những kết quả đạt được cũng như những hạn chế khuyết điểm trong hai nhiệm kỳ 2001-2010, Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI đã tổng kết thành những kinh nghiệm: *Một là:* Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phải chọn đúng và trúng các vấn đề trọng tâm, việc thực hiện phải kiên trì và tập trung các nguồn lực để tổ chức thực hiện. Chú trọng công tác sơ kết, tổng kết cùng với gương người thực việc thực để Nhân dân làm theo. *Hai là:* Phải có sự đoàn kết nhất trí cao trong cấp ủy và sự thống nhất giữa các cấp các ngành trong trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhất là vấn đề lớn, quan trọng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy cao nhất trí tuệ, sự năng động, sáng tạo của tập thể cấp ủy cũng như toàn bộ hệ thống chính trị. *Ba là:* Xác định, khai thác được những lợi thế đặc thù của huyện, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, tạo sức mạnh tổng hợp. *Bốn là:* Thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ nhất là việc đánh giá, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng đúng người, đúng việc để cán bộ phát huy được năng lực, sở trường, đây là nhân tố quyết định đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo quy định. *Năm là:*Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, đổi mới phương thức lãnh đạo, gần dân, sát cơ sở phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở[200].

200. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XXI trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010-2015.

Chương VII
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010 - 2015)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ

- Bước vào cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI, thế giới có những chuyển biến sâu sắc, quan hệ hợp tác giữa các quốc gia ngày càng mở rộng và diễn ra đa dạng trên các lĩnh vực.

Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã (2001 - 2010), công cuộc đổi mới toàn diện trên đất nước ta nói chung và mỗi địa phương nói riêng trong đó có huyện Mường Khương tiếp tục thu được nhiều thành tựu to lớn làm chuyển biến sâu sắc đời sống xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 5/8/2008 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa X về chính sách Tam Nông, ngày 04/6/2010 Chính phủ ban hành Quyết định số 800/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới. Cùng với Quyết định số 800, từ năm 2011 đến 2015 Chính phủ ban hành hàng loạt các chương trình Quốc gia trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục.

Thực hiện Chỉ thị số 37 - CT/TW, ngày 04/8/2009 của Bộ Chính trị về *"Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng"* và hướng dẫn tổ chức Đại hội Đảng bộ cơ sở của Huyện ủy, trong quý I/2010 Đảng bộ huyện Mường Khương tập trung lãnh đạo các chi đảng bộ trực thuộc tổ chức thành công đại hội

Đảng nhiệm kỳ 2010 - 2015 và tổng hợp ý kiến tham gia vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc và trình Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Tháng 10/2010, Đảng bộ tỉnh Lào Cai tổ chức Đại hội lần thứ XIV với chủ đề "*Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy đoàn kết - dân chủ - sáng tạo, xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển nhanh và bền vững".* Đại hội đề ra tư tưởng chỉ đạo: "Coi phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, lấy phát triển công nghiệp là đột phá, phát triển thương mại- du lịch, dịch vụ là mũi nhọn"...

Ngày 15/11/2010, Tỉnh ủy Lào Cai ban hành Quyết định số 283-QĐ/TU, về phê duyệt đề án Xây dựng nông thôn mới của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011 - 2015.

Đầu năm 2011, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI. Đại hội chủ trương đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và Đại hội Đảng bộ tỉnh định hướng cho cho Đảng bộ cấp huyện vận dụng lãnh đạo vào điều kiện cụ thể của địa phương.

II. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015

Trong 02 ngày, từ 26 đến 28/7/2010 tại hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện Mường Khương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Đại hội quán triệt tư tưởng chỉ đạo là: Tiếp tục giữ vững ổn định về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, phát huy tiềm năng thế mạnh, lợi thế đặc thù, tranh thủ thời cơ, thuận lợi để đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế

- xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, từng bước giải quyết tốt các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (*theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới*). Đẩy nhanh tốc độ xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho Nhân dân, tạo nền tảng để phát triển nhanh và bền vững, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giải quyết việc làm. Tăng cường công tác xây dựng Đảng và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh[201].

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2015:

Hoàn thành ổn định về quy mô các vùng sản xuất hàng hoá tập trung, ưu tiên cho các lĩnh vực chế biến, nâng cao chất lượng hàng hoá nông sản, mở rộng mạng lưới dịch vụ, thương mại, du lịch. Bố trí các nguồn lực phù hợp, đầu tư các lĩnh vực nông lâm nghiệp, du lịch.

Tiếp tục quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, từng bước thực hiện các tiêu chí nông thôn mới. Phấn đấu đến 2015 có ít nhất 4 xã đủ tiêu chí được công nhận.

Tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp, thực hiện tốt sự liên kết 4 nhà (Doanh nghiệp, Nhà nước, Nhà khoa học, Nhà nông)

Huy động các cấp, các ngành và mọi nguồn lực để tập trung xoá đói, giảm nghèo nâng cao đời sống của Nhân dân. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, y tế, văn hoá - thông tin và thể thao, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội.

Giữ vững ổn định chính trị - trật tự an toàn xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh - đối ngoại. Xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng khu vực biên giới hoà bình, hợp tác hữu nghị và phát triển.

201. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Tiếp tục củng cố và xây dựng hệ thống chính trị theo hướng trong sạch vững mạnh, tập trung nâng cao chất lượng công tác cán bộ, nhất là cán bộ xã đáp ứng với yêu cầu sự nghiệp đổi mới, làm tốt công tác vận động quần chúng.

Đại hội thông qua 19 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015:

Chỉ tiêu về phát triển kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12%/năm.

(2) Cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp 48,18 %, thương mại - du lịch - dịch vụ 33,57%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp 18,25 %.

(3) GDP bình quân đầu người đạt từ 12 triệu đồng/ năm; thu nhập bình quân đầu người đạt 7,2 triệu đồng/người/năm.

(4) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 30.000 tấn. Giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác đạt từ 40 triệu đồng/năm trở lên.

(5) Trồng mới từ 4.400 ha rừng trở lên (bao gồn rừng kinh tế, rừng phòng hộ, rừng phân tán), tỷ lệ che phủ rừng 47 %.

(6) Trồng chè mới 900 ha, trong đó chè tập trung 4 xã vùng thấp 200 ha, chè tập trung vùng cao 700 ha. Phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá ổn định 800 ha.

(7) Tăng trưởng đàn gia súc 5%; chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa.

(8) Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 175 tỷ đồng.

(9) Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 22 tỷ đồng/năm, trong đó thuế xuất nhập khẩu 7 tỷ/năm, thu nội địa 15 tỷ/năm.

Chỉ tiêu về văn hoá xã hội:

(10) Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường 98%. Duy trì, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Tiểu học, THCS. Hoàn thành phổ cập Giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015. Xây dựng thêm 8 trường đạt chuẩn quốc gia. Mở mới 01 trường THPT khu vực Cao Sơn.

(11) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,4%; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 97 % trở lên; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy sinh dưỡng còn 23%.

(12) Số xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế: 16 xã.

(13) Phấn đấu có trên 45% số thôn bản đạt tiêu chuẩn văn hoá; 95% cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đạt văn hoá; hằng năm có 70% số hộ gia đình đạt tiểu chuẩn gia đình văn hoá, 50% số thôn bản có nhà văn hoá. Tỷ lệ hộ được nghe đài tiếng nói Việt Nam 95%; số hộ xem truyền hình 90%.

(14) Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn lên 40%. Xuất khẩu lao động tối thiểu 160 người /năm.

(15) Giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm 5 - 6 %.

(16) Ổn định dân cư, hạn chế thấp nhất tình trạng di cư tự do, không để tình trạng tuyên truyền đạo giáo trái pháp luật xảy ra.

Chỉ tiêu về quốc phòng an ninh:

(17) Nắm và quản lý chắc tình hình địa bàn, phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng chức năng xử lý, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp xảy ra bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, không để điểm nóng xảy ra. Quản lý, bảo vệ tốt đường biên mốc giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc.

Chỉ tiêu về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị:

(18) Kết nạp 120 đảng viên mới/năm; số thôn, bản có chi bộ độc lập trên 50%; Cơ bản các đầu mối đều có Đảng viên.

(19) Hằng năm 85% số tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh trở lên; Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể 80% khá trở lên; Đảng bộ huyện đạt trọng sạch vững mạnh[202].

202. Nghị Quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu trên, Đại hội định hướng nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực:

1. Phát triển nông, lâm nghiệp

Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân trên cơ sở tiếp tục đầu tư phát triển ổn định và nâng cao chất lượng các sản phẩm hàng hóa có sẵn như vùng chè, vùng dứa, vùng chuối, vùng ngô hàng hóa, vùng lúa đặc sản, vùng ớt... Tiếp tục đầu tư mở rộng vùng nguyên liệu thuốc lá, vùng cây ăn quả, chè vùng cao. Đầu tư chăn nuôi trở thành ngành chính, tạo ra một lượng hàng hóa có giá trị kinh tế cao, tăng hệ số sử dụng đất, tăng giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích canh tác.

Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, ưu tiên các hạng mục thiết yếu như nước sinh hoạt, thủy lợi, giao thông, điện. Lựa chọn tối thiểu 04 xã để đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng để được công nhận đạt các tiêu chí nông thôn mới.

Đánh giá hiệu quả khảo nghiệm một số cây trồng như cây Cọc rào, cây Trẩu phục vụ trồng rừng và khai thác sản phẩm phục vụ cho chế biến và xuất khẩu.

Đổi mới và nâng cao vai trò của các hợp tác xã, khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã tạo điều kiện cho nông dân liên kết từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ hàng hóa và là nòng cốt trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Quản lý và bảo vệ tốt rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh, trồng bổ sung hằng năm nhằm phát triển vốn rừng đa dạng sinh học, chú ý phát triển rừng cảnh quan phục vụ du lịch, lễ hội. Đẩy mạnh trồng rừng kinh tế, rừng phòng hộ, tận dụng tối đa các nguồn lực để đầu tư trồng rừng sinh thủy, rừng thay thế nương rẫy.

2. Về xây dựng cơ sở hạ tầng

Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống giao thông nông thôn, nước sinh hoạt, thủy lợi.

Hoàn chỉnh quy hoạch trung tâm huyện lỵ, các trung tâm cụm xã, trung tâm các xã còn lại, đầu tư nâng cấp trung tâm huyện lỵ lên thị trấn, xây dựng đi đôi với quản lý và chỉnh trang đô thị.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch:

Tập trung khai thác các tiềm năng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông lâm sản, khai thác, chế biến quặng chì, kẽm, ăngtimon. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng khai thác thủy điện, quản lý quy hoạch các cụm tiểu thủ công nghiệp làm cơ sở kêu gọi đầu tư.

Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, quan tâm nâng cấp và quản lý tất cả các chợ nông thôn, hệ thống thương mại bán lẻ.

Đầu tư quản lý các dịch vụ như dịch vụ chế biến, dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ bưu chính viễn thông, tạo điều kiện về cơ chế chính sách, hạ tầng, đất đai để kêu gọi đầu tư.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng cho du lịch như giao thông, làng văn hóa, các hang động, đào tạo, tập huấn cho các hộ, Nhân dân hướng theo du lịch văn hóa cộng đồng làng bản.

3. Bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên:

Tiếp tục chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế - xã hội và dân sinh bền vững. Tập trung đẩy mạnh khoanh nuôi, bảo vệ rừng và trồng rừng mới, giữ gìn chất lượng nguồn nước, trồng rừng sinh thủy, canh tác bền vững theo hướng nông lâm kết hợp.

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên hợp lý, quản lý và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và một số hóa chất khác một cách khoa học .

4. Phát triển văn hóa - xã hôi:

Tiếp tục củng cố và phát triển quy mô, trường lớp học một cách hợp lý. Thành lập thêm 01 trường THPT ở khu vực xã Cao Sơn để thu hút học sinh ở khu vực này, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho các xã vùng cao của huyện. Củng cố duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục, từng bước nâng cao các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 2. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Củng cố và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp học, thiết bị giáo dục. Phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin, nhằm phục vụ đổi mới phương pháp dạy học và quản lý trường học. Tích cực xây dựng trường học theo tiêu chí chuẩn quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và xây dựng xã hội học tập; khai thác mọi tiềm năng, huy động mọi nguồn lực thúc đẩy phát triển sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo.

Đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo của Trung tâm dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên cho người lao động và thanh niên dân tộc thiểu số, để nâng cao trình độ văn hóa, trang bị nghề cho Nhân dân, phát triển nguồn nhân lực, phấn đầu 40% lao động nông thôn được đào tạo, tập huấn.

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bệnh viện Đa khoa, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã và y tế dự phòng, trong việc chăm sóc bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho Nhân dân. Phấn đấu để người dân được hưởng các dịch vụ y tế có chất lượng. Không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Tăng cường các biện pháp thực hiện công tác dân số KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, hạn chế sinh con thứ 3 trở lên. Phấn đấu đến hết nhiệm kỳ, 16 xã đều đạt chuẩn quốc gia về y tế, các thôn bản đều có nhân viên y tế.

Đẩy mạnh thực hiện phong trào " *toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"* một cách thiết thực, hiệu quả và chất lượng. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao sâu rộng trong Nhân dân. Tập trung xây dựng các thiết chế văn hóa theo

hướng Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Phấn đấu các xã có, cụm truyền thanh. 50% xã và số thôn có nhà sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Tăng cường hoạt động các điểm bưu điện văn hóa xã, trung tâm học tập cộng đồng. Quản lý tốt các hoạt động văn hóa và dịch vụ như Internet, băng đĩa hình...

Duy trì và đẩy mạnh hoạt động các đội văn nghệ của các xã. Bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa các dân tộc. Bài trừ các hủ tục lạc hậu trong việc cưới, việc tang, lễ hội, các hoạt động mê tín dị đoan. Đẩy mạnh công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh làng bản, thực hiện tốt quy ước, hương ước thôn bản.

5. Về xoá đói giảm nghèo, việc làm, chính sách xã hội, dân tộc - tôn giáo:

Thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước đặc biệt các nguồn lực từ chương trình 30a của chính phủ để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo nhanh, bền vững như: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ sản xuất, đời sống, đào tạo nghề cho người lao động. Phấn đấu hằng năm đào tạo, bồi dưỡng nghề cho 1,2 nghìn lượt người lao động nông thôn, tạo việc làm mới cho 1.000 lao động. Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 5 - 6 %.

Chăm sóc các đối tượng chính sách, gia đình có công với cách mạng. Quan tâm chăm lo, giúp đỡ các đối tượng xã hội, gia đình hoàn cảnh khó khăn để họ vươn lên thoát nghèo.

Thực hiện tốt chính sách đoàn kết dân tộc, đề cao vai trò của già làng, trưởng bản, trưởng các dòng họ và những người có uy tín trong cộng đồng dân cư, để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ ổn định chính trị địa phương. Giữ gìn phát huy phong tục, tập quán tốt đẹp, đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc của các thế lực thù địch. Hạn chế di dịch cư tự do, không để xảy ra tình trạng truyền đạo giáo trái pháp luật. Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc vững chắc.

6. Củng cố an ninh quốc phòng - quan hệ đối ngoại

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Cụ thể hóa bằng Nghị quyết chuyên đề, các đề án, dự án sát với tình hình thực tế của địa phương. Chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng chương trình, kế hoạch công tác cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện.

Làm tốt công tác giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác trước âm mưu "*Diễn biến hòa bình*" của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

Triển khai xây dựng đề án "***Nâng cao chất lượng xây dựng khu vực phòng thủ huyện giai đoạn 2010- 2015"***. Tập trung đầu tư xây dựng căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương xây dựng các công trình chiến đấu.

Tăng cường phối, kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện, điều tra, xử lý giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ án, vụ việc xảy ra, không để diễn biến phức tạp.

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, tập trung công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và chất lượng, hiệu quả hoạt động; xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh các phương án sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên tổ chức huấn luyện, diễn tập, luyện tập theo quy định.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Làm tốt công tác ngoại giao Nhân dân, nhất là trong giải quyết các vụ việc phát sinh ở khu vực biên giới và trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Tiếp tục củng cố lực lượng dân quân tự vệ, công an viên, bảo vệ cơ quan đủ số lượng, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tổ chức triển khai nghiêm túc đề án đổi mới công tác tiếp công dân, kịp thời giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân không để tình trạng phức tạp, "điểm nóng" xảy ra.

7. Công tác xây dựng đảng và hệ thống chính trị

Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đổi mới hình thức, nội dung, phương pháp tuyên truyền, trước hết phải triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước sâu rộng trong Nhân dân. Thường xuyên bám sát cơ sở, nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc ở cơ sở. Thực hiện có hiệu quả cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống, tư tưởng ỷ lại, trông chờ của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tiếp tục củng cố, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là những cơ sở còn có mặt yếu kém; các chi, đảng bộ phải tự chủ động được công việc, đồng thời phát huy vai trò của người đứng đầu, thực hiện công tác luân chuyển, tăng cường cán bộ từ huyện về xã, mô hình bí thư kiêm chủ tịch UBND. Quan tâm tới công tác phát triển Đảng viên tập trung vào các đối tượng đoàn viên, thanh niên, người trực tiếp sản xuất, tham gia dân quân tự vệ, đối tượng nữ, các thôn bản chưa hoặc có ít đảng viên. Phấn đấu mỗi năm kết nạp từ 120 đảng viên trở lên.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần nghị quyết TW 3, TW 5 khoá X. Nâng cao chất lượng kiểm tra của cấp uỷ, UBKT từ huyện tới cơ sở. Tập trung kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, việc thực hiện quy chế tập trung dân chủ, thực hành

tiết kiệm chống tham nhũng, lãng phí, chi tiêu ngân sách.vv...Kiên quyết xử lý những tổ chức đảng và đảng viên vi phạm, giải quyết dứt điểm các đơn thư tố cáo, khiếu nại theo quy định. Trong quá trình kiểm tra, giám sát phải phối hợp tốt công tác kiểm tra của Đảng với Thanh tra Nhà nước, các tổ chức đoàn thể và của Nhân dân, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định 57 của Bộ chính trị.

Tăng cường và đổi mới hình thức vận động quần chúng Nhân dân theo hướng trực tiếp, cụ thể và dễ hiểu, đa dạng hoá các hình thức tập hợp Nhân dân, khắc phục cho được tình trạng" hành chính hoá" ở các tổ chức đoàn thể từ huyện tới cơ sở.

Tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết TW 5 khoá X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy Nhà nước. Rà soát, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ các phòng ban chuyên môn thuộc UBND, cán bộ chủ chốt các xã theo hướng chuẩn hoá, có trách nhiệm, làm được việc.

Tiếp tục làm tốt nhiệm vụ cải cách hành chính nhất là cải cách các thủ tục hành chính. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, quy chế làm việc, công tác tiếp dân, mối quan hệ với Nhân dân.

Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng tiếp tục thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của TW, Tỉnh về công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, triển khai có hiệu quả 6 nội dung của cuộc vận động "***toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư***". Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng Nhân dân tham gia việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Đại hội thông qua những giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ:

Tổ chức rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá làm cơ sở tiền đề điều chỉnh các chương trình, dự án, đề án sát

với tình hình thực tế địa phương. Tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch xã, trung tâm cụm xã, quy hoạch đất đại, quy hoạch các vùng sản xuất hàng hoá làm cơ sở đầu tư và kêu gọi đầu tư. Trên cơ sở quy hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn, các cụm tiểu thủ công nghiệp phục vụ sản xuất và chế biến.

Khai thác và sử dụng các nguồn lực đầu tư một cách hiệu quả, huy động vốn của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư đúng hướng, hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện đồng thời tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh, chế biến nông lâm sản gắn với bảo vệ môi trường. Ứng dụng khoa học kỹ thuật nghiên cứu, khảo nghiệm, lai tạo giống cây trồng của địa phương có giá trị kinh tế cao. Khuyến khích nghiên cứu, chuyển giao các tiến bộ khoa học mới tại địa phương.

Củng cố, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học, trạm y tế, bệnh viện đa khoa, phòng khám khu vực... Quan tâm xây dựng và từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ trong từng giai đoạn. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Văn hóa -xã hội. Khai thác mọi tiềm năng, huy động mọi nguồn lực để phát triển.

Chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, luyện tập, diễn tập các tình huống về an ninh, quốc phòng. Quan tâm công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho Nhân dân, gắn phong trào quần chúng Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo vệ chủ quyền biên giới..

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền các cấp, phát huy vai

trò của MTTQ và các tổ chức đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc[203].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 37 uỷ viên*, trong đó 12 đồng chí được bầu là uỷ viên Ban Thường vụ. Thường trực gồm 3 đồng chí: Đồng chí Giàng Mạnh Nhà giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Chí Sử là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Hoàng Duy Dũng - Uỷ viên Ban Thường vụ - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện[204].* Các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng. Từ tháng 10/2014, đồng chí Hà Thị Nga - Tỉnh uỷ viên được Tỉnh uỷ điều động về huyện giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ thay đồng chí Giàng Mạnh Nhà chuyển công tác về tỉnh.

III. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015

Ngay sau khi nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện được ban hành, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Trên cơ sở nghị quyết đại hội Đảng cấp trên và căn cứ cụ thể vào điều kiện địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXII đã cụ thể hóa xây dựng thành 5 chương trình công tác trọng tâm toàn khóa với 19 đề án, nghị quyết chuyên đề để tập trung chỉ đạo thực hiện, sau đó Đảng bộ tổ chức quán triệt nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và chương trình hành động thực hiện nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong Nhân dân trên địa bàn huyện.

Nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong nhiệm kỳ được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định là: Đổi mới và nâng cao năng lực lãnh

203. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII nhiệm kỳ 2010 - 2015.
204. Theo Quyết định Chuẩn y BCH Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2010 - 2015 số 947 QĐ/TU ngày 06/8/ 2010 của Tỉnh uỷ Lào Cai.

đạo sức chiến đấu của tổ chức đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ quyền biên giới. Tập trung đầu tư phát triển lĩnh vực nông lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân[205].

Đầu năm 2011, Huyện ủy Mường Khương hoàn chỉnh đề án Xây dựng Nông thôn mới của huyện giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; tổ chức phát động phong trào Chung sức xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện.

Với quyết tâm của cả hệ thống chính trị, qua 5 năm triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo các đề án, nghị quyết chuyên đề, kết quả đạt được là: Tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức 11%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, ước đến hết năm 2015: Nông, lâm nghiệp 47,3%; thương mại - du lịch - dịch vụ 33,9%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng 18,8% *(đạt mục tiêu đại hội)*. Nông nghiệp - nông thôn có sự chuyển biến mạnh mẽ. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng nhanh qua các năm. Diện mạo nông thôn có sự thay đổi đáng kể, đời sống Nhân dân các dân tộc được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm trên 6% *(tỷ lệ hộ nghèo đến đầu năm 2015 là 31,39%)*. Kết thúc năm 2015, trong tổng số 19 mục tiêu nghị quyết đại hội đề ra có 17/19 mục tiêu đạt và vượt, có 02 mục tiêu đạt trên 80% *(trồng rừng mới và đào tạo nghề, tạo việc làm cho người lao động)*.

1. Về phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Là huyện có trên 90% dân số sống ở nông thôn, thu nhập của người dân chủ yếu từ nông nghiệp. Trong 5 chương trình công tác trọng tâm, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xác định, Chương trình *"Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy nhanh tốc*

205. *Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2010 - 2015 của BCH Đảng bộ huyện Mường Khương.*

độ xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp và ổn định dân cư" là chương trình trọng tâm, với 8 đề án tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và nông dân với mục tiêu: Hoàn thành quy hoạch, ổn định về quy mô các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, ưu tiên cho lĩnh vực chế biến, nâng cao chất lượng hàng hóa nông sản, mở rộng mạng lưới thương mại, du lịch, dịch vụ. Tiếp tục quy hoạch sản xuất gắn với sắp xếp và ổn định dân cư, xây dựng nông thôn mới, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội.

Phát huy tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, tranh thủ khai thác các nguồn lực đầu tư để phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, qua 5 năm triển khai thực hiện đã duy trì, phát triển, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm các vùng hàng hóa tập trung của huyện. Sản xuất lương thực tiếp tục được chú trọng nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Cơ cấu giống cây lương thực năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất ở diện rộng. Công tác quy hoạch, phát triển mở rộng vùng sản xuất chuyên canh được quan tâm, đã quy hoạch vùng quýt với 400 ha, vùng dứa trên 750 ha, vùng chuối 400 ha, vùng chè 3.100 ha. Duy trì và mở rộng vùng chè theo quy hoạch, bước đầu có sự liên kết hiệu quả của nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân trong việc trồng, chế biến tiêu thụ sản phẩm chè cho nông dân, sản phẩm chè được tiêu thụ ổn định, từ đó Nhân dân có nhận thức tốt về giá trị kinh tế của cây chè. Ngoài mở rộng diện tích chè Shan, huyện đã mở rộng dự án trồng chè chất lượng cao, sản xuất theo công nghệ ô long tại các xã khu vực Cao Sơn. Tổng diện tích chè toàn huyện đến hết năm 2015 là 2.287 ha trong đó có 90 ha chè chất lượng cao *(tăng 7,2% so với mục tiêu đại hội)*. Sản lượng chè búp tươi tăng dần hằng năm (năm 2014 đạt 6.600 tấn, giá trị đạt trên 40 tỷ đồng).

Ngày 6/01/2013, cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng lên thăm xã Bản Lầu - huyện Mường Khương; đồng chí biểu dương những

cố gắng của Nhân dân trong phát triển sản xuất, đồng chí căn dặn Đảng bộ Bản Lầu chú trọng lãnh đạo chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi; gắn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới với giữ vững an ninh biên giới.

Những năm 2010 - 2015, vùng sản xuất chuyên canh dứa, chuối hàng hóa tiếp tục ổn định về diện tích, sản lượng, đầu ra cho sản phẩm. Năm 2014, giá trị sản lượng dứa đạt 80 tỷ đồng, chuối đạt 70 tỷ đồng. Vùng ngô lai hàng hóa phát triển ổn định, hằng năm đã cung cấp ra thị trường trên 20.000 tấn ngô hàng hóa, trị giá trên 100 tỷ đồng. Vùng lúa đặc sản Séng cù ổn định với diện tích 700 ha, sản lượng 2.800 tấn/năm, giá trị bình quân đạt trên 20 tỷ đồng/năm; vùng nguyên liệu ớt 300 ha, sản lượng 750 tấn, giá trị sản lượng đạt trên 18 tỷ đồng/năm; vùng quýt diện tích hiện có 212 ha *(hiện có 30 ha cho thu hoạch, giá trị sản lượng đạt 5 tỷ đồng/năm)*, sản phẩm quýt được thị trường ưa chuộng.

Tổng sản lượng lương thực năm 2015 đạt 31.278 tấn, tăng 1.278 tấn *(vượt 4,16% so với mục tiêu đại hội)*. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị canh tác năm 2015 đạt 46 triệu đồng *(vượt 6 triệu đồng so với mục tiêu đại hội)*. Giá trị sản lượng ngành nông, lâm nghiệp năm 2015 đạt 635 tỷ đồng.

Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, đã tập trung chỉ đạo trồng, chăm sóc, khoanh nuôi bảo vệ rừng hằng năm đảm bảo kế hoạch chỉ tiêu giao. Việc xác định đưa cây trẩu vào trồng rừng là phù hợp, để góp phần phủ xanh đất trống, đồi trọc, chống sa mạc hóa ở các xã vùng cao. Trong giai đoạn 2011 - 2015 đã trồng mới được 3.499 ha rừng, đạt 80% so với mục tiêu nghị quyết. Các loại cây được trồng chủ yếu là các giống cây keo, mỡ, quế, thông. Tỷ lệ che phủ rừng hằng năm tăng từ 1% - 1,5%, nâng độ che phủ đạt 45,13% năm 2015. Hệ thống điện lưới quốc gia được đưa đến tất cả các thôn trên địa bàn huyện. Nhân dân đun nấu điện và ga nên tình trạng chặt cây xanh dự trữ

làm củi đun giảm từ đó giúp cho hệ thống rừng tái sinh phát triển mạnh và có tính bền vững hơn.

Lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản có bước phát triển đáng kể, đã hình thành các mô hình chăn nuôi thủy sản đem lại giá trị kinh tế cao, ổn định ở các xã vùng thấp. Các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi được quan tâm với các chương trình dự án WB2, 30a, 135... Sản xuất chăn nuôi tại chỗ cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của thị trường, ngoài việc đầu tư phát triển đàn lợn lai F1, đàn lợn đen bản địa Mường Khương tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của thị trường. Đàn lợn đen chiếm 60% cơ cấu đàn lợn toàn huyện, bước đầu đã hình thành chuỗi giá trị sản xuất lợn đen Mường Khương. Tăng trưởng đàn gia súc hằng năm đạt 5% *(đạt mục tiêu đại hội)*. Các xã vùng thấp đã chuyển đổi diện tích lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản đạt hiệu quả cao *(diện tích nuôi thủy sản toàn huyện hiện có 86 ha, tăng 18 ha so với năm 2010).*

Năm 2015, toàn huyện có 2.552 hộ sản xuất kinh doanh giỏi *(tăng 1.124 hộ so với năm 2010),* chiếm 24% so với tổng số hộ dân trên địa bàn. Thu nhập bình quân đầu người đạt 15 triệu đồng/người/năm. Việc quy hoạch sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư được thực hiện hiệu quả. Đời sống và thu nhập của Nhân dân ngày càng được nâng lên.

2. Thực hiện chương trình Xây dựng nông thôn mới

Phong trào Xây dựng nông thôn mới được toàn dân hưởng ứng tích cực. Đảng bộ huyện đã triển khai thực hiện hiệu quả 5 nội dung trong đề án và 3 nội dung thi đua trong phong trào Xây dựng nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư xây dựng. Diện mạo trung tâm cụm xã và các xã thay đổi rõ rệt. Đến năm 2015, 16/16 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm; 80% thôn, bản có đường giao thông đến thôn *(hiện có 108 km đường bê tông và 317 km đường cấp phối),* trong đó số thôn bản có đường bê tông hoặc cấp phối ô tô đi lại được đạt 53%; 16/16 xã, thị trấn và 209/231 thôn,

bản có điện lưới quốc gia, số hộ được sử dụng điện đạt 82,3% *(tăng 13,5% số hộ so với năm 2010)*. Số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95% *(tăng 15% so với năm 2010)*; 100% xã có mạng điện thoại và Internet; các xã có trạm y tế được xây dựng theo hướng chuẩn hóa; 65 trường học các cấp đã có phòng học được xây dựng kiên cố. Mạng lưới dịch vụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày được mở rộng, các tổ dịch vụ được củng cố hoạt động và thành lập mới để phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới và sản xuất của Nhân dân.

Đến tháng 6/2015 toàn huyện đã hoàn thành 126/304 lượt tiêu chí. Bình quân đạt 3 lượt tiêu chí/xã/năm. Phấn đấu đến hết năm 2015 có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu lao động, bộ mặt nông thôn thay đổi rõ nét. Đã có 3 xã đạt tiêu chí thu nhập theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai

Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường luôn được quan tâm chỉ đạo. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện hiệu quả, công tác quản lý quy hoạch từng bước đi vào nề nếp. Việc quản lý khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định. Công tác quản lý tài nguyên, quản lý rừng đầu nguồn và trồng rừng sinh thủy được quan tâm, đã từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hóa, đặc biệt tại các xã Tả Gia Khâu, Dìn Chin, Tả Thàng. Nhận thức của Nhân dân về bảo vệ môi trường được nâng lên. Chất thải sinh hoạt, chất thải bệnh viện và các trạm y tế được xử lý đúng quy định.

Công tác phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai luôn được coi trọng, hằng năm cấp ủy huyện chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai, thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây

trồng phù hợp với thực tế. Từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2014, trên địa bàn huyện đã xảy ra 26 đợt thiên tai, đặc biệt trận mưa đá lịch sử ngày 27/3/2013 làm ảnh hưởng trên 7.000 ngôi nhà của Nhân dân và các công trình công cộng, thiệt hại trên 3.000 ha cây trồng các loại, giá trị thiệt hại trên 250 tỷ đồng. Do chủ động xây dựng kế hoạch ứng phó và sự tích cực tham gia của người dân trong công tác phòng chống, khắc phục thiên tai, do vậy không có thiệt hại về người. Đã tổ chức khắc phục hỗ trợ và di chuyển 95 hộ dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, sửa chữa các công trình hạ tầng bị hư hỏng, hỗ trợ trực tiếp cho Nhân dân khắc phục nhà cửa, chuyển đổi cơ cấu cây trồng để kịp thời ổn định sản xuất và đời sống.

4. Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng cơ bản

Trong nhiệm kỳ, huyện Mường Khương đã xây dựng quy hoạch chi tiết trung tâm huyện và khu vực nông thôn, trong đó trọng điểm là quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng xã Bản Lầu. Đồng thời quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư XDCB được chỉ đạo chặt chẽ và đã có những chuyển biến nhất định.

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 12%/năm, giá trị sản xuất đạt 80 tỷ đồng/năm. Năm 2012 đưa nhà máy thủy điện Tà Lạt công suất 3 MW ở xã Bản Lầu đi vào hoạt động. Năm 2014, hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động chợ trung tâm huyện với quy mô 5,0 ha.

Về tiểu thủ công nghiệp đã hình thành các hợp tác xã, các nhóm hộ gia đình chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, sản xuất nông cụ... Các chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp đã được triển khai hiệu quả tạo điều kiện hỗ trợ cho sản xuất phát triển. Đến nay trên địa bàn huyện có 597 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp,

chế biến sản phẩm nông, lâm sản, lương thực với giá trị sản xuất hằng năm đạt trên 68 tỷ đồng. Các chính sách hỗ trợ sản xuất tiểu thủ công nghiệp được quan tâm và góp phần tăng giá trị thu nhập cho người dân như: khai thác đá, sản xuất chè, chế biến tương ớt...

Trong năm năm huyện đã đầu tư 831 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở hạ tầng, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn *(trong đó 90% số vốn hằng năm được đầu tư cho khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số).*

Việc lựa chọn danh mục đầu tư đã được bố trí theo thứ tự ưu tiên nên khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả. Một số công trình trọng điểm đã hoàn thành, đưa vào sử dụng như: Trụ sở làm việc của Huyện ủy, Ủy ban Nhân dân, Hội trường UBND huyện, Đài Truyền thanh - Truyền hình, Bến xe khách, Chợ trung tâm, Hồ sinh thái của huyện. Xây dựng 4 tuyến đường gắn với sắp xếp dân cư đô thị; nâng cấp tuyến đường quốc lộ 4D đoạn Mường Khương - Pha Long; nâng cấp 18 km đường đến trung tâm xã (Nậm Chảy, Bản Sen); xây dựng 256,5 km đường giao thông nông thôn; đầu tư xây dựng bãi xử lý rác thải tại thị trấn Mường Khương, xã Bản Lầu; tăng cường đầu tư hạ tầng thiết yếu đô thị trung tâm huyện, trung tâm các xã, cụm xã, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Đã chú trọng công tác quy hoạch trung tâm huyện lỵ, trung tâm các xã, cụm xã; năm 2010 xã Mường Khương được nâng cấp thành thị trấn và đạt đô thị loại V.

5. Tài chính, tín dụng

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao, bình quân tăng 15%/năm, đặc biệt là thu từ đấu giá quyền sử dụng đất. Tổng thu ngân sách 5 năm 2011-2015 là 117 tỷ đồng, tăng 2 lần so với nhiệm kỳ trước *(vượt 160% so với mục tiêu đại hội).* Chi ngân sách được đảm bảo, tập trung chi cho phát triển kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội... và thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Hoạt động của các chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn đã bám sát chủ trương, chính sách tiền tệ của Nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đảm bảo huy động vốn tín dụng, thực hiện các chính sách cho vay vốn để doanh nghiệp và Nhân dân vay phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn, kinh doanh và tiêu dùng, chương trình giảm nghèo của huyện. Tổng số vốn huy động tại địa phương trong 5 năm đạt 279 tỷ đồng, dư nợ cho vay đến thời điểm tháng 6/2015 là 445 tỷ đồng (với 6.293 hộ và doanh nghiệp vay), gấp 1,8 lần so với năm 2010. Tăng trưởng tín dụng đạt 18,6%/năm, tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức an toàn.

6. Thương mại - du lịch - dịch vụ

Thương mại, du lịch, dịch vụ trên địa bàn có bước phát triển khá, thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng. Các chợ trên địa bàn được đầu tư nâng cấp (11 chợ), hoàn thành xây dựng và đưa vào hoạt động chợ Trung tâm huyện với quy mô 5,0 ha; dịch vụ thương mại nông thôn đã được chú trọng phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân, góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa vùng sâu, vùng xa. Việc cung ứng mặt hàng thiết yếu luôn được đảm bảo không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá và thực hiện tốt công tác điều tiết, bình ổn thị trường. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2014 đạt 256 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân 14,4%/năm; tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế chiếm 33,89%. Kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Mường Khương 5 năm đạt 46,6 triệu USD.

Công tác quản lý thị trường, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được duy trì thường xuyên, góp phần ổn định giá cả thị trường, hạn chế hàng kém chất lượng, ngăn chặn buôn lậu qua biên giới.

Mạng lưới viễn thông phát triển đồng bộ từ hạ tầng đến cung ứng dịch vụ cho người dân đảm bảo phủ sóng 100% số xã và thông suốt 24/24 giờ, đa dạng các gói dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Đến hết năm 2015, trên địa bàn huyện có 25 điểm cung cấp

dịch vụ bưu chính, viễn thông; có 35.000 thuê bao, bình quân đạt 62 thuê bao/100 dân.

Hoạt động xúc tiến thương mại được quan tâm, tuyên truyền, quảng bá hình ảnh, tiềm năng lợi thế phát triển kinh tế - xã hội của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tham gia các hội chợ thương mại, nhằm thu hút các cá nhân, tổ chức đầu tư vào địa bàn

Dịch vụ vận tải tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng bến xe khách trung tâm huyện và đưa vào khai thác tuyến xe khách từ xã Pha Long đi Lào Cai, phục vụ vận chuyển nông sản, hàng hóa, vật liệu xây dựng phục vụ Nhân dân. Các dịch vụ sửa chữa dân dụng, nhà hàng, khách sạn tiếp tục phát triển, góp phần đáp ứng nhu cầu đời sống, sinh hoạt ngày càng cao của Nhân dân.

Hoạt động du lịch có hướng phát triển tốt, trên cơ sở 3 tuyến và 3 điểm du lịch đã được tỉnh công nhận, việc khai thác các tuyến, điểm đã từng bước thu hút khách du lịch đến với huyện, bình quân đạt trên 9 nghìn lượt người/năm. doanh thu từ du lịch đạt gần 5 tỷ đồng/năm.

7. Văn hoá, xã hội

Giáo dục - Đào tạo và khoa học công nghệ:

Sự nghiệp giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển, mạng lưới, quy mô trường, lớp ổn định, cơ bản đã đáp ứng nhu cầu học tập của con em Nhân dân. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được củng cố duy trì và nâng cao chất lượng ở 16/16 xã, thị trấn, hoàn thành PCGD mầm non 5 tuổi năm 2013 *(vượt mục tiêu đại hội trước 2 năm)*; giáo dục dân tộc có bước phát triển vượt bậc góp phần quan trọng cho việc đào tạo nguồn nhân lực của huyện; đội ngũ giáo viên tăng về số lượng và đảm bảo được chất lượng, từng bước đáp ứng được yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện sự nghiệp giáo dục. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt và vượt chỉ tiêu giao. Cơ sở vật chất,

thiết bị giáo dục được đầu tư, nâng cấp. Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia đến thời điểm năm 2015 đạt 21 trường *(vượt 4 trường so với mục tiêu đại hội)*. Trung tâm Dạy nghề và giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã được duy trì và thực hiện mở các lớp dạy nghề và hướng nghiệp cho học sinh, thanh niên. Các trường THPT tiếp tục được đầu tư, trang bị về cơ sở vật chất và duy trì hoạt động ngày càng có hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo.

Hoạt động khoa học và công nghệ và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào đời sống, sản xuất được đẩy mạnh. Ứng dụng công nghệ thông tin được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc; hằng năm huyện đều được đánh giá và xếp hạng đạt yêu cầu. Trang thông tin điện tử của huyện được đưa vào hoạt động, góp phần phục vụ thông tin tuyên truyền, giới thiệu hình ảnh của địa phương. Công tác phổ cập tin học cho đội ngũ cán bộ cơ sở được triển khai hiệu quả phục vụ tốt hoạt động của cấp ủy, chính quyền các cấp và hoạt động giảng dạy trong các nhà trường.

Lĩnh vực y tế, dân số - KHHGĐ:

Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được quan tâm đầu tư, trạm y tế các xã đang được xây dựng theo mẫu định hình. Đến nay có 5 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, bình quân có 6 cán bộ/trạm y tế; 5,4 bác sỹ/1 vạn dân *(tăng 1,4 bác sỹ/1 vạn dân so với năm 2010)*; 95% số thôn có nhân viên y tế thôn bản hoạt động.

Chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho Nhân dân tiếp tục được nâng lên, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách được quan tâm cấp thẻ khám chữa bệnh, tinh thần phục vụ Nhân dân của đội ngũ y, bác sĩ có nhiều chuyển biến tích cực. Chủ động kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả, không để dịch bệnh lớn xảy ra, không có ca tử vong do dịch. Trẻ em dưới 1

tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 97% *(đạt mục tiêu đại hội và vượt chỉ tiêu kế hoạch giao)*. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến nay còn 20,3% *(vượt mục tiêu đại hội)*. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh. Vệ sinh an toàn thực phẩm cơ bản được kiểm soát. Chương trình mục tiêu quốc gia an toàn vệ sinh thực phẩm, nước sạch vệ sinh môi trường được thực hiện tốt, kết quả đến nay có 95% người dân sử dụng nước hợp vệ sinh.

Hoạt động văn hóa - thông tin và thể thao :

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, kịp thời đưa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đến với Nhân dân. Bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy, phong trào văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh; phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai thực hiện sâu rộng trong Nhân dân. Số thôn bản được công nhận văn hóa đạt trên 50% *(vượt mục tiêu đại hội)*; 97% cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đạt văn hóa *(vượt mục tiêu đại hội)*; hằng năm có 72% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 116/231 thôn bản có nhà văn hóa *(đạt mục tiêu đại hội)*; số hộ nghe được đài tiếng nói Việt Nam đạt 98%; số hộ xem được truyền hình đạt 90% *(vượt mục tiêu đại hội)*; 100% các thôn, bản, tổ dân phố xây dựng Quy ước, Hương ước trong việc cưới, việc tang, lễ hội thực hiện theo nếp sống văn hóa và phong tục tập quán tốt đẹp trong đồng bào. Phong trào *"Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại"* được phát động sâu rộng trong cán bộ và Nhân dân. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 20%; các xã, thị trấn cơ bản có địa điểm để tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng.

Xóa đói, giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, an sinh xã hội:

Huyện đã tập trung huy động nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế vùng nông thôn; triển khai đồng bộ, hiệu quả các

chương trình dự án giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân giảm 6,4%/năm, vượt mục tiêu đại hội đề ra (5-6%/năm), đến hết năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo còn 31,39%. Mức sống dân cư trên địa bàn được nâng lên đáng kể qua từng năm, thu hẹp khoảng cách đời sống dân cư giữa khu vực thị trấn và nông thôn, giữa các vùng trong huyện.

Công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm tiếp tục được quan tâm. Trong 05 năm đã tổ chức 60 lớp dạy nghề cho trên 2.000 học viên; đào tạo 03 lớp trung cấp nghề khuyến nông, khuyến lâm với 103 học viên tham gia; bình quân hằng năm tạo việc làm mới cho 1.100 lao động. Xuất khẩu trên 200 lượt lao động đến thị trường các nước theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

An sinh xã hội được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo thực hiện, đảm bảo giải quyết kịp thời, đúng quy định các chính sách của Đảng và Nhà nước cho các đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi, người có công, đối tượng xã hội; việc thăm hỏi, động viên, tặng quà trong các dịp lễ, tết cho các gia đình chính sách, các đối tượng xã hội được thực hiện kịp thời.

Công tác dân tộc, tôn giáo :

Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về dân tộc, tôn giáo được triển khai kịp thời, hiệu quả. Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện tích cực phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, cần cù, vượt khó, giúp nhau cùng phát triển; tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước. Đảng bộ huyện đã lãnh đạo, triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, chăm lo đời sống tinh thần, vật chất cho đồng bào yên tâm định cư, xây dựng cuộc sống; các chính sách dân tộc được thực hiện nghiêm túc và mang lại hiệu quả cao như chương trình 135, quyết định 102 của chính phủ... Chủ động phòng chống, phát hiện,

ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng lợi dụng tôn giáo chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, lôi kéo, kích động Nhân dân di cư tự do, tham gia các hoạt động liên quan đến "Nhà nước Mông".

8. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại; công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng

Công tác quân sự - quốc phòng:

Nhiệm vụ quân sự - quốc phòng luôn được các cấp, các ngành quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện một cách toàn diện. Trọng tâm là xây dựng củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân, xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Các phương án, kế hoạch tác chiến phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên được điều chỉnh bổ sung hoàn chỉnh. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, phát triển đạt tỷ lệ 1,87% so với dân số toàn huyện, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 22,5% tăng 0,9 so với nhiệm kỳ trước. Lực lượng dự bị động viên được đăng ký, quản lý chặt chẽ, sắp xếp biên chế vào các đơn vị theo đúng quy định. Đội ngũ cán bộ quân sự các xã, thị trấn thường xuyên được củng cố, kiện toàn theo hướng trẻ hóa và đạt chuẩn. Công tác huấn luyện, diễn tập, luyện tập, tuyển quân hằng năm đều đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch, chất lượng được nâng lên. Duy trì thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa công an, quân sự, biên phòng theo Nghị định 77/NĐ-CP của Chính phủ. Các lực lượng thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc nắm, quản lý tình hình địa bàn, chủ động xử lý, giải quyết các vụ việc ngay từ cơ sở bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chính sách hậu phương quân đội luôn được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội :

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, biên giới quốc gia được giữ vững. Công tác quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội được chỉ đạo chặt chẽ từ huyện đến cơ sở, tập trung huy động sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và của toàn dân tham gia vào các chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống ma túy, mua bán người. Chỉ đạo lực lượng công an, biên phòng thường xuyên nắm chắc tình hình, nhất là ở những địa bàn, khu vực trọng điểm. Các đồn Biên phòng đã thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Bộ chỉ huy Biên phòng và Ban Thường vụ Huyện ủy, bố trí và sắp xếp sĩ quan biên phòng đến tham gia cấp ủy các xã biên giới và thực hiện lối công tác củng cố an ninh biên giới, đảm bảo an ninh biên giới, an ninh nông thôn; mở nhiều đợt tấn công, trấn áp các loại tội phạm, triệt phá nhiều tụ điểm phức tạp về an ninh trật tự. Các vụ việc liên quan an ninh nông thôn được giải quyết kịp thời, không để xảy ra phức tạp, điểm nóng. Các sự kiện chính trị, văn hóa trên địa bàn diễn ra an toàn tuyệt đối. Công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông đạt mục tiêu ba giảm *(số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương).*

Hoạt động đối ngoại:

Công tác đối ngoại có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động ngoại giao Nhân dân, đối ngoại biên phòng và công an được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả. Duy trì tốt quan hệ hữu nghị hợp tác với các huyện Hà Khẩu, Mã Quan (Trung Quốc), đặc biệt đã chỉ đạo tổ chức tốt kết nghĩa giữa các cụm dân cư hai bên biên giới (Việt Nam - Trung Quốc), thường xuyên phối hợp tổ chức tuần tra biên giới song phương giữa hai bên.

Thường xuyên chỉ đạo các lực lượng chức năng phối hợp quản lý tốt các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh qua biên giới. Trong năm năm qua huyện tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác, phối

hợp với các cơ quan, ban ngành của tỉnh, Ngân hàng phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ, với các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Bảo Thắng trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng:

Hoạt động của các cơ quan tư pháp có nhiều tiến bộ, đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương, có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Công tác thực hành quyền công tố kiểm sát xét xử và tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định, bảo đảm việc xét xử nghiêm minh. Công tác cải cách tư pháp được quan tâm chỉ đạo, bộ máy các cơ quan tư pháp cấp huyện tiếp tục được củng cố kiện toàn, chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ có nhiều chuyển biến. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Việc bắt tạm giữ, tạm giam được thực hiện đúng quy định. Công tác tuyên truyền pháp luật được chú trọng. Hoạt động tiếp công dân đã đi vào nề nếp, chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo được nâng lên, không để tồn đọng, kéo dài.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được quan tâm chỉ đạo, các cấp, các ngành triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị; việc kê khai và công khai, xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức được triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác thanh tra, kiểm tra về phòng chống tham nhũng được coi trọng, trong nhiệm kỳ chưa phát hiện có tham nhũng trên địa bàn.

9. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

Công tác tư tưởng chính trị

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng và rèn luyện đạo đức lối sống cho cán bộ, đảng viên luôn được các cấp ủy đảng chú trọng quan tâm. Huyện ủy đã tổ chức quán triệt, học tập đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của đảng đến đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kịp thời

nắm bắt những diễn biến về tư tưởng, tâm trạng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời định hướng dư luận xã hội theo đúng quan điểm của Đảng góp phần nâng cao nhận thức chính trị trong Đảng bộ, tạo sự chuyển biến tích cực, sự đồng thuận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

Hoạt động thông tin tuyên truyền được chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả và có nhiều đổi mới theo hướng cụ thể thiết thực. Việc thực hiện mô hình *"Ban Tuyên vận xã"* và *"Tổ Tuyên vận thôn, tổ dân phố"* có chuyển biến tích cực, nâng cao hơn hiệu quả lãnh đạo của Đảng ủy xã, thị trấn trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phong trào chung sức xây dựng nông thôn mới. Cán bộ chủ chốt các cấp thường xuyên tiếp xúc đối thoại với Nhân dân, chủ động nắm bắt dư luận xã hội, dự báo tình hình, kiên quyết đấu tranh chống suy thoái, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 1973/CT-CP của Chính phủ về đẩy mạnh việc "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", huyện đã chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc, sâu rộng tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân bằng nhiều nội dung hoạt động với hình thức phong phú. Nghiêm túc triển khai các quy định về "Một số nội dung tự giác đi đầu, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Các chi, đảng bộ, cơ quan, đơn vị xây dựng và niêm yết công khai chuẩn mực đạo đức; cán bộ đảng viên xây dựng kế hoạch, phương hướng rèn luyện, học tập và làm theo Bác. Tổ chức đợt thi đua đặc biệt kỷ niệm 55 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai, thi tìm hiểu Chỉ thị 03-CT/TW... với nhiều đối tượng, ngành nghề, lứa tuổi tham gia. Qua đó, phát hiện và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trong học tập

và làm theo Bác, tạo được sức lan tỏa trong xã hội. Nội dung các chuyên đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" hằng năm đã được đưa vào các buổi sinh hoạt thường kỳ của cơ quan, chi bộ, Mặt trận và các đoàn thể. Nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân trong huyện có sự chuyển biến tích cực về ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* các cấp ủy trong huyện đã chủ động quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo mục đích, yêu cầu đề ra. Trong quá trình kiểm điểm tự phê bình và phê bình đã làm rõ ưu điểm, thẳng thắn nêu lên những khuyết điểm, hạn chế của tập thể, cá nhân cũng như xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân và đề ra phương hướng khắc phục. Nhiều vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu đã được kiểm điểm phân tích đánh giá một cách thẳng thắn, khách quan; cá nhân các đồng chí lãnh đạo và đảng viên được góp ý đã tiếp thu ý kiến một cách cầu thị, đúng mực, không có hiện tượng mượn kiểm điểm để nói xấu, bôi nhọ, hạ uy tín đồng chí gây mất đoàn kết. Quá trình thực hiện kiểm điểm và sửa chữa, khắc phục những tồn tại, hạn chế đã giúp cho các tập thể tăng cường hơn sự đoàn kết, thống nhất, nâng cao ý thức, tinh thần tự học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên; tự tu dưỡng về đạo đức, lối sống, tác phong công tác, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước công việc được giao và trước Nhân dân. Với việc triển khai thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, nghiêm túc, bằng nhiều hình thức với những cách làm đa dạng, thích hợp đã đem lại sự chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động, tạo động lực thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Công tác xây dựng tổ chức Đảng:

Đảng bộ huyện luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng. Ngay từ đầu nhiệm kỳ đã chỉ đạo các tổ chức đảng xây dựng quy chế hoạt động, chương trình công tác toàn khoá của cấp ủy. Quan tâm củng cố thành lập các tổ chức cơ sở đảng để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Trong năm năm đã chia tách thành lập mới 4 tổ chức đảng trực thuộc, nâng tổng số chi, đảng bộ trực thuộc huyện lên 44 tổ chức cơ sở đảng. Chỉ định bổ sung cấp uỷ viên cơ sở 43 đồng chí. Công tác phát triển đảng viên mới được quan tâm chỉ đạo, Huyện ủy đã ban hành Kế hoạch về phát triển đảng viên và thành lập chi bộ độc lập tại các thôn bản. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 792 đảng viên *(bình quân kết nạp được 160 đảng viên/năm bằng 132%), nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến cuối năm 2015 lên 2.370 đồng chí,* chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên, đảng viên trẻ (dưới 30 tuổi) chiếm hơn 64%, trình độ THPT đạt 75,2%; trình độ chuyên môn từ trung cấp đến Đại học trên 60%; tỷ lệ đảng viên nữ là 39%; thành lập 151 chi bộ thôn bản, tổ dân phố độc lập, đến hết tháng 6/2015 toàn huyện có 100% thôn bản, tổ dân phố có chi bộ hoạt động độc lập *(vượt mục tiêu đại hội).*

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ chỉ đạo đẩy mạnh đổi mới nội dung, hình thức nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, chú trọng sinh hoạt theo chuyên đề, chủ đề sát với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế xã hội, xây dựng nông thôn mới ở địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Huyện uỷ phụ trách các đảng bộ cơ sở; phân công lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trực tiếp theo dõi, dự sinh hoạt chi bộ hàng tháng, qua đó kịp thời nắm bắt, hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc của cơ sở. Chất lượng tổ chức cơ sở đảng được nâng lên, hằng năm số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt từ 83% trở lên (riêng năm 2014 đạt 50% theo quy định của Tỉnh ủy), không có chi bộ yếu

kém. Việc đánh giá cấp ủy các cấp hằng năm thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Hằng năm phân loại cấp uỷ cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ 97,65%; hoàn thành nhiệm vụ 2,35%. Cấp uỷ huyện 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 80% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đánh giá chất lượng đảng viên được đổi mới, kết quả hằng năm có trên 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Công tác đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện nghiêm túc đúng quy trình, đảm bảo dân chủ, khách quan, công khai. Việc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ được thực hiện đúng nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Trong nhiệm kỳ đã điều động, luân chuyển 10 đồng chí cán bộ thuộc các ngành, ban của huyện về làm bí thư, phó bí thư, chủ tịch UBND xã, thị trấn; tăng cường 05 đồng chí cán bộ Biên phòng làm phó bí thư đảng uỷ các xã biên giới. Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng, quan tâm đến đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ có phẩm chất và năng lực. Chỉ đạo làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, qua đó đã từng bước chuẩn hoá cán bộ từ huyện đến cơ sở; đào tạo đã gắn với quy hoạch cán bộ. Trong nhiệm kỳ đã cử 615 cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, xã, thị trấn đi học các lớp đại học, trên đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên môn; cử 168 cán bộ lãnh đạo các phòng ban, các ban xây dựng đảng và đoàn thể, cán bộ viên chức ngành giáo dục đi học các lớp cao cấp và trung cấp lý luận chính trị. Cử 55 cán bộ cấp xã đi học văn hóa. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng lý luận, chính trị, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, trong nhiệm kỳ đã tổ chức được 176 lớp bồi dưỡng lý luận, chính trị, tập huấn nghiệp vụ, thông tin chính trị, thời sự trong nước và quốc tế cho 10.067 lượt học viên, trong đó có 4.860 lượt cán bộ công chức, cán bộ chuyên trách và không chuyên trách cấp xã tham gia.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng, thực hiện đúng quy định, góp phần vào giữ gìn đoàn kết trong nội bộ đảng, cũng

như chủ động đáp ứng các tiêu chuẩn chính trị phục vụ cho việc quy hoạch, đào tạo, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm và sử dụng cán bộ và công tác phát triển đảng viên mới, công tác chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng các cấp.

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng:

Công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Ngay sau đại hội, các cấp ủy, tổ chức đảng đã chủ động xây dựng quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra. Xây dựng chương trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và để tăng cường sự phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát; Huyện ủy đã ban hành quy chế phối hợp giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo trong Đảng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý. Xây dựng đề án số 18 về *"Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát"*, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát. Định kỳ nghe UBKT báo cáo kết quả và cho ý kiến chỉ đạo, giải quyết những kiến nghị của UBKT, của tổ chức đảng cấp dưới, thường xuyên quan tâm kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát. Công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tham mưu giúp việc cho cấp uỷ được thực hiện một cách nghiêm túc, với chức năng nhiệm vụ của mình từng cơ quan đã có trách nhiệm giúp cấp uỷ kiểm tra việc thực hiện cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của đảng thuộc phạm vi do cơ quan mình phụ trách.

Trong nhiệm kỳ, cấp uỷ huyện đã tổ chức kiểm tra toàn diện tại 3 Đảng ủy, kiểm tra chuyên đề 44 tổ chức đảng và 11 đảng viên chủ chốt; giám sát chuyên đề 14 tổ chức đảng với 06 đảng viên (diện cấp ủy quản lý). Cấp ủy cơ sở đã kiểm tra được 84 chi bộ trực thuộc đảng ủy và kiểm tra 105 đảng viên; giám sát chuyên đề 18 tổ chức đảng và 50 đảng viên. UBKT các cấp đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo

liên quan đến đảng viên không để xảy ra đơn thư vượt cấp, khiếu kiện đông người; đồng thời tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo Điều 32 Điều lệ Đảng. Qua kiểm tra, giám sát cấp ủy và UBKT các cấp xét đề nghị kỷ luật nghiêm minh đối với 45 đảng viên vi phạm theo đúng quy trình, quy định *(giảm 7 đảng viên so với nhiệm kỳ trước).*

Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng trong đảng bộ đã góp phần vào việc giáo dục cán bộ, đảng viên; nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên, ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nghị quyết của các cấp ủy. Kịp thời khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; ngăn ngừa tổ chức đảng, đảng viên vi phạm kỷ luật; góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đảng viên và xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh.

Công tác Dân vận:

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong toàn hệ thống chính trị. Nội dung, phương thức vận động quần chúng ngày càng có chiều sâu và đạt nhiều hiệu quả. Đẩy mạnh các hoạt động hướng về cơ sở, nắm chắc tình hình địa bàn, tư tưởng Nhân dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, đơn thư khiếu nại, ý kiến đề xuất, những vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân..., không để bị động, không để xảy ra *"điểm nóng"* trên địa bàn. Chỉ đạo đẩy mạnh hoạt động mô hình *"Dân vận khéo"* gắn với thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới. Vận động và tạo điều kiện để các tầng lớp Nhân dân phát huy cao độ tiềm năng, sức sáng tạo trong lao động, học tập, kinh doanh, sản xuất, phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; phát huy vai trò người uy tín, người trung kiên, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ trong cộng đồng dân cư.

Công tác dân vận của chính quyền được đẩy mạnh. Đã cụ thể hóa và thực hiện kịp thời các chính sách, chương trình, dự án đầu tư xây dựng, hỗ trợ phát triển cho Nhân dân trên các lĩnh vực. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở nâng cao chất lượng công việc, tránh gây phiền hà cho Nhân dân. Kịp thời nắm bắt, lắng nghe ý kiến người dân tham gia góp ý, điều chỉnh cách thức triển khai, thực hiện các chương trình, hoạt động liên quan đến Nhân dân như chương trình Xây dựng Nông thôn mới.

Lãnh đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ, tổng kết 17 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18/2/1998 của Bộ Chính trị khóa VIII về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ công chức, viên chức và người lao động tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng. Trong những năm qua khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn huyện được giữ vững, niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố vững chắc, tạo sự đồng thuận, sức mạnh tổng hợp trong Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đề ra.

Hoạt động của chính quyền:

Hội đồng Nhân dân cấp xã đã có chuyển biến về nội dung và phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Từng bước nâng cao chất lượng các kỳ họp, tiếp xúc cử tri, đặc biệt đã quan tâm tới việc thảo luận, chất vấn tại kỳ họp. Công tác thẩm tra các nội dung trước khi trình HĐND tại các kỳ họp và giám sát việc triển khai các nghị quyết của HĐND các xã, thị trấn được chú trọng. Quan hệ công tác giữa Thường trực HĐND với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trong việc chuẩn bị, tổ chức các kỳ họp tiếp xúc cử tri, tổ chức triển khai các nghị quyết của HĐND, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ,

đúng quy chế phối hợp. Thực hiện tốt vai trò giám sát trên các lĩnh vực, qua đó đã góp phần nâng chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị hằng năm kịp thời giải quyết các công việc phát sinh từ cơ sở.

Ủy ban Nhân dân huyện và các xã, thị trấn đã bám sát nhiệm vụ của cấp uỷ các cấp, triển khai thực hiện nghiêm túc nghị quyết của cấp trên. Trong điều hành đã thực hiện tốt quy chế phối hợp với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng lên. Quá trình chỉ đạo, điều hành đã tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng củng cố bộ máy, trong xây dựng nông thôn mới, quản lý sử dụng đất đai, thu chi ngân sách, đầu tư xây dựng cơ bản, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Đã kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh những khó khăn vướng mắc ở cơ sở. Năng lực, hiệu lực quản lý điều hành của các cấp chính quyền từ huyện đến cơ sở được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hằng năm , tỷ lệ chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh đạt 70% trở lên.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể:

Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến cơ sở thường xuyên được kiện toàn, củng cố. Nội dung, phương thức hoạt động được đổi mới. Thực hiện tốt vai trò tập hợp quần chúng Nhân dân xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên. Tăng cường công tác giáo dục, kết nạp đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Chính quyền trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ, tạo điều kiện cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân về vốn vay ưu đãi, ứng dụng khoa học kỹ thuật trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội

viên và các tầng lớp Nhân dân thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước như phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Chương trình xây dựng Nông thôn mới được các tổ chức hội tập trung chỉ đạo thực hiện. Hoạt động từ thiện, nhân đạo được đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân tích cực tham gia. Qua các hoạt động trên đã vận động quyên góp ủng hộ quỹ "*Ngày vì người nghèo*" trên 1,8 tỷ đồng. Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp và làm mới gần 100 ngôi nhà Đại đoàn kết. Vận động Nhân dân hiến trên 100.000 m^2 đất ruộng, nương cho xây dựng các công trình phúc lợi và làm đường giao thông nông thôn; đóng góp gần 2,8 tỷ đồng và hàng ngàn ngày công lao động trong xây dựng Nông thôn mới. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị hằng năm có trên 80% đạt vững mạnh[206].

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng bộ huyện:

Nhận thức sâu sắc về vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị, trong nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện uỷ luôn quan tâm chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trong toàn huyện đổi mới phương thức lãnh đạo, từ việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc, đổi mới việc ban hành nghị quyết, cách thức quán triệt, cụ thể hoá nghị quyết của Đảng đến việc tuyên truyền, vận động, tổ chức kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên.

Các cấp ủy, tổ chức đảng đã chú trọng việc phát huy trí tuệ tập thể đi đôi với đề cao vai trò người đứng đầu theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Huyện uỷ duy trì tốt việc giao ban, sinh hoạt, hội họp. Ban Thường vụ tổ chức hội nghị cấp ủy đúng quy

206. Tổng hợp theo báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2015 - 2020 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010 - 2015) và báo cáo tổng kết các năm từ 2010 - 2015 của Đảng bộ huyện.

chế, quy định, thường xuyên xuống cơ sở với phương châm *"gần dân, sát cơ sở"* để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các vấn đề nảy sinh. Trong nhiệm kỳ, Thường trực, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã trực tiếp làm việc với các ngành, ban chuyên môn của huyện và các xã, thị trấn, qua đó đã giúp các đơn vị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định số 101-QĐ/TW, ngày 07 tháng 6 năm 2012 của Ban Bí thư Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Hằng năm, các chi bộ, cơ quan, đơn vị thực hiện khá nề nếp việc kiểm điểm, đánh giá kết quả khắc phục các khuyết điểm, yếu kém sau kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) và kết quả thực hiện việc học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh... Vì vậy góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của huyện[207].

Công tác bổ nhiệm, giới thiệu người tham gia ứng cử các chức danh lãnh đạo quản lý đảm bảo dân chủ, công khai, khách quan, đúng quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

Cải cách hành chính, cải cách công vụ trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể

Công tác cải cách hành chính, cải cách công vụ được triển khai đồng bộ trong hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm túc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức. Các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đã thường xuyên tổ chức triển khai thống kê, rà soát hệ thống hóa các văn bản quy phạm của ngành. Thực hiện đầy đủ các thủ tục hành chính của từng cơ quan, đơn vị theo quy định. Hoạt động cơ quan hành chính nhà nước thực hiện theo hướng công khai, minh bạch. Xây dựng và thực hiện tốt các quy chế công tác, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò người đứng

207. Báo cáo kiểm điểm BCH Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015.

đầu. Phân công rõ trách nhiệm, xác định rõ vị trí việc làm của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị, từng cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai thực hiện cải cách hành chính, cải cách công vụ trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường công khai, minh bạch; bộ phận một cửa liên thông của huyện và một cửa ở các xã, thị trấn đã tạo được sự thông thoáng, sự tin tưởng của Nhân dân, tạo sự hài lòng và giảm bớt phiền hà cho các tổ chức và Nhân dân khi đến giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị, hạn chế tình trạng tiêu cực của cán bộ công chức, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý của các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở. Bước đầu đã tổ chức triển khai nghiêm túc việc thực hiện chỉ số năng lực canh tranh cấp huyện.

*

Đánh giá chung trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân trong huyện đạt được nhiều kết quả quan trọng. Những kết quả nổi bật đó là: Kinh tế của huyện duy trì ở mức phát triển khá, bình quân đạt 11%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, so với năm 2010 tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm từ 58% xuống 47,3%; thương mại - du lịch - dịch vụ tăng từ 32,5% lên 33,9%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng từ 9,5% lên 18,8% *(đạt mục tiêu nghị quyết).* Nông nghiệp, nông thôn có sự chuyển biến mạnh mẽ. Sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng chuyên canh, đã hình thành vùng hàng hóa gắn với thị trường, nhiều sản phẩm nông nghiệp của huyện được người tiêu dùng ưa chuộng bởi yếu tố vượt trội về chất lượng. Thương hiệu sản phẩm nông nghiệp của huyện tiếp tục được củng cố trên thị trường. Công tác phát triển rừng được quan tâm đầu tư, độ che phủ rừng tăng hằng năm , góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu. Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm thực hiện, đến hết tháng 6/2015 đã hoàn thành 126/304

lượt tiêu chí. Kết cấu hạ tầng nông thôn có sự thay đổi đáng kể, đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ có nhiều chuyển biến tích cực. Thu ngân sách trên địa bàn tăng cao, bình quân tăng 15%/năm, tăng 2 lần so với nhiệm kỳ trước. Chất lượng giáo dục chuyển biến rõ nét ở tất cả các cấp học, cơ sở vật chất trường học được quan tâm đầu tư; đội ngũ cán bộ, giáo viên tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế được triển khai đồng bộ và có hiệu quả. Hoạt động văn hóa, thể thao được duy trì và phát triển, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao các dân tộc được chú trọng và nhân rộng. Các chế độ chính sách xã hội, chính sách đối với đồng bào dân tộc, phòng chống tệ nạn xã hội được triển khai kịp thời, đồng bộ có hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 6,4%/năm. Hầu hết các mục tiêu chủ yếu đều đạt và vượt so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn ổn định, biên giới quốc gia được giữ vững; thực hiện tốt công tác quân sự - quốc phòng địa phương; hoạt động đối ngoại thu được nhiều kết quả. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí được triển khai thực hiện có hiệu quả. Việc củng cố, xây dựng chính quyền, cải cách hành chính được quan tâm thực hiện. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác vận động quần chúng được phát huy. Công tác xây dựng Đảng có nhiều đổi mới, phát triển đảng viên và thành lập chi bộ độc ở những nơi khó khăn và thôn bản biên giới được chú trọng, số lượng đảng viên ở nông thôn tăng nhanh, 100% thôn bản, tổ dân phố có chi bộ độc lập, phát huy được vai trò lãnh đạo toàn diện trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ từ huyện đến cơ sở luôn được đề cao do vậy sức chiến đấu của tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ được nâng lên. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của

Bộ Chính trị được Nhân dân đồng tình ủng hộ, từng bước đi vào chiều sâu, đem lại hiệu quả thiết thực hơn, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị đã đề ra.

Đạt được những kết quả trên là do: Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ huyện thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp sát sao của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp, giúp đỡ kịp thời, có hiệu quả của các sở, ban, ngành, đoàn thể và các địa phương trong tỉnh. Những chính sách đặc thù của Đảng, Nhà nước dành cho vùng cao, biên giới với các chương trình, dự án quốc gia được đầu tư; huyện có cửa khẩu quốc gia đó là điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Luôn giữ vững sự đoàn kết, thống nhất, phát huy dân chủ trong đảng, trong xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, động viên Nhân dân tích cực thi đua lao động sản xuất, phát huy tính sáng tạo, dám nghĩ, dám làm phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đề ra.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ luôn kiên trì mục tiêu, bám sát phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu đã được xác định. Đã huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành; sự năng động, sáng tạo và phấn đấu nỗ lực của Đảng bộ đã tổ chức thực hiện, quyết liệt, đồng bộ và quan tâm toàn diện đến các lĩnh vực, có trọng tâm, trọng điểm; xác định đúng các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, các chương trình, dự án trọng điểm để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo bước đột phá.

Bên cạnh thành tựu đạt được, trong nhiệm kỳ còn một số hạn chế, khuyết điểm trên các lĩnh vực, đó là:

Cơ cấu nội ngành nông nghiệp chưa cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, các mô hình liên kết giữa *"bốn nhà"* trong sản xuất nông nghiệp chưa nhiều và chưa vững chắc. Việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa còn hạn chế, chưa có mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Chưa chủ động tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản

phẩm nông nghiệp, chưa trú trọng đến khâu chế biến sản phẩm sau thu hoạch. Công tác xúc tiến thương mại còn nhiều hạn chế.

Chất lượng một số công trình xây dựng còn thấp, tiến độ thi công chậm làm giảm hiệu quả đầu tư. Việc quản lý, khai thác và sử dụng một số công trình sau bàn giao hiệu quả chưa cao. Chương trình xây dựng nông thôn mới còn chậm; quá trình triển khai thực hiện chưa toàn diện. Một số xã thiếu chủ động, còn trông chờ vào nguồn lực của nhà nước.

Công tác quản lý đất đai, quy hoạch, xây dựng có lúc, có nơi còn buông lỏng, việc quản lý bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn còn hạn chế, tình trạng lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép còn xảy ra.

Chất lượng giáo dục THCS ở các xã vùng cao tuy đã được nâng lên, nhưng chuyển biến còn chậm. Tỷ lệ học sinh đi học chuyên cần ở các xã vùng cao có thời điểm còn thấp. Số trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia tuy vượt mục tiêu Đại hội, song vẫn chiếm tỷ lệ thấp so với tổng số trường học toàn huyện *(21/65 trường, bằng 32,3%).* Thiếu cán bộ y tế có trình độ chuyên môn sâu, hiện mới có 03/16 trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ công tác. Vệ sinh môi trường nông thôn còn chưa đảm bảo, chuyển biến chậm.

Thiết chế văn hóa ở cơ sở còn thiếu, đến nay toàn huyện mới có 04 nhà văn hóa cấp xã, 116 nhà văn hóa cấp thôn *(một số nhà đã xuống cấp).* Việc phát huy, bảo tồn văn hóa các dân tộc chưa tạo thành phong trào rộng khắp, thường xuyên, một số bản sắc văn hóa truyền thống có nguy cơ mai một; hệ thống truyền thanh ở các xã xuống cấp, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác tuyên truyền. Tỷ lệ lao động ở khu vực nông thôn đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ thấp.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là khu vực nông thôn còn có những diễn biến phức tạp. Mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy chưa giảm, với tính chất thủ đoạn ngày càng tinh vi.

Công tác giáo dục tư tưởng chính trị của một số tổ chức cơ sở Đảng chưa có chiều sâu. Chất lượng sinh hoạt ở một số chi bộ còn hạn chế. Một số cán bộ lãnh đạo xã, thị trấn còn chưa đạt chuẩn theo quy định. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công tác kiểm tra, giám sát có nơi chưa thường xuyên. Công tác dân vận ở một số cơ quan đơn vị và cơ sở có lúc thiếu chủ động.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, điều hành của chính quyền của một số địa phương chưa sâu sát, thiếu quyết liệt, hiệu quả chưa cao. Việc đổi mới phương thức hoạt động của MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội ở một số cơ sở chưa đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của đoàn viên, hội viên và yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*" hiệu quả chưa cao. Việc phát hiện, nhân rộng gương điển hình của tổ chức, cá nhân học tập và làm theo Bác chưa được quan tâm đúng mức.

Thực hiện nề nếp và tuân thủ các quy định trong cải cách hành chính, cải cách công vụ trên các lĩnh vực tuy có chuyển biến, song nhận thức và triển khai ở một số cơ quan, đơn vị thiếu toàn diện, giải quyết công việc chưa theo kế hoạch, có lúc, có nơi giải quyết công việc còn sự vụ.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do:

Nguyên nhân khách quan: Chủ yếu do tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới, khu vực, tình hình tranh chấp biển đảo, các thế lực thù địch luôn lợi dụng tôn giáo, dân tộc thực hiện âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Mường Khương là huyện vùng cao biên giới, nhiều dân tộc, trình độ dân trí không đồng đều, tỷ lệ hộ nghèo còn cao; xuất phát điểm về kinh tế thấp, nhu cầu đầu tư lớn trong khi đó nguồn vốn nhà nước và trong dân còn hạn chế. Thiên

tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra; là huyện có đường biên giới dài chủ yếu là trên đất liền, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia phức tạp, nặng nề. Một số cơ chế chính sách hỗ trợ cho vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong khi thực hiện có sự thay đổi, chưa hợp lý; tuyến quốc lộ (4D) từ tỉnh vào huyện xuống cấp nghiêm trọng gây khó khăn rất lớn cho huyện trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn.

Nguyên nhân chủ quan: Trong lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, một số chỉ tiêu khi xây dựng chưa sát tình hình thực tế, chưa lường hết các yếu tố khó khăn trong quá trình thực hiện; chưa quan tâm thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Các doanh nghiệp, các tổ chức chưa tham gia nhiều vào khâu chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm; một số ít hợp tác xã chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, quản lý theo phương thức cũ kém hiệu quả. Chưa có nhiều giải pháp đột phá nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng. Một số cấp uỷ đảng chưa quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; quá trình lãnh đạo chưa chủ động, chưa sâu sát ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là ở cơ sở mất cân đối về cơ cấu ngành, lĩnh vực, hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực cá nhân. Công tác điều hành của một số đơn vị, địa phương có lúc thiếu sâu sát, chưa khoa học; có nơi còn biểu hiện cục bộ, thiếu dân chủ.

Từ những thành tích và hạn chế trên, Đảng bộ huyện đã rút ra bài học kinh nghiệm:

Một là: Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, không ngừng củng cố, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng bộ và cả hệ thống chính trị. Bảo đảm các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng,

đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Đẩy mạnh thực hiện tốt việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và cán bộ chủ chốt, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

Hai là: Khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng của huyện, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo của Nhân dân để biến những khó khăn thành lợi thế. Xây dựng quy hoạch và thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn, kết hợp với đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, du lịch. Bám sát thực tiễn, diễn biến tình hình trong tỉnh, trong nước, khu vực và thế giới, dự báo đúng tình hình, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp tạo sức mạnh tổng hợp ứng phó hiệu quả, giảm thiểu những tác động từ bên ngoài, duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội.

Ba là: Phát triển kinh tế - xã hội đồng thời phải tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia trong mọi tình huống. Đồng thời luôn chủ động thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định, hợp tác. Lấy ngoại giao Nhân dân là chủ đạo nhằm giải quyết tốt các vấn đề trên biên giới.

Bốn là: Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành luật pháp của cán bộ công chức, tăng cường kỷ cương, pháp luật trong xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng gương người tốt, việc tốt gắn công tác giáo dục rèn luyện đánh giá cán bộ công chức với công tác kiểm tra, giám sát, thực

hành tiết kiệm phòng chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác trong quá trình thực thi công vụ.

Năm là: Phát triển kinh tế phải đi đôi với đảm bảo an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; chú trọng công tác vận động quần chúng, mở rộng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội, quy chế dân chủ cở sở; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ, viên chức trong việc tham gia xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, tạo sức mạnh tổng hợp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Sáu là, Phải nắm chắc tình hình cơ sở, nhất là diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội, nguyện vọng của Nhân dân, quản lý tốt địa bàn, kịp thời phát hiện các vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở để giải quyết kịp thời; phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ và ý thức, trách nhiệm của người dân trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội[208].

208. Tổng hợp theo báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2015 - 2020 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2010 - 2015) và báo cáo tổng kết các năm từ 2010 - 2015 của Đảng bộ huyện.

Chương VIII
ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, THỰC HIỆN XOÁ ĐÓI - GIẢM NGHÈO (2015 - 2020)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, đất nước ta tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng cao và ổn định; nền kinh tế thị trường định hướng XHCN tiếp tục được khẳng định. Chương trình Xây dựng nông thôn mới diễn ra sôi nổi và đạt kết quả bước đầu; đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm; quốc phòng - an ninh được tăng cường; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Mường Khương nói riêng tiếp tục phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội được đầu tư trọng tâm, trọng điểm đã mang lại hiệu quả thiết thực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hằng năm đạt trên 10%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; văn hóa - xã hội được quan tâm phát triển. Cải cách hành chính và các chính sách đổi mới được thực hiện hiệu quả đã tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

Thành tựu đạt được qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020, đặc biệt là chương trình Xây dựng nông thôn mới tiếp tục làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Đời sông Nhân dân nhanh chóng được cải thiện; văn hoá xã hội tiếp tục

khởi sắc; kết cấu hạ tầng từng bước được kiên cố hoá...Những kết quả phát triển đột phá đạt trong 5 năm về kinh tế - xã hội đã tạo động lực tinh thần để Nhân dân trong huyện đẩy mạnh cuộc phong trào Chung sức xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện Chỉ thị 36 - CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị và kế hoạch của Tỉnh uỷ, Huyện ủy về *đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng,* những tháng đầu năm 2015 Đảng bộ huyện lãnh đạo các chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức cho cán bộ, đảng viên tham gia góp ý vào các văn kiện dự thảo trình Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Tháng 9/2015 Đảng bộ tỉnh Lào Cai tổ chức Đại hội lần thứ XV (nhiệm kỳ 2015 - 2020), Đại hội Đảng bộ tỉnh có chủ đề *"Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; đoàn kết, dân chủ, đổi mới; đưa Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc"*. Đại hội Đảng bộ tỉnh quán triệt tư tưởng chỉ đạo chung là :Tập trung nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.... Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo bền vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là nông dân; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông, khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chủ động bảo vệ môi trường tự nhiên, xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh; giữ gìn biên giới hoà bình, hữu nghị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2020, Lào Cai trở thành tỉnh phát triển của khu vực Tây Bắc[209].

Sau Đại hội, Tỉnh ủy Lào Cai xây dựng 4 chương trình, 19 đề án trọng tâm thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu giai đoạn 2015 - 2020 do Đại hội tỉnh đề ra.

209. Báo cáo Chính trị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Đầu năm 2016, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng khai mạc. Kế thừa và phát huy những thành tựu, bài học kinh nghiệm của 30 năm đổi mới, Đại hội Đảng toàn quốc đề ra ra mục tiêu tổng quát: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân...[210].

Nghị quyết Đại hội Đảng cấp trên định hướng cho Đảng bộ các xã xây dựng chương trình hành động lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp phù hợp với đặc điểm địa phương.

II. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020

Thực hiện kế hoạch của Tỉnh uỷ, từ ngày 22 đến 24/7/2015 tại hội trường Uỷ ban Nhân dân huyện Mường Khương***, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020***.

Đại hội quán triệt tư tưởng chỉ đạo trong nhiệm kỳ là: Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Tập trung khai thác tiềm năng, lợi thế của huyện, kết hợp khai thác nội lực với thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài; chú trọng chất lượng tăng trưởng; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, giảm nghèo bền vững; tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo vệ và cải thiện tốt môi trường sinh thái; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội. Duy trì hoạt động đối ngoại, bảo vệ vững

210. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII - Nhà Xb Chính trị quốc gia. Hà Nội 2016.

chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát đến trong 5 năm 2015 - 2020:

Nâng cao năng lực lãnh đạo của toàn Đảng bộ, phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới là trọng tâm, trong đó lấy chăn nuôi là khâu đột phá. Phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ là quan trọng. Xây dựng văn hóa con người Mường Khương là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực để phát triển.

Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, y tế và các hoạt động văn hoá, xã hội. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn. Thực hiện giảm nghèo bền vững; giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội và bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai hiệu quả; trú trọng công tác quản lý xã hội. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, giữ gìn biên giới hòa bình, hữu nghị. Phấn đấu đưa huyện Mường Khương sớm ra khỏi diện đặc biệt khó khăn[211].

Đại hội thảo luận thông qua 20 chỉ tiêu cụ thể đến năm 2020:

Về phát triển kinh tế:

(1) Cơ cấu kinh tế của huyện: Nông lâm nghiệp 42,7%; thương mại, dịch vụ, du lịch 34,7%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 22,6%.

211. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2015 - 2020.

(2) Thu nhập bình quân đầu người từ 30 triệu đồng/người/năm trở lên.

(3) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 32.500 tấn/năm; Giá trị thu hoạch sản phẩm trên 1 ha đất canh tác đạt 55 triệu đồng/năm.

(4) Trồng rừng mới 2.250 ha trở lên, khoanh nuôi tái sinh 400 ha; đến năm 2020 tỷ lệ che phủ rừng đạt 50%.

(5) Trồng chè mới từ 700 ha trở lên, trong đó chè vùng cao 500 ha chè vùng thấp 200 ha, phấn đấu đến 2020 toàn huyện có trên 3000 ha chè. Trồng mới từ 200 ha quýt trở lên.

(6) Tăng tổng đàn gia súc 5-6%/năm. Dần hình thành các trang trại, gia trại từng bước chuyển sang chăn nuôi hàng hóa.

(7) Phấn đấu đến năm 2020 toàn huyện có 4 - 5 xã, thị trấn đạt chuẩn nông thôn mới. Riêng hệ thống đường giao thông nông thôn, phấn đấu 90% thôn bản có đường bê tông hoặc cấp phối ô tô đi lại được.

(8) Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt trên 150 tỷ đồng/năm.

(9) Tổng lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến địa bàn bình quân 10.000 lượt khách/năm.

(10) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2015 đạt 35 tỷ đồng, bình quân tăng hằng năm trên 10%/năm *(không tính ghi thu ngân sách và thuế xuất nhập khẩu).*

Về văn hoá, xã hội:

(11) Huy động trẻ đi học mẫu giáo (3-5 tuổi) đạt 98%; trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; trẻ từ 6 -14 tuổi đi học đạt 99%; phấn đấu có trên 70% học sinh tốt nghiệp THCS đi học THPT, THCN và học nghề. Duy trì vững chắc, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, phấn đấu có 50% số trường đạt chuẩn quốc gia.

(12) Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,7%; tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt từ 90% trở lên; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5

tuổi suy dinh dưỡng theo thể cân nặng xuống còn 18%. Số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%.

(13) Phấn đấu hằng năm có trên 75% số thôn, bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 98% cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đạt văn hóa; hằng năm có trên 70% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 75% số thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa. Tỷ lệ hộ xem được truyền hình Việt Nam 93%; Tỷ lệ nghe được Đài tiếng nói Việt Nam 98%.

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo bình quân hằng năm đạt 35%. Hằng năm đào tạo nghề và tạo việc làm mới cho trên 1.000 lao động.

(15) Đến năm 2020 đảm bảo 98% dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% thôn bản có điện lưới quốc gia, 95% số hộ dân được sử dụng điện.

(16) Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân từ 4-5%/năm *(theo tiêu chí hiện tại).*

(17) Ổn định dân cư, hạn chế thấp nhất tình trạng phụ nữ bỏ đi khỏi địa phương, người dân xuất cảnh trái phép đi lao động nước ngoài, ngăn chặn tình trạng di cư tự do, tuyên truyền đạo giáo trái pháp luật xảy ra.

Về quốc phòng, an ninh:

(18) Phát triển lực lượng dân quân tự vệ đạt trên 2% so dân số, trong đó tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 25% trở lên. Tăng cường đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương có chất lượng tổng hợp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an ninh nông thôn.

Về xây dựng hệ thống chính trị:

(19) Kết nạp từ 200 đảng viên mới/năm trở lên; duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thôn bản, phấn đấu không còn chi bộ có dưới 5 đảng viên.

(20) Phấn đấu hằng năm số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh đạt trên 50%; trên 85% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; chính quyền huyện đạt vững mạnh; 80% chính quyền xã, thị trấn vững mạnh, không có chính quyền cơ sở yếu kém. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp huyện 100% đạt TSVM, cấp cơ sở 100 đạt khá trở lên, trong đó có 85% đạt vững mạnh. Hằng năm Đảng bộ huyện đạt trong sạch vững mạnh[212].

Đại hội thống nhất các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện mục tiêu

Về phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Thực hiện tái cơ cấu trồng trọt theo hướng nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm gắn với phát huy lợi thế của từng xã, cụm xã. Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu; giảm tổn thất sau thu hoạch. Duy trì ổn định diện tích cây lương thực, tăng cường thâm canh tăng vụ nhằm nâng cao năng suất, sản lượng và đảm bảo an ninh lương thực. Từng bước tiếp cận với ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở một số loại cây trồng, vật nuôi phù hợp. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đảm bảo theo quy hoạch, coi trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và nâng cao chất lượng, năng suất vùng lúa đặc sản Séng cù; đầu tư quy trình công nghệ chăm sóc, cải tạo thay thế dần những vườn cây ăn quả đã già cỗi, năng suất thấp, nguy cơ nhiễm sâu bệnh bằng các giống tốt hơn; xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa theo quy trình VietGAP. Tập trung phát triển ổn định và thâm canh cây trồng có giá trị kinh tế cao như: cây chè ở các xã vùng thấp: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình. Đầu tư phát triển chè chất lượng cao ở các xã khu vực Cao Sơn; hình thành vùng quýt ở xã: Tả Ngài Chồ, Nậm Chẩy, Tung Chung Phố, thị trấn Mường Khương.

212. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Phát triển ổn định và nâng cao chất lượng cây chuối ở xã Bản Lầu, Nậm Chảy, Lùng Vai; cây dứa ở Bản Lầu; cây lê ở các xã Pha Long, Dìn Chin; cây ớt ở các xã, thị trấn trong huyện. Từng bước nghiên cứu để tạo ra sản phẩm sau chế biến từ nông sản.

Phát triển đàn lợn đen địa phương đáp ứng nhu cầu của thị trường gắn với an toàn dịch bệnh, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào xử lý môi trường trong chăn nuôi; cải tiến và nâng cao chất lượng đàn giống và chủ động nguồn giống cũng như quy trình nuôi dưỡng. Phát triển đàn gia súc, gia cầm theo mô hình trang trại, gia trại chăn nuôi an toàn (trâu, bò, dê, lợn đen bản địa, gà đen...). Tập trung hình thành mô hình trồng cỏ nuôi nhốt gia súc, đặc biệt là ở các xã vùng cao khó khăn, thường xuyên khô hạn (Dìn Chin, Tả Gia Khâu, Tả Thàng...). Chủ động nghiên cứu phát triển đàn ngựa, đàn dê một cách hợp lý. Tiếp tục mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản ở các xã vùng thấp thay các chân ruộng hiệu quả sản xuất thấp, coi trọng nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua phương pháp nuôi cá sạch, an toàn dịch bệnh. Hình thành vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè tại các xã (Tả Thàng, Cao Sơn, Lùng Khấu Nhin, Tả Gia Khâu...) thuộc vùng lòng hồ thủy điện Cốc Ly. Từng bước nghiên cứu và tổ chức sản xuất các sản phẩm sau chế biến (thịt trâu, bò khô, cá sấy...).

Tập trung phát triển rừng sản xuất, rừng phòng hộ để cung cấp nguyên liệu và bảo vệ môi trường sinh thái. Thay đổi cơ cấu cây trồng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và hạn chế sâu bệnh, trong đó cần tập trung ưu tiên phát triển cây keo, cây xoan ta, cây trẩu, cây hồi, cây sơn tra, cây tông dù (xoan rừng), cây quế... hạn chế dần phát triển cây sa mộc. Xây dựng, triển khai nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế lâm nghiệp có hiệu quả.

Xây dựng nông thôn mới: Tích cực lồng ghép các nguồn lực đầu tư theo hướng xã hội hóa để xây dựng nông thôn mới. Trong đó tập trung thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao đời sống Nhân dân và

giảm nghèo bền vững; phát triển kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện của huyện. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất tiên tiến, hiệu quả nhằm phát triển sản xuất từ cơ sở, coi thúc đẩy sản xuất nông - lâm nghiệp là công tác trọng tâm trong xây dựng nông thôn mới. Trước mắt trong khi nguồn lực từ ngân sách Nhà nước còn hạn chế, việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng sẽ gặp khó khăn, các cấp ủy, chính quyền cần tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chủ động thực hiện các tiêu chí: vệ sinh môi trường, văn hóa, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, an ninh trật tự, hệ thống chính trị... Nhân rộng các mô hình, điển hình về xây dựng nông thôn mới để các nơi thi đua, học tập lẫn nhau, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai thực hiện. Phấn đấu đến năm 2020 toàn huyện có 4 - 5 xã, thị trấn đạt nông thôn mới, các xã còn lại mỗi năm đạt bình quân từ 2 tiêu chí trở lên.

Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại-du lịch, dịch vụ: Tích cực triển khai xúc tiến đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có các hoạt động đầu tư vào lĩnh vực chế biến nông sản, nhất là những sản phẩm nông sản đặc thù của huyện có giá trị kinh tế cao. Phát triển các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đá, gạch không nung theo quy hoạch đã được phê duyệt. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở sản xuất công nghiệp hiện có trên địa bàn phát triển góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Duy trì và giữ vững các thương hiệu sản phẩm hiện có. Tiếp tục thực hiện các quy trình đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm đang có uy tín trên thị trường *(lạp sườn, gạo séng cù, rượu ngô, lợn đen bản địa...)*, đồng thời nghiên cứu tạo ra các sản phẩm mới *(bánh, kẹo, nước hoa quả ép, sirô, rượu ủ, thịt trâu, bò sấy...)*, đồ lưu niệm từ các sản phẩm gỗ thông, mây tre đan, vải thêu...

Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng thương mại - du lịch - dịch vụ *(như chợ, trung tâm thương mại, siêu thị, các tuyến, điểm du lịch…)*, nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thương mại - du lịch - dịch vụ. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ cho sản xuất, đời sống như: Dịch vụ bưu chính - viễn thông, dịch vụ vận tải, dịch vụ phân phối, dịch vụ phục vụ phát triển du lịch... Tích cực phối hợp với các cơ quan, ban ngành của tỉnh trong việc đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến, điểm du lịch trên địa bàn huyện để từ đó khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển các loại hình dịch vụ cho du lịch tại địa phương.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, giữ thị trường ổn định, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ hằng năm là 15%/năm.

Về tài chính - tín dụng:

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tài chính. Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách Nhà nước, đồng thời quan tâm nuôi dưỡng nguồn thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn một cách bền vững. Quản lý chặt chẽ các hoạt động thu, chi ngân sách Nhà nước. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chi, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong công tác quản lý ngân sách Nhà nước. Tiếp tục khai thác nguồn lực từ đất, tạo nguồn lực cho nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện tốt công tác quy hoạch các điểm lẻ để giải quyết nhu cầu đất ở cho Nhân dân, tổ chức đấu giá các lô đất có lợi thế để tăng thu cho ngân sách. Phấn đấu thu NSNN hằng năm vượt chỉ tiêu tỉnh giao bình quân từ 10% trở lên.

Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh tế và đảm bảo an

sinh xã hội. Tăng cường phối hợp giữa hệ thống chi nhánh ngân hàng trên địa bàn với các phòng, ban, ngành của huyện trong việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng đối với các lĩnh vực có liên quan. Tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất kinh doanh.

Về quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:

Quản lý thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2020, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các khu dân cư mới có kết cấu hạ tầng thiết yếu đảm bảo ổn định cuộc sống và phát triển bền vững (thị trấn Mường Khương, thị tứ Bản Lầu, các trung tâm xã), đồng thời chỉnh trang các khu dân cư hiện có từng bước theo quy hoạch để đảm bảo điều kiện sống ngày càng được nâng cao. Phấn đấu mỗi xã, thị trấn có một khu dân cư kiểu mẫu; thị trấn Mường Khương đạt tiêu chí thị trấn văn hóa tiêu biểu. Tích cực thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển và sử dụng có hiệu qủa các nguồn vốn đầu tư. Huy động mạnh mẽ nguồn lực trong Nhân dân, thực hiện chủ trương "xã hội hóa - Nhà nước và Nhân dân cùng làm" để bê tông hóa đường giao thông nông thôn, kiên cố hóa kênh mương, nhà văn hóa, chợ... Nâng cao năng lực quản lý điều hành của các chủ đầu tư. Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của huyện, xã, đồng thời tăng cường giám sát cộng đồng theo quy định.

Tài nguyên - môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu:

Chủ động phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh tiến hành điều tra, kiểm kê, đánh giá tiềm năng về tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản làm cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn, đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước. Tăng cường quản lý đất đai, giải quyết dứt điểm các

tranh chấp về đất đai, lấn chiếm trái phép, tự ý chuyển đổi mục đích, quản lý chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, đặc biệt là những vùng quy hoạch chuyên canh, sản xuất hàng hóa... Thường xuyên làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý nghiêm, dứt điểm các sai phạm đảm bảo nghiêm minh trong thi hành pháp luật tại địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là công tác thu gom, xử lý rác thải tại các trung tâm xã, thị trấn.

Chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, nhằm hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực của biến đối khí hậu đối với đời sống Nhân dân.

Về phát triển văn hóa - xã hội:

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện, tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện về chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các xã vùng thấp, trong đó có giáo dục mũi nhọn; giáo dục đại trà ở vùng cao. Củng cố và ổn định mạng lưới trường, lớp đáp ứng yêu cầu dạy và học. Đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, duy trì bền vững và chất lượng phổ cập giáo dục ở các cấp học.

Thực hiện tốt chính sách phát triển giáo dục, công tác hướng nghiệp, phân luồng sau trung học cơ sở, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường học, cơ sở đào tạo và dạy nghề, Phấn đấu đến 2020 có 90% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đẩy mạnh xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia. Chuẩn bị tốt các điều kiện thành lập trường liên cấp THCS và THPT ở khu vực Pha Long.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe Nhân dân. Duy trì tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân

dân giai đoạn 2015-2020; thực hiện có hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng tham gia và thụ hưởng các chế độ bảo hiểm y tế, hướng tới mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân. Quan tâm nâng cao chất lượng dân số, nhất là tại các xã khó khăn. Quản lý tốt các cơ sở y, dược tư nhân trên địa bàn. Tập trung mọi nguồn lực đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế để tiếp tục duy trì và xây dựng xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"*. Tăng cường đầu tư trang bị cơ sở vật chất, củng cố, xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm văn hoá thông tin, thư viện, câu lạc bộ, hệ thống loa truyền thanh; Đài truyền thanh - truyền hình huyện và các kênh thông tin khác; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

Có biện pháp và cơ chế khuyến khích xã hội hoá các loại hình hoạt động văn hoá như các câu lạc bộ, đội nhóm văn nghệ quần chúng ở cơ sở, các cơ quan, ban, ngành; quan tâm phát triển các câu lạc bộ bảo tồn, lưu giữ dân ca, dân vũ của các dân tộc thiểu số trên địa bàn. Gìn giữ, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đã được công nhận, chú trọng quan tâm tới xây dựng văn hóa con người, gia đình ấm no hạnh phúc, nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của Nhân dân, ngăn chặn và đẩy lùi các tập tục lạc hậu và tệ nạn xã hội. Nâng cao chất lượng chương trình phát thanh, truyền hình, phát huy hiệu quả của các phương tiện thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức và hiểu biết của Nhân dân về vai trò của công nghệ thông tin. Đổi mới phương thức quản lý, khai thác, cung cấp thông tin và dịch vụ công góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

Đẩy mạnh các phong trào thể dục, thể thao quần chúng, nâng cao sức khỏe Nhân dân. Duy trì phát triển các môn thể thao dân tộc và các môn thể thao có thế mạnh của huyện. Thực hiện xã hội hoá công tác thể dục, thể thao và khuyến khích xây dựng một số cơ sở luyện tập thể dục thể thao, nhà thi đấu, sân tenis... để phục vụ nhu cầu của Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2020 có 25% dân số thường xuyên tập thể thao.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh, qua đó tạo việc làm, thu hút lao động trên địa bàn. Khuyến khích phát triển ngành nghề sử dụng nhiều lao động nhằm đáp ứng nhu cầu việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp; tăng cường các hoạt động thông tin thị trường lao động, dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động. Đẩy mạnh hoạt động vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm, giảm nghèo, trong đó quan tâm đến nguồn đóng góp xã hội. Chú trọng đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, đồng thời có các giải pháp hiệu quả khuyến khích hộ nghèo chủ động thoát nghèo bền vững, hạn chế tối đa số hộ tái nghèo và phát sinh nghèo. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo và các vấn đề xã hội khác.

Đảm bảo chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội và người có công với cách mạng, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Nâng cao chất lượng các hoạt động *"Đền ơn đáp nghĩa"*, đảm bảo các đối tượng chính sách có mức sống trên mức trung bình của người dân tại địa phương. Triển khai tốt các chương trình chăm sóc trẻ em có hoàn

cảnh đặc biệt khó khăn, chương trình hành động về người cao tuổi, Pháp lệnh người tàn tật, thực hiện tốt các chính sách xã hội, tích cực xã hội hóa hoạt động hỗ trợ các đối tượng yếu thế tại cộng đồng.

Quốc phòng - an ninh, đối ngoại, công tác nội chính:

Tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quân sự, quốc phòng địa phương; tiếp tục hoàn thiện củng cố quốc phòng - an ninh trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang huyện ngày càng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực hiện tốt công tác huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh, luôn sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt quy chế phối hợp. Xây dựng khu vực phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng, an ninh nông thôn, phòng chống *"diễn biến hoà bình"* của các thế lực thù địch. Củng cố, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đảm bảo trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước về công tác quốc phòng - an ninh, tư pháp, phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy. Phấn đấu tỷ lệ phá án hằng năm đạt 85%, án rất nghiêm trọng đạt 95% trở lên; giảm dần cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông.

Duy trì và nâng cao chất lượng giao ban công tác nội chính hàng tháng. Đẩy mạnh công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nội chính. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nâng cao nhận thức chấp hành pháp luật của người dân.

Thực hiện tốt việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực. Nâng cao quản lý nhà nước về an ninh trật tự, kiềm chế gia tăng tội phạm và tệ nạn xã hội, phát huy phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

Thực hiện tốt việc tiếp công dân, giải quyết cơ bản đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Mở rộng, phát triển quan hệ đối ngoại với huyện Hà Khẩu, Mã Quan tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tổ chức phi chính phủ và các địa phương trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển. Tăng cường hoạt động giao lưu hữu nghị giữa Nhân dân biên giới tạo điều kiện cho các xã, thôn biên giới và đồn, trạm biên phòng, Công an huyện thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị.

Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị:

Tập trung chỉ đạo, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh giải pháp chống suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI*) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* và Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tích cực đấu tranh có hiệu quả với các quan điểm sai trái, thù địch, chủ động phòng chống nguy cơ *"tự diễn biến", "tự chuyển hoá"* trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; nâng cao cảnh giác cách mạng, chống âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Nâng cao chất lượng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng chương trình hành động thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng đến cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân, đảm bảo phù hợp, sát thực

tế địa phương, đơn vị. Tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Chỉ đạo đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy của Trung tâm Chính trị huyện; thường xuyên bổ sung, kiện toàn nâng cao hiệu quả hoạt động và ý thức trách nhiệm của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Phát huy ưu thế của Ban tuyên vận xã, Tổ tuyên vận thôn bản, kết hợp chặt chẽ công tác tuyên truyền với vận động, tập trung tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chủ động nắm tình hình đời sống của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, định hướng tư tưởng và củng cố niềm tin của các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn, có tính ổn định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ ngày càng cao, đáp ứng được yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Thực hiện tốt các khâu trong công tác cán bộ, kiên quyết thay thế những cán bộ, công chức, viên chức không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Phấn đấu đội ngũ cán bộ huyện có trình độ đại học đạt trên 85%; Cán bộ cơ sở có trình độ văn hoá trung học phổ thông đạt trên 90% trở lên, cơ bản có trình độ trung cấp chuyên môn trở lên, tăng tỷ lệ cán bộ có trình độ đại học.

Tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các giải pháp về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Hướng dẫn số 09-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt. Thực hiện tiêu chuẩn hóa chức danh trong bố trí, sử dụng cán bộ, mạnh dạn bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với cán bộ trẻ có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác tốt. Chủ động tích cực trong công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, trong đó chú trọng tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng, từng cấp ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, chấn chỉnh, xử lý các tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

Cấp ủy các cấp chủ động nắm chắc tình hình cơ sở, kịp thời giải quyết những vướng mắc trong Nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo, công tác dân vận của hệ thống chính trị, quan tâm phát huy vai trò của đội ngũ những người có uy tín ở cơ sở và nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác bảo vệ chính trị nội bộ đảm bảo yêu cầu trong tình hình mới.

Tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng: Chỉ đạo quyết liệt, nâng cao chất lượng ban hành các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kết hoạch, kết luận,... chỉ đạo của cấp ủy các cấp, trong đó chú trọng ban hành các nghị quyết chuyên đề, văn bản chỉ đạo giải quyết khâu yếu, việc khó. Khuyến khích sự năng động, sáng tạo của các cấp uỷ đảng; nâng cao năng lực dự báo tình hình; phát hiện hạn chế yếu kém để khắc phục. Thường xuyên chỉ đạo rà soát, bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc, quy chế phối hợp, chương trình công tác, lề lối làm việc. Xác định rõ phạm vi, trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân ở cương vị, chức trách được giao trên từng lĩnh vực.

Hội đồng Nhân dân các cấp phát huy vai trò cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương; nâng cao hiệu quả chất vấn tại các kỳ họp, tăng cường giám sát việc thực hiện các chính sách tại địa phương; chuẩn bị tốt nhân sự, thực hiện các bước bầu cử Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021, nâng cao chất lượng đại biểu và hoạt động của Hội đồng Nhân dân các cấp, nhất là đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp cơ sở.

Nâng cao chất lượng hoạt động, điều hành của bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở. Làm tốt công tác tuyển dụng và bố trí, sắp xếp công chức cấp xã theo vị trí việc làm, thực hiện công tác đào

tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã, chủ động từng bước chuẩn hóa cán bộ, công chức xã theo kế hoạch.

Lãnh đạo thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, tham gia xây dựng và thực hiện có hiệu quả các mục tiêu nghị quyết đại hội đề ra, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác, giải quyết kịp thời các khó khăn, bức xúc tại cơ sở.

Kiện toàn, củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở. Tiếp tục phân cấp quản lý, nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở. Đẩy mạnh cải cách hành chính ở các cấp, các ngành đảm bảo công khai minh bạch, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, tạo sự hài lòng đối với công dân, tổ chức, doanh nghiệp khi đến làm việc, giao dịch tại các cơ quan nhà nước. Hướng mạnh về cơ sở, tập trung tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và có những giải pháp chỉ đạo kịp thời.

Triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của tỉnh về đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DCI). Xây dựng trụ sở làm việc các cơ quan đơn vị từ huyện đến cơ sở văn minh, sạch đẹp; thực hiện nghiêm túc chỉ thị 06/CT-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về tăng cường công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ.

Thực hiện tốt công tác dân vận của chính quyền các cấp, quy chế phối hợp giữa chính quyền với Ủy ban MTTQ và đoàn thể các cấp; tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ chính trị; Chỉ thị 1973/CT-CP của Chính phủ về đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; các quy định về tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể: Thực hiện tốt tư tưởng, quan điểm đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa XI) về *"Tăng cường và đổi*

mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới". Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp theo hướng gần dân, sát cơ sở. Phát hiện và tham mưu giải quyết tốt các vấn đề xã hội quan tâm, nhất là các vấn đề liên quan đến chính sách dân tộc, tôn giáo, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tập hợp, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội. Xây dựng và duy trì có kết quả các phong trào, cuộc vận động, mô hình hoạt động đảm bảo tính bền vững, phù hợp với tình hình của địa phương.

Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 tiếp tục khẳng định quyết tâm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong huyện, tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, dân chủ, năng động sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, tinh thần tự chủ, sáng tạo khai thác tiềm năng, lợi thế, nắm vững thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết đại hội đảng bộ huyện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020, xây dựng huyện Mường Khương phát triển, sớm ra khỏi diện đặc biệt khó khăn[213(104)].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020 *gồm 37 uỷ viên, trong đó 12 đồng chí được bầu là uỷ viên Ban Thường vụ. Thường trực gồm 3 đồng chí: Đồng chí Hà Thị Nga giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Nguyễn Chí Sử là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Hoàng Trung Giang - Uỷ viên Ban Thường vụ - Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân huyện[214].* Các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành đều đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng. Từ tháng 01/2016, đồng chí Đặng Đình Chung được bầu giữ chức vụ

213. Báo cáo Chính trị tại Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2015 - 2020 (Phần phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp).
214. Theo Quyết định số 1309 - QĐ/TU ngày 06/8/2015 của Tỉnh uỷ Lào Cai về Chuẩn y BCH Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2015 - 2020..

Phó Bí thư Thường trực Huyện uỷ thay đồng chí Nguyễn Chí Sử; tháng 8/2015 đồng chí Phan Quốc Nghĩa được bầu là Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện thay đồng chí Hoàng Trung Giang.

III. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020

1. Cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp

Ngay sau Đại hội, Đảng bộ xây dựng 5 chương trình trọng tâm với 15 đề án cụ thể trên các lĩnh vực nhằm thực hiện thắng lới Nghị quyết Đại hội.

Chương trình 1: Quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng, quản lý và phát triển các thương hiệu: Gồm 06 đề án:

Đề án 1: Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu chè gắn với chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đề án 2: Tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển vùng quýt gắn với xây dựng và quản lý thương hiệu quýt Mường Khương.

Đề án 3: Quy hoạch phát triển vùng ớt gắn với chế biến nâng cao chất lượng sản phẩm tương ớt Mường Khương.

Đề án 4: Phát triển chăn nuôi hàng hóa.

Đề án 5: Tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển rừng sản xuất.

Đề án 6: Quy hoạch phát triển vùng lúa đặc sản Séng cù theo tiêu chí "*Cánh đồng lớn*".

Chương trình 2: Phát triển du lịch: Gồm 01 đề án

Đề án 7: Xây dựng các Làng văn hóa nhằm bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống và phục vụ phát triển du lịch.

Chương trình 3: Phát triển văn hóa - xã hội: Gồm 03 đề án

Đề án 8: Nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia.

Đề án 9: Xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế.

Đề án 10: Đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

Chương trình 4: Quốc phòng - an ninh: Gồm 01 đề án.

Đề án 11: Tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng đảm bảo an ninh nông thôn.

Chương trình 5: Xây dựng củng cố hệ thống chính trị: Gồm 04 đề án.

Đề án 12: Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ cơ sở.

Đề án 13: Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị.

Đề án 14: Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các chi bộ dưới cơ sở.

Đề án 15: Cải cách hành chính, nâng cao năng lực điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hằng năm, Đảng uỷ chỉ đạo tiếp tục phát động phong trào Xây dựng nông thôn mới gắn với xoá đói giảm nghèo bền vững. Qua 5 năm lãnh đạo thực hiện 5 chương trình trọng tâm và 15 đề án đã đem lại cho huyện những kết quả quan trọng[215].

2. Kết quả lãnh đạo phát triển kinh tế

Bước vào thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong nhiệm kỳ, huyện Mường Khương có nhiều thuận lợi nhưng cũng có những khó khăn nhất định: *Thuận lợi cơ bản là:* Đảng, Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội cho miền núi, biên giới, vùng dân tộc thiểu số. Huyện tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; sự ủng hộ, hợp tác của nhiều tổ chức, các huyện trong và ngoài tỉnh. Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân các dân

215. Chương trình công tác trọng tâm của BCH Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2015 - 2020.

tộc huyện Mường Khương luôn đoàn kết, thống nhất. Bên cạnh đó, huyện Mường Khương có một số lợi thế đặc thù về đất đai, tiểu vùng khí hậu thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, xuất nhập khẩu và du lịch. Những thành tựu của giai đoạn trước đã tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII.

Tuy nhiên, Mường Khương cũng phải đối mặt với những khó khăn là: Năm 2020, đại dịch Covid -19 bắt đầu bùng nổ và diễn biến phức tạp, tác động và ảnh hưởng đến đời sống Nhân dân và tình hình sản xuất, kinh doanh, thu ngân sách của huyện. Do đặc thù khó khăn một huyện vùng cao, biên giới, đa dân tộc, có địa hình chia cắt, biến đổi khí hậu, dịch bệnh trên đàn gia súc và cây trồng thường xuyên xảy ra, giá sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của huyện không ổn định, phụ thuộc vào thị trường phía bên kia biên giới và chính sách biên mậu...ảnh hưởng nhiều đến sản xuất và đời sống của Nhân dân. Bên cạnh đó, huyện có bước xuất phát điểm thấp; kết cấu hạ tầng của huyện chưa đồng bộ; tỷ lệ hộ nghèo còn cao; trình độ, nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp; một số tập tục lạc hậu còn tồn tại chưa được khắc phục.

Với tinh thần đoàn kết vươn lên khắc phục khó khăn, trong nhiệm kỳ Đảng bộ đã lãnh đạo Nhân dân trong huyện ra sức lao động, sản xuất và thu được kết quả rất đáng trân trọng trên các lĩnh vực.

Sản xuất nông nghiệp đã phát huy được tiềm năng lợi thế, tranh thủ tối đa các nguồn lực, phát triển theo hướng bền vững, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung, lâm nghiệp được quan tâm, diện mạo nông thôn chuyển biến mạnh mẽ: Giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp tăng bình quân 8,4%/năm. Các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn được duy trì và

mở rộng theo hướng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng. Năm 2020, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 33.766 tấn, tăng 2.488 tấn so với năm 2015 *(vượt 1.266 tấn so với mục tiêu Đại hội).* Giá trị sản phẩm trên một đơn vị canh tác năm 2020 đạt 56 triệu đồng *(vượt 01 triệu đồng so với mục tiêu đại hội*). Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 33 triệu đồng/ người *(đạt mục tiêu Đại hội).*

Chăn nuôi tiếp tục được duy trì, tốc độ tăng trưởng tổng đàn bình quân đạt 5%/năm, bằng 100% MTĐH. Lâm nghiệp được quan tâm chỉ đạo, công tác bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện thường xuyên và hiệu quả. Từ năm 2016, do có điện lưới quốc gia đến tất cả các thôn, nên Nhân dân đun nấu chủ yếu bằng điện và ga, không còn nhiều tình trạng chặt cây xanh dự trữ làm củi đun nên rừng tái sinh phát triển mạnh mẽ, độ che phủ rừng có tính bền vững hơn. Đến năm 2020, tỷ lệ che phủ rừng trên trên toàn huyện đã đạt 50%, đạt mục tiêu Đại hội.

Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và sự vào cuộc của Nhân dân, chương trình Xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, diện mạo nông thôn tiếp tục thay đổi. Đã hoàn thành 230/304 lượt tiêu chí, bình quân đạt 14,37 lượt tiêu chí/xã; 05/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 100% mục tiêu Đại hội. Phong trào Chung tay xây dựng nông thôn mới tiếp tục thu được kết quả tốt; ngày càng có nhiều gương tập thể, cá nhân điển hình hiến đất, ủng hộ chương trình.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu đã khai thác được các tiềm năng lợi thế: Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2020 ước đạt 334 tỷ đồng/năm, bằng 222,7% MTĐH. Bước đầu khai thác được tiềm năng công nghiệp trên địa bàn. Tiểu thủ công nghiệp tiếp tục duy trì, phát triển gồm 16 ngành nghề với 406 cơ sở sản xuất, đa dạng hoá sản phẩm, cơ bản đáp ứng nhu cầu thị trường.

Kết cấu hạ tầng tiếp tục được quan tâm đầu tư: Tổng nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng đạt 2.553 tỷ đồng. Trong nhiệm kỳ, nhà máy thủy điện Dìn Chin - huyện Mường Khương khởi công xây dựng và khánh thành, đây là công trình tăng cường nguồn điện năng to lớn trên địa bàn. Đồng thời khởi công xây dựng nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu, nhà máy chè tại xã Lùng Vai. Năm 2020, huyện đã hoàn thành quy hoạch chung và chi tiết thị trấn Mường Khương, trung tâm 15 xã và 03 điểm dân cư; từng bước bố trí nguồn lực thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Đến năm 2020, tất cả 157/157 thôn, tổ dân phố đã được sử dụng điện lưới quốc gia. Trong 5 năm, huyện đầu tư mở mới, cứng hóa 122 tuyến đường giao thông với tổng chiều dài là 352,8 km; xây dựng mới 391 phòng học; hoàn thành 16/16 trạm y tế và 08 nhà văn hoá đa năng xã.

Hoạt động thương mại, dịch vụ có chuyển biến tích cực: Thị trường hàng hóa phong phú, đa dạng, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Công tác quản lý thị trường, chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm và phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư, thông tin tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, lợi thế được đẩy mạnh.

Dịch vụ vận tải đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân. Đã hình thành dịch vụ nhà hàng, nhà nghỉ, hệ thống chợ và các điểm kinh doanh bán lẻ. Dịch vụ bảo hiểm được quan tâm, BHXH tăng bình quân 3%/năm, BHYT tăng 0,2%/năm. Dịch vụ viễn thông tăng cả về số lượng và chất lượng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Công tác quảng bá du lịch được quan tâm, thường xuyên cung cấp thông tin, hình ảnh để giới thiệu, quảng bá tiềm năng phát triển du lịch của huyện trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thu ngân sách nhà nước hằng năm đều đạt và vượt so với kế hoạch của tỉnh giao: Kết quả thu ngân sách nhà nước bình quân hằng

năm đều tăng và đạt so với MTĐH. Ngân sách đáp ứng được các nhu cầu chi thường xuyên của huyện. Thực hiện quản lý, sử dụng quỹ đất, tài sản công và tổ chức đấu giá đất theo đúng quy định. Đã giao cơ chế tự chủ cho 54 cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp.

Hoạt động tín dụng tiếp tục phát triển, huy động có hiệu quả vốn nhàn rỗi, đáp ứng nhu cầu vay vốn của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực phát triển kinh tế còn một số hạn chế, khuyết điểm là: Giá trị trên đơn vị diện tích canh tác còn thấp; kinh tế nông nghiệp tăng trưởng khá nhưng còn thiếu bền vững, cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm; quy mô chăn nuôi nhỏ. Liên kết trong sản xuất chưa chặt chẽ, chưa có sản phẩm được chế biến sâu; việc áp dụng công nghệ cao và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế. Diện tích trồng rừng mới và tỷ lệ che phủ rừng chưa đạt MTĐH. Tiến độ xây dựng nông thôn mới còn chậm, nhiều tiêu chí đã đạt nhưng còn ở mức tối thiểu và chưa bền vững, nhất là tiêu chí môi trường.

Việc đầu tư cụm tiểu thủ công nghiệp, hệ thống chợ...theo quy hoạch còn hạn chế. Dịch vụ thương mại quy mô nhỏ; xuất nhập khẩu không ổn định. Chưa khai thác được tiềm năng du lịch. Thu ngân sách nhà nước còn thấp, chưa ổn định, chủ yếu từ nguồn đấu giá đất. Quản lý, sử dụng công trình sau đầu tư ở một số xã chưa hiệu quả. Hạ tầng giao thông, thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch còn thiếu và yếu. Tập quán sản xuất còn lạc hậu, tư duy sản xuất hàng hoá chậm thay đổi. Sự phối hợp giữa các ngành chưa kịp thời; một số cấp uỷ, chính quyền địa phương chưa quan tâm đúng mức đến tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Quy hoạch các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tại một số vùng chưa rõ ràng. Trách nhiệm của các lực lượng quản lý, bảo vệ rừng còn chưa cao. Suất đầu tư xây dựng cao, nguồn lực và cơ chế đầu tư kết cấu hạ tầng còn thiếu. Hoạt động xúc tiến thương mại hiệu quả chưa cao.

Chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, du lịch.

3. Phát triển văn hoá - xã hội - ứng dụng khoa học công nghệ:

Giáo dục và đào tạo được quan tâm đầu tư, chất lượng dạy và học được nâng lên, nguồn nhân lực có chuyển biến tích cực: Quy mô, mạng lưới trường lớp phát triển phù hợp. Cơ sở vật chất, trường, lớp, nhà công vụ, nhà bán trú của học sinh được quan tâm. Đội ngũ giáo viên được chuẩn hóa. Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ được duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng. Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên và giáo dục cộng đồng được duy trì, đáp ứng được nhu cầu người học. Công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT được đẩy mạnh. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài có nhiều chuyển biến tích cực, tạo sự đồng thuận của Nhân dân. Công tác đào tạo nghề cho đối tượng chính sách, người nghèo, người dân tộc thiểu số được chú trọng.

Ứng dụng khoa học - công nghệ được quan tâm: Đã triển khai nhiều đề tài, dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai khá đồng bộ, hiệu quả.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực giáo dục, khoa học còn một số hạn chế, đó là: Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các vùng, thiếu giáo viên chuyên biệt. Thiết bị dạy học còn khó khăn. Tỷ lệ học viên ra trường có việc làm theo ngành nghề đào tạo tại địa phương thấp. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất còn chưa xây dựng được chương trình, đề án riêng... *Nguyên nhân của hạn chế là do:* Thiếu nguồn lực đầu tư cho ngành giáo dục; chưa có chính sách thu hút giáo viên chuyên biệt về huyện. Việc định hướng nghề nghiệp chưa sát với nhu cầu thực tế. Quản lý nhà nước, nhất là cơ chế tài chính và nguồn lực cho khoa học, công nghệ còn nhiều bất cập.

Bản sắc văn hóa của các dân tộc được gìn giữ và phát huy, các thiết chế văn hóa từ huyện tới cơ sở được quan tâm: Công tác quản lý và tổ chức các lễ hội, bảo tồn, gìn giữ và phát huy các di sản văn hóa dân tộc được quan tâm thực hiện, đã có 07 di sản văn hoá được công nhận cấp quốc gia. Năm 2020, tất cả 15 thôn, tổ dân phố đã có nhà văn hoá, 13/16 xã, thị trấn đã hoàn thành xây dựng nhà Văn hoá. Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" đạt được kết quả tích cực. Số hộ gia đình văn hóa tăng 10 - 12%/năm; số thôn, tổ dân phố văn hóa tăng 20 - 25%/năm; số cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế được công nhận văn hóa hằng năm đạt 95 - 98%. 100% thôn, tổ dân phố xây dựng và tổ chức thực hiện quy ước, hương ước về nếp sống văn hóa và các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang.

Phong trào văn nghệ, thể thao được đẩy mạnh, hạ tầng thông tin, truyền thông được quan tâm đầu tư: Phong trào văn nghệ quần chúng được Nhân dân hưởng ứng tham gia, đời sống tinh thần của người dân được cải thiện. Hoạt động thể dục, thể thao phát triển rộng khắp. Hạ tầng thông tin, truyền thông được đầu tư, nâng cấp, qua đó kịp thời đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến Nhân dân.

Tuy nhiên, một số tập tục lạc hậu trong Nhân dân chậm được cải tạo, ý thức vệ sinh môi trường chưa cao. Thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu. Việc bình xét các danh hiệu văn hóa ở một số nơi còn hình thức. Nguyên nhân là do các chính sách đầu tư phát triển văn hóa, thể thao chưa đồng bộ. Xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao chưa mạnh; việc bình xét các danh hiệu văn hoá hằng năm ở một số đơn vị chưa chặt chẽ, chưa chú ý tới chất lượng.

Công tác giảm nghèo được quan tâm, giải quyết việc làm cho người lao động có chuyển biến tích cực: Đã huy động, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực thực hiện giảm nghèo nhanh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề tăng.

Các chính sách xã hội được đảm bảo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội: Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách dân tộc, người nghèo, người có công và đảm bảo an sinh xã hội. Phòng, chống tệ nạn xã hội được thực hiện có hiệu quả. Tự do tôn giáo, tín ngưỡng được tôn trọng, hoạt động đúng quy định của pháp luật.

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân được nâng lên: Mạng lưới y tế từ huyện đến cơ sở được củng cố, tăng cường. Cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư, 16/16 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Chủ động kiểm soát và phòng, chống dịch bệnh có hiệu quả. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,9%. Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương đã trở thành bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Tuy nhiên, công tác giảm nghèo cho thấy chưa bền vững, tỷ lệ nghèo, cận nghèo còn cao. Chất lượng khám chữa bệnh và tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân còn thấp; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi theo thể cân nặng/tuổi còn cao... Nguyên nhân là do nguồn lực đầu tư có hạn, cơ chế quản lý xã hội thiếu đồng bộ. Chưa quan tâm đúng mức đến xã hội hóa y tế. Chính sách thu hút bác sĩ chưa hiệu quả.

4. Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu:

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường: Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Quỹ đất công được rà soát, bổ sung và quản lý chặt chẽ; thực hiện đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Tiềm năng đất đai được khai thác, sử dụng đúng mục đích. Hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính cho 16/16 xã, thị trấn. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả. Chất thải sinh hoạt, y tế và sản xuất được thu gom, xử lý kịp thời.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chú trọng: Đã duy trì nghiêm túc

trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; cập nhật, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời theo phương châm *"4 tại chỗ"*; rà soát, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm. Tăng diện tích, tán che phủ rừng, từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hoá, đặc biệt tại xã Dìn Chin và Tả Gia Khâu. Tuy nhiên, việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng nhà ở, kinh doanh, khai thác cát trái phép, lấn chiếm đất đai, cải tạo, sử dụng đất không đúng mục đích còn xảy ra. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm. Xã hội hóa bảo vệ môi trường còn hạn chế... Nguyên nhân là do công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý các cơ sở gây ô nhiễm chưa quyết liệt. Một số cấp ủy, chính quyền địa phương và Nhân dân chưa quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường. Đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

5. Công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Quốc phòng, an ninh được giữ vững và chủ động trong mọi tình huống: Xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thế trận an ninh Nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân ngày càng được củng cố vững mạnh. Công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân được đẩy mạnh. Xây dựng các phương án tác chiến, phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu. Số lượng và tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt và vượt MTĐH. Công tác huấn luyện, diễn tập, luyện tập, tuyển quân hằng năm được tổ chức đạt kết quả cao. Thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa công an, quân sự, biên phòng trong việc nắm, quản lý tình hình địa bàn, quản lý đường biên, mốc giới, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*" được thực hiện tốt. Vai trò nòng cốt của lực lượng công an trong bảo đảm an ninh trật tự được phát huy; xử lý kịp thời các vụ việc phức tạp ngay từ cơ

sở, không để bị động, bất ngờ. Làm tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị; tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng, thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; tỷ lệ điều tra, phá án đạt cao. Đảm bảo tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, văn hóa diễn ra trên địa bàn. Công tác quản lý xuất, nhập cảnh, người nước ngoài, vũ khí, vật liệu nổ được thực hiện đúng quy định. Triển khai đồng bộ và kịp thời các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn.

Hoạt động đối ngoại được thực hiện đúng nguyên tắc và đạt được nhiều kết quả tích cực: Cấp uỷ, chính quyền đã thực hiện tốt đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại Nhân dân; duy trì tốt quan hệ đối ngoại thông qua hội đàm, giao lưu luân phiên cấp huyện, cấp xã với hai huyện Hà Khẩu, Mã Quan, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đã ký kết thoả thuận thiết lập quan hệ hữu nghị với huyện Mã Quan, phối hợp chặt chẽ với huyện Hà Khẩu trong quản lý biên giới. Các đồn Biên phòng, Công an huyện phối hợp tốt với các lực lượng phía bạn trong việc quản lý biên giới, phòng chống tội phạm và kiểm soát dịch bệnh...Tổ chức, thực hiện và duy trì thường xuyên các hoạt động kết nghĩa các cụm dân cư biên giới góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và quản lý chặt chẽ tuyến biên giới. Tích cực thu hút các tổ chức phi chính phủ đầu tư tài trợ vào các khu vực khó khăn của huyện. Hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các huyện trong và ngoài tỉnh... Tuy nhiên, trên lĩnh vức quốc phòng, an ninh còn một số hạn chế, đó là: Việc nắm bắt tình hình và xử lý, giải quyết một số vụ việc còn chưa kịp thời; số vụ việc còn cao. Tình trạng xuất nhập cảnh trái phép còn xảy ra. Nguồn lực cho đối ngoại còn hạn chế, nội dung hợp tác về kinh tế chưa khai thác được tiềm năng, lợi thế của hai bên. Công tác quản lý một số công trình quốc phòng và đất quốc phòng còn chưa tốt... Nguyên nhân là do công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, chính

sách, pháp luật của Nhà nước ở một số địa bàn chưa thường xuyên và sâu rộng. Các lực lượng chức năng có lúc, có nơi còn chưa quyết liệt. Ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận Nhân dân chưa cao. Thiếu cán bộ phục vụ cho công tác đối ngoại. Thiếu cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế biên giới. Việc giải quyết trồng lấn đất quốc phòng và đất sản xuất chưa dứt điểm.

6. Sức mạnh đoàn kết dân tộc được củng cố, mở rộng và tăng cường, dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được đảm bảo

Vai trò của MTTQ và các đoàn thể được nâng lên. Công tác xây dựng tổ chức của MTTQ và các đoàn thể được quan tâm. Phương thức hoạt động phù hợp với từng đối tượng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên. Việc phối hợp giữa MTTQ và các đoàn thể với chính quyền cùng cấp ngày càng chặt chẽ. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đối thoại được tăng cường.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai rộng khắp và hiệu quả, góp phần đảm bảo quyền lợi, nâng cao nhận thức của Nhân dân trong việc tham gia quản lý và phát triển kinh tế - xã hội. MTTQ và các đoàn thể đã triển khai nhiều cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước có ý nghĩa thiết thực, thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia với tinh thần hăng hái, sáng tạo. Hoạt động từ thiện, nhân đạo được đoàn viên, hội viên và quần chúng Nhân dân tích cực tham gia...Tuy nhiên nội dung này còn một số hạn chế, đó là: Việc nắm bắt, phản ánh tư tưởng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời. Tổ chức và hoạt động của thanh tra Nhân dân, giám sát đầu tư cộng đồng ở một số địa phương hiệu quả chưa cao. Công tác giám sát, phản biện chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra...Nguyên nhân là do: Hoạt động của một số tổ chức đoàn thể có lúc, có nơi chưa tích cực, chủ động. Trình độ năng lực của một số cán bộ còn hạn chế. Công tác phối hợp MTTQ và các đoàn thể với chính quyền các cấp có nội dung chưa chặt chẽ.

7. Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, hoạt động tư pháp

Chính quyền từ huyện tới cơ sở ngày càng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: HĐND các cấp cơ bản thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực Nhà nước tại địa phương; chất lượng hoạt động được nâng lên. Thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa Thường trực HĐND với UBND và Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện; tích cực, chủ động trong công việc, bám sát chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm; tổ chức tốt các kỳ họp HĐND và tiếp xúc cử tri; tiếp nhận trên 2.000 kiến nghị cử tri chuyển các cơ quan xem xét giải quyết theo thẩm quyền. Hoạt động giám sát, khảo sát, thảo luận, chất vấn tại các kỳ họp được tăng cường.

Hiệu lực, hiệu quả điều hành của UBND các cấp được nâng lên; tổ chức triển khai kịp thời nghị quyết, chương trình, đề án của Huyện ủy và HĐND các cấp. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được tinh gọn, hoạt động hiệu quả; sau sáp nhập đã giảm được 07 cơ quan, đơn vị và tinh giản 197 biên chế.

Cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ, ứng dụng tốt công nghệ thông tin góp phần nâng cao, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Việc rà soát, niêm yết, giải quyết các thủ tục hành chính được thực hiện đúng quy định. Hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, quản lý và điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp được đẩy mạnh. Thực hiện họp trực tuyến, sử dụng phần mềm quản lý văn bản, đánh giá công chức, viên chức, phòng họp không giấy tờ, chữ ký số và bảo mật thông tin, góp phần xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch và hiệu quả. Cổng thông tin điện tử của Huyện ủy, UBND huyện và một số ngành hoạt động tích cực, góp phần phục vụ khai thác thông tin, tuyên truyền và quảng bá hình ảnh của địa phương.

Hoạt động của các cơ quan tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh; chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo từng bước được nâng lên

Công tác cải cách tư pháp được quan tâm thực hiện, bộ máy các cơ quan tư pháp cấp huyện tiếp tục được củng cố, kiện toàn, chất lượng hoạt động của đội ngũ cán bộ có nhiều chuyển biến. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên. Công tác tuyên truyền pháp luật, phòng, chống tham nhũng, lãng phí thực hành tiết kiệm được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động thanh tra, kiểm tra về phòng, chống tham nhũng được triển khai có hiệu quả.

Hoạt động tiếp công dân dần đi vào nền nếp, chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo được nâng lên. Cơ bản các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân được xem xét, giải quyết đúng quy định; chú trọng giải quyết kiến nghị của người dân từ cơ sở và các vụ việc tồn đọng kéo dài.

Bên cạnh thành tích đạt được, công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính, còn một số hạn chế: Hiệu lực, hiệu quả HĐND các cấp có lúc còn chưa cao; năng lực của đại biểu HĐND còn chưa đồng đều. Việc điều hành của một số UBND xã, thị trấn chưa năng động, sáng tạo. Kỷ cương, kỷ luật hành chính, công vụ một số nơi còn chưa tốt; chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu; việc thực hiện dịch vụ công mức độ 3 và 4 còn thấp. Việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo tại cấp cơ sở còn tình trạng đùn đẩy, né tránh; còn một số vụ việc kéo dài chưa được giải quyết dứt điểm. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc còn chậm...Nguyên nhân chủ yếu là do: năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức chấp hành của một số cán bộ, công chức, viên chức, đại biểu HĐND xã còn hạn chế. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, các xã, thị trấn trong việc thực hiện các thủ tục hành chính và giải quyết đơn thư còn chưa chặt chẽ. Công tác thanh tra, kiểm tra thực

hiện nhiệm vụ chưa thường xuyên. Trình độ ứng dụng công nghệ thông tin đã có tiến bộ song chưa đáp ứng được yêu cầu.

8. Công tác xây dựng Đảng

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới, đạt hiệu quả thiết thực: Bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên; năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng vào tình hình thực tiễn được nâng lên. Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn được quan tâm. Phương thức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng được đổi mới. Đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp được cập nhật kiến thức hằng năm.

Công tác tuyên truyền, cổ động bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hoạt động báo cáo viên, tuyên vận đi vào nền nếp. Công tác nắm bắt dư luận xã hội và đấu tranh trên mặt trận tư tưởng được quan tâm. Công tác biên soạn lịch sử địa phương và giáo dục truyền thống cách mạng được tăng cường; đã biên soạn và xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương giai đoạn 1950 - 2010; 08/16 đảng bộ xã, thị trấn biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương .

Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, XII của Đảng được triển khai nghiêm túc trong toàn Đảng bộ: Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp đã quán triệt sâu sắc và đưa nội dung học tập và làm theo Bác gắn với Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII của Đảng vào sinh hoạt định kỳ; xây dựng chuẩn mực học tập và làm theo Bác; thực hiện quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, người đứng đầu trong rèn luyện đạo đức, lối sống, tác phong, lề lối công tác. Việc tự phê bình và phê bình của tập thể, cá nhân gắn với việc nhận diện những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "*tự diễn biến", "tự chuyển hóa*" được thực hiện nghiêm túc, góp phần tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận của Nhân dân.

Công tác xây dựng tổ chức Đảng có chuyển biến tích cực, tổ chức bộ máy từng bước được tinh gọn: thường xuyên rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện. Thực hiện sắp xếp lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện, đến nay còn 157 thôn, tổ dân phố. Thực hiện sáp nhập và chuyển đổi 10 đơn vị thành 06 đơn vị. Thực hiện nhất thể hóa chức danh Trưởng Ban Tuyên giáo Huyện ủy đồng thời là Giám đốc Trung tâm Chính trị huyện, Trưởng Ban Dân vận Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ huyện. Công tác phát triển đảng viên mới được chú trọng cả số lượng và chất lượng. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã phát triển thêm 984 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ đến cuối năm 2020 lên 3.225 đồng chí; tỷ lệ đảng viên nữ so với nhiệm kỳ trước tăng 8,5%. Các chi bộ dưới cơ sở đều có trên 5 đảng viên, hoàn thành chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ đề ra.

Đội ngũ cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng nhiệm vụ được giao; năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên: Từng bước xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh, tiêu chuẩn quy định và vị trí việc làm. Tinh giản biên chế đạt 10,7% so với tổng biên chế được giao. Việc điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện nghiêm túc, khách quan, gắn với quy hoạch cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được quan tâm. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã tập trung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; chú trọng nâng cao chất lượng bền vững của các chi bộ độc lập ở thôn, tổ dân phố; xây dựng chi bộ thôn có ban chi ủy; phát triển đảng viên ở thôn, tổ dân phố; đánh giá, phân xếp loại chặt chẽ đảng viên hằng năm theo quy định. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng.

Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, có sự phối hợp chặt chẽ với thanh tra, giám sát của Nhà nước: Chỉ đạo xây dựng quy chế làm việc, xây dựng chương

trình công tác kiểm tra, giám sát toàn khóa, hằng năm và ban hành quy chế phối hợp giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo trong Đảng. Thực hiện củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát của các đơn vị để tránh chồng chéo trong thực hiện. Chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất liên quan đến kiểm tra, giám sát. Giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng đã kịp thời khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, hạn chế trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, ngăn ngừa tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, qua đó góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, chất lượng đảng viên, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Công tác dân vận tiếp tục có bước đổi mới: Hoạt động tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân được tăng cường; nhận thức và trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền các cấp về công tác dân vận được nâng lên. Hệ thống dân vận các cấp được nâng cao về năng lực, đổi mới về nội dung và phương thức vận động quần chúng. Mô hình "*Dân vận khéo*" được quan tâm đẩy mạnh, phát huy vai trò người uy tín, già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ trong cộng đồng dân cư. Công tác "*Tuyên vận*" tiếp tục triển khai có hiệu quả ở cơ sở. Các hội nghị tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân gắn với tuyên truyền pháp luật được tổ chức tốt và có hiệu quả. Quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai sâu rộng, đi vào nền nếp. Thực hiện công khai, dân chủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, của cán bộ công chức, viên chức, người lao động. Công tác dân vận chính quyền được đẩy mạnh. Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển cho Nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trách nhiệm với dân.

Đồng thời phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đồng chí Uỷ viên BCH, Ban Thường vụ Huyện ủy phụ trách, cơ quan chủ trì từng

đề án, gắn trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn phụ trách. Định kỳ hằng năm và cuối nhiệm kỳ đánh giá kết quả đạt được, những nội dung chưa đạt được của đề án để đưa ra biện pháp tháo gỡ và điều chỉnh nhằm thực hiện có hiệu quả trên các lĩnh vực.

Trong nhiệm kỳ Huyện ủy đã ban hành 28 chỉ thị, 06 nghị quyết, 601 thông báo, 64 chương trình, 161 kế hoạch, 2334 quyết định... để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trên các lĩnh vực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng đảng, hệ thống chính trị trong sạch[216].

Phương thức lãnh đạo của cấp uỷ các cấp được đổi mới theo hướng thiết thực, hiệu quả.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, tập thể BCH Đảng bộ huyện vận dụng sáng tạo cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tiễn của huyện, xây dựng 5 chương trình công tác trọng tâm với 15 đề án thực hiện trên các lĩnh vực. Hằng năm cấp uỷ các cấp đều xây dựng quy chế làm việc. Đảng bộ huyện và Đảng bộ cơ sở thực hiện phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phụ trách các ngành lĩnh vực, từng xã, thị trấn, các thôn. Trong lãnh đạo cấp uỷ các cấp thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo cá nhân phụ trách; duy trì đúng, đủ các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; hàng tuần tiến hành giao ban giữa thường trực cấp uỷ uỷ - UBND; hằng tháng Ban Thường vụ Đảng bộ huyện giao ban khối nội chính, giao ban với các ngành và các xã, thị trấn; chất lượng các kỳ họp cấp uỷ được nâng lên, sau kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, hội nghị giao ban đều có thông báo kết luận để các cấp các ngành biết, thực hiện.

*

Đánh giá chung trong nhiệm kỳ, Đảng bộ huyện Mường Khương đã chủ động đề ra các nhiệm vụ trọng tâm và tập trung lãnh đạo tạo

216. Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015 - 2020).

ra những kết quả nổi bật: Tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 12%/năm. Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 34,5 triệu đồng/người/năm. GRDP bình quân đầu người đạt 62 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng: Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp giảm từ 43,75% năm 2015 xuống còn 42% năm 2020; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ 21,9% lên 22,8%; thương mại, du lịch, dịch vụ tăng từ 34,35% lên 35,2%. Sản xuất nông nghiệp đã phát huy được tiềm năng, lợi thế, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa tập trung; chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai có hiệu quả, bình quân đạt 14,37 tiêu chí/xã, 05/16 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bước đầu đã khai thác được tiềm năng, lợi thế. Hoạt động thương mại, dịch vụ có chuyển biến tích cực. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường; công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chú trọng.

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm, chất lượng dạy và học được nâng lên, đã có 35/56 trường học đạt chuẩn quốc gia. Ứng dụng khoa học - công nghệ được chú trọng. Chất lượng bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân được nâng lên, 16/16 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Bản sắc văn hóa của các dân tộc được gìn giữ và phát huy, các thiết chế văn hóa từ huyện tới cơ sở được ưu tiên đầu tư, 157/157 thôn, tổ dân phố và 13/16 xã có nhà văn hóa. Phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao được duy trì và nhân rộng; hạ tầng thông tin, truyền thông tiếp tục được đầu tư, nâng cấp.

Công tác giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả, tỷ lệ hộ nghèo của huyện giảm 43,05%, bình quân giảm 7,9%/năm. Giải quyết việc làm cho người lao động có chuyển biến tích cực, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 35%, tạo việc làm cho 5.982 lao động, bình quân 1.196 lao động/năm. Các chính sách xã hội được đảm bảo kịp thời, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Lực lượng dân quân tự vệ và tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt yêu cầu đề ra. Phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*" được duy trì thường xuyên và phát triển rộng khắp. Hoạt động đối ngoại được thực hiện đúng nguyên tắc và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tích cực thu hút đầu tư của các tổ chức phi chính phủ; hợp tác, phối hợp chặt chẽ với các huyện trong và ngoài tỉnh.

Chính quyền từ huyện tới cơ sở ngày càng vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Công tác cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ, ứng dụng tốt công nghệ thông tin. Hoạt động của các cơ quan tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực, công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được thực hiện đúng quy định. Chất lượng giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo từng bước được nâng lên.

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới, đạt hiệu quả thiết thực. Việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng với nội dung và hình thức phong phú gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XI, XII của Đảng; công tác tổ chức xây dựng Đảng có chuyển biến tích cực, tổ chức bộ máy, biên chế từng bước được tinh gọn. Năng lực, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên, kết nạp trên 1.000 đảng viên mới, 57,32% chi bộ thôn, tổ dân phố có ban chi ủy. Công tác kiểm tra, giám sát của Đảng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định. Công tác dân vận có sự đổi mới; tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân được tăng cường.

Thành tích đạt được trong nhiệm kỳ là cơ bản, song bên cạnh đó còn tồn tại một số hạn chế, khuyết điểm cần có giải pháp khắc phục. Đó là:

Kinh tế nông nghiệp chưa khai thác tốt tiềm năng lợi thế; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất canh tác còn thấp, cơ cấu nội ngành chuyển dịch chậm; liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ chưa chặt chẽ; chưa có nhiều sản phẩm được chế biến sâu, đăng ký thương hiệu

và chứng nhận an toàn. Quy mô chăn nuôi còn nhỏ. Thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn hạn chế. Diện tích trồng rừng mới và tỷ lệ che phủ rừng chưa đạt so với MTĐH. Tiến độ xây dựng nông thôn mới còn chậm và chưa bền vững.

Nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu. Xuất nhập khẩu trên địa bàn không ổn định. Việc xuất, nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp với nước bạn Trung Quốc còn gặp nhiều khó khăn. Chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nông nghiệp. Thu ngân sách nhà nước còn thấp.

Việc quản lý, vận hành và sử dụng công trình sau đầu tư ở một số xã chưa hiệu quả. Hạ tầng giao thông, thương mại, văn hóa, thể thao, du lịch còn chưa đáp ứng được nhu cầu. Vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xây dựng nhà ở, lấn chiếm đất đai, cải tạo, sử dụng đất không đúng mục đích còn xảy ra.

Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các vùng, thiếu giáo viên ngoại ngữ, tin học. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nhất là ở vùng cao còn khó khăn. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất còn hạn chế. Một số tập tục lạc hậu trong Nhân dân chậm được cải tạo, thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở còn thiếu.

Giảm nghèo chưa thật bền vững, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao. Cơ sở vật chất y tế còn khó khăn; chất lượng khám chữa bệnh và tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân còn thấp; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể cân nặng/tuổi còn cao.

Công tác nắm tình hình và xử lý, giải quyết một số vụ việc còn chưa kịp thời. Tình trạng xuất nhập cảnh trái phép còn xảy ra. Nguồn lực và nhân lực cho công tác đối ngoại còn hạn chế.

Hiệu lực, hiệu quả HĐND các cấp có lúc còn chưa cao; năng lực của đại biểu HĐND còn chưa đồng đều. Việc điều hành của UBND một số xã, thị trấn chưa năng động, sáng tạo. Kỷ cương, kỷ luật hành chính, công vụ một số nơi còn chưa tốt; chất lượng một bộ phận

cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu; ứng dụng công nghệ thông tin một số nơi còn yếu. Việc giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo còn hạn chế; điều tra, truy tố, xét xử một số vụ việc còn chậm.

Công tác xây dựng đảng trong nhiệm kỳ đã có nhiều kết quả quan trọng, tuy nhiên còn một số hạn chế. Đó là: Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng chưa thực sự được nâng cao. Công tác kết nạp đảng viên khu vực nông thôn tuy đã được quan tâm, song còn mất cân đối. Công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ của một số cấp ủy cơ sở chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến việc chưa chủ động được đội ngũ cán bộ. Tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu. Việc sử dụng biên chế ở một số đơn vị chưa hợp lý dẫn đến hiệu quả sử dụng chưa cao. Chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở mới đáp ứng được một phần so với yêu cầu. Công tác nắm bắt tình hình, phát hiện và kiểm tra đối với tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm của UBKT cơ sở còn hạn chế, có nơi chưa thực hiện được... Hạn chế trên chủ yếu là do: Phương thức lãnh đạo của một số cấp ủy, tổ chức đảng chậm đổi mới; chưa quan tâm chỉ đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng; một số cấp uỷ viên năng lực chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; việc cụ thể hoá nghị quyết, chỉ thị còn chưa sát thực tế, bị động khi triển khai. Công tác đánh giá, nhận xét cán bộ tại một số cơ quan, đơn vị chưa thực sự khách quan, còn nể nang, ngại va chạm. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, ngành, đoàn thể có lúc chưa chặt chẽ. Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ làm công tác kiểm tra cấp cơ sở còn chưa đáp ứng được yêu cầu[217].

Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm trên là do: Nguồn lực và cơ chế đầu tư phát triển, xã hội hoá trong các lĩnh vực còn hạn chế. Chưa có chính sách đủ mạnh thu hút giáo viên ngoại ngữ, tin học, bác sĩ chuyên khoa về địa phương. Hoạt động xúc tiến thương

217. Báo cáo kiểm điểm BCH Đảng bộ huyện Mường Khương tại Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2015 - 2020

mại hiệu quả chưa cao. Việc định hướng nghề nghiệp, đào tạo nghề chưa sát với nhu cầu thực tế.

Nhận thức về vai trò, trách nhiệm của một số cấp uỷ, chính quyền địa phương còn chưa sâu sắc; phương thức lãnh đạo còn chậm đổi mới; hoạt động của tổ chức đoàn thể có lúc, có nơi chưa chủ động. Năng lực, ý thức chấp hành của một số cán bộ, đảng viên còn hạn chế.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng còn chưa chặt chẽ, thực hiện chưa quyết liệt. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm chưa kịp thời. Công tác đánh giá, nhận xét cán bộ chưa thực sự khách quan, còn nể nang, ngại va chạm.

Qua nhiệm kỳ lãnh đạo, Đảng bộ rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, chú trọng công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, giữ vững truyền thống đoàn kết trong Đảng. Không ngừng đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo; quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ. Gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "*tự diễn biến", "tự chuyển hóa*" trong nội bộ.

Hai là, xác định, huy động và khai thác tốt tiềm năng, lợi thế đặc thù của địa phương; đồng thời sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của Trung ương, tỉnh. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực, khâu trọng tâm, trọng điểm nhằm tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác thông tin, quảng bá và tiếp thị mở rộng thị trường để giới thiệu sản phẩm hàng hóa, kích thích sản xuất phát triển.

Ba là, xác định rõ vị trí, vai trò của huyện từ đó luôn ý thức việc xây dựng, củng cố vững chắc khu vực phòng thủ, ổn định an ninh

trật tự, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia là tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội; gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh, quản lý biên giới, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh công tác đối ngoại trong tình hình mới, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, coi trọng đối ngoại Nhân dân trong giải quyết các vấn đề nảy sinh trên biên giới.

Bốn là, thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò giám sát, phản biện và sự đồng thuận của Nhân dân trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền; thường xuyên tiếp xúc, đối thoại, tiếp thu, giải quyết kịp thời các kiến nghị đề xuất chính đáng của Nhân dân[218].

218. Tổng hợp theo báo cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015 - 2020) và báo cáo tổng kết các năm từ 2015- 2020 của Đảng bộ huyện.

Chương IX
ĐẢNG BỘ MƯƠNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG BỨT PHÁ TRÊN CÁC LĨNH VỰC (2020 - 2025)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ

Năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát trên toàn cầu không chỉ gây ra khủng hoảng y tế nghiêm trọng mà còn làm gián đoạn chuỗi cung ứng, thương mại và dòng vốn đầu tư quốc tế, đẩy nền kinh tế thế giới rơi vào suy thoái sâu nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Bên cạnh đó, tình hình quốc tế còn bị chi phối bởi cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, gia tăng xung đột địa chính trị... Do tác động từ tình hình thế giới tạo ra những khó khăn mới cho sự phát triển của đất nước ta.

Qua 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đất nước ta đã chuyển mình mạnh mẽ trên các lĩnh vực; nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ngày càng được khẳng định tính đúng đắn của đường lối chính trị của Đảng. Trong 10 năm thực hiện chương trình Xây dựng nông thôn mới đã đem lại sự khởi sắc cho khu vực nông thôn cả nước. Trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện, an sinh xã hội được quan tâm; quốc phòng - an ninh được tăng cường; công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Trong 5 năm 2015 - 2020, Đảng bộ huyện Mường Khương đã lãnh đạo Nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu do Đại hội Đảng bộ đề ra. Kinh tế nông nghiệp tăng trưởng cao, thu nhập của người dân tăng mạnh, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh; kết cấu hạ tầng

được đầu tư; văn hoá - xã hội phát triển... đã tiếp tục làm thay đổi cảnh quan nông thôn.

Song bên cạnh thành tựu cơ bản đạt được, trong nhiệm kỳ cũng còn một số hạn chế tồn tại: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn còn chậm; năng suất một số loại cây trồng chưa cao. Hoạt động dịch vụ, thương mại có bước phát triển nhưng chưa thực sự tương xứng với tiềm năng thế mạnh của địa phương; sản phẩm hàng hoá nông nghiệp còn hạn chế; năng lực một số cán bộ, công chức còn hạn chế... đặt ra nhiệm vụ cho cấp uỷ, chính quyền huyện Mường Khương trong nhiệm kỳ tới cần nỗ lực khắc phục.

Thuận lợi trong thời gian tới của huyện Mường Khương là: Đảng, Nhà nước và tỉnh Lào Cai tiếp tục có những chủ trương, chính sách, cơ chế đặc thù ưu tiên, tập trung đầu tư phát triển cho miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, giúp huyện có thêm nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Những kết quả đạt được trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII là cơ sở định hướng cho sự phát triển có trọng tâm, trọng điểm và bền vững trong thời gian tới. Mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện được đầu tư nâng cấp, tạo thuận lợi cho việc lưu thông kết nối giữa các vùng trong và ngoài huyện; bản sắc văn hóa các dân tộc được gìn giữ và phát huy là tiềm năng và lợi thế phát triển ngành du lịch.

Với xu hướng hội nhập ngày càng sâu rộng, các cửa khẩu, lối mở trên địa bàn huyện đã được tỉnh cho phép hoạt động thông thương hàng hóa trở lại cùng với việc hình thành các cặp chợ biên giới sẽ phát huy được lợi thế, góp phần đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, nhất là sản phẩm nông nghiệp.

Nhằm tiếp tục lãnh đạo đưa đất nước bước vào thời kỳ phát triển mới, ngày 25/01/2021, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ

chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Đại hội có chủ đề: *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*[110].

Tháng 12/2020, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai tổ chức Đại hội đại biểu lần thứ XV nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 thông qua Đại hội Đảng toàn quốc và Đại hội Đảng bộ tỉnh định hướng cho các cấp uỷ cấp huyện vận dụng lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2020 - 2025.

II. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Trong 2 ngày 28 và 29/6/2020, tại hội trường Uỷ ban nhân dân huyện Mường Khương, diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đại hội có chủ đề: ***"Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, đoàn kết, dân chủ, đổi mới, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, đưa huyện Mường Khương ra khỏi diện nghèo"***.

Đại hội đề ra mục tiêu tổng quát:

Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ then chốt. Phát triển nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới là trọng tâm; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ,

110. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII - Nhà Xb Chính trị quốc gia. Hà Nội 2021.

du lịch là quan trọng. Xây dựng văn hóa, con người Mường Khương là nền tảng, là mục tiêu, động lực để phát triển.

Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và mở rộng đối ngoại[111].

Đại hội thông qua 24 mục tiêu cụ thể chủ yếu trên các lĩnh vực đến năm 2025 cần đạt được, đó là:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2025 đạt 13,68%; GRDP bình quân đầu người năm 2025 trên 108 triệu đồng/người. Cơ cấu kinh tế của huyện: Nông lâm nghiệp 40,05%; thương mại, dịch vụ, du lịch 36,8%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng 23,15%.

(2) Đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 60 triệu đồng.

(3) Tổng số vốn đầu tư huy động trên toàn địa bàn trong giai đoạn 2021 - 2025 là 5.500 tỷ đồng.

(4) Đến năm 2025, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 90 tỷ đồng, bình quân tăng hằng năm từ 5 - 10%/năm.

(5) Đến năm 2025, giá trị sản phẩm trên 1 ha đất canh tác đạt 100 triệu đồng.

(6) Đến năm 2025 tỷ lệ che phủ rừng đạt 43,05%.

(7) Đến năm 2025 có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 02 xã đạt nông thôn mới nâng cao.

(8) Đến năm 2025, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 785 tỷ đồng.

111. Báo Cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025.

(9) Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn bình quân mỗi năm đạt trên 15.000 lượt khách, riêng 2025 đạt trên 16.000 lượt khách.

(10) Đến năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt trên 1.400 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 13%/năm.

(11) Đến năm 2025, có 73% số trường đạt chuẩn quốc gia; 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương.

(12) Đến năm 2025, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,3%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo thể cân nặng xuống còn 15,5%; đạt tỷ lệ 12 bác sĩ/1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh đạt 39 giường bệnh/vạn dân.

(13) Đến năm 2025, 80% hộ gia đình đạt chuẩn văn hoá; 80% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hoá.

(14) Tỷ lệ giảm hộ nghèo bình quân theo chuẩn mới đạt từ 6%/năm.

(15) Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24%; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp đạt 69%; tỷ lệ thất nghiệp là 0,5%.

(16) Đến năm 2025, tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%.

(17) Đến năm 2025, phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 80%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 50%; 80% hồ sơ công việc ở cấp huyện và 60% hồ sơ công việc ở cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

(18) Hằng năm, 80% xã, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường xếp loại khá trở lên trong thực hiện phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*"; tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt 90%; tỷ lệ giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí bình quân 5%/năm.

(19) Tỷ lệ đơn thư khiếu nại, tố cáo được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định đối với cấp huyện 90% và cấp xã đạt 80%.

(20) Tỷ lệ các chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện được kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng hằng năm đạt trên 60%.

(21) Kết nạp 200 đảng viên mới/năm.

(22) Đến năm 2025, tỷ lệ chi bộ thôn có chi ủy đạt trên 90%.

(23) Đến năm 2025, cán bộ chuyên trách cấp xã được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác đạt trên 85%.

(24) Hằng năm, tổ chức cơ sở đảng HTTNV đạt trên 90%; tỷ lệ đảng viên HTTNV đạt trên 90%; Đảng bộ huyện HTTNV trở lên; Chính quyền huyện đạt khá trở lên; 95% chính quyền cơ sở đạt khá trở lên. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện HTTNV trở lên; 85% Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cơ sở HTTNV trở lên[112].

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, Đại hội đề ra các nhiệm vụ, giải pháp:

1. Cơ cấu lại kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng hàng hóa gắn với ứng dụng khoa học công nghệ; tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ

Trồng trọt: Chuyển dịch cơ cấu nội ngành nông nghiệp, tăng hợp lý giữa tỷ trọng trồng trọt và chăn nuôi gắn với phát huy lợi thế của từng địa phương. Từng bước chuyển đổi 3.100 ha đất trồng cây lương thực kém hiệu quả, sang các cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Duy trì và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung: Ổn định diện tích dứa 850 ha; mở rộng quy mô vùng chuối 2.500 ha, tại các xã: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Nậm Chảy, Thanh Bình; mở rộng vùng quýt 525 ha tại các xã: Nậm Chảy, thị trấn Mường Khương, Tung Chung Phố, Tả Ngài Chồ, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin và Cao Sơn; phát triển, mở rộng vùng chè đạt 4.620 ha tại các xã theo quy hoạch, trong đó ưu tiên các xã vùng cao; phát triển, mở rộng

112. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025.

vùng cây ăn quả ôn đới 800 ha tại các xã, thị trấn: Mường Khương, Tung Chung Phố, Tả Ngài Chồ, Pha Long, Dìn Chin, Tả Gia Khâu, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Cao Sơn và La Pan Tẩn, Tả Thàng. Phục tráng, chọn lọc, chủ động nguồn giống lúa Séng cù, ớt bản địa phục vụ sản xuất; duy trì diện tích lúa Séng cù 600 ha, vùng ớt 200 ha. Từng bước mở rộng quy mô sản xuất rau trái vụ 130 ha tại các xã: Tả Ngài Chồ, Pha Long, Nấm Lư, Lùng Khấu Nhin, Cao Sơn và La Pan Tẩn; nghiên cứu đưa mô hình trồng các loại cây dược liệu ở các xã, thị trấn: Mường Khương, Tả Ngài Chồ, Cao Sơn, La Pan Tẩn.

Xây dựng các vùng sản xuất nông sản hàng hoá an toàn đạt trên 70% diện tích từng vùng nguyên liệu, xây dựng thương hiệu sản phẩm, mã số vùng trồng và chuỗi giá trị gắn với sản phẩm OCOP. Từng bước tiếp cận với ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở một số loại cây trồng với quy mô phù hợp. Khuyến khích các mô hình, tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp; thu hút các doanh nghiệp đầu tư chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp: Chè, chuối, dứa. Hoàn thành xây dựng Nhà máy chế biến rau quả và Nhà máy chè tại xã Lùng Vai.

Chăn nuôi, thuỷ sản: Từng bước phát triển đàn gia súc, gia cầm theo quy mô gia trại, trang trại, gắn với chủ động giống, thức ăn tại chỗ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học; phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng đàn đạt trên 3 - 4%/năm. Tiếp tục phát triển chăn nuôi, đáp ứng nhu cầu của thị trường và nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi: Tổng đàn gia súc 14.110 con/năm, sản lượng thịt hơi 117 tấn; đàn lợn đạt 30.000 con/năm, sản lượng thịt hơi 3.000 tấn; đàn gia cầm 210.000 con/năm, sản lượng thịt hơi 530 tấn. Quan tâm sản xuất giống bò vàng vùng cao, lợn đen, gia cầm bản địa đảm bảo an toàn dịch bệnh phục vụ chăn nuôi, đáp ứng trên 80%. Duy trì diện tích nuôi trồng thuỷ sản tại các xã vùng thấp, mở rộng nuôi trồng thuỷ sản trên vùng lòng hồ thuỷ điện Cốc Ly, sản lượng đạt 230 tấn/năm.

Lâm nghiệp: Tổ chức rà soát, thống kê, đánh giá lại diện tích và hiệu quả kinh tế rừng; tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng chống lấn chiếm đất rừng, sử dụng đất rừng trái quy định; tiếp tục thực hiện trồng rừng sản xuất theo phương thức xã hội hoá, phấn đấu đạt 150 ha/năm, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 43%. Sử dụng cây trồng phù hợp với điều kiện sinh thái từng vùng, đảm bảo hiệu quả kinh tế lâm nghiệp, tập trung phát triển cây mỡ, xoan ta, trẩu...Phát hiện, nhân rộng các mô hình kinh tế lâm nghiệp có hiệu quả.

2. Xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục huy động các nguồn lực, sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền các cấp và toàn thể Nhân dân trong tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các xã hoàn thành nông thôn mới; phấn đấu 02 xã: Bản Lầu, Bản Xen đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; hoàn thành 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới: Nậm Chảy, Nấm Lư, Tả Ngài Chồ; tổng số hoàn thành 280 lượt tiêu chí, bình quân đạt 17,5 tiêu chí/xã, riêng các thôn của thị trấn Mường Khương đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

3. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*:* Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư kết cấu hạ tầng cụm tiểu thủ công nghiệp của huyện. Quản lý tốt hoạt động của các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có trên địa bàn. Phối hợp thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng thủy điện, chế biến nông sản; tiếp tục duy trì các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, khôi phục các làng nghề truyền thống...Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách phát triển tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ những lĩnh vực gắn với chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm chất lượng tốt có khả năng cạnh tranh trên thị trường; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, đăng ký và quản lý thương hiệu, bảo vệ môi trường.

4. Quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng

Hoàn thành phương án quy hoạch huyện Mường Khương thời kỳ 2021- 2030 định hướng đến năm 2050, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lào Cai. Tổ chức đầu tư xây dựng và quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt.

Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V thị trấn Mường Khương; khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển khu đô thị phía đông chợ Mường Khương; đầu tư xây dựng khu đô thị Tùng Lâu - Na Đẩy, phối hợp đầu tư Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Khương và trụ sở một số cơ quan hành chính; chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo quy hoạch.

Xây dựng trung tâm các xã theo chuẩn nông thôn mới; phấn đấu mỗi xã có một khu dân cư được đầu tư, sắp xếp theo quy hoạch. Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm các xã; xây dựng chợ Cao Sơn, nâng cấp chợ Pha Long; mở rộng trung tâm xã Bản Lầu; phấn đấu đến năm 2025, 02 xã: Pha Long và Bản Lầu được công nhận là thị tứ.

Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị; phối hợp nâng cấp tỉnh lộ 154, quốc lộ 4D; cứng hoá 100% các tuyến đường liên thôn, ngõ xóm, 50% đường đến khu sản xuất; các xã: Bản Lầu, Bản Xen, Lùng Vai, Thanh Bình đạt tiêu chí giao thông nâng cao.

Tích cực thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Tiếp tục huy động nguồn lực trong Nhân dân, thực hiện chủ trương "*Xã hội hóa - Nhà nước và Nhân dân cùng làm*" để kiên cố hóa đường giao thông nông thôn, kênh mương, chợ trung tâm xã...Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các chủ đầu tư. Thường xuyên tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ phụ trách lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản của huyện, xã; tăng cường giám sát cộng đồng theo quy định.

5. Tài chính, tín dụng, thương mại, dịch vụ, du lịch

Tài chính, tín dụng: Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu ngân sách Nhà nước, quan tâm nuôi dưỡng nguồn thu. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chi, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong quản lý tài chính, đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, nâng cao tính minh bạch, dân chủ và công khai trong công tác quản lý ngân sách Nhà nước. Tiếp tục khai thác hiệu quả quỹ đất, tạo nguồn lực cho nhiệm vụ đầu tư phát triển; chủ động rà soát, quy hoạch các điểm dân cư để giải quyết nhu cầu đất ở cho Nhân dân. Phấn đấu thu ngân sách nhà nước hằng năm hoàn thành chỉ tiêu tỉnh giao.

Phối hợp huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trong dân để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các hoạt động kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội; triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi. Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được tiếp cận với nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất kinh doanh.

Thương mại, dịch vụ và du lịch: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Kêu gọi xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng thương mại các chợ: Pha Long, Cao Sơn, Bản Xen; siêu thị mini ở các xã: Nậm Chảy, Tả Ngài Chồ, Nấm Lư, La Pan Tẩn; cửa hàng bán xăng dầu khu vực Pha Long và Cao Sơn; dịch vụ bưu chính - viễn thông, vận tải, phân phối hàng hoá trên địa bàn huyện. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, ổn định thị trường, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Phối hợp với các ngành của tỉnh nâng cấp cửa khẩu Mường Khương thành cửa khẩu chính *(song phương)*; trao đổi để hình thành các cặp chợ biên giới (*Na Lốc - Mã Hoàng Pao; Sín Tẻn - Kiều Đầu; Lồ Cố Chin - Lao Kha*). Phối hợp đầu tư hạ tầng và khai thác lợi thế khu kinh tế cửa khẩu tại Mường Khương.

Đẩy mạnh xúc tiến và quảng bá du lịch trên các phương tiện thông tin đại chúng; chủ động đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu

cầu phát triển du lịch. Kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, dịch vụ, sản phẩm du lịch bản sắc của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ khách du lịch.

Tổ chức rà soát, quy hoạch, xây dựng đề án, tập trung nguồn lực phát triển du lịch trên địa bàn huyện: Du lịch sinh thái, đi thuyền dọc sông Chảy, trải nghiệm các cung đường vùng cao, đua xe đạp ở khu vực vùng thấp; du lịch khám phá: Hang động, bản sắc văn hoá, chợ vùng cao, ẩm thực, điểm du lịch tâm linh; du lịch trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống, homestay,... Đến năm 2025, tổng lượng khách du lịch đến Mường Khương đạt 16.000 lượt khách.

6. Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; chú trọng phát triển giáo dục dân tộc, nâng cao chất lượng hệ thống các trường PTDT nội trú, bán trú. Đổi mới nội dung phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, kiểm định chất lượng theo hướng toàn diện; chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh. Tiếp tục củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ và giáo dục sau biết chữ; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hoạt động cộng đồng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Phấn đấu thêm 09 trường đạt chuẩn quốc gia. Chú trọng hướng nghiệp và phân luồng học sinh; phấn đấu đến năm 2025, 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục THPT và tương đương. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. 100% cán bộ quản lý, giáo viên các trường học có trình độ chuẩn, trên chuẩn; tỷ lệ giáo viên là đảng viên đạt 60%. Đổi mới đồng bộ, nâng cao hiệu lực,

hiệu quả quản lý nhà nước và quản lý chuyên môn, nghiệp vụ. Từng bước hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Đánh giá, thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển nguồn nhân lực; tuyên truyền, vận động, định hướng, hướng nghiệp và ưu tiên tuyển dụng con em các dân tộc trên địa bàn tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng về công tác và phục vụ lâu dài tại huyện.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp góp phần nâng cao chất lượng, giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến.

7. Phát triển văn hóa, thể thao

Tập trung xây dựng văn hóa công vụ, văn hóa lãnh đạo, quản lý, xây dựng nếp sống văn hóa trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Tiếp tục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, Nhân dân trong việc đẩy mạnh cải tạo tập tục lạc hậu, nhất là nâng cao ý thức vệ sinh môi trường; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, xây dựng bản sắc văn hóa, con người Mường Khương, gia đình, cơ quan, đơn vị văn hóa. Đến năm 2025, 80% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa; 80% thôn, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa; trên 98% cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đạt chuẩn văn hóa.

Duy trì và nhân rộng các hoạt động văn nghệ; phấn đấu xây dựng mỗi thôn, tổ dân phố có một đội văn nghệ quần chúng hoạt động có hiệu quả. Phát triển dịch vụ văn hóa phục vụ du lịch. Phát triển sâu rộng các phong trào thể dục thể thao, chú trọng phát triển các môn thể thao dân tộc, thể thao thành tích cao; phấn đấu tỷ lệ số người tập luyện thể thao thường xuyên đạt trên 40%. Đầu tư xây dựng mới 11 khu thể thao tại các xã và sân vận động huyện tại địa điểm mới.

Từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, đa dạng hóa loại hình truyền thông, nâng cao chất lượng truyền thanh - truyền hình, thông tin cơ sở. Tăng cường hoạt động thông tin đối ngoại. Huy động

các nguồn lực để củng cố, hoàn thiện các thiết chế văn hoá thể thao ở cơ sở. Phấn đấu tỷ lệ hộ được xem Truyền hình Việt Nam 95%; Tỷ lệ nghe được Đài Tiếng nói Việt Nam 99%. 100% xã, thị trấn có đài phát thanh và 100% thôn, tổ dân phố có cụm loa phát thanh đáp ứng tiêu chuẩn, công nghệ mới. 100% cán bộ làm công tác thông tin cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật phù hợp với vị trí việc làm.

8. Thực hiện tiến bộ, công bằng và an sinh xã hội

Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp giảm nghèo, thực hiện giảm nghèo bền vững. Phân loại, đánh giá hộ nghèo hằng năm đảm bảo khách quan, thực chất; xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu cho các cơ quan, đơn vị giúp đỡ các hộ thoát nghèo bền vững theo Nghị quyết 20 - NQ/TU của Tỉnh uỷ. Triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với tạo việc làm cho lao động trên địa bàn. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân đối với 10 xã trên 40% hộ nghèo theo đúng tinh thần Nghị quyết 20 - NQ/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 231 - KH/HU của Huyện ủy. Nâng cao nhận thức, phát huy tính tự lực, tự cường của người dân, chủ động khắc phục khó khăn, cần cù lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới trung bình từ 6%/năm, đến 2025 số hộ nghèo còn lại là 1.830 hộ.

Tập trung các giải pháp đào tạo nghề, thực hiện tốt định hướng nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Đẩy mạnh công tác thông tin thị trường lao động, mở các phiên giao dịch việc làm tại các xã để người lao động có cơ hội lựa chọn tìm việc làm. Đảm bảo tối thiểu 80% lao động có việc làm sau đào tạo. Thực hiện liên kết đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp (*bình quân mỗi năm có tối thiểu 20 lao động/xã được giới thiệu, bố trí làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, xuất khẩu lao động*).

Quan tâm, hỗ trợ các đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương. Phấn đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Huy động nguồn lực chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công, gia đình chính sách. Đẩy mạnh các biện pháp đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội.

Thực hiện đồng bộ các chính sách dân tộc gắn với giảm nghèo bền vững. Tạo điều kiện để các tổ chức, chức sắc, chức việc, tín đồ tôn giáo hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của Nhân dân.

Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ khám, điều trị bệnh. Nâng cấp và hoàn chỉnh các phòng khám khu vực Bản Lầu, Pha Long, Cao Sơn. Duy trì tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Quan tâm nâng cao chất lượng dân số, thực hiện có hiệu quả Pháp lệnh dân số. Quản lý tốt các cơ sở y, dược tư nhân trên địa bàn. Duy trì, nâng cao chất lượng các xã, thị trấn đã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong phòng chống dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn và y đức của đội ngũ y, bác sĩ, nhân viên y tế. Thu hút bác sĩ về công tác tại huyện. Phấn đấu tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,3%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng theo thể cân nặng xuống còn 15,5%; đạt tỷ lệ 12 bác sĩ/1 vạn dân; tỷ lệ giường bệnh đạt 39 giường bệnh/vạn dân.

9. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn, đặc biệt là tài nguyên đất, tài nguyên nước. Tăng cường quản lý đất đai, giải quyết dứt điểm các tranh chấp về đất đai, lấn chiếm trái phép, tự ý chuyển đổi mục đích, quản lý chặt chẽ quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Thường xuyên làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý dứt điểm các vụ

việc vi phạm. Khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nhất là công tác thu gom, xử lý rác thải y tế, rác thải sinh hoạt, rác thải sản xuất. Nâng cao ý thức vệ sinh môi trường của người dân và cộng đồng.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo sản xuất, hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực của biến đối khí hậu đối với đời sống Nhân dân. Thực hiện công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thực hiện khắc phục hậu quả thiên tai theo phương châm *"4 tại chỗ";* chủ động rà soát, di chuyển, sắp xếp các hộ dân có nguy cơ xảy ra thiên tai nguy hiểm đến nơi an toàn.

10. Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại

Quốc phòng, quân sự: Tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác quân sự, quốc phòng địa phương. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 2,2% - 2,5% so với tổng dân số; tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ đạt 25% trở lên; tỷ lệ đảng viên trong dự bị động viên đạt 18% trở lên; 100% thôn, tổ dân phố có dân quân. Xây dựng khu vực phòng thủ huyện vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, biên phòng toàn dân bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Thực hiện tốt chế độ chính sách hậu phương quân đội. Tăng cường phối hợp quản lý, giải quyết vướng mắc đất quốc phòng; đầu tư xây dựng thao trường diễn tập, huấn luyện cấp huyện tại thôn Cốc Phúng, xã Lùng Vai và thao trường huấn luyện của 16/16 xã, thị trấn. Xây dựng trụ sở làm việc của dân quân thường trực xã Bản Lầu và trụ sở công an, quân sự các xã, thị trấn còn lại. Đầu tư củng cố, sửa chữa, cải tạo hệ thống hang động thiên nhiên, xây dựng hệ thống công trình chiến đấu, các trận địa súng máy 12,7mm, các trận

địa bắn máy bay bay thấp, đường giao thông tại các xã, thị trấn; căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương và khu vực phòng thủ then chốt của huyện. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện đạt khá trở lên (*dự kiến năm 2021*). Hằng năm chỉ đạo tổ chức diễn tập chiến đấu phòng thủ cho 03 - 04 xã, thị trấn; diễn tập phòng chống lụt bão - Tìm kiếm cứu nạn hoặc phòng cháy, chữa cháy rừng cho 01 xã, thị trấn và cấp huyện 01 lần trong nhiệm kỳ; phấn đấu kết quả các cuộc diễn tập đạt giỏi và xuất sắc.

Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Đẩy mạnh phong trào "*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*", chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh nội địa và quản lý biên giới. Triển khai có hiệu quả các phương án, kế hoạch đảm bảo an ninh - trật tự trên địa bàn, giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp nảy sinh ngay từ cơ sở. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai, tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh trật tự; khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ...Phấn đấu tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%; giảm dần cả 3 tiêu chí về an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác phối hợp, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả thiên tai. Tăng cường công tác quản lý xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại, tội phạm qua biên giới.

Duy trì và nâng cao chất lượng giao ban công tác nội chính hằng tháng. Đẩy mạnh công tác phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan nội chính. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và nhận thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối ngoại: Tiếp tục duy trì và củng cố, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với huyện Mã Quan và huyện Hà Khẩu - tỉnh Vân

Nam, Trung Quốc. Tăng cường đối ngoại biên phòng, đối ngoại nhân dân khu vực biên giới; đẩy mạnh hợp tác với các huyện trong và ngoài tỉnh.

11. Phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhằm phát huy vai trò MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, người có uy tín trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Đẩy mạnh công tác giám sát, phản biện tham gia xây dựng Đảng, chính quyền. Đổi mới các hình thức tập hợp quần chúng theo hướng gần dân, trực tiếp ở cơ sở, giải quyết các vấn đề nảy sinh tại cơ sở. Triển khai có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, dân vận chính quyền. Quan tâm bồi dưỡng về học vấn, lý luận chính trị, chuyên môn kỹ thuật cho hội viên, đoàn viên và người lao động. Tạo điều kiện cho người lao động được học nghề, khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất. Khuyến khích, tạo điều kiện để đội ngũ trí thức, doanh nhân trên địa bàn được nâng cao nhận thức chính trị, trình độ quản lý, sáng tạo và phát huy trí tuệ, năng lực cống hiến cho sự phát triển của huyện. Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể huyện Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên; 85% Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cơ sở Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

12. Củng cố, xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tư pháp

Nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND, năng lực, kỹ năng hoạt động của đại biểu HĐND các cấp. Tăng cường hoạt động chất vấn, giám sát, tiếp thu, đôn đốc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Phát huy vai trò năng lực quản lý, điều hành của UBND các cấp, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện nghiêm quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ. Sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; thực hiện

có hiệu quả chính sách tinh giảm biên chế. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực, cơ cấu phù hợp theo vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân, giải quyết kịp thời các ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tư pháp. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và giám sát của MTTQ và các cơ quan dân cử đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của các tổ chức bổ trợ tư pháp. Phấn đấu Chính quyền huyện đạt khá trở lên; 95% chính quyền cơ sở đạt khá trở lên, không có chính quyền cơ sở yếu kém.

13. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng: Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, tính chiến đấu của Đảng bộ và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chủ chốt các cấp. Nâng cao năng lực lãnh đạo, nhất là năng lực cụ thể hóa, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối của Đảng sát với tình hình thực tiễn; lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tập trung nguồn lực thực hiện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; sơ kết, tổng kết nghị quyết, chỉ thị nghiêm túc, hiệu quả. Đổi mới phương thức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng. Nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị tại Trung tâm Chính trị huyện. Đa dạng hóa nội dung, đổi mới hình thức tuyên truyền, cổ động. Chú trọng nắm bắt dư luận xã hội. Chủ động đấu tranh chống âm mưu và hoạt động

"*Diễn biến hòa bình*" trên tất cả các lĩnh vực. Đẩy mạnh biên soạn lịch sử địa phương, cơ quan, đơn vị. Phấn đấu đến năm 2025, 100% các xã, thị trấn hoàn thành biên soạn lịch sử địa phương.

Kiên quyết, kiên trì thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII của Đảng gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng việc nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; kịp thời biểu dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo Bác. Thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình, coi trọng kiểm tra việc sửa chữa, khắc phục hạn chế, khuyết điểm; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân trong việc nêu gương của cán bộ, đảng viên.

Củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ từ huyện tới cơ sở theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả: Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Hướng dẫn số 12 - HD/BTC TW của Ban Tổ chức Trung ương. Chú trọng làm tốt công tác phân công và theo dõi thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Quan tâm tạo nguồn phát triển đảng viên ở thôn, tổ dân phố. Tiếp tục rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên. Tăng cường công tác quản lý đảng viên và đánh giá, phân xếp loại hằng năm đảm bảo thực chất.

Tiếp tục rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ. Chú trọng đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức ở các cơ quan Đảng, Chính quyền, MTTQ các đoàn thể theo chức danh, tiêu chuẩn và vị trí việc làm. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để đội ngũ cán bộ phát huy năng lực, sở trường, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Đến năm 2025, cán bộ chuyên trách cấp xã được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng công tác đạt trên 85%. Đánh giá thực chất đội ngũ cán bộ công chức nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên

chế theo đúng lộ trình và kế hoạch đề ra. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Phấn đấu kết nạp 200 đảng viên mới/năm; chi bộ thôn có ban chi ủy đạt trên 90%; hằng năm, tổ chức cơ sở đảng HTTNV đạt trên 90%; tỷ lệ đảng viên HTTNV đạt trên 90%; Đảng bộ huyện HTTNV trở lên.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng: Tập trung lãnh đạo chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng. Phối hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước. Củng cố, kiện toàn UBKT các cấp đảm bảo số lượng, chất lượng, cơ cấu, thành phần theo quy định. Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đúng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các vấn đề quan trọng, nhạy cảm như: Công tác cán bộ, quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư công...Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất nhằm kịp thời phát hiện ngăn chặn những tổ chức đảng, cán bộ đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Phấn đấu tỷ lệ các chi bộ trực thuộc Đảng bộ huyện được kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng hằng năm đạt trên 60%.

Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao công tác dân vận trong tình hình mới: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận. Thực hiện có hiệu quả Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, mô hình "*Dân vận khéo*", "*Tuyên vận*" ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác dân vận chính quyền. Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện công khai, minh bạch trong các hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan Nhà nước các cấp. Làm tốt công tác tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân. Giải quyết kịp thời những kiến nghị, đề xuất chính đáng của Nhân dân, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong các cơ quan Đảng đồng bộ với các cơ quan quản lý nhà nước, đoàn thể: Đẩy mạnh cải cách hành

chính trên các lĩnh vực: Thể chế, tổ chức bộ máy, cán bộ, tài chính công... Hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lãnh đạo, quản lý, điều hành trong hệ thống chính trị, phục vụ người dân, doanh nghiệp; thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong các cơ quan Đảng, Chính quyền, MTTQ và các đoàn thể thống nhất, kết nối liên thông và đồng bộ.

Thực hiện nghiêm công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn: Phát huy vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong phòng chống, tham nhũng, lãng phí. Thực hiện đúng quy định việc kê khai và kiểm soát tài sản. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử, nhất là những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Thực hiện nghiêm túc công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân kịp thời.

Trên cơ sở các đề án trọng tâm, nghị quyết, kế hoạch chuyên đề của Đảng bộ tỉnh, căn cứ vào nhiệm vụ thực tế và các mục tiêu cụ thể của Đảng bộ huyện, xây dựng các đề án trọng tâm, nghị quyết, kế hoạch chuyên đề để lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoàn thành các mục tiêu Đại hội đã đề ra.

Đại hội xác định 3 lĩnh vực đột phá

Một là, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, an toàn, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm gắn với giảm nghèo nhanh và bền vững, đặc biệt là các xã có tỷ lệ nghèo cao:

Tiếp tục duy trì và phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm gắn với liên kết và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ các tổ chức, cá nhân hợp tác, liên kết tiêu thụ nông sản cho Nhân nhân; đồng thời tổ chức sản xuất theo quy trình kỹ thuật đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân đối với 10 xã trên 40% hộ nghèo theo đúng tinh thần Nghị quyết 20 - NQ/TU của Tỉnh ủy

và Kế hoạch số 231 - KH/HU của Huyện ủy. Nâng cao nhận thức, phát huy tính tự lực, tự cường của người dân, chủ động khắc phục khó khăn, cần cù lao động sản xuất, vươn lên thoát nghèo. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới trung bình từ 6%/năm, đến 2025 số hộ nghèo còn lại là 1.830 hộ.

Hai là, phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, đô thị:

Phấn đấu đến năm 2025, 100% các tuyến đường liên thôn *(tuyến đường nối giữa các thôn trên địa bàn huyện)* được cứng hóa; 100% đường ngõ xóm được cứng hóa bằng mặt đường bê tông xi măng, 50% đường đi khu sản xuất được cứng hóa bằng cấp phối đá dăm láng nhựa hoặc mặt đường bê tông xi măng, 4/16 xã thị trấn đạt tiêu chí giao thông nâng cao. Đề nghị cấp trên nâng cấp một số tuyến đường trong vùng trọng điểm về quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng 04 trung tâm cụm xã (*khu vực Pha Long, Cao Sơn, Bản Lầu và thị trấn Mường Khương*), hình thành các thị tứ, hoàn thiện đô thị loại V thị trấn Mường Khương. Mở rộng khu vực trung tâm xã Bản Lầu, xây dựng chợ cụm khu vực xã Cao Sơn, nâng cấp chợ cụm khu vực xã Pha Long và các danh mục liên quan khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hoàn thành sắp xếp theo quy hoạch một số điểm dân cư nông thôn. Thực hiện các công trình đã được đầu tư phê duyệt: Bệnh viện Đa khoa huyện tại vị trí mới, sân vận động huyện Mường Khương, các công trình nhà văn hóa, tiểu công viên, nhà thiếu nhi...

Ba là, đổi mới mạnh mẽ trong công tác cán bộ, đặc biệt là khâu đánh giá, phân xếp loại cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ từ huyện tới cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: Phát huy năng lực, trí tuệ của cán bộ, thực hiện luân chuyển cán bộ các phòng ban huyện về giữ các chức vụ chủ chốt tại cơ sở nhằm tăng cường, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở. Đổi mới quản lý cán bộ, công chức, viên chức

theo vị trí việc làm và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị theo Nghị quyết 18, 19 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII). Từng bước hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận "*một cửa liên thông*" tại Văn phòng HĐND - UBND huyện và bộ phận "*một cửa"* tại UBND các xã, thị trấn. Triển khai tổ chức thực hiện phong trào thi đua đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, cải cách công vụ và thực hiện văn hóa công sở trên địa bàn[113].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 36 uỷ viên, *trong đó 12 đồng chí được bầu là uỷ viên Ban Thường vụ. Thường trực gồm 3 đồng chí: Đồng chí Giàng Quốc Hưng giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Hoàng Văn Tuyên là Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Phan Quốc Nghĩa là Phó Bí thư - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện[114].* Các đồng chí uỷ viên Ban Chấp hành đều đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Đảng.

Sau Đại hội: Đồng chí Giàng Seo Vần giữ chức Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Hoàng Văn Quang giữ chức Phó Bí thư Thường trực, Đồng chí Lê Ngọc Dương, sau đó là đồng chí Nguyễn Trọng Huân giữ chức hó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện.

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV thể hiện ý chí và nguyện vọng to lớn của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc Mường Khương. Đại hội khẳng định quyết tâm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trong huyện tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất, năng động, sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, tinh

113. Báo Cáo Chính trị Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025 (phần phương hướng, nhiệm vụ, giải phápt hực hiện nhiệm kỳ 2020 - 2025

114. Theo Quyết định số 1600-QĐ/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh uỷ Lào Cai về Chuẩn y BCH Đảng bộ huyện Mường Khương tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025.

thần tự chủ, khai thác tiềm năng, lợi thế, nắm vững thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

III. Lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Trong nhiệm kỳ, Huyện ủy Mường Khương đã ban hành 21 chỉ thị, 11 nghị quyết, 81 kế hoạch chuyên đề cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng cấp trên để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Phong trào Thi đua xây dựng nông thôn mới gắn với xoá đói giảm nghèo được phát động sôi nổi hằng năm.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIV nhiệm kỳ 2020 - 2025 ở huyện Mường Khương diễn ra trong điều kiện có nhiều thuận lợi, nhất là được Đảng, Nhà nước tăng cường đầu tư bằng các chính sách miền núi, vùng dân tộc thiểu số, song còn gặp những khó khăn nhất là đại dịch Covid-19 kéo dài gây thiệt hại lớn đến phát triển kinh tế - xã hội; thời tiết diễn biến khó lường, thiên tai thường xuyên xảy ra, gây thiệt hại lớn về người, tài sản và sản xuất.

Tranh thủ những điều kiện thuận lới, ra sức khắc phục khó khăn, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương đã bám sát các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tập trung lãnh đạo các cấp, các ngành trong hệ thống chính trị tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

1. Kinh tế nông, lâm nghiệp phát triển ổn định; tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nhiệp và thương mại, dịch vụ

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất đai, khí hậu để phát triển, nâng cao giá trị gia tăng ngành trồng trọt. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng vào sản xuất góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm. Các ngành hàng chủ lực, tiềm năng được duy trì và phát triển, chuyển đổi 6.000ha đất trồng cây kém hiệu quả sang phát triển các ngành hàng chủ lực, tiềm năng hình thành lên các vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, cụ thể: vùng chè 6.182 ha *(tăng 2.706 ha)*, vùng dứa 2.000 ha *(tăng 1.225 ha)*, vùng lúa séng cù 700 ha *(tăng 300 ha)*, vùng quế 2.310 ha *(tăng 1.470 ha)*, vùng quýt 870 ha *(tăng 55 ha),* vùng ớt 200 ha, chuối 1.440 ha... Giá trị sản phẩm/ha đất canh tác đạt 100 triệu đồng bằng 100% MTNQ, trong đó giá trị các cây trồng chủ lực, tiềm năng chiếm trên 70% giá trị sản xuất ngành trồng trọt. Tại các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, Nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang phát triển các ngành hàng chủ lực, tiềm năng. Đến hết năm 2025, tổng diện tích cây trồng chủ lực, tiềm năng tại 05 xã có tỷ lệ hộ nghèo cao đạt 1.448 ha *(tăng 622 ha so với nhiệm kỳ trước).* Trồng rừng mới đạt 1.839ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 45% bằng 104,65% MTNQ. Tổng đàn và giá trị sản phẩm chăn nuôi được duy trì ổn định; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được kiểm soát; thuỷ sản phát triển ổn định, bước đầu phát triển cá nước lạnh (cá hồi) với thể tích nuôi 2.690 m^3. Chủ động ứng phó linh hoạt trong công tác phòng chống thiên tai theo phương châm "bốn tại chỗ", huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ nhân dân khắc phục thiệt hại về nhà ở và khôi phục sản xuất kịp thời.

Chương trình Xây dựng nông thôn mới được triển khai hiệu quả, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, diện mạo khu vực nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, duy trì 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới bằng 62,5% MTNQ. Phát triển 17 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 3 sao trở lên, nâng tổng số sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP lên 21 sản phẩm.

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định: Công tác thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản được quan tâm, trên địa bàn huyện có 07 nhà máy hoạt động ổn định. Tiểu thủ công nghiệp phát triển nhanh, hiện có 761 cơ sở sản xuất, tăng 355 cơ sở so với năm 2020. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp ước đạt 675 tỷ đồng.

2. Tài chính, tín dụng, thương mại, dịch vụ, du lịch được triển khai hiệu quả. Huyện đã huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư được quan tâm. Công tác khai thác, nuôi dưỡng nguồn thu được chú trọng thu ngân sách trên địa bàn tăng theo từng năm, tổng thu đạt 460 tỷ đồng, đạt 123% so MTNQ. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện đạt 6.712 tỷ đồng, bằng 122% MTNQ. Huy động vốn tín dụng trên địa bàn tăng mạnh, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các tổ chức, cá nhân phát triển kinh tế. Công tác quảng bá về tiềm năng lợi thế phát triển du lịch được quan tâm; hình ảnh, bản sắc văn hóa văn hoá con người Mường Khương được giới thiệu đến bạn bè trong nước và quốc tế. Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn trong 5 năm đạt trên 50.000 lượt khách bằng 102% mục tiêu Đại hội, doanh thu ước đạt trên 40 tỷ đồng.

***3. Quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng được triển khai đồng bộ**:* Đã hoàn thành quy hoạch huyện Mường Khương thời kỳ 2021- 2030 định hướng đến năm 2050, tích hợp vào quy hoạch tỉnh Lào Cai. Tổ chức đầu tư xây dựng và quản lý tốt các quy hoạch đã được phê duyệt. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V thị trấn Mường Khương; tiếp tục đầu tư phát triển khu đô thị phía đông chợ Mường Khương; đầu tư xây dựng khu đô thị Tùng Lâu - Na Đẩy, đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa huyện và trụ sở một số cơ quan hành chính hoạt động hiệu quả. Trung tâm các xã và điểm dân cư được điều chỉnh quy hoạch xây dựng và đầu tư kết cấu hạ

tầng góp phần xây dựng các tiêu chí nông thôn mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư, đã đâu tư xây dựng 131 dự án giao thông, 03 dự án hạ tầng thương mại, 20 dự án trường học, 09 dự án Nông, lâm nghiệp, thủy lợi, cấp nước... với tổng mức đầu tư 1.608 tỷ đồng.

4. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu: *Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường:* Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện đúng quy định. Quỹ đất công được rà soát, bổ sung và quản lý chặt chẽ; thực hiện đấu giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng pháp luật. Tiềm năng đất đai được khai thác, sử dụng đúng mục đích. Hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính cho 16/16 xã, thị trấn. Thực hiện tốt công tác thu hồi đất để thực hiện các dự án kết cấu hạ tầng để thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện Mường Khương (Đề án 86) đảm bảo đúng quy định. Tài nguyên khoáng sản được quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả. Chất thải sinh hoạt, y tế và sản xuất được thu gom, xử lý kịp thời.

Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm chú trọng: Duy trì nghiêm túc trực phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; cập nhật, cảnh báo và khắc phục hậu quả thiên tai kịp thời theo phương châm "4 tại chỗ"; rà soát, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm. Tăng diện tích, tán che phủ rừng, từng bước khắc phục nguy cơ sa mạc hoá, đặc biệt tại xã Dìn Chin và Tả Gia Khâu.

5. Văn hoá - xã hội - khoa học công nghệ

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ

Công tác giáo dục và đào tạo tiếp tục đạt được nhiều kết quả quan trọng. Huyện đã quan tâm đầu tư phát triển giáo dục - đào tạo cả về quy mô, chất lượng giáo dục, đội ngũ nhà giáo và cán bộ lãnh đạo quản lý; nội dung chương trình và phương pháp giáo dục, đào tạo được thực hiện theo yêu cầu đổi mới. Việc sáp nhập các đơn vị trường theo hướng tinh gọn, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị. Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về vai trò, tầm quan trọng phát triển nguồn nhân lực có những thay đổi theo hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với điều kiện và sự phát triển của địa phương. Tổng nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo là 93,65 tỷ đồng. Phòng học kiên cố chiếm trên 95%. Toàn huyện có 42/58 trường đạt chuẩn quốc gia đạt 73% bằng MTNQ. Chất lượng giáo dục được nâng lên, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 99,2%; tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng đạt 35%; tỷ lệ học sinh đạt giải cấp quốc gia và cấp tỉnh tiếp tục tăng. Công tác phổ cập giáo dục được duy trì vững chắc, đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 4-5 tuổi; Công tác hướng nghiệp phân luồng học sinh có nhiều chuyển biến, tỷ lệ phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS đạt 84,9%, tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ THPT và tương đương 60%; xây dựng trường học hạnh phúc gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá của Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương.

Công tác văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông đạt được nhiều kết quả quan trọng, giá trị sức mạnh văn hoá được phát huy

Kết quả phát triển văn hoá đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Đảng bộ tập trung lãnh đạo phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI); Nghị quyết số 09-NQ/TU về "Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững". Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh, nâng cao chất lượng xây dựng thôn, TDP, gia đình văn hóa, năm

2025 tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 83,7% bằng 1.04% MTNQ, tăng 2,2% so với năm 2020; tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn\hóa đạt 80,9% bằng 101% MTNQ, tăng 0,5% so với năm 2020.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng từng bước phát triển mạnh mẽ: Tỷ lệ người dân tham gia luyện tập TDTT thường xuyên đạt 35.%. Thể thao thành tích cao được quan tâm (giai đoạn 2021 - 2025 đạt 44 huy chương, trong đó 07 huy chương vàng, 09 huy chương bạc, 28 huy chương đồng).

Công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống được quan tâm triển khai hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Huyện có 02 di tích danh thắng quốc gia, 01 di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh, 07 di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Các lễ hội truyền thống được tổ chức văn minh, đúng quy định.

Thiết chế văn hóa được đầu tư, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt và hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân. 155/157 thôn, tổ dân phố có nhà văn hoá, bằng 98,72%; 16/16 xã có nhà văn hoá đa năng, bằng 100%; toàn huyện có 04 đài truyền thanh chuyển đổi ứng dụng CNTT, với 54 cụm loa truyền thanh ứng dụng CNTT, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền trên địa bàn huyện.

6. An sinh xã hội được trú trọng, công tác giảm nghèo, bảo vệ chăm sóc sức khoẻ Nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng

Chính sách, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện hiệu quả. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới, các chính sách bảo hiểm xã hội được triển khai đồng bộ, kịp thời. Đặc biệt đã chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chương trình dự án đối với hộ nghèo, cận nghèo, tạo điều kiện cải thiện về phát triển sản xuất, ổn định và nâng cao đời sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

Các chương trình, giải pháp giảm nghèo được triển khai đồng bộ, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên vùng đặc

biệt khó khăn; giảm khoảng cách chênh lệch về đời sống giữa các vùng, các dân tộc. Đến hết năm 2024 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 25,69%, bình quân mỗi năm giảm 6,72%/năm, đạt 112% nghị quyết; công tác phối hợp đào tạo giải quyết việc làm có chuyển biến tích cực từng bước giúp người lao động có việc làm và thu nhập ổn định; tổ chức mở các lớp dạy nghề cho 1.850 lao động nông thôn, giải quyết việc làm cho 1.600 lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn huyện đạt 65,5% (tăng 19,5% so với năm 2020), đạt 100,7% nghị quyết, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, cấp chứng chỉ 24,5%, đạt 102% nghị quyết.

Công tác chăm sóc sức khoẻ Nhân dân được chú trọng, đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng y tế, nâng cấp chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ Nhân dân từ huyện đến cơ sở (Bệnh viên đa khoa huyện được xây dựng mới với quy mô 200 giường bệnh đã đưa vào sử dụng). Thực hiện thường xuyên việc liên kết hoạt động giữa bệnh viện vệ tinh Mường Khương với Bệnh viện Đại học y Hà Nội để nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng chất lượng; duy trì Bác sỹ bệnh viện Nhi Trung ương và Bệnh viện Đại học y Hà Nội lên hỗ trợ luân phiên nhằm chuyển giao các kỹ thuật cho bác sỹ bệnh viện đa khoa huyện. Công tác xã hội hoá được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi cho khám, chữa bệnh của người dân. Bảo hiểm y tế toàn dân được quan tâm, với tỷ lệ đạt 97%, tăng ….so với đầu nhiệm kỳ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 13%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống còn 14,8%; đạt tỷ lệ 9 bác sĩ/1 vạn dân và đạt 36,4 giường bệnh/vạn dân.

7. Quốc phòng - an ninh - quan hệ đối ngoại

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng đảm bảo vững chắc. Đã tăng cường đầu tư kinh phí xây dựng công trình quân sự trong khu vực phòng thủ (trong nhiệm kỳ đã đầu tư 880 triệu đồng). Phối hợp với Bộ CHQS tỉnh hoàn thiện

hồ sơ, giải phóng mặt bằng xây dựng 01 trận địa súng máy phòng không 12,7mm; quản lý chặt chẽ 04 vị trí Đất Quốc phòng, 286 công trình quốc phòng, 40 mốc khống chế pháo binh, mốc quân dụng; phối hợp với quân khu II, triển khai xây dựng 70,8 km đường tuần tra biên giới. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bảo đảm chất lượng. Quan tâm xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Nâng cao chất lượng huấn luyện, diễn tập, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới của Tổ quốc. Hoàn thành chỉ tiêu giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện quy chế phối hợp giữa bộ đội địa phương, dân quân tự vệ với các lực lượng khác trên địa bàn trong nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Lực lượng vũ trang bảo đảm an toàn tuyệt đối các sự kiện chính trị quan trọng và các đoàn công tác của lãnh đạo các cấp đến huyện Mường Khương công tác, kịp thời nắm tình hình và đảm bảo an ninh trên tuyến biên giới, tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ tranh chấp, vi phạm về đất đai ở cơ sở, không để hình thành điểm nóng về ANTT, tăng cường công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng, làm tốt công tác định hướng tuyên truyền, phòng, chống không để văn hóa phẩm độc hại, tiêu cực tán phát trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ BMNN, không để xảy ra vụ việc mất, lộ lọt BMNN ở trên địa bàn. Thực hiện có hiệu quả chủ trương biên chế công an chính quy về các xã trên địa bàn huyện; Triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp, chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng chống mua bán người; kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội; thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận, giải quyết tin báo tố giác, điều tra, xử lý tội phạm. Các hoạt động tội phạm có tổ chức, các vụ trọng án tại địa bàn huyện có xu hướng giảm, số vụ phạm pháp hình sự giảm trung bình 30%/năm. Hàng năm, 100% các vụ án

thụ lý đều đã điều tra, kết luận, giải quyết dứt điểm, không để tồn đọng; không để xảy ra oan, sai, bức cung, nhục hình, bỏ lọt tội phạm. Làm tốt công tác quản lý cư trú, quản lý dân cư. Tập trung thực hiện quyết liệt dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án sản xuất, cấp và quản lý căn cước công dân là hai dự án có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng Chính phủ điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về Luật Giao thông đường bộ; làm tốt công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với nhiệm kỳ 2015 - 2020. Giảm 17 vụ, 25 người chết *(giảm 45%)* so với nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Hoạt động đối ngoại tiếp tục được đẩy mạnh. Duy trì và củng cố, phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với huyện Mã Quan và huyện Hà Khẩu - tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Trong nhiệm kỳ đã tiếp nhận 59 thư và gửi trao đổi 60 thư; tổ chức hội đàm 04 cuộc, triển khai ký 03 biên bản hợp tác với huyện Hà Khẩu và Mã Quan (Trung Quốc).

8. Hoạt động của Mặt trân Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị

Nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới, đã làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân huyện chủ động, sáng tạo phát động các phong trào, cuộc vận động, xây dựng các câu lạc bộ thu hút hoàn viên, hội viên tham gia hoạt động tập trung vào phong trào xây dựng nông thôn mới, thực hiện xoá đói, giảm nghèo.

Khối đại đoàn kết các dân tộc tiếp tục được tăng cường. Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia các cuộc vận động, phong trào thi đua đem lại hiệu quả thiết thực; các chương trình phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, huy động được sự chung tay, góp sức của cả hệ thống chính trị, các tổ chức,

cá nhân trong và ngoài nước; sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được phát huy.

Chất lượng giám sát, phản biện, tham gia góp ý vào các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được nâng lên, tạo sự đồng thuận và thống nhất cao trong xã hội. Dân chủ được phát huy, quyền làm chủ của Nhân dân được bảo đảm; ý chí tự lực, tự cường và sức mạnh toàn dân được khơi dậy mạnh mẽ; Nhân dân được tham gia quyết định đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân được bảo đảm; hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng theo đúng quy định của pháp luật. Niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ngày càng được củng cố và tăng cường.

9. Củng cố bộ máy chính quyền các cấp

Hội đồng nhân dân các cấp được củng cố, kiện toàn đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; hoạt động có nhiều đổi mới, phát huy đầy đủ vai trò của cơ quan quyền lực Nhà nước tại địa phương. Hội đồng nhân dân các cấp thể chế hóa kịp thời các chủ trương, nghị quyết của cấp trên và cấp ủy cùng cấp; kịp thời quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương theo luật định và triển khai chương trình giám sát việc tổ chức thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả; tăng cường mối quan hệ công tác với ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên, nhất là hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát, chất vấn tại kỳ họp, lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do hội đồng nhân dân bầu. Nổi bật, các kỳ họp của hội đồng nhân huyện khóa được đổi mới cả về công tác chuẩn bị nội dung, phương thức tổ chức theo hướng phát huy dân chủ, thiết thực, công khai, minh bạch được Nhân dân ghi nhận và đánh giá cao.

Uỷ ban nhân dân huyện và ủy ban nhân dân các cấp: Có nhiều đổi mới trong chỉ đạo, điều hành, cơ bản thực hiện tốt vai trò kiến tạo, phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp; cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đúng chủ trương, nghị quyết của cấp ủy và hội đồng nhân dân

cùng cấp. Uỷ ban nhân dân huyện thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của Huyện uỷ, chủ động báo cáo những nội dung quan trọng về kinh tế - xã hội, nhất là các đề án, dự án trọng điểm, quy hoạch phát triển các ngành, các địa phương. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ của cán bộ, công chức các cấp; thực hiện nghiêm việc đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã. Chú trọng tăng cường mối quan hệ công tác với Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các sở, ngành, tỉnh. Tổ chức bộ máy được đổi mới, sắp xếp theo hướng tinh gọn, giảm biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến; chất lượng chỉ số cải cách hành chính được nâng lên. Cải cách thể chế được chú trọng; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ngày càng hoàn thiện, giải quyết kịp thời yêu cầu thực tiễn đặt ra. Thủ tục hành chính được rà soát, đơn giản hóa, số hóa, rút ngắn thời gian giải quyết. Công tác quản lý công chức, viên chức được đổi mới, nâng cao chất lượng, kỷ luật, kỷ cương hành chính đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cải cách tài chính công được đẩy mạnh, nâng cao mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp được đổi mới, nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp

Chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo được nâng lên. Cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh, chỉ đạo công tác tiếp công dân; đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thẩm tra, xác minh, kết luận và ban hành quyết định giải quyết trong thời hạn quy định. Công tác đối thoại với Nhân dân được thực hiện ngay từ cơ sở, không để tố cáo vượt cấp.

Cải cách tư pháp được đẩy mạnh, hoạt động của các cơ quan tư pháp được đổi mới. Đã giải quyết tốt các vụ án, vụ việc có tính chất phức tạp được dư luận xã hội quan tâm. Chất lượng, hiệu quả

công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp chuyển biến tích cực, các hoạt động bổ trợ tư pháp được chú trọng. Tổ chức bộ máy các cơ quan tư pháp và đội ngũ cán bộ được kiện toàn, đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng; các tổ chức bổ trợ tư pháp được củng cố và hoạt động hiệu quả. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác tội phạm, vi phạm pháp luật được thực hiện tốt. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án ngày càng được nâng lên, các vụ án được đưa ra giải quyết bảo đảm kịp thời, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

10. Công tác xây dựng Đảng

Công tác chính trị, tư tưởng có nhiều đổi mới; hoạt động tuyên truyền, nắm bắt dư luận xã hội tiếp tục đi vào thực chất đem lại hiệu quả tích cực. Cấp ủy các cấp có nhiều đổi mới trong việc chỉ đạo quán triệt, xây dựng và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Bản lĩnh chính trị, trình độ, năng lực lãnh đạo, sự đoàn kết thống nhất và sức chiến đấu của tổ chức đảng được nâng lên, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với tổ chức đảng và chính quyền các cấp. Các chỉ thị, nghị quyết, chương trình hành động được ban hành bảo đảm toàn diện, mang tính chiến lược dài hạn, kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn theo hướng ngắn gọn, thiết thực, dễ đánh giá góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Công tác biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống đạt nhiều kết quả tích cực, 100% các xã, thị trấn hoàn thành xuất bản lịch sử Đảng bộ. Công tác giáo dục lý luận chính trị, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức có nhiều đổi mới về nội dung và phương pháp, đạt được nhiều kết quả toàn diện. Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch, thông tin xấu độc được thực hiện quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, cấp huyện và cấp xã có trang tuyên truyền hoạt động hiệu quả. Chủ động, linh hoạt trong công

tác nắm bắt dư luận xã hội, tư tưởng cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; kịp thời dự báo, định hướng thông tin, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội.

Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII, XIII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng được kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện trong toàn Đảng bộ với những nhiệm vụ, giải pháp sát thực, cụ thể. Hằng năm Ban Thường vụ Huyện uỷ đã gợi ý kiểm điểm đối với một số chi, đảng bộ cơ sở theo tinh thần Nghị quyết. Huyện uỷ, các cấp ủy đã chủ động phát hiện, xử lý kỷ luật kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, suy thoái về đạo đức, lối sống, có tác dụng cảnh báo, cảnh tỉnh, răn đe, phòng ngừa sai phạm. Cán bộ, đảng viên đã thực hiện tốt cam kết không sa vào các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, XIII trở thành nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt cấp ủy, sinh hoạt chi bộ, tạo được chuyển biến tiến bộ rõ nét. Tổ chức thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định số 144-QĐ/TW ngày 09/5/2024 của Bộ Chính trị về chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới và các quy định về nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu với những giải pháp cụ thể, góp phần tích cực phòng chống suy thoái tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa"; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và hệ thống chính trị có đức, có tài, liêm khiết, mẫu mực, tiêu biểu, hết lòng vì Đảng, vì dân.

Công tác dân vận có nhiều đổi mới, tập trung hướng về cơ sở, giải quyết các vấn đề Nhân dân quan tâm. Thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" với phương

châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Chú trọng đối thoại, lắng nghe ý kiến, kịp thời giải quyết những bức xúc, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Trong nhiệm kỳ, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp đã thực hiện 38 cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với Nhân dân; 102 cuộc tiếp công dân định kỳ và đột xuất. Trên 90% ý kiến, kiến nghị của Nhân dân được giải quyết. Công tác nắm tình hình và giải quyết các vấn đề Nhân dân quan tâm tiếp tục đổi mới, kịp thời, hiệu quả. Phát huy vai trò, sự tham gia của người dân trong xây dựng và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Công tác dân vận chính quyền được đẩy mạnh, tạo chuyển biến về nhận thức và nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức. Công tác tuyên vận với phương châm "đến từng ngõ, gõ từng nhà" tiếp tục có bước chuyển biến mới về công tác tuyên truyền, vận động, tạo được sự đồng thuận của Nhân dân trong thực hiện các phong trào thi đua ở cơ sở.

Tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên từ huyện tới cơ sở được nâng cao chất lượng cố theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả: Công tác phát triển đảng viên được quan tâm cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ đảng viên mới trẻ, nữ, người dân tộc thiểu số, có trình độ chuyên môn ngày càng tăng. Từ đầu nhiệm kỳ đến giữa năm 2025 đã kết nạp mới 1.215 đảng viên đạt 121,5% mục tiêu Đại hội, tổng số đảng viên toàn huyện đến tháng 5/2025 đã có 4.250 đảng viên. Trong nhiệm kỳ, toàn huyện giảm 24 đầu mối chi bộ cơ sở, cơ quan chuyên môn thuộc huyện. Việc thành lập chi uỷ chi bộ thường xuyên được quan tâm, đến giữa năm 2025, tỷ lệ chi bộ thôn, tổ dân phố có chi uỷ đạt 152/157 đạt 96,8%, bằng 109,5% MTNQ.

Chất lượng sinh hoạt chi bộ được nâng cao, trong đó tập trung vào việc ban hành quy định, hướng dẫn sinh hoạt mẫu cho các chi đảng bộ; kiểm tra, giám sát từ đó nâng cao nhận thức, rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu của đảng viên. Công tác tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên được thực hiện

nghiêm túc, đúng quy định; kết quả đánh giá hàng năm 20% cấp uỷ, chính quyền cấp xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; cấp ủy, chính quyền huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ; trên 90% tổ chức cơ sở đảng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ thường xuyên được rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ được thực hiện hằng năm theo quy định; đã xây dựng khung năng lực theo vị trí việc làm; ban hành mới quy định về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và bổ nhiệm giới thiệu cán bộ ứng cử. Thực hiện bố trí 100% Bí thư cấp ủy cấp xã không là người địa phương; 80% Chủ tịch cấp xã không là người địa phương; 100% bí thư chi bộ cơ sở đồng thời là thủ trưởng của cơ quan, đơn vị.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng về LLCT, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công chức trên địa bàn được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Đến giữa năm 2025, 100% cán bộ, công chức cấp huyện có trình độ chuyên môn đại học và có đầy đủ các chứng chỉ theo quy định; Trình độ LLCT đạt 90%. Tỷ lệ cán bộ chuyên trách cấp xã (gồm 11 chức danh) có trình độ chuyên môn Đại học trở lên đạt 95,7% bằng 112,5% mục tiêu; lý luận chính trị từ Trung cấp trở lên đạt 98% bằng 115,2% mục tiêu.

Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ thực hiện nghiêm túc công tác thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị cán bộ trong việc quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ bầu vào cấp ủy, chính quyền, ứng cử đại biểu HĐND các cấp, kết nạp đảng. Đã thẩm định về tiêu chuẩn chính trị đối với 1.213 lượt cán bộ; thẩm tra xác minh 1.130 lý lịch quần chúng ưu tú đề nghị kết nạp Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng được thực hiện đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả, góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng, các đề án của Tỉnh ủy, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, của huyện, phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; kiểm tra tổ

chức đảng gắn với kiểm tra người đứng đầu cấp ủy, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên. Việc thẩm tra, xác minh kê khai tài sản thu nhập được thực hiện nghiêm. Tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảm bảo theo đúng quy định, hướng dẫn, nội dung kiểm tra, giám sát có trọng tâm, trọng điểm bám sát mục tiêu nghị quyết Đại hội đảng bộ các cấp đề ra. Trong nhiệm kỳ, Ban Thường vụ Huyện ủy, BCH Đảng bộ huyện, Uỷ ban Kiểm tra Huyện ủy, cấp ủy và Uỷ ban Kiểm tra cấp cơ sở đã tiến hành kiểm tra 884/601 lượt tổ chức đảng, (*bằng 147% mục tiêu nghị quyết đại hội*); 1429/1041 đảng viên, (*bằng 137% mục tiêu nghị quyết đại hội).* Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy đã kiểm tra, giám sát đối với 55/36 tổ chức đảng (*bằng 152% mục tiêu nghị quyết đại hội*), 36/17 đảng viên (*bằng 211% mục tiêu nghị quyết đại hội*); cấp ủy, tổ chức đảng cơ sở đã tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 385/238 tổ chức đảng (*bằng 161,7% mục tiêu nghị quyết đại hội*), 1145/758 đảng viên (*bằng 151% mục tiêu nghị quyết đại hội*). UBKT cơ sở đã tiến hành kiểm tra, giám sát đối với 245/212 tổ chức đảng (*bằng 115% mục tiêu nghị quyết đại hội*), 130/120 đảng viên (*bằng 108% mục tiêu nghị quyết đại hội*). Tiến hành xử lý, thi hành kỷ luật 72 đảng viên.

Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được chỉ đạo và thực hiện quyết liệt, toàn diện, đi vào chiều sâu và chuyển biến mạnh mẽ. Nhận thức trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân được nâng lên. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, thi hành án được tăng cường. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và cơ quan truyền thông trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được phát huy[115]

115. Tổng hợp theo báo cáo Chính trị dự thảo Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2025 - 2030 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 - 2025) và báo cáo tổng kết các năm từ 2020- 2025 của Đảng bộ huyện.

Qua 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần XXIV, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, huyện Mường Khương đã đạt được nhiều kết quả toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Tổng số 24 mục tiêu Nghị quyết Đại hội có 22 mục tiêu vượt và đạt 100%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn gấp 30% so với năm 2020, thu nhập bình quân đầu tăng 22% so với năm 2020. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chuỗi giá trị. Quy hoạch ngày càng đồng bộ, kết cấu hạ tầng được đầu tư, nhất là hạ tầng giao thông... Phát triển con người, văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân tiếp tục được cải thiện và không ngừng nâng lên, bản sắc văn hoá được giữ gìn, phát huy. Các chính sách an sinh xã hội được bảo đảm; tốc độ giảm nghèo nhanh, trung bình mỗi năm 3,8% theo tiêu chuẩn hiện hành. Hiệu quả chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền được nâng cao, cải cách hành chính, chuyển đổi số được đẩy mạnh, sức mạnh của khối đại đoàn kết các dân tộc được phát huy, đồng thuận xã hội được tăng cường. Quốc phòng, an ninh được củng cố vững chắc; quan hệ đối ngoại được mở rộng, hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân được kết hợp hài hòa.

Công tác xây dựng Đảng tiếp tục chuyển biến tích cực; phương thức lãnh đạo của Đảng có nhiều đổi mới. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn đảng gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị được sắp xếp, kiện toàn tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Tổ chức cơ sở Đảng ngày càng được củng cố và phát huy; dân chủ được mở rộng, công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được đẩy mạnh, giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng, củng cố vững chắc niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, điều hành của chính quyền các cấp.

** Nguyên nhân của thành tựu, ưu điểm*

Những thành tựu đạt được 05 năm qua có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, sự quan tâm giúp đỡ, lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Trung ương, của tỉnh Lào Cai. Những thành tựu đó là kết quả từ sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có nhiều đổi mới, sáng tạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy; sự quản lý, điều hành quyết liệt, kịp thời của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân và các cấp chính quyền huyện, cùng sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, tinh thần lao động tích cực, sáng tạo của Nhân dân trong huyện. Những thành tựu đó cũng là sản phẩm kết tinh của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân huyện Mường Khương.

Bên cạnh thành tích cơ bản đạt được, trong nhiệm kỳ cũng còn một số hạn chế, khuyết điểm, cụ thể là: tăng trưởng kinh tế của huyện chưa thực sự bền vững; còn 2 chỉ tiêu chưa đạt so với mục tiêu Đại hội. Vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa chưa lớn, sản lượng chưa nhiều; đầu ra sản phẩm chưa ổn định; công nghiệp phụ trợ, công nghiệp tạo việc làm cho người lao động địa phương chưa phát triển. Tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới chậm, kết quả đạt thấp, chưa đạt mục tiêu đề ra. Tiến độ thi công một số dự án đầu tư xây dựng cơ bản còn chậm. Công tác quản lý về đất đai còn hạn chế, chưa bảo đảm thông tin cho cơ sở dữ liệu dùng chung, thu hồi bồi thường tái định cư còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Công tác dự tính, dự báo chưa kịp thời. Chất lượng giáo dục đại trà chưa cao, nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp....%. Thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển văn hóa, thể thao còn hạn chế. Tình trạng tảo hôn, vẫn còn xảy ra. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế. Cơ sở hạ tầng số, dữ liệu số chưa đồng bộ; kinh tế số, xã hội số phát triển còn chậm; nhân lực công nghệ số còn thiếu; an toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều thách thức. Việc

triển khai 3 chương trình mục tiêu quốc gia chậm; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn còn thấp; giảm nghèo chưa bền vững; chênh lệch mức sống, thu nhập giữa các khu vực có xu hướng gia tăng.

An ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn có nơi, có lúc còn có diễn biến phức tạp, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng tăng.

Công tác sơ, tổng kết nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở cơ sở còn hạn chế; phát triển đảng viên, tổ chức đảng trong các doanh nghiệp còn ít; hoạt động kiểm tra, giám sát ở một số tổ chức cơ sở đảng chưa thường xuyên. Công tác dân vận ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn có mặt hạn chế. Công tác phản biện của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội chưa đáp ứng yêu cầu đề ra...

Nguyên nhân của những hạn chế, khuyết điểm trên là do:

Nguyên nhân khách quan: Những tác động khó lường, kéo dài của đại dịch Covid-19; chiến tranh, xung đột tiếp tục diễn ra ở nhiều điểm nóng trong khu vực và thế giới; suy giảm kinh tế toàn cầu và những tác động cực đoan của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế - xã hội của cả nước, của tỉnh cũng như của huyện. Ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt là cơn bão số 3 (Yagi) gây ra tác động kép đến nền kinh tế. Hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện, còn một số điểm chồng chéo, mâu thuẫn, những điểm nghẽn về thể chế, cơ chế vẫn chưa được tháo gỡ kịp thời. Sự chống phá của các thế lực thù địch tiềm ẩn về mất an ninh trật tự trên một số lĩnh vực, địa bàn; tội phạm công nghệ cao có chiều hướng gia tăng, dịch chuyển sang lĩnh vực không gian mạng.

Nguyên nhân chủ quan: Công tác dự tính, dự báo tình hình còn hạn chế; việc cụ thể hóa một số chủ trương, nghị quyết vào thực tiễn có mặt còn lúng túng. Năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và lãnh đạo một số cơ quan, tổ chức, người đứng đầu còn hạn chế. Kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi chưa nghiêm, một số cán bộ có biểu hiện sợ sai, sợ vi phạm, né tránh,

đùn đẩy trách nhiệm trong công vụ; năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là ở cơ sở còn hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ; tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm chưa được phát huy. Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao, sinh sống phân tán, đòi hỏi xuất đầu tư lớn, khả năng đối ứng hạn chế. Số doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn ít, lao động trong các doanh nghiệp chủ yếu theo mùa vụ, không ổn định, việc phát triển đảng trong kinh tế tư nhân còn khó khăn. Nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, khu vui chơi giải trí cho nhân dân còn khó khăn.

Thực tiễn 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XXIV Đảng bộ huyện đã để lại cho Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị một số bài học kinh nghiệm sâu sắc trong nhiệm kỳ lãnh đạo:

Một là, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức Đảng, không ngừng củng cố, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng bộ và cả hệ thống chính trị. Bảo đảm các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên và cán bộ chủ chốt, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ.

Hai là, khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng của huyện, khơi dậy ý thức tự lực, tự cường, cần cù, sáng tạo của Nhân dân để biến những khó khăn thành lợi thế; tranh thủ ngoại lực, đặc biệt là sự giúp đỡ của Tỉnh ủy, HĐND, UBND và các sở, ngành của tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Bám sát thực tiễn, diễn biến tình hình trong tỉnh, trong nước, khu vực và thế giới, dự báo đúng tình hình, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp tạo sức mạnh tổng hợp ứng phó hiệu quả, giảm thiểu những tác động từ bên ngoài, duy trì sự ổn định và phát triển kinh tế, xã hội.

Ba là, phát triển kinh tế - xã hội đồng thời phải tăng cường quốc phòng, an ninh, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang; xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia trong mọi tình huống. Thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định, hợp tác.

Bốn là, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chấp hành luật pháp của cán bộ, công chức, tăng cường kỷ cương, pháp luật trong xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ, công chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Chú trọng thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng gương người tốt, việc tốt gắn với công tác giáo dục rèn luyện, đánh giá cán bộ công chức.

Năm là, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên trong cán bộ, đảng viên và toàn thể Nhân dân; quán triệt quan điểm "Dân là gốc" mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền, lợi ích chính đáng của người dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra trên mỗi chặng đường phát triển. Phát huy sức mạnh toàn dân, truyền thống đoàn kết của Đảng bộ, sự đồng thuận của Nhân dân các dân tộc trong huyện là yếu tố nền tảng để thực hiện thắng lợi mục tiêu đặt ra[116].

116. Báo cáo Chính trị dự thảo Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương nhiệm kỳ 2020 - 2025 (Phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2015 - 2020).

KẾT LUẬN

Ban Cán sự Đảng - tổ chức tiền thân của Đảng bộ Mường Khương ra đời năm 1950, lịch sử Đảng bộ Mường Khương tô đậm mốc son này. Tuy nhiên, từ những năm 1946 - 1950 đã có những cán bộ cốt cán của Đảng và một số đảng viên của tỉnh có mặt ở Mường Khương để xây dựng cơ sở cách mạng, giác ngộ và vận động quần chúng đấu tranh. Năm 1949, với sự ra đời của Chi bộ nông thôn xã Bản Lầu đã khẳng định đây là kết quả hoạt động không biết mệt mỏi của những cán bộ trung kiên ở Mường Khương. Trên cơ sở đó, năm 1950 Mường Khương thành lập Ban Cán sự Đảng và tháng 12/1960 chính thức thành lập Đảng bộ huyện Mường Khương.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trên suốt chặng đường 75 năm, trong hoàn cảnh chiến tranh cũng như hòa bình, Nhân dân các dân tộc huyện Mường Khương đã đoàn kết xung quanh Đảng bộ, không ngừng phấn đấu vượt qua những khó khăn thử thách để tạo ra những biến đổi quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội. Trong những biến đổi sâu sắc đó phải kể đến là: từ một địa phương có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tự cung, tự cấp, manh mún, kỹ thuật thấp, năng suất kém đã trở thành một địa phương có nền kinh tế nông nghiệp phát triển tương đối khá và ổn định. Từ một địa phương có hệ thống kết cấu hạ tầng thấp kém nhất trong tỉnh, đến năm 2025 đã trở thành huyện có kết cấu hạ tầng đồng bộ; đường ô tô, điện lưới quốc gia đã vươn tới hầu khắp các thôn bản. Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ nét.

Lịch sử Đảng bộ Mường Khương 75 năm đã in rõ dấu ấn 4 giai đoạn phát triển nổi bật với những đặc điểm, nhiệm vụ và kết quả đạt được từ thấp tới cao.

- Giai đoạn từ năm 1950 đến năm 1965 là giai đoạn Đảng bộ Mường Khương lãnh đạo công cuộc kháng chiến chống thực dân và tiễu phỉ trừ gian. Đây là thời kỳ khó khăn gian khổ nhất. Hoạt động trong hoàn cảnh thực dân, thổ ty cấu kết cai quản chặt chẽ địa phương; cơ sở cách mạng và đội ngũ cán bộ cốt cán của Đảng còn rất mỏng; nhân dân các dân tộc lại chưa được giác ngộ ý thức cách mạng nhiều, nhưng với ý chí bền gan chiến đấu của những cán bộ ban đầu được khu ủy và tỉnh ủy điều lên hoạt động, phong trào cách mạng ở Mường Khương từng bước được nhen nhóm. Những thanh niên địa phương ban đầu giác ngộ cách mạng đã không quản khó khăn hy sinh, lao vào mặt trận đấu tranh giải phóng với niềm tin và khí phách vững vàng. Những hạt giống cách mạng ban đầu như đồng chí Hà Bắc, Lý Hán Sinh…. đã vận động lập nên tổ chức Chi bộ Đảng Bản Lầu tháng 4/1949, và tiếp tục phát triển trong phong trào cách mạng của quần chúng dẫn tới sự ra đời của Ban cán sự Đảng huyện Mường Khương tháng 3/1950, kịp thời dẫn dắt đưa phong trào cách mạng chuyển sang thời kỳ phản công thực dân, tay sai phản động, giải phóng Mường Khương khỏi ách thực dân tháng 11/1950 và cùng với quân dân trong tỉnh hoàn thành nhiệm vụ đập tan âm mưu gây phỉ của thực dân, đế quốc.

- Giai đoạn từ năm 1965 đến năm 1985 là giai đoạn Đảng bộ lãnh đạo Nhân dân các dân tộc trong huyện khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng quan hệ sản xuất mới, phát triển kinh tế, xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, chi viện cho cách mạng miền Nam, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc của Đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và anh dũng chiến đấu hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ biên giới, đấu tranh hiệu quả với âm mưu phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Đây là thời kỳ có nhiều nhiệm vụ chính trị quan trọng và cũng không kém phần khó khăn gian khổ. Những thành tựu đạt được trên thực tế giai đoạn này đã chứng minh rõ vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ.

- Giai đoạn 1986 - 2010 là giai đoạn Đảng bộ Lãnh đạo Nhân dân trong huyện thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng. Với cơ chế quản lý mới trong đường lối đổi mới là: xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, dưới sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện 3 chương trình kinh tế trọng tâm: Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu... đây đều là những nội dung hoạt động kinh tế mới.

Nhằm đáp ứng nhiệm vụ lãnh đạo thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng bộ Mường Khương đã chú trọng trước hết vào công tác xây dựng củng cố hệ thống chính trị, nâng cao năng lực, trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đội ngũ cán bộ đảng viên; đồng thời kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng. Nhờ những biện pháp đổi mới về quản lý và phát triển kinh tế, nên mặc dù những năm 1986 - 2010 gặp nhiều khó khăn nhất là do thời tiết diễn biến phức tạp, nhưng đời sống Nhân dân trong huyện vẫn cơ bản được ổn định, một bộ phận lớn dân cư có đời sống khá giả, bình quân mức thu nhập của người dân được nâng cao qua từng năm.

- Giai đoạn 2010 - 2025 là giai đoạn phát triển toàn diện, bứt phá trên các lĩnh vực. Có thể nói, đây là thời kỳ đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện không những được đào tạo, bồi dưỡng mạnh mẽ về nghiệp vụ chuyên môn, về trình độ quản lý, mà còn được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị; trong công tác Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị được đổi mới về lề lối làm việc, về sinh hoạt và về nội dung phương thức hoạt động. Nhờ đó vai trò của hệ thống chính trị và cán bộ, đảng viên ngày càng phát huy hiệu quả trong tiến trình thực hiện công cuộc đổi mới. Trong nhiệm vụ tăng cường các hoạt động kinh tế, Đảng bộ huyện đã kịp thời điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; khai thác thế mạnh của địa phương.

Đạt được những thành tích qua 4 giai đoạn lịch sử trên, trước hết là do tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ Mường Khương đã đoàn kết, năng động vận dụng sáng tạo chủ trương của Trung ương, của tỉnh vào hoàn cảnh địa phương, cộng với sự đoàn kết chung sức chung lòng phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đảng bộ của các tầng lớp Nhân dân trong huyện và sự quan tâm của tỉnh và trung ương đối với địa phương.

Từ một chi bộ nhỏ bé Bản Lầu, tổ chức Ban cán sự Đảng huyện và chỉ với vài chục đảng viên, trải qua 75 năm xây dựng và trưởng thành, với 24 kỳ đại hội, đến giữa năm 2025, Đảng bộ Mường Khương có 4.250 đảng viên; hầu hết các xã đã có tổ chức Đảng với quy mô Đảng bộ và tất cả thôn bản đã có chi bộ. Lăn lộn trong phong trào quần chúng, sức chiến đấu của tổ chức Đảng không ngừng được nâng lên, đội ngũ cán bộ đảng viên của Đảng không ngừng được trưởng thành và được tổ chức Đảng quan tâm đào tạo bồi dưỡng, đã cơ bản đủ sức đáp ứng vai trò lãnh đạo nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Qua thực tiễn 75 lãnh đạo sự nghiệp cách mạng ở địa phương; tổng hợp từ những bài học kinh nghiệm qua mỗi giai đoạn và từ những thành tựu, hạn chế trong mỗi nhiệm kỳ, Đảng bộ rút ra một số kinh nghiệm lớn:

Thứ nhất: *Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng, nắm vững đặc điểm tình hình mọi mặt của huyện, đề ra chủ trương, nghị quyết đúng đắn phù hợp với địa phương; đồng thời tăng cường đổi mới phương thức lãnh đạo đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới.*

Đây là bài học quan trọng hàng đầu được rút ra qua 75 năm lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ Mường Khương. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ huyện luôn đề ra các chủ trương sát, đúng, tổ chức thực hiện hiệu quả đưa sự nghiệp cách mạng của tỉnh giành được thắng lợi to lớn. Việc quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương của Đảng là cơ sở chắc chắn đảm bảo cho các chủ trương

của Đảng bộ huyện sát đúng với nhiệm vụ chính trị chung của cả nước, của tỉnh đồng thời phù hợp vơi thực tiễn của địa phương.

Trong thời kỳ kháng chiến (1949-1954), vận dụng đường lối, phương châm kháng chiến của Trung ương, của Tỉnh ủy, đảng bộ đã đề ra chủ trương, phương thức đúng đắn trong việc xây dựng cơ sở và lực lượng cách mạng, tăng cường đấu tranh du kích trong lòng địch, nhờ đó đã làm chuyển biến nhanh chóng cục diện kháng chiến. Những năm 1950 - 1955, cũng nhờ chủ trương và phương châm tiễu phỉ đúng đắn: "lấy chính trị làm căn bản, quân sự làm áp lực" của đảng bộ, nên công cuộc tiễu phỉ đầy khó khăn, gian khổ ở Mường Khương đã thu được thắng lợi, góp phần cùng với quân dân toàn tỉnh đập tan âm mưu phỉ hóa toàn dân của thực dân, đế quốc. Trong công cuộc xây dựng kiến thiết huyện nhà từ năm 1954 đến 2015, nhờ biết vận dụng, sáng tạo đề ra được những chủ trương, quyết sách đúng đắn nên sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội ở Mường Khương đã có những chuyển biến sâu sắc. Đặc biệt từ ngày thực hiện đường lối công nghiệp hoá hiện, đại hóa đất nước 2000 - 2015, đảng bộ đã có nhiều chủ trương sáng tạo nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương, kết hợp với đường lối đối ngoại hợp tác mở rộng phù hợp với điều kiện của huyện và nguyện vọng của nhân dân, nên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội đã phát triển nhanh chóng.

Qua thực tiễn lãnh đạo của Đảng bộ Mường Khương cho thấy, những thắng lợi của cách mạng địa phương là kết quả của việc vận dụng thực hiện các chủ trương, nghị quyết sát đúng của Đảng bộ. Trong việc vận dụng ban hành chỉ thị, nghị quyết Đảng bộ Mường Khương luôn quán triệt tư tưởng chỉ đạo là chọn đúng vấn đề, chọn khâu đột phá để chỉ đạo thực hiện, đồng thời tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy cấp trên. Trên cơ sở quan điểm nắm vững đặc điểm của huyện và đường lối đổi mới của Đảng, đảng bộ đã kịp thời đổi mới phương thức lãnh đạo theo phương châm hướng về cơ sở, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Thực tế đổi mới phương thức lãnh đạo

của Huyện uỷ cho thấy: cấp uỷ cấp trên cần sâu sát với cấp dưới; xây dựng và thực hiện nghiêm chỉnh quy chế làm việc; phân công nhiệm vụ rõ ràng, xác định rõ trách nhiệm cá nhân; nhất là lãnh đạo bằng việc đề ra các nghị quyết chuyên đề, chọn khâu trung tâm, mắt xích quan trọng, chọn vấn đề có tính đột phá để tập trung chỉ đạo thực hiện; chọn và xây dựng điển hình tiên tiến, tổng kết kinh nghiệm, nhân ra diện rộng ... đó là cách lãnh đạo đem lại kết quả tốt.

Thứ hai: *Chú trọng củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng, coi đoàn kết trong Đảng, trong đội ngũ cán bộ và trong Nhân dân là nhân tố quan trọng quyết định sự thành công trong thực hiện nhiệm vụ chính trị.*

Để xây dựng củng cố tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị vững mạnh, có hiệu lực, Đảng bộ Mường Khương luôn xác định trước tiên phải tăng cường xây dựng, củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đây là nhiệm vụ thường xuyên và là nội dung trọng tâm của công tác xây dựng kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị. Trong thời kỳ chống Pháp, tiễu phỉ (1949-1954), Đảng bộ đã có nhiều chủ trương và giải pháp xây dựng cơ sở chính trị bao gồm tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Trong hoàn cảnh khó khăn phức tạp của những ngày kháng chiến, cùng với công tác củng cố tổ chức Đảng, Huyện ủy đã chỉ đạo tăng cường xây dựng củng cố tổ chức chính quyền và đoàn thể các cấp. Chính quyền cấp huyện được xây dựng từ quân quản chuyển sang chính quyền liên hợp là sự vận dụng sáng tạo chủ trương thêm bạn bớt thù của Trung ương. Khi tầng lớp Thổ ty làm phản, Huyện ủy đã kịp thời chỉ đạo kiện toàn chính quyền, đảm bảo cho chính quyền thực sự trong sạch, hoạt động vì mục tiêu của Đảng, của Nhân dân. Vì vậy trong chiến tranh chống Pháp, tiễu phỉ, tổ chức chính quyền và đoàn thể các cấp luôn được củng cố và hoạt động ngày càng có hiệu quả. Trong thời kỳ xây dựng CNXH đặc biệt từ khi có đường lối đổi mới, Đảng bộ đưa công tác xây dựng hệ thống chính trị nhất là xây dựng Đảng là vị trí,

nhiệm vụ then chốt. Ban Chấp hành Đảng bộ các khóa XX, XXI XXII đã ban hành chương trình trọng tâm về xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực. Qua việc thực hiện chương trình trên đã làm chuyển biến mạnh mẽ chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, sức chiến đấu của hệ thống chính trị được nâng cao.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng cơ sở, đảng bộ xác định một yếu tố quan trọng hàng đầu là coi trọng việc đoàn kết trong tổ chức đảng và trong tổ chức hệ thống chính quyền, đoàn thể. Trong hoạt động của tổ chức chính trị, Đảng bộ luôn quán triệt tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn kết gắn bó mật thiết giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng Nhân dân. Mường Khương là huyện có nhiều dân tộc, mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị, đội ngũ cán bộ, đảng viên cũng thuộc nhiều thành phần dân tộc. Nhờ luôn được quán triệt giáo dục tư tưởng đoàn kết nội bộ nên trong 75 năm qua Đảng bộ chưa có sự mất đoàn kết lớn trong tổ chức chính trị. Những tổ chức chính trị cơ sở có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, đều được cấp ủy phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời. Sức chiến đấu của tổ chức cơ sở chính trị còn phụ thuộc vào sự đoàn kết gắn bó giữa đội ngũ cán bộ, đảng viên với quần chúng Nhân dân. Thực tế ở Mường Khương cho thấy, khi nào, nơi nào tổ chức chính trị và cán bộ, đảng viên gắn bó mật thiết và đoàn kết với Nhân dân, được Nhân dân tôn trọng thì khi đó, nơi đó nhiệm vụ chính trị hoàn thành rất tốt. Những năm kháng chiến chống Pháp, tiễu phỉ, nhờ sự gắn bó đoàn kết này mà đội ngũ cán bộ đã vào vùng địch sống trong dân, được dân che chở nuôi dấu, xây dựng cơ sở, kêu gọi phỉ ra hàng. Những năm xây dựng CNXH, nhờ sự gắn bó mật thiết giữa cán bộ với Nhân dân mà phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội ở Mường Khương đã có chuyển biến sâu sắc. Những năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước, nhờ sự đoàn kết, gắn bó mật thiết giữa tổ chức chính trị cơ sở và cán bộ, đảng viên với Nhân dân, các cuộc

vận động lớn như: xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới...đã trở thành phong trào sâu rộng.

Thứ ba: *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chú trọng công tác đào tạo, quy hoạch, sử dụng đội ngũ cán bộ tại chỗ một cách phù hợp, kết hợp tốt vai trò cán bộ tại chỗ với cán bộ tăng cường. Bố trí cán bộ đúng tầm, đúng việc, sử dụng cán bộ cốt cán, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số.*

Đối với một địa phương miền núi, nhiều dân tộc thiểu số như Mường Khương, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ là một vấn đề lớn có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ở địa phương trong bất cứ giai đoạn cách mạng nào. Nhận thức đúng quan điểm "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", trong xây dựng và củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, khâu trọng tâm được Đảng bộ Mường Khương xác định là xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng, nhất là cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Để xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng, Đảng bộ Mường Khương xác định trước tiên phải chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Những năm 1949-1954, mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, lại thiếu cán bộ trầm trọng nhưng đảng bộ vẫn kế tiếp cử một số cán bộ chủ chốt đi đào tạo, bồi dưỡng ở tỉnh, ở khu ủy. Sau hòa bình lập lại, hệ thống trường Đảng cấp huyện được thành lập đã kịp thời giúp cho cấp ủy đào tạo được đội ngũ cán bộ, đáp ứng năng lực lãnh đạo công cuộc cải tạo và xây dựng CNXH. Trong 10 năm 1991-2010, đảng bộ đã tăng cường việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ lý luận chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ công cuộc đổi mới đất nước. Đặc biệt giai đoạn 2010 - 2025, Đảng bộ đã đề ra chiến lược cán bộ với nội dung tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ. Thực hiện đào tạo kiến thức toàn diện cho đội ngũ cán bộ, đề ra mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, củng cố đội ngũ trưởng thôn, bản. Thực hiện đề án đánh giá, bổ nhiệm lại đội ngũ cán bộ, luân chuyển, tăng cường cán bộ đi cơ sở và thực hiện quy hoạch, sử

dụng đội ngũ cán bộ phù hợp. Trên cơ sở luân chuyển cán bộ đã bố trí sắp xếp cán bộ đúng tầm, đúng việc, mạnh dạn đề bạt, giao việc cho cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đồng thời Đảng bộ chú trọng nâng cao vai trò cán bộ tại chỗ, sử dụng được những người có uy tín trong cộng đồng, kết hợp chặt chẽ vai trò của đội ngũ cán bộ tại chỗ với cán bộ tăng cường. Thông qua các phong trào cách mạng của quần chúng, để tạo nguồn cán bộ, đưa vào quy hoạch cán bộ và giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Trong điều kiện khó khăn, nhiều cán bộ không thể tham dự các lớp đào tạo tập trung, dài hạn, nên việc đào tạo, bồi dưỡng được cấp ủy chỉ đạo thông qua sự kèm cặp, dìu dắt trong thực tiễn công tác, đây là phương thức bồi dưỡng cán bộ đạt hiệu quả, phù hợp với đặc điểm hoàn cảnh của huyện.

Mường Khương là huyện miền núi, vùng cao, biên giới, trình độ dân trí còn thấp và còn gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế - xã hội nên ở thời kỳ đầu của cách mạng còn thiếu cán bộ tại chỗ. Vì vậy, thời gian đầu phần lớn cán bộ của huyện được điều động ở nơi khác đến. Song trong quá trình giác ngộ và phấn đấu, dần dần số lượng cán bộ người địa phương tăng lên, đảm đương được nhiều vị trí chủ chốt trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Để có được sự phát triển đó, trong quá trình tiến hành công tác xây dựng Đảng, Huyện uỷ và cấp uỷ cơ sở luôn chú trọng công tác đào tạo cán bộ tại chỗ. Đồng thời chú ý xây dựng củng cố tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau giữa cán bộ là người địa phương với cán bộ tăng cường, kiên quyết đấu tranh loại bỏ tư tưởng cục bộ, hẹp hòi, chủ nghĩa cá nhân trong công tác cán bộ. Qua thực tiễn công tác xây dựng đội ngũ cán bộ ở Lào Cai cho thấy cơ sở nào cán bộ yếu thì cơ sở đó thực hiện các nhiệm vụ chính trị đề ra không đạt hiệu quả cao. Thực tiễn đó để lại kinh nghiệm: Cấp ủy muốn xây dựng được đội ngũ cán bộ có chất lượng, phải quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác cán bộ, đồng thời trong từng thời kỳ phải xây dựng được nội dung, biện pháp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra về công tác cán bộ; đối với việc đào tạo cán bộ phải đặc biệt chú trọng đến chất lượng, không chạy theo số lượng. Công tác đánh giá, đề bạt cán bộ

phải thực hiện đúng quy trình để đánh giá đúng phẩm chất, năng lực cán bộ. Việc phân tích đánh giá cán bộ hằng năm phải được tiến hành đồng bộ, nghiêm túc ở tất cả các cấp, các ngành. Sau khi đã phân xếp loại cán bộ thì công khai những mặt mạnh, yếu cho cán bộ biết và định thời gian cho cán bộ phấn đấu sửa chữa. Với đặc điểm là huyện vùng cao biên giới, phần lớn dân cư là đồng bào các dân tộc thiểu số, muốn thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả, không những phải sắp xếp cơ cấu đội ngũ cán bộ các dân tộc trong bộ máy tổ chức hợp lý, mà còn phải đặc biệt chú trọng công tác tạo nguồn và đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cả về trước mắt và lâu dài. Trong công tác xây dựng và thực hiện việc quy hoạch, lựa chọn, sắp xếp đội ngũ cán bộ phải xác định tiêu chuẩn từng chức danh cho phù hợp với điều kiện của huyện, lấy tiêu chuẩn làm căn cứ để tiến hành công tác bổ nhiệm đề bạt cán bộ, bố trí sắp xếp cán bộ đúng năng lực sở trường, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu vươn lên, tránh tình trạng níu kéo lẫn nhau.

Thứ tư: *Tích cực đổi mới công tác tư tưởng, vận động quần chúng; quán triệt sâu sắc và thực hiện tốt chính sách dân tộc.*

Mường Khương là huyện có nhiều dân tộc sinh sống, đời sống dân trí nhìn chung còn thấp. Để đường lối chủ trương của Đảng, nghị quyết, chủ trương của Tỉnh uỷ kịp thời đi vào đời sống đồng bào các dân tộc và được thực hiện có hiệu quả công tác tư tưởng, vận động quần chúng có vai trò đặc biệt quan trọng. Với đặc điểm đặc thù của Mường Khương, để tiến hành công tác tư tưởng, dân vận đạt kết quả phải đi sâu vào từng đối tượng, từng đồng bào dân tộc. Bởi vậy, nội dung, hình thức, phương pháp, công tác tư tưởng và vận động quần chúng phải không ngừng được đổi mới. Điều này phụ thuộc rất lớn vào sự quan tâm lãnh đạo của các cấp uỷ đảng và phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, vận động quần chúng. Cán bộ làm công tác tuyên giáo, dân vận phải hiểu rõ đặc điểm tâm lý, tâm tư tình cảm, phong tục tập quán của dân tộc, phải biết tiếng dân tộc thì mới có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phương châm "toàn Đảng bộ làm công tác tư tưởng, dân vận; hướng công tác tuyên giáo, dân vận về cơ sở" là chủ trương đúng của Đảng bộ, đã được kiểm nghiệm và chứng minh có hiệu quả thiết thực trong thực tiễn và luôn được cấp uỷ, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên quán triệt và thực hiện, có tác dụng to lớn làm cho công tác tư tưởng, vận động quần chúng đi thẳng vào đối tượng, làm chuyển biến nhận thức trong Nhân dân, cấp uỷ địa phương.

Để công tác tuyên giáo, dân vận đạt kết quả tốt, qua thực tiễn chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động quần chúng của Đảng bộ huyện Mường Khương cho thấy: phải kết hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, phòng, ban, ngành trong huyện, kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên truyền với vận động theo phương châm "vừa tuyên, vừa vận "; đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa công tác tuyên giáo, dân vận của tổ chức đảng với công tác tư tưởng, vận động quần chúng của chính quyền, MTTQ và các đoàn thể quần chúng để phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác tư tưởng, dân vận. Trong hoạt động tuyên giáo, dân vận cần tăng cường xây dựng đội ngũ làm công tác này, kể cả cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm. Cán bộ làm công tác tư tưởng, vận động quần chúng phải luôn gần dân, sát cơ sở để nói cho dân nghe, làm cho dân tin.

Thắng lợi của công cuộc kháng chiến chống Pháp, tiễu phỉ, xây dựng củng cố chế độ dân chủ nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội trong 75 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ cho thấy rõ vai trò quyết định của quần chúng các dân tộc trong các cuộc vận động cách mạng. Công tác tuyên truyền, vận động quần chúng các dân tộc đứng lên cùng cán bộ, bộ đội đập tan chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng và bảo vệ chế độ mới, thực hiện quyền làm chủ của mình là công tác lớn bao trùm và xuyên suốt cả quá trình vận động cách mạng ở địa phương. Với những đặc điểm của Mường Khương, nhất là đặc điểm về dân tộc, muốn tuyên truyền, vận động được quần chúng tham gia các phong trào thi đua yêu nước, trước hết cần phải xây dựng và củng cố khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết giữa Nhân dân

với đội ngũ cán bộ, đảng viên, xây dựng và củng cố lòng tin vào tinh thần và khả năng cách mạng của quần chúng.

Trong thời kỳ thực dân, phong kiến, thực dân Pháp và phản động đã lợi dụng vấn đề dân tộc, lợi dụng trình độ, tâm lý, tình cảm, phong tục, tập quán các dân tộc không ngừng gây mâu thuẫn giữa các dân tộc và khoét sâu những mâu thuẫn đó nhằm phục vụ lợi ích thống trị của chúng. Chính sách "chia để trị" của thực dân Pháp đã để lại những hậu quả nghiêm trọng và lâu dài, ảnh hưởng đến truyền thống đoàn kết dân tộc. Sau ngày Mường khương giải phóng, mặc dù chúng ta đã kiên trì và tích cực giải quyết bằng nhiều biện pháp nhằm xóa bỏ mâu thuẫn, tăng cường đoàn kết dân tộc, nhưng những mâu thuẫn dân tộc do kẻ địch gây ra vẫn ít nhiều còn tồn tại, biểu hiện là những thành kiến, định kiến dân tộc, lòng kỳ thị dân tộc. Mỗi lời nói, việc làm thiếu cân nhắc đều có thể gợi lên trong người dân những mâu thuẫn, thành kiến cũ. Vì vậy ở vùng dân tộc thiểu số, mọi công tác đều phải xuất phát từ lòng tôn trọng và tình đoàn kết dân tộc. Công tác tư tưởng và vận động quần chúng các dân tộc trong kháng chiến chủ yếu là giáo dục, giác ngộ quần chúng, tổ chức hướng dẫn quần chúng tham gia tích cực vào công cuộc kháng chiến cứu quốc. Trong công cuộc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội địa phương theo đường lối đổi mới của Đảng hiện nay, công tác tư tưởng, vận động quần chúng có nhiều thuận lợi bởi sự giác ngộ và ý thức cách mạng của Nhân dân các dân tộc đã được nâng cao. Để tuyên truyền, vận động tốt hơn nữa quần chúng các dân tộc tham gia các phong trào thi đua yêu nước, chủ yếu là nông dân tham gia cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí...Đảng bộ Mường khương xác định trước hết phải đặc biệt quan tâm đến vấn đề cải thiện đời sống, vật chất và tinh thần cho Nhân dân, đem lại quyền lợi thiết thực cho nông dân và động viên giúp đỡ họ đẩy mạnh sản xuất, định canh định cư. Các hoạt động chăm lo bồi dưỡng sức dân có tác dụng thúc đẩy các phong trào cách mạng của quần chúng, động viên được tinh thần nhiệt tình và đóng góp sức người, sức của phục vụ cho nhiệm vụ chung của địa phương và của cả nước. Đoàn

kết, bình đẳng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ là nguyên tắc cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng, đồng thời cũng là khẩu hiệu hành động có hiệu quả thiết thực đối với chính sách dân tộc.

Thứ năm: Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ an ninh; làm tốt công tác đối ngoại biên giới.

Là một huyện biên giới, Đảng bộ Mường Khương luôn coi nhiệm vụ an ninh, quốc phòng và quan hệ đối ngoại là môi trường bảo đảm cho phát triển kinh tế, xã hội ổn định và bền vững. Huyện Mường Khương có 71,668 km đường biên giới với Trung Quốc, trên tuyến biên giới thuộc huyện có 22 cột mốc, 5 đồn biên phòng quản lý 9 xã biên giới. Nhân dân hai bên biên giới vốn có truyền thống quan hệ thân thiết, thường xuyên qua lại trao đổi buôn bán, thăm thân. Tuy nhiên nơi đây cũng là nơi thường xuyên tiềm ẩn nảy sinh những yếu tố phức tạp gây mất trật tự trị an, đe dọa đến an ninh, quốc phòng. Do vậy, cùng với nhiệm vụ trọng tâm lãnh đạo phát triển kinh tế, xã hội, Đảng bộ Mường Khương chú trọng lãnh đạo nhiệm vụ củng cố an ninh, quốc phòng và gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội với nhiệm vụ an ninh quốc phòng và quan hệ đối ngoại; quan hệ đoàn kết hữu nghị và hợp tác với huyện Mã Quan, Văn Sơn (Trung Quốc) thực hiện tốt hiệp định về quy chế biên giới quốc gia. Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ an ninh - quốc phòng và đối ngoại; Đảng bộ luôn quán triệt đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh - đối ngoại; chăm lo củng cố tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh ở các xã biên giới và trong các lực lượng bảo vệ biên giới; nâng cao chất lượng nghiệp vụ công tác biên phòng và công tác đối ngoại; rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống phức tạp trên biên giới và phương pháp vận động quần chúng khu vực biên giới tham gia bảo vệ an ninh trật tự biên giới.

Nhằm bảo vệ tốt an ninh trật tự trên tuyến biên giới, cùng với tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang, bán vũ trang, phải phối hợp chặt chẽ với các lực lượng, đặc biệt là lực lượng biên phòng,

công an, quân sự, hải quan ... trong việc quản lý biên giới phải chú trọng xây dựng lũy thép biên phòng toàn dân; Bộ đội biên phòng (lực lương nòng cốt bảo vệ biên giới) thường xuyên phối hợp và chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trị an trên khu vực biên giới. Để tranh thủ sự ủng hộ của Nhân dân, cán bộ chiến sỹ Biên phòng thường xuyên gần gũi Nhân dân, giúp đỡ Nhân dân, trực tiếp tham gia vào những công việc cấp bách của các thôn, tổ dân phố như: chăm sóc sức khỏe Nhân dân, tham gia dạy học cho trẻ em, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn...

Đối với công tác đối ngoại biên giới, qua thực tế chỉ đạo công tác này, Đảng bộ Mường Khương đã rút ra kinh nghiệm là kết hợp chặt chẽ công tác đối ngoại biên phòng với công tác ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân; đa dạng hóa các quan hệ và tăng cường các cuộc trao đổi theo 3 phương thức quan hệ đối ngoại biên phòng chủ yếu, đó là: quan hệ trực tiếp theo định kỳ, quan hệ trực tiếp đột xuất và quan hệ gián tiếp nhằm phối hợp song phương trong việc quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ; đấu tranh phòng, chống tội phạm biên giới.

*

Những bài học kinh nghiệm lớn trên được tổng kết từ thực tiễn 75 năm lãnh đạo của Đảng bộ; có ý nghĩa để đảng bộ cơ sở trên địa bàn kế thừa vận dụng trong công tác lãnh đạo địa phương trong giai đoạn cách mạng mới.

Theo yêu cầu phát triển của đất nước, thực hiện chủ trương cua Đảng và Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, từ ngày 01/7/2025 đơn vị hành chính cấp huyện chấm dứt hoạt động, theo đó, cấp uỷ chính quyền huyện Mường Khương giải thể; 16 xã, thị trấn trên địa bàn huyện được sáp nhập thành 4 xã. Tuy không còn tên huyện, song Lịch sử Đảng bộ huyện Mường Khương qua 75 năm hoạt động vẫn in dấu ấn truyền thống đậm nét trong mỗi cán bộ, đảng viên và người dân trên địa bàn.

PHỤ LỤC

I. LỊCH SỬ MƯỜNG KHƯƠNG - NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ

1. Tháng 12 năm 1946, Uỷ ban nhân dân cách mạng (quân quản) huyện Mường Khương được thành lập.

2. Tháng 4 năm 1947 Chính quyền quân quản được bãi bỏ, Uỷ ban hành chính và Uỷ ban kháng chiến của tỉnh và huyện Mường Khương được thành lập.

3. Ngày 05 tháng 6 năm 1948 tại Phong Niên (Bảo Thắng) tổ công tác vào vùng địch ở Bảo Thắng đã thành lập tổ công tác Bản Lầu, tổ làm nhiệm vụ hoạt động xây dựng cơ sở vùng địch tạm chiếm.

4. Ngày 4 tháng 4 năm 1949 Tỉnh uỷ Lào Cai quyết định thành lập chi bộ Đảng Bản Lầu (chi bộ Đảng đầu tiên ở Mường Khương) do đồng chí Hà Bắc làm Bí thư.

5. Ngày 01 tháng 3 năm 1950 Tỉnh uỷ Lào Cai quyết định thành lập Ban cán sự Đảng huyện Mường Khương trên cơ sở chi bộ Bản Lầu (ngày này được coi là ngày thành lập Đảng bộ huyện Mường Khương).

6. Liên khu uỷ và Bộ tư lệnh liên khu đã quyết định mở chiến dịch tiễu Phỉ ở Lào Cai lần thứ nhất, địa bàn tiễu phỉ được thực hiện ở miền đông Lào Cai, trong đó chiến dịch tiễu Phỉ ở Mường Khương được thực hiện từ ngày 05-11-1950.

7. Ngày 07-11-1950 lực lượng ta tổ chức hành quân tập kết ở Bản Lầu, Chợ Chậu để thực hiện đợt 1 của chiến dịch.

8. 12 giờ trưa ngày 11-11-1950, thị trấn Mường Khương được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của Phỉ.

9. Cuối tháng 11- 1950, Bộ tư lệnh Mặt trận Tây Bắc đã quyết định thực hiện tiễu Phỉ đợt 2 nhằm hoàn thành thắng lợi chiến dịch tiễu Phỉ lần thứ nhất ở miền Đông Lào Cai.

10. Ngày 21-2-1951, khu vực Pha Long được hoàn toàn giải phóng.

11. Cuối tháng 4-1952, Trung ương Đảng đã ban hành chỉ thị đẩy mạnh việc phối hợp ở phía Trung Quốc mở chiến dịch tiễu Phỉ lớn ở biên giới Lao Hà. Đây là chiến dịch tiễu Phỉ thứ 2 ở miền Đông và là chiến dịch tiễu Phỉ lần thứ 3 ở tỉnh Lào Cai.

12. Ngày 3-7-1952, quân ta giải phóng được phố Pha Long.

13. Ngày 28-12-1952, quân ta phối hợp với quân giải phóng Trung Quốc tổ chức bao vây tên trùm Phỉ Châu Quáng Lồ ở hang Lao Pao Chải. Tại đây ta đã tiêu diệt được tên trùm Phỉ miền Đông Châu Quáng Lồ và nhiều tên tay chân khác.

14. Năm 1960 thành lập Huyện ủy Mường Khương trên cơ sở Ban cán sự Đảng.

15. Năm 1961 Đại hội đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ Nhất.

16. Năm 1962 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ II.

17. Năm 1963 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ III.

18. Năm 1964 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ IV.

19. Năm 1965 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ V.

20. Tháng 2/1966 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ VI.

21. Năm 1967 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ VII.

22. Năm 1968 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ VIII.

23. Năm 1969 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ IX.

24. Tháng 2/1970 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ X.

25. Năm 1971 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XI.

26. Năm 1972 Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XII.

27. Từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 8 năm 1975 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XIII (vòng 1).

28. Từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 10 năm 1976 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XIII (vòng 2).

29. Từ ngày 20 đến ngày 22 tháng 5 năm 1980 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XIV.

30. Từ ngày 29/9 đến ngày 03 tháng 10 năm 1982 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XV (vòng 1).

31. Từ ngày 26/9 đến ngày 28 tháng 01 năm 1983 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XV (vòng 2).

32. Từ ngày 19 đến ngày 21 tháng 9 năm 1986 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XVI.

33. Từ ngày 29 đến ngày 30 tháng 12 năm 1988 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XVII.

34. Từ ngày 15 đến ngày 16 tháng 3 năm 1991 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XVIII (vòng 1).

35. Từ ngày 11 đến ngày 15 tháng 8 năm 1991 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XVIII (vòng 2).

36. từ ngày 11 - 12 tháng 4 năm 1994, Đảng bộ huyện Mường Khương tổ chức Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa XVIII.

37. Từ ngày 05 đến ngày 06 tháng 02 năm 1996 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XIX

38. Từ ngày 27 đến ngày 28 tháng 11 năm 2000 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XX.

39. Từ ngày 26 đến ngày 28 tháng 10 năm 2005 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XXI.

40. Từ ngày 26 đến 28/7/2010 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XXII.

41. Từ ngày 22 đến 24/7/2015 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XXIII.

42. Từ ngày 28 đến 29/6/2020 diễn ra Đại hội Đảng bộ Huyện Mường Khương lần thứ XXIV.

43. Từ ngày 01/7/2025, bộ máy chính quyền địa phương tổ chức hai cấp (tỉnh và xã). Theo đó, cấp uỷ chính quyền cấp huyện chấm dứt hoạt động.

II. DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI (1975 - 2005)

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIII (Nhiệm kỳ 1976 - 1980). *Gồm 25 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết.*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Nguyễn Văn Ân	Bí thư Huyện ủy
2	Vũ Kim Cầu	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Hoàng Ngấn Dần	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Nguyễn Duy Kiên	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Giàng Xóa	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Nguyễn Văn Huế	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Phàn Chẩn Dùng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Triệu Văn Hợi	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Trần Ngọc Tín	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy

10	Nguyễn Văn Hảo	Huyện ủy viên
11	Hoàng Xín Hòa	Huyện ủy viên
12	Thào Chẩn Dìn	Huyện ủy viên
13	Nguyễn Thành Thái	Huyện ủy viên
14	Ma Seo Lềnh	Huyện ủy viên
15	Si Thị Quý	Huyện ủy viên
16	Vàng Ngấn Dù	Huyện ủy viên
17	Nguyễn Văn Khoát	Huyện ủy viên
18	Bùi Khắc Phượng	Huyện ủy viên
19	Phu Chẩn Lìn	Huyện ủy viên
20	Phạm Ngọc Quảng	Huyện ủy viên
21	Nguyễn Đình Thân	Huyện ủy viên
22	Tẩn Xín Hùng	Huyện ủy viên
23	Lê Sĩ Vành	Huyện ủy viên
24	Hoàng Văn Sinh	Huyện ủy viên
25	Vương Văn Hải	Huyện ủy viên
*** 02 Ủy viên dự khuyết**		
26	Vương Ngọc Cồ	Uy viên dự khuyết
27	Lồ Tờ Sến	Uy viên dự khuyết

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIV (Nhiệm kỳ 1980 - 1982). *Gồm 31 ủy viên chính thức (1).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Nguyễn Văn Tung	Bí thư Huyện ủy
2	Nguyễn Văn Nho	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Giàng Xóa	Phó Bí thư Huyện ủy

4	Hoàng Xín Hòa	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Nguyễn Duy Nhữ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Nguyễn Như Quỳnh	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Nguyễn Văn Bàng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Phàn Chẩn Dùng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Trần Ngọc Tín	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
10	Phạm Ngọc Sửu	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
11	Nguyễn Đình Xanh	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
12	Lý Thái Chương	Huyện ủy viên
13	Nguyễn Văn Đạt	Huyện ủy viên
14	Quách Xuân Tá	Huyện ủy viên
15	Vương Ngọc Cồ	Huyện ủy viên
16	Cư Chẩn Hòa	Huyện ủy viên
17	Nguyễn Danh Họa	Huyện ủy viên
18	Nguyễn Ngọc Lân	Huyện ủy viên
19	Si Thị Quý	Huyện ủy viên
20	Ma Seo Sẻng	Huyện ủy viên
21	Nguyễn Hữu Bái	Huyện ủy viên
22	Vàng Cồ Chấn	Huyện ủy viên
23	Trần Anh Dung	Huyện ủy viên
24	Trương Ngọc Khuê	Huyện ủy viên
25	Cáo Sín Sài	Huyện ủy viên
26	Vàng Văn San	Huyện ủy viên
27	Vương Văn Thuận	Huyện ủy viên

28	Vũ Đức Thợ	Huyện ủy viên
29	Bàn Thái Thọ	Huyện ủy viên
30	Đào Hữu Ái	Huyện ủy viên
31	Sùng Pao Sấn	Huyện ủy viên

(1) Theo:

+ Biên bản bầu cử Ban Chấp hành ngày 21/5/1980.

+ Biên bản bầu cử Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy ngày 22/5/1980.

3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XV (Nhiệm kỳ 1982 - 1985). *Gồm 27 ủy viên chính thức và 02 ủy viên dự khuyết (2).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Phạm Giảng	Bí thư Huyện ủy
2	Trần Ngọc Tín	Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy
3	Hoàng Sín Hoà	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Nguyễn Đình Xanh	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Nguyễn Văn Ún	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Lý Thái Chương	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Phạm Ngọc Sửu	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Cư Chẩn Hoà	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Phàn Chẩn Dùng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
10	Lý Seo Chúng	Huyện ủy viên
11	Vàng Cồ Chấn	Huyện ủy viên
12	Nguyễn Văn Đạt	Huyện ủy viên
13	Trần Đình Dũng	Huyện ủy viên

14	Si Thị Quý	Huyện ủy viên
15	Quách Xuân Tá	Huyện ủy viên
16	Ma Seo Sẻng	Huyện ủy viên
17	Nguyễn Hữu Đa	Huyện ủy viên
18	Hoàng Ngấn Dù	Huyện ủy viên
19	Sin Văn Dền	Huyện ủy viên
20	Sùng Pao Sấn	Huyện ủy viên
21	Nguyễn Danh Hoạ	Huyện ủy viên
22	Vương Ngọc Cồ	Huyện ủy viên
23	Nguyễn Đình Vững	Huyện ủy viên
24	Tráng Seo Vư	Huyện ủy viên
25	Vàng Thanh Phừ	Huyện ủy viên
26	Phạm Văn Hãn	Huyện ủy viên
27	Đặng Quang Tuyên	Huyện ủy viên
*** 02 Uỷ viên dự khuyết**		
28	Nùng Chản Phìn	Uy viên dự khuyết
29	Lùng Sử Sáng	Uy viên dự khuyết

(2) Theo:

+ Biên bản bầu cử Ban Chấp hành ngày 02/10/1982 (Vòng 2).

+ Quyết nghị số 1000-QN/TU ngày 10/11/1982 của Tỉnh uỷ Hoàng Liên Sơn V/v chuẩn y BCH, Ban Thường vụ Đảng bộ huyện Mường Khương khoá XV.

4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVI (Nhiệm kỳ 1986 - 1988). *Gồm 33 ủy viên chính thức và 08 ủy viên dự khuyết (3)*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Trần Ngọc Tín	Bí thư Huyện ủy

2	Phạm Ngọc Sửu	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Hoàng Sín Hoà	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Cư Chẩn Hoà	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Phàn Chẩn Dùng	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Phạm Văn Hãn	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Nguyễn Văn Thể	Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Si Thị Quý	Huyện ủy viên
9	Quách Xuân Tá	Huyện ủy viên
10	Nguyễn Văn Đạt	Huyện ủy viên
11	Nguyễn Đình Vững	Huyện ủy viên
12	Trần Thị Đa	Huyện ủy viên
13	Sùng Lương	Huyện ủy viên
14	Hoàng Văn Chinh	Huyện ủy viên
15	Triệu Kim Cương	Huyện ủy viên
16	Nguyễn Đình Gấm	Huyện ủy viên
17	Sùng Seo Sấn	Huyện ủy viên
18	Lê Kim Quát	Huyện ủy viên
19	Đặng Quang Tuyên	Huyện ủy viên
20	Hoàng Trá Sến	Huyện ủy viên
21	Phạm Văn Sáng	Huyện ủy viên
22	Lý Seo Chúng	Huyện ủy viên
23	Tráng Tờ Sáng	Huyện ủy viên
24	Nguyễn Hữu Hấn	Huyện ủy viên
25	Vương Ngọc Cồ	Huyện ủy viên
26	Thền Chẩn Mìn	Huyện ủy viên
27	Nùng Chản Phìn	Huyện ủy viên

28	Sùng Chúng	Huyện ủy viên
29	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
30	Lục Văn Chuyền	Huyện ủy viên
31	Phạm Văn Mười	Huyện ủy viên
32	Lý Vần Ngán	Huyện ủy viên
33	Lùng Sử Sáng	Huyện ủy viên
*** 08 Ủy viên dự khuyết**		
34	Nguyễn Đình Lãng	Ủy viên dự khuyết
35	Nguyễn Văn Trường	Ủy viên dự khuyết
36	Nguyễn Văn Lọc	Ủy viên dự khuyết
37	Hoàng Seo Páo	Ủy viên dự khuyết
38	Tẩn Seo Sáng	Ủy viên dự khuyết
39	Thào Chơ	Ủy viên dự khuyết
40	Lù Cồ Chon	Ủy viên dự khuyết
41	Lù Xuấn Quáng	Ủy viên dự khuyết

(3). Theo Danh sách viết tay ngày 19/9/1986.

5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVII (Nhiệm kỳ 1988 - 1991). *Gồm 31 ủy viên chính thức và 06 ủy viên dự khuyết (4).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Trần Ngọc Tín	Bí thư Huyện ủy
2	Phạm Ngọc Sửu	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Đình Vững	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
4	Si Thị Quý	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
5	Cư Chẩn Hoà	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
6	Nguyễn Hữu Thể	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ

7	Nùng Chản Phìn	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
8	Thền Chẩn Mìn	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
9	Nguyễn Đình Lãng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
10	Nguyễn Văn Trường	Huyện ủy viên
11	Trần Văn Sơn	Huyện ủy viên
12	Đặng Quang Tuyên	Huyện ủy viên
13	Phạm Văn Thành	Huyện ủy viên
14	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
15	Nguyễn Hữu Hấn	Huyện ủy viên
16	Nguyễn Văn Lọc	Huyện ủy viên
17	Phạm Xuân Mười	Huyện ủy viên
18	Nguyễn Văn Đạt	Huyện ủy viên
19	Hoàng Trá Sến	Huyện ủy viên
20	Hứa Xuân Báo	Huyện ủy viên
21	Hoàng Chúng	Huyện ủy viên
22	Hoàng Văn Chinh	Huyện ủy viên
23	Quách Xuân Tá	Huyện ủy viên
24	Nguyễn Quang Kỳ	Huyện ủy viên
25	Lê Kim Quát	Huyện ủy viên
26	Thào Trơ	Huyện ủy viên
27	Sùng Lương	Huyện ủy viên
28	Sùng Pao Sấn	Huyện ủy viên
29	Lùng Sử Sáng	Huyện ủy viên
30	Lục Văn chuyền	Huyện ủy viên
31	Trần Thị Đa	Huyện ủy viên
	*** 06 Uỷ viên dự khuyết** (Không có danh sách)	

(4) Theo: Biên bản bầu cử ủy viên chính thức Ban Chấp hành ngày 30/12/1988.

6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XVIII (Nhiệm kỳ 1991 - 1995). *Gồm 27 ủy viên chính thức (5).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Phạm Ngọc Sửu	Bí thư Huyện ủy
2	Hoàng Chúng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nguyễn Đình Vững	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Sin Văn Dền	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
5	Nguyễn Văn Đạt	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
6	Nùng Chản Phìn	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
7	Nguyễn Hữu Thể	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
8	Đặng Quang Tuyên	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện uỷ
9	Tạ Đình Bảng	Huyện ủy viên
10	Hứa Xuân Bảo	Huyện ủy viên
11	Hồ Hữu Cơ	Huyện ủy viên
12	Phạm Văn Công	Huyện ủy viên
13	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
14	Nguyễn Văn Lọc	Huyện ủy viên
15	Thền Chẩn Mìn	Huyện ủy viên
16	Phạm Xuân Mười	Huyện ủy viên
17	Vàng Văn Phủ	Huyện ủy viên
18	Đặng Hồng Quân	Huyện ủy viên
19	Lê Kim Quát	Huyện ủy viên
20	Lùng Sử Sáng	Huyện ủy viên
21	Hoàng Trá Sến	Huyện ủy viên
22	Giàng Sào Soáng	Huyện ủy viên

23	Sùng Chúng	Huyện ủy viên
24	Bùi Quang Thắng	Huyện ủy viên
25	Phạm Thành	Huyện ủy viên
26	Thào Trơ	Huyện ủy viên
27	Nguyễn Văn Trường	Huyện ủy viên

(5) Theo:

+ Biên bản bầu cử Ban Chấp hành vòng 2 ngày 15/11/1991;

+ Biên bản bầu bổ sung Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy ngày 10/7/1993.

7. Hội nghị giữa nhiệm kỳ bầu bổ sung 10 ủy viên vào Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1991 - 1995, trong đó 2 Đ/c vào Ban Thường vụ (6).

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Tạ Đình Bảng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
2	Hồ Hữu Cơ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
3	Vàng Thị Dín	Huyện ủy viên
4	Cháng A Chơ	Huyện ủy viên
5	Phan Văn Diệp	Huyện ủy viên
6	Tăng Ngọc Phòng	Huyện ủy viên
7	Nguyễn Chí Sử	Huyện ủy viên
8	Hoàng Duy Dũng	Huyện ủy viên
9	Thàng Sảo Sần	Huyện ủy viên
10	Ma Chẩn Sài	Huyện ủy viên
11	Nguyễn Văn Đủ	Huyện ủy viên
12	Phùng Khánh Toàn	Huyện ủy viên

(6) Theo Biên bản Hội nghị giữa nhiệm kỳ ngày 11/4/1994;

8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XIX (Nhiệm kỳ 1996 - 2000). *Gồm 31 ủy viên chính thức (7).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Nguyễn Đình Vững	Bí thư Huyện ủy
2	Hoàng Chúng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Sùng Chúng	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Nguyễn Văn Trường	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Hồ Hữu Cơ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Tráng A Chơ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Nùng Chẩn Phìn	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Sin Văn Dền	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Tạ Đình Bảng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
10	Vàng Thị Dín	Huyện ủy viên
11	Lê Văn Định	Huyện ủy viên
12	Nguyễn Văn Đủ	Huyện ủy viên
13	Phạm Xuân Mười	Huyện ủy viên
14	Vàng Văn Phủ	Huyện ủy viên
15	Phùng Khánh Toàn	Huyện ủy viên
16	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
17	Lê Kim Quát	Huyện ủy viên
18	Mạc Quang Tân	Huyện ủy viên
19	Vàng Trang	Huyện ủy viên
20	Nguyễn Chí Sử	Huyện ủy viên
21	Vàng Lềnh	Huyện ủy viên
22	Tăng Ngọc Phòng	Huyện ủy viên
23	Nguyễn Trí Thức	Huyện ủy viên
24	Thàng Sảo Sần	Huyện ủy viên

25	Nguyễn Duy Ban	Huyện ủy viên
26	Nguyễn Văn Lọc	Huyện ủy viên
27	Hoàng Duy Dũng	Huyện ủy viên
28	Thền Chẩn Mìn	Huyện ủy viên
29	Ma Chẩn Sài	Huyện ủy viên
30	Nguyễn Thị Huần	Huyện ủy viên
31	Ngô Đức Vũ	Huyện ủy viên

(7) Theo:

+ Biên bản Đại hội ngày 05 /02/1996;

+ Biên bản Kiểm phiếu bầu Ban Chấp hành ngày 06/02/1996;

+ Quyết nghị số 631- QN/TU, ngày 28/2/1996 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai V/v chuẩn y kết quả bầu cử BTV, Bí thư, Phó Bí thư các Đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc;

+ Tháng 4/1998, Ban thường vụ Tỉnh ủy điều động đồng chí Hoàng Chúng về giữ chức vụ Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam Tỉnh lào Cai. Đồng chí Tạ Đình Bảng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực Huyện ủy;

+ Quyết định số 150-QĐ/TU ngày 16/4/1998 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai về V/v chuẩn y kết quả bầu cử Phó Bí thư thường trực Huyện ủy Mường Khương.

9. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XX (Nhiệm kỳ 2000 - 2005). *Gồm 31 ủy viên chính thức (8).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Sùng Chúng	Bí thư Huyện ủy
2	Tạ Đình Bảng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Nùng Chản Phìn	Phó Bí thư thường trực Huyện ủy
4	Lê Kim Quát	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Ngô Đức Vũ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy

6	Nguyễn Văn Lọc	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Sin Văn Dền	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Chu Thanh Lý	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Tráng A Chơ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
10	Lục Thượng Vinh	Huyện ủy viên
11	Hồ Hữu Cơ	Huyện ủy viên
12	Nguyễn Văn Đủ	Huyện ủy viên
13	Vàng Thị Dín	Huyện ủy viên
14	Nguyễn Trí thức	Huyện ủy viên
15	Hoàng Duy Dũng	Huyện ủy viên
16	Nguyễn Chí Sử	Huyện ủy viên
17	Vàng Lềnh	Huyện ủy viên
18	La Ngọc Giang	Huyện ủy viên
19	Tăng Ngọc Phòng	Huyện ủy viên
20	Phùng Khánh Toàn	Huyện ủy viên
21	Nguyễn Thị Huần	Huyện ủy viên
22	Đào Văn Lâm	Huyện ủy viên
23	Hoàng Thị Khương	Huyện ủy viên
24	Vũ Nguyên Chính	Huyện ủy viên
25	Lê Văn Đảm	Huyện ủy viên
26	Trần Thị Mùi	Huyện ủy viên
27	Lê Văn Định	Huyện ủy viên
28	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
29	Lồ Thào	Huyện ủy viên
30	Giàng Chẩn Diu	Huyện ủy viên
31	Đỗ Quý Vân	Huyện ủy viên

(8) Theo:

+ Biên bản Đại hội ngày 27-28/11/2000;

+ Biên bản bầu cử Ban Chấp hành ngày 28/11/2000;

+ Quyết định số 552-QĐ/TU ngày 07/12/2000 của Tỉnh uỷ Lào Cai V/v chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện uỷ Mường Khương khoá XX (nhiệm kỳ 2000-2005);

+ Quyết định số 553-QĐ/TU ngày 07/12/2000 của Tỉnh uỷ Lào Cai V/v chuẩn y BCH Đảng bộ huyện Mường Khương khoá XX (nhiệm kỳ 2000-2005);

+ Tháng 5/2004, BTV Tỉnh ủy Lào Cai điều động đồng chí Sùng Chúng về công tác tại UBND tỉnh và được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Đồng chí Tạ Đình Bảng được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy;

+ Quyết định số 557-QĐ/TU ngày 28/5/2004 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai V/v chuẩn y kết quả bầu bổ sung Bí thư Huyện ủy Mường Khương (nhiệm kỳ 2000-2005).

10. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXI (Nhiệm kỳ 2005 - 2010). *Gồm 33 ủy viên chính thức (9).*

TT	Họ và tên	Chức vụ trong Ban Chấp hành
1	Tạ Đình Bảng	Bí thư Huyện ủy
2	Nông Văn Hưng	Phó Bí thư Huyện ủy
3	Giàng Mạnh Nhà	Phó Bí thư Huyện ủy
4	Sin Văn Dền	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
5	Hoàng Duy Dũng	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
6	Lục Thượng Vinh	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
7	Vàng Thị Dín	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
8	Lê Văn Đảm	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
9	Chu Thanh Lý	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy

10	Tráng A Chơ	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
11	Phùng Khánh Toàn	Uỷ viên Ban Thường vụ Huyện ủy
12	Nguyễn Chí Sử	Huyện ủy viên
13	Nguyễn Văn Đủ	Huyện ủy viên
14	La Ngọc Giang	Huyện ủy viên
15	Ma Thượng Sinh	Huyện ủy viên
16	Vũ Nguyên Chính	Huyện ủy viên
17	Đào Văn Lâm	Huyện ủy viên
18	Nguyễn Trí Thức	Huyện ủy viên
19	Đỗ Quý Vân	Huyện ủy viên
20	Lê Văn Định	Huyện ủy viên
21	Vương Văn Lâm	Huyện ủy viên
22	Giàng Chẩn Diu	Huyện ủy viên
23	Hoàng Thị Khương	Huyện ủy viên
24	Mông Thị Duyên	Huyện ủy viên
25	Hoàng Văn Dừa	Huyện ủy viên
26	Đoàn Xuân Đạt	Huyện ủy viên
27	Thào Thị Lan	Huyện ủy viên
28	Thào Thị Mai	Huyện ủy viên
29	Bùi Đức Rạng	Huyện ủy viên
30	Sùng Sèo	Huyện ủy viên
31	Hoàng Thị Thanh	Huyện ủy viên
32	Ly Xuân Trang	Huyện ủy viên
33	Phạm Bá Uyên	Huyện ủy viên

(9) Theo:

+ Quyết định 293-QĐ/TU ngày 14/11/2005 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai V/v chuẩn y BCH Đảng bộ huyện Mường Khương, nhiệm kỳ 2005-2010;

+ Quyết định 294-QĐ/TU ngày 14/11/2005 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai V/v chuẩn y BTV, Bí thư và Phó Bí thư Huyện ủy Mường Khương khóa XXI, nhiệm kỳ 2005-2010.

11. BCH Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015) bầu 37 uỷ viên BCH

(Theo Quyết định số 947-QĐ/TU ngày 06/8/2010 của Tỉnh uỷ Lào Cai)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Giàng Mạnh Nhà	Tỉnh ủy viên - Bí thư HU	đến tháng 6/2014
2	Nguyễn Chí Sử	Phó Bí thư Thường trực	
3	Hoàng Duy Dũng	Phó Bí thư - Chủ tịch	
4	Hà Thị Nga	Tỉnh uỷ viên - Bí thư HU	Từ tháng 10/2014
5	Lê Văn Đảm	Trưởng BTC HU	UV Ban TV
6	Nguyễn Văn Đủ	CN UBKT HU	UV Ban TV
7	Thào Thị Lan	Trưởng BDV HU	UV Ban TV
8	Đoàn Xuân Đạt	Trưởng BTG HU	UV Ban TVđến 2012
9	Phùng Khánh Toàn	Phó CT UBND huyện	UV Ban TV
10	Long Văn Hoàng	Chủ tịch UBMTTQ	UV BanTV đến 2012
11	Chu Thanh Lý	CH Trưởng BCHQS huyện	UV Ban TV

12	Đinh Xuân Thắng	Trưởng CA huyện	UV BanTV
13	Nguyễn Văn Bút	Bí thư Đảng ủy TT MK	UV Ban TV
14	Phạm Bá Uyên	Phó CT UBND	Huyện uỷ viên
15	Hoàng Trung Giang	Phó Chủ tịch UBND	Huyện uỷ viên
16	Đinh Trọng Khôi	Chánh Văn phòng HU	Huyện uỷ viên
17	Hoàng Thị Thanh	Phó Chủ nhiệm UBKT	Huyện uỷ viên
18	Thào Thị Mai	Phó Trưởng BTC HU	Huyện uỷ viên
19	Nguyễn Chí Thức	Trưởng Phòng VH TT	Huyện uỷ viên
20	Lồ Chẩn Ngán	Viện Trưởng Viện K sát	Huyện uỷ viên
21	Ng: Trung Thành	Trưởng Phòng Tài chính	Huyện uỷ viên
22	Pờ Chín Củi	Trưởng Phòng Y tế huyện	Huyện uỷ viên
23	Bùi Đức Rạng	GĐ C ty chè Thanh Bình	Huyện uỷ viên
24	Mông Thị Duyên	Hiệu Trưởng Trường học	Huyện uỷ viên
25	Hoàng Văn Dừa	Trưởng phòng Nội vụ	Huyện uỷ viên
26	Ng: Mạnh Thành	Trưởng P Nông nghiệp	Huyện uỷ viên
27	Giàng Thị Mai	PCT Hội LHPN huyện	Huyện uỷ viên

28	Đào Văn Lâm	Chánh Thanh tra huyện	Huyện uỷ viên
29	Nông Văn Minh	CT Hội Nông dân huyện	Huyện uỷ viên
30	La Ngọc Giang	CT MTTQVN huyện	Huyện uỷ viên
31	Ma Thượng Sinh	Trưởng phòng Dân tộc	Huyện uỷ viên
32	HoàngTrườngMinh	Bí thư huyện đoàn	Huyện uỷ viên
33	Giàng Chẩn Diu	Bí thư Đ. ủy xã Dìn Chin	Huyện uỷ viên
34	Đỗ Ngọc Đản	Bí thư Đ. ủy xã Lùng Vai	Huyện uỷ viên
35	Vương Tiến Sung	Bí thư xã Tung Chung Phố	Huyện uỷ viên
36	Giàng Chúng Dế	Bí thư xã La Pan Tẩn	Huyện uỷ viên
37	Đỗ Quý Vân	Bí thư xã Bản Xen	Huyện uỷ viên
38	Sùng Sèo	Bí thư xã Cao Sơn	Huyện uỷ viên

12. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2015 - 2020) bầu 37 uỷ viên BCH

(*Theo Quyết định số 1309-QĐ/TU ngày 06/8/2015 của Tỉnh uỷ Lào Cai)*

TT	Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hà Thị Nga	Bí thư Huyện ủy	
2	Nguyễn Chí Sử	P Phó Bí thư Thường trực HU	Đến th 11/2015

3	Hoàng Trung Giang	PPhó BT, Chủ tịch UBND huyện	Đến th 7/2015
4	Đặng Đình Chung	Phó B thư Thường trực	Từ th 01/2016
5	Phan Quốc Nghĩa	Phó BT, Chủ tịch UBND huyện	Từ th 8/2015
6	Lê Văn Đảm	UV BanTV - TB Tổ chức HU	
7	Đào Văn Lâm	UV Ban TV, Chủ nhiệm UBKT	
8	Phùng Khánh Toàn	UV Ban TV - Phó CT UBND	
9	Đoàn Xuân Đạt	UV Ban TV - T Ban TG HU	
10	Long Văn Hoàng	UV Ban TV - CT. UBMTTQ	
11	Thào Thị Lan	UV Ban TV - T Ban DV HU	
12	Nguyễn Văn Kỷ	UVBanTV,CH Trưởng BCHQS	
13	Trần Quốc Huy	UVBTV - Trưởng CA huyện	
14	Hoàng Văn Tuyên	UV Ban TV - Bí thư thị trấn	
15	Nguyễn Văn Đủ	Huyện uỷ viên	
16	Phạm Bá Uyên	Huyện uỷ viên	
17	Đinh Trọng Khôi	Huyện uỷ viên	
18	Thào Thị Mai	Huyện uỷ viên	
19	Lê Văn Điệp	Huyện uỷ viên	
20	Cao Thị Huê	Huyện uỷ viên	
21	Lồ Chẩn Ngán	Huyện uỷ viên	
22	Phạm Ngọc Toàn	Huyện uỷ viên	
23	Nguyễn Xuân Dậu	Huyện uỷ viên	
24	Nùng Thị Thu	Huyện uỷ viên	

25	Long Thị Thu Hà	Huyện uỷ viên	
26	Nguyễn Văn Vinh	Huyện uỷ viên	
27	Hoà. Trường Minh	Huyện uỷ viên	
28	Ng: Thị Minh Xuân	Huyện uỷ viên	
29	Ng: Trung Thành	Huyện uỷ viên	
30	Nông Văn Minh	Huyện uỷ viên	
31	Nguyễn Trí Thức	Huyện uỷ viên	
32	Nguyễn Thị Hà	Huyện uỷ viên	
33	Phạm Trung Kiên	Huyện uỷ viên	
34	Nguyễn Chí Dương	Huyện uỷ viên	
35	Giàng Chúng Dế	Huyện uỷ viên	
36	Châu Xuân Thắng	Huyện uỷ viên	
37	Đặng Đình Vi	Huyện uỷ viên	
38	Phạm Đăng Năm	Huyện uỷ viên	
39	Ng: Hoàng Chiến	Huyện uỷ viên	
40	Giang Trung Dũng	Huyện uỷ viên	
41	Bùi Thị Huấn	Huyện uỷ viên	
42	Lù Hủi Hương	Huyện uỷ viên	
43	Ng: Quốc Hương	Huyện uỷ viên	

13. Đại hội Đảng bộ huyện Mường Khương lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 bầu 37 uỷ viên BCH.

(Theo Quyết định số 1600-QĐ/TU ngày 09/7/2020 của Tỉnh uỷ Lào Cai)

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Giàng Quốc Hưng	UV Thường vụ, Bí thư Huyện ủy

2	Hoàng Văn Tuyên	UVTV, Phó Bí thư Thường trực
3	Phan Quốc Nghĩa	UVTV, Phó Bí thư - Chủ tịch UBND huyện
4	Thào Thị Lan	UV Ban Thường vụ
5	Đào Văn lâm	UV Ban Thường vụ
6	Nguyễn Thị Minh Xuân	UV Ban Thường vụ
7	Nguyễn Thị Hà	UV Ban Thường vụ
8	Nguyễn Hoàng Chiến	UV Ban Thường vụ
9	Hoàng Trường Minh	UV Ban Thường vụ
10	Trần Minh Hoạch	UV Ban Thường vụ
11	Vũ Khắc Đạt	UV Ban Thường vụ
12	Phạm Đăng Năm	UV Ban Thường vụ
13	Lê Ngọc Dương	Chủ tịch UBND huyện (Sau Đại hội)
14	Nguyên Trọng Huân	Chủ tịch UBND huyện (Sau Đại hội)
15	Hoàng Seo Vần	Bí thư Huyện ủy (Sau Đại hội)
16	Hoàng Văn Quang	Phó Bí thư Thường trực (Sau Đại hội)
17	Nguyễn Thị Hà	Huyện uỷ viên
18	Nguyễn Xuân Dậu	Huyện uỷ viên
19	Lê Văn Song Điệp	Huyện uỷ viên
20	Bùi Thị Huấn	Huyện uỷ viên
21	Long Thị Thu hà	Huyện uỷ viên
22	Đinh Trọng Khôi	Huyện uỷ viên
23	Nguyễn hoàng Chiến	Huyện uỷ viên

24	Hoàng Trường Minh	Huyện uỷ viên
25	Giang Trung Dũng	Huyện uỷ viên
26	Nguyễn Hồng Hưng	Huyện uỷ viên
27	Lê Thanh Hoa	Huyện uỷ viên
28	Nguyễn Văn Vinh	Huyện uỷ viên
29	Nông Văn Minh	Huyện uỷ viên
30	Lồ Chẩn Ngán	Huyện uỷ viên
31	Châu Xuân Thắng	Huyện uỷ viên
32	Đặng Minh Vi	Huyện uỷ viên
33	Nùng Thị Thu	Huyện uỷ viên
34	Lù Hủi Hương	Huyện uỷ viên
35	Nguyễn Đình Thức	Huyện uỷ viên
36	Phạm Hồng Diên	Huyện uỷ viên
37	Dương Hồng Trung	Huyện uỷ viên
38	Vương Văn Dẩu	Huyện uỷ viên
39	Lê Đức Hạnh	Huyện uỷ viên
40	Hoàng Văn Thuỷ	Huyện uỷ viên
41	Ma Chiến Phúc	Huyện uỷ viên
42	Cao Xuân Phả	Huyện uỷ viên
43	Tráng minh Hoa	Huyện uỷ viên

III. ẢNH CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ CÁC NHIỆM KỲ

XI - KHÓA XXII NĂM 2010 -2015

Đ/c **GIÀNG MẠNH NHÀ**
Bí thư Huyện ủy

Đ/c HÀ THỊ NGA
Bí thư Huyện ủy
(Từ ngày 10/6/2014)

Đ/c NGUYỄN CHÍ SỬ
Phó Bí thư Thường trực
Huyện ủy

Đ/c **HOÀNG DUY DŨNG**
Phó Bí thư Huyện ủy
Chủ tịch UBND huyện

XII - Khóa XXIII - Năm 2015 - 2020

Đ/c HÀ THỊ NGA
Bí thư Huyện ủy
(10/6/2014)

Đ/c NGUYỄN CHÍ SỬ
Bí thư Huyện ủy
(Đến tháng 11/2015)

Đ/c ĐẶNG ĐÌNH CHUNG
Phó Bí thư TT
(Từ tháng 01/2016)

Đ/c HOÀNG TRUNG GIANG
Phó BT, Chủ tịch UBND
(Đến tháng 7/2015)

Đ/c PHAN QUỐC NGHĨA
Phó BT, Chủ tịch UBND
(Từ tháng 8/2015)

XIII- Khóa XXIV - Năm 2020 - 2025

Đ/c GIÀNG QUỐC HƯNG
Bí thư Huyện ủy
(Từ tháng 01/2020 - tháng 7/2024)

Đ/c GIÀNG SEO VẦN
Bí thư Huyện ủy
(Từ tháng 8/2024)

Đ/c HOÀNG VĂN TUYÊN
Phó Bí thư Thường trực
(Từ tháng 7/2020- 10/2023)

Đ/c HOÀNG VĂN QUANG
Phó Bí thư Thường Trực
(Từ tháng 3/2024- 30/6/2025)

Đ/c NGUYỄN TRỌNG HUÂN
Phó Bí thư, Chủ tịch UBND huyện
(Từ tháng 12/2023)

IV. CÁC CỘT MỐC TRÊN TUYẾN BIÊN GIỚI THUỘC ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG (64 cột mốc)

- Mốc 107 (1) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 16/10/2004.

- Mốc 107 (2) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 16/10/2004.

- Mốc 108(1) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 19/10/2004.

- Mốc 108 (2) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 18/10/2004.

- Mốc 109(1) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 5/11/2004.

- Mốc 109 (2) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 8/11/2004.

- Mốc 110(1) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Trung Quốc, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 17/10/2004.

- Mốc 110(2) là mốc đôi cùng số loại trung, đặt trên bờ sông Bá Kết phía Việt Nam, thuộc địa bàn xã Bản Lầu, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 17/10/2004.

- Mốc 111(1) là mốc ba cùng số loại trung, đặt trên bờ suối phía Trung Quốc nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên thuộc địa phận xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 24/4/2005.

- Mốc 111(2) là mốc ba cùng số loại trung, đặt trên bờ suối phía Việt Nam nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên thuộc địa phận xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/4/2005.

- Mốc 111(2) là mốc ba cùng số loại trung, đặt trên bờ suối phía Việt Nam nơi giao nhau của sông Bá Kết và suối không tên thuộc địa phận xã Bản Lầu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/4/2005.

- Mốc 112 là mốc đơn loại trung đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Lùng Vai, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 19/11/2003.

- Mốc 113 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên sườn núi thuộc địa bàn xã Lùng Vai, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 18/11/2003.

- Mốc 114 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Lùng Vai, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương cắm ngày 7/11/2003.

- Mốc 115 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Lùng Vai, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương cắm ngày 7/1/2003.

- Mốc 116 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đỉnh núi thuộc địa bàn xã Lùng Vai, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 16/1/2003.

- Mốc 117 là mốc đơn loại trung, đặt trên dốc núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 8/1/2003.

- Mốc 118 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 13/5/2007.

- Mốc 119 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 11/5/2007.

- Mốc 120 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 18/4/2004.

- Mốc 121 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 12/5/2007.

- Mốc 122 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 15/5/2007.

- Mốc 123 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 13/5/2007.

- Mốc 124 là mốc đơn loại trung, đặt trên sống núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 22/5/2007.

- Mốc 125 là mốc đơn loại trung, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 9/5/2004.

- Mốc 126 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 8/5/2004.

- Mốc 127 là mốc đơn loại nhỏ, đặt tại khe núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 18/5/2007.

- Mốc 128 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 17/5/2004.

- Mốc 129 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 24/6/2004.

- Mốc 130 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 22/6/2004.

- Mốc 131 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 26/6/2004.

- Mốc 132 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 28/6/2004.

- Mốc 133 là mốc đơn loại trung, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 3/7/2004.

- Mốc 134 là mốc đơn loại trung, đặt trên đỉnh núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 10/11/2005.

- Mốc 135 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đỉnh núi thuộc địa bàn xã Nậm Chảy, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 10/11/2005.

- Mốc 136 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 12/11/2005.

- Mốc 137 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 29/10/2005.

- Mốc 137/1 là mốc đơn phụ loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 19/7/2007.

- Mốc 138 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 23/10/2005.

- Mốc 139 là mốc đơn loại trung, đặt trên đỉnh núi thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 23/10/2005.

- Mốc 140 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/10/2005.

- Mốc 141 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên yên ngựa thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/10/2005.

- Mốc 142 là mốc đơn loại trung, đặt trên đỉnh núi thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 27/10/2005.

- Mốc 143 là mốc đơn loại nhỏ, đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa bàn Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 27/10/2005.

- Mốc 144 là mốc đơn loại trung đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước, phía Tây đường cái từ Mường Khương đi Trung Quốc thuộc địa phận Thị trấn Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 27/12/2007.

- Mốc 145 là mốc đơn loại trung đặt trên đỉnh núi nhỏ, phía Đông đường cái từ Mường Khương đi Trung Quốc thuộc địa phận Thị trấn Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 11/3/2007.

- Mốc 146 là mốc đơn loại trung đặt trên sống núi thuộc địa phận xã Tung Chung Phố, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 29/2/2007.

- Mốc 146/1 là mốc đơn phụ loại trung đặt trên sống núi thuộc địa phận xã Tung Chung Phố, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 19/6/2005.

- Mốc 146/2 là mốc đơn phụ loại trung đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa phận xã Tung Chung Phố, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 9/6/2005.

- Mốc 147 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Tung Chung Phố, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 9/6/2005.

- Mốc 148 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 13/6/2005.

- Mốc 149 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đỉnh núi thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 14/6/2005

- Mốc 150 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đỉnh núi thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 16/12/2005.

- Mốc 151 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 12/12/2005.

- Mốc 152 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đỉnh núi thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 11/12/2005.

- Mốc 153 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 16/12/2005.

- Mốc 154 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 1/11/2006.

- Mốc 155 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 18/12/2005.

- Mốc 156 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 21/12/2005.

- Mốc 157 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên đường phân thủy giữa 2 nước thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 2/11/2006.

- Mốc 158 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Tả Ngải Chồ, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 3/11/2006.

- Mốc 159 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 29/3/2007.

- Mốc 160 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 29/3/2006.

- Mốc 161 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 28/3/2006.

- Mốc 162 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 27/3/2006 .

- Mốc 163 là mốc đơn loại trung đặt trên sống núi, phía Tây đường cái thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 24/3/2007.

- Mốc 164 là mốc đơn loại trung đặt trên đỉnh núi thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 2/4/2006.

- Mốc 165 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên sống núi thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 6/12/2006.

- Mốc 165/1 là mốc đơn phụ loại nhỏ đặt trên sống núi thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 21/7/2007.

- Mốc 166 là mốc đơn loại trung đặt trên yên ngựa thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 31/3/2006.

- Mốc 167 là mốc đơn loại nhỏ đặt trên sống thuộc địa phận xã Pha Long, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 20/4/2006.

- Mốc 168(1) là mốc đôi cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc thuộc địa bàn xã Dìn Chin, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/4/2006.

- Mốc 168(2) là mốc đôi cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam thuộc địa bàn xã Dìn Chin, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 25/4/2006.

- Mốc 169(1) là mốc đôi cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Trung Quốc thuộc địa bàn xã Tả Gia Khâu, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 11/7/2005.

- Mốc 169(2) là mốc đôi cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ Sông Xanh (Ge Suo He) phía Việt Nam thuộc địa bàn xã Tả Gia Khâu, Mường Khương, Lào Cai. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 11/7/2005.

- Mốc 170(1) là mốc ba cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ sông phía Trung Quốc nơi giao nhau của sông Xanh và sông Chảy thuộc địa phận xã Tả Gia Khâu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 6/7/2005.

- Mốc 170 (2) là mốc ba cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ sông phía Việt Nam nơi giao nhau của sông Xanh và sông Chảy thuộc địa phận xã Tả Gia Khâu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 29/12/2005.

- Mốc 170 (3) là mốc ba cùng số loại nhỏ, đặt trên bờ sông phía Việt Nam nơi giao nhau của sông Xanh và sông Chảy thuộc địa phận xã Tả Gia Khâu, Mường Khương. Mốc được làm bằng đá hoa cương, cắm ngày 6/7/2005.

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU

Chương I

MƯỜNG KHƯƠNG -VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG

I. Điều kiện tự nhiên và xã hội

II. Truyền thống văn hoá, đoàn kết đấu tranh chống giặc ngoại xâm

III. Chính sách cai trị của thực dân Pháp và sự phân hóa xã hội

IV. Nhân dân Mường Khương - Những năm đầu đến với cách mạng

V. Nhân dân Mường Khương tham gia kháng chiến (1947-1950)

Chương II: BAN CÁN SỰ ĐẢNG MƯỜNG KHƯƠNG RA ĐỜI LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC TIỄU PHỈ, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1950-1965)

I. Bối cảnh thành lập tổ chức tiền thân Đảng bộ Mường Khương

II. Ban Cán sự Đảng lãnh đạo công cuộc tiễu phỉ (1950 - 1955)

III. Lãnh đạo ổn định đời sống Nhân dân (1950 - 1955)

IV. Lãnh đạo khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội (1955 - 1960)

V. Đảng bộ Mường Khương thành lập lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội (1960 - 1965)

Chương III: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CHI VIỆN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1965 - 1975)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Lãnh đạo củng cố, xây dựng hợp tác xã

III. Lãnh đạo phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp

IV. Lãnh đạo phát triển công nghiệp, thủ công ngiệp, xây dựng cơ bản

V. Lãnh đạo sự nghiệp văn hoá - xã hôi, xây dựng con người mới XHCN

VI. Lãnh đạo đảm bảo an ninh biên giới và trật tự an toàn nội địa

VII. Lãnh đạo củng cố hệ thống chính trị

Chương IV: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC GIAI ĐOẠN (1975 -1985)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIII

III. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV, XV

Chương V: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-2000)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, XVII

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII

IV. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX

Chương VI: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN (2000-2010)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX

III.Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI

Chương VII: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2010-2015)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII

III.Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII

Chương VIII: ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNHTHỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TÊ - XOÁ ĐÓI GIẢM NGHÈO (2015-2020)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII

III.Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII

Chương IX: ĐẢNG BỘ MƯỜNG KHƯƠNG LÃNH ĐẠO BỨT PHÁ TRÊN CÁC LĨNH VỰC (2020-2025)

I. Bối cảnh và nhiệm vụ mới

II. Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV

III.Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV

KẾTLUẬN

PHỤ LỤC

I. Lịch sử Mường Khương - Những sự kiện đáng nhơ

II. Danh sách BCH Đảng bộ huyện Mường Khương các nhiệm kỳ

III. Ảnh các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư cấp uỷ các thời kỳ

IV. Các cột mốc trên biên giới thuộc địa bàn huyện Mường Khương